

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ**

**TÊN ĐỀ TÀI**  
**CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ**  
**MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201*

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2018*

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**

**TS. NGUYỄN THỊ HẠNH**

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

**ĐỀ TÀI**  
**CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN**  
**BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN**

*Tổ chức chủ trì:* **ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

*Chủ nhiệm đề tài:* **TS. NGUYỄN THỊ HẠNH, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp**

*Thư ký đề tài:* **NCS. NGUYỄN QUỲNH LIÊN, Trưởng phòng, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp**

**Hà Nội - 2017**

## **DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI**

### **A. Ban Chủ nhiệm đề tài**

1. Tiến sỹ Nguyễn Thị Hạnh, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Chủ nhiệm đề tài.
2. Nghiên cứu sinh Nguyễn Quỳnh Liên, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Thư ký đề tài.

### **B. Cộng tác viên chính của đề tài**

1. GS.TS Thái Vĩnh Thắng, Đại học Luật Hà Nội
2. PGS.TS Vũ Công Giao, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
3. PGS.TS. Trần Thị Hiền, Đại học Luật Hà Nội
4. TS. Dương Thị Thanh Mai, Viện Khoa học Pháp lý
5. TS. Chu Mạnh Hùng, Đại học Luật Hà Nội
6. TS. Nguyễn Thị Kim Ngân, Đại học Luật Hà Nội
7. TS. Lê Đình Nghị, Đại học Luật Hà Nội
8. TS. Nguyễn Thị Thu Vân, Đại học Hòa Bình

### **C. Cộng tác viên tham gia biên tập, chỉnh lý Đề tài**

1. TS. Nguyễn Thị Kim Thoa, Bộ Tư pháp
2. TS. Mai Thị Kim Huế, Bộ Tư pháp
3. NCS. Dương Thị Bình, Bộ Tư pháp
4. ThS. Dương Thị Ngọc Chiến, Bộ Tư pháp
5. ThS. Chu Thị Thái Hà, Bộ Tư pháp
6. ThS. Đỗ Thị Huệ, Bộ Tư pháp
7. ThS. Hoàng Thanh Thảo, Bộ Tư pháp
8. ThS. Phạm Thị Hậu, Bộ Tư pháp
9. ThS. Vũ Thị Hiền, Bộ Tư pháp
10. ThS. Hoàng Việt Anh, Bộ Tư pháp

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. Sự cần thiết, tính cấp bách của Đề tài .....	1
II. Mục tiêu của Đề tài.....	5
III. Tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài.....	6
1. Các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước.....	6
2. Các công trình nghiên cứu, tài liệu nước ngoài .....	7
IV. Phương pháp nghiên cứu.....	10
V. Các hoạt động chính của Đề tài.....	11
1. Hoạt động viết chuyên đề .....	11
2. Hoàn thiện báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài.....	12
PHẦN I .....	13
BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI.....	13
CHƯƠNG I.....	14
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN.....	14
I. Khái quát về quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	14
1. Lịch sử hình thành quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	14
2. Khái niệm quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	19
3. Tầm quan trọng của quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	29
4. Đặc điểm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	32
5. Nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	34
6. Mối quan hệ giữa quyền bí mật dữ liệu cá nhân và các quyền khác .....	37
II. Lý luận về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân	39
1. Khái niệm cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	39
2. Đặc điểm cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	41
3. Nội dung cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân	45
3.1. Thể chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	45

3.2. Thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	47
3.3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân	49
III. Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	49
1. Tổng quan pháp luật trên thế giới .....	49
2. Pháp luật của một số quốc gia.....	53
2.1. Pháp luật Cộng hòa Pháp .....	53
2.2. Pháp luật Singapore .....	55
2.3. Pháp luật Thái Lan .....	59
2.4. Pháp luật Indonesia .....	63
2.5. Pháp luật một số quốc gia khác.....	66
3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	68
3.1. Những yêu cầu đặt ra trong việc thực hiện pháp luật quốc tế ....	68
3.2. Một số bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tiếp thu .....	69
CHƯƠNG II.....	73
THỰC TRẠNG CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM .....	73
I. Thực trạng thể chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân... 73	
1. Thực trạng pháp luật thực định về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	73
1.1. Khái niệm thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân .....	74
1.2. Khái niệm và nội hàm quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	75
1.3. Chủ thể có quyền được bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.....	79
1.4. Nghĩa vụ của chủ thể liên quan đến thông tin/dữ liệu cá nhân... 80	
1.5. Các hình thức, phương thức bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân .. 81	
1.6. Quy trình bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân.....	86
2. Thực trạng pháp luật thực định về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực .....	87
2.1. Lĩnh vực y tế .....	87
2.2. Lĩnh vực giáo dục .....	92
2.3. Lĩnh vực tài chính .....	93

2.4. Lĩnh vực truyền thông, báo chí .....	96
2.5. Lĩnh vực Internet và môi trường số .....	99
3. Thực trạng vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực, hoạt động điển hình .....	107
3.1. Vi phạm trong hoạt động của các doanh nghiệp.....	107
3.2. Vi phạm trong các giao dịch thương mại.....	109
3.3. Vi phạm trong lĩnh vực báo chí, truyền thông.....	109
3.4. Vi phạm bí mật dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số.....	112
3.5. Vi phạm quyền riêng tư của trẻ em.....	113
4. Mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia về quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	115
II. Thực trạng thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	117
1. Cơ quan lập pháp .....	118
2. Cơ quan hành pháp, hành chính.....	118
3. Cơ quan tư pháp .....	123
III. Thực trạng điều kiện bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam.....	124
1. Các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội trong việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	124
2. Kết quả khảo sát thực trạng bảo vệ dữ liệu cá nhân .....	127
IV. Nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập, hạn chế từ thực trạng bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	132
<b>CHƯƠNG III .....</b>	<b>136</b>
<b>KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN.....</b>	<b>136</b>
I. Bối cảnh, yêu cầu hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	136
1. Vấn đề bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 .....	136
2. Yêu cầu hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam.....	148

II. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	150
1. Hoàn thiện thể chế về bảo vệ dữ liệu cá nhân .....	150
1.1. Định hướng cho việc hoàn thiện thể chế về bảo vệ dữ liệu cá nhân .....	150
1.2. Xây dựng một đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân .....	152
1.3. Hoàn thiện pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu cá nhân .....	160
2. Xây dựng thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	162
2.1. Định hướng cho việc hoàn thiện thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	162
2.2. Mô hình thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	163
3. Các biện pháp bảo đảm khác .....	164
3.1. Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.....	164
3.2. Bảo đảm môi trường chính trị - pháp lý, kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	166
3.3. Nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức, cơ quan về quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	166
KẾT LUẬN.....	169
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	171
I. Tài liệu Tiếng Việt .....	171
II. Tài liệu Tiếng Anh.....	172
III. Tài liệu Website.....	173
CÁC BÀI VIẾT ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ.....	175
BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ LUẬT HỌC SỐ 8/2017 .....	175
PHẦN 2.....	196
BÁO CÁO NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CHUYÊN MÔN.....	196
Chuyên đề 1 .....	199
Lý luận về quyền bí mật dữ liệu cá nhân .....	199
Chuyên đề 2 .....	208

Lý luận về chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	208
Chuyên đề 3 .....	226
Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân .....	226
Chuyên đề 4 .....	247
Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực y tế, tài chính.....	247
Chuyên đề 5 .....	261
Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục .....	261
Chuyên đề 6 .....	278
Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số, truyền thông, báo chí .....	278
Chuyên đề 7 .....	324
Rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; nghiên cứu pháp luật một số nước Châu Âu, Châu Á về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và yêu cầu đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.....	324
Chuyên đề 8 .....	331
Bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam .....	331
Chuyên đề 9 .....	343
Nghiên cứu pháp luật của một số nước khu vực Đông Nam Á về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và một số kinh nghiệm cho Việt Nam.....	344
Chuyên đề 10 .....	365
Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân	365
Chuyên đề 11 .....	377
Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.....	377
PHẦN 4.....	390
KHẢO SÁT THỰC TIỄN VỀ VIỆC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN .	390



## PHẦN MỞ ĐẦU

### I. Sự cần thiết, tính cấp bách của Đề tài

Quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là những quyền quan trọng giúp con người giữ được sự tự chủ và bản ngã của họ, qua đó bảo vệ được sự tự do, nhất là sự tự do khi đưa ra những quyết định riêng về những vấn đề của bản thân, tránh rơi vào tình trạng bị bàn tán, phán xét, bôi nhọ hay bị kiểm soát bởi người khác. Quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có nhiều khía cạnh trùng lặp và trong nhiều trường hợp được dẫn chiếu như cách gọi khác nhau của một quyền nhưng thực chất giữa hai quyền này vẫn tồn tại những điểm khác biệt nhất định. Trong thực tế, quyền bí mật dữ liệu cá nhân được coi như một cơ chế bảo vệ quyền riêng tư thông qua việc quản lý và xử lý các dữ liệu mà dữ liệu đó là dữ liệu nhận diện hoặc có thể nhận diện đối với một cá nhân.<sup>1</sup> Pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của nhiều quốc gia đã ghi nhận quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền cơ bản của con người.

Ngày nay, thế giới đã và đang đứng trước những biến đổi lớn và cơ bản trên nhiều phương diện; đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình chia sẻ thông tin như internet, mạng xã hội (Facebook, Twitter, Youtube, Google, Gmail, LinkedIn, Pinterest, Flipboard, Viber, Zalo, Zing Me...) và các ứng dụng toàn cầu. Trong quá trình sử dụng các thiết bị kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ, các cá nhân có thể vô tình để lộ thông tin/dữ liệu cá nhân, nên trong nhiều trường hợp thông tin/dữ liệu cá nhân bị lợi dụng, trục lợi. Bên cạnh đó, có tình trạng nhiều cá nhân trong xã hội chưa thực sự quan tâm và chưa ý thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ các thông tin cá nhân, họ không chỉ dễ dãi trong việc chia sẻ các thông tin và vấn đề về cá nhân của mình mà còn có thể dễ dàng chia sẻ các thông tin và vấn đề riêng của người khác mà họ biết được một cách hợp pháp hay không hợp pháp.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với việc thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin/dữ liệu cá nhân ngày càng cao nhưng việc quản lý, bảo mật thông tin cá nhân lại chưa chặt chẽ nên đã tạo cơ hội cho việc lợi dụng để kinh doanh, trục lợi. Thực tế hiện nay có tình trạng vi phạm nghiêm trọng quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, điển hình như việc vi phạm quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của trẻ em trong môi trường giáo dục; vi phạm của giới báo chí, truyền thông trong việc để lộ các thông tin cá nhân, bí mật đời tư; tình trạng mua bán các thông tin của

---

<sup>1</sup>Chính vì vậy, trong khuôn khổ đề tài này các thuật ngữ "quyền riêng tư", "quyền bí mật dữ liệu cá nhân" chỉ được phân định mang tính tương đối và nhiều khi được sử dụng hoán đổi như những thuật ngữ có cùng ý nghĩa.

khách hàng giữa các doanh nghiệp mà không được sự đồng ý của cá nhân; việc sử dụng, xử lý các thông tin cá nhân không đúng mục đích thu thập ban đầu...

Việt Nam hiện đang nỗ lực thực hiện tin học hóa thông qua xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính qua mạng điện tử, thực hiện khai thuế, đăng ký các hoạt động qua mạng... nên nhu cầu thu thập, xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân, sử dụng dữ liệu dùng chung ngày càng nhiều, đòi hỏi Nhà nước phải có biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của công dân an toàn hơn.

Nguy cơ về mất an toàn thông tin, nguy cơ thông tin thuộc bí mật dữ liệu cá nhân bị sử dụng vào mục đích thương mại hoặc những mục đích khác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân ngày càng lớn đã đặt vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Bên cạnh việc bảo vệ về mặt pháp luật thì cũng cần có các biện pháp bảo đảm khác nhằm bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Năm 2016, Luật tiếp cận thông tin được Quốc hội nước ta ban hành mới đây đã tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng cho việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Theo quy định của Luật này, công dân được tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra. Phạm vi thông tin công dân có thể tiếp cận bao gồm cả những thông tin về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình với điều kiện được cá nhân, thành viên gia đình có liên quan đến thông tin đó đồng ý hoặc trong trường hợp vì lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng. Dưới góc độ bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật tiếp cận thông tin mới chỉ dừng lại ở quy định điều kiện tiếp cận các thông tin mà chưa có cơ chế nhằm kiểm soát việc sử dụng các thông tin về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Thực tiễn các quốc gia đã ban hành và thực hiện Luật tiếp cận thông tin/Luật tự do thông tin cho thấy song song với cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cũng cần thực hiện cơ chế bảo vệ các thông tin cá nhân. Xu hướng nhiều nước sau khi ban hành Luật tiếp cận thông tin trong đó có quy định về tiếp cận thông tin cá nhân/dữ liệu cá nhân sau đó tiếp tục ban hành đạo luật riêng về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân với mục đích bảo vệ tốt hơn các dữ liệu cá nhân trong điều kiện tin học hóa và môi trường số ngày càng phát triển và ngày càng có nhiều rủi ro trong việc thu thập, xử lý các thông tin/dữ liệu cá nhân dẫn đến các thông tin này bị sử dụng sai mục đích thu thập ban đầu và bị lộ, lọt ngày càng nhiều hơn.

Nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy, bảo vệ bí mật đời sống riêng tư và bí mật cá nhân đã được ghi nhận từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 và 2013. Việc bảo vệ bí mật đời sống riêng tư và bí mật thông tin của cá nhân đã được Nhà nước công nhận và bảo vệ thông qua quy định về bảo đảm an toàn và bí mật đối với

thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Nội hàm của quyền bảo vệ bí mật đời tư, bí mật cá nhân đã dần dần được pháp luật bổ sung, hoàn thiện trong nhiều năm qua. Hiến pháp năm 2013 (Điều 21 và Điều 22) đã mở rộng một cách toàn diện phạm vi quy định quyền được bảo vệ bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Mặc dù Hiến pháp ghi nhận và bảo hộ quyền bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh nhưng để các quy định này của Hiến pháp thực sự đi vào cuộc sống, rất cần thiết phải có các quy định pháp luật cụ thể hóa các quy định, chính sách và tinh thần của Hiến pháp. Qua rà soát hệ thống pháp luật cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật ở Việt Nam cho thấy pháp luật Việt Nam hiện hành còn nhiều bất cập và chưa có cơ chế bảo đảm bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nói chung và *cơ chế bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng*.

Liên quan đến cơ chế bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân, pháp luật chưa có văn bản nào quy định khái niệm về dữ liệu cá nhân, xác định nội dung và phạm vi của quyền bí mật dữ liệu cá nhân; các nguyên tắc, trách nhiệm và trình tự, thủ tục trong việc thu thập, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân; chưa có thiết chế độc lập để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, các điều kiện về môi trường pháp lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và các yếu tố khác chưa thuận lợi cho việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân.

*Nghiên cứu pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia trên thế giới* cho thấy, đến nay đã có nhiều tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia ban hành đạo luật và các văn bản liên quan đến quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Ví dụ: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) ban hành Guidelines on the Protection of Privacy and Transborder Data Flows of Personal Data; Liên minh châu Âu ban hành Hiệp ước Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân châu Âu; APEC ban hành Những nguyên tắc cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thương mại điện tử của APEC (APEC Privacy Framework). Để cụ thể Hiến chương về các quyền cơ bản, châu Âu có Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, châu Âu cũng yêu cầu các nước thành viên đều phải có một đạo luật riêng về vấn đề này. Một số nước ở khu vực châu Á cũng đã ban hành luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Theo pháp luật Liên minh châu Âu, dữ liệu cá nhân được hiểu là bất kỳ thông tin nào mà có thể được sử dụng để xác định một cá nhân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.<sup>2</sup> Còn theo hướng dẫn của OECD, dữ liệu cá nhân là bất kỳ thông tin liên quan đến một cá nhân xác định hoặc có thể xác định; cá nhân đó

---

<sup>2</sup>European Commission,  
[http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002\\_-\\_protection\\_of\\_personnal\\_data\\_a4\\_en.pdf](http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002_-_protection_of_personnal_data_a4_en.pdf)

được gọi là chủ thể của dữ liệu.<sup>3</sup> Pháp luật các nước ngày càng quan tâm bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân (là quyền phái sinh của quyền riêng tư), đặc biệt trong bối cảnh bùng nổ thông tin, công nghệ số và thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Theo tổng kết mới đây thì trên thế giới đã có hơn 80 quốc gia ban hành luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.<sup>4</sup> Pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia đề cập đến bảo vệ dữ liệu cá nhân đều nhấn mạnh đến các vấn đề sau đây: công nhận quyền về bí mật dữ liệu cá nhân của tất cả mọi người, xử lý dữ liệu cá nhân cần minh bạch; quy định về xử lý dữ liệu cá nhân; quy định các biện pháp chế tài hành chính, hình sự trong trường hợp không tuân thủ các nguyên tắc của luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; thiết lập cơ quan kiểm tra độc lập cấp quốc gia để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

*Nghiên cứu so sánh, đối chiếu quy định của pháp luật Việt Nam với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia* có liên quan đến chế định bảo vệ bí mật cá nhân cho thấy chưa có sự tương thích giữa hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền của công dân, của con người đối với thông tin cá nhân. Với tư cách quốc gia thành viên, Nhà nước Việt Nam có nghĩa vụ chuyển hóa các chế định về bảo vệ bí mật cá nhân trong các văn kiện pháp lý quốc tế mà Việt Nam đã tham gia vào pháp luật quốc gia và đề ra những biện pháp bảo đảm thực hiện quyền này.

Do vậy, để bảo vệ dữ liệu cá nhân thì cần có cơ chế bảo đảm bao gồm các vấn đề về thể chế, thiết chế và các biện pháp bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân, trong đó, thể chế đóng vai trò quan trọng, bởi thể chế là hệ thống các phương tiện, biện pháp, cách thức pháp lý, thông qua đó, pháp luật thực hiện sự tác động lên hành vi có ý chí của các chủ thể pháp luật. Pháp luật cần phải bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, các thiết chế và các phương thức, trình tự, thủ tục bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân cần được nghiên cứu để bảo đảm phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với những đòi hỏi cả về mặt lý luận và thực tiễn như đã nêu trên, nhằm tạo cơ chế hữu hiệu thực hiện quyền tiếp cận thông tin đồng thời bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, bảo vệ các quyền bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân đã được quy định tại Điều 21 và Điều 22 Hiến pháp năm 2013 thì việc nghiên cứu đề tài “**Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**” là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

---

<sup>3</sup><http://www.oecd.org/sti/ieconomy/oecdguidelinesontheProtectionofPrivacyandTransborderFlowsOfPersonalData.htm>

<sup>4</sup>Như Australia, Canada, France, Germany, Israel, Italia, Japan, Korea, Netherlands, Portugal, Spain, Sweden, United Kingdom, Poland... Số liệu dẫn theo báo cáo của Bà Sophie Vulliet-Tarvenier tại cuộc Tọa đàm “*Kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp trong việc xây dựng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân*” tổ chức tại Bộ Tư pháp ngày 25.4.2016.

## II. Mục tiêu của Đề tài

Nghiên cứu cơ sở *lý luận và khoa học* của cơ chế bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong thời đại thông tin và tri thức, trong bối cảnh thực thi quyền tiếp cận thông tin sâu rộng; rà soát, đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo vệ quyền này; đánh giá thực tiễn thực thi cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam để chỉ ra những ưu điểm, nhận dạng những bất cập, hạn chế, đồng thời lý giải các nguyên nhân của các bất cập, hạn chế đó. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, tạo cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân; đề xuất các giải pháp thúc đẩy thực thi pháp luật về bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, tôn trọng quyền riêng tư của cá nhân, từ đó tạo cơ chế hữu hiệu thực hiện quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân đã được quy định tại Điều 21 và Điều 22 Hiến pháp năm 2013.

Ngoài mục tiêu tạo cơ sở lý luận và khoa học cho việc đề xuất xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, hoàn thiện pháp luật hình sự và các đạo luật liên quan về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, đầy đủ của hệ thống pháp luật thì Đề tài còn đề xuất, kiến nghị các định hướng chính sách/nội dung cơ bản của dự án Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Để phục vụ cho các mục tiêu nói trên, các vấn đề trọng tâm mà Đề tài tập trung làm rõ là:

1. Tầm quan trọng, nguồn gốc và sự phát triển của quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân?
2. Các phương thức, biện pháp bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân?
3. Các yếu tố cơ bản nào cần có của một cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân?
4. Những vấn đề bất cập hiện tại trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam hiện nay?
5. Những thách thức nào đối với việc thiết lập cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam?
6. Những quy định, chính sách cơ bản nào Việt Nam cần phải ban hành và thực hiện để bảo vệ dữ liệu cá nhân?
7. Các biện pháp khác cần thực hiện để hỗ trợ và tăng cường hiệu quả của các chính sách pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân là gì?

### III. Tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

#### 1. Các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước

Bảo vệ bí mật đời tư, bí mật cá nhân không phải là vấn đề mới trong hệ thống pháp luật và thực tiễn đời sống xã hội Việt Nam. Việc bảo vệ bí mật đời tư và bí mật thông tin của cá nhân đã được Nhà nước Việt Nam công nhận và bảo vệ thông qua quy định về bảo đảm an toàn và bí mật đối với thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong các bản Hiến pháp. Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp, các đạo luật như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các đạo luật chuyên ngành khác đã có nhiều quy định cụ thể nhằm bảo vệ quyền bí mật đối với thông tin cá nhân của công dân. Trên nền tảng của các quy định pháp luật đó, một số công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam đã đề cập đến một vài khía cạnh liên quan đến quyền bí mật đời tư và bí mật dữ liệu cá nhân.

*Về các đề tài nghiên cứu khoa học, có thể kể đến Đề tài nghiên cứu của Bộ Công Thương về “Những nguyên tắc cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thương mại điện tử” (2007).* Đề tài này đi sâu vào các nguyên tắc cơ bản của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một lĩnh vực rất nóng trong những năm gần đây là thương mại điện tử. Tuy nhiên, do Đề tài mới tập trung vào các nguyên tắc của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên một lĩnh vực nên không đề cập một cách khái quát về nguyên tắc, cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung.

*Về các luận văn, luận án: công trình nổi bật nhất có thể kể đến là Luận án Tiến sỹ Luật học của tác giả Lê Đình Nghị (2007) về “Quyền bí mật đời tư theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam”.* Công trình này mới chỉ đi sâu nghiên cứu về quyền bí mật đời tư trong luật dân sự - một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Công trình khác có thể kể đến như Luận văn Thạc sỹ Luật học của tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang (2014) với đề tài “Quyền được bảo vệ đời tư trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”. Luận văn này nghiên cứu những vấn đề xung quanh quyền được bảo vệ đời tư dưới góc độ luật nhân quyền được quy định trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Hay như Luận văn Thạc sỹ Kinh tế của Nguyễn Việt Hà (2016) về “Pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử” chủ yếu đi sâu nghiên cứu, đánh giá tính phù hợp, thống nhất của pháp luật về vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong lĩnh vực thương mại điện tử.

*Về các bài viết tạp chí: có thể kể đến các bài viết như: “Bí mật đời tư bất khả xâm phạm” của Phùng Trung Tập (1996), Tạp chí luật học, số 6/1996; “Xung quanh một vụ kiện về xâm phạm bí mật đời tư” của Lê Đình Nghị (2007), Tạp chí Nghề Luật, số 6/2007; “Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giao dịch thương mại điện tử - Giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam” của Lê Minh Toàn và Phạm Thị Minh Lan (2012), Tạp chí Thông tin*

KHCN và Kinh tế Bưu điện, số 6, tháng 1/2012; “*Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin*” của Thạc sĩ Thái Thị Tuyết Dung trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (2012); “*Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam*” của Trịnh Tiến Việt (2015), Đặc san thông tin khoa học pháp lý, số 1/2015; “*Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình*” của Lê Văn Sua (2017), Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 6 (6/2017)...

Ngoài ra, cũng có nhiều bài viết, bài nghiên cứu trên các trang báo, mạng điện tử, ví dụ như: “*Bảo mật và an toàn thông tin ở Việt Nam - hiện trạng và những vấn đề tổng thể*” của Trần Đức Lịch (2007) đăng trên Trang tin An toàn thông tin, Ban cơ yếu chính phủ; “*Cần có luật bảo vệ bí mật đời tư*” của ThS Trần Đức Tuấn trên báo điện tử VnExpress; “*Tuổi Công Phụng và quyền bí mật đời tư*” của tác giả Phương Loan trên báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh; “*Lỗ hổng pháp luật trong bảo vệ bí mật đời tư*” của tác giả Hoàng Thu trên báo Pháp luật Việt Nam; “*Rắc rối chuyện bí mật đời tư cá nhân*” của Luật sư Nguyễn Bảo Trâm trên báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh...

Có thể thấy trong thời gian qua, vấn đề quyền riêng tư, bảo vệ thông tin cá nhân nhận được sự quan tâm của rất nhiều các nhà khoa học, nhà nghiên cứu. Nhìn chung, những công trình nghiên cứu, bài viết này đã đề cập đến một vài khía cạnh liên quan đến quyền bí mật đời tư và bí mật dữ liệu cá nhân, qua đó đã gợi mở nhiều vấn đề nghiên cứu về cả mặt lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, một mặt, các nghiên cứu này chỉ đề cập đến một khía cạnh rất hẹp của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân (nhất là trong lĩnh vực dân sự và thương mại điện tử) mà chưa tiếp cận tổng thể tất cả các khía cạnh của vấn đề bảo vệ bí mật cá nhân nói chung và bảo vệ dữ liệu cá nhân nói riêng; mặt khác, do các nghiên cứu này không gắn với việc phân tích các yếu tố kinh tế, xã hội, công nghệ và thương mại chưa phát triển hiện nay nên khiến cho các công trình nghiên cứu đó đã phần nào mất đi bối cảnh và tính thời sự của nó. Một số bài nghiên cứu cũng chỉ dừng lại ở mức phát hiện vấn đề, tóm được một vài hiện tượng nổi bật xuất hiện trong thực hiện liên quan đến vi phạm quyền bí mật đời tư, bí mật cá nhân, mà chưa có những dữ liệu, lập luận đủ sức thuyết phục để chứng minh, luận giải, đặc biệt là chưa đưa ra được những đề xuất tổng thể về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Tóm lại, vấn đề quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân vẫn còn là một vấn đề khá mới, có tính thời sự và chưa được nghiên cứu sâu về mặt khoa học, pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật, nhất là chưa được nghiên cứu toàn diện ở Việt Nam dưới góc độ bảo vệ quyền con người trong này trong mối quan hệ với bảo đảm các quyền con người khác và trong điều kiện phát triển công nghệ số và tin học hóa hiện nay.

## **2. Các công trình nghiên cứu, tài liệu nước ngoài**

Trên thế giới, quyền riêng tư, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân là một chủ đề

quan trọng không những được nhiều học giả, chuyên gia về pháp luật nghiên cứu sâu mà còn thu hút sự quan tâm rất lớn của nhiều chính trị gia, các nhà hoạt động nhân quyền, hoạt động xã hội cũng như nhiều tổ chức, cá nhân khác trong xã hội. Một ví dụ có tính tương đối là nếu tìm kiếm tại thư viện của một trường đại học của Australia với từ khóa "the right to privacy" với giới hạn là các cuốn sách có nội dung này thì kết quả tìm kiếm được 23.476 cuốn sách được xuất bản từ năm 1600 đến năm 2018. Nếu thay bằng từ khóa "protection of personal information" với khoảng thời gian xuất bản tương tự thì kết quả tìm kiếm là 65.917 cuốn sách còn với từ khóa "protection of personal data" thì kết quả tìm kiếm là 58.728 cuốn sách được xuất bản trong khoảng thời gian từ 1700 đến 2018. Nếu mở rộng phạm vi tìm kiếm ra các bài nghiên cứu, bài báo, bài phát biểu... thì với các từ khóa trên thì kết quả sẽ còn lớn hơn rất nhiều. Do vậy, sẽ là không thể, không hiệu quả và không cần thiết nếu nghiên cứu tất cả các nội dung, quan điểm đang tồn tại trên thế giới về vấn đề bảo vệ quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các công trình nghiên cứu, đề tài được đề cập dưới đây chỉ là một số rất nhỏ trong các nghiên cứu trên thế giới và được lựa chọn dựa trên tính liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài.

Dưới khía cạnh lý luận và pháp luật về quyền con người, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được rất nhiều nhà nghiên cứu đưa ra từ rất sớm. Có thể kể đến một số công trình nổi bật như: "*The Right to Privacy*" của Louis D. Brandeis và Warren, Samuel D. (1890), đăng trên Harvard Law Review; "*Privacy and Freedom*" của Westin, Alan F (1967), đăng trên Ig Publishing, Hoa Kỳ; "*The right to privacy*" của Breckenridge, Adam C.(1970), Nxb Lincoln: University of Nebraska Press; "*Guidelines on the Protection of Privacy and Transborder Flows of Personal Data*" của OECD (1980); "Handbook of personal data protection" của Wayne M. (1992), Nxb Basingstoke, England: Macmillan Publishers; New York: Stockton Press; "*The Governance of Privacy Policy Instruments in Global Perspective*" của Colin J. Bennett và Charles Raab (2006), MIT Press, London; "*Information technology, privacy, and the protection of personal data*" của J. Van Den Hoven và J. Weckert (2008) đăng trên Cambridge University Press; "Legal Issue on the protection of personal data on the internet" của Chatziliassi, Evi (2010) - một chương trong cuốn sách "Handbook Of Electronic Security And Digital Forensics", Nxb World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd.; "Protection of Personal Data" của Keller, P. (2011), Nxb Oxford University Press); "*Data Privacy Law: An International Perspective*" của Bygrave, Lee Andrew (2014), Nxb Đại học Oxford (OUP); "Protection of information and the right to privacy: a new equilibrium?" (2014) do Luciano Floridi biên tập, nhà xuất bản Springer, Switzerland; "The emergence of personal data protection as a fundamental right of the EU" của Gloria González Fuster (2014), NXb Cham, Switzerland; Heidelberg, Germany: Springer



International Publishing; "The Right to Privacy: Origins and Influence of a Nineteenth-Century Idea" của Megan Richardson (2017), Nxb Cambridge University Press.

Một số công trình nghiên cứu khác như: Olivier De Uwlf, "*Lạm dụng quyền tự do biểu đạt trên Internet: nhìn nhận dưới góc độ luật so sánh Cộng hòa Pháp - Hoa Kỳ*", Luận văn Thạc sĩ Đại học Paris I và Paris XI, tiếng Pháp; Grevin Anthony, "*Quan hệ giữa bí mật nghề nghiệp và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân*", Luận văn Thạc sĩ, tiếng Pháp; Robert Hasty, Dr Trevor W. Nagel and Mariam Subjally, "Data Protection Law in the USA" (Luật bảo vệ dữ liệu của USA) (Advocates for International Development, August 2013); Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu CSA "*Người Pháp và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân*" (2014); 'Privacy As Trust: Sharing Personal Information in a Networked World' (2015), nghiên cứu của Waldman, A. và các cộng sự (2015); "The value of privacy: concerns, attitudes, behaviors online, and information protection measures" của Spinelli, R. và các cộng sự (2015); "Revisiting the Definition of Personal Data in the EU Data Protection Regime" của Urgessa, Worku Gedefa (2016); "GDPR: Securing Personal Data in Compliance with new EU-Regulations" của Bitar, Hadi; Jakobsson, Björn; Päivärinta, Tero; Päivärinta, Tero (2017)...

Các công trình nghiên cứu này đã cho thấy những góc nhìn tổng quát về quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Những vấn đề cơ bản, trọng tâm mà các nghiên cứu trên thế giới tập trung làm rõ là: Nguồn gốc và sự phát triển của quyền riêng tư, quyền bảo vệ bí mật cá nhân; khái niệm và nội hàm của quyền riêng tư, quyền bảo vệ bí mật cá nhân; tầm quan trọng của việc bảo vệ bí mật riêng tư, bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân; các nguyên tắc của việc bảo vệ bí mật riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân; các chính sách bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế và quốc gia; các cơ chế, phương thức bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân; những nhân tố kinh tế, văn hóa, xã hội tác động đến tính khả thi của các chính sách và sự hiệu quả của việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân; bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời đại công nghệ thông tin.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đều cho thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ bí mật riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phần lớn các nghiên cứu đều ủng hộ quan điểm các quốc gia cần có chế định pháp luật cụ thể để bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, cũng cần thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và chia sẻ các thông tin cá nhân, bảo vệ sự riêng tư của chính mình và tôn trọng sự riêng tư của người khác. Các chính sách và pháp luật của một số nước phát triển trên thế giới như Anh, Mỹ và các nước trong khối Liên minh Châu Âu được phân tích trong các tài liệu này cũng định hướng cách tiếp cận, quá trình thực thi và hiệu quả của quyền bí mật dữ liệu cá nhân trên thực tế.

Xem xét tổng thể các công trình nghiên cứu quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia phát triển đã rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Nhất là trong những năm gần đây, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân được nghiên cứu sâu và toàn diện hơn.

#### **IV. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về quyền con người, quyền công dân.

Đề tài kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu dưới đây để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra:

- Phương pháp tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu hiện có và các tài liệu khác để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân; phân tích, đánh giá quy định pháp luật nước ngoài về cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

- Các phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu, báo cáo chuyên môn, hiện tượng thực tế về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân nhằm đánh giá thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam.

Phần lớn các nghiên cứu của Đề tài được thực hiện qua việc tập hợp, rà soát, nghiên cứu các tài liệu, văn kiện, văn bản pháp luật, công trình nghiên cứu, các bài viết học thuật, các tài liệu chuyên ngành, các ấn phẩm, các bài viết đã được công bố, bao gồm cả tài liệu giấy và hệ thống dữ liệu điện tử. Các nội dung nghiên cứu của đề tài được thực hiện trên cả nền tảng lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn về bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các tài liệu được tập hợp, sàng lọc và sử dụng trong quá trình nghiên cứu bao gồm chủ yếu tài liệu chính thống như các văn bản pháp luật, các văn kiện quốc tế và trực tiếp bằng ngôn ngữ gốc của văn bản đó (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp). Các tài liệu phái sinh, tài liệu được dịch từ các ngôn ngữ khác chỉ được sử dụng sau khi kiểm tra cẩn thận và xem xét kỹ các nội dung.

Nghiên cứu so sánh được thực hiện thông qua việc nghiên cứu pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân ở một số nước trên thế giới, điển hình như Pháp, Singapore, Thái Lan, Indonesia. Việc lựa chọn các nước này làm đối tượng nghiên cứu so sánh xuất phát từ bề dày kinh nghiệm trong việc ban hành và thực hiện pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân (Pháp) hoặc từ những đặc điểm khá tương đồng về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa (Singapore, Thái Lan, Indonesia). Bên cạnh đó, pháp luật của một số nước khác như Nhật Bản, Đức, Hungary, Ba Lan, Hoa Kỳ, Canada cũng được nghiên cứu

nhằm đưa ra bức tranh toàn diện về tình hình bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân trên thế giới. Xin được lưu ý là nghiên cứu so sánh tại Đề tài này không nhằm mục đích so sánh trực tiếp mà hướng đến việc học hỏi kinh nghiệm từ những nước đã hình thành và thực hiện cơ chế pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân - những nước có kinh nghiệm hơn Việt Nam trong thử nghiệm, áp dụng các biện pháp khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, cũng lưu ý là các luận điểm của Đề tài đều được phát triển dựa trên quán triệt rằng bất cứ bài học kinh nghiệm nào cũng cần phải được phân tích, nhìn nhận và đánh giá một cách thận trọng, kỹ lưỡng các giới hạn và sự khác biệt về hệ thống thể chế, pháp luật cũng như sự cần thiết của việc cân đối, hài hòa giữa quy định pháp luật, sự kỳ vọng vào chính sách pháp luật mới với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội cụ thể ở nước ta.

- Phương pháp khảo sát (bằng phiếu hỏi công dân) về thực trạng bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng như các biểu hiện vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân điển hình ở Việt Nam. Kết quả khảo sát cũng cho thấy nhận thức của công dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng như xu hướng, nguyên nhân của việc dữ liệu cá nhân bị tiết lộ, phát tán ngoài mong muốn của cá nhân.

Ngoài ra, trong phạm vi Đề tài này, việc tham vấn ý kiến chuyên môn cũng được tiến hành. Một số học giả, chuyên gia pháp lý, chuyên gia về quyền con người, cán bộ tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật đã được mời tham gia ý kiến về những nội dung nghiên cứu, lập luận cũng như những phát hiện của Đề tài. Ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự các hội thảo về bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng được lưu ý nghiên cứu, tham khảo. Mục đích của việc tham vấn này là thu thập và phản ánh đầy đủ những mối quan tâm, quan điểm của các chuyên gia về vấn đề nghiên cứu cũng như đề củng cố các luận điểm của Đề tài, góp phần làm cho các đề xuất của Đề tài được xây dựng trên cơ sở thực tế, dựa trên bằng chứng và bảo đảm tính khả thi.

- Các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh để đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và tăng cường bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở nước ta trong thời gian tới.

## **V. Các hoạt động chính của Đề tài**

### **1. Hoạt động viết chuyên đề**

Phù hợp với phạm vi của Đề tài, hoạt động viết chuyên đề tập trung vào các nhóm cơ bản:

- Xây dựng thuyết minh, thu thập tài liệu của Đề tài;
- Vấn đề lý luận về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân;

- Rà soát, đánh giá pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân;

- Thực trạng pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực;

- Kinh nghiệm nước ngoài về bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân;

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam.

## **2. Hoàn thiện báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài**

- Xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài trên cơ sở các Chuyên đề nghiên cứu;

- Tổ chức Hội thảo chuyên môn lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học về kết quả nghiên cứu Đề tài;

- Tổ chức bảo vệ Đề tài (bảo vệ sơ bộ và bảo vệ cấp bộ); hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả Đề tài, đóng quyển và nộp cho Viện Khoa học pháp lý theo quy định.

**PHẦN I**  
**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI**

# CHƯƠNG I

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN

### I. Khái quát về quyền bí mật dữ liệu cá nhân

#### 1. Lịch sử hình thành quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Con người luôn có mong muốn về sự riêng tư. Ngay từ những giai đoạn đầu tiên của lịch sử loài người, những vấn đề liên quan đến sự riêng tư đã được quan tâm bàn thảo. Những tranh luận, quan điểm về vấn đề riêng tư đã có thể có rất sớm trong các tác phẩm của Socrates cũng như các triết gia người Hy Lạp khác, lồng ghép trong các phân định sự khác biệt giữa "bên ngoài" và "bên trong", giữa chung và riêng, giữa xã hội và cá nhân. Mặc dù trong suốt chiều dài lịch sử của loài người, có những giai đoạn đời sống riêng tư bị nhìn nhận như hành vi tách biệt xã hội, nhưng về cơ bản đời sống riêng tư của mỗi người được chấp nhận và tôn trọng.

Mối quan tâm về sự riêng tư bắt nguồn từ nhu cầu bảo vệ thân thể và nơi ở của con người và sau đó được phát triển theo hướng cần kiểm soát và bảo vệ các thông tin cá nhân. Theo Hiến pháp Anh, điều quan trọng là con người phải được bảo đảm an toàn trong ngôi nhà của mình. William Pitt – một trong những Thủ tướng trẻ và tài năng nhất của nước Anh thế kỷ XVIII đã cho rằng: Người nghèo nhất trong ngôi nhà của mình cũng có thể thách thức mọi lực lượng của nhà Vua. Cho đến thế kỷ XVIII, sự riêng tư có ý nghĩa đơn giản là sự tách biệt hay khoảng không gian riêng của mỗi người trong ngôi nhà của họ.<sup>5</sup>

Tuy nhiên, quyền riêng tư với tư cách là một khái niệm pháp lý lại không phải là một phát kiến lâu đời. Tháng 12 năm 1890, trong một bài báo về pháp luật hai luật sư trẻ từ thành phố Boston của Mỹ, Samuel Warren và Louis Brandeis đã viết lên một chương mới về luật pháp khi phát hiện, mô tả rất cụ thể, rõ ràng, chính xác và hiện đại về quyền riêng tư. Trong bài viết của mình, Warren và Brandeis mô tả quyền riêng tư như là một quyền đã thực sự tồn tại trong hệ thống pháp luật chung được lồng ghép trong các bảo vệ đối với quyền của cá nhân không bị xâm phạm về mặt đặc thù cá nhân. Theo họ, hệ thống pháp luật chung bảo đảm các quyền của cá nhân trong việc đưa ra các quyết định mà thông thường được hiểu là việc bày tỏ suy nghĩ, chính kiến, sở thích, tình cảm trong mối quan hệ với các cá nhân khác trong xã hội. Chính vì thế, cá nhân cần có quyền được hạn chế việc công khai các suy nghĩ, chính kiến, sở thích, tình cảm của mình. Đối với Warren và Brandeis, quyền riêng tư có nghĩa là mỗi cá

---

<sup>5</sup> Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Đăng Duy, "Quyền bí mật riêng tư trên thế giới và ở Việt Nam".

nhân có quyền lựa chọn việc chia sẻ hay không chia sẻ với người khác về đời sống riêng, sở thích, hành vi cũng như các mối quan hệ của họ. Hai tác giả cho rằng hệ thống pháp luật cần thiết phải ghi nhận quyền riêng tư bởi lẽ nếu như thông tin về đời sống riêng tư của một cá nhân bị người khác biết thì sẽ dẫn đến tác động xấu hoặc thậm chí làm hại đến những yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của tính riêng tư, đặc thù cá nhân của người đó và các đánh giá về bản thân họ. Vì vậy, ban đầu khái niệm quyền riêng tư của Warren và Brandeis được nhìn nhận dưới góc độ tâm lý nhiều hơn, chẳng hạn theo họ nếu như sự riêng tư, đặc thù cá nhân, nhất là hình ảnh của một người sẽ bị ảnh hưởng hoặc xâm phạm, bôi nhọ nếu như thông tin về đời sống riêng tư của người đó bị người khác biết được. Với cách nhìn nhận như vậy, quyền riêng tư được coi là quyền của mỗi cá nhân trong việc bảo đảm sự toàn vẹn và ổn định về mặt tâm lý thông qua việc kiểm soát các thông tin, kể cả thông tin về đặc thù cá nhân và các thông tin có thể gây ảnh hưởng đến đặc thù cá nhân của họ.

Mặc dù mục đích ban đầu của việc đưa ra khái niệm quyền riêng tư là nhằm thiết lập cơ chế bảo vệ pháp luật một cách hiệu quả đối với sự riêng tư của cá nhân, Warren và Brandeis cũng không tránh khỏi tư tưởng tổ chức và hệ thống hóa vốn thịnh hành thời đó. Trong bài báo của mình, họ đưa ra các quan điểm về quyền riêng tư phù hợp với bối cảnh hệ thống pháp luật Mỹ được hệ thống hóa cao độ vào nửa cuối thế kỷ 19. Họ đặt quyền riêng tư trong phạm vi chung của quyền cá nhân được riêng tư một mình. Bản thân quyền được riêng tư một mình lại là một phần của một quyền khác mang tính chung hơn - quyền hưởng thụ cuộc sống - một quyền vốn là một phần của quyền cơ bản của cá nhân - quyền được sống. Và quyền được sống lại là một phần của quyền cơ bản, quan trọng của cá nhân được ghi nhận trong Hiến pháp nước Mỹ, đó là quyền không bị xâm phạm về tính mạng, sự tự do, tài sản. Tuy nhiên, điều đáng ghi nhận là Warren và Brandeis cũng đã tách biệt quyền riêng tư ra khỏi quyền đối với sự tự do và quyền đối với tài sản. Theo họ, quyền đối với sự tự do là công cụ bảo đảm các quyền và lợi ích khác quan trọng về mặt dân sự mà không bao gồm sự riêng tư còn quyền đối với tài sản là quyền khác hoàn toàn với quyền riêng tư, bởi lẽ quyền tài sản bảo đảm đối với các lợi ích mang tính vật chất, kể cả dưới dạng hữu hình hoặc vô hình, còn quyền riêng tư là bảo đảm các lợi ích về mặt tinh thần. Công trình nghiên cứu của Warren và Brandeis đã có ảnh hưởng lớn đến giới luật gia, dẫn đến việc hình thành khái niệm mới trong ngôn ngữ pháp lý của những nước nói tiếng Anh: “Right to privacy”.

Cùng với sự tiến bộ về mặt công nghệ, sự riêng tư trở nên một mối quan tâm lớn không chỉ của một số cá nhân mà toàn xã hội. Điều này cũng dẫn trên thực tế là các nghiên cứu, phát hiện mới về quyền riêng tư được công bố ngày càng nhiều, bắt đầu từ những năm 1960. Năm 1967 đánh dấu một bước tiến mới trong lịch sử của quyền riêng tư khi Alan Westin công bố một công trình nghiên

cứu mới về Sự riêng tư và Sự tự do. Trong nghiên cứu của mình, Westin định nghĩa sự riêng tư dưới góc độ quyền tự quyết: sự riêng tư là sự tuyên bố của cá nhân, một nhóm người hoặc các tổ chức trong việc họ quyết định khi nào, bằng cách thức nào và ở mức độ nào thì các thông tin về họ được tiết lộ đối với người khác. Nhìn nhận vấn đề dưới góc độ quan hệ giữa cá nhân và xã hội, sự riêng tư có thể được coi là sự từ chối mang tính tự nguyện và tạm thời của cá nhân đối với xã hội, cả về mặt thể chất và tâm lý. Kể từ sau năm 1967, hầu như không có công trình nghiên cứu nào về quyền riêng tư mà không nhắc đến khái niệm của Westin về quyền này.

Trong thực tiễn, các tòa án ở Mỹ đã giải quyết hàng trăm vụ việc liên quan đến chủ đề “Right to privacy”. Ví dụ: năm 1965, với vụ án Griswold kiện bang Connecticut, Tòa án đã tuyên đạo luật của bang Connecticut cấm các cặp vợ chồng dùng thuốc tránh thai là vi hiến vì vi phạm quyền riêng tư của công dân. Năm 1969, trong vụ án Stanley kiện bang Georgia, Tòa án đã tuyên rằng quyền sở hữu và xem tranh ảnh khóa thân trong nhà riêng của mình là quyền riêng tư của một người.<sup>6</sup> Trong vụ án Cruzan kiện bộ y tế (Department of Health) bang Missouri (năm 1990), Tòa án tuyên bố các cá nhân có quyền riêng tư của mình là quyền an tử (quyền được chết), nghĩa là quyền quyết định chấm dứt cuộc sống của mình nếu ở trong tình trạng bệnh tật nghiêm trọng, đau đớn kéo dài mà không có hy vọng cứu chữa. Thực tiễn xét xử của các tòa án ở Mỹ còn cho thấy sự phong phú, đa dạng và phức tạp của nhiều loại vi phạm quyền riêng tư khác. Pháp luật về quyền riêng tư theo đó đã phát triển theo thời gian và các sự kiện xảy ra trong thực tiễn. Nội hàm của quyền riêng tư từ đó cũng phát triển rộng ra hơn.

Ở phạm vi quốc tế, trong nhiều văn kiện quốc tế, quyền riêng tư là một quyền dân sự cơ bản của mọi cá nhân được đề cập tại Điều 12 Tuyên bố quốc tế về Nhân quyền (UDHR, 1948): *“Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy”*. Quyền riêng tư được xem như là một quyền bao trùm tất cả các quyền khác nhau được đề cập trong Điều 12 Tuyên ngôn Nhân quyền, có quan hệ mật thiết với quyền bảo vệ gia đình, nơi ở, nơi cư trú, thư tín, điện thoại, thư điện tử và các phương tiện giao tiếp điện tử khác, cũng như sự toàn vẹn về thể chất và tinh thần.<sup>7</sup>

---

<sup>6</sup> Về vụ án này, thẩm phán nổi tiếng Marshall đã viết: “Mặc dù có thể bênh vực cho các đạo luật khác điều chỉnh sự thô tục của nhục dục nhưng chúng ta không nghĩ rằng chúng có thể xâm phạm đến chốn riêng tư của một ai trong ngôi nhà của chính mình. Nếu tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ có một ý nghĩa nào đó thì đó chính là một nhà nước sẽ không phải bận tâm với một người, ngồi ở nhà một mình, trong chính ngôi nhà của mình đọc cuốn sách gì hay xem phim gì. Toàn bộ lịch sử và truyền thống hiến pháp của chúng ta sẽ nổi loạn nếu chúng ta có ý nghĩ trao cho chính phủ quyền kiểm soát tinh thần của con người”.

<sup>7</sup> Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Đăng Duy, “*Quyền bí mật riêng tư trên thế giới và ở Việt Nam*”



Quyền được bảo vệ đời tư được tái khẳng định tại Điều 17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966), trong đó nêu rằng: “*Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy*”. Theo quan điểm của Ủy ban, cần thiết phải có quyền này để bảo đảm chống lại những xâm phạm như trên, cho dù những sự xâm phạm này là do quan chức nhà nước và các thể nhân, pháp nhân gây ra. Những nhiệm vụ bắt buộc của điều khoản này đòi hỏi các Quốc gia phải thực thi các biện pháp pháp lý và những biện pháp thích hợp khác nhằm nỗ lực ngăn chặn, chống lại sự xâm phạm và tấn công vào đời tư.

Ví dụ, theo quy định ở Điều 17 ICCPR, tính toàn vẹn và bảo mật của thư tín phải được bảo đảm cả về mặt pháp lý và thực tế. Theo đó, thư từ phải được giao tận tay người nhận mà không bị chặn lại, mở ra hay nói cách khác là xem trước. Việc theo dõi, bắt kẻ bằng biện pháp điện tử hay các biện pháp khác, ví dụ như nghe trộm điện thoại, điện tín... đều bị nghiêm cấm. Việc thu thập và lưu giữ các thông tin cá nhân trong máy tính, các ngân hàng dữ liệu và các thiết bị khác, cho dù là bởi các quan chức nhà nước hay các thể nhân, pháp nhân khác, đều phải được quy định trong pháp luật. Nhà nước phải có những biện pháp hiệu quả để bảo đảm rằng những thông tin cá nhân đó không rơi vào tay những người không được pháp luật cho phép và không bị sử dụng vào các mục đích trái với Công ước. Để bảo đảm bảo vệ đời tư một cách hiệu quả, mỗi cá nhân cần có quyền được biết liệu thông tin cá nhân của mình có bị thu thập, lưu giữ bởi chủ thể nào không và nếu có, thì ở đâu, nhằm mục đích gì, chủ thể quản lý thông tin cá nhân của mình là ai. Thêm vào đó, mỗi cá nhân cũng cần có quyền yêu cầu sửa chữa hoặc xóa bỏ thông tin cá nhân của mình nếu thông tin đang được lưu trữ không chính xác, hoặc bị thu thập hay lưu trữ một cách trái pháp luật.

Ngày nay, khi cuộc sống con người càng văn minh thì tự do cá nhân và quyền riêng tư ngày càng được tôn trọng. Đặc biệt là trong thời đại bùng nổ thông tin, khi các phương tiện thông tin hiện đại càng phát triển thì việc bảo vệ bí mật cá nhân, trong đó có bí mật thông tin/dữ liệu cá nhân càng có nhiều thách thức hơn. Một trong những vấn đề đã và đang được đặt ra ở nhiều quốc gia trên thế giới là bảo vệ các thông tin thuộc về cá nhân.

Con người - với tư cách là thực thể xã hội và thực thể pháp lý, từ khi sinh ra cho đến khi chết đi sẽ có vô số những thông tin liên quan đến bản thân mình. Những thông tin này phục vụ cho cá nhân trong quá trình sinh sống, học tập, lao động, chữa bệnh... Đời sống của mỗi cá nhân cũng có thể bị ảnh hưởng nếu các chủ thể khác nắm bắt các thông tin và sử dụng chúng vào mục đích trái pháp luật, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Ngày nay, không khó để

tìm kiếm trên mạng những thông tin cá nhân, bí mật gia đình, đời sống tình cảm riêng tư... của một số chính trị gia, diễn viên, ca sĩ, hay người mẫu nổi tiếng. Việc thu thập, sử dụng những thông tin này nếu không có cơ chế bảo vệ phù hợp thì có thể dẫn đến sự tổn hại về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín, vật chất của cá nhân. Điều này đặt ra vấn đề cần xác định thông tin/dữ liệu cá nhân cần được bảo vệ, khái niệm và phạm vi quyền bí mật dữ liệu cá nhân, và cơ chế bảo đảm hiệu quả việc thực hiện quyền này.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân (hay “quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân” như quy định pháp luật của một số nước) là một quyền được ghi nhận và phát triển từ quyền riêng tư. Quyền riêng tư – với tư cách là quyền cơ bản của con người – được coi là quyền gốc của nhiều quyền dân sự quan trọng khác của con người. Trên cơ sở quyền riêng tư, nhiều nước đã và đang đặt ra vấn đề quyền được bảo vệ bí mật thông tin/dữ liệu cá nhân. Liên hợp quốc và các quốc gia sau này đều thừa nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân và có cơ chế bảo vệ trước sự xâm phạm từ phía nhà nước cũng như từ các chủ thể khác.

Ví dụ, trong khuôn khổ Liên minh châu Âu, quyền bảo vệ thông tin cá nhân đã được quy định tại Công ước Châu Âu về Nhân quyền (ECHR 1950). Điều 8 Công ước khẳng định bảo vệ dữ liệu cá nhân là quyền cơ bản của con người.<sup>8</sup> Điều 8 Hiến chương Liên minh Châu Âu về những quyền cơ bản (2009) quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân: mọi người đều có quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân liên quan đến họ. Dữ liệu đó chỉ được truy cập trong những trường hợp hạn hữu với mục đích xác định cụ thể và phải trên cơ sở sự chấp thuận của cá nhân liên quan. Dữ liệu đó cũng có thể được truy cập trong trường hợp pháp khác được quy định trong luật. Mọi người đều có quyền tiếp cận đối với dữ liệu đã được thu thập có liên quan đến mình và cũng có quyền được sửa chữa các dữ liệu đó.<sup>9</sup> Tháng 01 năm 2012, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất một cuộc cải cách toàn diện đối với các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu trong Liên minh Châu Âu. Trên cơ sở đó, Quy định số 2016/679<sup>10</sup> và Chỉ thị số 2016/680 đã được Hội đồng châu Âu thông qua ngày 08/4/2016 và Nghị viện Châu Âu thông qua ngày 14/4/2016. Mục đích của hệ thống các quy tắc này là nhằm trao cho công dân quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân của họ và để đơn giản hóa môi trường luật lệ cho kinh doanh. Cải cách về bảo vệ dữ liệu là một chìa khóa để Liên minh châu Âu xây dựng Thị trường Số duy nhất (Digital Single Market). Cải cách này cho

---

<sup>8</sup> Quyền này cũng được quy định tại Công ước về bảo vệ dữ liệu cá nhân bị truy cập tự động (Công ước 108 năm 1981); Quy định số 45/2001 của Nghị viện và Hội đồng Liên minh châu Âu thành lập cơ quan Giám sát Hoạt động bảo vệ dữ liệu Châu Âu EDPS (European Data Protection Supervisor); Chỉ thị số 2002/58/EC quy định về việc truy cập dữ liệu cá nhân và bảo vệ đời tư trong các giao dịch điện tử (ePrivacy Directive); Khuôn khổ quyết định số 2008/977/JHA (ở cấp độ hợp tác cảnh sát và tư pháp trong vấn đề hình sự)...

<sup>9</sup> [http://www.europarl.europa.eu/charter/pdf/text\\_en.pdf](http://www.europarl.europa.eu/charter/pdf/text_en.pdf)

<sup>10</sup> Có hiệu lực từ ngày 24/4/2016 và chính thức được áp dụng từ ngày 25/5/2018.

phép người dân và các nhà kinh doanh của Liên minh Châu Âu đều được hưởng lợi đầy đủ từ nền kinh tế kỹ thuật số.<sup>11</sup>

Trong khuôn khổ Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Khuôn khổ bảo mật APEC (APEC privacy framework) cũng đề cập đến bảo vệ bí mật cá nhân. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã ban hành hướng dẫn về bảo vệ sự riêng tư và dòng chảy xuyên biên giới của dữ liệu cá nhân (Guidelines on the Protection of Privacy and Transborder Data Flows of Personal Data), trong đó có khẳng định dữ liệu cá nhân đang ngày càng trở thành tài sản có giá trị và nhấn mạnh trách nhiệm của các quốc gia thành viên phải bảo vệ quyền riêng tư và dòng chuyển tự do của thông tin bằng tất cả các cấp độ.<sup>12</sup>

Tóm lại, quyền riêng tư trong cuộc sống con người nói chung đã có một lịch sử lâu đời được thừa nhận với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người. Quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một khía cạnh cụ thể của quyền riêng tư, nên nó cũng cần phải được bảo vệ như một quyền cơ bản của con người. Pháp luật quốc tế, pháp luật châu Âu và một số nước đã có những quy định, quy tắc nhằm bảo vệ quyền riêng tư nói chung và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân nói riêng. Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng được các quốc gia và khu vực chú trọng hơn bằng các cơ chế, biện pháp khác nhau.

## **2. Khái niệm quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Trong thời kỳ hiện đại, các nghiên cứu về quyền riêng tư tập trung vào hai khía cạnh của quyền riêng tư: khía cạnh về mối quan hệ và khía cạnh về thông tin. Về khía cạnh mối quan hệ, quyền riêng tư là mối quan hệ giữa một người với người khác, chẳng hạn như việc kiểm soát những ai có thể được phép vào chốn riêng tư của người đó hay ai có thể được phép chạm vào cơ thể. Theo hướng này, khía cạnh quan hệ trong một số trường hợp được diễn giải thành sự riêng tư về nơi chốn, lãnh thổ và sự riêng tư về thân thể. Dưới góc độ khía cạnh thông tin, quyền riêng tư liên quan đến việc thu thập, nắm giữ và xử lý các dữ liệu cá nhân.

Tuy nhiên, một yếu tố quan trọng đối với cả hai khía cạnh của quyền riêng tư đều là sự cần thiết phải bảo đảm sự kiểm soát đối với nơi chốn riêng tư, thân thể và thông tin về một cá nhân cụ thể. Mặc dù vậy, cũng cần lưu ý rằng, trong một số tình huống cụ thể, việc mất kiểm soát lại có thể quan trọng hơn việc kiểm soát, chẳng hạn khi cá nhân đó bị mất ý thức do tai nạn. Việc kiểm

---

<sup>11</sup> [http://ec.europa.eu/justice/data-protection/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/justice/data-protection/index_en.htm)

<sup>12</sup> <http://www.oecd.org/sti/ieconomy/oecdguidelinesontheProtectionofPrivacyandTransborderFlowsOfPersonalData.htm>

soát do vậy cần mang ý nghĩa là được tự do làm gì và được tự do không bị làm gì. Được tự do làm gì mang ý nghĩa chủ động hơn, theo đó, trong những giới hạn cụ thể, con người thường muốn được tự do làm điều họ muốn mà không bị cản trở bởi người khác hay các bài học kinh nghiệm trong quá khứ. Được tự do không bị làm gì mang tính thụ động hơn như là việc không bị theo dõi hay nghe lén. Trong cả hai tình huống trên thì ý tưởng then chốt vẫn là quyền tự quyết. Mặc dù cả hai việc tự do làm gì, không bị làm gì đều có vẻ mang tính tuyệt đối nhưng khi đặt ra có những giới hạn cụ thể thì điều đó chứng tỏ rằng con người vẫn phải phụ thuộc vào người khác, hàng xóm, láng giềng, đồng nghiệp. Sống trong một cộng đồng đồng nghĩa với việc cá nhân phải tương tác với người khác, tuy nhiên, cá nhân cũng cần thiết phải có khoảng không tự do và sự tự do trong việc cảm nhận thế giới xung quanh, nếu không họ sẽ là tù nhân trong chính cộng đồng của mình. Trong các nghiên cứu hiện hành, quyền riêng tư là quyền của cá nhân trong việc tự quyết, trong những giới hạn cụ thể, về nơi ở, thân thể và thông tin, dữ liệu về cá nhân của mình.

Lịch sử hình thành và phát triển của quyền riêng tư cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa quyền riêng tư và sự phát triển của khoa học công nghệ. Các nghiên cứu hiện đại chỉ bắt đầu bằng việc tranh cãi về vấn đề sử dụng máy ảnh nhưng hiện nay đã tiến tới những tranh luận về sự phát triển và sử dụng máy tính cũng như các thiết bị điện tử khác trong xã hội thông tin mà ở đó thông tin, dữ liệu về từng cá nhân được thu thập và lưu giữ. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp và ở nhiều quốc gia, bảo vệ dữ liệu cá nhân đã trở thành biện pháp chính trong việc bảo vệ quyền riêng tư và quyền bí mật dữ liệu cá nhân được hiểu là một quyền tương đồng như quyền riêng tư.

**\* Khái niệm 'thông tin', "thông tin cá nhân", "dữ liệu cá nhân":**

- Về khái niệm "Thông tin", "thông tin cá nhân": Thông tin được hiểu chung nhất là "tin tức về các sự kiện diễn ra trong thế giới xung quanh"<sup>13</sup>. Đối với cá nhân, thông tin cá nhân trong đời sống hàng ngày có thể được hiểu khá rộng. Đó có thể là những thông tin liên quan đến cuộc đời của cá nhân được thể hiện ở nhiều hình thức chứa đựng thông tin khác nhau, như một câu chuyện, hình ảnh, những trang nhật ký, những kỷ vật, nhóm máu, xu hướng tình dục, tín ngưỡng, chủng tộc... Những thông tin riêng tư của mỗi cá nhân có thể được truy cập bằng nhiều cách và trên nhiều khía cạnh của cuộc sống, ví dụ như khi cá nhân mở tài khoản ngân hàng, làm thẻ credit card; đăng ký thành viên của một câu lạc bộ, phòng tập thể dục,... Các thông tin đó có thể có từ khi cá nhân sinh ra, thông tin hình thành trong quá trình sống của cá nhân và thậm chí ngay kể cả khi cá nhân đó đã chết. Tuy nhiên, khái niệm thông tin cá nhân trong văn bản

---

<sup>13</sup>Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), "Đại từ điển Tiếng Việt", Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, trang 1587.

pháp lý của các quốc gia cũng như ở Việt Nam thì được giới hạn ở những thông tin cụ thể (họ, tên, danh tính, địa chỉ, điện thoại... và những thông tin khác xác định nên danh tính một người cụ thể). Khái niệm thông tin cá nhân không đồng nhất trong pháp luật của các quốc gia (có nước liệt kê các thông tin được gọi là thông tin cá nhân, có nước quy định khá khái quát theo hướng: thông tin cá nhân là những thông tin xác định danh tính của một người).

Nhìn chung, thông tin cá nhân là một khái niệm rất rộng và trong hầu hết các trường hợp việc xác định một thông tin cụ thể là thông tin cá nhân hay không là khá rõ ràng nhưng trong một số trường hợp không rõ ràng thì việc xác định phải căn cứ vào các điều kiện và hoàn cảnh cụ thể. Trong trường hợp không rõ ràng, pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân thường khuyến khích các bên liên quan nên thận trọng xử lý thông tin như là thông tin cá nhân và áp dụng các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân. Chính vì vậy, chuẩn mực quốc tế cũng như pháp luật của các nước luôn đưa ra các hướng dẫn về việc xem xét các yếu tố liên quan xác định thông tin cá nhân. Một số yếu tố cần cân nhắc là:

Thông tin hoặc quan niệm về một cá nhân cụ thể hoặc từ thông tin, quan niệm có thể xác định được đó là thông tin, quan niệm về ai mà không cần quan tâm thông tin, quan niệm đó có chính xác hay không và có được lưu giữ dưới dạng vật chất hay không. Cách xác định như vậy là phù hợp cả về mặt kỹ thuật và xã hội, tạo ra sự linh hoạt cần thiết trong thực tiễn quản lý và xử lý thông tin. Một số loại thông tin có thể dễ dàng xác định ngay là thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật, như: (i) thông tin có tính nhạy cảm bao gồm thông tin, quan niệm về nguồn gốc sắc tộc, dân tộc của một cá nhân; quan điểm chính trị, tôn giáo, xu hướng tình dục, án tích... với điều kiện là thông tin hoặc quan niệm đó đáp ứng các điều kiện về định nghĩa thông tin cá nhân; (ii) thông tin về tình trạng sức khỏe (cũng được coi là thông tin nhạy cảm); (iii) thông tin về tình hình tài chính, tín dụng; (iv) lịch sử làm việc (có ngoại lệ); (v) thông tin về thuế.

Đối với một số thông tin khác, mặc dù không được xác định ngay là thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân nhưng vẫn có thể được coi là thông tin cá nhân theo quy định của luật khác. Chẳng hạn như theo quy định của luật về bưu chính viễn thông thì một số dữ liệu về bưu chính viễn thông cũng được coi là thông tin cá nhân. Như vậy, các loại thông tin cá nhân là không giới hạn và rất đa dạng. Ngoài ra, định nghĩa thông tin cá nhân không giới hạn trong phạm vi các thông tin về đời sống riêng tư hoặc gia đình của một cá nhân mà còn bao hàm bất cứ thông tin, quan niệm nào về cá nhân mà từ thông tin, quan niệm đó có thể nhận biết được người đó là ai. Thông tin dạng này có thể liên quan đến hoạt động kinh doanh hoặc công việc của cá nhân.

Thông tin cá nhân cũng có thể bao gồm các thông tin nhạy cảm, thông tin mật đến các thông tin phổ biến, nhiều người biết. Khái niệm thông tin cá nhân thường nhấn mạnh rằng thông tin được coi là thông tin cá nhân ngay cả khi đó là thông tin không chính xác. Một số ví dụ phổ biến về thông tin cá nhân là:

(i) *Thông tin về đời sống riêng tư hoặc gia đình của một cá nhân* như tên người đó, chữ ký, địa chỉ nhà, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, ngày tháng năm sinh, số y bạ, chi tiết tài khoản ngân hàng, quá trình làm việc;

(ii) *Thông tin về sở thích và công việc* như chi tiết về việc làm như địa chỉ và thông tin liên lạc ở cơ quan, mức lương, vị trí, chức danh và công việc phụ trách; thông tin cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh, ví dụ như các thông tin về khoản vay của một người thợ để mua sắm dụng cụ làm việc, hoặc thông tin về việc sử dụng điện nước - có thể được coi là thông tin cá nhân về người thợ đó;

(iii) *Bình phẩm hoặc quan niệm về một người*: Trong một số trường hợp cụ thể, nhận xét của người giới thiệu về nghề nghiệp, quá trình và kết quả làm việc, thái độ và năng lực của một ứng viên cho một vị trí việc làm có thể được coi là thông tin cá nhân vì đó là thông tin về người đó. Nhận xét của người giới thiệu còn có thể được coi là thông tin cá nhân về người giới thiệu bởi vì chúng cung cấp thông tin về cách nhìn nhận của người giới thiệu về một vấn đề cụ thể. Tương tự như vậy, quan điểm của người nhận tín thác liên quan đến các vụ việc về phá sản cũng có thể là thông tin cá nhân về cả người bị phá sản và người nhận tín thác.

Nhận định về các đặc điểm riêng của một cá nhân dựa trên các thông tin khác liên quan đến các đặc điểm đó như nhận định về giới tính và dân tộc của một cá nhân có thể được dựa trên các thông tin như tên gọi và vẻ bên ngoài của họ. Đây được coi là thông tin cá nhân về cá nhân đó ngay cả khi nó không chính xác.

Thông tin, quan niệm, nhận định mà từ đó có thể nhận biết về cá nhân dựa trên các hoạt động, hành vi của họ như xu hướng khẩu vị và sở thích có thể đoán định được thông qua việc theo dõi mua sắm online có sử dụng thẻ tín dụng hoặc lịch sử truy cập internet.

Vậy câu hỏi đặt ra là làm thế nào để xác định thông tin có là thông tin cá nhân hay không? Thông thường, người ta xác định thông tin là thông tin cá nhân khi thông tin đó là thông tin về một cá nhân cụ thể đã được xác định hoặc từ thông tin đó có thể xác định được cá nhân đó là ai. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng việc xác định thông tin có phải là thông tin cá nhân hay không phải tùy thuộc từng trường hợp cụ thể có tính đến hoàn cảnh và bối cảnh cụ thể. Một số

thông tin có thể không là thông tin cá nhân khi được xem xét riêng nhưng khi kết hợp với các thông tin khác do các chủ thể khác nắm giữ hoặc tiếp cận có thể trở thành thông tin cá nhân. Vì vậy, chủ thể nắm giữ thông tin cá nhân là rất đa dạng và đặc điểm của thông tin có thể thay đổi.

Như vậy, một cách chung nhất, thông tin cá nhân là thông tin về một cá nhân cụ thể hoặc từ thông tin đó có thể xác định được người có liên quan đến thông tin đó là ai. Trong một số trường hợp tự thân một thông tin không là thông tin cá nhân nhưng khi kết hợp với thông tin khác có thể lại là thông tin cá nhân. Nhằm xác định thông tin có phải là thông tin cá nhân hay không cần cân nhắc một số câu hỏi như:

- Đó có phải là thông tin về một cá nhân cụ thể, tức là có mối liên hệ giữa thông tin và người đó hay không? Câu hỏi này là câu hỏi mang tính thực tế và phụ thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể. Có một số thông tin rõ ràng là về một cá nhân cụ thể như tên gọi, ngày tháng năm sinh, chi tiết về nghề nghiệp, số theo dõi sức khỏe... nhưng đối với một số thông tin khác không rõ ràng thì phải xác định liệu thông tin có chuyển tải một cách tương đối rõ sự thật hay ý kiến, quan niệm về một cá nhân hay không.

- Liệu cá nhân liên quan đó được xác định hoặc có thể được xác định từ thông tin đó hay không? Để trả lời được câu hỏi này cần căn cứ vào một số yếu tố cụ thể liên quan như tính chất và hàm lượng thông tin, ai sẽ là người tiếp cận thông tin và các thông tin khác có liên quan.

- Luôn cần lưu ý rằng nếu có sự hoài nghi, cần thận trọng xử lý thông tin theo quy trình xử lý thông tin cá nhân.

Về khái niệm “**dữ liệu cá nhân**”, theo pháp luật Liên minh châu Âu, dữ liệu cá nhân được hiểu là bất kỳ thông tin nào mà có thể được sử dụng để xác định một cá nhân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, ví dụ như tên, số điện thoại, địa chỉ email, nơi, ngày tháng năm sinh...<sup>14</sup> Còn theo hướng dẫn của OECD, dữ liệu cá nhân là bất kỳ thông tin liên quan đến một cá nhân xác định hoặc có thể xác định; cá nhân đó được gọi là chủ thể của dữ liệu.<sup>15</sup> Ở Cộng hòa Pháp, Luật số 78-17 ngày 06/01/1978 về tin học, tệp tin và quyền tự do quy định thông tin cá nhân được coi là dữ liệu có tính chất cá nhân. Đó là mọi thông tin liên quan đến một thể nhân xác định hay có thể xác định được, một cách trực tiếp hay gián tiếp, thông qua một số định danh hay một hoặc nhiều yếu tố riêng thuộc về người này. Ở Singapore, theo quy định của Điều 2.1 Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân là các dữ liệu, dù đúng hay sai, về một cá nhân mà có thể xác định được danh tính của họ từ các dữ liệu đó, hoặc từ các dữ liệu đó và các

---

<sup>14</sup> European Commission,

[http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002\\_-\\_protection\\_of\\_personal\\_data\\_a4\\_en.pdf](http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002_-_protection_of_personal_data_a4_en.pdf)

<sup>15</sup><http://www.oecd.org/sti/ieconomy/oecdguidelinesontheprivacyandtransborderflowsofpersonaldata.htm>

thông tin khác mà các tổ chức có hoặc có thể có quyền truy cập. Một số loại thông tin cá nhân được loại trừ như thông tin liên hệ kinh doanh; thông tin về một cá nhân được lưu lại trong các bản ghi đã tồn tại ít nhất 100 năm; thông tin cá nhân về một người đã mất hơn 10 năm; thông tin cá nhân đã được công khai. Như vậy, mỗi quốc gia có cách xác định dữ liệu cá nhân là khác nhau.

Quan niệm phổ biến trên thế giới định nghĩa dữ liệu cá nhân là dữ liệu có liên quan đến một người mà người đó có thể được nhận diện thông qua các dữ liệu đó hoặc được nhận diện trên cơ sở các dữ liệu đó và các thông tin khác đang được nắm giữ hoặc có thể được nắm giữ bởi người kiểm soát dữ liệu, trong đó bao gồm bất cứ quan điểm nhận xét nào về cá nhân hay bất cứ chỉ báo nào về mục đích của người kiểm soát dữ liệu hay người khác có liên quan đến cá nhân. Điều cần nhấn mạnh là ngay cả khi khả năng nhận diện cá nhân phụ thuộc một phần vào dữ liệu và một phần vào các thông tin khác (không nhất thiết phải là dữ liệu) thì dữ liệu đó vẫn được coi là dữ liệu cá nhân. Ví dụ như một công ty nắm giữ dữ liệu cá nhân thông qua mã hóa thành các số định danh. Dữ liệu mã hóa không nhận diện cá nhân thông qua tên, nhưng thông qua các số định danh cụ thể sẽ xác định được cá nhân đó là ai. Do vậy, thông tin lưu giữ mã hóa là dữ liệu cá nhân. Định nghĩa dữ liệu cá nhân cũng bao hàm các quan niệm về cá nhân, hoặc ám chỉ về họ. Ví dụ: nhận xét của một người quản lý về quá trình làm việc của người thử việc nếu được lưu giữ như dữ liệu, thì cũng là dữ liệu cá nhân.

Trong số các dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân mang tính nhạy cảm là dữ liệu cá nhân hàm chứa các thông tin về nguồn gốc sắc tộc, dân tộc của cá nhân, quan điểm chính trị, tôn giáo, tín ngưỡng, có là thành viên các tổ chức hội hay không, tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần, đời sống tình dục, hành vi vi phạm pháp luật... Nguyên tắc suy đoán được áp dụng trong trường hợp này là thông tin có trong dữ liệu có thể dẫn tới việc phân biệt đối xử, là vấn đề có tính riêng tư, thầm kín và cần được xử lý một cách thận trọng hơn so với các dữ liệu cá nhân khác. Cụ thể, khi xử lý dữ liệu cá nhân có tính nhạy cảm, bên cạnh những nguyên tắc chung, người xử lý dữ liệu cần phải đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện xử lý dữ liệu được áp dụng cụ thể đối với dữ liệu đó. Tính chất của dữ liệu cũng là một yếu tố quyết định biện pháp bảo vệ bí mật nào là phù hợp. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng các loại dữ liệu cá nhân có tính chất nhạy cảm là rất phong phú đa dạng và tùy thuộc vào điều kiện cụ thể. Chẳng hạn như dữ liệu cho thấy một người bị gãy chân có thể được coi là dữ liệu cá nhân có tính nhạy cảm mặc dù đây là sự thật hiện hữu vì ai nhìn thấy anh ta cũng có thể biết được vì anh ta dùng nạng và chân bị băng bó. Tuy nhiên, ai cũng lại thấy rõ là dữ liệu về sức khỏe tinh thần của một người sẽ mang tính nhạy cảm hơn là dữ liệu cho thấy anh ta bị gãy chân. Rất nhiều người lựa chọn tự tuyên bố xu hướng



chính trị, xã hội của mình qua việc đeo các phù hiệu. Do vậy, khi xử lý dữ liệu cá nhân có tính nhạy cảm cũng cần cân nhắc việc dữ liệu đó hàm chứa thông tin đã được chính cá nhân đó công khai. Một số yếu tố khác như tôn giáo và dân tộc có thể được nhận biết thông qua trang phục hoặc tên gọi, ví dụ như nhiều tên họ cho thấy được nguồn gốc tôn giáo hoặc dân tộc của người mang tên đó. Tuy nhiên, việc xử lý tất cả các tên họ như là dữ liệu cá nhân có tính nhạy cảm là không cần thiết. Bên cạnh đó, người xử lý dữ liệu cũng cần cẩn trọng tránh tình trạng thu thập dữ liệu không chính xác.

Ở Việt Nam, hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào đưa ra định nghĩa “dữ liệu cá nhân”. Tuy nhiên, khái niệm “thông tin cá nhân” và “dữ liệu” đã được quy định trong Luật an toàn thông tin mạng và Luật giao dịch điện tử. Khoản 15 Điều 3 Luật an toàn thông tin mạng quy định “thông tin cá nhân là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể”. Khoản 5 Điều 4 Luật giao dịch điện tử quy định “*Dữ liệu là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.*”

Từ cách tiếp cận trên đây, có thể hiểu “**dữ liệu cá nhân**” là tất cả các thông tin có thể được sử dụng để xác định một người. Các thông tin đó được thể hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc các dạng tương tự.

Có thể nói, do sự phát triển của công nghệ số, các dữ liệu cá nhân không chỉ được xử lý, lưu giữ mà còn được chuyển cho các máy tính hay các thiết bị công nghệ khác, nếu không được thực hiện chế độ bảo mật và có quy trình xử lý phù hợp thì có nhiều nguy cơ lộ, lọt và ảnh hưởng đến cá nhân là chủ dữ liệu. Chính vì vậy xu hướng pháp luật các nước điều chỉnh và bảo vệ trực tiếp đối với dữ liệu cá nhân thay vì quy định về bảo vệ thông tin cá nhân (như cách làm trước đây ở một số nước và như Việt Nam hiện nay (Luật an toàn thông tin mạng - xin xem Chương II Báo cáo) hay ngày càng ít các quốc gia ban hành luật về bảo vệ quyền riêng tư (quyền bí mật đời sống riêng tư) vì khái niệm này có phạm trù rộng, tùy từng bối cảnh, tình huống và điều kiện của các quốc gia mà có cách hiểu khác nhau. Hiện nay, việc chuyển giao dữ liệu cá nhân sang các nước cũng ngày càng thường xuyên hơn, nhất là các nước trong khối EU, do đó, các nước trong khối EU cần có cách tiếp cận và cách hiểu chung về phạm vi, nội hàm, khái niệm dữ liệu cá nhân cũng như cách thức bảo vệ, xử lý. Điều này lý giải vì sao EU yêu cầu các nước thành viên đều phải ban hành luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân (Việt Nam cũng cần tính đến vấn đề này khi tham gia các tổ chức khu vực như ASEAN hay APEC vì các giao dịch thương mại điện tử không thể tránh khỏi việc xử lý các dữ liệu cá nhân...).

**\* Khái niệm “bí mật dữ liệu cá nhân”:**

Theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt thì bí mật được giải thích là “giữ kín, không để lộ ra, không công khai”<sup>16</sup>. Tính “bí mật” của thông tin có thể được xác định theo các tiêu chí cụ thể. Một là, bản thân thông tin đó đã mang tính bí mật. Việc xác định thông tin mang tính bí mật có thể dựa vào bản chất của thông tin, có thể xác định theo quy định của pháp luật (thư tín, điện thoại, tình trạng bệnh tật...). Hai là, những thông tin này đã có văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định rõ đó là bí mật và không được tiết lộ hoặc xâm phạm. Ba là, người nắm giữ thông tin có thể đã áp dụng mọi biện pháp để bảo mật như khoá, cài đặt mã số bảo vệ, hoặc áp dụng mọi biện pháp bảo vệ khác. Bốn là, giữa “chủ sở hữu thông tin bí mật” với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đã có sự thoả thuận về nghĩa vụ giữ bí mật. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không coi là “bí mật” trong những trường hợp nhất định. Ví dụ: trong trường hợp những thông tin đó xâm phạm lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, thì việc tiết lộ những thông tin này không bị coi là “xâm phạm bí mật”.

Nội hàm bí mật đời tư và bí mật dữ liệu cá nhân khá gần với nhau. Theo Từ điển tiếng Việt, bí mật đời tư của cá nhân được hiểu là những gì thuộc về đời sống riêng tư của cá nhân (trong đó có thông tin, tư liệu cá nhân...) được giữ kín, không công khai, không tiết lộ.

Từ cách tiếp cận “dữ liệu cá nhân” và “bí mật” nêu trên, có thể hiểu **“bí mật dữ liệu cá nhân”** là việc giữ kín, không công khai các thông tin liên quan đến một cá nhân. Việc thu thập, lưu giữ, truy cập, chuyển giao, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân phải được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Bí mật dữ liệu cá nhân có đặc điểm là mang tính cá nhân và tính bí mật; việc công bố sẽ tạo ra sự bất lợi hoặc gây thiệt hại cho chủ dữ liệu. Về nguyên tắc, những thông tin thuộc dữ liệu cá nhân phải được bảo vệ, giữ kín, không được công khai, trừ các trường hợp đặc biệt cần thiết do luật định.

**\* Khái niệm “quyền riêng tư”, “quyền bí mật dữ liệu cá nhân”, “quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân”:**

Mặc dù có rất nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện nhưng khoa học pháp lý hiện đại vẫn chưa thực sự đạt được sự thống nhất trong việc đưa ra một khái niệm chuẩn, chung nhất về quyền riêng tư hay quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Trong khi nhiều học giả thiên về hướng định nghĩa quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một quyền con người được trao cho mọi cá nhân trong xã hội dựa trên sự tồn tại của họ thì một số người khác lập luận rằng sự riêng tư của cá nhân hay các bí mật dữ liệu cá nhân là đương nhiên và điều này không

---

<sup>16</sup>Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), “Đại từ điển Tiếng Việt”, Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, trang 155.

phụ thuộc vào pháp luật hay đạo đức. Quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân còn được khai thác dưới nhiều khía cạnh như sự bất khả xâm phạm về thân thể, tự chủ cá nhân, kiểm soát thông tin, dữ liệu cá nhân, các bảo vệ về nhân phẩm, danh dự và tự do đi lại, tự do ngôn luận và tự do bày tỏ chính kiến. Pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia trên thế giới cũng đưa ra những khái niệm khác nhau về quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Sự đa dạng trong việc đưa ra định nghĩa quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là do bối cảnh thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa cũng như quan điểm riêng của mỗi tổ chức quốc tế, mỗi quốc gia về vấn đề bảo vệ sự riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân. Chính vì vậy, khái niệm quyền bí mật dữ liệu cá nhân cần được nghiên cứu theo bối cảnh và điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, mỗi tổ chức và mỗi thời kỳ lịch sử.

*Về quyền riêng tư*, nhìn chung, quyền riêng tư được coi là quyền của con người trong việc đưa ra các quyết định đến những vấn đề thuộc về nhân thân và thầm kín của họ. Ở nghĩa cụ thể, quyền riêng tư bao gồm quyền được bảo toàn những vấn đề mang tính riêng tư, thầm kín, sự bất khả xâm phạm đối với đời sống gia đình, hôn nhân, sự sinh sản, nơi ở và xu hướng tình dục; quyền được tự do một mình; quyền được bảo vệ tự chủ cá nhân, được ghi nhận khả năng của cá nhân trong việc kiểm soát những khía cạnh sống còn của cuộc đời cá nhân; quyền đưa ra các lựa chọn cá nhân cho chính cuộc sống của cá nhân; quyền được bảo vệ sự khác biệt. Khi cá nhân xuất hiện trước công chúng không đồng nghĩa với việc họ phải từ bỏ quyền riêng tư của mình, mặc dù khi đó có thể ranh giới của sự riêng tư đã chuyển từ thầm kín, bí mật cao sang tính riêng tư đơn thuần, hay từ riêng tư chuyển sang công khai.

Cần nhấn mạnh rằng quyền riêng tư là quyền của của người có liên quan và là một khía cạnh vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ phẩm giá của con người. Tuy nhiên, quyền riêng tư không phải là một quyền tuyệt đối mà giống như các quyền khác phái sinh từ các quyền và sự tự do cơ bản được pháp luật, bao gồm quyền được sống và sự tự do cá nhân, cũng vốn không phải là quyền tuyệt đối. Thông thường, nhà nước có thể ban hành luật để giới hạn quyền riêng tư, nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc của việc hạn chế cơ bản. Việc hạn chế quyền riêng tư chỉ được thực hiện trên cơ sở một đạo luật cụ thể quy định rõ điều kiện cần thiết, quy trình thực hiện hợp lý, chặt chẽ. Sự hạn chế quyền tư chỉ được thực hiện khi thỏa mãn đầy đủ ba lớp điều kiện là (i) bảo đảm tính hợp pháp - phải có luật hiện hành quy định rõ về việc hạn chế; (ii) bảo đảm sự cần thiết – việc hạn chế là cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp nhà nước cần bảo vệ; và (iii) tính phù hợp – bảo đảm rằng mức độ hạn chế là ở mức phù hợp, có tính đến cân đối giữa yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư và lợi ích hợp pháp khác cũng như khách thể và phương tiện thực hiện nhằm bảo vệ cả quyền riêng tư và lợi ích đó. Ngoài ra, một điều cần lưu ý nữa là quyền riêng tư là chính là

quyền được tự do một mình của cá nhân, trừ khi công chúng có một lợi ích nhất định nào đó và ở mức hợp lý quan tâm đến vấn đề cá nhân của người đó, chẳng hạn như sự hiện diện của các ngôi sao hay nhân vật nổi tiếng trong các sự kiện.

**Về quyền bí mật dữ liệu cá nhân**, dưới góc độ pháp lý, trong mỗi quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân có chủ thể, khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật. Nếu khách thể của quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân là *những thông tin thuộc quyền riêng tư của cá nhân*, thì chủ thể của quan hệ pháp luật này có thể là *thể nhân* hoặc *pháp nhân*. Thể nhân là mọi người (bao gồm công dân, người nước ngoài và người không có quốc tịch, vì quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền con người). Các pháp nhân có thể là chủ thể của quan hệ pháp luật về quyền bí mật dữ liệu cá nhân khi họ là các chủ thể có trách nhiệm bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Nội dung của quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân là *quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân*.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân trước hết là quyền của mỗi cá nhân (*chủ dữ liệu*) đối với dữ liệu của mình. Chủ dữ liệu có các quyền cụ thể như: quyền được biết và truy cập các thông tin thuộc dữ liệu cá nhân của mình; quyền được biết về ai/cơ quan/tổ chức nào đang nắm giữ hoặc truy cập, tiếp cận, sử dụng thông tin thuộc dữ liệu cá nhân; quyền công khai hoặc không công khai, cho phép hoặc không cho phép chủ thể khác tiếp cận, thu thập, lưu trữ, chuyển giao dữ liệu cá nhân; quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ khi bị xâm phạm quyền...

Bên cạnh chủ dữ liệu, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép theo quy định của pháp luật cũng có thể có một số quyền và trách nhiệm nhất định đối với dữ liệu cá nhân (ví dụ như quyền thu thập, lưu trữ, chuyển giao thông tin/dữ liệu cá nhân, quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân...).

Tùy theo quy định pháp luật của mỗi quốc gia mà nội hàm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân và phạm vi quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan là khác nhau.

**Về quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân**, quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân thường được hiểu là quyền có liên quan đến một loạt các quyền khác của con người khi dữ liệu cá nhân của họ được thu thập. Các quyền này bao gồm quyền được thông tin khi nào dữ liệu cá nhân của mình được thu thập, quyền được biết tên người thu thập dữ liệu cá nhân của mình và biết dữ liệu cá nhân của mình sẽ được xử lý như thế nào, quyền được nhận thông tin về việc dữ liệu cá nhân được thu thập một cách gián tiếp hay trực tiếp, quyền được thông báo khi người kiểm soát dữ liệu xử lý dữ liệu cá nhân, quyền được tiếp cận, sao chép

dữ liệu cá nhân, quyền được yêu cầu xóa toàn bộ, chặn hoặc xóa một phần dữ liệu cá nhân. Pháp luật nhiều nước trên thế giới cũng ghi nhận quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là một trong những quyền cơ bản của con người. Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân cho phép cá nhân bảo đảm được rằng dữ liệu cá nhân của họ chỉ được lưu giữ và xử lý theo các nguyên tắc và trình tự luật định. Một cách cụ thể, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm các quyền sau đây: Quyền được tiếp cận dữ liệu cá nhân: Cá nhân liên quan được quyền yêu cầu người khác, doanh nghiệp, hiệp hội hay tổ chức cung cấp thông tin về việc dữ liệu cá nhân của họ đang được thu thập. Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan hoặc người kiểm soát dữ liệu cung cấp toàn bộ dữ liệu cá nhân của mình. Cụ thể cá nhân có quyền được biết: nguồn dữ liệu cá nhân của mình đang được xử lý là từ đâu; mục đích và cách thức dữ liệu cá nhân được xử lý; phương pháp xử lý dữ liệu cá nhân được áp dụng và lý do của việc xử lý là gì; cơ quan, tổ chức, cá nhân nắm giữ và xử lý dữ liệu cá nhân là ai; loại dữ liệu cá nhân có thể được công khai hoặc tiết lộ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Khi thực hiện các quyền này cá nhân thường không cần phải cung cấp lý do và không phải trả chi phí.

- Quyền cập nhật, thay đổi và yêu cầu xóa bỏ dữ liệu cá nhân: Cá nhân có quyền yêu cầu bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đang nắm giữ, xử lý dữ liệu cá nhân của mình thực hiện việc cập nhật, thay đổi hay bổ sung dữ liệu cá nhân (việc bổ sung dữ liệu chỉ được thực hiện khi có bằng chứng và lý do cụ thể). Cá nhân cũng có thể yêu cầu chặn, xóa hoặc ẩn dữ liệu cá nhân của mình trong trường hợp dữ liệu không được xử lý theo quy định của pháp luật hoặc việc lưu giữ dữ liệu không còn cần thiết. Trong các trường hợp này, việc cập nhật, sửa đổi, hay xóa bỏ dữ liệu cá nhân phải được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiếp nhận dữ liệu cá nhân trước đó, trừ trường hợp có bằng chứng cho rằng việc thông báo không thể thực hiện được hoặc đã việc thông báo là không cần thiết.

- Quyền phản đối: Cá nhân được quyền phản đối việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình dựa trên cơ sở pháp lý và trong tất cả các trường hợp mà không cần đưa ra lý do của việc phản đối khi cá nhân cho rằng dữ liệu cá nhân của mình đang được thu thập và xử lý vì mục đích quảng cáo hay thương mại hóa.

### **3. Tầm quan trọng của quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Dưới góc độ là một biện pháp then chốt nhằm bảo vệ quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có các vai trò cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, bảo vệ quyền tự chủ của cá nhân. Các dữ liệu cá nhân về một con người không bị tiết lộ đối với người khác là nền tảng tối quan trọng đối với sự phát triển, hoàn thiện về mặt bản sắc cá nhân cũng như nhận thức và lựa chọn riêng của họ trong cuộc đời. Bí mật dữ liệu cá nhân cũng có vai trò quan trọng tương tự trong việc bảo đảm cá nhân có thể thực hiện các chức năng tâm lý một

cách bình thường, bình ôn các mối quan hệ của cá nhân với người khác và thúc đẩy sự phát triển cá nhân. Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ sự riêng tư là nền tảng cho sự phát triển bản sắc cá nhân của mỗi người.

*Thứ hai*, giúp con người được thoải mái về cảm xúc và tình cảm. Cuộc sống thường ngày tạo cho con người nhiều áp lực cả về thể chất và tâm lý và để bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần, con người cần có khoảng riêng tư và thư giãn. Sự riêng tư và không có mối bận tâm về thông tin bị rò rỉ làm cho con người hành xử một cách lành mạnh thông qua việc cho phép họ có được sự thư giãn, được là chính mình và thoát khỏi những căng thẳng, áp lực trong quốc sống, cho phép họ được bộc lộ sự căm phẫn, tức giận, đau khổ và các cảm xúc tình cảm khác mà không sợ bị người khác phản ứng, phán xét hay chế giễu. Về mặt tâm lý, việc không được đảm bảo về sự riêng tư và bí mật dữ liệu cá nhân có thể dẫn tới nhiều hậu quả khác nhau, từ ít nghiêm trọng tới rất nghiêm trọng như suy sụp tinh thần, hành động cực đoan hay rơi vào tình trạng tâm thần và mất nhận thức.

*Thứ ba*, bảo đảm việc tự chủ của cá nhân trong việc đánh giá và ra quyết định. Đối với mỗi người, việc tích lũy và sử dụng các kinh nghiệm của họ để định hình và phát triển bản ngã của riêng mình là rất quan trọng. Việc tự chủ cũng như cơ hội để lựa chọn, sắp xếp kinh nghiệm và thể hiện mình là điều kiện thiết yếu để mỗi người phát huy sự sáng tạo của mình. Mỗi cá nhân đều cần thiết có không gian và thời gian để xử lý các thông tin mà họ nhận được. Sự riêng tư và bí mật dữ liệu cá nhân cho phép họ có cơ hội lựa chọn các cách ứng xử khác nhau cũng như hệ quả của chúng để từ đó hành xử một cách nhất quán và đúng đắn nhất có thể.

*Thứ tư*, giới hạn và bảo vệ các mối quan hệ giao tiếp với bên ngoài của cá nhân. Trong điều kiện đời sống ngày càng trở nên ngột ngạt và chật hẹp buộc con người phải đối đầu với nhiều đựng độ cả về thể chất và tâm lý thì đây là một chức năng vô cùng quan trọng của quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Giá trị của quyền bí mật dữ liệu cá nhân còn là ở chỗ chúng vẫn bảo đảm rằng nếu muốn, các cá nhân vẫn có cơ hội chia sẻ các bí mật với gia đình, bạn bè và những người thân quen.

Nói một cách ngắn gọn, bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân là tạo cơ hội để con người được là chính mình và sống một cách bình thường, thoải mái như một con người bình thường. Với trọng trách như vậy, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với riêng cá nhân mà còn đối với toàn xã hội. Tầm quan trọng quyền bí mật dữ liệu cá nhân có thể thấy được qua các khía cạnh sau:

- Một là, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là công cụ hữu hiệu để cá nhân giữ được quyền tự chủ và tính cá nhân, bản ngã của mình. Con người chỉ có thể làm

chủ được bản thân khi họ có thể kiểm soát được thông tin về bản thân họ và trong một xã hội dân chủ, nhà nước không đặt ra yêu cầu cá nhân phải đưa ra lựa chọn những thông tin gì về bản thân mình họ muốn chia sẻ hay giữ bí mật. Quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng hạn chế quyền lực của nhà nước và các chủ thể ngoài nhà nước trong việc thu thập, nắm giữ và sử dụng các thông tin, dữ liệu cá nhân. Cả lý thuyết và thực tiễn đều cho thấy nếu như một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào đó càng biết nhiều về một người cụ thể thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó lại càng có quyền kiểm soát đối với người đó hơn. Bằng việc đưa ra các giới hạn, quyền bí mật dữ liệu cá nhân chỉ cho phép thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân trong những điều kiện nhất định luật định, ở một mức hợp lý và bảo đảm không gây tổn hại đến cá nhân có liên quan.

- Hai là, quyền bí mật dữ liệu cá nhân giúp con người bảo toàn được danh dự, uy tín của mình. Dữ liệu của các cá nhân không chỉ được sử dụng vào việc đưa ra những quyết định có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc đời họ mà còn có thể bị sử dụng vào việc làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cá nhân hay gây tác động đến quyết định và cách ứng xử của họ. Phán xét của người khác về một cá nhân có ảnh hưởng quan trọng đến cơ hội, quan hệ và đời sống nói chung của cá nhân đó. Nếu như cá nhân không thể hoàn toàn kiểm soát được người khác phán xét gì về bản thân mình thì họ cũng phải có cơ hội để tránh những phán xét không công bằng đối với danh dự, uy tín của họ, tuy nhiên, điều này không liên quan việc họ cần phải chia sẻ thông tin về bản thân mình cho người khác. Người ta thường phán xét cực đoan do sự ganh ghét, đố kỵ, thiếu suy nghĩ hay không nhìn vào toàn bộ sự việc mà chỉ phán xét với sự áp đặt. Và do vậy, bảo vệ sự riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân chính là biện pháp hữu hiệu bảo vệ cá nhân khỏi những phán xét thiếu thiện chí.

- Ba là, quyền bí mật dữ liệu cá nhân góp phần tạo ra và duy trì những giới hạn thích hợp về mặt xã hội. Mỗi cá nhân luôn có những giới hạn nhất định đối với người khác trong xã hội và các giới hạn này bao gồm cả về mặt không gian và thông tin. Cá nhân cần có không gian riêng để nghỉ ngơi, thư giãn mà không bị đặt dưới sự quan sát của những người khác. Cá nhân cũng cần có những thông tin riêng tư không phải chia sẻ với ai. Việc phá vỡ các giới hạn này có thể gây ra những tình huống trái ngang trong cuộc sống và hủy hoại các mối quan hệ. Quyền bí mật dữ liệu cá nhân không chỉ là cơ sở duy trì các giới hạn về mặt xã hội mà còn là công cụ làm hạn chế những câu chuyện phiếm thiên dè dặt về các cá nhân trong xã hội thông qua việc nâng cao nhận thức của con người về việc chia sẻ thông tin của chính mình cũng như tiếp nhận thông tin cá nhân của người khác.

- Bốn là, quyền bí mật dữ liệu cá nhân góp phần tăng cường sự niềm tin trong xã hội. Trong bất cứ mối quan hệ nào, dù là quan hệ cá nhân, quan hệ

chuyên môn, quan hệ với nhà nước hay quan hệ thương mại thì niềm tin giữa các bên cũng đều rất quan trọng. Việc thông tin về sự riêng tư, dữ liệu cá nhân bị tiết lộ cũng sẽ đồng nghĩa với việc phá vỡ niềm tin và có thể dẫn tới chấm dứt mối quan hệ, chẳng hạn như chấm dứt mối quan hệ khách hàng giữa thân chủ và luật sư, giữa bệnh nhân và bác sỹ nếu như thông tin về khách hàng bị tiết lộ. Người ta cũng chỉ làm ăn, buôn bán kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp mà họ tin tưởng.

- Năm là, quyền bí mật dữ liệu cá nhân giúp cá nhân kiểm soát tốt hơn các vấn đề trong cuộc sống của họ. Các dữ liệu cá nhân được sử dụng trong nhiều quyết định liên quan đến họ, từ việc vay vốn, xin giấy phép, công việc đến uy tín cá nhân và uy tín nghề nghiệp. Dữ liệu cá nhân cũng được sử dụng khi nhà chức trách xử lý các vấn đề liên quan đến cá nhân như kiểm tra an ninh sân bay hay từ chối cấp giấy phép lái xe vì vấn đề sức khỏe. Các dữ liệu cá nhân có liên quan gần như hầu hết đến các vấn đề của cá nhân, bao gồm cả các tin nhắn và các nội dung tìm kiếm trên Internet. Quyền bí mật dữ liệu cá nhân cho phép cá nhân biết được dữ liệu nào về mình đang được sử dụng và sử dụng như thế nào và họ có thể đưa ra các đính chính, sửa đổi hay khiếu nại, khiếu kiện đối với việc sử dụng dữ liệu cá nhân đã hoặc có thể gây hại cho mình. Một trong những tiêu điểm quan trọng của sự tự do đối với con người là việc tự chủ và kiểm soát được cuộc sống của chính mình, do vậy, nếu cá nhân không thể tự chủ và không kiểm soát được việc thông tin về họ được sử dụng như thế nào trong các quyết định liên quan đến họ thì sự tự do thực sự đã bị hủy hoại.

- Sáu là, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy quyền tự do bày tỏ chính kiến và quyền tự do ngôn luận. Khi quyền bí mật dữ liệu cá nhân được bảo đảm, cá nhân có thể bày tỏ chính kiến, quan điểm của mình về các vấn đề dưới nhiều lăng kính khác nhau, kể cả những quan điểm, chính kiến thiểu số, trái chiều. Bí mật dữ liệu cá nhân là công cụ hữu hiệu bảo vệ những phát ngôn truyền tải các thông điệp mang tính thiểu số. Đặc biệt, nếu bí mật dữ liệu cá nhân được bảo đảm, cá nhân còn có thể thoải mái hơn khi tham gia thảo luận về những vấn đề mà gia đình, bạn bè hay đồng nghiệp của họ không ủng hộ.

Tương tự như vậy, quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng thúc đẩy việc thực hiện các quyền khác của con người, quyền công dân như quyền bầu cử, quyền tự do tôn giáo hay quyền lập hội...

#### **4. Đặc điểm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Việc chỉ ra các đặc điểm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân là cơ sở để xác định phạm vi quyền của chủ thể, quyền và trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Có thể khái quát một số đặc điểm chính của quyền bí mật dữ liệu cá nhân như sau:



*Thứ nhất, thông tin tạo thành dữ liệu cá nhân phải được thu thập hợp pháp.* Do đó, cần có biện pháp bảo đảm độ tin cậy và tính chính xác của các thông tin tạo thành dữ liệu cá nhân. Trường hợp có sai sót hoặc bị xóa bỏ thì thông tin thuộc dữ liệu cá nhân cần được chỉnh sửa hoặc khôi phục. Quan trọng hơn, các thông tin tạo thành dữ liệu cá nhân phải được thu thập, truy cập, sử dụng, xử lý hợp pháp. Chỉ những chủ thể hợp pháp mới có quyền được thu thập, tiếp cận, lưu giữ, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân. Các hành động xử lý thông tin thuộc dữ liệu cá nhân (như thu thập, tiếp cận, lưu giữ, sử dụng...) phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai, quyền bí mật dữ liệu cá nhân trước hết là quyền của cá nhân đối với dữ liệu của mình.* Đây là quyền con người phái sinh từ quyền riêng tư/quyền bí mật cá nhân như đã đề cập ở trên. *Chủ thể chính có quyền đối với dữ liệu cá nhân* là: (i) cá nhân với tư cách là chủ dữ liệu và (ii) chủ thể nắm giữ, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin/dữ liệu cá nhân (chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân nhất định theo quy định của pháp luật mới có quyền được tiếp cận, nắm giữ, quản lý, sử dụng, xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân). Hai chủ thể này có phạm vi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân khác nhau. Bên cạnh đó, về cơ bản, việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân được thực hiện đối với mọi đối với chủ thể của dữ liệu cá nhân mà không phụ thuộc vào việc họ có đủ năng lực hành vi dân sự hay không. Do đó, đối với các đối tượng như trẻ em, người có khiếm khuyết về thể chất hay tinh thần, họ vẫn là chủ thể của quyền bí mật dữ liệu cá nhân và dữ liệu cá nhân của họ cũng phải được pháp luật bảo vệ.

Lưu ý rằng, phạm vi chủ thể có trách nhiệm bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân không chỉ là các chủ thể có quyền đối với dữ liệu cá nhân, mà còn bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Việc thực hiện nghĩa vụ này phù hợp với nguyên tắc “việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác” (được ghi nhận là khoản 4 Điều 15 Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam).

*Thứ ba, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một quyền tương đối.* Sở dĩ khẳng định đây là một quyền tương đối vì ngoài cá nhân có quyền đối với dữ liệu của mình, trong một số trường hợp, dữ liệu này còn được sử dụng bởi cơ quan, tổ chức hoặc chủ thể khác khi luật cho phép, bất luận chủ dữ liệu có đồng ý hay không. Tuy nhiên, các trường hợp này thường rất hạn chế và phải được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật.

*Thứ tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân tồn tại ngay cả khi cá nhân chết.* Quyền bí mật dữ liệu cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ trong suốt cuộc đời của cá nhân. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, khi cá nhân không thể tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình (mất năng lực hành vi dân sự, không có năng lực hành vi dân sự...) thì người đại diện theo pháp luật có

thể thực hiện việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân bằng cách áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Thứ năm, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có tính lịch sử và có sự khác biệt ở mỗi quốc gia.* Trong mỗi giai đoạn lịch sử và dựa trên nền tảng về chính trị, tôn giáo, kinh tế, văn hóa, xã hội... mà các quốc gia thường có các quy định pháp luật khác nhau về dữ liệu cá nhân, phạm vi quyền bí mật dữ liệu cá nhân, quyền và trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cũng như cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

*Thứ sáu, để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, đòi hỏi cần có các cơ chế, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền một cách hiệu quả, khả thi, phù hợp với đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia.* Đặc điểm, nội dung cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân được phân tích cụ thể tại mục II Chương này.

## **5. Nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm các quyền của các chủ thể đối với dữ liệu cá nhân. Có hai chủ thể chính là: chủ dữ liệu (cá nhân) và chủ thể nắm giữ, quản lý, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật (cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền).

Pháp luật các nước thường có quy định khác nhau về phạm vi nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Trong khuôn khổ Liên minh Châu Âu, khi dữ liệu cá nhân được truy cập, thì bản thân cá nhân đó có các quyền như: quyền được thông báo một cách rõ ràng và dễ hiểu về việc dữ liệu của mình được truy cập; quyền được tiếp cận đối với dữ liệu cá nhân của mình; quyền được sửa chữa bất kỳ thông tin sai sót hoặc không đầy đủ; trong một số trường hợp, có quyền phản đối việc truy cập đối với dữ liệu cá nhân trên cơ sở các lý do hợp pháp; quyền không bị là đối tượng trong các quyết định đánh giá về các khía cạnh mang tính cá nhân, ví dụ như việc thực thi nhiệm vụ tại nơi làm việc, độ tin cậy, hành vi cá nhân; quyền được nhận bồi thường từ người kiểm soát dữ liệu cho bất kỳ tổn thất nào...<sup>17</sup>

Theo pháp luật Cộng hòa Pháp, quyền bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm các quyền cụ thể sau: (i) *Quyền được thông tin về việc xử lý dữ liệu:* khi một tổ chức muốn thu thập thông tin qua bảng hỏi (như thu thập thông tin về thu nhập, lương, trợ cấp xã hội...) thì phải thông báo rõ mục đích cho người có thông tin.

---

<sup>17</sup> European Commission, [http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002\\_-\\_protection\\_of\\_personnal\\_data\\_a4\\_en.pdf](http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002_-_protection_of_personnal_data_a4_en.pdf)

Những dữ liệu được xử lý với những mục đích đã xác định rõ, công khai và chính đáng và không được xử lý về sau theo cách thức không tương thích với những mục đích này. Ví dụ: Một doanh nghiệp thu thập dữ liệu của khách hàng với mục tiêu ban đầu là để bán hàng, lập hóa đơn, nhưng sau đó lại sử dụng để quảng cáo thì được coi là không tương thích với mục đích ban đầu; dữ liệu cá nhân được sử dụng bởi cơ quan bảo hiểm xã hội thì chỉ phục vụ mục đích phúc lợi xã hội, không sử dụng cho thương mại, quảng cáo... (ii) *Quyền phản đối hay chấp nhận cung cấp thông tin*: cá nhân có quyền phản đối việc thu thập dữ liệu về mình, đặc biệt thu thập có mục tiêu thương mại. Tuy nhiên, pháp luật Pháp cũng quy định trong một số trường hợp cá nhân không có quyền phản đối việc thu thập thông tin, ví dụ: trường hợp việc thu thập thông tin nhằm thực thi một nhiệm vụ dịch vụ công (cung cấp thông tin để đăng ký xe, nộp thuế, bảo hiểm xã hội...). Bên cạnh đó, pháp luật Pháp cũng quy định trong một số trường hợp không được xử lý dữ liệu cá nhân ngay cả khi có sự đồng ý của cá nhân, ví dụ: Bộ luật về sức khỏe công cộng quy định công ty bảo hiểm không được thu thập thông tin về gen cá nhân ngay cả khi cá nhân đó đồng ý; Bộ luật Lao động cấm thu thập thông tin về nguồn gốc chủng tộc khi tiến hành tuyển dụng...; (iii) *Quyền tiếp cận thông tin cá nhân của mình*: mọi cá nhân đều có quyền yêu cầu tổ chức, cơ quan nắm giữ thông tin cung cấp cho mình thông tin cá nhân của mình; có thể yêu cầu để xem dữ liệu đó có chính xác hay không, nếu không chính xác thì có quyền yêu cầu sửa chữa hoặc xóa bỏ.

Bên cạnh quy định các quyền cụ thể của cá nhân đối với dữ liệu của mình, pháp luật Pháp còn quy định quyền và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan, nhất là quyền và trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền kiểm soát, lưu giữ thông tin/dữ liệu cá nhân. Ví dụ: theo pháp luật của Pháp, mọi hoạt động xử lý thông tin cá nhân (như thu thập, ghi lại, bảo quản, chỉnh sửa, sửa đổi, sao trích, tra cứu, sử dụng, phát tán, cung cấp, truy cập, chặn, xóa, phá hủy thông tin...) chỉ được tiến hành khi cá nhân là chủ dữ liệu đồng ý; chỉ một số trường hợp việc xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của cá nhân, như khi thực hiện nghĩa vụ pháp lý của người có trách nhiệm xử lý; bảo vệ cuộc sống của cá nhân liên quan...

Qua nghiên cứu lý luận và pháp luật các nước, nhóm nghiên cứu phân loại một số nhóm quyền thuộc nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân như sau:

*Thứ nhất, quyền công khai hoặc không công khai dữ liệu cá nhân*. Dữ liệu cá nhân có ý nghĩa quan trọng đối với không chỉ riêng cá nhân có thông tin trực tiếp liên quan đến dữ liệu, mà còn có ý nghĩa đối với nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân khác. Về nguyên tắc, bí mật dữ liệu cá nhân đòi hỏi các thông tin thuộc dữ liệu cá nhân đó phải được giữ kín, không được công bố công khai cho người khác. Dữ liệu cá nhân chỉ được công khai bởi chính chủ dữ liệu và chủ thể

có thẩm quyền trong những trường hợp, điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật. Việc công khai hoặc không công khai dữ liệu cá nhân có thể thuộc về các chủ thể sau: bản thân cá nhân có dữ liệu; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bên thứ ba (theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật).

*Thứ hai, quyền truy cập vào dữ liệu cá nhân.* Đây là quyền đương nhiên của cá nhân khi dữ liệu liên quan đến cá nhân đó được tạo ra, lưu giữ bởi cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Về nguyên tắc, khi những thông tin cá nhân được thu thập, lưu giữ hợp pháp, cá nhân có quyền yêu cầu được tiếp cận, truy cập bất kỳ lúc nào. Mặt khác, để có thể có dữ liệu cá nhân hoàn chỉnh thì việc thu thập, lưu giữ thông tin cá nhân cần được thực hiện bởi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định.

*Thứ ba, quyền yêu cầu sửa chữa những sai sót liên quan đến dữ liệu cá nhân.* Trường hợp này xảy ra khi cá nhân là chủ dữ liệu đó phát hiện dữ liệu cá nhân của mình bị thiếu hoặc có thông tin không chính xác.

*Thứ tư, quyền cho phép chủ thể khác tiếp cận, lưu trữ dữ liệu cá nhân.* Việc tiếp cận, lưu trữ dữ liệu cá nhân cũng liên quan mật thiết tới quyền khai thác, sử dụng thông tin trong dữ liệu cá nhân. Do đó, cá nhân hoặc chủ thể khác có quyền theo quy định của pháp luật cũng có quyền cho phép hoặc không cho phép chủ thể khác tiếp cận, lưu trữ dữ liệu cá nhân. Một điểm lưu ý là cá nhân là chủ dữ liệu có quyền được thông báo khi dữ liệu cá nhân của mình được tiếp cận, truy cập hay sử dụng. Việc thông báo cần nêu rõ cá nhân, tổ chức tiếp cận, truy cập, sử dụng dữ liệu cá nhân và mục đích của việc tiếp cận, truy cập, sử dụng.

*Thứ năm, quyền chuyển giao hoặc không cho phép chuyển giao dữ liệu cá nhân.* Việc chuyển giao dữ liệu cá nhân về nguyên tắc phải được sự đồng ý của bản thân cá nhân đó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp việc chuyển giao dữ liệu cá nhân có thể được thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ thể khác theo quy định của pháp luật.

*Thứ sáu, quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ khi bị xâm phạm quyền.* Khi dữ liệu cá nhân bị khai thác, sử dụng, công bố trái pháp luật, cá nhân có dữ liệu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại. Việc xác định cơ chế khiếu nại, khiếu kiện, bồi thường thiệt hại liên quan đến bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cũng như trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức tùy thuộc vào quy định pháp luật của từng quốc gia.

## 6. Môi quan hệ giữa quyền bí mật dữ liệu cá nhân và các quyền khác

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân có mối quan hệ mật thiết với các quyền khác của cá nhân, nhất là quyền bí mật đời tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, quyền tiếp cận thông tin.

Quyền bí mật đời tư là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến giai đoạn văn minh. Xã hội càng văn minh thì quyền bí mật đời tư càng được tôn trọng và bảo vệ và đó là những pháo đài bất khả xâm phạm của cá nhân con người. Theo Báo cáo "*Quyền riêng tư và nhân quyền*" năm 2004 của Tổ chức Bảo mật Quốc tế và Trung tâm bảo mật thông tin điện tử, quyền riêng tư có các nội dung cơ bản sau<sup>18</sup>: (i) *Sự riêng tư về thông tin cá nhân*: bao gồm việc ban hành các quy tắc quản lý trong việc thu thập và xử lý các dữ liệu cá nhân như thông tin tín dụng, hồ sơ y tế và các hồ sơ của chính quyền lưu trữ về công dân đó. Nó còn được gọi là "*bảo vệ dữ liệu cá nhân*"; (ii) *Sự riêng tư về cơ thể*: liên quan đến việc bảo vệ thân thể (vật chất) của người dân đối với hình thức xâm hại như xét nghiệm di truyền, thử nghiệm ma túy và thử nghiệm lâm sàng trên cơ thể; (iii) *Sự riêng tư về thông tin liên lạc*: bao gồm bảo mật và riêng tư về thư từ, bưu phẩm, điện thoại, thư điện tử và các hình thức truyền thông khác; (iv) *Sự riêng tư về nơi cư trú*: liên quan đến việc ban hành các giới hạn đối với sự xâm nhập vào môi trường sống của cá nhân, nơi làm việc hoặc không gian công cộng. Điều này bao gồm tìm kiếm thông tin, theo dõi bằng video và kiểm tra giấy tờ tùy thân.

Thông tin cá nhân là một trong những yếu tố gắn liền với mỗi cá nhân con người, có thể giúp định danh một cá nhân cụ thể. Các thông tin khác nhau tạo nên dữ liệu cá nhân và Nhà nước là chủ thể chính nắm giữ dữ liệu này. Việc quản lý, xử lý, sử dụng dữ liệu cá nhân như thế nào có ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, từ đó ảnh hưởng đến việc bảo vệ bí mật đời tư, bí mật gia đình của cá nhân. Vi phạm thông tin/dữ liệu cá nhân cũng là một biểu hiện của vi phạm quyền riêng tư. Trong hệ thống pháp luật Common law, khi xem xét các vi phạm pháp luật dân sự, các luật gia thường thấy có 5 loại vi phạm quyền riêng tư phổ biến là: (1) Khi nơi ở và sự riêng tư bị đe dọa; (2) Khi thông tin riêng tư của họ bị công khai cho dân chúng; (3) Khi thông tin về họ không đúng sự thật (bị vu khống, bôi nhọ); (4) Khi bị ai đó đặt trùng tên mà không được sự đồng ý của họ; (5) Khi có sự cạnh tranh không lành mạnh bằng việc trộm cắp bí mật thương mại.<sup>19</sup>

---

<sup>18</sup> Dẫn theo Đinh Tiến Dũng, *Quyền riêng tư trong Hiến pháp 2013 và các biện pháp bảo đảm bằng pháp luật*, Tạp chí Thông tin truyền thông, Kỳ 1/6/2014.

<sup>19</sup> [www.legal-dictionary.thefreedictionary.com/right+of+privacy](http://www.legal-dictionary.thefreedictionary.com/right+of+privacy).

Việc bảo vệ bí mật cá nhân theo pháp luật quốc tế, khu vực, pháp luật của nhiều quốc gia có xu hướng tập trung vào bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Điều này không có nghĩa là pháp luật không bảo vệ bí mật đời sống riêng tư, bí mật gia đình. Các nước châu Âu gần đây thường ban hành luật có tên là Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân (ví dụ: Ba Lan, Hungary...) thay vì ban hành luật bảo vệ quyền riêng tư như cách quy định trước đây. Cũng có nước ban hành Luật bảo vệ thông tin cá nhân (ví dụ Hàn Quốc...). Việc pháp luật các nước tập trung bảo vệ dữ liệu cá nhân thay vì bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ đời sống riêng tư vì như đã phân tích ở trên, đời sống riêng tư, quyền riêng tư là khái niệm rất rộng và khó xác định, khó giới hạn, nhất là trong các bối cảnh, tình huống khác nhau và tùy điều kiện của mỗi quốc gia mà có cách hiểu về nội hàm của quyền cũng khác nhau. Việc xác định nội hàm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân thường rõ ràng hơn và có cách hiểu chung hơn. Nói đến dữ liệu thường được liên tưởng tới các dữ liệu trong máy tính, được lưu trữ và xử lý tại đó hoặc chuyển cho một người hoặc máy tính khác.

Ở Việt Nam, quyền bí mật dữ liệu cá nhân chưa được quy định trong một văn bản pháp luật cụ thể. Tuy nhiên, *quyền bí mật dữ liệu cá nhân có thể được hiểu là một nội dung của quyền bí mật cá nhân, bí mật gia đình* (được ghi nhận tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013). Dữ liệu cá nhân trong các văn bản pháp luật ở Việt Nam thường được dùng là “*thông tin riêng*” hoặc “*thông tin cá nhân*”, “*thông tin về bí mật đời tư*”, “*thông tin về bí mật cá nhân, bí mật gia đình*”, “*thông tin về đời sống riêng tư*”... Tương tự như bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân cũng mang tính cá nhân và tính bí mật. Tính cá nhân thể hiện ở các thông tin chỉ thuộc về sở hữu của một người duy nhất (như thông tin y tế, số tài khoản giao dịch ngân hàng, quan hệ gia đình, địa chỉ nhà ở...). Tính bí mật thể hiện ở việc đối với những thông tin thuộc dữ liệu cá nhân, cá nhân hay tổ chức có thông tin/dữ liệu đó không được tiết lộ cho người khác biết, trừ trường hợp luật quy định khác. Căn cứ chính để pháp luật bảo vệ sự bí mật của những thông tin này là vì các thông tin/dữ liệu cá nhân thuộc quyền riêng tư (right of privacy) của con người.

Như vậy, một cách tương đối có thể thấy quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng như các quyền bí mật đời tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đều là những quyền phái sinh từ quyền khác có tính phổ quát hơn là quyền riêng tư. Về bản chất các quyền này có sự trùng lặp rất lớn về chủ thể, đặc điểm cũng như nội dung và giữa chúng luôn luôn tồn tại quan hệ tương hỗ chặt chẽ. Chính vì vậy, khi xây dựng và thực hiện các cải cách và giải pháp nhằm bảo đảm mỗi quyền rất cần thiết phải tính đến cả việc bảo đảm các quyền khác. Theo đó, các biện pháp lựa chọn áp dụng ngoài các biện pháp đặc thù phù hợp với từng quyền riêng rẽ còn phải có những giải pháp chung mang tính toàn diện, tổng thể nhằm bảo vệ sự riêng tư, các dữ liệu cá nhân và các bí mật khác của cá nhân.

Trong mối quan hệ với quyền tiếp cận thông tin, có thể thấy do yêu cầu của việc bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân nên quyền tiếp cận thông tin của công dân phải bị giới hạn trong trường hợp nhất định. Theo quy định của Luật tiếp cận thông tin năm 2016, điều kiện để công dân được tiếp cận đối với thông tin thuộc bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân là phải được sự đồng ý của người đó; điều kiện để được tiếp cận đối với thông tin thuộc bí mật gia đình là được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình đó. Do vậy, về nguyên tắc, để được tiếp cận đối với thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thì cần có sự đồng ý của chủ dữ liệu, trừ trường hợp luật có quy định khác. Ngược lại, trong một số trường hợp khác, quyền bí mật dữ liệu cá nhân lại bị giới hạn do việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Luật tiếp cận thông tin cho phép cơ quan nhà nước cung cấp thông tin thuộc bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp vì lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, xét một cách sâu xa thì những giới hạn này đều là cần thiết và ở mức phù hợp, góp phần bảo đảm bảo vệ quyền tiếp cận thông tin và quyền bí mật dữ liệu cá nhân một cách hợp lý.

Ngoài ra, quyền bí mật dữ liệu cá nhân còn có quan hệ tương hỗ với nhiều quyền dân sự, chính trị khác của cá nhân, công dân. Như trên đã nêu, bí mật dữ liệu cá nhân có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện các quyền tự do ngôn luận, tự do bày tỏ chính kiến, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do lập hội... Công dân cũng tích cực, chủ động hơn trong việc thực hiện các quyền khác như quyền bầu cử, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền tố cáo khi họ chắc chắn rằng tính bí mật của các dữ liệu cá nhân của mình được bảo đảm.

## **II. Lý luận về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

### **1. Khái niệm cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Theo Đại từ điển tiếng Việt: “cơ chế là cách thức, sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện”<sup>20</sup>. Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học: “cơ chế là cách thức theo đó một quá trình thực hiện”<sup>21</sup>. Từ điển ngôn ngữ Anh-Việt giải thích từ “mechanism” là những bộ phận của một tổ chức hoặc hệ thống, các phương pháp hoặc thủ tục để làm cho cái gì được thực hiện<sup>22</sup>.

---

<sup>20</sup>Đại từ điển Tiếng Việt, Nguyễn Như Ý chủ biên, Nxb Văn hoá- Thông tin,H, 1999, tr.234

<sup>21</sup>Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học, Hoàng Phê chủ biên, Hà Nội-Đà Nẵng, 2005, tr.214

<sup>22</sup>Từ điển Anh- Việt, Viện ngôn ngữ học, Trung tâm KHXHNV, Nxb TP.Hồ Chí Minh, tr.1048

*Trong lĩnh vực pháp luật*, cuốn Từ điển Luật học<sup>23</sup> giải thích “*Cơ chế điều chỉnh pháp luật* là tổ hợp các yếu tố do pháp luật quy định, có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại trong thực tiễn nhằm làm phát sinh một kết quả mong muốn”, hoặc là “Hệ thống các phương tiện, cách thức pháp lý, thông qua đó, pháp luật thực hiện sự tác động lên hành vi có ý chí của các chủ thể pháp luật”. Cơ chế điều chỉnh pháp luật thường gồm các yếu tố cơ bản: chủ thể tham gia quan hệ pháp luật (địa vị, tư cách pháp lý); các sự kiện pháp lý; các quy tắc xử sự của các chủ thể thể hiện qua các quy phạm pháp luật và việc thực hiện các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của chủ thể; các trình tự, thủ tục xác lập, chấm dứt quan hệ pháp luật và các biện pháp bảo vệ về mặt pháp luật, trách nhiệm và chế tài pháp lý. Mỗi chế định luật, mỗi ngành luật có cơ chế điều chỉnh phù hợp với tính chất của các quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh. Mỗi cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động trong một môi trường pháp lý nhất định (ý thức pháp luật của cá nhân, xã hội, tính ổn định và hoàn thiện của môi trường chính trị, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hoá pháp lý...).

Trong một số công trình nghiên cứu, thuật ngữ “*cơ chế pháp lý thực hiện quyền*” trong một số lĩnh vực nhất định được các tác giả quan niệm là hệ thống các phương tiện (biện pháp) và nhân tố bảo đảm các điều kiện cần thiết để các chủ thể thực hiện quyền. Chẳng hạn, theo tác giả Võ Khánh Vinh, cơ chế pháp lý thực hiện quyền giám sát hoạt động quyền lực nhà nước “là hệ thống các phương tiện (biện pháp) và nhân tố bảo đảm các điều kiện cần thiết để các chủ thể giám sát thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan công quyền. Cơ cấu của cơ chế đó bao gồm các quy phạm xã hội, hoạt động hợp pháp của các chủ thể giám sát, tính công khai; dư luận xã hội; các bảo đảm: chung, chuyên ngành (pháp lý) tổ chức, văn hoá, pháp luật, thủ tục, trách nhiệm”<sup>24</sup>.

*Trong lĩnh vực quyền con người*, các tài liệu chuyên môn của Liên hợp quốc về quyền con người thường sử dụng thuật ngữ “*Cơ chế của Liên hợp quốc về quyền con người*” (UN Human Right Mechanism) có nội hàm gồm các cơ quan chuyên trách và hệ thống các quy tắc, thủ tục có liên quan do Liên hợp quốc thiết lập để thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người<sup>25</sup>. Dựa trên vị thế pháp lý và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quyền con người, cơ chế quyền con người của Liên hợp quốc gồm 02 loại: cơ chế dựa trên Hiến chương (Charter-based mechanism) và cơ chế dựa trên điều ước (Treaty-based mechanism). Cơ chế dựa trên điều ước về quyền con người gồm các Ủy ban giám sát việc thực

---

<sup>23</sup>Từ điển Luật học, Nguyễn Hữu Quỳnh chủ nhiệm công trình- Nxb Từ điển bách khoa, H, 1999 tr.119; Từ điển Luật học-TS. Nguyễn Đình Lộc- Chủ tịch Hội đồng biên soạn, Nxb Từ điển bách khoa- Nxb Tư pháp, H, 2006, tr.194

<sup>24</sup>GS, TSKH Đào Trí Úc-PGS, TS. Võ Khánh Vinh: Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta hiện nay – Nxb Công an nhân dân, Hà Nội 2003. trang 25

<sup>25</sup>UN Human Rights- A Basic Handbook for UN Staff, tr.37-52,



hiện từng công ước về quyền con người được thành lập theo quy định của chính công ước đó và hệ thống các quy tắc, thủ tục để thúc đẩy thực hiện công ước tại các quốc gia thành viên, chẳng hạn Ủy ban Quyền con người được thành lập theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (1966), Ủy ban CEDAW được thành lập theo Công ước quốc tế về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ...<sup>26</sup>

Như vậy, có nhiều cách hiểu và cách tiếp cận khác nhau về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền. Trong phạm vi Đề tài này, với cách tiếp cận về quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một bộ phận của quyền riêng tư, quyền bí mật đời tư - một quyền con người đã được ghi nhận trong Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị, thì nhóm nghiên cứu Đề tài đề xuất khái niệm về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân như sau:

***Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân** là cơ chế quốc gia về quyền con người có mục đích bảo đảm và thúc đẩy thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trên phạm vi toàn quốc, với cơ cấu là một hệ thống gồm các yếu tố có mối quan hệ tương tác chặt chẽ: (i) thể chế, (ii) các thiết chế luật định và (iii) các biện pháp bảo đảm việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.*

Các quốc gia, trong đó có Việt Nam, cần có cơ chế hiệu quả và khả thi nhằm bảo vệ quyền riêng tư nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

## **2. Đặc điểm cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Từ quan niệm cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một cơ chế quốc gia nhằm bảo đảm, thúc đẩy việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trên phạm vi toàn quốc, cơ chế này có những đặc điểm cơ bản sau:

*Một là, tính nhà nước và tính xã hội không tách rời trong cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.*

Ở cấp độ quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị đã khẳng định trong Lời nói đầu: “*Xét rằng, theo Hiến chương Liên Hợp Quốc, các quốc gia có nghĩa vụ thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ chung các quyền và tự do của con người; Nhận thấy rằng, mỗi cá nhân, trong khi có nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng của mình, phải có trách nhiệm phấn đấu cho việc thúc đẩy và tôn trọng các quyền đã được thừa nhận trong Công ước này*”.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự,

---

<sup>26</sup>Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công giao, Lê Khánh Tùng (đồng chủ biên)-Giáo trình Lý luận và pháp luật về Quyền con người, tr.471

kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (khoản 1 Điều 14). Đồng thời, trong việc thực hiện quyền con người, quyền công dân, Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định “Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác” và “Công dân có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội” (khoản 2 và 3 Điều 15).

Rõ ràng, ở cả tầm quốc gia và quốc tế, không chỉ nhà nước mà mỗi cá nhân, công dân đều có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc thúc đẩy việc tôn trọng, bảo đảm và tuân thủ các quyền, tự do của con người. Chính điều này tạo nên đặc điểm quan trọng nhất - *tính nhà nước và tính xã hội* của cơ chế quốc gia bảo đảm việc thực hiện quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

Tính nhà nước và tính xã hội phải được thể hiện trong từng yếu tố cấu thành của một cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân: *thể chế* (pháp luật và các thể chế xã hội); *thiết chế* (các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội, cá nhân); *các phương thức, trình tự, thủ tục pháp lý và xã hội* trong việc giám sát, bảo đảm việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

*Hai là, tính phù hợp của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân với pháp luật quốc gia và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.*

Cơ chế được hình thành và vận hành theo pháp luật quốc gia phù hợp với các cam kết quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

*Ở cấp độ quốc tế, Điều 2 của Công ước Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị khẳng định sự cam kết của các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm: Tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này; sẽ tiến hành các bước cần thiết, phù hợp với trình tự pháp luật nước mình và những quy định của Công ước này, để ban hành pháp luật và những biện pháp cần thiết khác nhằm thực hiện các quyền được công nhận trong Công ước này; bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các quyền và tự do như được công nhận trong Công ước này đều nhận được các biện pháp khắc phục hậu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra; bảo đảm rằng bất kỳ người nào có yêu cầu về các biện pháp khắc phục sẽ được các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định, xác định quyền lợi cho họ và sẽ mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp khắc phục mang tính tư pháp; đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền sẽ thi hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra.*

Như vậy, với tư cách là quốc gia thành viên của Công ước Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị, Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và vận hành

cơ chế bảo đảm thực hiện quyền riêng tư, bí mật cá nhân, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và với các cam kết của mình tại Công ước.

Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định vai trò của Hiến pháp và pháp luật trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, đồng thời xác lập nguyên tắc quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng (Điều 14). Như vậy, Hiến pháp và các đạo luật tạo thành khuôn khổ pháp lý (bao gồm cả các giới hạn) để mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước thực hiện, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm việc thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân - một bộ phận của quyền riêng tư, bí mật cá nhân được ghi nhận tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013 là một quyền bất khả xâm phạm, mọi thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. Theo nguyên tắc Hiến pháp là luật cơ bản, “mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp” và “mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý” (Điều 119 Hiến pháp năm 2013), thể chế và các thiết chế cùng các trình tự, thủ tục thuộc cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp, mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan, công chức nhà nước đều phải hành xử theo Hiến pháp và pháp luật, mọi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều phải bị xử lý theo luật.

*Ba là, tính mở cho sự sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội dân chủ thời đại toàn cầu hoá và cách mạng khoa học công nghệ.*

Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng ở Việt Nam chỉ được hình thành và vận hành hiệu quả ở một giai đoạn phát triển nhất định trong tiến trình thực hiện đường lối Đổi mới khi ba trụ cột của một xã hội hiện đại được nhận thức và trở thành nhu cầu phát triển nội tại của đất nước. Đó là: (i) nền kinh tế thị trường đầy đủ; (ii) nhà nước pháp quyền dân chủ (của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân); (iii) một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh trong đó con người với tư cách là một thành viên của xã hội, một công dân của quốc gia có đầy đủ ý thức và năng lực để thực hiện các nghĩa vụ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tôn trọng, thúc đẩy việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khác, của Nhà nước và cộng đồng.

Hiệu quả của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân phụ thuộc vào nhiều yếu tố của môi trường chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ trong nước và quốc tế. Do đó, từ thể chế đến các thiết chế và các

phương thức, trình tự, thủ tục bảo đảm thực hiện quyền đều sẽ được tiếp tục hoàn thiện từng bước, phù hợp với trình độ phát triển của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Tính mở là một điểm quan trọng để cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam được sửa đổi, hoàn thiện trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới.

*Bốn là, tính chịu sự giám sát của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân từ phía Nhà nước, xã hội và cộng đồng quốc tế.*

Ở cấp độ quốc tế, Điều 40 của Công ước các quyền dân sự, chính trị quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các quốc gia thành viên:

- Đệ trình báo cáo về những biện pháp mà mình đã thông qua để thực hiện các quyền được ghi nhận trong Công ước này, và về những tiến bộ đã đạt được trong việc thực hiện các quyền đó trong thời hạn một năm kể từ ngày Công ước này có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan và sau đó, mỗi khi có yêu cầu của Ủy ban. Các báo cáo phải nêu rõ những yếu tố và khó khăn, nếu có, ảnh hưởng tới việc thực hiện Công ước này.

- Tất cả các báo cáo sẽ được đệ trình lên Tổng thư ký Liên hợp quốc để chuyển cho Ủy ban quyền con người (được thành lập theo quy định tại Điều 28 của Công ước) xem xét. Ủy ban sẽ nghiên cứu những báo cáo do các quốc gia thành viên Công ước trình lên. Ủy ban sẽ gửi cho các quốc gia thành viên báo cáo của mình và những bình luận chung nếu xét thấy thích hợp. Ủy ban cũng có thể chuyển cho Hội đồng Kinh tế và Xã hội những bình luận này kèm theo bản sao các báo cáo mà Ủy ban nhận được từ các quốc gia thành viên Công ước.

- Bất kỳ quốc gia thành viên Công ước nào cho rằng một quốc gia thành viên khác không thực hiện những quy định của Công ước, thì có thể gửi một thông cáo bằng văn bản lưu ý quốc gia thành viên ấy về vấn đề đó. Trong thời gian ba tháng, kể từ ngày nhận được thông cáo, quốc gia nhận được thông cáo phải có hồi đáp giải thích cho quốc gia gửi thông cáo, hoặc phải có những hình thức khác bằng văn bản để làm sáng tỏ vấn đề, trong đó đề cập đến, trong chừng mực có thể và thích hợp, những thủ tục trong nước cùng những biện pháp khắc phục mà quốc gia được thông cáo đã, đang hoặc sẵn sàng thực hiện để giải quyết vấn đề.

- Đối với các quốc gia thành viên Công ước đã tuyên bố chấp nhận thẩm quyền của Ủy ban quyền con người tiếp nhận và xem xét các thông cáo khiếu nại rằng một quốc gia thành viên không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của họ theo Công ước, thì Ủy ban cũng chỉ xem xét vấn đề sau khi đã chắc chắn rằng mọi biện pháp khắc phục sẵn có trong nước đều đã được quốc gia nhận thông cáo áp dụng triệt để, phù hợp với các nguyên tắc đã được thừa nhận chung của luật pháp quốc tế. Sau quá trình xem xét vấn đề trong thời hạn và theo các quy tắc,

thủ tục được quy định tại Công ước, Ủy ban sẽ đệ trình một báo cáo: i) Nếu đạt được một giải pháp theo quy định tại mục (e), Ủy ban sẽ giới hạn báo cáo trong một tuyên bố vắn tắt về sự việc và giải pháp đã đạt được; ii) Nếu không đạt được một giải pháp theo quy định tại mục (e), Ủy ban sẽ giới hạn báo cáo trong một tuyên bố vắn tắt về sự việc. Các ý kiến bằng văn bản và biên bản ghi những lời phát biểu do các quốc gia thành viên liên quan đưa ra sẽ được đính kèm báo cáo.

Trong mọi trường hợp, báo cáo sẽ được gửi cho các quốc gia thành viên liên quan. Như vậy, việc giám sát quốc tế từ phía các quốc gia thành viên Công ước và Ủy ban quyền con người được thành lập theo Công ước sẽ được thực hiện thường xuyên theo những cam kết mà quốc gia thành viên, như Việt Nam, đã tuyên bố.

*Ở cấp độ quốc gia*, Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đồng thời, Hiến pháp cũng khẳng định nguyên tắc việc thực hiện quyền lực nhà nước phải chịu sự kiểm soát của chính các cơ quan nhà nước (kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp); mọi cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, sự giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Việc thực hiện trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân là một trong những chức năng quan trọng thể hiện bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do đó, từ thể chế đến các thiết chế nhà nước cùng các quy trình, thủ tục do Nhà nước đặt ra và thực hiện để bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều là những phương diện, nội dung thực hiện quyền lực nhà nước và trách nhiệm xã hội của Nhà nước, đều phải tuân thủ nguyên tắc chịu sự giám sát, kiểm soát từ phía Nhà nước, xã hội và mọi cá nhân trong xã hội.

### **3. Nội dung cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Như đã phân tích, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân gồm ba bộ phận cấu thành chính, cụ thể là:

#### **3.1. Thể chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

*Xét về hình thức*, thể chế đó bao gồm thể chế của Nhà nước và thể chế xã hội. Thể chế của Nhà nước (pháp luật) bao gồm: Hiến pháp, các luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Hiến pháp, luật; các án lệ liên quan cũng là một nguồn pháp luật bổ sung quan trọng mà Nhà nước ta hiện nay đã thừa nhận và là nguồn pháp luật quan trọng về bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân theo kinh nghiệm của nhiều nước. Thể chế xã hội cần phải tính đến là các Quy tắc đạo đức, Quy tắc nghề nghiệp của các tổ chức xã hội nghề nghiệp (Liên đoàn luật sư, Hiệp hội công chứng, Hội nhà báo, Hiệp hội doanh nghiệp...).

*Xét về nội dung*, thể chế bao gồm hai bộ phận chính là thể chế nội dung và thể chế hình thức, tổ tụng. Thể chế nội dung quy định những vấn đề cơ bản như: quyền, nội hàm quyền, giới hạn quyền; các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các chủ thể quyền, các chủ thể có trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan việc thực hiện quyền; trách nhiệm pháp lý và chế tài áp dụng đối với vi phạm quyền... Thể chế tổ tụng quy định các phương thức giải quyết tranh chấp, xử lý các vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân; trình tự, thủ tục giải quyết các tranh chấp, xử lý vi phạm và việc thi hành các quyết định giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm (dân sự, thương mại, hành chính, hình sự...); các quy định về quy trình kỷ luật nội bộ theo điều lệ của các tổ chức xã hội về những vi phạm quy tắc đạo đức, quy tắc nghề nghiệp liên quan đến bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân...

Thể chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân được cấu thành bởi các nhóm quy phạm pháp luật cơ bản sau đây:

Nhóm quy phạm pháp luật xác định nội dung thông tin thuộc phạm vi dữ liệu cá nhân. Theo nguyên tắc chung, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai dữ liệu cá nhân phải được cá nhân đồng ý. Tuy nhiên như trên đã trình bày, quyền quyết định của cá nhân về mức độ công khai dữ liệu cá nhân không thể được xem là quyền tuyệt đối. Do đó, nhóm quy phạm này phải được xác lập theo cách thức kết hợp phương pháp liệt kê và phương pháp loại trừ để quy định những thông tin cá nhân mà các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được quyền công khai không cần sự đồng ý của cá nhân đó. Việc xác định các thông tin cá nhân thuộc loại này phải đáp ứng yêu cầu không gây thiệt hại cho cá nhân và trên hết là vì lợi ích của cá nhân hoặc cộng đồng.

Nhóm quy phạm pháp luật quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân có liên quan trong việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Quy phạm pháp luật thuộc nhóm này xác định các thiết chế trực tiếp quản lý, sử dụng các thông tin/dữ liệu cá nhân, có quyền hạn và trách nhiệm trong việc thu thập, xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân phục vụ cho các mục đích khác nhau. Tuy nhiên, việc thay đổi mục đích thu thập, sử dụng thông tin cá nhân phải được sự đồng ý của cá nhân hoặc phải theo quy định của pháp luật.

Nhóm quy phạm pháp luật quy định các quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân: Các quyền này thể hiện nội dung cho phép cá nhân sử dụng quyền với ý nghĩa là công cụ pháp lý để chống lại những hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Cá nhân sẽ sử dụng các quyền này khi có căn cứ cho rằng dữ liệu cá nhân của mình khi bị xâm hại hoặc sử dụng bất hợp pháp. Các quyền này thuộc nhóm quyền bảo vệ quyền công dân nói chung, như: quyền kiến nghị, quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền khởi kiện, quyền được bồi thường khi bị thiệt hại do dữ liệu cá nhân bị xâm hại. Mặc dù thuộc

nhóm quyền bảo vệ quyền công dân nói chung, nhưng để có cơ sở thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật cần có các quy định cụ thể có tính đặc thù về những loại quyết định hay hành vi của chủ thể có thẩm quyền thuộc đối tượng khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường,... Đương nhiên, khi quy định các quyền bảo vệ này, phải đồng thời quy định hình thức, thủ tục thực hiện các quyền đó và xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thụ lý giải quyết các vụ việc.

Nhóm quy phạm pháp luật xác định những hành vi bị coi là vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân và chế tài tương ứng. Nhóm quy phạm này được xây dựng trên cơ sở các quy định giới hạn những thông tin cá nhân mà việc công khai cần có sự đồng ý của cá nhân, hoặc loại thông tin cá nhân thuộc nhóm mà được quyền công khai không cần sự đồng ý của cá nhân. Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi xâm hại quyền bí mật dữ liệu cá nhân có thể bị xem là vi phạm hành chính hay tội phạm. Bên cạnh đó, tùy thuộc vị trí pháp lý của chủ thể đã thực hiện hành vi xâm hại quyền bí mật dữ liệu cá nhân mà kéo theo các chế tài kỷ luật hoặc bồi thường thiệt hại theo pháp luật dân sự hay pháp luật về trách nhiệm bồi thường của công chức, viên chức gây thiệt hại trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Việc nhìn nhận thể chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật xác định các nội dung như trên sẽ đánh giá được toàn diện về một phương thức pháp lý cụ thể bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Ở *cấp độ quốc tế*, Việt Nam bảo lưu các điều khoản liên quan đến cơ chế khiếu kiện của Công ước nhưng vẫn phải tuân thủ các cam kết về chịu sự giám sát quốc tế, do đó, cũng cần có các quy định về cách thức thực hiện trách nhiệm hồi đáp thông cáo của các quốc gia thành viên khác về vấn đề liên quan đến việc thực hiện Công ước để đảm bảo thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc gia. Vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ lựa chọn mô hình có một đạo luật chung về bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân như một số nước hay chỉ cụ thể hoá quy định của Hiến pháp trong các luật chuyên ngành như hiện nay.

### ***3.2. Thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Yếu tố thứ hai rất quan trọng của cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân là các thiết chế có quyền hạn và trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Ở *cấp độ quốc tế*, như đã nêu ở phần khái niệm, thiết chế chuyên trách trong cơ chế bảo đảm thực hiện quyền con người dựa trên các công ước của Liên hợp quốc là các Ủy ban được thành lập theo quy định của từng công ước, ví dụ như Ủy ban quyền con người được thành lập theo quy định tại Điều 28 của

Công ước về các quyền dân sự, chính trị. Các uỷ ban công ước thường thực hiện các chức năng, nhiệm vụ nhằm giám sát và thúc đẩy việc thực hiện công ước tại các quốc gia thành viên như: xem xét báo cáo của các quốc gia thành viên, đưa ra những nhận xét, khuyến nghị về các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện công ước tại các quốc gia thành viên; xem xét khiếu nại của các cá nhân; đưa ra các bình luận chung/khuyến nghị chung để giải thích nội dung và các biện pháp thực hiện công ước.

Hoạt động của các uỷ ban công ước được tiến hành theo các trình tự, thủ tục chặt chẽ được quy định tại chính công ước, như thủ tục xem xét báo cáo quốc gia của các quốc gia thành viên theo định kỳ, thủ tục điều tra, thủ tục xem xét khiếu nại cá nhân và thủ tục xem xét khiếu kiện liên quốc gia.

Ở *cấp độ quốc gia*, các thiết chế bảo đảm thực hiện quyền con người ở mỗi quốc gia có thể theo các mô hình khác nhau: mô hình thành lập cơ quan chuyên trách bảo vệ quyền con người; mô hình các cơ quan nhà nước không chuyên trách thuộc cả ba nhánh quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp) có những nhiệm vụ, quyền hạn bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; và mô hình hỗn hợp cả cơ quan chuyên trách và không chuyên trách.

Cơ quan quốc gia chuyên trách bảo đảm thực hiện quyền con người thường bao gồm các đại diện cho nhà nước, các nhóm xã hội, nghề nghiệp, được thành lập theo quy định của hiến pháp hay luật, nghị quyết của quốc hội. Các nhiệm vụ, quyền hạn chính của thiết chế này thường là: bảo vệ các cá nhân khỏi sự vi phạm các quyền con người, sự phân biệt đối xử; tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của cá nhân về những vi phạm quyền con người; giám sát hoạt động của các cơ quan, công chức nhà nước trong việc tuân thủ hiến pháp và các cam kết quốc tế về quyền con người; nghiên cứu chính sách, pháp luật để phát hiện các hạn chế, đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành chính sách, pháp luật về bảo đảm thực hiện quyền con người... Các thiết chế này được tổ chức và hoạt động theo các trình tự, thủ tục được quy định ngay tại hiến pháp hoặc các luật thành lập ra chúng.

Ở Việt Nam, quyền con người, quyền công dân được ghi nhận, bảo vệ bằng Hiến pháp và pháp luật. Theo Hiến pháp, vi phạm quyền con người cũng có nghĩa là vi phạm Hiến pháp. Khoản 2 Điều 119 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định”*.

Quốc hội thực hiện trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền con người bằng hoạt động lập hiến, lập pháp, bằng hoạt động giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp khẳng định nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Chính phủ (khoản 6 Điều 96), Toà án nhân dân (khoản 3 Điều



102), Viện kiểm sát nhân dân (khoản 3 Điều 107).

Như vậy, cho đến nay, cơ chế bảo vệ Hiến pháp cũng như cơ chế quốc gia bảo vệ quyền con người ở Việt Nam theo mô hình phân tán, không thành lập cơ quan chuyên trách. Mỗi cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thực hiện trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo các phương thức, trình tự, thủ tục do luật định, bao gồm cả thủ tục hành chính và tư pháp (tố tụng dân sự, tố tụng hình sự).

### ***3.3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Thể chế và thiết chế là những yếu tố quan trọng nhất và cũng là những điều kiện thiết yếu, nền tảng bảo đảm thực hiện quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng. Bên cạnh đó, môi trường chính trị - pháp lý, môi trường kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ cũng là những yếu tố tác động và là những điều kiện góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

Các yếu tố chính trị - pháp lý thuận lợi cho việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân có thể kể đến như: (i) môi trường chính trị ổn định với đường lối phát triển đúng đắn hướng tới nền kinh tế thị trường đầy đủ, nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và xã hội dân chủ nơi con người và các quyền tự do, dân chủ là trung tâm, động lực thật sự của sự phát triển bền vững đất nước; (ii) ý thức pháp luật và tuân thủ pháp luật, năng lực sử dụng pháp luật và các công cụ pháp luật để tôn trọng, tự bảo vệ và góp phần bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi cơ quan, tổ chức; (iii) trình độ và năng lực của Nhà nước, xã hội và cá nhân nắm bắt cơ hội, đầu tư và ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong việc thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

## **III. Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

### **1. Tổng quan pháp luật trên thế giới**

Quyền riêng tư hay quyền bảo vệ bí mật đời tư là quyền cơ bản của con người được hầu hết hiến pháp các quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Cùng với sự ra đời của công nghệ thông tin, sự quan tâm của các quốc gia đối với quyền riêng tư ngày càng tăng lên. Nhìn chung, về mặt pháp lý, cơ chế bảo vệ quyền riêng tư của các nước trên thế giới được thực hiện qua các hình thức chủ yếu sau đây:

- *Ghi nhận và bảo vệ quyền riêng tư thông qua các quy định của Hiến pháp:*

Ý tưởng về việc quyền riêng tư, quyền bí mật cá nhân là quyền cơ bản của con người đã và đang ngày càng được chấp nhận rộng rãi trên thế giới. Tại nhiều nước, quyền riêng tư, quyền bí mật cá nhân được trực tiếp ghi nhận tại các quy định của hiến pháp trong khi ở một số nước khác các phán quyết của tòa án cho rằng quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng được bao hàm trong các bảo vệ của hiến pháp.

Ưu điểm của việc bảo vệ về mặt hiến pháp đối với quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân đó là sự khẳng định về mặt pháp lý ở tầm cao về tầm quan trọng của quyền này với tư cách là một quyền cơ bản của con người. Mặt khác, bảo vệ về mặt hiến pháp cũng nâng cao cam kết, trách nhiệm của nhà nước, các cơ quan nhà nước cũng như các chủ thể khác trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Có nhiều quan điểm cho rằng nếu không được bảo vệ về mặt hiến pháp thì quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân chỉ mang tính hình thức mà không phải là quyền mang tính thực chất. Các quan điểm này lý luận rằng luật bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân dựa trên nền tảng bảo vệ của hiến pháp thì vẫn hiệu lực, hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng có quan điểm cho rằng việc ghi nhận về mặt hiến pháp đối với quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng chưa phải là chìa khóa để bảo đảm quyền này. Chưa tính đến việc tại nhiều nước các quy định của hiến pháp không được thực hiện trực tiếp qua tòa án mà ngay cả ở những nước hiến pháp có hiệu lực trực tiếp thì việc cá nhân đưa một vụ kiện vi phạm quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng vẫn mang tính lý thuyết nhiều hơn là thực tế bởi còn các rào cản về thủ tục tố tụng, thời gian và chi phí. Các bảo vệ về mặt hiến pháp, vì vậy, nên coi là tuyên ngôn có tính chính trị hơn là biện pháp pháp lý cụ thể bảo đảm quyền riêng tư, quyền bí mật cá nhân.

Trong thực tế, tất cả những ưu điểm và hạn chế của việc ghi nhận về hiến pháp đối với quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân đã được các nước cân nhắc, tính toán kỹ khi xây dựng cơ chế pháp lý bảo vệ quyền này. Nhiều nước sau khi ghi nhận quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong hiến pháp đã tiếp tục ban hành đạo luật riêng về vấn đề này. Trong khi đó một số nước khác thì lại đang có xu hướng ghi nhận về mặt hiến pháp đối với quyền bí mật dữ liệu cá nhân sau khi đã ban hành và thực hiện luật bảo vệ dữ liệu bí mật cá nhân. Việc ghi nhận về mặt hiến pháp đối với quyền bí mật dữ liệu cá nhân là đáng được kỳ vọng bởi lẽ nó khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân và có thể là cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ quyền riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân trong một số trường hợp. Tuy nhiên, chỉ ghi nhận về hiến pháp là chưa đủ cụ thể để có thể bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân trong thực tế mà cần thực hiện thêm các biện pháp khác nhằm bảo đảm tính hiệu quả. Các biện pháp này bao gồm ban hành đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và/hoặc áp dụng các

biện pháp phụ trợ khác như ban hành các luật chuyên ngành, ban hành quy chế, điều lệ nhằm bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân trong các ngành, lĩnh vực cụ thể.

- *Ban hành luật chung nhằm bảo vệ quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân:*

Nếu so sánh với sự ghi nhận về hiến pháp, luật chung về bí mật dữ liệu cá nhân có thể khả thi trong thực tế vì luật có không gian để quy định rõ hơn về chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng như các biện pháp triển khai thực hiện cụ thể. Bên cạnh đó, so với các biện pháp pháp lý khác như việc quy định trong các luật chuyên ngành về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân thì luật chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng có ưu thế hơn bởi luật đặt cá nhân vào thế chủ động hơn trong việc bảo vệ các dữ liệu về bản thân họ.

Xu hướng chung trên thế giới hiện nay coi ban hành đạo luật chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân là vô cùng cần thiết nhằm bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Đối với những quốc gia mà sự ghi nhận về mặt hiến pháp cũng như quy định của các luật chuyên ngành chưa đầy đủ thì ban hành luật bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ là giải pháp tốt nhất tạo nền tảng cơ sở pháp lý cụ thể và hiệu quả nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, ngay tại các quốc gia đã có cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân tương đối đầy đủ thông qua các quy định của hiến pháp, các luật chuyên ngành, các quy chế, điều lệ thì việc ban hành luật bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng vẫn cần thiết bởi vì luật sẽ bao hàm được nhiều vấn đề mang tính nguyên tắc hơn, các quy định của luật có tính bền vững hơn và bao quát được tổng thể các vấn đề liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân hơn là các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các ngành, lĩnh vực cụ thể.

Kể từ đầu thập kỷ 1970, các quốc gia đã bắt đầu xây dựng luật nhằm bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân. Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân đầu tiên trên thế giới được ban hành bởi bang Hessen ở Đức vào năm 1970, sau đó là Thụy Điển (1973), Đức (toàn liên bang, 1977) và Pháp (1978). Sau đó, trên thế giới diễn ra một phong trào xây dựng và thông qua luật về bảo vệ quyền riêng tư mà hầu hết dựa trên các hướng dẫn của OECD và Hội đồng châu Âu.

Các quốc gia xây dựng luật về quyền riêng tư hay luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân xuất phát từ nhiều lý do. Một là, nhiều quốc gia, đặc biệt ở Trung Âu, Nam Mỹ và Nam Phi, xây dựng luật này để khắc phục vi phạm quyền riêng tư đã xảy ra dưới chế độ độc tài trước đó. Hai là, nhiều quốc gia, đặc biệt ở châu Á và Canada, xây dựng luật này nhằm thúc đẩy thương mại điện tử mà theo đó, pháp luật cần thiết lập các quy tắc thống nhất để bảo đảm cho người tiêu dùng yên tâm sử dụng thương mại điện tử mà không lo sợ thông tin cá nhân của họ bị đánh cắp và phổ biến trên toàn thế giới. Ba là, hầu hết các nước ở Trung và Đông Âu xây dựng luật này để đáp ứng các điều kiện gia nhập Liên minh Châu Âu; trên cơ sở các hướng dẫn, chỉ thị, công ước của Hội đồng Châu Âu và Liên

minh Châu Âu về bảo vệ dữ liệu. Trong khi đó, nhiều quốc gia ở khu vực khác xây dựng luật này để bảo đảm thương mại không bị ảnh hưởng bởi các yêu cầu của EU.

Mô hình luật quy định về việc bảo vệ thông tin của 80 nước trên thế giới có sự khác biệt, trong đó mô hình luật của các nước châu Á Thái Bình Dương thường không có định nghĩa về dữ liệu nhạy cảm; có luật không nói về thời hạn lưu giữ dữ liệu; có luật không có chế tài xử lý/lĩnh vực công/tin của cảnh sát. Tuy nhiên, những nền tảng, nguyên tắc cơ bản như mục đích sử dụng, sự bảo đảm an toàn... ở các luật đều có. Sự khác nhau nằm nhiều hơn ở các cơ quan quản lý. Ở Anh, không có ủy ban phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân và muốn khai báo để được cấp phép thì phải trả tiền. Tây Ban Nha không chú trọng việc xin phép mà chú trọng việc giám sát và đưa ra chế tài rất nặng. Hồng Kông nhấn mạnh rất nhiều trong việc giáo dục thanh niên/giới trẻ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Về cơ bản, pháp luật của các quốc gia đều ghi nhận nguyên tắc thông tin cá nhân chỉ được thu thập một cách hợp pháp, chỉ sử dụng cho mục đích quy định ban đầu, bảo đảm tính chính xác, cập nhật và bị hủy đi sau khi mục đích của nó đã được hoàn thành. Hầu hết các quốc gia đều nghiêm cấm việc thu thập hay xử lý những dữ liệu cá nhân mà làm lộ, một cách trực tiếp hay gián tiếp, nguồn gốc chủng tộc hay dân tộc, quan điểm chính trị, triết lý hay tôn giáo hoặc nghiệp đoàn mà các cá nhân tham gia, hay những thông tin liên quan đến sức khỏe, đời sống tình dục của họ. Các loại thông tin đó chỉ được phép thu thập khi có sự đồng ý của chủ dữ liệu.

Hầu hết pháp luật của các quốc gia châu Âu, Úc, Hồng Kông, New Zealand, Trung và Đông Âu, Canada quy định một luật chung về quyền riêng tư, đồng thời thành lập *cơ quan chuyên trách* chịu trách nhiệm giám sát thi hành luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ quan này giám sát việc tuân thủ pháp luật và tiến hành điều tra các cáo buộc về hành vi vi phạm. Cơ quan này cũng có trách nhiệm hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ dữ liệu và truyền dữ liệu. Đây là mô hình ưu tiên cho hầu hết các nước áp dụng pháp luật về bảo vệ dữ liệu.

*- Lòng ghép các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các quy định của các luật chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.*

Quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân không đứng riêng rẽ mà là một phần của cơ chế chính sách được tạo ra nhằm mục đích xây dựng một xã hội văn minh, dân chủ và thịnh vượng. Vì vậy, ngay cả khi không có ghi nhận của hiến pháp hay không có luật chung thì dữ liệu cá nhân cũng có thể được bảo vệ thông qua các quy định của các luật chuyên ngành như bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các luật về sức khỏe, thuế, tài chính, ngân hàng, giáo dục... Bên cạnh đó, tại những nước đã có cơ chế bảo vệ về mặt hiến pháp hay đã ban hành luật chung thì các quy định của luật chuyên ngành hay các biện pháp thay thế khác

vẫn được ban hành và thực hiện nhằm tăng cường hiệu quả của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Một số quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc... không quy định quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung mà để pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể.. Ví dụ: pháp luật về tài chính quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân về tài chính, pháp luật về thuế quy định về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân liên quan đến thuế... Cách quy định đó có hạn chế là pháp luật thường bị lạc hậu hơn sự phát triển của công nghệ, do vậy, trong trường hợp không có các quy định mang tính nguyên tắc chung thì có thể dẫn đến việc thiếu các biện pháp pháp lý bảo vệ bí mật thông tin cá nhân trong các ngành, lĩnh vực cụ thể. Ở các nước khác, thông thường pháp luật chuyên ngành được sử dụng để bổ khuyết cho các quy định chung, cung cấp những biện pháp bảo vệ toàn diện, chi tiết hơn cho các loại thông tin đặc thù.

Bên cạnh các biện pháp pháp lý nói trên, trong các ngành lĩnh vực cụ thể dữ liệu cá nhân còn có thể được bảo vệ thông qua các quy định trong quy chế ứng xử, điều lệ hoạt động hay quy tắc đạo đức, nghề nghiệp của những người hành nghề. Ví dụ: bác sỹ không được tiết lộ các thông tin cá nhân của bệnh nhân hay luật sư không tiết lộ các thông tin cá nhân của khách hàng cho người khác... Ngoài ra, dữ liệu cá nhân còn được bảo vệ thông qua việc phát triển và ứng dụng các công nghệ cho phép cá nhân có thể quản lý và bảo mật các dữ liệu của mình.

## **2. Pháp luật của một số quốc gia**

### **2.1. Pháp luật Cộng hòa Pháp**

Pháp là một trong những quốc gia đầu tiên ban hành luật quy định về bảo vệ thông tin cá nhân, cụ thể là Luật số 78-17 ngày 06/01/1978 về tin học, tệp tin và quyền tự do (sau đây gọi tắt là Luật số 78-17). Ngoài ra, trong các luật chuyên ngành cũng có quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong các lĩnh vực riêng biệt. Nội dung pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của Pháp có một số điểm chính sau:

- **Khái niệm thông tin cá nhân, xử lý thông tin cá nhân:** Luật số 78-17 chỉ nêu định nghĩa về thông tin cá nhân mà không liệt kê cụ thể các thông tin cá nhân. Luật cũng chỉ điều chỉnh về thông tin của cá nhân mà không áp dụng đối với thông tin của pháp nhân. Việc xác định thông tin nào là thông tin cá nhân được Ủy ban quốc gia về tin học và tự do (CNIL) xem xét trong từng trường hợp cụ thể. Tất cả các thông tin mà qua một sự kết hợp hoặc xử lý hoặc tra cứu... có thể xác định ra một con người thì đều được gọi là thông tin cá nhân. Ví dụ: thông tin định vị về địa lý, địa chỉ IP của máy tính... cũng có thể xác định ra được một người cụ thể.

Theo pháp luật của Pháp, xử lý thông tin cá nhân được định nghĩa là: mọi

hoạt động hay mọi tập hợp hoạt động liên quan đến những dữ liệu này, dù sử dụng quy trình xử lý nào, đặc biệt là thu thập, ghi lại, tổ chức, bảo quản, chỉnh sửa hay sửa đổi, sao trích, tra cứu, sử dụng, truyền thông qua chuyển tải, phát tán hay mọi hình thức cung cấp, truy cập, cũng như chặn, xóa hay phá hủy.

- **Các trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân:** Luật số 78-17 quy định việc xử lý dữ liệu cá nhân được tiến hành khi cá nhân đó đồng ý. Tuy nhiên, trong một số trường hợp việc xử lý dữ liệu cá nhân không cần thiết có sự đồng ý của đối tượng dữ liệu, cụ thể:

- + Thực hiện nghĩa vụ pháp lý của người có trách nhiệm xử lý;
- + Bảo vệ cuộc sống của cá nhân liên quan;
- + Thực thi một nhiệm vụ dịch vụ công của người chịu trách nhiệm xử lý hay của người nhận thông tin xử lý;
- + Thực hiện một hợp đồng mà cá nhân liên quan là một bên giao kết, hoặc các biện pháp tiền hợp đồng theo yêu cầu của người này;
- + Thực hiện lợi ích chính đáng mà người xử lý hay người nhận thông tin xử lý theo đuổi, với điều kiện biết rõ lợi ích và quyền tự do cơ bản của cá nhân liên quan.

- **Quy định cấm trong hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân:** Điều 8 Luật số 78-17 quy định cấm thu thập hay xử lý những dữ liệu cá nhân làm lộ, trực tiếp hay gián tiếp, nguồn gốc chủng tộc hay dân tộc, quan điểm chính trị, triết lý hay tôn giáo hay nghiệp đoàn tham gia của các cá nhân, hay những thông tin liên quan đến sức khỏe hay đời sống tình dục của những người này.

Tuy nhiên, quy định nghiêm cấm này được loại trừ trong một số trường hợp như: hoạt động xử lý những thông tin mà cá nhân liên quan đã đồng ý (trừ trường hợp mà luật đã quy định việc cấm xử lý không thể miễn trừ với sự đồng ý của cá nhân liên quan); hoạt động xử lý những thông tin cần thiết cho bảo vệ cuộc sống nhân loại, nhưng cá nhân liên quan không thể bày tỏ sự đồng ý vì không có năng lực pháp lý hay không thể cung cấp văn bản viết; hoạt động xử lý những thông tin cá nhân mà cá nhân liên quan đã công bố; hoạt động xử lý cần cho những mục đích y học dự phòng, chuẩn đoán y học, quản lý khám chữa bệnh, hay quản lý các dịch vụ y tế và được thực hiện bởi một thành viên của nghề y tế, hay bởi một người khác do lý do nghề nghiệp phải có nghĩa vụ bí mật nghề nghiệp theo quy định trong Điều 226-13 Bộ luật Hình sự; hoạt động xử lý thống kê được thực hiện bởi Viện thống kê và nghiên cứu kinh tế quốc gia hay một trong các vụ thống kê của các bộ tuân thủ theo Luật số 51-711 ngày 07/6/1951 về nghĩa vụ, sự điều phối và bí mật về thống kê, sau khi Hội đồng thông tin thống kê quốc gia cho ý kiến và trong những điều kiện được quy định tại Điều 25 Luật này; hoạt động xử lý cần thiết cho nghiên cứu, nghiên cứu và

đánh giá trong lĩnh vực y tế theo các phương thức quy định tại Chương IX...

- **Về cơ chế bảo đảm thi hành Luật:** Pháp luật Pháp cho phép thành lập Ủy ban quốc gia về tin học và quyền tự do (CNIL) là cơ quan giám sát thực thi Luật. Đây là cơ quan có thẩm quyền hành chính độc lập, các thành viên Ủy ban là các đại biểu Quốc hội, Thượng nghị sĩ, thành viên Tham chính viện, thành viên Tòa phá án, thành viên Toà kiểm toán, chuyên gia tin học. CNIL có các nhiệm vụ sau:

+ Giám sát để hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân được thực hiện đúng theo các quy định của luật này;

+ Tiếp nhận các khiếu nại, yêu cầu, phàn nàn liên quan đến việc thực hiện xử lý các dữ liệu cá nhân và thông báo cho tác giả về những quyết định sau khi tiếp nhận này;

+ Trả lời tham vấn ý kiến của các cơ quan công quyền và, theo yêu cầu của các cơ quan tài phán, tư vấn cho các cá nhân và tổ chức thực hiện hay dự định thực hiện xử lý tự động những dữ liệu cá nhân;

+ Thông báo không chậm trễ cho Viện trưởng viện Công tố viên bên cạnh tòa sơ thẩm, theo đúng quy định tại Điều 40 Bộ luật tố tụng hình sự, những vi phạm biết được, và có thể trình bày những quan sát của mình trong quá trình tố tụng, với những điều kiện quy định tại Điều 52;

+ Kiểm tra về mọi việc xử lý và, trong trường hợp cần thiết, thu nhận bản sao của mọi tài liệu hay tài liệu hỗ trợ cần để thực hiện nhiệm vụ;

+ Trả lời yêu cầu tiếp cận liên quan đến những việc xử lý nêu trong các Điều 41 và Điều 42;

+ Cho ý kiến về sự tuân thủ luật này của các dự thảo quy định ngành nghề và các sản phẩm và quy trình nhằm bảo vệ các cá nhân đối với xử lý dữ liệu cá nhân, hay về việc vô danh hóa những dữ liệu này khi những dự thảo này được trình lên; cho ý kiến đánh giá về sự bảo đảm tôn trọng những quyền cơ bản của con người đối với các quy định nghề nghiệp mà trước đó Ủy ban đã công nhận phù hợp với các quy định của luật này.

## **2.2. Pháp luật Singapore**

### **\* Các văn bản pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Ngày 15/10/2012, Nghị viện Singapore thông qua Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.<sup>27</sup> Luật này được ban hành nhằm điều chỉnh các hoạt động thu thập, sử

---

<sup>27</sup>Personal Data Protection Act 2012,

<http://statutes.agc.gov.sg/aol/search/display/view.w3p;page=0;query=DocId%3Aea8b8b45-51b8-48cf-83bf-81d01478e50b%20Depth%3A0%20Status%3Ainforce;rec=0>

dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân. Luật công nhận quyền của các cá nhân trong việc bảo vệ các dữ liệu cá nhân của chính họ, đồng thời thừa nhận sự cần thiết của việc các tổ chức tiến hành thu thập, sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân vì những mục đích phù hợp với những hoàn cảnh nhất định. Luật bao gồm 68 điều đề cập đến các nội dung chính sau: Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan trong việc thu thập, sử dụng, tiết lộ, sửa chữa... dữ liệu cá nhân; bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân; chuyển giao dữ liệu cá nhân ra ngoài lãnh thổ Singapore; giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến dữ liệu cá nhân...

Ngoài ra, một số văn bản pháp luật chuyên ngành của Singapore cũng có các quy định về vấn đề này như:<sup>28</sup> Luật an ninh mạng và máy tính đã hình sự hoá các hành vi truy cập trái phép thông tin, tuy nhiên, Luật này lại không điều chỉnh các hoạt động thu thập thông tin hợp pháp; Luật bí mật công vụ, Luật thống kê... điều chỉnh các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong khối cơ quan nhà nước; Luật giao dịch điện tử, Luật ngân hàng, Luật viễn thông... điều chỉnh các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong khu vực tư nhân.

**\* Một số nội dung cơ bản của Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

- **Phạm vi áp dụng của Luật:** Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân áp dụng đối với tất cả các cá nhân, tổ chức được thành lập hoặc được công nhận theo pháp luật Singapore; hoặc có nơi cư trú hoặc văn phòng đại diện hoặc khu vực kinh doanh tại Singapore. Đặc biệt, Luật chỉ áp dụng nếu các dữ liệu cá nhân được thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ tại Singapore. Tuy nhiên, Luật cũng xác lập nguyên tắc bảo vệ các dữ liệu cá nhân được chuyển giao qua biên giới; theo đó các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm rằng các dữ liệu cá nhân được chuyển ra khỏi Singapore cũng sẽ có được sự bảo vệ tương đương như sự bảo vệ theo quy định của Luật này.

**- Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan:**

**Chủ dữ liệu cá nhân** có những quyền và nghĩa vụ chính sau:

(i) Quyền được truy cập vào dữ liệu cá nhân của mình. Tuy nhiên, quyền này của chủ dữ liệu cá nhân có một số ngoại lệ được quy định tại Điều 21 Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân như: việc truy cập đe dọa sự an toàn hoặc sức khoẻ thể chất, tinh thần của chính chủ dữ liệu cá nhân hoặc cá nhân khác; tiết lộ dữ liệu về một cá nhân khác; đi ngược lại lợi ích quốc gia...;

(ii) Quyền yêu cầu sửa chữa những sai sót liên quan đến dữ liệu cá nhân của mình. Ngoại lệ của quyền này được quy định tại Điều 22.6 và 22.7 Luật bảo

---

<sup>28</sup> Data protection in Singapore: overview, [http://us.practicallaw.com/6-579-6345?q=\\*&qp=](http://us.practicallaw.com/6-579-6345?q=*&qp=)



vệ dữ liệu cá nhân: không sửa chữa các ý kiến của các chuyên gia hoặc ý kiến mang tính chuyên môn...;

(iii) Quyền được biết về mục đích thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu trước khi các hoạt động này diễn ra;

(iv) Quyền được yêu cầu cung cấp các thông tin về chính sách, thực tiễn và quy trình giải quyết khiếu nại của chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân.

***Chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân*** có những quyền và nghĩa vụ chính sau:

(i) Chỉ được thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân nếu được sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân. Sự đồng ý này có thể được thể hiện một cách rõ ràng hoặc thông qua ngầm định. Sự đồng ý ngầm định thường trong trường hợp cá nhân tự nguyện (hoặc có căn cứ hợp lý để cho rằng cá nhân tự nguyện) cung cấp dữ liệu cá nhân vì mục đích nhất định.<sup>29</sup> Chủ dữ liệu cá nhân có thể rút sự đồng ý của mình vào bất kỳ thời gian nào.

Trong một số trường hợp, các hành vi thu thập, lưu giữ, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ dữ liệu: Trường hợp rõ ràng là vì lợi ích của chủ dữ liệu cá nhân và sự đồng ý không thể có được một cách kịp thời; trường hợp khẩn cấp, hoặc thực sự cần thiết vì lợi ích quốc gia; trường hợp thu hồi nợ; trường hợp cung cấp các dịch vụ pháp lý; trường hợp vì mục đích nghiên cứu, bao gồm các nghiên cứu mang tính lịch sử hoặc thống kê; trong trường hợp vì mục đích đánh giá.

(ii) Chỉ được thu thập, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân vì những mục đích nhất định như đã thông báo cho chủ dữ liệu khi thu thập thông tin.

(iii) Đảm bảo tính chính xác, toàn diện và cập nhật của dữ liệu được thu thập, lưu giữ, sử dụng.

(iv) Áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để bảo vệ dữ liệu cá nhân trước các hành động truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ, sao chép... trái phép hoặc các rủi ro tương tự. Tính phù hợp của các biện pháp an ninh phụ thuộc vào tính chất của dữ liệu, hình thức thu thập dữ liệu, các ảnh hưởng tới cá nhân có liên quan nếu như dữ liệu về họ được thu thập, sửa đổi hoặc loại bỏ một cách trái phép...

---

<sup>29</sup> Tuy nhiên, Điều 14.2 Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định những trường hợp, mặc dù được thể hiện một cách rõ ràng, nhưng sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân lại không có giá trị: (i) Sự đồng ý như là một điều kiện để được cung cấp một sản phẩm hoặc dịch vụ mà sự đồng ý này vượt xa những gì là hợp lý để được cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ đó; (ii) sự đồng ý có được thông qua việc đưa ra thông tin sai lệch hoặc gây hiểu nhầm hoặc sử dụng các hành vi lừa đảo.

(v) Phải ngừng ngay việc lưu giữ dữ liệu cá nhân nếu như: mục đích ban đầu của việc thu thập dữ liệu cá nhân không còn; hoặc việc lưu giữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết cho các mục đích kinh doanh hoặc pháp lý.

(vi) Được chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba trên cơ sở Hợp đồng chuyển giao. Hợp đồng chuyển giao này phải tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức theo pháp luật Singapore. Không được chuyển giao bất kỳ dữ liệu cá nhân nào ra khỏi Singapore trừ khi người nhận chuyển giao đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ tương tự đối với dữ liệu cá nhân như Luật này;

(vii) Khi có yêu cầu, phải cung cấp cho công chúng những thông tin về thực tiễn bảo vệ dữ liệu cá nhân, thủ tục và quy trình giải quyết khiếu nại.

- **Về cơ chế bảo vệ quyền:** Theo Chương II Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân được thành lập với các chức năng chính sau: Nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân; cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, quản lý hoặc các dịch vụ đặc biệt khác liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; tham mưu cho Chính phủ về tất cả các vấn đề liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; đại diện cho Chính phủ trong các quan hệ quốc tế liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai các nghiên cứu và thúc đẩy các hoạt động giáo dục liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; bao gồm tổ chức và thực hiện các cuộc hội thảo, tọa đàm, gặp gỡ; quản lý các hoạt động hợp tác và trao đổi kỹ thuật liên quan tới bảo vệ dữ liệu cá nhân với các tổ chức khác, bao gồm cả các tổ chức quốc tế liên chính phủ; điều hành và triển khai thực hiện Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực hiện các chức năng theo quy định của các văn bản pháp luật khác.

Để triển khai thực hiện các quy định của Luật, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân có quyền: xem xét khiếu nại liên quan đến Điều 21 (truy cập dữ liệu cá nhân) và Điều 22 (sửa chữa dữ liệu cá nhân) của Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; tiến hành một cuộc điều tra theo quy định tại Điều 50 Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân để xác định hành vi vi phạm Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khi thực hiện hoạt động này, Ủy ban có quyền yêu cầu chủ thể liên quan cung cấp tài liệu hoặc thông tin.

- **Chế tài đối với các hành vi vi phạm:** Theo Luật này, cá nhân bị thiệt hại bởi hành vi vi phạm bí mật dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân có thể khởi kiện theo trình tự tố tụng dân sự để được yêu cầu bồi thường. Cá nhân vi phạm sẽ bị áp dụng hình thức phạt tiền hoặc tù giam hoặc cả hai. Mức hình phạt tùy thuộc vào hành vi vi phạm (phạt tiền từ S\$2.000 tới S\$100.000 hoặc/và phạt tù không quá 12 tháng, trong một số trường hợp vi phạm nghiêm trọng hình thức phạt tù có thể lên tới 3 năm). Hành vi không thực hiện các quyết định của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân có thể bị phạt tiền lên tới S\$1.000.000. Trong Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân còn quy định về việc các cá nhân được đăng ký các số điện thoại cấm gọi (Do not Call) và hành vi cố tình

gọi hoặc nhắn tin vào các số điện thoại này để quảng cáo, tiếp thị... của các nhà cung cấp dịch vụ, hàng hoá có thể bị phạt tiền lên tới S\$10.000.

### **2.3. Pháp luật Thái Lan**

#### **\* Các văn bản pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Hiện nay, Thái Lan chưa ban hành một đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật sau đã xác lập khuôn khổ pháp lý chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân:

- Hiến pháp Thái Lan năm 2007: Điều 35 Hiến pháp ghi nhận quyền bảo vệ bí mật đời tư là một trong các quyền và tự do cơ bản của công dân: “*Quyền gia đình, nhân phẩm, uy tín và quyền bí mật đời tư của một cá nhân sẽ được bảo vệ. Không được khẳng định hoặc lưu hành một tuyên bố hoặc hình ảnh vi phạm hoặc làm ảnh hưởng tới quyền gia đình, nhân phẩm, uy tín và quyền bí mật đời tư của một cá nhân, bằng bất cứ phương thức nào, trừ trường hợp có lợi cho cộng đồng. Dữ liệu cá nhân của một người sẽ được bảo vệ khỏi sự truy cập bất hợp pháp theo các quy định của pháp luật*”.<sup>30</sup>

- Các đạo luật chuyên ngành như Bộ luật Dân sự và Thương mại, Luật viễn thông, Luật ngân hàng, Luật kinh doanh tài chính, Luật giao dịch điện tử... cũng xác lập cơ chế bảo vệ đối với dữ liệu cá nhân trước các hành động thu thập, sử dụng, tiết lộ, chuyển giao thông tin một cách bất hợp pháp.<sup>31</sup>

- Trong các hoạt động công vụ, các hành vi thu thập và lưu giữ thông tin cá nhân của các cơ quan chính phủ được điều chỉnh bởi Luật thông tin công vụ năm 1997. Luật này có một số nội dung chính: xác lập các yêu cầu đối với hệ thống dữ liệu cá nhân được vận hành bởi các cơ quan chính phủ; xác lập giới hạn tiết lộ dữ liệu cá nhân; trao quyền cho các cá nhân được yêu cầu sửa đổi, bổ sung dữ liệu cá nhân của mình được các cơ quan chính phủ lưu giữ.<sup>32</sup>

Hội đồng quốc gia của Thái Lan gần đây đã cân nhắc việc thông qua Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Dự thảo này, dữ liệu cá nhân được bảo vệ để hạn chế việc thu thập, sử dụng, tiết lộ và chuyển giao bất kỳ thông tin cá nhân nào mà không có sự đồng ý của người đó; xác lập chế tài hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bất kỳ hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân một cách bất hợp pháp; thành lập Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân để giám sát việc tuân thủ Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.<sup>33</sup>

#### **\* Một số nội dung cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

---

<sup>30</sup>Constitution of the Kingdom of Thailand 2007 <http://www.asianlii.org/th/legis/const/2007/1.html>

<sup>31</sup> Data protection in Thailand: Overview, <http://us.practicallaw.com/0-520-0782>

<sup>32</sup>Official Information Act 1997, [http://www.asianlii.org/th/legis/consol\\_act/oia1997197/](http://www.asianlii.org/th/legis/consol_act/oia1997197/)

<sup>33</sup> Data protection in Thailand: Overview, <http://us.practicallaw.com/0-520-0782>

- **Định nghĩa dữ liệu cá nhân:** Chưa có định nghĩa về dữ liệu cá nhân được đề cập trong các văn bản pháp luật hiện hành của Thái Lan. Tuy nhiên, theo Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân được hiểu là bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào liên quan tới một cá nhân, cho phép xác định danh tính của người đó, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, nhưng không bao gồm đơn thuần tên, chức vụ, nơi làm việc hoặc địa chỉ kinh doanh và dữ liệu thuộc về người đã khuất. Các thông tin và dữ liệu này có thể dưới hình thức tài liệu, tập tin, báo cáo, sổ sách, biểu đồ, ảnh chân dung, hình ảnh, phim, bản ghi hình ảnh hoặc âm thanh có thể lưu giữ trong máy tính hoặc bất kỳ phương tiện nào khác có thể được sử dụng để làm bản ghi thông tin và dữ liệu có thể được nhìn thấy.

- **Phạm vi áp dụng:** Theo quy định của các văn bản pháp luật Thái Lan, các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng đối với bất kỳ thực thể nào được thành lập tại Thái Lan; bất kỳ thực thể nào có văn phòng đại diện tại Thái Lan; công dân Thái Lan; người nước ngoài cư trú tại Thái Lan.

- **Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan:** Theo Dự thảo Luật, **chủ dữ liệu cá nhân** trong những trường hợp nhất định có quyền: yêu cầu truy cập vào các dữ liệu cá nhân liên quan đến bản thân mình; yêu cầu chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân xóa bỏ hoặc tạm thời ngừng việc sử dụng dữ liệu cá nhân hoặc chuyển sang hình thức ẩn danh; yêu cầu chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân đảm bảo tính chính xác, cập nhật, hoàn chỉnh và không gây hiểu lầm của các dữ liệu liên quan đến bản thân.

**Chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân** có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, chỉ thu thập dữ liệu cá nhân phục vụ cho các hoạt động được phép tiến hành thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và cá nhân đó; không thu thập các dữ liệu thông tin nhạy cảm (ví dụ như thông tin về các khuyết tật thể chất và tinh thần...). Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định khi tiến hành thu thập dữ liệu của một cá nhân, chủ thể thu thập có nghĩa vụ phải thông tin cho người đó: mục đích thu thập; loại dữ liệu được thu thập; cá nhân, tổ chức sẽ được sử dụng dữ liệu; các thông tin về chủ thể thu thập như địa chỉ liên hệ, phương thức liên hệ; quyền và nghĩa vụ của các bên.

*Thứ hai*, việc sử dụng, tiết lộ, phát tán thông tin cá nhân phải có sự đồng ý của cá nhân đó, trừ trường hợp vì mục đích bảo vệ an ninh quốc gia hoặc nhằm thực hiện yêu cầu của toà án, cơ quan chính phủ; việc chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba cũng cần có sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân. Sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân phải được thể hiện một cách rõ ràng. Theo Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, sự đồng ý phải được thể hiện bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện điện tử. Tuy nhiên, sự đồng ý mang tính ngầm định cũng được thừa nhận trong một số trường hợp nhất định. Ví dụ như Luật giao dịch

điện tử năm 2001 quy định: bằng cách nhập vào hoặc thực hiện thanh toán chi phí cho việc sử dụng một số dịch vụ, người dùng được coi là đồng ý với các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ, trong đó có thể bao gồm cả việc tiết lộ các thông tin cá nhân.<sup>34</sup>

*Thứ ba*, áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Các biện pháp này được đề cập trong các đạo luật chuyên ngành của Thái Lan như Luật giao dịch điện tử, Luật ngân hàng...

Theo Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân phải: (1) áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để ngăn ngừa việc mất mát, truy cập, thay thế, sửa chữa, tiết lộ hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân một cách bất hợp pháp; (2) áp dụng các biện pháp ngăn ngừa bên thứ ba sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân mà không có sự cho phép, trong trường hợp dữ liệu cá nhân được yêu cầu chuyển cho bên thứ ba; (3) huỷ bỏ dữ liệu cá nhân khi hết thời hạn lưu trữ, khi dữ liệu cá nhân không liên quan, dữ liệu cá nhân không cần thiết vượt quá mục đích nhất định hoặc các dữ liệu cá nhân được chủ dữ liệu đồng ý thu hồi, trừ trường hợp cần được lưu giữ vì mục đích điều tra, thu thập chứng cứ; (4) thông báo ngay lập tức cho chủ dữ liệu cá nhân khi có bất kỳ hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân nào. Trong trường hợp số người bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm lớn, chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân phải báo cáo về căn cứ vi phạm cùng với kế hoạch áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;

*Thứ tư*, các dữ liệu cá nhân được chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng hoặc tiết lộ (khi được sự cho phép) phải chính xác, hoàn chỉnh và cập nhật.

- **Cơ chế bảo vệ quyền:** Hiện tại, không một cơ quan, tổ chức nào ở Thái Lan chịu trách nhiệm chuyên biệt cho việc giám sát thi hành pháp luật về quyền riêng tư hoặc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, nếu Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân được thông qua, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được thành lập để đảm nhận chức năng đó.

Theo Dự thảo, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân có các quyền hạn và nhiệm vụ chính sau: (1) lập kế hoạch chiến lược về các hoạt động nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp với các chính sách và kế hoạch quốc gia có liên quan, trong đó có đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh từ việc thực hiện các chính sách và kế hoạch chiến lược đó; (2) trợ giúp các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và xã hội dân sự trong việc thực hiện các hoạt động phù hợp với các chính sách và kế hoạch chiến lược, bao gồm tiến hành đánh giá việc thực hiện các chính sách và kế hoạch chiến lược đó; (3) xác định các biện pháp,

---

<sup>34</sup> Data protection in Thailand: Overview, <http://us.practicallaw.com/0-520-0782>

phương pháp tiếp cận của các hoạt động liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; (4) đưa ra các hướng dẫn hoặc quy định cho việc thực hiện Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; (5) đề nghị Nội các Chính phủ hoặc Bộ trưởng về việc ban hành hoặc sửa đổi pháp luật hoặc các quy định liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân; (6) đề nghị Nội các Chính phủ hoặc Bộ trưởng về việc ban hành các nghị định của Hoàng gia hoặc quy định Bộ theo quy định của Luật; (7) tư vấn cho các cơ quan chính phủ hay khu vực tư nhân về bất kỳ hoạt động nào để bảo vệ dữ liệu cá nhân; (8) hỗ trợ tập huấn các kỹ năng và sự hiểu biết về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cộng đồng; (9) hỗ trợ nghiên cứu để phát triển các công nghệ liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; (10) thực hiện các hoạt động theo quy định của các văn bản pháp luật khác.

- **Chế tài đối với hành vi vi phạm:** Theo Điều 420 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan, người nào, một cách cố ý hay vô ý, xâm hại bất hợp pháp tới tính mạng, thân thể, sức khỏe, sự tự do, tài sản hoặc bất kỳ quyền của người khác đều bị coi là vi phạm pháp luật và phải bồi thường cho nạn nhân.<sup>35</sup> Ở khía cạnh này, các hành vi thu thập, lưu giữ, sử dụng, tiết lộ hoặc chuyển giao dữ liệu cá nhân có thể được coi là một hành động sai trái nếu nó gây ra thiệt hại cho cá nhân chủ dữ liệu.

Hành vi gửi thông tin thương mại điện tử không mong muốn (còn gọi là thư rác) chưa được đề cập trong các luật hiện hành cũng như Dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, hành vi đó có thể bị coi là vi phạm Luật Tội phạm máy tính năm 2007<sup>36</sup> hoặc vi phạm Bộ luật dân sự và thương mại nếu như hành vi đó gây thiệt hại đối với người nhận thông tin.

Nếu Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành, người có hành vi vi phạm Luật này sẽ bị áp dụng các hình phạt: Phạt tiền tối đa tới 500.000 THB và/hoặc phạt tù không quá 6 tháng đối với chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân; phạt tiền tối đa tới 1.000.000 THB và/hoặc phạt tù không quá 2 năm đối với chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân nếu như họ vi phạm các cam kết để mang lại lợi nhuận bất hợp pháp cho chính họ hoặc người khác hoặc gây thiệt hại cho người khác.

Ngoài ra, theo Dự thảo Luật, chủ dữ liệu cá nhân có quyền nộp đơn khiếu nại lên Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân khi chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân hoặc nhân viên của họ hoặc đối tác ký hợp đồng với họ vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của Luật. Chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân phải bồi thường mọi thiệt hại cho chủ dữ liệu cá nhân, bất kể

---

<sup>35</sup> The Thailand Civil and Commercial Code, <https://www.samuiforsale.com/law-texts/thailand-civil-code-part-1.html#V>

<sup>36</sup> Computer Crime Act 2007, <https://www.samuiforsale.com/law-texts/computer-crime-act.html>

thiệt hại là do các hành động cố ý hay vô ý, trừ khi chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân chứng minh được rằng các hành động đó là kết quả của: nguyên nhân bất khả kháng hoặc do hành động hoặc sự thiếu sót của chủ dữ liệu cá nhân; hoặc hoạt động được thực hiện theo lệnh của các quan chức chính phủ có thẩm quyền; hoặc hoạt động được thực hiện phù hợp với thực tiễn bảo vệ dữ liệu cá nhân của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khoản tiền bồi thường thiệt hại bao gồm tất cả các chi phí cần thiết được chủ dữ liệu cá nhân sử dụng để ngăn ngừa hoặc hạn chế những thiệt hại đó.

#### **2.4. Pháp luật Indonesia**

##### **\* Các văn bản pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Cũng giống như một số quốc gia khác trong khu vực, Indonesia chưa có Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ sở pháp lý đầu tiên để bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Indonesia là Hiến pháp năm 1945. Mặc dù không trực tiếp quy định về quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân như một quyền công dân, nhưng tại Điều 28G Hiến pháp quy định: Mỗi người đều có quyền tự bảo vệ bản thân, gia đình, sự tôn trọng, nhân phẩm và tài sản của mình. Mỗi người đều có quyền được bảo đảm an ninh và sự bảo vệ khỏi các mối đe dọa sợ hãi để làm, hay không làm, một điều gì đó cấu thành một quyền con người.<sup>37</sup>

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân được điều chỉnh bởi Luật số 11 năm 2008 về thông tin và giao dịch điện tử (sau đây gọi tắt là Luật số 11 năm 2008)<sup>38</sup> và Nghị định số 82 năm 2012 của Chính phủ liên quan đến các hệ thống và giao dịch điện tử (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82).<sup>39</sup> Ngoài ra, các luật chuyên ngành và văn bản hướng dẫn trong các lĩnh vực ngân hàng, thị trường vốn, viễn thông, chăm sóc sức khỏe, thông tin... cũng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực đó. Hiện nay, Nghị định về Thông tin và Truyền thông đang được Chính phủ Indonesia xây dựng dự thảo. Nghị định sẽ quy định chi tiết về bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm yêu cầu về sự đồng ý của chủ dữ liệu; việc thu thập, lưu giữ, đánh giá, chuyển giao, huỷ bỏ... dữ liệu cá nhân.<sup>40</sup>

##### **\* Một số nội dung cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

- **Phạm vi áp dụng:** Nghị định số 82 xác định phạm vi áp dụng của Nghị

---

<sup>37</sup>The 1945 Constitution of the Republic of Indonesia,

<http://www.wipo.int/edocs/lexdocs/laws/en/id/id061en.pdf>

<sup>38</sup> Law of the Republic of Indonesia No 11 of 2008 concerning electronic information and transactions, [http://www.flevin.com/id/lgso/translations/JICA%20Mirror/english/4846\\_UU\\_11\\_2008\\_e.html](http://www.flevin.com/id/lgso/translations/JICA%20Mirror/english/4846_UU_11_2008_e.html)

<sup>39</sup> Regulation of the Government of the Republic of Indonesia number 82 of 2012 concerning electronic system and transaction operation

[http://www.flevin.com/id/lgso/translations/JICA%20Mirror/english/4902\\_PP\\_82\\_2012\\_e.html](http://www.flevin.com/id/lgso/translations/JICA%20Mirror/english/4902_PP_82_2012_e.html)

<sup>40</sup>Data protection in Indonesia: overview, <http://uk.practicallaw.com/4-583-2387#a737163>

định chỉ liên quan đến dữ liệu cá nhân và việc chuyển giao dữ liệu cá nhân của công dân Indonesia được thực hiện trong phạm vi thẩm quyền tài phán của Indonesia hoặc liên quan đến công dân Indonesia.

Điều 1.27 Nghị định số 82 định nghĩa dữ liệu cá nhân là thông tin cá nhân được lưu trữ, xử lý và tính bảo mật được bảo vệ. Nghị định số 82 không đưa ra được sự giải thích cụ thể hơn liên quan đến phạm vi của dữ liệu cá nhân.

**- Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan:**

Đối với **chủ dữ liệu cá nhân**, họ được quyền biết các thông tin sau đây trước khi dữ liệu cá nhân của họ được thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ: Mục đích của quá trình thu thập dữ liệu; các dữ liệu sẽ được thu thập, lưu giữ, sử dụng, tiết lộ hoặc chuyển giao; việc sử dụng cookies; các bên được chỉ định hoặc bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao dữ liệu.

Theo Luật số 11 năm 2008, công nghệ thông tin phải tôn trọng quyền bí mật đời tư của cá nhân, cụ thể là: quyền hưởng thụ một cuộc sống không bị làm phiền, quyền giao tiếp với người khác một cách riêng tư; quyền hạn chế người khác truy cập tới các thông tin và dữ liệu của cá nhân mình. Về quyền được yêu cầu xoá bỏ các thông tin cá nhân, Luật số 11 năm 2008 còn để ngỏ. Mặc dù vậy, cũng rất thực tế nếu như Luật bổ sung quy định về quyền của cá nhân được yêu cầu xoá bỏ các dữ liệu cá nhân liên quan đến bản thân mình nếu như họ thấy điều đó là phù hợp.

Đối với nhà cung cấp dịch vụ điện tử, họ có nghĩa vụ:

+ Đảm bảo tính liên tục của hệ thống điện tử; bảo đảm an ninh thông tin và truyền thông nội bộ;

+ Đảm bảo tính bí mật, tính toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu cá nhân trong hệ thống của mình. Nhà cung cấp dịch vụ phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức phù hợp để ngăn ngừa các hoạt động truy cập, xử lý dữ liệu cá nhân bất hợp pháp. Nhà cung cấp dịch vụ cũng phải tiến hành các biện pháp ngăn ngừa việc mất mát, tiêu huỷ hoặc thay đổi dữ liệu cá nhân trái phép. Mức độ của các biện pháp bảo đảm an ninh phải tương xứng với tính chất của nguồn dữ liệu. Trong trường hợp không đảm bảo được tính bí mật của dữ liệu cá nhân, nhà cung cấp dịch vụ điện tử phải gửi văn bản thông báo cho chủ dữ liệu cá nhân về việc này;

+ Đảm bảo việc thu thập, sử dụng, tiết lộ và chuyển giao dữ liệu cá nhân dựa trên sự chấp thuận trước của chủ dữ liệu và phù hợp với các mục đích như trước đó đã thông báo cho chủ dữ liệu trong quá trình thu thập dữ liệu, trừ trường hợp có quy định khác. Việc chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba phải trên cơ sở hợp đồng chuyển giao. Tuy nhiên, việc chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba ngoài thẩm quyền tài phán của Indonesia không được pháp



luật Indonesia khuyến khích.

Theo Điều 29 Luật số 11 năm 2008, vì mục đích phục vụ điều tra hình sự, nhà cung cấp dịch vụ điện tử phải cung cấp thông tin lưu giữ trong hệ thống của mình nếu như điều tra viên có yêu cầu phù hợp với các quy định của pháp luật. Một số luật chuyên ngành cũng quy định các trường hợp nhà cung cấp dịch vụ được tiết lộ dữ liệu cá nhân mà không cần sự đồng ý của chủ dữ liệu. Các trường hợp đó đều liên quan đến an ninh quốc gia hoặc lợi ích công cộng. Chẳng hạn như Điều 41 Luật ngân hàng năm 1992, được sửa đổi bổ sung năm 1998, quy định dữ liệu khách hàng sẽ được cung cấp cho cơ quan thuế khi nhận được yêu cầu của cơ quan này và trên cơ sở quyết định của Thống đốc Ngân hàng<sup>41</sup>; Điều 42 Luật viễn thông năm 1999 quy định việc sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân trong trường hợp phục vụ công tác điều tra hình sự theo yêu cầu của cơ quan cảnh sát hoặc tòa án ...

+ Đăng ký hệ thống điện tử của mình tại Bộ Thông tin và Truyền thông; và thiết lập Trung tâm khôi phục thảm họa (các nghĩa vụ này chỉ đặc biệt áp dụng đối với nhà cung cấp dịch vụ công cộng). Sau thủ tục đăng ký hệ thống điện tử, nhà cung cấp dịch vụ sẽ được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Chứng nhận điện tử, Chứng nhận về độ tin cậy và Giấy phép kinh doanh dịch vụ.

Luật số 11 năm 2008 cũng quy định rằng nội dung của thông tin điện tử hoặc một tài liệu (chẳng hạn như một trang web trên internet) thuộc phạm vi của quyền sở hữu trí tuệ, sẽ được bảo vệ như một tác phẩm sở hữu trí tuệ theo luật sở hữu trí tuệ.

#### **- Cơ chế bảo vệ quyền:**

Indonesia chưa thành lập cơ chế chuyên biệt về bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Một số cơ chế cũng đã được hình thành trên cơ sở các văn bản pháp luật chuyên ngành nhằm thực hiện sự quản lý nhà nước đối với các hoạt động liên quan trong lĩnh vực đó, bao gồm cả vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân. Chẳng hạn như: Quy định số 7/15/PBI/2007 của Ngân hàng Trung ương về quản lý rủi ro trong việc sử dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng; Quy định số 1/POJK.07/2013 của Bộ Tài chính về việc bảo vệ thông tin khách hàng trong các giao dịch tài chính; Nghị định số 269/Menkes/Per/III/2008 của Bộ Y tế về quản lý hồ sơ bệnh án; Nghị định số 21 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý mạng điện thoại di động, mang truy cập Internet không dây... Nhìn chung, trong các văn bản này đều xác định rõ cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đó; chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan; cơ chế giám sát thực hiện các quy định có liên quan... Tuy vậy, các cơ chế hình thành trong

---

<sup>41</sup> Act of the Republic of Indonesia number 7 of 1992 concerning banking as amended by Act number 10 of 1998, <http://www.bu.edu/bucflp/files/2012/01/Act-No.-7-of-1992-Concerning-Banking.pdf>

các văn bản này còn mang tính riêng lẻ, độc lập, chưa có sự gắn kết để tạo ra một cơ chế đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Indonesia.

**- Chế tài đối với các hành vi vi phạm:**

Theo Nghị định số 82, bất kỳ chủ thể nào vi phạm Nghị định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Trách nhiệm dân sự hoặc chế tài hình sự không áp dụng đối với các hành vi vi phạm Nghị định. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, tùy mức độ vi phạm, bao gồm: cảnh cáo bằng văn bản; phạt hành chính; tạm đình chỉ hoạt động; đưa ra khỏi danh sách đăng ký. Hình thức xử phạt này liên quan đến nghĩa vụ của người cung cấp dịch vụ phải đăng ký hệ thống điện tử của mình tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Điều 46 Luật số 11 năm 2008, các hành vi vi phạm quyền bí mật đời tư một cách cố ý, ngoài việc bị áp dụng hình phạt tiền, người vi phạm còn có thể bị phạt tù: Phạt tiền tối đa đến 600 triệu IDR và/hoặc phạt tù không quá 6 năm đối với người nào truy cập trái phép máy tính và/hoặc hệ thống máy tính, bằng bất kỳ phương thức nào, với mục đích có được thông tin hoặc hồ sơ điện tử. Ngoài ra nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ bị đưa ra khỏi danh sách đăng ký.

Theo Điều 322 và Điều 323 Bộ luật Hình sự<sup>42</sup>, một nhân viên nào cố ý xâm phạm thông tin bí mật có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đều bị coi là phạm tội và phải chịu hình phạt tới 9 tháng tù và phạt tiền tới 600 IDR. Mức phạt tương tự cũng được áp dụng đối với hành vi tiết lộ bí mật thương mại. Bộ luật Hình sự còn quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm quyền con người, trong đó có các quyền bí mật dữ liệu cá nhân được thể hiện qua quy định tại Điều 28G Hiến pháp Indonesia.

## **2.5. Pháp luật một số quốc gia khác**

- **Nhật Bản:** là nước có hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoàn thiện nhất trong khu vực Châu Á. Đạo luật về bảo vệ thông tin cá nhân (Act on the Protection of Personal Information - APPI) được coi là văn bản pháp luật đầu tiên điều chỉnh về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong khu vực Châu Á.<sup>43</sup> Mục đích của đạo luật này là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, đồng thời bảo đảm việc cân nhắc một cách hợp lý việc sử dụng hiệu quả và phù hợp các thông tin cá nhân nhằm góp phần phục vụ cho việc tạo ra các nền công nghiệp mới, ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội và sự nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Theo đó, đạo luật đặt ra các nguyên tắc cơ bản cho việc quản lý và sử dụng một cách hợp lý các thông tin cá

---

<sup>42</sup>IndonesianPenalCode, [https://www.unodc.org/res/cld/document/idn/indonesian\\_penal\\_code\\_html/I.1\\_Criminal\\_Code.pdf](https://www.unodc.org/res/cld/document/idn/indonesian_penal_code_html/I.1_Criminal_Code.pdf)

<sup>43</sup>Năm 2015, APPI được sửa đổi, bổ sung.

nhân; thiết lập các giải pháp, chính sách cụ thể nhằm tạo ra các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân một cách hiệu quả, thích hợp. Đồng thời, đạo luật này cũng phân định rõ trách nhiệm của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong việc ban hành và thực thi các biện pháp toàn diện nhằm quản lý và sử dụng các thông tin cá nhân đặt trong bối cảnh một xã hội công nghệ và thông tin phát triển cao.

- **Đức:** Đạo luật quan trọng của Đức về bảo vệ dữ liệu cá nhân là Đạo luật liên bang về bảo vệ dữ liệu năm 1990 (sửa đổi năm 2003 và 2009) và bên cạnh còn một số luật liên quan khác như: Luật viễn thông, Luật quản lý sử dụng dữ liệu trên Internet. Bất kỳ thông tin nào liên quan đến cá nhân hoặc thông tin cụ thể để nhận dạng hoặc có thể nhận dạng một người. Các quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu không áp dụng cho dữ liệu ẩn danh. Mặt khác, pháp luật Đức cấm thu thập thông tin có liên quan đến nguồn gốc chủng tộc hoặc dân tộc, quan điểm chính trị, tôn giáo hay triết học, thành viên công đoàn cũng như sức khỏe, đời sống tình dục của đối tượng dữ liệu.

- **Hungary:** Đạo luật về quyền tự quyết thông tin và tự do thông tin (năm 2011) quy định bất kỳ thông tin nào liên quan đến một cá nhân xác định hoặc có thể xác định được hoặc bất kỳ tài liệu tham khảo nào được rút ra, một cách trực tiếp hay gián tiếp, từ thông tin đó. Một cá nhân được xem là xác định được, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua thông tin về tên, mã số hoặc một hay nhiều yếu tố cụ thể về vật lý, sinh lý, tâm thần, kinh tế, văn hoá, xã hội của người đó. Thông tin được phổ biến khi có sự đồng ý của cá nhân đó hoặc theo quy định của pháp luật. Đối với “dữ liệu đặc biệt”, chỉ được phổ biến khi có sự đồng ý bằng văn bản của cá nhân đó hoặc trong các trường hợp đặc biệt.

- **Ba Lan:** Năm 1997, Ba Lan ban hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong đó, dữ liệu cá nhân là bất kỳ thông tin liên quan đến một người được nhận dạng hoặc có thể nhận dạng. Một người có thể được xác định, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, qua việc tham chiếu đến một số nhận dạng hoặc một hay nhiều yếu tố cụ thể về vật lý, sinh lý, tâm thần, kinh tế, văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, một thông tin sẽ không được coi là xác định khi mà việc xác định đòi hỏi một số lượng thời gian, chi phí và nhân lực quá lớn.

Việc xử lý dữ liệu cá nhân có thể được thực hiện vì lợi ích công cộng, lợi ích của các đối tượng dữ liệu, lợi ích của bất kỳ bên thứ ba nào khác, trong phạm vi và theo các thủ tục quy định của Luật này. Luật nghiêm cấm việc xử lý dữ liệu cá nhân mà làm tiết lộ nguồn gốc chủng tộc hoặc dân tộc, chính kiến, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái hay công đoàn mà người đó là thành viên, cũng như việc xử lý các dữ liệu liên quan đến sức khỏe, mã di truyền, nghiện ngập hay đời sống tình dục và dữ liệu liên quan đến việc kết án, bản án, tiền phạt và các quyết định khác của tòa án hoặc của cơ quan hành chính với đối tượng dữ liệu.

- **Hoa Kỳ:** Hiện nay, pháp luật Hoa Kỳ không có luật riêng về quyền riêng tư ở cấp độ liên bang. Việc điều chỉnh quyền này áp dụng theo các quy định trong các ngành, lĩnh vực cụ thể. Một số luật liên quan như: Luật về bảo vệ dữ liệu trực tuyến của trẻ em; Luật về báo cáo tín dụng, Luật về ủy thác thương mại,... Đối với trẻ em, Luật hạn chế các công ty điều hành các trang web hoặc cung cấp các dịch vụ trực tuyến hướng đến trẻ em dưới 13 tuổi. Những nhà điều hành trang web phải được sự đồng ý của cha mẹ trước khi thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của một đứa trẻ. Bên cạnh đó, một số luật và văn bản pháp quy có yêu cầu về: bảo vệ dữ liệu cá nhân khi phổ biến và/hoặc phải có sự đồng ý của các bên liên quan khi phổ biến dữ liệu và/hoặc công bố nơi lưu trữ dữ liệu cá nhân.

- **Canada:** Tương tự như pháp luật Hoa Kỳ, các quy định về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng nằm rải rác trong các đạo luật chuyên ngành như: Luật về bảo vệ thông tin cá nhân và văn bản điện tử, Luật về truyền thông, Luật chống thư rác, Luật bảo vệ thông tin về sức khoẻ cá nhân. Theo đó, thông tin cá nhân bao gồm mọi thông tin về nhận dạng của cá nhân. Tuy nhiên, thông tin trong “business card” không được xem là thông tin cá nhân. Mức độ bảo vệ tương ứng với tính chất quan trọng của thông tin cá nhân được xác định. Việc phổ biến thông tin cá nhân không bị cấm trong ba trường hợp sau: (1) thông tin được sử dụng đúng mục đích được xác định khi thu thập; (2) chủ thể phổ biến thông tin bảo đảm rằng thông tin sẽ được đối tượng tiếp nhận bảo vệ tương tự như mình bảo vệ; (3) những chủ thể liên quan được thông báo về việc phổ biến thông tin.

### **3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

#### ***3.1. Những yêu cầu đặt ra trong việc thực hiện pháp luật quốc tế***

Việt Nam là một quốc gia tham gia khá nhiều điều ước quốc tế về nhân quyền, trong đó có ICCPR là công ước quy định cụ thể về quyền riêng tư mà quyền này bao hàm cả quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Công ước đặt ra nhiều yêu cầu, trong đó có việc "nội luật hoá" các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 đã cho thấy một bước ngoặt mới về nhận thức và khuôn khổ hiến định về quyền con người ở nước ta. Hầu hết các quy định về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013 đã được sửa đổi, bổ sung so với Hiến pháp năm 1992. Quyền đời tư cũng thể hiện những điểm mới tiến bộ. Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, các quyền con người hiến định cần phải được thể chế hoá trong các luật chuyên ngành. Mặc dù việc này đã được thực hiện trong các Bộ luật Dân sự, Luật tiếp cận thông tin và một số luật và văn bản pháp quy khác, hiện vẫn còn một số khía cạnh của quyền này chưa

được làm rõ, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật cho phù hợp.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân, theo cách đề cập trong Đề tài này, cũng chưa được pháp luật Việt Nam quy định rõ (vấn đề này được phân tích cụ thể tại Chương II Báo cáo). Yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần phải pháp điển hoá quyền bảo vệ bí mật cá nhân mà hiện nay đã được quy định rải rác trong một số văn bản pháp luật nhưng còn thiếu và chưa hoàn thiện; xác định rõ đặc điểm, nội dung, phạm vi của quyền bí mật dữ liệu cá nhân; mối quan hệ giữa việc bảo vệ quyền này và các quyền con người, quyền công dân có liên quan. Yêu cầu tiếp theo là cần xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi, trong đó tính đến những đặc thù của quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Trong đó, một yêu cầu chung là cần phải bảo đảm sự tương thích của pháp luật trong nước về bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân với các tiêu chuẩn quốc tế đã được quy định trong các văn kiện, điều ước quốc tế.

### ***3.2. Một số bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tiếp thu***

#### ***Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Theo kinh nghiệm của các nước, với việc ghi nhận trên thực tế quyền bí mật dữ liệu cá nhân, Việt Nam cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý cho việc bảo đảm thực hiện quyền này. Trong đó, quan trọng nhất là việc xây dựng *một luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân*.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định mang tính nguyên tắc về quyền bảo vệ bí mật đời tư, bí mật cá nhân, trong đó có thông tin cá nhân. Việc thực hiện các quy định của Hiến pháp đòi hỏi phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa quy định và tinh thần của Hiến pháp, thiết lập chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân và cơ chế, biện pháp thực hiện cụ thể. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn chưa có khung pháp lý chung để bảo vệ quyền này. Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 bước đầu đã đề cập đến quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân của công dân, song các quy định này còn mang tính chất nguyên tắc, chưa có các biện pháp để xác định hành vi vi phạm và chế tài áp dụng. Bên cạnh đó, các quy định cơ bản mới dừng lại ở phạm vi thông tin trên mạng Internet, mà chưa bao quát mọi thông tin cá nhân nói chung. Mặc dù các luật chuyên ngành đã có quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong một số lĩnh vực nhưng tính khái quát chưa cao, đồng thời chưa xác định các trường hợp ngoại lệ của quyền bảo vệ bí mật thông tin cá nhân. Hiện tại, với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin và các dịch vụ cung ứng qua môi trường mạng, đòi hỏi chúng ta cần nhanh chóng xây dựng cơ chế pháp lý toàn diện và đầy đủ để bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, bảo đảm cho cá nhân tham gia các giao dịch qua mạng điện tử một cách an toàn.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu để ban hành một văn bản luật riêng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân là cần thiết. Đây là điều mà nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện và đã chứng minh tính hiệu quả.

Từ các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và kinh nghiệm của một số quốc gia khác, có thể xác định một số nội dung quan trọng cần có trong đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm: (1) khái niệm thông tin/dữ liệu cá nhân (đây là cơ sở nền tảng để pháp luật chuyên ngành căn cứ vào đó quy định chi tiết, cụ thể hơn về thông tin cá nhân trong từng lĩnh vực); (2) quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên liên quan đối với dữ liệu cá nhân, bao gồm: quyền của chủ dữ liệu; nghĩa vụ của Nhà nước, chủ thể thu thập và xử lý dữ liệu; nghĩa vụ của bên thứ ba; (3) các nguyên tắc về việc hạn chế quyền bí mật dữ liệu cá nhân; (4) trình tự, thủ tục xử lý dữ liệu; (5) cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân (ngoài các cơ chế khiếu nại, tố cáo thông thường, cần thành lập cơ quan chuyên trách theo dõi, giám sát việc thực thi quyền này trên thực tế).

### ***Thứ hai, xây dựng các thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Đi liền với xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, như kinh nghiệm các nước, thì cần thiết phải xây dựng các thiết chế để vận hành và thực thi pháp luật về bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Theo đó, bên cạnh việc xác định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân thì cũng cần thiết phải *thành lập một cơ quan chuyên trách về bảo vệ dữ liệu cá nhân, như Ủy ban quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại một số nước.*

Hiện nay, các quốc gia như Singapore, Philippines, Malaysia... đều đã thành lập Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Từ kinh nghiệm của các quốc gia, một số vấn đề cần cân nhắc khi thành lập Ủy ban quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân: sự cần thiết của việc thành lập Ủy ban; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban.

Thực tiễn các quốc gia thường trao cho Ủy ban một số chức năng chính sau: Tư vấn cho chính phủ, tổ chức, cá nhân; nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động giáo dục, nghiên cứu; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Ngoài các chức năng trên, pháp luật của một số quốc gia như Singapore và Malaysia còn trao quyền cho Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân chức năng đại diện cho quốc gia trong các quan hệ quốc tế hay tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại liên quan đến bí mật dữ liệu cá nhân. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban có giá trị pháp lý bắt buộc và được bảo đảm thực hiện bằng lệnh của Toà án nếu như các bên không tự nguyện tuân thủ.

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban cần được thiết kế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ngoài ra, pháp luật các quốc gia cũng có biện pháp nhằm bảo đảm tính độc lập tương đối của Ủy ban khi tiến hành các hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Ủy ban với các cơ quan nhà nước khác, đặc biệt với cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành hoặc với Tòa án, vẫn được duy trì để bảo đảm việc thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### ***Thứ ba, sử dụng cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp để bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Pháp luật các quốc gia duy trì các cơ chế khiếu nại, giải quyết tranh chấp khác nhau để bảo đảm quyền bí mật dữ liệu của các cá nhân. Các cơ chế này bao gồm: cơ chế hoà giải; cơ chế khiếu nại hành chính; cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua trình tự, tố tụng dân sự; và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng.

***Tóm lại***, quyền bảo vệ đời tư nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng là quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người được pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia ghi nhận. Việc bảo vệ quyền này không hề đơn giản. Thực tế cho thấy, mặc dù các quốc gia đã có ý thức và nỗ lực bảo vệ bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân, nhưng những hành vi vi phạm bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân vẫn diễn ra một cách cố ý hoặc vô ý. Các quốc gia đã và đang sử dụng các cơ chế, biện pháp khác nhau để bảo vệ các quyền đó, từ việc hoàn thiện các quy định của pháp luật tới việc hình thành và củng cố các cơ chế bảo đảm các quyền này, như thông qua cơ chế toà án hoặc thông qua các ủy ban chuyên biệt như Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Điều cần nhấn mạnh là việc ban hành luật chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân mới chỉ là bước đầu tiên, sau đó còn cần thực hiện nhiều các biện pháp khác mới có thể thực sự thực hiện cơ chế bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân một cách hiệu quả. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân ở các nước cho thấy thể chế yếu cộng với việc không tuân thủ của các bên liên quan, thiếu cơ sở giám sát thực hiện hiệu quả, ý thức trách nhiệm kém và sự tùy tiện, dễ dãi trong việc chia sẻ thông tin, văn hóa mang tính làng xã cộng đồng cao là những yếu tố cơ bản dẫn đến sự thất bại của chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo vệ dữ liệu cá nhân đòi hỏi việc nâng cao trách nhiệm của nhà nước, các chủ thể thu thập, nắm giữ dữ liệu cũng như nhận thức về tầm quan trọng của việc giữ bí mật dữ liệu của chính chủ thể của dữ liệu đó. Ngoài ra, tính hiệu quả của cơ chế pháp lý bảo vệ dữ liệu cá nhân còn chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học kỹ thuật. Do vậy, nhằm xây dựng, ban hành và thực hiện một đạo luật chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân cần thiết phải có sự đầu tư nghiên cứu một cách tổng thể không chỉ

về mặt pháp luật mà cần mở rộng tới các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung ở nước ta.



## CHƯƠNG II

# THỰC TRẠNG CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

### I. Thực trạng thể chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

#### 1. Thực trạng pháp luật thực định về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta đã quy định: "Tur pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật" (Điều 11). Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) một lần nữa nhấn mạnh điều này: "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm." (Điều 71); "Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp pháp luật cho phép. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật." (Điều 73).

Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: "1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. 2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác". Trên cơ sở đó, Bộ luật dân sự năm 2015 cũng khẳng định: "Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ" (khoản 1 Điều 38).

Hiến pháp năm 2013, bên cạnh việc kế thừa các quy định của các bản Hiến pháp trước đây, theo đó khẳng định quyền riêng tư của cá nhân là bất khả xâm phạm, còn mở rộng phạm vi quyền riêng tư không chỉ là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín mà còn bao gồm quyền bảo vệ bí mật cá nhân, trong đó có thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Mặc dù Hiến pháp chưa quy định cụ thể nội hàm cụ thể của thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nhưng đây là cơ sở hiến định quan trọng để các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác nghiên cứu, cụ thể hóa.

Việc rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành để xem xét, nghiên cứu những vấn đề đã được quy định, những vấn đề pháp luật còn bỏ ngỏ, còn quy định chưa thống nhất, đồng bộ liên quan đến quyền bí mật dữ liệu cá nhân là rất cần thiết để kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với quy định, tinh thần mới của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền con người, quyền công dân và phù hợp với yêu cầu của tình hình mới về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### ***1.1. Khái niệm thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân***

Khái niệm “*thông tin cá nhân*” bước đầu được ghi nhận trong một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, cụ thể: khoản 15 Điều 3 Luật an toàn thông tin mạng quy định “*thông tin cá nhân là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể*”. Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định “*thông tin cá nhân là thông tin trên mạng gắn với việc xác định danh tính một người cụ thể*”. Khoản 16 Điều 3 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng quy định “*thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật*”. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử quy định “*thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật. Thông tin cá nhân trong Nghị định này không bao gồm thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông.*”

Ngoài khái niệm thông tin cá nhân, một số văn bản quy phạm pháp luật còn sử dụng khái niệm “*thông tin riêng*”, “*thông tin bí mật đời tư*” với nội hàm liên quan, cụ thể: khoản 15 Điều 3 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng quy định “*thông tin riêng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể*”. Khoản 4 Điều 6 Luật viễn thông năm 2009 quy định: doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp. Ngoài ra, Luật công nghệ thông tin sử dụng khái niệm “*thông tin riêng*”, Luật giao dịch điện tử sử dụng khái niệm “*thông tin về bí mật đời tư*” nhưng không đưa ra định nghĩa cụ thể.

Kể từ Hiến pháp năm 2013, cụm từ “*thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình*” được sử dụng tại Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật tiếp cận thông tin, Luật trẻ em. Tuy nhiên, trong tất cả các văn bản nêu trên, chưa văn bản nào đưa ra được định nghĩa cho các khái niệm này. Đáng lưu ý là khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự quy định: “*Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật*”. Việc bổ sung thêm thuật ngữ “*cơ sở dữ liệu điện tử*” có nghĩa là, việc bảo đảm quyền riêng tư không chỉ áp dụng đối với các loại thông tin riêng tư tồn tại dưới các dạng thức truyền thống như thư tín, điện thoại, điện tín... mà còn áp dụng cả đối với các dữ liệu tồn tại dưới dạng kỹ thuật số như cơ sở dữ liệu điện tử.

Như vậy, về cơ bản, khái niệm “*thông tin cá nhân*” quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đều thống nhất cách hiểu chung về thông tin cá nhân là những thông tin dùng để định danh một cá nhân cụ thể. Tuy nhiên, ở từng văn bản, thông tin cá nhân lại được quy định dưới dạng nguyên tắc hoặc liệt kê cụ thể và chưa có cách hiểu thống nhất. Nếu như tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP khẳng định thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông không được coi là thông tin cá nhân thì tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, mọi thông tin cá nhân không phân biệt đã công khai hay giữ bí mật đều được coi là thông tin cá nhân. Một số văn bản quy phạm pháp luật chưa giải thích về nội hàm hay định nghĩa về khái niệm thông tin cá nhân, thông tin riêng, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, do đó, dẫn đến khó khăn cho quá trình thực thi văn bản.

Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định thống nhất về khái niệm dữ liệu cá nhân. Một số quy định về thông tin cá nhân trong các lĩnh vực chuyên ngành mới đưa ra, liệt kê một số biểu hiện của thông tin cá nhân, do đó, chưa hiểu được dữ liệu cá nhân là tất cả các thông tin liên quan đến một cá nhân được thể hiện dưới các dạng khác nhau như ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được thu thập, lưu giữ, chuyển giao bởi một cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

## ***1.2. Khái niệm và nội hàm quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

### ***(i) Về khái niệm bí mật dữ liệu cá nhân:***

Rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, có thể thấy tại Hiến pháp và các đạo luật chuyên ngành chưa có khái niệm về quyền bí mật dữ liệu cá nhân hoặc các định nghĩa, giải thích từ ngữ, đưa ra nội hàm về quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, với các quy định về quyền bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, về các quy định liên quan tới thông tin cá nhân, bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân... trong các văn bản hiện hành, có thể hiểu các quy định đó đã điều chỉnh

đến các vấn đề, khía cạnh của quyền bí mật dữ liệu cá nhân với tính chất là một bộ phận của quyền bí mật về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và theo đó cần phải được pháp luật bảo vệ.

*(ii) Về nội hàm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân:*

- Mặc dù chưa có văn bản pháp luật quy định, giải thích cụ thể về nội hàm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân, nhưng trong một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định về nguyên tắc phải bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân hoặc quy định một số hoạt động bảo vệ bí mật thông tin cá nhân hoặc quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ thông tin cá nhân, như:

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác. 3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định. 4. Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” (Điều 38).

Luật trẻ em năm 2016 quy định hành vi công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em là hành vi bị nghiêm cấm (khoản 11 Điều 6); quy định nguyên tắc trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư (khoản 2 Điều 21) và giao trách nhiệm cho Bộ Thông tin và Truyền thông bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân (khoản 1 Điều 87).

Luật công nghệ thông tin năm 2006 quy định: Tổ chức, cá nhân thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng phải được người đó đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (Điều 21). Cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân lưu trữ thông tin cá nhân của mình trên môi trường mạng thực hiện việc kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin đó.

Cá nhân có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp thông tin cá nhân (Điều 22).

Luật bưu chính năm 2010 quy định người sử dụng dịch vụ bưu chính có các quyền sau: được doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về dịch vụ bưu chính mà mình sử dụng; được bảo đảm an toàn và an ninh thông tin; khiếu nại về dịch vụ bưu chính đã sử dụng” (Điều 30).

Trong lĩnh vực tố tụng: Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định người tố cáo có quyền “Yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình” (Điều 510). Ngoài ra, Bộ luật tố tụng dân sự cũng có quy định bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân, quyền được xét xử kín theo yêu cầu chính đáng của công dân nhằm bảo đảm bí mật của đương sự, quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; không được tiết lộ bí mật điều tra... (Điều 8, 18 và Điều 124).

Trong lĩnh vực tín dụng: Điều 12 Luật các tổ chức tín dụng quy định không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài...

Trong lĩnh vực báo chí, xuất bản: Báo chí có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ tên người cung cấp thông tin nếu có hại cho người đó, trừ trường hợp có yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng; không được tiết lộ bí mật Nhà nước: bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định; báo chí không được đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân... (Điều 7 và Điều 10 Luật báo chí). Luật xuất bản năm 2012 nghiêm cấm việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có nội dung tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định (điểm c khoản 1 Điều 10).

Trong lĩnh vực y tế: người khám bệnh được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án; hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh); thầy thuốc và nhân viên y tế có trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh (khoản 3 Điều 33 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm). Tuy nhiên, thông tin này có thể được công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.

Tóm lại, mặc dù được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhưng hiện nay chưa có cách hiểu thống nhất về khái niệm và nội hàm quyền bí mật thông tin, dữ liệu cá nhân, bí mật đời tư. Trên cơ sở các quy định pháp luật như trên, có thể khái quát quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm: (i) Quyền được yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin, dữ liệu cá nhân giữ bí mật thông tin cá nhân, dữ liệu của mình; (ii) Quyền được kiểm tra, yêu cầu đình chính hoặc hủy bỏ thông tin, dữ liệu cá nhân; (iii) Quyền cho phép bên thứ ba tiếp cận, xử lý thông tin, dữ liệu cá nhân của mình; (iv) Quyền yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin bồi thường khi có hành vi xâm phạm thông tin trái pháp luật, gây thiệt hại cho cá nhân.

- Đối với việc xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân: khoản 17 Điều 3 Luật an toàn thông tin mạng quy định “Xử lý thông tin cá nhân là việc thực hiện một hoặc một số thao tác thu thập, biên tập, sử dụng, lưu trữ, cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân trên mạng nhằm mục đích thương mại”. Luật công nghệ thông tin quy định một số hình thức như thu thập, sử dụng, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin cá nhân. Có thể khái quát các khía cạnh của hoạt động tác động đến thông tin cá nhân, bao gồm: việc cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, quản lý, sử dụng thông tin số; việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin; việc theo dõi, giám sát, quản lý nội dung thông tin.

Về nguyên tắc, thông tin cá nhân chỉ được xử lý trong trường hợp chủ thể thông tin đồng ý. Một số luật chuyên ngành quy định nguyên tắc cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin cá nhân mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được nếu không có sự đồng ý của cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tuy nhiên, pháp luật hiện nay chưa có quy định chung về các trường hợp ngoại lệ của quyền bảo vệ thông tin cá nhân. Các trường hợp ngoại lệ này mới được quy định trong một số pháp luật chuyên ngành, theo đó, tổ chức, cá nhân có quyền thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không cần sự đồng ý của người đó. Cụ thể:

Luật công nghệ thông tin quy định “Tổ chức, cá nhân có quyền thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không cần sự đồng ý của người đó trong trường hợp thông tin cá nhân đó được sử dụng cho mục đích sau đây: a) Ký kết, sửa đổi hoặc thực hiện hợp đồng sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng; b) Tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng; c) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật” (khoản 3 Điều 21).

Bộ luật tố tụng hình sự quy định khi có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử (khoản 2 Điều 192); thu giữ thư tín, điện

tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông (Điều 197). Trong quá trình điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền, tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, người có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà biện pháp đó vi phạm đến quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, như ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử (Điều 223 và Điều 224).

Điều 6 Luật viễn thông quy định doanh nghiệp viễn thông có thể tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: a) Người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin; b) Các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông để phục vụ cho việc tính giá cước, lập hóa đơn và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử quy định “Đơn vị thu thập thông tin không cần được sự đồng ý trước của chủ thể thông tin trong các trường hợp sau: a) Thu thập thông tin cá nhân đã công bố công khai trên các website thương mại điện tử; b) Thu thập thông tin cá nhân để ký kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ; c) Thu thập thông tin cá nhân để tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng”. Điều 71 của Nghị định này cũng quy định đơn vị thu thập thông tin có thể sử dụng, chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin cá nhân cho bên thứ ba mà không cần thông báo với chủ thể thông tin trong các trường hợp: a) Có một thỏa thuận riêng với chủ thể thông tin về mục đích và phạm vi sử dụng ngoài những mục đích, phạm vi đã thông báo; b) Để cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm theo yêu cầu của chủ thể thông tin; c) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

### ***1.3. Chủ thể có quyền được bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân***

Trước Hiến pháp năm 2013, quyền bảo vệ thông tin cá nhân nói riêng và quyền riêng tư nói chung được giới hạn là quyền công dân (Điều 11 Hiến pháp năm 1946, Điều 71 và Điều 73 Hiến pháp năm 1992). Hiến pháp năm 2013 đã có sự thay đổi quan trọng khi mở rộng chủ thể của quyền bảo vệ thông tin cá nhân là “mọi người” mà không chỉ giới hạn là công dân Việt Nam như các bản Hiến pháp trước đây. Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: “(1) Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư,

*bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. (2) Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác".*

Một số luật chuyên ngành khẳng định chủ thể của quyền bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân là cá nhân (khoản 1 Điều 16 Luật an toàn thông tin mạng năm 2015); người sử dụng dịch vụ bưu chính (Luật bưu chính năm 2010), người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông (Luật viễn thông năm 2009), người bệnh (Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007), người nhiễm HIV (Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006)...

Bên cạnh việc quy định về quyền bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân, một số luật chuyên ngành có quy định về quyền bảo vệ thông tin của tổ chức, ví dụ: Luật công nghệ thông tin quy định “tổ chức, cá nhân không được trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp chủ sở hữu thông tin số đã có cảnh báo hoặc pháp luật quy định việc trích dẫn thông tin là không được phép” (khoản 4 Điều 15); Luật giao dịch điện tử quy định “Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” (Điều 46); Luật an toàn thông tin mạng quy định “Tổ chức, cá nhân không được xâm phạm an toàn thông tin mạng của tổ chức, cá nhân khác” (Điều 4)...

#### ***1.4. Nghĩa vụ của chủ thể liên quan đến thông tin/dữ liệu cá nhân***

Bên cạnh việc quy định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ thể quản lý, cập nhật dữ liệu cá nhân, một số luật có quy định về nghĩa vụ của chủ thể thông tin, dữ liệu cá nhân, cụ thể:

- Luật an toàn thông tin mạng quy định “Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng” (Điều 16); “1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động an toàn thông tin mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trên mạng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố khi phát hiện các hành vi phá hoại hoặc sự cố an toàn thông tin mạng” (Điều 15).



- Luật cư trú năm 2006 quy định trách nhiệm của công dân “Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu đã cung cấp” (Điều 11).

- Luật thống kê năm 2015 quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê “Cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của điều tra viên thống kê hoặc cơ quan tiến hành điều tra thống kê; không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê; chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê và thanh tra chuyên ngành thống kê về thông tin đã cung cấp” (Điều 33).

Như vậy, ngoài một số nghĩa vụ như cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, có biện pháp tự bảo vệ thông tin cá nhân, Luật thống kê quy định chủ thể thông tin có nghĩa vụ “không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê”, trong khi đó, một số luật chuyên ngành quy định việc “cho phép” cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin cá nhân của mình là quyền của chủ thể thông tin (Luật an toàn thông tin mạng, Luật tiếp cận thông tin,...).

### ***1.5. Các hình thức, phương thức bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân***

Kết quả rà soát cho thấy, hệ thống pháp luật hiện hành đã bước đầu có những quy định về phương thức bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân. Ngay tại Hiến pháp năm 2013, khoản 3 Điều 103 đã khẳng định: “Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín”. Nguyên tắc này tiếp tục được cụ thể trong các đạo luật về tố tụng. Ví dụ: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định phải giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên trong quá trình lấy ý kiến của con chưa thành niên và các thủ tục tố tụng khác đối với người chưa thành niên (khoản 3 Điều 208). Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự năm 2002 cũng quy định Tòa án quân sự xét xử công khai, trừ trường hợp cần xét xử kín để giữ gìn bí mật nhà nước, bí mật quân sự, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ (Điều 10).

Tại các văn bản luật chuyên ngành, đặc biệt là ở những ngành, lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu cá nhân, pháp luật đã có những quy định nhằm bảo vệ thông tin cá nhân phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, như:

#### ***(i) Trong lĩnh vực y tế:***

Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác quy định việc bảo vệ thông tin cá nhân bằng phương pháp mã hóa thông tin (Điều 38), cụ thể: Mọi thông tin về người hiến, người được ghép bộ phận cơ thể người phải được mã hóa thông tin và bảo mật. Trong trường hợp công bố những thông tin

này thì phải bảo đảm tính vô danh để không xác định được người hiến và người được ghép, trừ trường hợp người hiến và người được ghép là người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời. Trong trường hợp đặc biệt vì mục đích chữa bệnh theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở y tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì cơ sở lưu giữ thông tin mới được phép cung cấp thông tin. Hồ sơ về người hiến và người được ghép phải được lưu giữ, bảo quản trong ba mươi năm.

Nghị định số 56/2008/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng mô và Trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người quy định cụ thể về việc mã hóa thông tin về mô tại Điều 11: Mọi thông tin về nguồn gốc mô phải được mã hoá trên nguyên tắc vô danh; không ghi tên, tuổi, địa chỉ của người hiến; mỗi lần lấy mô của người hiến sẽ được cấp một mã xác định riêng.

Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo quy định việc cho, nhận, lưu giữ tinh trùng, noãn, phôi phải được mã hóa và nhập vào hệ cơ sở dữ liệu chung, sử dụng trong toàn quốc, bảo đảm cơ chế chia sẻ thông tin giữa Bộ Y tế và các cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm; bảo đảm việc cho, nhận tinh trùng, noãn, phôi thực hiện theo quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 3, khoản 5 Điều 21, khoản 1 Điều 23).

Như vậy có thể thấy, phương thức bảo vệ thông tin cá nhân chủ yếu trong lĩnh vực y tế là mã hóa các thông tin cá nhân. Ngoài ra, cũng có các phương thức khác để bảo vệ thông tin cá nhân trong lĩnh vực y tế như lưu trữ hồ sơ bệnh án theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009).

*(ii) Trong lĩnh vực công nghệ thông tin:*

Luật công nghệ thông tin năm 2006 quy định: Thông tin riêng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng được bảo đảm bí mật theo quy định của pháp luật (điểm d khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 72). Như vậy, Luật công nghệ thông tin mới chỉ dừng lại ở việc ghi nhận bảo đảm bí mật thông tin cá nhân mà chưa quy định cụ thể về phương pháp, biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân.

Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 quy định nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng (Điều 16). Theo đó, cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng; cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với thông tin do mình xử lý. Đồng thời, Điều 19 quy định cụ thể hơn về bảo đảm an toàn thông tin trên mạng:

tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật phù hợp để bảo vệ thông tin cá nhân do mình thu thập, lưu trữ; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông tin mạng. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cần áp dụng biện pháp khắc phục, ngăn chặn trong thời gian sớm nhất.

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Điều 19 quy định phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phải đáp ứng yêu cầu cơ bản trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (gồm: bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong khâu thiết kế, xây dựng; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong quá trình vận hành; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin...).

*(iii) Trong lĩnh vực báo chí:*

Nếu như các văn bản quy phạm pháp luật ở các lĩnh vực khác quy định việc bảo vệ thông tin cá nhân theo hướng ngăn chặn các thông tin này bị tiết lộ ra ngoài khi chưa được phép của người có thông tin hoặc của cơ quan có thẩm quyền thì các quy định pháp luật trong lĩnh vực báo chí lại quy định bảo vệ thông tin cá nhân theo hướng không bị xuyên tạc, sai sự thật, cụ thể:

Luật báo chí năm 2016 quy định cơ quan báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát lời cải chính, xin lỗi trên báo chí và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó (Điều 42).

Đồng thời, khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có căn cứ cho rằng cơ quan báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của mình hoặc gây hiểu lầm làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của mình thì có quyền nêu ý kiến phản hồi bằng văn bản đến cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án (khoản 1 Điều 43).

*(iv) Trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông:*

Thông tư số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin quy định phải triển khai các giải pháp, biện pháp bảo đảm an ninh thông tin bí mật nhà nước, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân, nội dung thư, bưu phẩm, bưu kiện, gói, kiện hàng hóa, thông tin chuyển qua mạng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin (điểm b mục 2.II).

*(v) Trong lĩnh vực lý lịch tư pháp:*

- Luật lý lịch tư pháp năm 2009 quy định cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tài sản quốc gia phải được bảo vệ chặt chẽ, an toàn, lưu trữ lâu dài; chỉ người có thẩm quyền mới được tiếp cận, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (Điều 14).

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Luật lý lịch tư pháp quy định các biện pháp bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Điều 23, gồm: các biện pháp bảo vệ chung (các biện pháp phòng, chống đột nhập, trộm cắp dữ liệu; các biện pháp phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thiên tai), các biện pháp bảo vệ đối với hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy (xây dựng hoặc bố trí kho lưu trữ theo đúng tiêu chuẩn quy định...), và các biện pháp bảo vệ đối với dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử (các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; các biện pháp bảo đảm an ninh mạng).

*(vi) Trong lĩnh vực hành chính:*

- Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định trường hợp cần thiết phải bảo đảm an toàn cho người làm chứng và những người thân thích của họ, Hội đồng xét xử quyết định không tiết lộ những thông tin về nhân thân của người làm chứng và không để những người trong phiên tòa nhìn thấy họ (khoản 5 Điều 181).

- Điều 12 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo quy định:

+ Khi tiếp nhận tố cáo, thụ lý giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải nghiên cứu, xác định nội dung vụ việc, những thông tin nếu tiết lộ sẽ gây bất lợi cho người tố cáo để áp dụng biện pháp phù hợp nhằm giữ bí mật thông tin cho người tố cáo. Trường hợp cần thiết có thể lược bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích, các thông tin cá nhân khác của người tố cáo ra khỏi đơn tố cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời lưu trữ và quản lý thông tin về người tố cáo theo chế độ thông tin mật.

+ Trong quá trình giải quyết tố cáo, nếu có yêu cầu làm việc trực tiếp với người tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, người giải quyết tố cáo phải bố trí thời gian, địa điểm và lựa chọn phương thức làm việc phù hợp để bảo vệ bí mật thông tin cho người tố cáo.

+ Trường hợp phát hiện người không có thẩm quyền có hành vi thu thập thông tin về người tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm áp dụng biện pháp theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc xử lý đối với người có hành vi vi phạm.

- Luật cư trú năm 2006 quy định cấm các hành vi: thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú; sử dụng giấy tờ giả về cư trú; cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về cư trú (khoản 8 Điều 8).

Như vậy có thể thấy, trong lĩnh vực hành chính, Luật tổ tụng hành chính, Luật tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định khá cụ thể về phương thức bảo vệ thông tin cá nhân của đương sự và người tố cáo.

*(vii) Trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, sở hữu trí tuệ:*

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử quy định cấm các hành vi tại Điều 4: giả mạo thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để tham gia hoạt động thương mại điện tử (điểm b khoản 3); đánh cắp, sử dụng, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác hoặc thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (điểm a khoản 4).

Đồng thời, Nghị định này cũng quy định quy chế hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử phải bao gồm nội dung về chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (điểm i khoản 2 Điều 38).

- Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định trước thời điểm đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm bảo mật thông tin trong đơn (khoản 1 Điều 111); cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp làm lộ bí mật thông tin trong đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp thì bị xử lý kỷ luật; nếu việc làm lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho người nộp đơn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 111).

Bên cạnh đó, pháp luật cũng có những quy định mang tính chế tài (chế tài hình sự, chế tài hành chính) để xử lý những hành vi xâm phạm quyền bảo vệ thông tin cá nhân như: Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điều 125); Nghị định số 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện (điểm b khoản 2 Điều 64, điểm a khoản 3 Điều 64, khoản 1 Điều 65...); Nghị định số 159/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản (điểm d khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 20...); Nghị định số 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo (điểm b khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 51...); Nghị định số 176/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (điểm c khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 4 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 46...).

Từ kết quả rà soát nêu trên có thể thấy, các quy định pháp luật ở các lĩnh vực khác nhau đã có những quy định nhằm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực đó.

### ***1.6. Quy trình bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân***

#### *(i) Trong lĩnh vực hành chính:*

Rà soát các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành chính cho thấy, quy trình bảo vệ thông tin/ dữ liệu cá nhân chủ yếu được thực hiện bằng quy trình lưu trữ hồ sơ, tài liệu có chứa thông tin/dữ liệu cá nhân, ví dụ: Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định chế độ lưu trữ chữ ký được chứng thực (khoản 2 Điều 14); Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Luật lý lịch tư pháp (Điều 20)...

Ngoài ra, Luật căn cước công dân năm 2014 quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tài sản quốc gia, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (khoản 1 Điều 10). Việc truy nhập Cơ sở dữ liệu căn cước công dân hoặc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu trong tàng thư căn cước công dân phải được sự phê duyệt của thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước công dân (khoản 1 Điều 17).

Nghị định số 137/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân quy định Thủ trưởng cơ quan quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định việc chỉnh sửa thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về việc chỉnh sửa đó (khoản 3 Điều 6). Việc sử dụng thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư của công dân (khoản 1 Điều 11). Nghị định này cũng quy định quy trình kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 7); hình thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 8); thủ tục khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 10); sao lưu, phục hồi dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 12).

#### *(ii) Trong lĩnh vực y tế:*

Tương tự như lĩnh vực hành chính, việc bảo vệ thông tin cá nhân trong lĩnh vực y tế cũng được thực hiện theo quy trình lưu giữ thông tin, ví dụ: Thông tư số 57/2015/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo quy định tại Điều 30 như sau:

- Cơ sở thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm phải tổ chức lưu trữ thông tin về các trường hợp thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm tại cơ sở ít nhất 02 (hai) năm kể từ khi kết thúc đợt điều trị sau cùng.

- Các cơ sở thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm có phải tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu về các trường hợp cho, nhận tinh trùng, noãn, phôi và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo trong ít nhất 20 (hai mươi) năm, kể từ ngày kết thúc đợt điều trị sau cùng.

*(iii) Trong lĩnh vực hình sự:*

Nghị định số 20/2012/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự tại Điều 8. Theo đó, hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự là tài sản quốc gia phải được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật. Cơ quan được giao quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, an ninh, an toàn thông tin, lưu giữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống. Trường hợp các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có yêu cầu tra cứu, cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và lưu trữ quốc gia (điểm b khoản 9).

*(iv) Trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực:*

Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch quy định Sổ hộ tịch được lập khóa (Điều 11) và lưu trữ (Điều 12).

Như vậy, quy trình bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân ở các lĩnh vực khác nhau đều được thực hiện chủ yếu theo quy trình lưu trữ hồ sơ, tài liệu có chứa thông tin cá nhân. Đối với thông tin cá nhân được lưu trữ bằng hình thức điện tử thì hệ thống cơ sở dữ liệu được coi là tài sản quốc gia và được quản lý, bảo vệ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

## **2. Thực trạng pháp luật thực định về bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực**

### **2.1. Lĩnh vực y tế**

Y tế là một lĩnh vực gắn với từng cá nhân trong xã hội từ lúc sinh ra đến khi mất đi. Do đó, việc bảo vệ các dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực này cần được quan tâm một cách đầy đủ nhằm ngăn ngừa sự xâm phạm một cách vô tình hoặc hữu ý của các chủ thể có liên quan, nhưng đồng thời cũng cần có những quy

định về chủ thể nào được quyền tiếp cận dữ liệu/thông tin y tế của cá nhân trong những trường hợp, mục đích nhất định.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến lĩnh vực y tế, sức khỏe con người, quyền bí mật đời tư được đề cập tương đối ít ỏi, chỉ được ghi nhận trong một vài quy định pháp luật như: Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989; Luật khám, chữa bệnh năm 2009; Luật giám định tư pháp; Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Luật dược; Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm... Những quy định này là phù hợp với quy định về bảo vệ bí mật cá nhân được ghi nhận tại Hiến pháp.

Luật bảo hiểm xã hội có quy định một số vấn đề liên quan đến dữ liệu cá nhân như: họ tên, nhóm máu, mức thu nhập để đóng bảo hiểm y tế bắt buộc... Tuy nhiên, nếu xem xét đến nội dung thì Luật này chưa có quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, như bảo hiểm nhân thọ hoặc bảo hiểm phi nhân thọ, có quy định về bảo mật kinh doanh (Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm) dù chưa cụ thể về cơ chế.

Liên quan đến bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực này cũng chưa có quy định về chế tài xử phạt khi vi phạm, mặc dù đã có văn bản quy phạm pháp luật quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Điểm đáng lưu ý là, một số nguyên tắc về bảo vệ thông tin/bí mật cá nhân trong lĩnh vực y tế được ghi nhận rải rác tại một số văn bản, cụ thể như sau:

**\* Trong trường hợp khám, chữa bệnh:**

Trách nhiệm của thầy thuốc trong khám, chữa bệnh là “*phải giữ bí mật về những điều có liên quan đến bệnh tật hoặc đời tư mà mình được biết về người bệnh*” (Điều 25 Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân), có nghĩa là phải thực hiện việc giữ bí mật về tình trạng sức khỏe của từng cá nhân người bệnh. Đây là một trong những nguyên tắc hành nghề khám bệnh, chữa bệnh “*Tôn trọng quyền của người bệnh; giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11 và khoản 4 Điều 59 của Luật này*” (Điều 3 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009).

Cá nhân người bệnh cũng được ghi nhận “*quyền được tôn trọng bí mật riêng tư*”, theo đó, người bệnh “*được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án*” và những thông tin này “*chỉ được phép công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.*” (Điều 8 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009).



Điều này cho thấy, mặc dù tại Hiến pháp năm 1992 chưa ghi nhận nhưng vấn đề này đã được Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 ghi nhận và thực hiện với những cơ chế rất nghiêm ngặt.

Điều 59 Luật này đã quy định việc thiết lập, lưu giữ và thông báo dữ liệu cá nhân về sức khỏe của người bệnh. Theo đó, hồ sơ bệnh án là tài liệu y học, y tế và pháp lý; mỗi người bệnh chỉ có một hồ sơ bệnh án trong mỗi lần khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Hồ sơ bệnh án bao gồm các tài liệu, thông tin liên quan đến người bệnh và quá trình khám bệnh, chữa bệnh. Việc lưu giữ hồ sơ bệnh án được quy định chặt chẽ: Hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; hồ sơ bệnh án nội trú, ngoại trú được lưu trữ ít nhất 10 năm; hồ sơ bệnh án tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt được lưu trữ ít nhất 15 năm; hồ sơ bệnh án đối với người bệnh tâm thần, người bệnh tử vong được lưu trữ ít nhất 20 năm.

Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định việc cho phép khai thác hồ sơ bệnh án trong các trường hợp sau đây: (i) Sinh viên thực tập, nghiên cứu viên, người hành nghề trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ cho việc nghiên cứu hoặc công tác chuyên môn kỹ thuật; (ii) Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về y tế trực tiếp quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án, thanh tra chuyên ngành y tế, cơ quan bảo hiểm, tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, luật sư được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền cho phép; (iii) Người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh được nhận bản tóm tắt hồ sơ bệnh án theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này. Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này khi sử dụng thông tin trong hồ sơ bệnh án phải giữ bí mật và chỉ được sử dụng đúng mục đích như đã đề nghị với người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.”

**\* Trong trường hợp thụ thai nhân tạo:**

Đối với một số trường hợp liên quan trực tiếp đến cá nhân trong việc mang thai hộ, một số nguyên tắc về bảo đảm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đã được ghi nhận tại Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: Vợ chồng nhờ mang thai hộ, người mang thai hộ, trẻ sinh ra nhờ mang thai hộ được bảo đảm an toàn về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và được pháp luật tôn trọng, bảo vệ. Việc cho và nhận tinh trùng, cho và nhận phôi được thực hiện trên nguyên tắc vô danh giữa người cho và người nhận; tinh trùng, phôi của người cho phải được mã hóa để bảo đảm bí mật nhưng vẫn phải ghi rõ đặc điểm của người cho, đặc biệt là yếu tố chủng tộc (khoản 2 và khoản 4 Điều 3).

Tuy nhiên, với mục đích điều chỉnh về nội hàm là sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, nên Nghị định này không quy định chi tiết cơ chế nhằm thực hiện nguyên tắc tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3 nói trên. Như vậy, về cơ chế để bảo đảm nguyên tắc chưa được đề cập, phải chăng vấn đề này được thực hiện theo các quy định pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình hoặc pháp luật liên quan về khám bệnh, chữa bệnh.

**\* *Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác:***

Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác (năm 2006) quy định nguyên tắc giữ bí mật các thông tin cá nhân liên quan đến việc hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác: “*Giữ bí mật về các thông tin có liên quan đến người hiến, người được ghép, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”(khoản 4 Điều 4). Để bảo đảm nguyên tắc này, Luật này quy định nghiêm cấm hành vi “*Tiết lộ thông tin, bí mật về người hiến và người được ghép trái với quy định của pháp luật.*” (khoản 9 Điều 11).

Về cơ chế thực hiện bảo đảm bí mật này, Điều 38 Luật này quy định về mã hóa thông tin. Cụ thể: mọi thông tin về người hiến, người được ghép bộ phận cơ thể người phải được mã hóa thông tin và bảo mật. Trong trường hợp công bố thông tin thì phải bảo đảm tính vô danh để không xác định được người hiến và người được ghép, trừ trường hợp người hiến và người được ghép là người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời. Trong trường hợp đặc biệt vì mục đích chữa bệnh theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở y tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì cơ sở lưu giữ thông tin mới được phép cung cấp thông tin. Hồ sơ về người hiến và người được ghép phải được lưu giữ, bảo quản trong ba mươi năm.

Tuy nhiên, tại Luật này cũng có quy định về tôn vinh người hiến bộ phận cơ thể ở người sau khi chết, hiến xác (Điều 25): “*Người đã hiến bộ phận cơ thể ở người sau khi chết, hiến xác được truy tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế*”, gây nên sự băn khoăn về vấn đề bảo vệ bí mật đối với cá nhân được truy tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân. Đây cũng là vấn đề cần được cân nhắc liên quan đến quyền bí mật cá nhân.

**\* *Trong trường hợp phòng, chống bệnh truyền nhiễm:***

Mặc dù việc phòng, chống bệnh truyền nhiễm cũng liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng nhưng bí mật thông tin liên quan đến cá nhân người bệnh vẫn được ghi nhận tại Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Khoản 3 Điều 33 Luật này quy định trách nhiệm của thầy thuốc và nhân viên y tế trong phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

“Giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh”. Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) quy định người nhiễm HIV “được giữ bí mật riêng tư liên quan đến HIV/AIDS” (điểm d khoản 1 Điều 4).

Song, theo khoản 2 Điều 14 Hiến pháp “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”, việc quy định cho công bố những thông tin liên quan đến các cá nhân được quy định tại các văn bản luật liên quan vì lý do sức khỏe cộng đồng và không gây mâu thuẫn với quyền con người và quyền công dân. Theo đó, đối với người có bệnh truyền nhiễm, Điều 8 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định nghiêm cấm các hành vi: “...3. *Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.*4. *Cố ý khai báo, thông tin sai sự thật về bệnh truyền nhiễm...*”.

Điều 8 Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) quy định cấm các hành vi: “...5. *Công khai tên, địa chỉ, hình ảnh của người nhiễm HIV hoặc tiết lộ cho người khác biết việc một người nhiễm HIV khi chưa được sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 30 của Luật này.* 6. *Đưa tin bịa đặt về nhiễm HIV đối với người không nhiễm HIV...*”

Nhằm bảo đảm sức khỏe cộng đồng, Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) có quy định cụ thể việc giám sát trọng điểm HIV/AIDS và có quy định giữ bí mật, cụ thể: Khi tiến hành giám sát trọng điểm HIV/AIDS, cơ sở y tế có thẩm quyền được thực hiện xét nghiệm HIV đối với các nhóm đối tượng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Các xét nghiệm HIV trong giám sát trọng điểm HIV/AIDS phải được thực hiện bằng phương pháp xét nghiệm HIV giấu tên. Nhân viên xét nghiệm và cơ sở xét nghiệm HIV có trách nhiệm giữ bí mật kết quả xét nghiệm và chỉ sử dụng kết quả xét nghiệm cho mục đích giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và nghiên cứu khoa học (Điều 25).

Kết quả xét nghiệm HIV dương tính chỉ được thông báo cho các đối tượng sau đây: Người được xét nghiệm; vợ hoặc chồng của người được xét nghiệm, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người được xét nghiệm là người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự; nhân viên được giao nhiệm vụ trực tiếp tư vấn, thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính cho người được xét nghiệm; người có trách nhiệm chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV tại các cơ sở y tế, bao gồm trưởng khoa, trưởng phòng, điều dưỡng viên trưởng nơi người nhiễm HIV điều trị, nhân viên y tế được giao trách nhiệm trực tiếp điều trị, chăm sóc cho người nhiễm HIV tại cơ sở y tế; người đứng đầu, cán bộ phụ

trách y tế, nhân viên y tế được giao nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho người nhiễm HIV tại cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam; người đứng đầu và cán bộ, công chức được giao trách nhiệm của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này. Trừ người được xét nghiệm, những đối tượng nêu trên có trách nhiệm giữ bí mật kết quả xét nghiệm HIV dương tính (Điều 30).

Trong các trường hợp này, Luật quy định các cơ sở y tế phải thực hiện các biện pháp để tránh lây nhiễm, nhưng không có quy định về cơ chế bảo vệ bí mật cá nhân đối với các người bệnh này. Do đó, để bảo vệ bí mật cá nhân đối với các trường hợp này, có thể sẽ áp dụng theo nguyên tắc tương tự luật, có nghĩa là thực hiện các cơ chế của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và pháp luật dân sự có liên quan.

**\* Trong trường hợp giám định tư pháp:**

Đối với bí mật cá nhân trong trường hợp này, mặc dù họ là người hại hay người bị hại, nạn nhân hay đối tượng của các vụ việc tư pháp thì khi thực hiện giám định, các giám định viên phải tuân thủ các nguyên tắc của Luật giám định tư pháp. Luật này quy định nghiêm cấm hành vi “*tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp*” (khoản 5 Điều 6). Giám định viên tư pháp có nghĩa vụ “*Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người đã trưng cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản*” (điểm e khoản 2 Điều 23 Luật giám định tư pháp).

Song song với nghĩa vụ của giám định viên, Luật cũng quy định cụ thể việc lưu giữ hồ sơ giám định tại Điều 33: “3. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ giám định do mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. 4. Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự.”

**2.2. Lĩnh vực giáo dục**

Pháp luật hiện hành không có quy định trực tiếp về quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng. Các thông tin của cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm cả thông tin về trình độ học vấn, quá trình cá nhân được đào tạo, học tập,... gọi chung là dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Mặc dù Luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định trực tiếp cá nhân có quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, nhưng dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là những thông tin thuộc nội hàm khái niệm thông tin thuộc về đời sống riêng tư được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên tắc, các dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục gắn với đời sống một cá nhân nhất định, gắn với các quyền nhân thân không thể chuyển giao cho bất kì một người nào khác. Cá nhân có quyền quyết định mức độ công khai hay bí mật đối với các thông tin đó. Tuy nhiên ở góc độ pháp lý, quyền tự quyết về mức độ công khai đối với các thông tin cá nhân nói chung và thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng thuộc loại quyền tự quyết có giới hạn. Giới hạn này được xác định bằng việc không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Nhà nước, của cá nhân, tổ chức khác.

Qua rà soát hệ thống pháp luật cho thấy, tuy không quy định trực tiếp nhưng một số văn bản pháp luật điều chỉnh các mảng hoạt động cụ thể trong lĩnh vực giáo dục cũng có các quy định thể hiện nội dung xác định quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục đối với việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, như: Luật giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009; Luật giáo dục đại học năm 2012; Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên; Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy...

Ví dụ, Điều 3 Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT đã đưa ra yêu cầu có tính nguyên tắc đối với công tác lập và quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên là phải “thực hiện chế độ bảo mật theo quy định”.

Tuy nhiên, nhìn chung các văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục cũng chỉ dừng ở mức độ quy định chung, chưa có các quy định thể hiện đặc trưng về việc chế độ bảo mật dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện như thế nào. Ví dụ, đối với kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên thì nhà trường thực hiện việc thông báo cho từng cá nhân hay thông báo chung trên mạng thông tin nội bộ... Trong công tác quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên đòi hỏi cơ sở giáo dục phải có trách nhiệm lập hồ sơ cho từng học sinh, sinh viên với các nội dung theo quy định của pháp luật; quản lý, bổ sung, lưu trữ hồ sơ theo quy định; bố trí cán bộ có trách nhiệm, có nghiệp vụ về công nghệ thông tin phụ trách công tác hồ sơ học sinh, sinh viên; xây dựng phần mềm quản lý học sinh, sinh viên trên cơ sở quy định tại văn bản này và những đặc thù của trường...

### **2.3. Lĩnh vực tài chính**

Vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân được cụ thể hóa trong các luật như: Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật quản lý thuế, Luật các tổ chức tín dụng, Luật hải quan, Luật bảo hiểm tiền gửi, Luật kiểm toán nhà nước, Luật giao dịch điện tử, Luật kiểm toán độc lập, Luật chống rửa tiền, Luật bảo vệ người tiêu dùng...

Tuy nhiên, cơ chế bảo vệ thông tin thường được các chủ thể thực hiện thông qua các hợp đồng cụ thể dựa trên cơ sở pháp lý là của các văn bản liên quan như Bộ luật dân sự, Luật thương mại, điều ước quốc tế cũng như thông lệ, tập quán kinh doanh...

**\* Trong các hoạt động tài chính:**

Ngày nay, đối với cá nhân, việc giao dịch thông qua hệ thống tín dụng gần như là thường xuyên và hàng ngày. Ví dụ như khi lĩnh lương hàng tháng thông qua tài khoản, thanh toán các hóa đơn chứng từ như tiền điện, tiền nước, tiền đi lại bằng tài khoản cá nhân... Do đó, việc khai báo các thông tin cá nhân cũng như việc chi tiêu, hoặc các tài sản có giá khi được giao dịch qua hệ thống tín dụng cần được bảo đảm bí mật. Việc quy định bảo vệ bí mật cá nhân trong giao dịch tín dụng không chỉ là lợi ích của cá nhân mà còn là một trong những nguyên tắc kinh doanh của tín dụng, bởi vì qua việc thực hiện tốt các quy định đó, tín dụng cũng được đánh giá uy tín cao trong nghiệp vụ.

Luật các tổ chức tín dụng dành riêng một điều quy định về vấn đề bí mật thông tin, bao gồm các thông tin định danh cá nhân và thông tin về các giao dịch của cá nhân khi thực hiện qua hệ thống tín dụng (Điều 14). Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Luật này cũng quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm “*từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng*” (khoản 3 Điều 10). Quy định này cho thấy, cơ chế bảo vệ bí mật thông tin trong lĩnh vực này rất chặt chẽ.

Ngoài các hoạt động về tín dụng, đối với hoạt động liên quan đến kinh doanh bảo hiểm, Luật kinh doanh bảo hiểm cũng có quy định về vấn đề cung cấp thông tin: Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho

doanh nghiệp bảo hiểm. Các bên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đó. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm giữ bí mật về thông tin do bên mua bảo hiểm cung cấp (khoản 1 Điều 19). Vi phạm nghĩa vụ giữ bí mật về thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm do bên mua bảo hiểm cung cấp là một trong những hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm (khoản 6 Điều 124).

Điều 57 Luật chứng khoán quy định về bảo mật: Trung tâm lưu ký chứng khoán và thành viên lưu ký có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng. Tuy nhiên, quy định bảo mật này không áp dụng đối với các trường hợp sau: Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc báo cáo tài chính của thành viên lưu ký; khách hàng của Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc thành viên lưu ký muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của chính họ; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**\* Trong các hoạt động về thuế:**

Luật quản lý thuế quy định về quyền của người nộp thuế “được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật” (khoản 3 Điều 6). Luật này cũng ghi nhận rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế “giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của Luật này” (khoản 4 Điều 8). Đây là vấn đề được pháp luật quy định tương đối chặt chẽ.

Tại chính Luật này, cơ chế bảo mật thông tin của cá nhân người nộp thuế được quy định một cách chi tiết (Điều 73): Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người đã là công chức quản lý thuế, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế phải giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin của người nộp thuế cho các cơ quan sau: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán nhà nước; các cơ quan quản lý khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 43 Luật kiểm toán độc lập quy định nghĩa vụ bảo mật: Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam *không được tiết lộ thông tin về hồ sơ kiểm toán, khách hàng*, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp được khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật. Kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam *không được sử dụng thông tin về hồ sơ kiểm toán, khách hàng*, đơn vị

được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam phải xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật. Cơ quan nhà nước, tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán và cá nhân có liên quan có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin được cung cấp về hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

**\* Trong các hoạt động khác liên quan:**

Luật phòng, chống rửa tiền quy định trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin (Điều 28): “1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp kịp thời hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này hoặc khi được yêu cầu. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo quy định của Luật này không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật tiền gửi, tài sản gửi, thông tin về tài khoản, thông tin về giao dịch của khách hàng”.

Về bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo, Điều 29 Luật này quy định: “1. Thông tin, chứng từ và tài liệu khác liên quan đến các giao dịch phải báo cáo theo quy định của Luật này được bảo quản theo chế độ mật và chỉ được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 2. Đối tượng báo cáo không được tiết lộ thông tin về việc đã báo cáo giao dịch đáng ngờ hoặc các thông tin có liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.”

**2.4. Lĩnh vực truyền thông, báo chí**

Trong lĩnh vực báo chí, việc bảo vệ thông tin cá nhân cũng được quy định khá đầy đủ. Luật báo chí năm 2016 (có hiệu lực ngày 01/01/2017) quy định cấm các hành vi “*Tiết lộ thông tin thuộc danh Mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật*” (khoản 5 Điều 9). Biện pháp xử lý đối với việc vi phạm quyền bảo vệ thông tin cá nhân cũng được quy định rõ tại Điều 42 Luật báo chí: *Cơ quan báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát lời cải chính, xin lỗi trên báo chí và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Đối với báo chí điện tử, ngoài việc đăng, phát lời cải chính, xin lỗi còn phải gỡ bỏ ngay thông tin sai sự thật đã đăng, phát.*

Ngoài ra, các biện pháp xử lý hình sự cũng được đặt ra để bảo vệ quyền bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác, quyền được bảo vệ danh dự, uy tín. Bộ luật Hình sự có quy định về tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác; đưa



hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, bao gồm hành vi liên quan đến thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà chưa được phép.

Việc khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của Điều 195 Bộ luật tố tụng hình sự. Theo đó, các biện pháp điều tra đặc biệt đã được quy định cụ thể tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bao gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

Một số đạo luật khác như Luật tiếp cận thông tin, Luật công nghệ thông tin, Luật viễn thông, Luật bưu chính, Luật an toàn thông tin mạng... cũng có các quy định cụ thể về việc bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ thông tin cá nhân và nghiêm cấm các hành vi xâm phạm quyền riêng tư trong các hoạt động bưu chính, viễn thông, an toàn thông tin mạng, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Một trong những hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 11 Điều 6 Luật trẻ em, đó là: *Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em.* Ngoài ra, khoản 2 Điều 54 Luật này quy định: *Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.*

Đối với hình ảnh của cá nhân, Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 32) cũng có những quy định rất cụ thể, theo đó: *“1. Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý. Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. 2. Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp sau đây không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ: a) Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; b) Hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh. 3. Việc sử dụng hình ảnh mà vi phạm quy định tại Điều này thì người có hình ảnh có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh, bồi thường thiệt hại và áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”*

Một số hành vi phát tán hình ảnh của cá nhân xâm hại tới danh dự, nhân phẩm, uy tín của người đó; nhất là khi những hình ảnh đó thuộc về đời sống

riêng tư của cá nhân, hoặc hình ảnh có tính chất nhạy cảm bị phát tán, lan truyền nhanh trong cộng đồng, nhằm mục đích bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh hoặc có khi đơn giản chỉ để trêu đùa một cách vô tư... thì theo quy định của pháp luật, người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm dân sự, hành chính, thậm chí có khi là trách nhiệm hình sự.

Với các quy định như trên, hệ thống pháp luật Việt Nam đã xây dựng được một cơ chế bảo vệ khá chặt chẽ về quyền của cá nhân đối với thông tin cá nhân nói chung, quyền đối với hình ảnh của mình nói riêng. Theo các quy định này, khi sử dụng hình ảnh của một ai đó, cần phải có được sự chấp thuận của người có hình ảnh được sử dụng và phải trả thù lao nếu có phát sinh lợi nhuận. Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ chỉ áp dụng trong một số trường hợp ngoại lệ và không được làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.

Pháp luật Việt Nam cũng cho phép người bị xâm phạm yêu cầu tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh và bồi thường thiệt hại, kể cả với trường hợp sử dụng trái phép cho mục đích phi lợi nhuận.

Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ có quy định những điều không được thông tin trên báo chí (khoản 3 Điều 5): *Không được đăng, phát ảnh của cá nhân mà không có chú thích rõ ràng hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân đó (trừ ảnh thông tin các buổi họp công khai, sinh hoạt tập thể, các buổi lao động, biểu diễn nghệ thuật, thể dục thể thao, những người có lệnh truy nã, các cuộc xét xử công khai của Tòa án, những người phạm tội trong các vụ trọng án đã bị tuyên án).*

Điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06/6/2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, thông tin có quy định: *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó hoặc thân nhân người đó, trừ các trường hợp tìm thân nhân của nạn nhân, ảnh của người đã bị khởi tố hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù giam, ảnh thông tin về các hoạt động tập thể.*

Điểm e khoản 2 Điều 8 Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí quy định: *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Có thể nói với các quy định như trên, Việt Nam đã có một cơ chế bảo vệ tốt hơn quyền đối với hình ảnh của công dân và bảo đảm tính khách quan, có trách nhiệm hơn của các cơ quan báo chí, của cộng đồng mạng xã hội đối với việc bảo vệ quyền về thông tin cá nhân.

### **2.5. Lĩnh vực Internet và môi trường số**

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chế định quyền riêng tư hay quyền bảo vệ thông tin cá nhân đã được quy định tại nhiều văn bản pháp luật. Tuy nhiên, các quy định này hiện nay phần lớn là các quy định về việc bảo vệ quyền riêng tư trong đời sống nói chung, tức việc bảo vệ quyền này được quy định theo một chế định chung không phân biệt là trong môi trường trực tuyến (online) hay môi trường ngoại tuyến (offline). Gần đây, một số đạo luật chuyên ngành mới có một số quy định, chủ yếu dưới dạng các nguyên tắc chung và chưa đủ cụ thể, dành riêng cho việc bảo vệ thông tin cá nhân trên Internet hoặc môi trường số.

**\* Về một số khái niệm liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số:**

Trong các đạo luật chuyên ngành nêu trên, các nhà làm luật đã sử dụng khá nhiều khái niệm khác nhau nên nội hàm của chúng không đồng nhất. Ví dụ: Luật công nghệ thông tin sử dụng các khái niệm: thông tin số, thông tin riêng, thông tin cá nhân trên môi trường mạng. Luật giao dịch điện tử sử dụng các khái niệm: thông tin về bí mật đời tư; ngoài ra, Luật giao dịch điện tử còn sử dụng và đưa ra định nghĩa về các khái niệm có liên quan đến môi trường mạng, như: dữ liệu, cơ sở dữ liệu, thông điệp dữ liệu, giao dịch điện tử. Luật viễn thông sử dụng khái niệm thông tin riêng. Luật an toàn thông tin mạng sử dụng khái niệm thông tin cá nhân.

Trong số các khái niệm nêu trên, khái niệm “thông tin riêng” được ba văn bản là Luật viễn thông, Luật công nghệ thông tin và Nghị định số 72/2013/NĐ-CP sử dụng, nhưng hai đạo luật nêu trên đều chỉ sử dụng khái niệm “thông tin riêng” mà không đưa ra định nghĩa. Định nghĩa “*thông tin riêng*” được làm rõ tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP (khoản 15 Điều 3) như sau: “*Thông tin riêng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể*”.

Luật viễn thông không đưa ra định nghĩa thế nào là “thông tin riêng” nhưng tại Điều 6, khái niệm này lại được liệt kê khá rõ ràng, theo đó, doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ *thông tin riêng* liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, *bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác* mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp...

Khái niệm “thông tin cá nhân” được các ba văn bản sử dụng. Luật công nghệ thông tin sử dụng khái niệm “*thông tin cá nhân*” nhưng không định nghĩa nội hàm của nó. Luật an toàn thông tin mạng định nghĩa một cách khái quát: “thông tin cá nhân” là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể (khoản 15 Điều 3). Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 đã định nghĩa khá rõ về khái niệm “thông tin cá nhân” như sau: “Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật” (khoản 16 Điều 3).

Tuy nhiên, chỉ trước đó hai tháng, ngày 16/5/2013, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP cũng có định nghĩa tại khoản 13 Điều 3 về “thông tin cá nhân”, nhưng với nội hàm có chút khác biệt so với định nghĩa của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP như sau: thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ *nhà riêng*, số điện thoại, *thông tin y tế*, số tài khoản, *thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân* và *những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật*; thông tin cá nhân trong Nghị định này *không bao gồm thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông*.

Từ những định nghĩa nêu trên, có thể thấy một số điểm đáng chú ý sau:

*Một là*, Luật viễn thông và Nghị định số 72/2013/NĐ-CP đã có sự phân biệt khá rõ sự khác nhau giữa hai khái niệm “*thông tin riêng*” và “*thông tin cá nhân*”, theo đó, nội hàm hai khái niệm này không hoàn toàn trùng khít, có loại thông tin vừa là “thông tin riêng” vừa là “thông tin cá nhân” (như tên, địa chỉ - kể cả địa chỉ thư điện tử, số điện thoại); nhưng cũng có nhiều thông tin khác được coi là “thông tin riêng” (như vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi...) nhưng lại không phải là “thông tin cá nhân”.

*Hai là*, trong Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, địa chỉ của cá nhân phải là *địa chỉ nhà riêng* mới được coi là thông tin cá nhân. Theo nghĩa này, các địa chỉ khác tuy có giúp để định danh một cá nhân cụ thể, như địa chỉ cơ quan làm việc hay trụ sở kinh doanh của cá nhân sẽ không được coi là thông tin cá nhân và vì vậy không được bảo vệ theo chế định bảo vệ thông tin cá nhân của Nghị định này. Cũng trong logic này mà Nghị định số 52/2013/NĐ-CP không công nhận các thông tin “liên hệ công việc” hoặc các thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông (có thể ví dụ như mã số thuế cá nhân, số tài khoản ngân hàng...) là thông tin cá nhân.

*Ba là*, giữa khái niệm “thông tin cá nhân” của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 52/2013/NĐ-CP có sự khác nhau khá rõ về cách tiếp cận. Mặc dù cả hai Nghị định đều xuất phát từ việc “định danh cá nhân” để xác định phạm vi và nội hàm của khái niệm “thông tin cá nhân”, nhưng Nghị định số

72/2013/NĐ-CP không đặt ra tiêu chí “giữ bí mật” khi xác định phạm vi khái niệm; điều đó có nghĩa là, thông tin cá nhân là dữ liệu để định danh nhân thân của cá nhân đó, dù nó được cá nhân đó công bố công khai hay muốn giữ bí mật, thì nó đều được bảo vệ với tư cách là thông tin cá nhân. Ngược lại, theo Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, tiêu chí “giữ bí mật” là một tiêu chí quan trọng, đến mức nếu cá nhân đã vô tình hoặc cố ý công bố thông tin đó trên các phương tiện truyền thông, thì thông tin đó không còn được coi là thông tin cá nhân nữa và dĩ nhiên sẽ không được bảo vệ theo chế định bảo vệ thông tin cá nhân của Nghị định này.

Bên cạnh các khái niệm nêu trên, Luật giao dịch điện tử năm 2005 lại sử dụng khái niệm “*thông tin về bí mật đời tư*” (Điều 46). Đây cũng là khái niệm được sử dụng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 38). Tuy nhiên, cả hai văn bản nói trên không đưa ra định nghĩa thế nào là “thông tin bí mật đời tư”.

Về khái niệm “*dữ liệu cá nhân*”, các văn bản pháp luật của Việt Nam chưa sử dụng cụm từ này và vì vậy chưa có định nghĩa về nó. Tuy nhiên, xét về nội hàm, có lẽ khái niệm “*thông tin cá nhân*” được định nghĩa trong Nghị định số 72/2013/NĐ-CP có vẻ có nội hàm gần gũi nhất với nội hàm khái niệm “*dữ liệu cá nhân*” được định nghĩa trong các quy định của Châu Âu và trong các đạo luật của một số quốc gia trên thế giới.

**\* Về các khía cạnh của vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số:**

Bên cạnh việc đưa ra một số khái niệm liên quan và thiết lập một số nguyên tắc chung cho việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các đạo luật chuyên ngành nói trên- đặc biệt là trong Luật công nghệ thông tin và Luật an toàn thông tin mạng - việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số bao gồm các khía cạnh sau đây: việc cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, quản lý, sử dụng thông tin số; việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin; việc theo dõi, giám sát, quản lý nội dung thông tin.

Một số văn bản quy định thêm khía cạnh biên tập, chia sẻ, phát tán thông tin. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các khía cạnh này cũng nằm trong nội hàm các khái niệm xử lý, truyền đưa, trao đổi hoặc sử dụng thông tin như đã nêu trên.

**\* Về nguyên tắc chung bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Các đạo luật chuyên ngành điều chỉnh phạm vi Internet và môi trường số đều có các quy định về việc bảo vệ sự an toàn của dữ liệu nói chung và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng nói riêng.

Chẳng hạn, Luật công nghệ thông tin năm 2005 quy định “*khi hoạt động trên môi trường mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm độ tin cậy và bí mật của nội dung thông tin trong việc gửi, nhận văn bản trên môi trường*

mạng” (điểm e khoản 4 Điều 9); hoặc “*thông tin riêng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng được bảo đảm bí mật theo quy định của pháp luật*” (khoản 1 Điều 72). Nguyên tắc tương tự trên cũng được quy định tại Luật viễn thông năm 2009 (khoản 3 Điều 6).

Trong Luật giao dịch điện tử năm 2005, Điều 40 quy định về nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước, tuy không có quy định điều chỉnh trực tiếp việc bảo vệ thông tin cá nhân, nhưng điểm c khoản 6 Điều này đã đưa ra nguyên tắc: “*khi tiến hành giao dịch điện tử, cơ quan nhà nước phải quy định cụ thể về các quy trình bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn và bí mật của giao dịch điện tử. Khoản 2 Điều 46 Luật này quy định: cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”.

Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 cũng khẳng định nguyên tắc người tiêu dùng được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ (khoản 1 Điều 6). Trong lĩnh vực thương mại điện tử, theo tinh thần Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, các nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng cũng được áp dụng.

**\* Về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Khoản 2 Điều 21 Luật công nghệ thông tin năm 2005 quy định khá cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân *thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác, bao gồm: Thông báo cho người đó biết về hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người đó; sử dụng đúng mục đích thông tin cá nhân thu thập được và chỉ lưu trữ những thông tin đó trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận giữa hai bên; tiến hành các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá hủy; tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra lại, đính chính hoặc hủy bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này; không được cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân liên quan cho đến khi thông tin đó được đính chính lại.*

Khoản 4 Điều 6 Luật viễn thông năm 2009 cũng quy định: “*Doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, trừ các trường hợp sau đây: a) Người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin; b)*

*Các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông để phục vụ cho việc tính giá cước, lập hóa đơn và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”.*

Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 cũng quy định, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin có trách nhiệm “*tuân thủ quy định về lưu trữ thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân*” (điểm a khoản 3 Điều 10).

**\* Về các hành vi bị nghiêm cấm:**

Phần lớn các văn bản pháp luật chuyên ngành đều ghi nhận nguyên tắc chung, đó là nghiêm cấm việc cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, sử dụng thông tin mà vi phạm các quy định về bí mật, an toàn thông tin. Tuy nhiên, đối với thông tin cá nhân nói chung và dữ liệu cá nhân trên môi trường số nói riêng, các văn bản phần lớn chỉ chú trọng việc bảo vệ bí mật đối với những thông tin của nhà nước, quốc phòng, an ninh, kinh tế, đối ngoại... Việc cấm các hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân chỉ được quy định “*ẩn*” sau cụm từ “*và những bí mật khác được pháp luật quy định*”.

Trong lĩnh vực thương mại điện tử, hành vi đánh cắp, sử dụng, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan cũng là những hành vi bị nghiêm cấm.

**\* Về quyền của cá nhân được bảo vệ dữ liệu:**

Phần lớn các văn bản pháp luật chuyên ngành nói trên đều khẳng định nguyên tắc chung, đó là được bảo vệ bí mật thông tin theo quy định pháp luật. Theo đó, các hành vi ***thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân*** trên mạng phải được người đó đồng ý. Tổ chức, cá nhân khi thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác có trách nhiệm: Thông báo cho người đó biết về hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người đó; sử dụng đúng mục đích thông tin cá nhân thu thập được và chỉ lưu trữ những thông tin đó trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên; tiến hành các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá hủy; tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra lại, đính chính hoặc hủy bỏ theo quy định; không được cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân liên quan cho đến khi thông tin đó được đính chính lại (Điều 21 Luật công nghệ thông tin).

**\* Về việc cung cấp thông tin của cá nhân cho bên thứ ba:**

Pháp luật cũng bảo vệ quyền của cá nhân chủ thể thông tin bằng quy định: các chủ thể có liên quan không được cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có sự đồng ý của người đó; cá nhân cũng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp thông tin cá nhân.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, nơi rất nhiều thông tin cá nhân được thu thập, lưu trữ, xử lý và cung cấp; theo đó, việc bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước cũng có nghĩa là cơ quan nhà nước không được sử dụng thông tin vào mục đích khác trái với quy định về việc sử dụng thông tin đó, không tiết lộ thông tin cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật. “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” (Điều 46 Luật giao dịch điện tử).

**\* Về một số ngoại lệ của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân không phải là một quyền tuyệt đối. Trong một số trường hợp, tổ chức, cá nhân có quyền thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không cần sự đồng ý của người đó. Đó là trường hợp việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân đó được sử dụng cho các mục đích: ký kết, sửa đổi hoặc thực hiện hợp đồng sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng; tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng; và nhằm thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 21 Luật công nghệ thông tin).

Thậm chí, trong một số trường hợp đặc biệt, để bảo vệ lợi ích công, người có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà biện pháp đó vi phạm đến quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, như ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử (Điều 223 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp nói trên chỉ thực hiện đối với các trường hợp xâm phạm an ninh quốc gia, ma túy, tham nhũng, khủng bố, rửa tiền, một số tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**\* Về việc bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng trong thương mại điện tử theo Nghị định số 52/2013/NĐ-CP:**

Điều 69 Nghị định này quy định chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng, cụ thể: Thương nhân, tổ chức, cá nhân thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng phải xây dựng và công bố chính sách bảo vệ thông tin cá nhân với các nội dung sau: mục đích thu thập thông tin cá nhân;



phạm vi sử dụng thông tin; thời gian lưu trữ thông tin; những người hoặc tổ chức có thể được tiếp cận với thông tin đó; địa chỉ của đơn vị thu thập và quản lý thông tin, bao gồm cách thức liên lạc để người tiêu dùng có thể hỏi về hoạt động thu thập, xử lý thông tin liên quan đến cá nhân mình; phương thức và công cụ để người tiêu dùng tiếp cận và chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình trên hệ thống thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin. Những nội dung trên phải được hiển thị rõ ràng cho người tiêu dùng trước hoặc tại thời điểm thu thập thông tin. Nếu việc thu thập thông tin được thực hiện thông qua website thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin, chính sách bảo vệ thông tin cá nhân phải được công bố công khai tại một vị trí dễ thấy trên website này.

Việc xin phép người tiêu dùng khi tiến hành thu thập thông tin cũng được quy định khá cụ thể tại Điều 70 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP như sau: “1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này thương nhân, tổ chức thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng trên website thương mại điện tử (gọi tắt là đơn vị thu thập thông tin) phải được sự đồng ý trước của người tiêu dùng có thông tin đó (gọi tắt là chủ thể thông tin). 2. Đơn vị thu thập thông tin phải thiết lập cơ chế để chủ thể thông tin bày tỏ sự đồng ý một cách rõ ràng, thông qua các chức năng trực tuyến trên website, thư điện tử, tin nhắn, hoặc những phương thức khác theo thỏa thuận giữa hai bên. 3. Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế riêng để chủ thể thông tin được lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin cá nhân của họ trong những trường hợp sau: a) Chia sẻ, tiết lộ, chuyển giao thông tin cho một bên thứ ba; b) Sử dụng thông tin cá nhân để gửi quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và các thông tin có tính thương mại khác. 4. Đơn vị thu thập thông tin không cần được sự đồng ý trước của chủ thể thông tin trong các trường hợp sau: a) Thu thập thông tin cá nhân đã công bố công khai trên các website thương mại điện tử; b) Thu thập thông tin cá nhân để ký kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ; c) Thu thập thông tin cá nhân để tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng.”

Về sử dụng thông tin cá nhân, Điều 71 của Nghị định này quy định: Đơn vị thu thập thông tin phải sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng đúng với mục đích và phạm vi đã thông báo, trừ các trường hợp sau: (i) Có một thỏa thuận riêng với chủ thể thông tin về mục đích và phạm vi sử dụng ngoài những mục đích, phạm vi đã thông báo; (ii) để cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm theo yêu cầu của chủ thể thông tin; (iii) thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng thông tin quy định tại Điều này bao gồm cả việc chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin cá nhân cho bên thứ ba.

Về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cá nhân, Điều 72 của Nghị định này quy định: Đơn vị thu thập thông tin phải đảm bảo an toàn, an ninh cho thông

tin cá nhân mà họ thu thập và lưu trữ, ngăn ngừa các hành vi đánh cắp hoặc tiếp cận thông tin trái phép, sử dụng thông tin trái phép, thay đổi, phá hủy thông tin trái phép. Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến việc thông tin cá nhân bị sử dụng sai mục đích hoặc phạm vi đã thông báo. Trong trường hợp hệ thống thông tin bị tấn công làm phát sinh nguy cơ mất thông tin của người tiêu dùng, đơn vị lưu trữ thông tin phải thông báo cho cơ quan chức năng trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ sau khi phát hiện sự cố.

Về kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh thông tin cá nhân, Điều 73 của Nghị định này quy định: Chủ thể thông tin có quyền yêu cầu đơn vị thu thập thông tin thực hiện việc kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh hoặc hủy bỏ thông tin cá nhân của mình. Đơn vị thu thập thông tin có nghĩa vụ kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh, hủy bỏ thông tin cá nhân của chủ thể thông tin khi có yêu cầu hoặc cung cấp cho chủ thể thông tin công cụ để tự kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh thông tin cá nhân của mình.

***\* Về bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em trên Internet và môi trường số:***

Trẻ em cũng là công dân và trước tiên cũng được bảo vệ thông tin cá nhân theo các nguyên tắc chung của quyền con người và quyền công dân. Điều 21 Luật trẻ em quy định: trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.

Trước sự tiến triển nhanh chóng các ứng dụng của công nghệ số, cùng với sự trợ giúp của Internet và sự lan tỏa của các mạng xã hội, trẻ em trở thành đối tượng phổ biến của việc vi phạm quyền riêng tư. Các đạo luật chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ thông tin của Việt Nam chưa có quy định đặc thù bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên Internet. Tuy nhiên, Luật trẻ em đã có một số quy định điều chỉnh riêng khía cạnh này.

Điều 54 của Luật này quy định trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, cụ thể: Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân; quản lý, hướng dẫn quy chuẩn báo chí, xuất bản, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình và các hình thức cung cấp, quảng bá thông tin khác dành riêng cho trẻ em, có trẻ em tham gia, liên quan đến trẻ em; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử và các phương tiện thông tin khác... (Điều 87).

### **3. Thực trạng vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực, hoạt động điển hình**

#### **3.1. Vi phạm trong hoạt động của các doanh nghiệp**

Cùng với sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin và truyền thông, giao dịch thương mại điện tử cũng phát triển theo và nguy cơ xâm phạm, lạm dụng thông tin cá nhân ngày càng phổ biến. Do đó, việc bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân trong thời đại thương mại điện tử và mạng xã hội đang ngày càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên, vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân ở nước ta chưa được quan tâm thích đáng dẫn đến nhiều trường hợp khách hàng bị lộ thông tin cá nhân qua các giao dịch điện tử. Thực tế cho thấy, hầu hết người dùng có xu hướng nhập các thông tin cá nhân, thông tin về đời tư để dễ dàng tìm kiếm và kết nối với bạn bè. Những thông tin này sẽ được các đối tượng xấu khai thác để lừa đảo hoặc sử dụng cho các cuộc tấn công, phát tán thông tin độc hại và phổ biến nhất hiện nay là các thông tin cá nhân sẽ được thu thập để rao bán trên các mạng xã hội. “Sản phẩm” được rao bán nhiều nhất là dữ liệu cá nhân như tên tuổi, chức vụ, số điện thoại của giám đốc các doanh nghiệp ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành trên toàn quốc; khách hàng VIP mua chung cư cao cấp, mua bảo hiểm, xe hơi, vàng bạc, chứng khoán... được rao bán với giá dao động khoảng từ 400 ngàn đến vài triệu đồng, tùy vào độ mức độ "quan trọng" của thông tin. Ví dụ:

+ Tại trang web “*muanbandata.com*”, chỉ với một thao tác đơn giản click chuột là có thể tìm thấy chủ nhân muốn mua bán dữ liệu cá nhân, bao gồm cả dữ liệu của người học. Các thông tin dữ liệu cá nhân được rao bán theo kiểu “*các data Phụ huynh học sinh bên mình là bản đầy đủ nhất và cập nhật mới nhất tất cả các danh sách phụ huynh học sinh các trường lớn nhỏ từ mẫu giáo đến cấp 1, cấp 2, cấp 3 trên toàn địa bàn TP.HCM. Trường dữ liệu trong bộ data phụ*

*huynh học sinh khá đa dạng và chi tiết: Tên, tuổi học sinh; nghề nghiệp, chức vụ của phụ huynh học sinh... ”<sup>44</sup>.*

+ Tại website “*vatgia.com*”, một người tên Q, có số điện thoại 0904\*\*\*, có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh đã rao bán thông tin về dữ liệu cá nhân của 5.000 giám đốc doanh nghiệp và 10.000 khách hàng với giá trọn gói 1 file (với đầy đủ tên tuổi, số điện thoại) là 490.000 đồng. Ngoài địa chỉ trên, hiện trên mạng Internet còn rất nhiều website khác rao bán những chiếc đĩa CD chứa thông tin của hàng nghìn giám đốc doanh nghiệp với giá từ 85.000-800.000 đồng.<sup>45</sup>

+ Tại website *muaban.sieumua.com*, người tự xưng là T còn giới thiệu đến khách hàng hàng chục loại “hàng hóa” thuộc nhiều đối tượng khác nhau với giá thỏa thuận, được chia thành nhiều danh mục một cách khá khoa học và chuyên nghiệp. Trong đó, chỉ riêng phần dữ liệu cá nhân về các giám đốc doanh nghiệp cũng đã có đến hàng chục loại như danh sách 5.000 giám đốc, tổng giám đốc, các quản lý cấp cao người Hàn Quốc tại Việt Nam; danh sách số điện thoại VIP 400 chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc các công ty lớn nhất tại Việt Nam; danh sách tổng hợp giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng các bệnh viện miền Trung, Tây Nguyên, miền Nam; danh sách thông tin 10.000 giám đốc doanh nghiệp tại Hà Nội và danh sách các chủ đầu tư bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh...

Bên cạnh đó, trong danh mục rao bán còn có hàng chục loại thông tin về khách hàng như danh sách khách hàng đầu tư chứng khoán và danh sách những người có thu nhập cao tại Hà Nội; danh sách khách hàng đóng bảo hiểm, khách hàng mua vàng, mua ô tô, chung cư cao cấp; khách hàng VIP tại các ngân hàng và khách hàng VIP mua sắm tại các siêu thị lớn, các trung tâm thương mại ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài các địa chỉ trên, hiện trên mạng Internet còn rất nhiều website khác rao bán thông tin cá nhân tương tự như web *timkhachhang.com*; *rongbay.com*, *sharepointvietnam.com*; *cho3mien.com*...

+ Một thực trạng khác liên quan đến thông tin cá nhân là hiện tượng thư rác. Bất kỳ ai sử dụng hộp thư điện tử đều đã từng phải khó chịu vì những thư gửi hàng loạt có nội dung quảng cáo, tiếp thị hoặc đem đến những thông tin mà phần lớn trong số đó người đọc không quan tâm. Năm 2004, người ta tính trong 30 tỷ thư điện tử gửi đi mỗi ngày có đến 60% là thư rác, trong đó 14% mang nội

---

<sup>44</sup> PGS-TS Trần Thị Hiền, Chuyên đề Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

<sup>45</sup> Theo Zing.vn, *Rao bán thông tin về 5.000 giám đốc giá 800.000 đồng*, 01/9/2015, <https://news.zing.vn/rao-ban-thong-tin-ve-5000-giam-doc-gia-800000-dong-post575065.html>

dung khiêu dâm. Thiệt hại do thư rác gây ra chỉ riêng ở nước Mỹ đã lên đến hàng chục tỷ đô-la mỗi năm<sup>46</sup>.

### ***3.2. Vi phạm trong các giao dịch thương mại***

Bên cạnh nhận thức của người tiêu dùng về việc bảo vệ thông tin cá nhân thông qua các giao dịch điện tử còn hạn chế thì các doanh nghiệp cũng chưa thật sự quan tâm và chưa có những biện pháp phù hợp để bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng. Lướt qua rất nhiều website thương mại điện tử và website của các doanh nghiệp Việt Nam, chúng ta thấy phần lớn các website này không có một cam kết hay tuyên bố gì về việc đảm bảo giữ bí mật các thông tin cá nhân mà họ thu thập được khi khách hàng điền những thông tin về mình khi mua hàng. Khách hàng cũng không được biết những thông tin điền vào sẽ được sử dụng cho mục đích gì ngoài việc phục vụ cho giao dịch thương mại đang tiến hành. Điều này phản ánh nhận thức của các doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân còn thấp, mặt khác cũng cho thấy người tiêu dùng Việt Nam còn khá mất cảnh giác khi không để ý đến việc website mình ghé thăm hoặc mua hàng có chính sách bảo vệ thông tin cá nhân một cách thích đáng hay không.

Những vụ lấy trộm thông tin về tài khoản ngân hàng, làm giả thẻ thanh toán để mua hàng trên mạng hay rút tiền mà báo chí đã đăng tải trong thời gian qua là một biểu hiện cụ thể về tác hại của thông tin cá nhân bị xâm phạm, tiết lộ. Trong trường hợp này, thông tin cá nhân đồng nghĩa với giá trị vật chất cụ thể, rò rỉ thông tin cá nhân làm thiệt hại không nhỏ đến tài sản. Việc xử lý các vụ việc nói trên cũng cho thấy một khoảng trống trong hệ thống luật pháp của nước ta khi chưa tìm ra được tội danh để truy tố hay xử phạt những kẻ vi phạm.

### ***3.3. Vi phạm trong lĩnh vực báo chí, truyền thông***

Mặc dù các quy định pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân được quy định khá đầy đủ trong hệ thống pháp luật, nhưng thực trạng thực thi quyền này lại cho thấy khá nhiều bất cập, dẫn đến tình trạng quyền đối với thông tin cá nhân không được bảo vệ.

Báo chí là kênh truyền thông phổ biến, tuy nhiên hiện nay, với sự phát triển không ngừng của xã hội và sự bùng nổ thông tin, một số báo - đặc biệt là báo mạng - đã biến tướng trở thành phương tiện phát tán thông tin đời tư của người khác, nhất là những người nổi tiếng một cách bất hợp pháp để thu hút, câu view độc giả. Dễ dàng thấy rõ trên các mặt báo, những thông tin về đời tư, scandal của người nổi tiếng xuất hiện với tần suất khá dày đặc. Trong đó, có

---

<sup>46</sup>Thực trạng bảo vệ thông tin cá nhân tại nước ta - Tin Tong hop, <http://vietbao.vn/Vi-tinh-Vien-thong/Thuc-trang-bao-ve-thong-tin-ca-nhan-tai-nuoc-ta/65060311/217/>

không ít thông tin là sai sự thật và không được sự đồng ý của người được đưa tin. Đây là hành vi xâm phạm quyền bí mật đời tư.

Những sự vi phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong thời gian qua - nhất là trong thời đại kỹ thuật số, khi báo chí, truyền hình, mạng xã hội phát triển - trở thành một hiện tượng đáng lo ngại. Trong kỷ nguyên Internet, việc ngăn chặn sự xâm phạm bí mật đời tư của cá nhân thực sự khó khăn, khi mà thông tin được lan truyền rất nhanh chỉ cần một cú click bằng chuột máy tính, rất nhiều thông tin đời tư cá nhân đã được/bị đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng để rồi sau đó chúng có thể bị chia sẻ với tốc độ chóng mặt trên các trang mạng xã hội.

Giờ đây, không khó để tìm kiếm được trên mạng thông tin cá nhân, những bí mật gia đình, đời sống tình cảm riêng tư của một số chính trị gia, diễn viên, ca sĩ, người mẫu nổi tiếng, thậm chí là những ồn ào xung quanh vụ scandal trong giới showbiz. Đã xảy ra những trường hợp báo chí, thậm chí các kênh truyền hình của cơ quan nhà nước khai thác thông tin riêng tư quá mức, đi quá đà nhằm làm các tin, bài giật gân; hoặc một số các cơ quan báo chí thu thập được từ nhiều nguồn và công bố những hình ảnh được cá nhân thực hiện bảo mật. Thậm chí, có tờ báo cố tình khai thác nguồn tin thất thiệt, đưa tin xâm phạm đời tư công dân để câu khách làm ảnh hưởng sâu sắc đến danh dự, nhân phẩm và cuộc sống của cá nhân.

Có thể kể đến một số ví dụ điển hình như:

+ Trên số báo ra ngày 02/7/2012 của tờ *Cuộc Sống*, tại trang bìa và trang 15 của báo có bài viết *Ca sĩ T - cuộc sống đảo lộn từ khi mang thai*. Tuy nhiên, bài báo này được viết không trên cơ sở trả lời phỏng vấn của ca sĩ T, khiến ca sĩ T rất bức xúc.

+ Ngày 04/7/2012, Báo *Pháp Luật TP.HCM* có phản ánh về việc các trang thông tin điện tử dồn dập đưa thông tin đời tư, hình ảnh riêng tư của ca sĩ S và những người có liên quan. Một người bạn của anh đã tự tử, ca sĩ S đã lên tiếng cho rằng truyền thông đã xâm phạm đời tư của anh.

+ Một vụ việc khá điển hình năm 2010 khi ca sĩ H có đơn khiếu nại Báo *Pháp luật và Cuộc sống* về việc thông tin sai sự thật và xâm phạm đời tư bất hợp pháp trong bài viết: “Chuyện H tổ chức đám cưới tại khách sạn Daewoo, Hà Nội”. Đơn thư được gửi đến nhiều cơ quan Trung ương. Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông khẳng định bài viết có một số thông tin sai sự thật. Sau khi vụ scandal của cô xảy ra, ca sĩ H lên tiếng trên báo chí sẽ đâm đơn kiện một tờ báo khi báo này đưa tin chưa chính xác về việc cô lấy chồng hồi năm 16 tuổi. Lý do ban đầu cô dọa sẽ kiện là vì cô cho rằng báo chí đã “xâm hại đời tư” và có phần đưa thông tin sai sự thật “bôi nhọ gia đình cô”.

Trong một số trường hợp, hoạt động của báo chí đã xâm phạm quyền nhân thân đối với hình ảnh của cá nhân, sử dụng hình ảnh xâm phạm bí mật cá nhân, đời sống riêng tư. Hành vi này biểu hiện ở việc cá nhân bị phát tán những bức hình, cảnh quay riêng tư, nó thuộc đời sống sinh hoạt riêng tư của một người hoặc mặc dù là những hình ảnh bình thường nhưng cá nhân thực hiện việc bảo mật những bức ảnh đó, khi đó việc công bố phát tán những hình ảnh, cảnh quay này là xâm phạm tới đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Tình trạng xâm phạm bí mật đời tư hiện nay trên các phương tiện truyền thông, báo chí đang xảy ra khá nhiều. Cũng đã có một số cá nhân kiện cơ quan báo chí có hành vi thông tin xâm phạm đời tư, thông tin không đúng sự thật. Thế nhưng, số lượng vụ việc được yêu cầu giải quyết lại rất ít. Đại đa số những người bị đưa tin, bị vi phạm quyền bí mật đời tư không muốn làm lớn thêm sự việc vì cho rằng sẽ càng làm bí mật lan rộng hơn, thậm chí có nhiều người không biết được quyền lợi của mình được bảo vệ nên chìm lặng.

Việc vi phạm thông tin cá nhân trên các phương tiện truyền thông như báo chí, đài phát thanh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Ví dụ: mới đây UBND thành phố Hà Nội ban hành quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm mục đích từng bước hình thành những chuẩn mực văn hóa để điều chỉnh lời nói, thái độ, hành vi của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, Điều 13 của quy tắc này đã quy định: *Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại quy tắc ứng xử này, tùy mức độ, sẽ bị nhắc nhở, phê bình công khai trên phương tiện thông tin đại chúng...*

Quy định nói trên đã vi phạm quyền đối với thông tin cá nhân, bởi, theo Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính, việc công bố công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật cần thiết, như: đối với các trường hợp xử phạt về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội. Còn đối với các trường hợp cá nhân, tổ chức nào đó vi phạm những quy tắc ứng xử mà không thuộc những trường hợp luật định nêu trên, thì chính quyền không được phép bêu tên họ trên báo đài.

Năm 2013, cũng đã từng có việc Bộ Công an dự kiến đưa vào một dự thảo thông tư quy định: *Đối với các trường hợp vi phạm giao thông, cảnh sát giao thông sẽ thông báo danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm đến các cơ quan thông tin truyền thông để đăng tải.* Tuy nhiên, sau đó, căn cứ vào Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính và các nghị định về xử phạt vi phạm giao thông, theo đó không có quy định nào cho phép công bố công khai việc xử phạt, Bộ Công an đã

phải bỏ quy định bêu tên người vi phạm giao thông trong dự thảo thông tư nói trên.

Một trong những hình thức khác vi phạm quyền bảo vệ thông tin cá nhân trên các phương tiện truyền thông, báo chí, đó là việc đưa tin, viết bài đối với các vụ việc liên quan đến trẻ em như các vụ bạo hành, xâm hại trẻ em. Nhiều vụ bạo hành, xâm hại trẻ em được báo chí phát hiện, đăng tải, trước tiên đã tác động đến người lớn, đến gia đình và xã hội, đến các nhà hoạch định chính sách, dẫn đến việc ban hành các quyết sách và quyết định mới có lợi cho xã hội. Tuy nhiên, nhiều nhà báo đã vô tình hoặc cố tình khai thác tận cùng nỗi đau của nhân vật, có khi thêm thắt, trộn lẫn một chút thông tin sai sự thật để lấy được sự quan tâm của công chúng. Một số bài báo viết về trẻ em bị xâm hại dù ẩn tên nhưng lại khai thác rất kỹ về họ hàng, gia đình, địa chỉ, trường học của nạn nhân, thậm chí công khai cụ thể tên tuổi nạn nhân, hoặc đưa ảnh nạn nhân lên nhưng không làm mờ mặt... Những điều này đã làm ảnh hưởng tới đời sống riêng tư, tinh thần và tương lai của các em.

### ***3.4. Vi phạm bí mật dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số***

Một số nghiên cứu của các chuyên gia cho thấy, việc xâm phạm quyền đối với dữ liệu cá nhân ở Việt Nam thường xảy ra dưới các hành vi sau đây<sup>47</sup>: đăng hồ sơ cá nhân của người khác lên mạng; dán bảng điểm công khai ở trường học; đăng ảnh riêng tư của con cái lên mạng; tự ý chụp và đăng tải ảnh đám tang; công bố chuyện riêng tư của người khác.

Tháng 05 năm 2014, cơ quan chức năng đã tiến hành thanh tra và phát hiện Công ty TNHH Công nghệ Việt Hồng (Thanh Xuân, Hà Nội) đã sử dụng phần mềm Ptracker để theo dõi qua điện thoại. Qua phần mềm, doanh nghiệp này có thể truy cập thông tin của rất nhiều người: ghi âm, nghe lén điện thoại, định vị, quay phim, chụp ảnh, xem tin nhắn, kiểm soát cuộc gọi... Toàn bộ dữ liệu lấy được từ điện thoại bị giám sát bằng Ptracker được gửi về máy chủ của Công ty Việt Hồng. Nhân viên kỹ thuật của công ty có thể xem, xóa, khai thác nội dung dữ liệu đó mà không cần tới tài khoản, mật khẩu của người đã mua phần mềm Ptracker. Số lượng tài khoản đã từng bị cài phần mềm giám sát Ptracker là khoảng 14.140 tài khoản. Trong đó, 7.447 tài khoản chưa bị xóa dữ liệu trong máy chủ của Công ty Việt Hồng; 670 tài khoản vẫn đang còn trong thời gian giám sát. Với thủ đoạn tinh vi và với mục đích thu lợi cá nhân, công ty Việt Hồng đã thu về hàng trăm triệu đồng bất chính.<sup>48</sup> Tuy nhiên, điều nguy hiểm hơn là thông tin cá nhân của rất nhiều khách hàng sử dụng điện thoại di

---

<sup>47</sup> Theo Trịnh Hữu Long, *Năm hành vi xâm phạm đời tư phổ biến ở Việt Nam*. Nguồn: <http://luatkhoa.org/2014/11/5-hanh-vi-xam-pham-doi-tu-pho-bien-o-viet-nam-2/>

<sup>48</sup> Theo Sacomtec, *Phần mềm nghe lén điện thoại ptracker: Dùng thử cũng “chết”*. Nguồn: <http://sacomtec.com/tin-tuc/574451.aspx>



động đã bị đánh cắp, có thể được sử dụng vào những mục đích xấu. Vụ việc này thực sự gây chấn động dư luận, bởi nó như một hồi chuông cảnh báo về tình trạng mất an toàn thông tin đang ngày một gia tăng tại Việt Nam hiện nay, khiến không chỉ quyền lợi cá nhân bị ảnh hưởng, mà còn rất nguy hiểm nếu các đối tượng sử dụng những thông tin cá nhân này phục vụ cho những mục đích xấu như lừa đảo rút tiền, xâm phạm đời tư...

Trên một số website thương mại điện tử, xảy ra nhiều trường hợp rao bán dữ liệu cá nhân. Ví dụ, chỉ cần vào Google gõ danh sách khách hàng “database 2016”, “khách hàng VIP”, “khách hàng tiềm năng” là người có nhu cầu sẽ được cung cấp một loạt trang web giới thiệu bán thông tin cá nhân. Hiện trên mạng Internet còn rất nhiều website khác rao bán thông tin cá nhân như web [timkhachhang.com](http://timkhachhang.com); [rongbay.com](http://rongbay.com), [sharepointvietnam.com](http://sharepointvietnam.com); [cho3mien.com](http://cho3mien.com)... Thậm chí, nhiều người liên tục nhận được những lời mời chào hấp dẫn được gửi vào email với nội dung mời mua 7 triệu địa chỉ email có phần mềm tự động gửi các thông tin cùng một lúc tới 7 triệu địa chỉ này với giá khoảng 2 triệu đồng... Sự xuất hiện của những trang mua bán điện tử (website) rao bán thông tin cá nhân trên mạng Internet mà không có sự đồng ý của khách hàng đã cấu thành hành vi vi phạm quyền bí mật đời tư quy định của pháp luật và những quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt đối với từng lĩnh vực khác có sử dụng thông tin khách hàng.

Đối với các cá nhân, tổ chức kinh doanh thì thông tin khách hàng chính là thứ tài sản trọng yếu và có thể mang đến những lợi nhuận tiềm tàng trong tương lai. Những đối tượng phạm tội mua bán, trao đổi thông tin vì thế đã nhắm đến những thông tin này. Như sự việc mà A87 phát hiện, những kẻ rao bán thông tin cá nhân trái phép đã thu thập được danh sách 600 khách hàng gửi mua bán bất động sản, từ số điện thoại, mã căn hộ đến giá bán. Ngoài ra còn hàng trăm danh sách thông tin khách hàng là những giám đốc doanh nghiệp, 30.000 thuê bao Mobiphone trả sau tại Thành phố Hồ Chí Minh, 65.000 thuê bao Viettel trả sau tại Hà Nội...<sup>49</sup>

### ***3.5. Vi phạm quyền riêng tư của trẻ em***

Hiện nay, việc những thông tin và hình ảnh riêng tư của trẻ em được công khai trên các trang mạng, mạng xã hội hay các phương tiện thông tin đại chúng khác đang trở thành vấn đề nóng của xã hội. Chúng ta dễ dàng bắt gặp hàng ngày trên báo chí tin tức về các vụ trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bắt bán ra nước ngoài, trẻ bị nhiễm HIV hay bệnh truyền nhiễm khác, hoặc ở một số bức ảnh báo chí đề cập một số vụ thảm án mà cha mẹ các em là nạn nhân và trẻ em xuất hiện

---

<sup>49</sup> Theo Thanh Niên, *Xử lý 3 người mua, bán thông tin cá nhân trái phép*, <https://thanhnien.vn/thoi-su/xu-ly-3-nguoi-mua-ban-thong-tin-ca-nhan-trai-phep-225597.html>

mà không được che mặt... Đáng nói là nhiều tờ báo đưa quá chi tiết thông tin cá nhân như tên tuổi, địa chỉ của trẻ, khai thác những góc khuất trong đời sống riêng tư của các em. Việc làm này một lần nữa lại gây tổn thương cho trẻ, để lại cho trẻ vết thương nặng nề đi theo suốt cuộc đời.

Bên cạnh đó, qua việc đăng tải thông tin vi phạm các quyền riêng tư của trẻ em mà báo chí cũng được xếp vào nhóm có khả năng gây nhiều tổn thương cho trẻ em. Một khảo sát gần đây của Trung tâm phát triển cộng đồng và công tác xã hội thực hiện trên năm tờ báo điện tử (thuộc top 50 trang web có lượng truy cập lớn nhất Việt Nam) cho kết quả khiến nhiều người lo ngại: trong vòng một năm, có đến 548 bài báo có nội dung không bảo đảm quyền riêng tư của trẻ em, trong số này có tới 62% số bài báo mô tả một cách chi tiết cùng với bình luận về trẻ em một cách không phù hợp, thậm chí còn gây tổn thương cho các em; 39% số bài báo đăng ảnh của trẻ em trực diện khuôn mặt, vùng bị tổn thương cùng với gia đình hoặc nhà cửa, trường học<sup>50</sup>.

Hơn nữa, gần đây xuất hiện một số chương trình giải trí trên truyền hình đã lợi dụng hình ảnh trẻ em, tập trung khai thác quá sâu đời tư, cuộc sống cá nhân của trẻ để thu hút người xem. Trên sóng truyền hình hiện có trên 10 gameshow với nhân vật chính là trẻ em (độ tuổi khoảng dưới 18 tuổi), trong đó có các màn thi kịch tính, và nhiều các video clip tập trung quá mức vào đời tư của trẻ, thậm chí còn dựng lên câu chuyện thị phi chung quanh các em nhằm câu khách, tăng xếp hạng cho chương trình. Đơn cử như chương trình “Vietnam Idol Kids 2016” vừa lên sóng đã gây tranh cãi về việc miêu tả quá chi tiết về cuộc đời của cậu bé C để làm nổi bật câu chuyện: Nhà nghèo, mê hát, tham gia truyền hình thực tế và bỗng chốc một đêm trở thành ngôi sao.<sup>51</sup> Các chương trình “Giọng hát Việt nhí”, “Bước nhảy hoàn vũ nhí” liên tục khiến dư luận “đậy sóng” khi “giải trí” trên nước mắt của trẻ thơ. Đặc biệt, các đài truyền hình địa phương một năm trở lại đây cũng thi nhau sản xuất các chương trình giải trí liên quan đến trẻ em mà không hề có sự tham vấn của các tổ chức liên quan, đóng vai trò giám sát về việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ.

Với mật độ các chương trình dày đặc như vậy, không thể không lo ngại về việc tuổi thơ của trẻ đang bị xâm phạm, và dù muốn hay không cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của trẻ sau này. Ở các quốc gia có nền công nghiệp truyền hình phát triển đều đặt ra những quy định rõ ràng, chặt chẽ về việc trẻ em tham gia các chương trình truyền hình. Ví dụ: khi tổ chức các gameshow cho trẻ em, các đài truyền hình phải có trách nhiệm giữ kín thông tin cá nhân của các

---

<sup>50</sup> Theo Báo Mới, *Tôn trọng quyền riêng tư của trẻ em*, <http://www.baomoi.com/ton-trong-quyen-rieng-tu-cua-tre-em/c/22747298.epi>

<sup>51</sup> Theo Báo Mới, *Báo động nạn xâm phạm quyền riêng tư của trẻ em*, <https://baomoi.com/bao-dong-nan-xam-pham-quyen-rieng-tu-cua-tre-em/c/19368528.epi>

em, hạn chế khung giờ làm việc trong ngày, phải tôn trọng tuyệt đối thời gian học tập của các em.

Mặt khác, một trong những hình thức trẻ em bị xâm phạm quyền riêng tư khác là ở trường học, khi điểm số của các em được công khai trên bảng điểm và được dán ở các nơi công cộng, thậm chí điểm số được đọc ngay trên lớp học và đó là căn cứ để đánh giá, phân loại. Việc công khai xếp hạng và ai cũng có thể so sánh điểm số của mình với các bạn khác, đôi khi khiến một số học sinh có thành tích học tập không tốt phát sinh tâm lý tự ti, mặc cảm, từ đó, các em không muốn học và có tâm lý đối phó, ảnh hưởng đến thành tích học tập sau đó. Ở nhiều nước trên thế giới, đây là điều cấm kỵ, vì vậy bảng điểm số sẽ được phát riêng cho từng người, phụ huynh chỉ biết điểm số của con mình trong phong bì dán kín. Các trường học phải tuân thủ những quy định khắt khe về thông tin của học sinh, sinh viên, trong đó, nghiêm cấm các hành vi để lộ thông tin về điểm số hay thành tích cũng như thông tin cá nhân của học sinh<sup>52</sup>.

Việc đăng tải hàng loạt thông tin cá nhân của trẻ lên mạng Internet có tác động xấu, ngoài xâm phạm quyền lợi cá nhân của trẻ còn làm cho trẻ có thái độ tiêu cực, bị dư luận quan tâm gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của các em.

#### **4. Mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia về quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Về cơ bản, pháp luật Việt Nam mà trước tiên là Hiến pháp và Bộ luật dân sự đã ghi nhận quyền bảo vệ đời tư (trong đó có quyền bí mật thông tin/dữ liệu cá nhân) tương thích và phù hợp với quy định của ICCPR và Bình luận chung số 16 của Ủy ban Nhân quyền về quyền riêng tư. Quyền bí mật đời tư được quy định tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”*.

Mặc dù đã được hiến định tại Hiến pháp năm 2013 và tái khẳng định tại Bộ luật dân sự năm 2015, đồng thời được quy định cụ thể trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, nhưng cho tới nay, pháp luật Việt Nam chưa đưa ra được khái niệm thống nhất về quyền bí mật thông tin cá nhân cũng như chỉ ra các yếu tố cấu thành của quyền này. Các văn bản pháp luật mới đề cập đến quyền được bảo vệ thông tin cá nhân trong một số khía cạnh/ lĩnh vực cụ thể mà chưa có quy định mang tính nguyên tắc chung thống nhất về quyền này.

Điều 17 ICCPR nhấn mạnh đến phương diện “can thiệp độc đoán và bất hợp pháp” đối với quyền riêng tư, đồng thời, Bình luận chung số 16 cho rằng

---

<sup>52</sup><http://www.baomoi.com/ton-trong-quyen-rieng-tu-cua-tre-em/c/22747298.epi>

quy định này đòi hỏi các quốc gia phải thực thi các biện pháp pháp lý và những biện pháp thích hợp khác có tác động ngăn chặn, chống lại sự xâm phạm và tấn công vào đời tư để bảo vệ quyền này. Tuy vậy, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có các quy định cụ thể về các biện pháp pháp lý ngăn chặn, chống lại các hành vi xâm phạm quyền được bảo vệ bí mật thông tin của công dân. Các quy định của pháp luật hiện hành chủ yếu mới dừng lại ở nguyên tắc chung, khó áp dụng vào thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam chưa chính thức ghi nhận nghĩa vụ của Nhà nước trong việc chủ động bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân của công dân.

Điều 17 ICCPR và Bình luận chung số 16 khẳng định không một sự can thiệp nào về đời tư có thể được chấp thuận trừ những trường hợp được quy định bằng luật pháp. Việc can thiệp chỉ được các quốc gia thành viên cho phép trên nền tảng luật pháp, và những sự cho phép đó phải tuân thủ các quy định và mục đích của Công ước. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam hiện chưa có các quy định cụ thể về các trường hợp ngoại lệ của quyền bí mật dữ liệu cá nhân, hoặc có quy định nhưng chỉ giới hạn trong một số lĩnh vực nhất định như giao dịch thương mại, hợp đồng. Các văn bản pháp luật chuyên ngành chủ yếu sử dụng thuật ngữ “trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” nhằm hạn chế việc đưa ra quy định cụ thể về các trường hợp xử lý thông tin cá nhân hợp pháp. Mặt khác, pháp luật Việt Nam cũng không quy định nguyên tắc chung đối với các trường hợp nghiêm cấm xử lý thông tin cá nhân như đối với các thông tin về giới, thông tin về xu hướng tính dục, thông tin về chủng tộc, nguồn gen... như pháp luật một số nước (Pháp, Hàn Quốc).

So sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới, Việt Nam chưa có luật riêng điều chỉnh về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân. Các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật (cả luật và văn bản dưới luật). Do chưa có các nguyên tắc chung điều chỉnh quyền bảo vệ thông tin cá nhân và hoạt động xử lý thông tin cá nhân, nên các văn bản quy phạm pháp luật chưa có sự thống nhất trong việc quy định về vấn đề này.

Bên cạnh các quy định về nội hàm quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân và các hoạt động xử lý thông tin cá nhân, pháp luật các nước còn quy định cụ thể về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân. Mô hình phổ biến trên thế giới là thành lập các cơ quan chuyên trách, độc lập thực hiện chức năng giám sát việc thi hành pháp luật về quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân; hướng dẫn, giải thích pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo... Trong khi đó, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về cơ chế bảo đảm thi hành quyền được bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân. Quyền này cũng như các quyền khác chủ yếu được bảo đảm thực hiện thông qua cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp), thông qua cơ chế giải

quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương và thông qua các hoạt động tố tụng tại Tòa án.

Như vậy, có thể thấy, về cơ bản, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng và quyền bảo vệ bí mật đời tư nói chung được pháp luật Việt Nam ghi nhận phù hợp với nội dung và tinh thần của các công ước quốc tế về nhân quyền trong phạm vi quốc tế và khu vực. Tuy nhiên, để quyền này được thực thi và bảo đảm thực hiện trong thực tiễn cuộc sống thì đòi hỏi pháp luật Việt Nam cần có những quy định cụ thể, rõ ràng hơn về nội dung quyền, các biện pháp thực hiện quyền và cơ chế bảo đảm thực thi quyền trên cơ sở nghiên cứu, nội luật hóa các nguyên tắc của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định về quyền này, đồng thời, nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.

## **II. Thực trạng thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định "*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*". Theo đó, quyền con người, quyền công dân nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân trước hết được Nhà nước công nhận, tôn trọng và có các biện pháp, chính sách để bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền.

Cụ thể, Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định". Theo đó, Quốc hội thực hiện trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền con người bằng hoạt động lập hiến, lập pháp, bằng hoạt động giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Chính phủ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong toàn bộ quá trình hoạch định chính sách, tổ chức thi hành Hiến pháp và luật của Quốc hội, ban hành và tổ chức thực hiện các biện pháp trong phạm vi thẩm quyền của mình. Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân bảo vệ quyền con người thông qua hoạt động truy tố, xét xử các vi phạm pháp luật xâm phạm quyền con người, quyền công dân.

Như vậy, mỗi cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp đều thực hiện trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm quyền con người nói chung trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo các phương thức, trình tự, thủ tục do luật định, bao gồm cả thủ tục hành chính và tư pháp (tố tụng dân sự, tố tụng hình sự). Với tính chất là một quyền cơ bản trong hệ thống quyền con người, quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng được các thiết chế này bảo vệ, bảo đảm thực hiện. Cụ thể:

## **1. Cơ quan lập pháp**

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Quốc hội thực hiện trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền con người, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân bằng hoạt động lập hiến, lập pháp, bằng hoạt động giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Ở lĩnh vực bảo vệ quyền bí mật cá nhân, hiện nay, mặc dù Quốc hội chưa ban hành một đạo luật riêng về quyền bí mật dữ liệu cá nhân, nhưng ở khía cạnh nhất định đã thể hiện việc bảo đảm thực hiện quyền này trong một số văn bản luật. Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), Luật an toàn thông tin mạng năm 2015, Luật báo chí năm 2016, Luật khám, chữa bệnh năm 2009... đã có các quy định liên quan về quyền bí mật dữ liệu cá nhân (như quyền, trách nhiệm cung cấp thông tin, quyền được bảo mật thông tin, quy định về cung cấp thông tin của cá nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước có liên quan...). Các đạo luật này đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để cá nhân nhận biết và thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong từng lĩnh vực của đời sống.

Bên cạnh đó, Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao của mình đối với việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; giám sát tối cao hoạt động của các cơ quan nhà nước. Theo đó, Quốc hội thực hiện giám sát việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong các đạo luật thông qua hoạt động giám sát việc tổ chức thực thi các đạo luật này của các cơ quan nhà nước. Trong trường hợp qua hoạt động giám sát mà phát hiện bất cứ vi phạm nào, Quốc hội sẽ có biện pháp cần thiết, kịp thời để yêu cầu các cơ quan nhà nước xử lý.

## **2. Cơ quan hành pháp, hành chính**

Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất và là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ bí mật cá nhân thông qua chức năng quản lý nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và căn cứ vào các trình tự, thủ tục được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Phương thức chủ yếu để các cơ quan hành chính bảo đảm thực hiện quyền bí mật cá nhân như: bảo đảm tổ chức, thực hiện các quy định pháp luật có liên quan về quyền bí mật cá nhân; xử lý vi phạm hành chính, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân; tiếp nhận phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân...

Hoạt động bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân của cơ quan hành chính nhà nước trong một số lĩnh vực điển hình được thực hiện như sau:

- Trong lĩnh vực giáo dục:

Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục gồm Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân, các cơ chuyên môn về giáo dục; hệ thống các cơ sở giáo dục gồm nhà trường và các cơ sở giáo dục khác trong hệ thống quốc dân là các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức bảo đảm, bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân trong các hoạt động giáo dục, trong đó các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có trách nhiệm chung trong việc bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Tuy không quy định trực tiếp nhưng một số văn bản pháp luật điều chỉnh các mảng hoạt động giáo dục cụ thể quy định nội dung xác định quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục đối với việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, như: Luật giáo dục năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật giáo dục đại học năm 2012; Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên; Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy...

Thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục trong việc đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục không được qui định riêng trong các điều khoản cụ thể mà nằm trong nhóm “*nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật*”. Như vậy hiện nay, các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, đồng thời có các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục theo các qui định chung của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật an toàn thông tin mạng năm 2015; Luật lưu trữ năm 2011; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Ví dụ, khi thu thập, quản lý hồ sơ của học sinh, sinh viên thì các cơ quan này phải tuân thủ nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng theo Điều 4 Luật an toàn thông tin mạng, nhằm ngăn chặn hành vi thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Cũng theo Luật này, các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục phải có trách nhiệm theo quy định tại Điều 18. Theo đó, người học có quyền yêu cầu cơ sở giáo dục cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của mình mà cơ sở giáo dục đã thu thập, lưu trữ, hoặc ngừng cung cấp thông tin cá nhân của mình trong lĩnh vực giáo dục cho bên thứ ba. Ngay khi nhận được yêu cầu thì cơ sở giáo dục có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và thông báo lại cho người học đã yêu cầu.

Luật cũng quy định tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải hủy bỏ thông tin cá nhân đã được lưu trữ khi đã hoàn thành mục đích sử dụng hoặc hết thời hạn lưu trữ và thông báo cho chủ thể thông tin cá nhân biết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tuy nhiên, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục cũng chỉ dừng ở mức độ quy định chung, chưa có các quy định thể hiện đặc trưng về việc chế độ bảo mật dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện như thế nào. Ví dụ, đối với kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên thì nhà trường thực hiện việc thông báo cho từng cá nhân hay thông báo chung trên mạng thông tin nội bộ... Trong công tác quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên đòi hỏi cơ sở giáo dục phải có trách nhiệm lập hồ sơ cho từng học sinh, sinh viên với các nội dung theo qui định của pháp luật; quản lý, bổ sung, lưu trữ hồ sơ theo quy định; bố trí cán bộ có trách nhiệm, có nghiệp vụ về công nghệ thông tin phụ trách công tác hồ sơ học sinh, sinh viên; xây dựng phần mềm quản lý học sinh, sinh viên trên cơ sở quy định tại văn bản này và những đặc thù của trường... Việc tổ chức ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin trong công tác quản lý học sinh, sinh viên ở các trường là một trong những tiêu chuẩn xét thi đua năm học đối với các cơ sở giáo dục<sup>53</sup>. Vụ trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Quy định về quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên.<sup>54</sup>

Trong năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy chế Thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT. Quy chế này đã xác định rất rõ trách nhiệm của các chủ thể trong việc quản lý, sử dụng dữ liệu của học sinh, sinh viên. Cụ thể: Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu thi của thí sinh; các Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng dữ liệu thi để xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông; các trường đại học, cao đẳng sử dụng dữ liệu thi để tuyển sinh. Đây là cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm pháp lý khi dữ liệu của thí sinh năm 2017 bị lấy cắp.

Trên thực tế, vấn đề đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân chủ yếu được thực hiện ở góc độ đảm bảo thực hiện tốt các văn bản pháp luật qui định về quản lý, thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo, thông qua đó mà bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học. Từ các văn bản pháp luật do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, hầu hết các trường đã ban hành các văn bản có tính hành chính điều hành nội bộ để triển khai thực hiện công tác quản lý đào tạo của cơ sở mình. Tại các cơ sở giáo dục ở tất cả các bậc học đều có bộ phận trực tiếp đảm

---

<sup>53</sup> Xem Điều 13, Điều 14 của Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên.

<sup>54</sup> Xem Điều 15 Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên.



nhận công tác quản lý đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên, tổ chức hành chính để thực hiện việc quản lý quá trình học tập, rèn luyện của người học. Các trường đã áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học trong lĩnh vực giáo dục.

*- Trong lĩnh vực công nghệ thông tin:*

Bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng là một trong những nội dung quan trọng của việc bảo đảm an toàn thông tin mạng. Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng. Điều 52 Luật an toàn thông tin mạng quy định cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng gồm: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng; Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng; Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn thông tin mạng trong lĩnh vực quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý về mật mã dân sự; Bộ Công an bảo đảm an toàn thông tin mạng trong lĩnh vực an ninh; Bộ Nội vụ có trách nhiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức; Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng trong cơ sở giáo dục đại học; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật; Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý an toàn thông tin mạng của ngành mình và phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng ở địa phương.

Các cơ quan nêu trên, căn cứ trên các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin mạng để có các biện pháp, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong lĩnh vực quản lý của mình cũng như bảo đảm an toàn thông tin cá nhân. Trong đó, theo quy định tại Điều 20 Luật an toàn thông tin mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cá nhân như sau: "*1. Thiết lập kênh thông tin trực tuyến để tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng. 2. Định kỳ hằng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân; tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết*".

Trong thời gian qua, để tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cá nhân, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-BTTTT ngày 18/3/2016 về bảo vệ bí mật thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ,

ngăn chặn việc mua bán, lưu thông SIM thuê bao di động sai quy định, trong đó có nội dung:

*Cục An toàn thông tin trực thuộc Bộ* sẽ chủ trì thiết lập đường dây nóng, hộp thư điện tử, kênh tiếp nhận thông tin trực tuyến trên website và các kênh thông tin trực tuyến khác để tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng; chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân quy định tại Luật an toàn thông tin mạng; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các nội dung sau: tăng cường quản lý, bảo đảm an toàn cho thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ do doanh nghiệp quản lý; rà soát lỗ hổng bảo mật của cơ sở dữ liệu về thông tin cá nhân do doanh nghiệp quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ.

*Thanh tra Bộ, thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:* Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu đề xuất, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/2013/NĐ-CP theo hướng tăng chế tài xử phạt để nâng cao tính răn đe, phòng ngừa đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thu thập, sử dụng, phát tán và kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ viễn thông và mua bán, lưu thông trên thị trường SIM đã được kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước khi chưa đăng ký thông tin thuê bao theo quy định. Thanh tra Bộ, thanh tra các Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an, các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương có liên quan triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh và xử lý các sai phạm trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về mua bán thông tin cá nhân và mua bán SIM đã kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước khi chưa đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại các tổng đại lý bán SIM, đại lý bán SIM, Điểm đăng ký thông tin thuê bao để xử lý theo quy định của pháp luật và công khai kết quả trên các phương tiện thông tin đại chúng.

*Cục Viễn thông* chủ trì, phối hợp với Cục An toàn thông tin, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông di động và các cơ quan báo chí, truyền thông thông báo tới người sử dụng dịch vụ các nội dung sau: Tăng cường cảnh giác, thận trọng trong việc cung cấp thông tin cá nhân trong đó bao gồm số thuê bao cho các tổ chức, cá nhân khác; nghiêm chỉnh chấp hành quy định về tự bảo vệ thông tin cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng; không thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân

của người khác; không lợi dụng sơ hở, điểm yếu của hệ thống thông tin để thu thập, khai thác thông tin cá nhân.

Bệnh cạnh đó, để tăng cường bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực này, một số cơ quan nhà nước còn có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Tại Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện có quy định một số hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân sẽ bị xử phạt như "*Vi phạm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội*", bao gồm các hành vi như: Không công khai thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ mạng xã hội; chủ động cung cấp đường dẫn đến trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm quy định pháp luật; không có biện pháp bảo vệ thông tin riêng hoặc thông tin cá nhân của người sử dụng; không thông báo cho người sử dụng về quyền, trách nhiệm, rủi ro khi lưu trữ trao đổi, chia sẻ thông tin trên mạng (Điều 65). Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực này bao gồm: Thanh tra chuyên ngành Thông tin và truyền thông; Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Viễn thông, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục Tần số vô tuyến điện; Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Trung tâm Tần số khu vực; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Công an nhân dân...

### **3. Cơ quan tư pháp**

Ở Việt Nam, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Căn cứ vào các Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự và quy định của pháp luật trong các ngành lĩnh vực, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bảo đảm quyền con người nói chung và quyền bí mật cá nhân nói riêng.

Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình

tố tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân. Theo đó, khi quyền bí mật cá nhân bị xâm phạm trong từng lĩnh vực cụ thể, cá nhân, công dân có thể khởi kiện đến tòa án nhân dân để bảo vệ quyền lợi của mình; hoặc đối với những hành vi vi phạm mang tính chất tội phạm, tòa án sẽ xét xử và áp dụng các hình phạt theo quy định tại Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình này, Viện kiểm sát nhân dân sẽ thực hành quyền công tố để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội. Kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **III. Thực trạng điều kiện bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam**

#### **1. Các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội trong việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Đảng và Nhà nước ta đã từng bước triển khai, quán triệt thực hiện nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp nhằm bảo đảm các quyền và tự do của con người, công dân và đạt được nhiều thành tựu trong những năm qua. Đó là triển khai các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm, lồng ghép với việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ; các chính sách đối với văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ; bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân, giảm thất nghiệp và tạo việc làm, phát triển mạng lưới an sinh xã hội và xây dựng kết cấu xã hội bền vững... được triển khai thực hiện và từng bước phát huy hiệu quả tích cực, trực tiếp phục vụ các lợi ích của nhân dân, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Trong bối cảnh thực hiện chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập kinh tế thế giới, thời gian vừa qua, việc đảm bảo tính minh bạch đã được đề cập đến nhiều như là một trong những yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động của Nhà nước và là yêu cầu của việc thực hiện các cam kết quốc tế. Ngày nay, minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình không chỉ là một yêu cầu cấp thiết để thực hành dân chủ, bảo đảm quyền của người dân trong tham gia quản lý đất nước và xã hội, quan trọng hơn nữa, chính là một giải pháp hữu hiệu nhằm phòng, chống tham nhũng.

Trong thời gian qua, ở Việt Nam, các thiết chế nhà nước cũng có nhiều nỗ lực trong việc minh bạch hóa hoạt động của mình. Với vị trí là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội đã cố gắng thiết lập cơ sở pháp lý của việc minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với người dân. Hoạt động của Quốc hội cũng từng bước được công khai, minh bạch. Trong hoạt động lập pháp, Quốc hội đã tiến hành lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo, đăng tải văn bản trên công báo và dịch văn bản ra các ngôn ngữ khác; trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước là việc Quốc hội thảo luận tập thể, công khai vấn đề phân bổ ngân sách trung ương. Trong hoạt động giám sát, những phiên chất vấn của Quốc hội tại hội trường đã thường xuyên được tường thuật trực tiếp trên truyền hình, truyền hình, góp phần làm minh bạch hoạt động của Quốc hội cũng như hoạt động của các cơ quan nhà nước khác.

Ngành tòa án cũng có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc minh bạch hóa hoạt động xét xử. Điểm nổi bật trong những năm vừa qua là việc rà soát, đăng tải một số bản án điển hình trên tạp chí của ngành nhằm mục đích tăng cường sự thống nhất trong việc áp dụng luật pháp cũng như tăng cường khả năng dễ dự đoán của pháp luật đối với các đối tượng tham gia vào nền kinh tế, và củng cố thêm niềm tin của Nhân dân, của các tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài và cộng đồng quốc tế vào các chính sách của Việt Nam. Cùng với đó, các cấp toà án đã tăng cường công khai hoạt động xét xử, nâng cấp, mở rộng phòng xử án, trang bị thiết bị truyền tin tạo điều kiện cho người dân có thể tham dự phiên tòa.

Đối với nhánh hành pháp, có thể thấy Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 với mục tiêu xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp và hiện đại hóa cũng đề ra nhiều biện pháp về minh bạch hóa (ví dụ như: hoàn thiện các thủ tục hành chính mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho người dân; bảo đảm sự tham gia có hiệu quả của nhân dân vào quá trình xây dựng pháp luật; tổ chức tốt việc lấy ý kiến nhân dân đối với văn bản trước khi ban hành; các văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng tải trên công báo hoặc yết thị, đưa tin để công dân và các tổ chức có điều kiện tìm hiểu, thực hiện; thông tin công khai cho người dân về chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính quyền địa phương; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính công).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), tại Phần “Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế” đã xác định nhiệm vụ: Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan

trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định: “Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Để tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, Đại hội yêu cầu “Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cơ chế giám sát của nhân dân, thông qua các đại diện trực tiếp và gián tiếp đối với đảng viên, công chức, cơ quan, đơn vị. Bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công và doanh nghiệp nhà nước”.

Quyền con người bao hàm nhiều nội dung rộng lớn và phức tạp, liên quan đến nhiều vấn đề nhạy cảm, như dân chủ, dân tộc, tôn giáo,... Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí cũng được nâng cao, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc bảo đảm các tiêu chuẩn nhân quyền đã được pháp luật quốc tế công nhận. Mặt khác, sự phân hóa - phân tầng xã hội không chỉ bị tác động bởi sự phân hóa giàu nghèo, mà còn bị ảnh hưởng bởi sự đa dạng về văn hóa vùng miền, văn hóa tộc người và hội nhập quốc tế; dẫn đến sự đa dạng hóa các nhu cầu về quyền con người giữa các giai tầng xã hội. Bên cạnh những quyền căn bản (quyền sống, quyền có việc làm, chỗ ở, chăm sóc sức khỏe,...) xuất hiện các quyền mới, như: quyền về môi trường trong lành, quyền của giới tính “thứ ba”, quyền của công dân nước ngoài định cư tại Việt Nam và Việt kiều, quyền sở hữu đất và bất động sản, quyền của các nhóm yếu thế, quyền bí mật dữ liệu cá nhân... Thực tế những năm gần đây cho thấy các thiết chế nhà nước và xã hội ở Việt Nam ngày càng quan tâm hơn đến vấn đề bảo đảm quyền riêng tư, bí mật cá nhân nói chung và quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân nói riêng của công dân. Những hiện tượng vi phạm bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật dữ liệu cá nhân trong xã hội ngày càng gia tăng đã và đang đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về vấn đề này.

Với xu hướng phát triển nhanh của khoa học công nghệ, đặc biệt là dưới tác động to lớn của Cách mạng công nghiệp 4.0 và các liên kết thương mại quốc tế mới trên toàn cầu, vấn đề bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân đã và đang trở thành một thách thức lớn đối với các quốc gia, tổ chức, cá nhân. Thực tế cho thấy, các tổ chức và cá nhân đang ngày càng có ý thức cao hơn về quyền bảo vệ dữ liệu của mình.

## **2. Kết quả khảo sát thực trạng bảo vệ dữ liệu cá nhân**

Để có thêm thông tin thực tế về thực trạng bảo vệ dữ liệu cá nhân, Ban chủ nhiệm Đề tài đã tiến hành khảo sát nhanh trên địa bàn Hà Nội, với hình thức Phiếu khảo sát dành cho công dân (gồm 14 câu hỏi).

Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề về thực trạng người dân được yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân khi thực hiện các giao dịch; các chủ thể chính thường thu thập thông tin cá nhân; quan điểm của người dân liên quan đến việc thu thập, sử dụng, bảo mật thông tin cá nhân; trách nhiệm của chủ thể có liên quan trong việc bảo vệ thông tin cá nhân. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

### ***\* Trong các giao dịch điện tử:***

Qua khảo sát cho thấy, 50% số người được hỏi thường xuyên tham gia các giao dịch điện tử, 42% số người được hỏi thỉnh thoảng tham gia các giao dịch này. Có thể thấy, giao dịch điện tử hiện đang là hình thức giao dịch hiện ngày càng được sử dụng rất phổ biến ở nước ta và nếu như không có cơ chế pháp lý cụ thể và hữu hiệu để quản lý thì việc mất an toàn trong các giao dịch điện tử, bao gồm cả việc các dữ liệu cá nhân được thu thập, lưu giữ và phát tán một cách tràn lan là điều không thể tránh khỏi.

Trong số những người có tham gia vào các giao dịch điện tử thì có đến 88% người tham gia được yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân. Cụ thể là các thông tin sau: họ tên (90%), ngày tháng năm sinh (68%), số điện thoại (86%), địa chỉ email (74%), địa chỉ nhà (44%), tài khoản ngân hàng (12%). Thông tin về tài khoản ngân hàng ít được đề nghị cung cấp nhất bởi lẽ mặc dù là một loại dữ liệu cá nhân nhưng nó lại gắn liền với tài sản vật chất của mỗi người và đương nhiên cá nhân không thể dễ dàng cung cấp.

Khi được hỏi “*trong các giao dịch điện tử mà ông/bà từng tham gia có cam kết hay tuyên bố gì về việc đảm bảo giữ bí mật các thông tin cá nhân mà họ thu thập hay không?*”, chỉ có 48% số người được hỏi trả lời là “có”, 36% số người được hỏi trả lời là “không”; có ý kiến khác là “lúc có, lúc không”. Như vậy, trong nhiều trường hợp, bên yêu cầu công dân cung cấp thông tin cá nhân không hề cam kết hay tuyên bố gì về việc bảo đảm bí mật các thông tin cá nhân này. Mặc dù tỷ lệ cam kết bảo đảm bí mật thông tin cá nhân ở mức dưới trung bình nhưng tỷ lệ tham gia các giao dịch điện tử ở mức khá cao như phân tích ở trên cho thấy chính các cá nhân cũng chưa thực sự có ý thức cao trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của chính mình. Tỷ lệ cam kết bảo đảm bí mật thông tin ở mức thấp cũng cho thấy việc bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng chưa được các chủ thể thu thập thông tin coi là trách nhiệm có tính ràng buộc cao, chưa trở thành một tập quán kinh doanh và văn hóa tôn trọng sự riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân của khách hàng ở nước ta trên thực tế còn rất hạn chế.

**\* Trong các giao dịch mua bán trực tiếp tại cửa hàng:**

Qua khảo sát, với hình thức giao dịch trực tiếp tại cửa hàng, có đến 70% số người được hỏi bị yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân. Đó là các thông tin về: họ tên (70%), ngày tháng năm sinh (56%), số điện thoại (74%), địa chỉ email (28%), địa chỉ nhà (42%), tài khoản ngân hàng (4%).

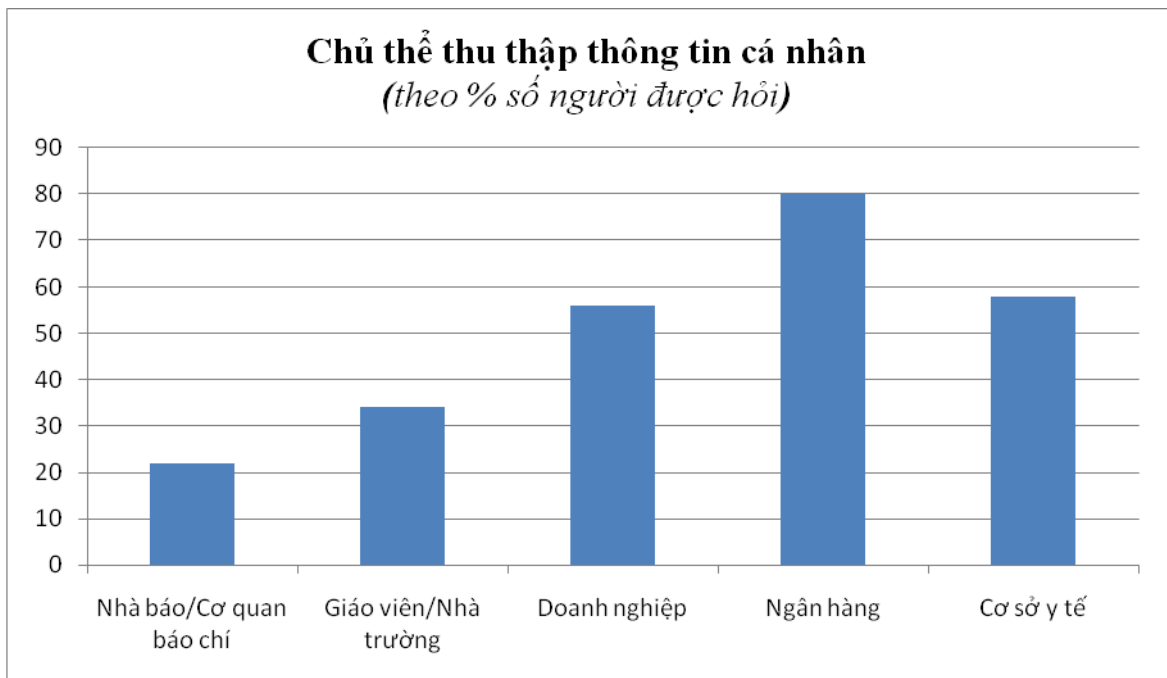
Về mục đích thu thập thông tin cá nhân: 46% số người được hỏi cho biết cửa hàng có nói cho họ biết về mục đích thu thập thông tin cá nhân. Trong khi đó, 48% số người được hỏi cho biết cửa hàng không hề nói cho họ biết về mục đích. Khi không được biết về mục đích thu thập thông tin cá nhân, chỉ có 46% số khách hàng chủ động hỏi cửa hàng về vấn đề này. Việc 55% khách hàng không quan tâm chủ động hỏi lý do cần cung cấp thông tin cho thấy rất nhiều cá nhân trong xã hội chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân.

Khi được cửa hàng yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, có đến 68% khách hàng đồng ý cung cấp thông tin; 20% khách hàng không đồng ý cung cấp. Có người được hỏi cho biết tùy vào thông tin trong phạm vi cho phép và tùy cửa hàng mà họ quyết định có cung cấp thông tin cho cửa hàng hay không. Như vậy có tới hơn 20% số người được hỏi vẫn cung cấp thông tin mà không cần biết thông tin về cá nhân mình được thu thập để làm gì.

**\* Chủ thể thu thập thông tin cá nhân:**

Khi được hỏi về các chủ thể thường thu thập thông tin cá nhân của công dân, kết quả cụ thể như sau: ngân hàng là chủ thể thu thập thông tin cá nhân nhiều nhất (80% số người được hỏi), sau đó đến các cơ sở y tế (58%), doanh nghiệp (56%), giáo viên/nhà trường (34%) và các nhà báo/cơ quan báo chí (22%). Bên cạnh đó, cũng có ý kiến cho rằng một số chủ thể khác cũng thu thập thông tin cá nhân như cửa hàng kinh doanh, cơ quan quản lý hộ tịch...





Khi được hỏi về việc các chủ thể thu thập thông tin có áp dụng các biện pháp để bảo đảm giữ bí mật thông tin cá nhân hay không, có đến 58% số người được hỏi cho rằng “Không”, chỉ 32% số người được hỏi cho rằng “Có”. Có ý kiến không chắc chắn hoặc không biết về vấn đề này.

Khi được hỏi về việc có đồng tình với việc doanh nghiệp yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân khi tham gia các giao dịch không, tỷ lệ không đồng tình cao hơn tỷ lệ đồng tình (50% không đồng tình và 42% đồng tình). Có ý kiến cho rằng tùy vào từng trường hợp và mục đích mà khách hàng đồng tình với việc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân hay không (ví dụ: nếu thông tin được sử dụng với mục đích chăm sóc khách hàng thì đồng tình...).

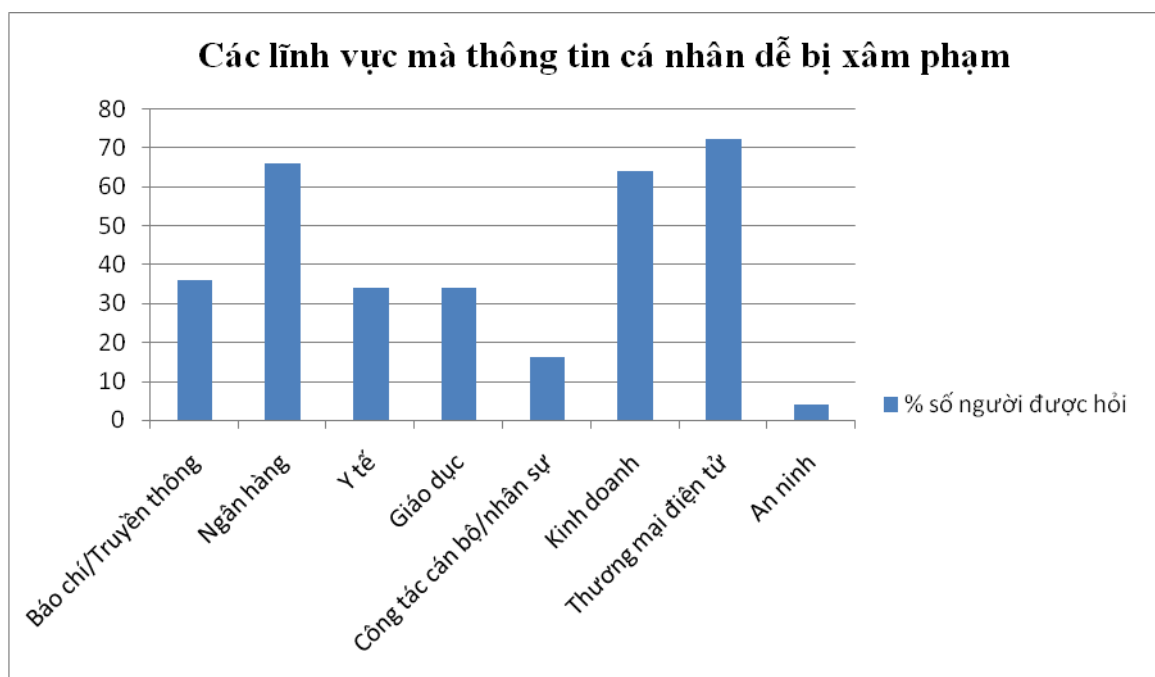
Tuy nhiên, khi được hỏi về “Ông/bà có cho rằng thông tin cá nhân của mình sau khi được thu thập có thể bị sử dụng sai mục đích hay không?”, có đến 84% số người được hỏi cho rằng thông tin cá nhân của họ có thể bị sử dụng sai mục đích. Tương tự, có đến 88% số người được hỏi cho rằng thông tin cá nhân của mình sau khi được thu thập có thể bị cung cấp cho các đối tượng khác mà không được sự đồng ý của họ. Điều này chứng tỏ sự không tin tưởng của người dân đối với các chủ thể thu thập thông tin, cũng như tình trạng chuyển giao, sử dụng thông tin sai mục đích và không được sự đồng ý của cá nhân trên thực tế. Tuy nhiên, điều đáng báo động là tình trạng các cá nhân vẫn dễ dàng cung cấp các thông tin cá nhân mặc dù họ cho rằng thông tin của mình có thể bị sử dụng sai mục đích. Các biện pháp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của chính các cá nhân trong việc bảo vệ các dữ liệu cá nhân cũng phải được xác định là một trong các biện pháp chính khi xây dựng và thực hiện các cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân ở nước ta.

**\* Về tình trạng công dân nhận được điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ:**

Qua khảo sát cho thấy, hiện tượng công dân nhận được điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ là khá phổ biến. Có đến 42% số người được hỏi thường xuyên nhận được những điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ; 50% số người được hỏi thỉnh thoảng nhận được điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ.

**\* Các lĩnh vực thông tin cá nhân dễ bị xâm phạm:**

Khi được hỏi những thông tin cá nhân trong các lĩnh vực nào dễ bị xâm phạm, khảo sát cho thấy kết quả khá đa dạng. Thương mại điện tử, ngân hàng, kinh doanh là nhóm lĩnh vực có khả năng xâm phạm thông tin cá nhân cao; sau đó đến nhóm lĩnh vực báo chí/truyền thông, y tế, giáo dục. Công tác cán bộ/quản lý nhân sự và an ninh là nhóm lĩnh vực có khả năng xâm phạm thông tin cá nhân thấp. Kết quả này phù hợp với phân tích, đánh giá về thực trạng pháp luật cũng như kết quả ở trên về việc chủ thể thu thập thông tin cá nhân. Về thực trạng pháp luật, pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng có nhiều quy định đến việc thu thập, nắm giữ và quản lý thông tin cá nhân và trên thực tế, ngân hàng cũng là một trong các chủ thể thu thập thông tin cá nhân nhiều nhất. Do vậy, lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực thương mại điện tử (lĩnh vực có số lượng người tham gia lớn, các giao dịch lại có thể thực hiện bất cứ thời gian nào) là những lĩnh vực được cho là thông tin dễ bị xâm phạm nhất là hoàn toàn có cơ sở.

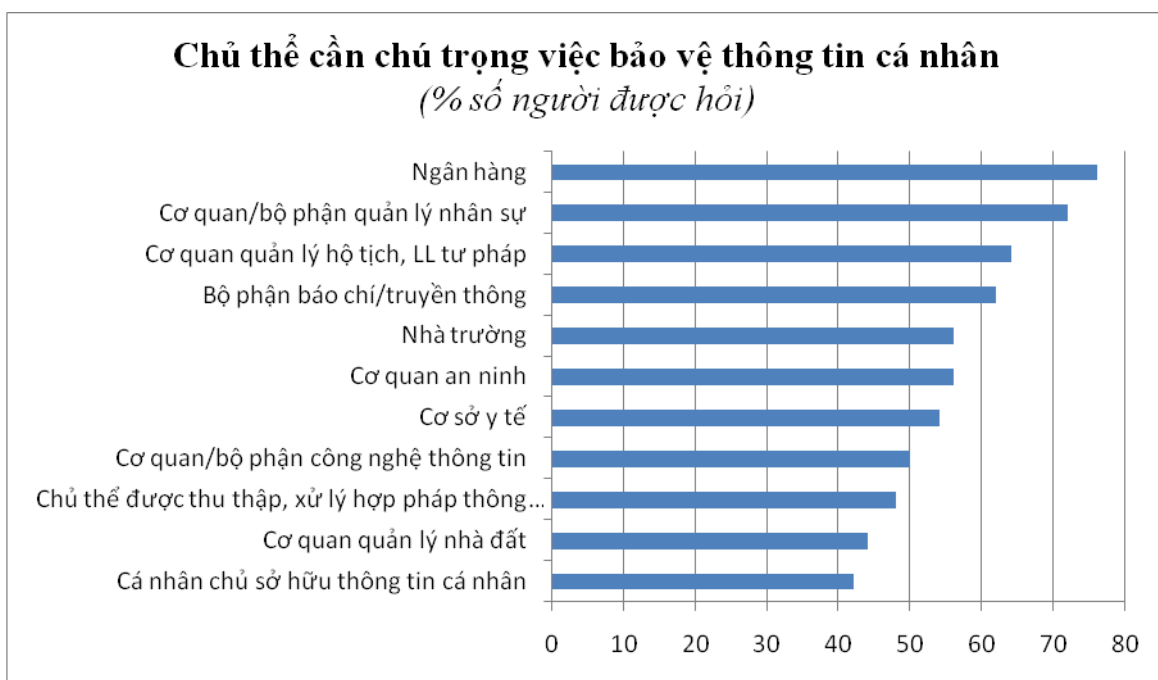


**\* Chủ thể có trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân:**

Khi được hỏi về các chủ thể cần chú trọng đến việc bảo vệ thông tin cá nhân mà họ thu thập hoặc nắm giữ, ý kiến của công dân được Qua khảo sát cho thấy, theo ý kiến của những người được hỏi, có rất nhiều chủ thể cần chú trọng đến việc bảo vệ thông tin cá nhân, bao gồm không chỉ các cơ quan, tổ chức thu thập, nắm giữ thông tin cá nhân, mà còn có cả bản thân chủ sở hữu thông tin.

Trong số các cơ quan, tổ chức đó thì ngân hàng; cơ quan/bộ phận quản lý nhân sự; cơ quan quản lý hộ tịch, lý lịch tư pháp và bộ phận báo chí, truyền thông là các cơ quan cần chú trọng nhất đến vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân. Bên cạnh đó còn có các cơ quan, tổ chức: nhà trường, cơ quan an ninh, cơ sở y tế, cơ quan/bộ phận công nghệ thông tin, các chủ thể được thu thập, xử lý hợp pháp thông tin cá nhân và cơ quan quản lý nhà đất. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng các nhà mạng cũng là chủ thể cần chú trọng bảo vệ thông tin cá nhân.

Kết quả chỉ có hơn 40% số người được hỏi cho rằng chủ thể cần chú trọng bảo vệ thông tin cá nhân là chủ sở hữu thông tin phản ánh khá rõ tình hình thực tế và phù hợp với các kết quả thu được ở trên. Tuy nhiên, một lần nữa kết quả khảo sát lại củng cố thêm nhận định rằng trên thực tế đang tồn tại một tình trạng đáng ngại là các cá nhân - với tư cách là chủ thể của dữ liệu cá nhân một mặt chưa thực sự nhận thức đúng tầm quan trọng của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, mặt khác, vẫn còn tương đối e ngại, thụ động trong việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân của chính mình mà vẫn có tâm lý chờ đợi vào tính trách nhiệm của các chủ thể thu thập thông tin.



#### **IV. Nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập, hạn chế từ thực trạng bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Có thể thấy việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân còn gặp nhiều khó khăn và thách thức, như nhận thức về quyền con người của một số tổ chức chính quyền từ Trung ương đến địa phương và người dân chưa theo kịp sự tiến bộ của quyền con người; mức độ hoàn thiện thể chế pháp lý còn có hạn chế; còn nhiều điều về mặt pháp lý cần phải được nghiên cứu và quy định rõ ràng hơn; trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn có những hạn chế, trong đó có những chính sách phát triển chưa hợp lý, trình độ quản lý còn kém, ảnh hưởng tới sự ổn định và tăng trưởng kinh tế và cải thiện an sinh xã hội, đời sống của người dân nông thôn và miền núi còn gặp nhiều khó khăn... Tất cả những vấn đề bất cập nêu trên không thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn, cần phải đánh giá kỹ nguyên nhân của các bất cập. Cụ thể, nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập đó là<sup>55</sup>:

*Một là*, pháp luật hiện hành thiếu những quy định chung, chính thức và thống nhất về thông tin, dữ liệu cá nhân, quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Mặc dù trong một số lĩnh vực, pháp luật hiện hành của nước ta cũng đã ghi nhận và tạo sự tương thích ở mức độ nhất định về quyền bí mật dữ liệu cá nhân với quan niệm và quy định về quyền bí mật cá nhân, quyền bí mật đời sống riêng tư của các công ước, điều ước quốc tế, nhưng nội hàm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân còn chưa đầy đủ, toàn diện trong từng lĩnh vực cụ thể. Bên cạnh đó, cũng chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào định nghĩa chính thức về dữ liệu cá nhân, bí mật dữ liệu cá nhân, quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Các văn bản pháp luật đã có đề cập đến khái niệm thông tin cá nhân song các quy định còn rải rác, chưa đầy đủ, chưa thống nhất. Ví dụ: các văn bản quy phạm pháp luật chưa thống nhất phạm vi thông tin cá nhân là gì; địa chỉ nơi làm việc, các thông tin liên hệ công tác... có phải là thông tin cá nhân không; chưa thống nhất trong việc quy định về tính bí mật của thông tin...

*Hai là*, hệ thống pháp luật hiện hành còn chưa thống nhất, đồng bộ trong việc cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, nhất là cụ thể hóa các nguyên tắc về thực hiện và hạn chế thực hiện quyền theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 (Điều 14). Trong một số lĩnh vực chưa bảo đảm việc quy định bằng luật về quyền bảo vệ bí mật dữ liệu của công dân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với dữ liệu cá nhân dẫn đến nguy cơ hạn chế quyền trái với tinh thần của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

---

<sup>55</sup> Phạm Thị Hậu, "Quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay", Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.

*Ba là*, pháp luật hiện hành chưa quy định nguyên tắc xác định phạm vi thông tin, dữ liệu cá nhân được bảo vệ; chưa quy định cụ thể về quyền của chủ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu cá nhân của mình, quyền cho phép người khác tiếp cận thông tin, dữ liệu cá nhân của mình; trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ dữ liệu cá nhân; trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức quản lý dữ liệu cá nhân trong việc thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân; trường hợp ngoại lệ của bảo vệ dữ liệu cá nhân,...

*Bốn là*, trong hầu hết các lĩnh vực còn thiếu quy định về phương thức, cách thức bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân; quy trình bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân, đặc biệt là chưa có quy định về thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến cung cấp thông tin.

*Năm là*, các văn bản pháp luật hiện nay thường được xây dựng tập trung vào nhiệm vụ quản lý của từng lĩnh vực đơn lẻ, chỉ đề cập đến một số quy định về quyền được bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân ở từng phạm vi hẹp, chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện. Luật giao dịch điện tử có đề cập đến vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân trong quá trình giao dịch, song các quy định chỉ nhằm vào an ninh, an toàn trong giao dịch điện tử. Luật công nghệ thông tin có quy định về thu thập, xử lý và sử dụng, lưu trữ, cung cấp dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng, tuy nhiên các quy định này còn khá chung, quy định dưới khía cạnh kỹ thuật mà không tiếp cận dưới góc độ quyền con người.

Năm 2015, Quốc hội khóa XIII đã ban hành Luật an toàn thông tin mạng, trong đó dành một mục (từ Điều 16 đến Điều 20) quy định về bảo vệ thông tin cá nhân. Mặc dù các quy định này đã có đề cập đến nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trên mạng như thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân, cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ thông tin cá nhân nhưng phạm vi điều chỉnh của các quy định này chỉ áp dụng đối với các thông tin cá nhân trên mạng mà không phải đối với dữ liệu cá nhân nói chung. Mặt khác, các quy định tại Luật này chủ yếu quy định các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ an toàn hệ thống mạng thông tin mà không phải các biện pháp bảo vệ an toàn thông tin. Xuất phát từ quan điểm xây dựng Luật an toàn thông tin mạng là Luật quy định về các hoạt động an toàn thông tin, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mà không phải luật quy định về quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, do vậy, Luật này chưa có các quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, điều kiện xử lý thông tin cá nhân, vùng cấm của xử lý dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo vệ quyền...

Trong khi đó, các văn bản quy phạm pháp luật mang tính điều chỉnh chung như Hiến pháp, Bộ luật Dân sự mặc dù đã ghi nhận quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nhưng các quy định chỉ dừng lại là nguyên tắc chung, chưa được thể chế cụ thể đủ để có thể áp dụng.

*Sáu là*, pháp luật hiện hành cũng chưa thiết lập cơ chế pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất để bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân một cách có hiệu quả, nhất là các quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức lưu giữ, xử lý dữ liệu cá nhân, bảo đảm các nguồn lực, tài chính, nhân lực cho việc bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Các quy định về chế tài đối với các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân đã được ban hành nhưng phạm vi áp dụng còn giới hạn và quy định còn chung chung. Hiện Chính phủ đã ban hành một số nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong bảo đảm an toàn thông tin như Nghị định số 28/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet; Nghị định số 63/2007/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Nghị định số 83/2011/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Viễn thông. Các văn bản này đã tạo thuận lợi hơn cho việc triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin cá nhân, song, các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính này vẫn theo cách tiếp cận nhỏ lẻ, quy định về hành vi vi phạm còn chung chung, khó xác định hành vi cũng như mức độ thiệt hại để áp dụng chế tài phù hợp.

*Bảy là*, về khách quan, với sự phát triển nhanh của công nghệ, việc xử lý các thông tin cá nhân trái pháp luật được tiến hành dễ dàng, nhanh chóng, khó phát hiện. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước trong quá trình điều tra hành vi xâm phạm quyền được bảo vệ thông tin của cá nhân. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, bản thân đối tượng dữ liệu cũng không biết thông tin cá nhân của mình bị xâm phạm, trộm cắp hoặc sử dụng trái pháp luật.

*Tám là*, bảo vệ quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân là trách nhiệm trước hết của bản thân đối tượng dữ liệu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, người dân chưa thực sự ý thức về an toàn thông tin cá nhân của mình. Người dùng mạng xã hội, Internet không ý thức được thông tin cá nhân của mình có thể bị công khai bất cứ lúc nào trên những kênh thông tin này. Mặc dù hơn ¾ (78%) số người dùng Internet có tài khoản mạng xã hội nhưng khảo sát đã chỉ ra sự thiếu nhận thức của họ. 9% số người trả lời khảo sát không nghĩ rằng những người ngoài danh sách bạn bè có thể nhìn thấy trang và các bài viết của mình, khiến thông tin cá nhân của họ dễ dàng rơi vào tay kẻ xấu, hoặc thậm chí bị tội phạm sử dụng để trộm danh tính và gian lận tài chính. 30% người dùng mạng xã hội chia sẻ bài viết, check-in và các thông tin cá nhân không chỉ cho bạn bè của mình mà còn cho nhiều người khác. Việc người dùng vẫn ý thức được rằng thông tin cá nhân của họ có thể bị công khai trên những kênh thông tin này đã tạo cơ hội tốt cho tội phạm mạng.

*Chín là*, công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, viễn thông,

thương mại điện tử, thanh toán điện tử và quản lý, vận hành các hệ thống máy tính của nhiều cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tại Việt Nam còn nhiều sơ hở, phần lớn chưa được bảo mật tốt. Hệ thống dữ liệu do nhà nước quản lý có chứa đựng thông tin cá nhân của người dân chưa được quản lý chặt chẽ, kết nối đồng bộ và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ an toàn thông tin cá nhân của công dân. Việc lưu trữ thông tin cá nhân của người dân bằng các phương thức thủ công như hồ sơ giấy vẫn tồn tại, vừa khó bảo quản, sử dụng, đồng thời có nguy cơ lộ, lọt thông tin cá nhân của công dân ra bên ngoài cao.

## CHƯƠNG III

### KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN BÍ MẬT DỮ LIỆU CÁ NHÂN

#### I. Bối cảnh, yêu cầu hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

##### 1. Vấn đề bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

Trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI nhân loại đang chứng kiến những thay đổi chưa từng thấy trong lịch sử loài người. Những thay đổi đó là hệ quả của những thành tựu đạt được từ cuộc cách mạng đã và đang diễn ra với tốc độ cấp số nhân mà hiện nay các chuyên gia gọi là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay cuộc cách mạng 4.0). Đây là cuộc cách mạng được đánh giá là *“làm thay đổi cơ bản lối sống, phong cách làm việc và cách thức giao tiếp. Xét về phạm vi, mức độ và tính phức tạp, sự thay đổi này không giống với bất kỳ điều gì mà con người từng trải qua”*<sup>56</sup>.

Cuộc cách mạng lần thứ tư là sự hợp nhất các công nghệ, làm mờ đi ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Cuộc cách mạng này - trên nền tảng kỹ thuật số - đã phát triển thành các xu hướng lớn và ngày càng trở nên phổ biến như IoT (Internet of Thing - Internet vạn vật), AI (Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo), VR (Virtual Reality - Thực tế ảo), AR (Augmented Reality - Tương tác ảo), Cloud Computing (Điện toán đám mây), Big Data (Dữ liệu lớn), công nghệ in 3D... Với các công nghệ này - mà phần lớn trong số đó liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, phân tích và truyền tải dữ liệu - giờ đây người ta có thể chuyển hóa hoàn toàn cuộc sống trong thế giới thực thành thế giới ảo; hoặc sử dụng máy tính kết hợp với dữ liệu lớn để thay thế con người ra quyết định. Những công nghệ này động chạm đến mọi cá nhân, tổ chức, chính thể trên thế giới; từ khu vực công tới khu vực tư; từ văn hóa, khoa học, kinh tế, quân sự, chính trị đến tất cả mọi lĩnh vực trong toàn xã hội; nó gây ảnh hưởng to lớn đến mọi luật lệ, mọi nền kinh tế, mọi ngành công nghiệp, thậm chí thách thức vai trò thực sự của con người. Và bởi vì ứng dụng của các công nghệ này hầu hết dựa trên cơ sở của việc thu thập, lưu trữ, phân tích, truyền tải dữ liệu cá nhân của hơn 7 tỷ người trên trái đất, nên hơn bao giờ hết nó đặt việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trước những nguy cơ chưa từng thấy cả trên bình diện thế giới lẫn trong điều kiện Việt Nam.

---

<sup>56</sup> Theo Klaus Schwab, giáo sư người Đức, Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos tháng 6.2016, người đã đưa ra khái niệm Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.



Một số nguy cơ, thách thức đối với việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này là:

**(i) Big Data (dữ liệu lớn) và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Big Data (dữ liệu lớn) là thuật ngữ dùng để chỉ một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp đến nỗi những công cụ, ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không thể đảm đương được. Người ta thấy rằng, trong hai năm qua (2015 - 2016), khối lượng dữ liệu trên toàn cầu đã chiếm đến 90% lượng dữ liệu số được tạo ra kể từ khi công nghệ số hóa ra đời. Kích cỡ của Big Data tăng lên từng ngày, tính đến năm 2012 đã lên hàng exabyte (1 exabyte bằng 1 tỷ gigabyte).

Dữ liệu chính là tiền bạc của doanh nghiệp, là sức mạnh của Chính phủ. Những thông tin về thói quen, sở thích của khách hàng có được từ lượng dữ liệu khổng lồ được các doanh nghiệp thu thập khi khách hàng ghé thăm và tương tác với trang web của mình cho phép doanh nghiệp hiểu rõ hơn về khách hàng, hành vi và sở thích tiêu dùng của họ. Với tiềm năng ưu việt, Big Data không chỉ ứng dụng trong kinh doanh mà còn có khả năng tác động đến hầu hết ngành nghề khác. Chính phủ các nước có thể ứng dụng Big Data để dự đoán tỷ lệ thất nghiệp, xu hướng nghề nghiệp của tương lai để đầu tư cho những hạng mục phù hợp hoặc cắt giảm chi tiêu, kích thích tăng trưởng kinh tế. Trong lĩnh vực y tế, khả năng tính toán, phân tích dữ liệu lớn cho phép giải mã chuỗi DNA trong vài phút để dự đoán mô hình bệnh, tìm ra phương pháp chữa trị hiệu quả nhất. Dưới góc độ quản lý nhà nước, dữ liệu lớn cho phép các cơ quan Chính phủ quản lý tốt hơn, ví dụ, giải quyết vấn đề tắc nghẽn giao thông ở các thành phố lớn; hoặc cải thiện tốt hơn công tác an ninh và thực thi pháp luật, như chống âm mưu khủng bố, gián điệp, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công không gian mạng, bắt tội phạm, dự đoán hoạt động tội phạm và phát hiện các giao dịch gian lận... Nói cách khác, trong tương lai ở mọi lĩnh vực, từ y tế, điện tử, sản xuất, công nghiệp, viễn thông, giải trí, bán lẻ, hàng không, ngân hàng, tài chính... ai nắm được thông tin, biết khai thác và xử lý hàng nghìn tỉ byte dữ liệu, người đó sẽ quản lý tốt hơn và có được lợi thế cạnh tranh hơn hẳn.

Dữ liệu lớn không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp và Chính phủ, mà mỗi cá nhân cũng được hưởng lợi rất nhiều từ công nghệ này. Bởi vậy, việc cá nhân sử dụng các ứng dụng của dữ liệu lớn ngày càng trở nên phổ biến. Ví dụ, những dữ liệu được thu thập và phân tích từ các thiết bị đeo thông minh như đồng hồ thông minh hay vòng đeo tay thông minh cho người đeo biết được về mức tiêu thụ calo, mức hoạt động, mô hình giấc ngủ của chính họ, từ đó có phương thức điều chỉnh cuộc sống hay phương pháp điều trị bệnh thích hợp. Dữ liệu lớn cũng hỗ trợ cá nhân con người rất nhiều trong đời sống tình cảm của họ, mà thành công nhất, ví dụ, là ứng dụng tìm kiếm tình yêu trực tuyến. Các trang

web hẹn hò trực tuyến lớn nhất đang áp dụng công nghệ Big Data và các thuật toán để tìm kiếm người phù hợp nhất cho khách hàng của họ.

Big Data và các công nghệ phân tích có khả năng làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của các ngành kinh tế và nghề nghiệp. Vì vậy, những mô hình kinh doanh mới dựa trên Big Data đang được hình thành để giúp các tổ chức, doanh nghiệp tận dụng dữ liệu. Trong vòng 4 năm nữa dung lượng dữ liệu số của toàn thế giới sẽ đạt con số 44 zettabytes (44 nghìn tỷ gigabyte), gấp 10 lần so với hiện nay. Với lợi thế dân số trẻ, khoảng 95 triệu người và tỉ lệ sử dụng Internet khoảng 57% thì Việt Nam được xem là thị trường dữ liệu lớn Big Data hàng đầu khu vực châu Á<sup>57</sup>.

Một trong những ứng dụng phổ biến nhất của Big Data mà người Việt Nam rất quen thuộc đó là ứng dụng Uber. Ứng dụng này, hoạt động trên nguyên lý Big Data, cho phép hành khách và tài xế liên hệ với nhau để tự động xác định một mức giá phù hợp nhất mà hành khách phải trả cho tài xế. Đối với mỗi hành trình, Uber thu thập dữ liệu, phân tích chúng để biết được nhu cầu thuê xe ở các khu vực địa lý khác nhau. Công ty này cũng nắm giữ một nguồn dữ liệu lớn về các tài xế tại những nơi mà công ty hoạt động. Khi một hành khách tìm một hành trình, ngay lập tức hành khách này tìm được tài xế phù hợp nhất. Nhờ vào việc thu thập, lưu trữ và phân tích một lượng dữ liệu khổng lồ, Uber tạo ra các thuật toán để kiểm soát được điều kiện giao thông và thời gian đi lại thực tế trong từng thời điểm. Nhờ đó, giá của cuộc hành trình được tính toán dựa trên nhu cầu và thời gian cần thiết cho cuộc hành trình tại thời điểm đó.

Như vậy, trong thời đại của Big Data, một lượng dữ liệu khổng lồ về con người đang được Chính phủ, doanh nghiệp thu thập hằng ngày. Nhưng có một sự thật đáng lo ngại đó là việc thu thập, lưu trữ, sử dụng và chia sẻ lượng dữ liệu khổng lồ này không nằm trong tầm kiểm soát.

Mỗi ngày có 2,5 tỷ Gigabyte dữ liệu được tạo ra bằng cách thu thập từ mọi vật dụng mà cá nhân sử dụng, từ điện thoại di động cho đến thiết bị gia dụng của gia đình. Điều này đã làm mất những gì được coi là thông tin riêng tư của mỗi cá nhân vì tất cả mọi thông tin riêng tư đều có thể bị thu thập mà chính cá nhân đó không hề biết. Việc chia sẻ các thông tin được coi là dữ liệu cá nhân như số thẻ tín dụng, địa chỉ email, số điện thoại, số thẻ bảo hiểm y tế... trên thực tế cũng rất khó kiểm soát. Theo nghiên cứu mới nhất của công ty bảo mật Terbium Labs thì có tới 20% dân số đã bị ảnh hưởng bởi việc vi phạm dữ

---

<sup>57</sup> Số liệu được cung cấp tại Diễn đàn dữ liệu quốc tế *Big Data Innovation Summit 2016* tổ chức tại TP Hồ Chí Minh ngày 27/8/2016. Nguồn: <http://baodautu.vn/doanh-nghiep-viet-nam-ngoai-tren-mo-vang-du-lieu-ma-chua-dung-hieu-qua-d50691.html>.

liệu. Khi một địa chỉ email bị xâm nhập thì người ta tìm thấy thông tin này bị rò rỉ ở hơn 50 nguồn khác nhau.

Ứng dụng công nghệ Big Data, ngành công nghiệp thẻ tín dụng sử dụng các thuật toán để nhằm xác định những người có khả năng và không có khả năng chi trả các hóa đơn của họ. Để tìm ra một khách hàng là người thế nào trong số 15 triệu người được chọn để dự đoán mỗi năm, tất cả các loại dữ liệu về người đó đều được thu thập, từ những khoản tiền đã trả, khoản tiền thu nhập, khoản vay cho đến chi tiêu trong gia đình. Không chỉ lịch sử thanh toán mà những dữ liệu bên lề như tình trạng hôn nhân, tuổi tác, quyền sở hữu xe, các khoản thanh toán được thực hiện cho chiếc xe đó, những loại máy tính và máy ảnh mà người đó sử dụng, và thậm chí cả lịch sử kỳ nghỉ hè mỗi năm của người đó đều được thu thập. Các chuyên gia an ninh mạng cho biết có ít nhất 160 khía cạnh về cá nhân của người được chọn sẽ được thu thập và phân tích để nhà cung cấp quyết định có nên cung cấp thẻ tín dụng cho người đó hay không. Điều này chứng tỏ nhà cung cấp có thể hiểu rõ người đó hơn cả chính những người thân sống hàng ngày bên cạnh người đó.

Tương tự như vậy, một trong những “ông lớn” của ứng dụng tìm kiếm trên Internet là Google cũng sở hữu một lượng khổng lồ dữ liệu cá nhân của mỗi người khi họ tìm kiếm các thông tin cần thiết phục vụ cho công việc và cuộc sống của cá nhân và gia đình.

Trong thời đại ngày nay, khi người ta online hàng ngày, hàng giờ không ngắt, cộng với sự trợ giúp của Big Data, thì việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trở nên một thách thức vô cùng lớn không chỉ cho các chuyên gia bảo mật mà còn cho các nhà làm luật.

### ***(ii) Cloud computing và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:***

Cloud Computing (điện toán đám mây) là một mô hình điện toán sử dụng công nghệ máy tính và phát triển dựa vào Internet. Thuật ngữ “*đám mây*” là một cách nói ẩn dụ nhằm giải thích một cách đơn giản về Cloud Computing, đó là các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ - thay vì nằm tại các máy tính gia đình, máy tính văn phòng, là những máy tính đặt trên mặt đất như truyền thống - thì giờ đây chúng nằm tại các máy chủ ảo (đám mây) trên Internet, để ở bất cứ vị trí địa lý nào mọi người đều có thể kết nối và sử dụng.

Nhờ tính linh động, điện toán đám mây giúp người dùng thoải mái lựa chọn các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của mình, cũng như có thể bỏ bớt những thành phần mà mình không muốn; thay vì bỏ ra một lượng chi phí lớn để đầu tư cho một hệ thống (trong đó có những hệ thống không cần thiết) thì người dùng chỉ việc bỏ ra chi phí để mua những sản phẩm mà họ cần. Điện toán đám mây còn cho phép người sử dụng tiết kiệm chi phí, họ có thể chỉ sử dụng ứng dụng

mà không cần quan tâm tới việc mua và bảo dưỡng máy chủ. Ngoài ra, với điện toán đám mây, phần mềm, dữ liệu được cung cấp trên nền Internet có thể được truy cập và sử dụng từ bất kì đâu, trên bất kì thiết bị nào có kết nối Internet mà không cần phải quan tâm nhiều đến giới hạn phần cứng cũng như vị trí địa lý của người sử dụng. Điều này khiến người dùng trở nên độc lập và chủ động hơn rất nhiều so với các phương thức lưu trữ và sử dụng thông tin truyền thống. Một lợi thế nữa là các dữ liệu trong mô hình điện toán đám mây được lưu trữ phân tán tại nhiều cụm máy chủ ảo đặt tại nhiều vị trí khác nhau (trên đám mây), sẽ bảo đảm tốt hơn sự an toàn của dữ liệu mỗi khi có sự cố hoặc thảm họa xảy ra, ví dụ trường hợp bị hacker tấn công.

Với những ưu điểm và thế mạnh không thể phủ nhận, điện toán đám mây đã trở thành mô hình được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới và sẽ tạo ảnh hưởng đến thói quen, tư duy, thậm chí là văn hóa sống của con người hiện nay.

Theo báo cáo chỉ số đám mây hàng năm vừa được Cisco công bố năm 2016, lưu lượng đám mây toàn cầu được dự báo sẽ đạt 8,6 zettabytes (ZB) vào cuối năm 2019, tăng gấp 4 lần so với 2,1 ZB vào năm 2014. Cũng theo Cisco, hiện nay 73% dữ liệu được lưu trữ trên thiết bị khách hàng tập trung trên PC, nhưng vào năm 2019, 51% dữ liệu này sẽ được chuyển sang các thiết bị không phải là PC như smartphones, tablets v.v... Với dung lượng dữ liệu cá nhân cần lưu trữ ngày càng gia tăng, Cisco dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây cũng sẽ lớn hơn. Ví dụ, vào năm 2017, lượng dữ liệu trên smartphone toàn cầu có thể đạt 201 exa-byte (EB), vượt xa khả năng lưu trữ trên các thiết bị này (179 EB). Điều này sẽ đặt ra nhu cầu sản phẩm lưu trữ thông qua dịch vụ đám mây. Còn đến năm 2019, sẽ có hơn 2 tỷ tương đương 55% người dùng Internet là khách hàng cá nhân sẽ sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây dành cho cá nhân. Theo tính toán của Cisco, trung bình mỗi người dùng sẽ lưu trữ trên đám mây khoảng 1,6 GB/tháng vào năm 2019, tăng từ chỉ có 992 MB/tháng vào năm 2014.

Không nằm ngoài xu thế, Việt Nam đang dần tiếp cận các dịch vụ đám mây và là một trong những nước đầu tiên ở ASEAN đưa vào sử dụng điện toán đám mây và được coi là một thị trường mới nổi đầy tiềm năng. Trong hai năm 2015 - 2016, Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển ngành điện toán đám mây nhanh nhất. Trong nghiên cứu *“Chỉ số sẵn sàng cho Điện toán Đám mây 2016 tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương”* do Hiệp hội Điện toán Đám mây Châu Á thực hiện, Việt Nam hiện đang đứng thứ 14,

xếp ngay sau hai quốc gia có nền công nghiệp phát triển bậc nhất Châu Á là Ấn Độ và Trung Quốc, và bỏ xa các quốc gia khác trong khu vực<sup>58</sup>.

Theo khảo sát gần đây của Symantec, một công ty phần mềm hàng đầu thế giới, hiện có khoảng 46% doanh nghiệp và tổ chức Việt Nam đang triển khai ứng dụng công nghệ điện toán đám mây và các dự án ảo hóa khác. Hầu hết các doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, dầu khí, điện lực,... tại Việt Nam đã sử dụng ảo hóa. Tại nhiều cơ quan nhà nước, ảo hóa cũng đã được ứng dụng rộng rãi, hệ thống Đăng ký kinh doanh Quốc gia được vận hành và quản lý bởi Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã áp dụng ảo hóa để quản lý thông tin đăng ký kinh doanh của hơn 700 ngàn doanh nghiệp tại Việt Nam. Một số cơ quan Chính phủ đã lựa chọn mô hình đám mây riêng hoặc đám mây cộng đồng cho các dự án xây mới trung tâm tích hợp dữ liệu hoặc cho môi trường phát triển/kiểm thử, điển hình như các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông; hoặc các địa phương như Đà Nẵng, Cà Mau, Phú Yên, Bắc Kạn, TP Hồ Chí Minh... cũng đã sử dụng phổ biến các ứng dụng này trong hoạt động của mình, ví dụ, TP Hồ Chí Minh đã sử dụng *Hệ thống Quản trị nguồn nhân lực iHCM* - dựa trên công nghệ đám mây - trong việc quản lý nguồn nhân lực của mình<sup>59</sup>.

Tuy vậy, công nghệ điện toán đám mây cũng bộc lộ những rủi ro, đặc biệt trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Ngoài sự lo ngại về việc bị tấn công gây mất dữ liệu, thì các thông tin người dùng và dữ liệu của họ chứa trên điện toán đám mây liệu có đảm bảo được riêng tư, hoặc các thông tin đó liệu có bị sử dụng vì một mục đích nào khác hay không là một trong những vấn đề rất đáng quan ngại mà người dùng băn khoăn khi sử dụng. Bởi điều này phụ thuộc gần như hoàn toàn vào trách nhiệm, thậm chí là đạo đức nghề nghiệp của nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây trong việc thực hiện những cam kết của họ đối với cá nhân người dùng. Lo ngại này lại càng trở nên quan trọng khi khách hàng sử dụng điện toán đám mây là cá nhân không có nhiều kiến thức và hiểu biết về công nghệ.

### ***(iii) Internet of Thing (IoT) và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:***

Internet of Things (Internet kết nối vạn vật - IoT) là một xu hướng công nghệ mới đang được phát triển rất nhanh chóng làm thay đổi cách sống và phương thức làm việc của con người. Tuy nhiên, cùng với tốc độ phát triển của IoT thì vấn đề an toàn và đảm bảo quyền riêng tư trong IoT là một trong những

---

<sup>58</sup> Nguồn: <http://www.tienphong.vn/cong-nghe/viet-nam-co-toc-do-phat-trien-dien-toan-dam-may-vuot-bac-1075945.tpo>

<sup>59</sup> Số liệu năm 2015, tham khảo từ PH “*Xu hướng điện toán đám mây – từ thế giới đến Việt Nam*”. Nguồn: <http://backan.gov.vn/Pages/tin-tuc-su-kien-215/tin-trong-tinh-289/khoa-hoc-154/xu-huong-dien-toan-dam-may-te-1bfec86e5da61bc6.aspx>.

thách thức đáng lưu tâm của các chuyên gia an toàn thông tin và các nhà hoạch định chính sách.

Trong môi trường IoT, tất cả các thiết bị đều có thể kết nối với nhau qua mạng Internet. Các thiết bị này có thể là điện thoại thông minh, máy pha cà phê, máy giặt, tai nghe, bóng đèn chiếu sáng... có kết nối wifi và khả năng cảm biến. Các thiết bị điện đều có những loại hoặc dấu hiệu riêng biệt của nó, cho phép có thể phân biệt đâu là lò vi sóng, đâu là tủ lạnh; thậm chí phân biệt giữa bóng đèn trong phòng tắm và bóng đèn trong phòng ăn. Thông tin mà các hệ thống này phát hiện ra, có thể rất hữu ích nhưng cũng có thể bị tấn công và lợi dụng. Nó có thể cảnh báo chủ nhà về tình trạng hoạt động và hư hỏng của các thiết bị, mặt khác cũng có thể cung cấp cho những người làm marketing về độ tuổi và chức năng của các thiết bị đó. Những thông tin này cũng có thể được sử dụng để thu thập về tình trạng kinh tế - xã hội của một ngôi nhà hoặc một hộ dân.

Theo dự báo của các chuyên gia, đến năm 2020 sẽ có khoảng 50 tỷ thiết bị, đồ dùng có thể được kết nối Internet theo công nghệ IoT. Lợi ích của IoT mang lại rất lớn đối với người dùng. Hiện nay, IoT được sử dụng phổ biến trong các ứng dụng về theo dõi sức khỏe, nhà thông minh, phát triển xe hơi tự lái...

Với số lượng và cơ cấu dân số đang ở tỷ lệ vàng, Việt Nam là một thị trường rất tiềm năng cho các ứng dụng IoT: nhu cầu sử dụng các thiết bị thông minh từ thế hệ trẻ ngày một tăng; các nhà mạng Việt Nam đã triển khai thử nghiệm thành công mạng 4G; Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã lên kế hoạch cấp phép 4G trong thời gian ngắn sắp tới. Đây là những tín hiệu báo hiệu sự phát triển mạnh mẽ thị trường các ứng dụng IoT trên nền tảng di động ở Việt Nam. Không ít các doanh nghiệp, tổ chức trong nước đã và đang ứng dụng IoT trực tiếp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. VNPT Technology đã phát triển một số ứng dụng IoT trong các lĩnh vực: Quản lý trong giao thông vận tải, trong nông nghiệp, môi trường, ngôi nhà thông minh, theo dõi và chăm sóc sức khỏe trong y tế, vận hành và giám sát trong nhà máy. Cầu Đất Farm - một nông trại ở Đà Lạt - kết nối hệ thống phát triển rau sạch qua hệ thống thông minh và hệ thống IoT của hãng Intel. Hệ thống này tự động kiểm soát độ ẩm, nước, phân bón, kiểm soát chất lượng rau, củ và các điều trồng chè. Trong lĩnh vực giao thông, Công ty DTT Technology hiện đang ứng dụng IoT để triển khai giải pháp kiểm soát xe ở các bến xe và đang thí điểm ở Hải Phòng khá hiệu quả. Công ty FETC phát triển hệ thống thu phí đường bộ tự động ở Việt Nam thông qua hệ thống IoT. Khi xe ô tô lưu thông qua các trạm thu phí, hệ thống sẽ tự động nhận diện và tự động tính phí cho xe.

Có thể thấy, Việt Nam đã bắt nhịp rất nhanh với thế giới trong kỷ nguyên IoT. Nhưng cùng với những lợi ích do IoT mang lại thì nguy cơ mất an toàn thông tin, trong đó có các dữ liệu cá nhân, ngày càng thường trực.

Lượng thông tin về người dùng thu thập được trong IoT là lớn hơn rất nhiều so với Internet truyền thống, thậm chí, có thể dùng chúng để xây dựng được một hồ sơ cá nhân hoàn chỉnh của người dùng. Trong khi đó, đã có rất nhiều nghi ngờ về sự thiếu an toàn và các quy định về an toàn trong IoT. Hầu hết mọi người đều cho rằng quy định hiện hành chưa thể kiểm soát, điều khiển được tính riêng tư trong IoT do sự đa dạng của thiết bị IoT và số lượng lớn các nhà sản xuất. Với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của IoT thì các quy định về đảm bảo tính riêng tư hiện đang chưa theo kịp. Nhất là khi IoT phát triển hướng tới các lĩnh vực y tế và tự động hóa xe cộ thì vấn đề an toàn và quyền riêng tư còn có thể dẫn tới những nguy cơ mang tính vật lý cho người dùng.

Với một người dùng bình thường không có nhiều kiến thức và kinh nghiệm về mặt công nghệ, làm thế nào để có thể biết được một sản phẩm được kết nối với Internet có bảo đảm được dữ liệu cá nhân của mình hay không? Mỗi cá nhân, khi mua hàng hóa, vật dụng mang về, thường họ chỉ đơn giản là cắm điện vào để sử dụng mà thôi. Họ không đủ kiến thức và kinh nghiệm để truy vết được xem các thiết bị smartphone, máy pha cà phê, máy giặt của mình gửi dữ liệu đi đâu, mã hóa tới mức nào, có lộ thông tin cá nhân gì trong đó hay không. Điều nguy hiểm là khi các cảm biến được tích hợp vào những món đồ mà thường ngày mỗi cá nhân sử dụng và tự động ghi lại mọi hoạt động của cá nhân đó (mà có thể họ không hề biết), việc rò rỉ ra ngoài có thể sẽ trở thành thảm họa bởi công nghệ IoT cho phép nhà sản xuất thu thập dữ liệu mọi lúc mọi nơi. Bởi vậy, một báo cáo gần đây của Chính phủ Mỹ đã cảnh báo về khả năng các loại cảm biến và thiết bị đo thông minh qua công nghệ IoT có thể biến ngôi nhà của một người tiêu dùng thành “bể cá” - tức hoàn toàn “trần trụi” hoặc “trong suốt” - trước các công cụ marketing, trước cảnh sát và thậm chí trước cả bọn tội phạm. Bên cạnh những hữu ích lớn, IoT tồn tại những điểm yếu khiến có thể gây nên những tổn thất nặng nề, thậm chí vi phạm quyền riêng tư của người tiêu dùng, ví dụ, các tội phạm có thể điều khiển cả tủ lạnh gửi email độc hại đến hacker, hoặc do thám các gia đình thông qua thiết bị giám sát trẻ em.

Chính vì vậy mà câu hỏi về tính bảo mật của các thiết bị IoT đang là một trong những vấn đề rất được quan tâm hiện nay. Trong khi đó, cả trên bình diện quốc tế lẫn quốc gia, hiện chưa có bất kỳ quy định nào về bảo mật dữ liệu dành cho các thiết bị IoT. Đầu năm 2016, Ủy ban Thương mại Liên bang Mỹ (FTC) đã công bố một báo cáo IoT đưa ra một số gợi ý liên quan đến việc sử dụng dữ liệu của doanh nghiệp sản xuất hoặc cung cấp các vật dụng, đó là “*hạn chế thu thập dữ liệu của người tiêu dùng và giữ thông tin chỉ trong một thời gian nhất định, không phải vô hạn*”.

**(iv) Internet, mạng xã hội, các thiết bị thông minh và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Ngày nay, với nền công nghệ, máy móc phát triển, gần như mọi người có thể mang theo cả thế giới thông tin trong người. Nếu ngày xưa chỉ có những chiếc máy tính để bàn cồng kềnh, hay laptop thì nay là iPad, Tablet, hoặc những điện thoại thông minh như Iphone, Android, Blackberry... cũng có thể xử lý tốt các công việc công sở hằng ngày. Giờ đây, thiết bị di động đã trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực và không thể thiếu đối với mỗi cá nhân. Thiết bị di động hiện nay không chỉ thực hiện một nhiệm vụ nghe gọi mà nó còn chứa các ứng dụng, tài liệu, danh tính, thông tin được lưu trữ, hình ảnh, sở thích, email, thông tin y tế, dữ liệu tài chính, địa chỉ và các thông tin khác về thành viên trong gia đình hoặc người liên quan và hầu hết những thứ này đều cho phép truy cập không hạn chế.

Việc truy cập Internet qua các thiết bị thông minh như smartphone, tablet để vào các mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram... giờ đây đã trở nên quá phổ biến đối với các công dân của thế kỷ XXI. Wifi công cộng - thậm chí là miễn phí - đang được nhân rộng ở khắp nơi làm tăng nguy cơ an ninh thông tin cá nhân (khi truy cập Internet bằng các thiết bị di động). Lợi ích của Wifi miễn phí trên diện rộng là không thể phủ nhận, người sử dụng có thể kết nối Internet một cách thuận tiện mà không phải mất thêm một khoản chi phí nào. Tuy nhiên, sự phát triển quá mạnh mẽ của thiết bị di động cùng với sự thuận tiện của mạng lưới Wifi miễn phí đã đẩy người dùng vào những rủi ro mất an ninh, an toàn thông tin như bị nghe lén, tấn công lừa đảo, bị sử dụng, phát tán dữ liệu cá nhân, bị giả mạo hoặc đánh cắp danh tính; thậm chí có thể gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng tới những thành viên khác trong gia đình hoặc người quen. Vì vậy, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình sử dụng Internet, mạng xã hội qua các thiết bị thông minh đã trở nên một thách thức vô cùng lớn đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách, cả dưới góc độ pháp lý lẫn góc độ kỹ thuật; cả trên phạm vi toàn cầu cũng như tại Việt Nam.

Công nghệ số và Internet tác động vào cuộc sống của con người khiến việc sử dụng chúng ngày càng trở nên phổ biến, kể cả ở các quốc gia đang phát triển chưa có thu nhập cao như Việt Nam. Có tình hình này là do đặc tính quan trọng nhất của cuộc cách mạng thông tin trong thời đại số là chi phí sử dụng thiết bị công nghệ số và Internet ngày càng giảm một cách đáng kể, khiến giới trẻ - những người chưa có thu nhập cao - cũng có thể sở hữu các thiết bị số và truy cập Internet một cách dễ dàng.

Mặc dù Internet xuất hiện muộn tại Việt Nam nhưng Việt Nam lại là quốc gia có tỷ lệ tăng trưởng người dùng Internet thuộc loại cao trên thế giới. Tính đến hết tháng 6 năm 2015, Việt Nam có 45,4 triệu người dùng Internet trên tổng số 91 triệu dân, đạt mức thâm nhập trên tổng dân số là 48%. Với con số này, Việt Nam đứng thứ 6 trong khu vực châu Á về số lượng người dùng Internet và



nằm trong top 20 quốc gia có lượng người dùng Internet cao nhất thế giới. Internet đã nhanh chóng trở nên quen thuộc với đông đảo thanh thiếu niên khiến số lượng giới trẻ sử dụng Internet tăng vọt trong những năm gần đây, nhất là ở các thành phố lớn. Theo kết quả cuộc điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY), nếu năm 2004 mới chỉ có 17,3% thanh thiếu niên Việt Nam sử dụng internet thì đến năm 2013, tỷ lệ này đã tăng vọt, đạt 73%; cuộc điều tra này cũng cho thấy trên 60% thanh thiếu niên truy cập mạng để tán gẫu và chơi game.

Về mạng xã hội Facebook, số lượng người trung bình sử dụng Facebook hàng tháng ở Việt Nam là 30 triệu, chiếm tỷ lệ 33% trên tổng số dân với thời gian truy cập và sử dụng trung bình chiếm hơn 2 giờ/ngày. Một báo cáo khảo sát tình hình trẻ vị thành niên sử dụng Facebook cho thấy, có hơn 97% trẻ đang sử dụng Facebook; và 65% trẻ vị thành niên trong khoảng từ 15–18 tuổi, lứa tuổi học sinh phổ thông, cho rằng “Facebook là một trong những trang giải trí hàng đầu hiện giờ của trẻ vị thành niên”.

Như đã thấy trong các số liệu nêu trên, Việt Nam nằm trong danh sách các quốc gia có độ tăng trưởng mạnh nhất trên thế giới về tốc độ người sử dụng internet và mạng xã hội facebook. Số liệu thống kê cũng cho thấy một tình hình tương tự đối với lượng người dùng smartphone tại Việt Nam. Theo báo cáo khảo sát của TNS/Google 2014, tỷ lệ người trên 16 tuổi sử dụng smartphone tại Việt Nam năm 2014 tăng hơn 70% so với năm 2013; nhóm tuổi từ 16 - 24, là nhóm tuổi ngồi trên ghế nhà trường, có tỷ lệ sử dụng smartphone cao nhất, chiếm tới 58% trong các nhóm tuổi sử dụng smartphone<sup>60</sup>.

Về cách thức sử dụng, báo cáo của Google cũng cho thấy, tính năng nghe và gọi không còn là tính năng được sử dụng nhiều nhất trên smartphone của người dùng tại Việt Nam mà thay vào đó, 71% người dùng Việt Nam sử dụng smartphone để chụp ảnh, 70% dùng để nghe nhạc, 58% để chơi games và 54% để xem tin tức<sup>61</sup>. Việc sử dụng smartphone ở lứa tuổi học trò một cách dễ dàng do giá thành rẻ cùng với cách thức sử dụng thấy được từ con số thống kê nêu trên đặt ra một số vấn đề liên quan đến đạo đức, pháp luật: khi sử dụng thiết bị công nghệ số để chụp ảnh, quay video, người ta rất dễ dàng vi phạm quyền riêng tư của cá nhân; đặc biệt, khi có sự "trợ giúp" của Internet và mạng xã hội facebook, việc vi phạm quyền riêng tư có thể - và đã từng - để lại những hậu quả

---

<sup>60</sup> Xin tham khảo: *Digital Report - Người dùng smartphone và hoạt động quảng cáo trực tuyến*. Nguồn: <http://moore.vn/tin-tuc/digital-report/690/bao-cao-smartphone-nguoi-dung-va-hoat-dong-quang-cao-truc-tuyen.html#>

<sup>61</sup> Xin tham khảo: T. Thùy, *Google: Người Việt Nam chủ yếu dùng smarphone để chụp ảnh*. Nguồn: <http://dantri.com.vn/suc-manh-so/google-nguoi-viet-nam-chu-yeu-dung-smartphone-de-chup-anh-1415799703.htm>

khôn lường<sup>62</sup>. Việc chơi games, nghe nhạc trực tuyến, nếu không có kiến thức và không được hướng dẫn, cũng có thể khiến người chơi, người nghe, trong đó đặc biệt lứa tuổi học trò, đứng trước nguy cơ vi phạm phạm quyền riêng tư.

**(v) Thương mại điện tử và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Cách mạng kỹ thuật số và Internet đem lại nhiều ứng dụng to lớn cho xã hội loài người, trong đó có việc góp phần phát triển hoạt động thương mại. Nhờ những tiến bộ về mặt công nghệ đó, những giao dịch kinh doanh thương mại có thể được thiết lập, thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện mà không phụ thuộc vào yếu tố địa lý. Đó chính là các giao dịch thương mại được thiết lập, thực hiện dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và được gọi là những giao dịch thương mại điện tử.

Thương mại điện tử mang đến rất nhiều lợi ích cho xã hội, ví dụ như tạo ra môi trường để làm việc, mua sắm, giao dịch từ xa nên giảm việc đi lại, ô nhiễm, giảm tai nạn giao thông; giúp nâng cao mức sống của mọi người do nhiều hàng hóa, nhiều nhà cung cấp tạo áp lực giảm giá, tăng khả năng mua sắm của khách hàng; những nước nghèo có thể tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ từ các nước phát triển hơn thông qua Internet và thương mại điện tử... Đối với người tiêu dùng cá nhân, thương mại điện tử cho phép họ mua sắm mọi nơi, mọi lúc đối với các cửa hàng trên khắp thế giới; giúp họ có nhiều lựa chọn hơn vì tiếp cận được nhiều nhà cung cấp hơn với giá thấp hơn và có thể được giao hàng nhanh hơn... Trong bối cảnh hiện nay, ngày càng có nhiều người tiêu dùng sử dụng các phương thức giao dịch mua bán trên các thiết bị viễn thông có kết nối Internet. Tại Úc, có tới 61% người dân mua bán hàng hóa, dịch vụ online, trong đó, 68% là giao dịch nội địa và hơn 20% là giao dịch với các gian hàng nước ngoài.

Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Theo số liệu của Bộ Công Thương năm 2015, gần 100% doanh nghiệp đã tổ chức triển khai ứng dụng thương mại điện tử ở nhiều quy mô và mức độ khác nhau. Việc tham gia hoạt động thương mại điện tử trên mạng xã hội của đại bộ phận doanh nghiệp bán lẻ và người tiêu dùng cùng với việc ứng dụng các giải pháp thương mại điện tử trên nền tảng công nghệ di động cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đã nhanh nhạy bắt kịp các xu hướng mới về thương mại điện tử của thế giới để phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nâng cao năng lực cạnh tranh

---

<sup>62</sup> Xin tham khảo trường hợp nữ sinh 15 tuổi tự tử vì bị bạn trai tung clip sex lên mạng. Nguồn: <http://nld.com.vn/phap-luat/nu-sinh-15-tuoi-uong-thuoc-tu-tu-do-bi-tung-clip-sex-len-mang-2015062023292861.htm>

Ứng dụng thương mại điện tử trong cộng đồng đã trở thành một trào lưu rộng khắp. Năm 2015, giá trị mua hàng trực tuyến của một người ước tính đạt khoảng 160 USD và doanh số thương mại điện tử B2C đạt 4,07 tỷ USD. Tại Việt Nam, việc phát triển và sử dụng các ứng dụng di động trong hoạt động kinh doanh đang trở thành một xu thế mới, nhiều doanh nghiệp đã thích ứng nhanh với các ứng dụng được cài đặt trên các thiết bị điện tử, đặc biệt là các thiết bị di động. Theo kết quả khảo sát năm 2015 của Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin – Bộ Công Thương, giá trị mua hàng của một người mua hàng trực tuyến trong năm ước đạt 160 USD, doanh số thương mại điện tử B2C đạt khoảng 4,07 tỷ USD, tăng 37% so với năm trước đó, chiếm khoảng 2,8% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước<sup>63</sup>.

Trong hoạt động thương mại điện tử, vấn đề bảo đảm an toàn, an ninh thông tin (đặc biệt là thông tin cá nhân và quyền riêng tư khi tham gia giao dịch trên môi trường điện tử nói chung, môi trường Internet nói riêng) là một trong những yếu tố tiên quyết cho thành công của thương mại điện tử.

Khi đăng ký mua hàng qua một trang web, khách hàng phải khai báo số điện thoại, nơi nhận hàng (thường là cơ quan hoặc nhà riêng). Một số trang web khác khi truy cập còn đòi hỏi những thông tin rất “riêng tư” như: thu nhập của bạn bao nhiêu một tháng; nếu định mua ô tô, bạn sẽ chọn loại xe gì... Tất cả những thông tin đó đều thuộc quyền sở hữu cá nhân của khách hàng, nhưng khi đã tiết lộ nó ra ngoài, rất có thể nó sẽ bị lợi dụng để trở thành tài sản của người khác. Đối với các giao dịch online, bên cạnh các thông tin có giá trị kinh tế như thông tin về thẻ tín dụng, tài khoản của người sử dụng thì các thông tin như số điện thoại, email, địa chỉ của người tiêu dùng cũng đang dần trở thành những thứ có giá trị đối với các doanh nghiệp.

Trong thương mại điện tử - lĩnh vực được coi là “thương mại của niềm tin”, việc cam kết bảo vệ các thông tin cá nhân có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của ngành này. Vậy mà thời gian qua, số các vụ vi phạm quyền riêng tư về thông tin cá nhân ngày một nhiều hơn, gây tác động tiêu cực tới tâm lý người tiêu dùng khi tham gia giao dịch điện tử.

Theo số liệu của các cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, từ năm 2001 - 2015 có hơn 100 vụ liên quan đến chính sách thông tin của người tiêu dùng, trong đó, hơn 50 vụ liên quan đến an toàn thông tin của người tiêu dùng và có nhiều vụ liên quan tới các thương hiệu quốc tế lớn như Google, Twitter và Facebook (mỗi vụ việc như vậy liên quan tới hàng trăm nghìn tài khoản của

---

<sup>63</sup> Nguồn: Bộ Công thương - Báo cáo thương mại điện tử năm 2015.

người tiêu dùng)<sup>64</sup>. Các hành vi có dấu hiệu không đảm bảo an toàn thông tin của người tiêu dùng bao gồm: lưu chuyển thông tin người tiêu dùng không có mã hóa; không có biện pháp hạn chế truy cập mạng wifi của công ty; không cảnh báo người tiêu dùng sử dụng mật khẩu có độ bảo mật cao; không sử dụng các công cụ ngăn chặn một cách hợp lý như tường lửa, phần mềm diệt virus. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, vấn đề an toàn thông tin của người tiêu dùng ngày càng trở lên phức tạp do yếu tố các giao dịch xuyên biên giới diễn ra ngày càng nhiều. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng trong việc phối hợp với các cơ quan tại các nước khác nhau nhằm truy vết và điều tra các thông tin liên quan phục vụ cho quá trình giải quyết vụ việc.

Các vấn đề xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong các lĩnh vực thương mại điện tử, viễn thông và an toàn thông tin của người tiêu dùng trong các lĩnh vực này đang là vấn đề mang tính quốc tế, diễn ra đồng thời tại tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh phát triển mở rộng và toàn cầu hóa của dịch vụ viễn thông và thương mại điện tử.

## **2. Yêu cầu hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam**

Dưới góc độ khoa học pháp lý, quyền riêng tư giờ đây đã trở thành một trong những quyền con người quan trọng nhất của thời hiện đại. Nhưng những tiến bộ vượt bậc của công nghệ trong Thế kỷ XXI trên nền tảng của công nghệ kỹ thuật số với sự trợ giúp của Internet và mạng xã hội lại khiến con người hiện đại dường như ngày càng bị mất đi sự riêng tư của mình. Sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, *một mặt*, khiến con người dễ dàng tiếp cận hơn với tri thức và bởi vậy nó thúc đẩy và tạo điều kiện để thực hiện tốt hơn một số quyền cơ bản của con người, như quyền tự do bày tỏ ý kiến...; nhưng *mặt khác*, chính sự tiến bộ của Internet và công nghệ số cũng đã khiến con người trở nên khó khăn hơn trong việc bảo vệ một số quyền của họ, trong đó có quyền riêng tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Tháng 11 năm 2016, Ủy ban Xã hội, Nhân quyền và Văn hóa của Liên Hợp quốc đã thông qua *Nghị quyết về quyền riêng tư trong kỷ nguyên số*<sup>65</sup>. Nghị quyết này được xây dựng trên cơ sở nhận thấy rằng ngày càng nhiều dữ liệu cá nhân được các doanh nghiệp thuộc khu vực tư thu thập, xử lý, và chia sẻ với tốc độ vô cùng lớn; đồng thời Nghị quyết bày tỏ quan ngại về việc các dữ liệu cá nhân này thường xuyên được bán, chia sẻ mà không có sự đồng ý cũng như không thông báo cho cá nhân. Nghị quyết nhấn mạnh hành vi vi phạm và lạm

---

<sup>64</sup> Nguồn: <http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/5562/bao-ve-nguoi-tieu-dung-trong-cac-giao-dich-thuong-mai-dien-tu.aspx>

<sup>65</sup> *The right to privacy in the digital age.*

Nguồn: [http://www.un.org/ga/search/view\\_doc.asp?symbol=A/C.3/71/L.39/Rev.1](http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/C.3/71/L.39/Rev.1)

dụng quyền riêng tư ngày càng ảnh hưởng đến cá nhân và có tác động đặc biệt đến các đối tượng là phụ nữ, trẻ em, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương hoặc bị thiệt thòi. Nghị quyết khuyến cáo các quốc gia trong việc tăng cường công tác phòng chống và có biện pháp trừng phạt đối với những hành vi vi phạm và lạm dụng quyền riêng tư từ khu vực các tổ chức tư nhân.

Mặc dù Nhà nước đã có những nỗ lực rất lớn trong việc bảo vệ các quyền của cá nhân, nhưng các quyền đó luôn có nguy cơ bị xâm phạm. Đặt trong bối cảnh công nghệ thông tin và môi trường mạng ngày càng phát triển nhanh chóng như hiện nay, với tình trạng thông tin/dữ liệu cá nhân ngày càng tràn lan và khó kiểm soát bởi chính chủ dữ liệu và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, nhiều quốc gia đã xác định thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân là tài sản quan trọng cần được bảo vệ và đặt ra các cơ chế để bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ thông tin cá nhân/quyền bí mật dữ liệu cá nhân của công dân, tổ chức.

Ở Việt Nam, việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng là phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Nhà nước cần tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Mỗi công dân đều có quyền được Nhà nước bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân, đồng thời phải tôn trọng quyền của người khác. Mọi hành vi xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều phải được xử lý nghiêm minh.

Trên cơ sở những hạn chế, vướng mắc, bất cập về tình trạng pháp luật và thực thi pháp luật về bảo vệ, bảo đảm thông tin/dữ liệu cá nhân ở Việt Nam cho thấy việc nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân là hết sức cần thiết.

Một số yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân là:

*Thứ nhất*, cần nghiên cứu một cách toàn diện, tổng thể các vấn đề lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế để xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân một cách đầy đủ và hiệu quả. Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền này bao gồm các yếu tố về mặt thể chế, thiết chế và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền. Ba yếu tố chính này có mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ với nhau.

*Thứ hai*, tiếp tục nghiên cứu luật hoá các quyền hiến định của công dân, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước. Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo hướng quy định rõ nội hàm và phạm vi của quyền bí mật dữ liệu cá nhân

nhân; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện quyền này.

*Thứ ba*, cần chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết cho việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực thi pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam. Tiếp tục củng cố cơ sở pháp lý về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, ban hành kịp thời, đồng bộ và tổ chức thực thi các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quyền con người, quyền công dân nói chung và về quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

*Thứ tư*, hoàn thiện pháp luật về quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền giám sát, kiểm tra của công dân đối với hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức nói chung và hoạt động bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng. Tạo cơ chế, điều kiện cho người dân tham gia thực chất vào hoạt động quản lý nhà nước, từ việc tham gia ý kiến trong giai đoạn xây dựng chính sách, pháp luật đến việc tham gia giám sát cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện pháp luật và các điều kiện bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của công dân, cải thiện tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và người dân; tạo điều kiện cho mọi người dân thực hiện các quyền của mình; duy trì, bảo đảm kỷ cương, trật tự công cộng, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi xâm phạm quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

## **II. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

### **1. Hoàn thiện thể chế về bảo vệ dữ liệu cá nhân**

#### ***1.1. Định hướng cho việc hoàn thiện thể chế về bảo vệ dữ liệu cá nhân***

Hoàn thiện thể chế về bảo vệ dữ liệu cá nhân là một trong những yếu tố trước hết và then chốt cho việc xây dựng cơ chế hữu hiệu bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm pháp luật nước ngoài về bảo vệ dữ liệu cá nhân, có thể rút ra một số định hướng cơ bản cho việc hoàn thiện thể chế về bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, ở một số nước, Hiến pháp là đạo luật có giá trị tối cao ghi nhận quyền bí mật dữ liệu cá nhân như là một trong những quyền cơ bản của con người, vì vậy, cần tiếp tục ghi nhận quyền này trong Hiến pháp nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm thực hiện quyền.

*Thứ hai*, nhiều quốc gia đã ban hành luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc đang trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, do đó Việt Nam cũng cần

nghiên cứu và xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm tạo cơ sở pháp lý và cơ chế hữu hiệu bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, từ đó góp phần bảo đảm quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp. Từ kinh nghiệm của các quốc gia, khi xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân cần bảo đảm ghi nhận, công nhận quyền đối với thông tin/dữ liệu cá nhân của tất cả mọi người, bảo đảm nguyên tắc xử lý dữ liệu cá nhân phải minh bạch; quy định về xử lý dữ liệu cá nhân; thiết lập cơ quan độc lập cấp quốc gia để bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân.

Về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, pháp luật các nước thường quy định rõ quyền và nghĩa vụ của chủ dữ liệu và của các chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân (bao gồm các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ và các tổ chức cá nhân khác theo quy định của pháp luật như người giám hộ, bên thứ ba...). Pháp luật các nước cũng quy định cụ thể các yêu cầu để các hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân được diễn ra; các trường hợp ngoại lệ (như vì lợi ích công cộng, an ninh quốc gia, trường hợp khẩn cấp hoặc theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền); việc áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để đảm bảo tính bí mật của dữ liệu cá nhân; chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba thông qua các hợp đồng...

Về chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân, tùy mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm mà các biện pháp chế tài được áp dụng (xử phạt hành chính, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hình sự) đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân của người khác.

Dựa trên kinh nghiệm pháp luật của các nước, Việt Nam có thể nghiên cứu để xây dựng các nội dung cơ bản của luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam.

*Thứ ba*, xuất phát từ quy định của pháp luật quốc tế và từ kinh nghiệm của các nước, ngoài việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của Hiến pháp, luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu cá nhân, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan để tạo ra cơ chế đồng bộ bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cụ thể như: các văn bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động của cơ quan nhà nước; các văn bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động kinh doanh dịch vụ; các biện pháp chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân...

*Thứ tư*, cần xác định rõ giới hạn của đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong mối quan hệ với các văn bản pháp luật chuyên ngành. Việc xác định giới hạn nhằm tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân chỉ điều chỉnh hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân của khu vực tư nhân mà

không điều chỉnh hoạt động của khối các cơ quan nhà nước. Hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân của khối cơ quan nhà nước chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chuyên ngành. Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân của các quốc gia cũng thường chỉ được áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức mang quốc tịch quốc gia hoặc có nơi cư trú hoặc trụ sở trên lãnh thổ quốc gia và các hoạt động liên quan đến dữ liệu cá nhân diễn ra trong lãnh thổ quốc gia.

## ***1.2. Xây dựng một đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân***

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm các nước (các đạo luật về dữ liệu cá nhân), nghiên cứu thực tiễn Việt Nam và rà soát hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, chúng tôi cho rằng việc bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân ở Việt Nam cần thiết phải được điều chỉnh bởi luật. Hơn nữa, để thực thi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì việc ban hành một đạo luật riêng về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân là cần thiết và sẽ phù hợp hơn là việc nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung các đạo luật có liên quan (ví dụ: Luật về an toàn thông tin mạng...). Một đạo luật riêng với đầy đủ các quy định cần thiết sẽ tạo nên một cơ chế pháp lý chặt chẽ để ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm đối với quyền bảo vệ thông tin cá nhân cần phải có những nội dung được nêu dưới đây. Cụ thể, **Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân** cần điều chỉnh một số vấn đề cơ bản sau:

**(1) Quy định những khái niệm cơ bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân**, ví dụ như: khái niệm “*thông tin cá nhân*” là những thông tin về một người có thể xác định, bao gồm: thông tin liên quan đến chủng tộc, giới tính, tình trạng mang thai, tình trạng hôn nhân, xu hướng tính dục, độ tuổi, tình trạng sức khỏe về thể chất và tâm thần, tài sản, tình trạng khuyết tật, tôn giáo, niềm tin, tín ngưỡng, văn hóa, ngôn ngữ, năm sinh, nghề nghiệp, thông tin liên quan đến những giao dịch về tài chính đã thực hiện, số chứng minh, địa chỉ, dấu vân tay, loại máu...

Khái niệm “*dữ liệu cá nhân*” có thể định nghĩa là bất kỳ thông tin liên quan đến một thể nhân/cá nhân xác định hay có thể xác định được, một cách trực tiếp hay gián tiếp, không phụ thuộc vào cách thức thu thập hay xử lý các dữ liệu, thông qua một số định danh hay một hoặc nhiều yếu tố riêng thuộc về người này (để khẳng định xem một người có thể xác định được hay không, cần phải xem xét toàn bộ các cách thức cho phép xác định ra người này mà người chịu trách nhiệm về việc xử lý hay bất kỳ người nào khác có được hay có thể tiếp cận được).

Khái niệm “*xử lý dữ liệu*” có thể giải thích là thu thập, sản xuất, ghi âm, lưu trữ, lưu giữ, bổ sung, chỉnh sửa, sửa chữa, phục hồi, sử dụng, cung cấp, tiết lộ và phá hủy thông tin cá nhân và các hoạt động tương tự khác. Xử lý thông tin cá nhân là mọi hoạt động hay mọi tập hợp hoạt động liên quan đến những dữ



liệu này, dù sử dụng quy trình xử lý nào, đặc biệt là thu thập, ghi lại, tổ chức, bảo quản, chỉnh sửa hay sửa đổi, sao trích, tra cứu, sử dụng, truyền thông qua chuyên tải, phát tán hay mọi hình thức cung cấp, truy cập, cũng như chặn, xóa hay phá hủy (các khái niệm này dựa trên tham khảo các đạo luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân của Pháp, Ba Lan, Hàn Quốc).

Về khái niệm “*quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân*” có thể hiểu là quyền của cá nhân được thực hiện hoặc yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng, bảo vệ và thực hiện các biện pháp cụ thể để bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình trước các hành vi xâm phạm...

**(2) Xác định rõ chủ dữ liệu** là các thể nhân có thể nhận diện bởi các thông tin được xử lý; trách nhiệm của người xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân, người nhận thông tin/dữ liệu cá nhân - những cơ quan có thẩm quyền được pháp luật cho phép, trong khuôn khổ của một nhiệm vụ đặc biệt hay khi thực thi quyền thông tin; bên quản lý dữ liệu - cơ quan, đơn vị tổ chức, cơ sở hoặc người có thẩm quyền được pháp luật quy định quyết định về mục đích và phương tiện của việc xử lý dữ liệu cá nhân; bên nhận dữ liệu là bất kỳ người nào mà dữ liệu được công bố, bao gồm các đối tượng của dữ liệu, người có thẩm quyền thực hiện xử lý dữ liệu, cơ quan, người có thẩm quyền quy định bởi pháp luật.

**(3) Xác định các nguyên tắc tối thiểu bảo vệ dữ liệu cá nhân** như: mọi công dân đều bình đẳng trong việc bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân; thông tin/dữ liệu cá nhân phải được bảo vệ kịp thời; việc hạn chế quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân phải do luật định và trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; bảo đảm trình tự, thủ tục bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân thuận lợi cho công dân; xác định rõ trách nhiệm bảo vệ thông tin của cơ quan nhà nước; việc thực hiện quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc; quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; việc xử lý các thông tin cá nhân được thực hiện một cách minh bạch và trong sự tôn trọng nghiêm ngặt đối với quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quyền cơ bản của con người.

**(4) Xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân** như: (i) có biện pháp ngăn chặn hậu quả có hại từ việc thu thập ngoài mục đích, xâm phạm và lạm dụng thông tin cá nhân, tránh việc giám sát và theo dõi một cách không hệ thống để nâng cao phẩm giá con người và sự riêng tư cá nhân; (ii) có các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của chủ dữ liệu; (iii) có trách nhiệm tôn trọng, thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động bảo vệ dữ liệu tự quản của bên xử lý thông tin cá nhân để cải thiện các thực tiễn không phù hợp liên quan đến việc xử lý thông tin cá nhân; (iv) người đứng đầu cơ quan, tổ chức (nhà nước và tư nhân;

tổ chức sự nghiệp dịch vụ công/doanh nghiệp), những người nắm giữ hay sử dụng các dữ liệu cá nhân phải thực hiện mọi biện pháp để bảo vệ dữ liệu cá nhân.

**(5) Quy định các biện pháp ngăn chặn các hành vi xâm hại đến quyền bí mật dữ liệu cá nhân** như: cố ý hạn chế quyền bí mật dữ liệu cá nhân của công dân mà không vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; cố ý công khai thông tin, dữ liệu cá nhân mà không phải vì lợi ích công cộng; trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân mà tiết lộ nguồn gốc chủng tộc hoặc dân tộc, quan điểm chính trị, tôn giáo hay triết học, thành viên đảng phái hay công đoàn, cũng như các dữ liệu liên quan đến sức khỏe, mã di truyền, chứng nghiện hay đời sống tình dục và dữ liệu liên quan đến bản án, quyết định về hình phạt, tiền phạt và các quyết định khác do tòa án ban hành hoặc các thủ tục tố tụng hành chính...; thu thập thông tin cá nhân hoặc có được sự đồng ý để xử lý thông tin cá nhân một cách gian lận, không đúng đắn, không lành mạnh; làm rò rỉ thông tin cá nhân thu được trong quá trình kinh doanh, hoặc cung cấp cho người khác mà không có thẩm quyền hoặc gây thiệt hại, phá hủy, thay đổi, giả mạo hoặc rò rỉ thông tin cá nhân người khác mà không được pháp luật cho phép.

**(6) Quy định cụ thể quyền của công dân đối với thông tin/dữ liệu cá nhân:** chủ dữ liệu cần được pháp luật trao các quyền sau đây: (i) quyền được thông báo về việc xử lý các thông tin/dữ liệu cá nhân của mình; (ii) quyền đồng ý hay không đồng ý và đưa ra phạm vi xử lý thông tin cá nhân của mình; (iii) quyền xác nhận việc xử lý các thông tin cá nhân và yêu cầu tiếp cận thông tin cá nhân của mình; (iv) quyền yêu cầu đình chỉ việc xử lý, sửa đổi, xóa và tiêu hủy thông tin cá nhân của mình; (v) quyền được bồi thường thích đáng một cách nhanh chóng và công bằng cho bất kỳ thiệt hại phát sinh từ quá trình xử lý thông tin; (vi) quyền kiểm soát quá trình xử lý dữ liệu cá nhân của mình trong hệ thống dữ liệu (bao gồm được thông tin chi tiết về việc tồn tại của hệ thống dữ liệu và các thông tin của bên quản lý dữ liệu về tên, địa chỉ; được thông báo về mục đích, phạm vi và các phương tiện xử lý các dữ liệu trong hệ thống; được thông báo khi dữ liệu cá nhân của mình được xử lý và được thông báo về nội dung của dữ liệu; được thông tin về nguồn gốc của dữ liệu cá nhân của mình, trừ khi bên quản lý dữ liệu có nghĩa vụ giữ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công tác; được thông tin về các phương tiện công bố dữ liệu và về bên nhận dữ liệu; yêu cầu các dữ liệu được hoàn thiện, cập nhật, sửa đổi, đình chỉ hoặc xóa bỏ một cách tạm thời hoặc vĩnh viễn trong trường hợp dữ liệu không hoàn chỉnh, lỗi thời, không đúng sự thật hoặc thu thập do việc vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích khi được thu thập; yêu cầu ngăn chặn quá trình xử lý dữ liệu của mình; phản đối việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình nếu bên quản lý dữ liệu có ý định xử lý các dữ liệu cho các mục đích

tiếp thị hoặc phản đối việc chuyển giao dữ liệu cho bên quản lý dữ liệu khác; yêu cầu bên quản lý dữ liệu xem xét lại vụ việc cá nhân được xử lý trái với quy định của pháp luật (lưu ý có ngoại lệ là trong trường hợp xử lý dữ liệu cho mục đích khoa học, giảng dạy, lịch sử, thống kê, lưu trữ, bên quản lý dữ liệu có thể không cần thông báo cho các chủ dữ liệu về việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình, nếu việc cung cấp các thông tin đó quá tốn kém về thời gian, tài chính và công sức so với tầm quan trọng của việc cung cấp thông tin).

Theo đó, Luật cần quy định các nhóm quyền sau của công dân đối với thông tin/dữ liệu cá nhân của mình, cụ thể:

- *Quyền được tiếp cận thông tin/dữ liệu cá nhân của mình*: Các đối tượng/chủ thể của dữ liệu có thể yêu cầu tiếp cận thông tin/dữ liệu cá nhân của mình với bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân. Bên xử lý dữ liệu chỉ từ chối việc cung cấp thông tin cho chủ dữ liệu sau khi đã thông báo cho chủ dữ liệu lý do: (i) việc tiếp cận thông tin/dữ liệu cá nhân bị cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật; (ii) việc tiếp cận thông tin/dữ liệu cá nhân có thể gây thiệt hại cho tính mạng hoặc thân thể của người khác hoặc vi phạm quyền tài sản và các quyền lợi khác của người khác; (iii) hoặc việc tiếp cận thông tin cá nhân có thể khiến các cơ quan, tổ chức gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc thực hiện việc áp thuế, thu thuế hoặc trả nợ thuế; đánh giá về thành tích học tập hoặc việc nhập học tại các trường, cơ sở giáo dục; thử nghiệm và kiểm tra trình độ năng lực học tập, năng lực kỹ thuật và việc làm; đánh giá thường xuyên hoặc ra quyết định liên quan đến bồi thường hoặc cấp đánh giá; kiểm toán và kiểm tra đang được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về các thông tin/dữ liệu cá nhân được tiếp cận, theo kinh nghiệm các nước, các thông tin/dữ liệu cá nhân sau đây có thể tiếp cận: thông tin đã được công bố công khai; thông tin cần phải công khai nhằm bảo vệ cuộc sống, sức khỏe, tài sản hoặc nghề nghiệp của một người; thông tin mà cá nhân đó đã chấp nhận cung cấp thông tin bằng văn bản gửi tới cơ quan có thẩm quyền; thông tin về tình trạng sức khỏe thể chất, tinh thần của một cá nhân mà đang được người yêu cầu cung cấp thông tin chăm sóc; thông tin về một cá nhân đã chết và người yêu cầu cung cấp thông tin là con cháu của người đó hoặc có sự đồng ý của con cháu của người đã chết; thông tin liên quan tới vị trí hoặc chức năng của một cá nhân là một quan chức (bao gồm: chức danh, địa chỉ văn phòng, số điện thoại công sở và những thông tin cụ thể tương tự của cá nhân; cấp bậc, mức lương hoặc phụ cấp và trách nhiệm, công việc của cá nhân đó đang làm và tên của cá nhân trên hồ sơ làm việc); thông tin được cung cấp theo yêu cầu và theo quy định của pháp luật; thông tin/dữ liệu cá nhân được cung cấp để sử dụng theo mục đích được yêu cầu.

- *Quyền sửa hoặc xóa thông tin/dữ liệu cá nhân*: Chủ dữ liệu có quyền truy cập vào các thông tin cá nhân của mình đồng thời cũng có quyền yêu cầu bên xử lý thông tin cá nhân sửa chữa hoặc xóa các thông tin cá nhân, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Khi nhận được yêu cầu từ các chủ dữ liệu, bên xử lý thông tin cá nhân phải điều tra các thông tin cá nhân được yêu cầu và có biện pháp cần thiết để sửa chữa hoặc xóa theo yêu cầu của các chủ dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Bên xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm thông báo cho các chủ dữ liệu có liên quan kết quả xử lý thông tin cá nhân. Bên xử lý thông tin cá nhân phải có biện pháp để tránh việc phục hồi các thông tin cá nhân trong trường hợp xóa dữ liệu. Khi có yêu cầu của chủ dữ liệu, bên xử lý thông tin cá nhân phải thông báo cho các chủ dữ liệu có liên quan nội dung yêu cầu một cách không chậm trễ. Khi điều tra các thông tin/dữ liệu cá nhân được yêu cầu, bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân, nếu cần thiết, có thể yêu cầu các chủ dữ liệu có liên quan đưa ra bằng chứng để xác nhận việc cần thiết phải sửa và xóa bỏ các dữ liệu cá nhân.

- *Quyền yêu cầu đình chỉ việc xử lý thông tin cá nhân*: Các chủ dữ liệu có quyền yêu cầu bên xử lý dữ liệu cá nhân đình chỉ việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình. Trong trường hợp này, nếu bên xử lý dữ liệu cá nhân là các tổ chức công, thì chỉ các dữ liệu cá nhân chứa trong các hồ sơ dữ liệu cá nhân được đăng ký mới có thể được yêu cầu đình chỉ xử lý. Khi nhận được yêu cầu, bên xử lý dữ liệu cá nhân phải đình chỉ xử lý ngay toàn bộ hoặc một phần dữ liệu cá nhân theo yêu cầu của các chủ dữ liệu.

Trong các trường hợp sau, bên xử lý dữ liệu cá nhân có thể từ chối yêu cầu của chủ dữ liệu đối với việc đình chỉ việc xử lý dữ liệu cá nhân: (i) trường hợp được pháp luật quy định cụ thể hoặc cần giám sát các nghĩa vụ theo pháp luật; (ii) trường hợp có thể có thể gây thiệt hại cho tính mạng hoặc thân thể của người khác, hoặc vi phạm tài sản và các quyền lợi khác của người khác; (iii) trường hợp tổ chức công không thể thực hiện công việc của mình như quy định nếu không xử lý các thông tin cá nhân đó; (iv) trường hợp các chủ dữ liệu không thể hiện một cách rõ ràng việc chấm dứt hợp đồng và nếu không xử lý các thông tin cá nhân đó thì việc thực hiện hợp đồng sẽ gặp khó khăn (ví dụ như cung cấp các dịch vụ theo thoả thuận với chủ dữ liệu). Cần lưu ý là khi từ chối các yêu cầu, bên xử lý dữ liệu cá nhân phải thông báo cho các chủ dữ liệu lý do một cách không chậm trễ; bên xử lý dữ liệu cá nhân cũng phải có ngay biện pháp cần thiết (trong đó có biện pháp hủy dữ liệu cá nhân có liên quan khi đình chỉ việc xử lý dữ liệu cá nhân theo yêu cầu của các chủ dữ liệu...).

- *Quyền của chủ dữ liệu đối với dữ liệu cá nhân*: Các chủ dữ liệu có thể ủy quyền cho luật sư của mình thực hiện việc tiếp cận thông tin, sửa hoặc xóa thông tin, dữ liệu cá nhân thực hiện yêu cầu đình chỉ việc xử lý dữ liệu bằng văn

bản hoặc bằng hình thức và thủ tục theo quy định của pháp luật. Bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị và công khai cho các chủ dữ liệu biết các phương pháp và thủ tục cụ thể cho phép các chủ dữ liệu thực hiện yêu cầu. Bên xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị và hướng dẫn thủ tục cần thiết cho các chủ dữ liệu để khiếu nại về việc từ chối thực hiện yêu cầu của mình.

**(7) Quy định rõ các nghĩa vụ của công dân đối với thông tin/dữ liệu cá nhân:** ví dụ, không được thu thập dữ liệu cá nhân trái pháp luật; thu thập dữ liệu cá nhân mà không được sự đồng ý của chủ dữ liệu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ dữ liệu; cài đặt và vận hành các thiết bị xử lý dữ liệu hình ảnh mà vi phạm quy định của pháp luật.

**(8) Quy định nghĩa vụ của bên xử lý dữ liệu cá nhân:** Một số nghĩa vụ điển hình được ghi nhận trong đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của nhiều quốc gia như: nghĩa vụ thông báo cho các chủ dữ liệu các thông tin cần thiết; hủy các thông tin cá nhân theo quy định; thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo sự an toàn của thông tin; cài đặt và vận hành các thiết bị xử lý dữ liệu hình ảnh; tạo điều kiện cho chủ dữ liệu được tiếp cận dữ liệu cá nhân; thực hiện các biện pháp cần thiết để sửa đổi hay khắc phục vi phạm; thực hiện biện pháp cần thiết bao gồm việc hủy dữ liệu cá nhân đã bị đình chỉ xử lý; lưu trữ và quản lý thông tin cá nhân riêng rẽ; thực hiện các biện pháp cần thiết trong đó có việc đăng thông báo, thông báo cho các chủ dữ liệu về việc chuyển giao dữ liệu cá nhân.

**(9) Quy định về xử lý dữ liệu cá nhân:** Kinh nghiệm pháp luật các nước cho thấy, việc xử lý các dữ liệu chỉ được phép nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: các đối tượng của dữ liệu đã đồng ý, trừ khi quá trình xử lý bao gồm việc xóa các dữ liệu cá nhân; việc xử lý là cần thiết cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ một quy định pháp lý/việc thực hiện hợp đồng mà các đối tượng của dữ liệu là một bên hoặc để thực hiện các bước theo yêu cầu trước khi ký hợp đồng của các chủ dữ liệu/việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và thực hiện vì lợi ích công cộng/cho lợi ích hợp pháp mà bên quản lý dữ liệu hoặc người nhận dữ liệu theo đuổi, với điều kiện việc xử lý dữ liệu không vi phạm các quyền và tự do của chủ dữ liệu.

Trong trường hợp dữ liệu cá nhân được thu thập từ các chủ dữ liệu, bên quản lý dữ liệu có nghĩa vụ cung cấp cho chủ dữ liệu các thông tin sau: địa chỉ và tên đầy đủ của đơn vị quản lý dữ liệu (còn trong trường hợp bên quản lý dữ liệu là một thể nhân thì phải thông báo về địa chỉ cư trú và tên đầy đủ của thể nhân đó); mục đích của việc thu thập dữ liệu, bên nhận hoặc các nhóm bên nhận dữ liệu (nếu biết) tại thời điểm thu thập; quyền tiếp cận dữ liệu của chủ dữ liệu và quyền chỉnh sửa những dữ liệu này.

Bên quản lý dữ liệu phải từ chối cho phép tiếp cận vào các dữ liệu cá nhân nếu việc cho phép đó có thể dẫn đến một trong các trường hợp sau đây: Tiết lộ bí mật nhà nước; gây ra mối đe dọa cho quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây ra mối đe dọa đến lợi ích kinh tế hoặc tài chính nền tảng của nhà nước; dẫn đến sự vi phạm đáng kể của lợi ích cá nhân của các chủ dữ liệu hoặc những người khác.

Pháp luật cũng cần quy định thật rõ ràng, chi tiết về các điều kiện xử lý dữ liệu cá nhân, mà theo thông lệ các nước, việc xử lý dữ liệu cá nhân được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Các chủ dữ liệu đã đồng ý bằng văn bản, trừ việc xử lý là xóa các dữ liệu cá nhân;

- Các quy định cụ thể của pháp luật có quy định về quá trình xử lý dữ liệu mà không có sự đồng ý của đối tượng của dữ liệu nhưng có cung cấp các biện pháp bảo vệ thích hợp;

- Việc xử lý là cần thiết để bảo vệ các lợi ích sống còn của các chủ dữ liệu hoặc của người khác trong trường hợp đối tượng của dữ liệu không có khả năng về mặt thể chất hoặc pháp lý đưa ra sự đồng ý cho đến khi có người giám hộ hoặc bảo hộ;

- Việc xử lý là cần thiết theo các mục tiêu pháp luật cho phép của các nhà thờ và các đoàn thể, các hiệp hội, các tổ chức tôn giáo, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức có mục tiêu chính trị, khoa học, tôn giáo, triết học, hoặc công đoàn và với điều kiện việc xử lý chỉ liên quan đến các thành viên của các tổ chức đó hoặc những người có liên lạc thường xuyên với họ trong các hoạt động của họ và phải tuân theo các biện pháp bảo vệ thích hợp đối với các dữ liệu được xử lý;

- Việc xử lý dữ liệu là cần thiết về mặt pháp lý;

- Việc xử lý là cần thiết cho việc thực hiện các nghĩa vụ của bên quản lý dữ liệu liên quan đến việc tuyển dụng nhân viên, người lao động của bên quản lý dữ liệu, phạm vi xử lý phải theo quy định của pháp luật;

- Việc xử lý là cần thiết cho mục đích y tế dự phòng và cung cấp các dịch vụ chăm sóc hoặc điều trị, khi dữ liệu được xử lý bởi một chuyên gia y tế tham gia vào điều trị, chăm sóc sức khỏe hoặc quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phải có các biện pháp bảo vệ thích hợp;

- Việc xử lý liên quan đến những dữ liệu đã được công bố công khai bởi chính đối tượng của dữ liệu;

- Khi cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu khoa học (ví dụ: việc chuẩn bị một luận án/luận văn để tốt nghiệp đại học hoặc nhận một bằng cấp; kết quả

nghiên cứu khoa học sẽ không được công bố nếu các đối tượng của dữ liệu có thể bị xác định);

- Việc xử lý dữ liệu được thực hiện bởi một bên để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các quyết định của tòa án hoặc từ thủ tục tố tụng hành chính;

- Việc xử lý tự động những dữ liệu gen, ngoại trừ những hoạt động xử lý do các bác sĩ và kỹ thuật viên sinh học tiến hành nội bộ để phục vụ cho y tế dự phòng, chuẩn đoán y học hay quản lý chăm sóc khám chữa bệnh hay điều dưỡng;

- Việc xử lý, tự động và không tự động, các dữ liệu liên quan đến tội phạm, kết tội hay các biện pháp an toàn, trừ những hoạt động xử lý do các bộ trợ viên tư pháp thực hiện cần thiết cho công việc bảo vệ những cá nhân liên quan;

- Việc xử lý tự động, do bản chất, do tâm cỡ hay mục đích, làm các cá nhân bị mất quyền, lợi ích mà chưa được pháp luật quy định;

- Việc xử lý có mục tiêu liên kết các tệp tin thuộc một hay nhiều pháp nhân quản lý một dịch vụ công và các mục đích tương ứng với các lợi ích công khác nhau hoặc liên kết các tệp tin thuộc những cá nhân khác mà các mục đích chính khác nhau;

- Việc xử lý các dữ liệu trong đó có hiện số đăng ký của các cá nhân trên danh mục quốc gia về nhân thân các thể nhân và những hoạt động xử lý cần đến danh mục này mà không đưa số đăng ký trên danh mục của các cá nhân;

- Việc xử lý tự động các dữ liệu bao gồm những đánh giá về các khó khăn xã hội của các cá nhân;

- Việc xử lý tự động bao gồm các dữ liệu sinh trắc học cần thiết cho kiểm tra nhân thân của các cá nhân.

Quy định về quy trình, trách nhiệm của các chủ thể khi thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân như: Khi bên xử lý dữ liệu cá nhân thu thập dữ liệu cá nhân từ các nguồn khác mà không phải từ chủ dữ liệu, thì phải ngay lập tức thông báo cho chủ dữ liệu các thông tin dưới đây theo yêu cầu của chủ dữ liệu: nguồn gốc của dữ liệu cá nhân được thu thập; mục đích của việc xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân; quyền yêu cầu đình chỉ việc xử lý dữ liệu cá nhân của chủ dữ liệu. Nếu việc thông báo rõ ràng vượt quá so với sự cần thiết đối với các quyền của chủ dữ liệu, thì trong trường hợp sau đây sẽ không áp dụng: trường hợp dữ liệu cá nhân là đối tượng của yêu cầu thông báo, có trong các hồ sơ thông tin cá nhân hoặc trường hợp việc thông báo đó có khả năng gây nguy hại cho tính mạng hoặc thân thể của người khác, hoặc thiệt hại cho tài sản và lợi ích khác của người khác.

Trong trường hợp các dữ liệu không được thu thập từ các chủ dữ liệu, ngay lập tức sau khi nhập dữ liệu cá nhân của người đó, bên quản lý dữ liệu có nghĩa vụ cung cấp cho họ các thông tin sau: địa chỉ và tên đầy đủ của đơn vị quản lý dữ liệu (trong trường hợp là bên quản lý dữ liệu là một thể nhân thì phải thông báo về địa chỉ cư trú và tên đầy đủ của thể nhân đó); mục đích của việc thu thập dữ liệu và bên nhận dữ liệu; nguồn dữ liệu; quyền tiếp cận dữ liệu của chủ dữ liệu đối với dữ liệu của mình và quyền chỉnh sửa những dữ liệu này.

**(10) Quy định về thu thập và sử dụng thông tin/dữ liệu cá nhân**, xác định rõ bên xử lý thông tin cá nhân có thể thu thập thông tin/dữ liệu cá nhân trong các trường hợp sau đây: Có sự đồng ý từ các chủ dữ liệu; theo quy định của pháp luật hoặc việc thu thập là bắt buộc để giám sát các nghĩa vụ pháp lý; việc thu thập là bắt buộc để các cơ quan nhà nước có thể thực hiện công việc thuộc thẩm quyền của mình theo quy định pháp luật; việc thu thập là cần thiết để thực hiện hợp đồng với các chủ dữ liệu; trong trường hợp xét thấy cần thiết để bảo vệ tính mạng, thân thể, lợi ích kinh tế của chủ dữ liệu hoặc một bên thứ ba từ nguy hiểm sắp xảy ra, trong trường hợp các chủ dữ liệu hoặc đại diện hợp pháp của người đó không thể thể hiện ý chí hoặc không thể có được sự đồng ý trước của họ do không có địa chỉ rõ ràng; trường hợp cần thiết để đạt được lợi ích chính đáng của bên xử lý thông tin cá nhân, mà rõ ràng lợi ích đó cấp thiết hơn hẳn lợi ích của chủ dữ liệu. Việc thu thập chỉ được thực hiện trong điều kiện có mối quan hệ với lợi ích chính đáng của bên xử lý thông tin cá nhân và việc thu thập là không vượt quá giới hạn.

**(11) Quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin/dữ liệu cá nhân của bên xử lý dữ liệu**, bao gồm: bên xử lý dữ liệu cá nhân có thể cung cấp các thông tin/dữ liệu cá nhân của các chủ dữ liệu cho một bên thứ ba trong trường hợp có sự đồng ý từ các chủ dữ liệu hoặc trường hợp dữ liệu cá nhân được cung cấp trong phạm vi mục đích thu thập; bên xử lý dữ liệu cá nhân có trách nhiệm thông báo cho các chủ dữ liệu các thông tin liên quan...

**(12) Một số vấn đề khác** cũng được điều chỉnh trong luật bảo vệ dữ liệu cá nhân/luật bảo vệ thông tin cá nhân của một số quốc gia mà Việt Nam có thể tham khảo để xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân: về đăng ký thông tin; về cơ quan bảo vệ cấp quốc gia đối với dữ liệu cá nhân, về trách nhiệm của một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong xử lý các thông tin cá nhân như báo chí, truyền thông; quy trình xử lý dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực đặc biệt như y tế, công nghệ thông tin, giáo dục; vấn đề chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba, cho nước thứ ba.

### ***1.3. Hoàn thiện pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu cá nhân***

Bên cạnh việc nghiên cứu xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần rà soát một cách hệ thống các văn bản pháp



luật hiện hành có quy định về thông tin cá nhân nhằm ba mục tiêu: *Thứ nhất*, bãi bỏ các quy định hạn chế quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trái với quy định của Hiến pháp do vi phạm về hình thức (ban hành dưới hình thức văn bản dưới luật) và về nội dung (hạn chế quyền ngoài 4 trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013); *thứ hai*, cập nhật, bổ sung các thông tin cá nhân trong từng ngành, lĩnh vực, bảo đảm quy định đầy đủ những thông tin cá nhân cần được bảo vệ; *thứ ba*, thiết lập các cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong từng ngành, lĩnh vực, trong trường hợp cần thiết cần quy phạm hóa các giải pháp công nghệ tiên tiến để bảo vệ quyền này, ví dụ: các cơ chế bảo mật thông tin tín dụng, vô danh hóa các thông tin trong lĩnh vực giáo dục, khám chữa bệnh; điều kiện về công nghệ đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại điện tử, viễn thông...

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự pháp luật hành chính về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Hiện nay, Điều 125 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác. Quy định này được kế thừa trong Điều 159 Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực) quy định tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác. Về cơ bản, các quy định này không có nhiều sự thay đổi, trong đó đều nêu ra các hành vi phạm tội bao gồm: Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào; cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông; nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật; khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật; hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

Như vậy, có thể thấy là pháp luật hình sự của nước ta hiện vẫn chưa quy định hành vi xử lý (thu thập, phát tán, tiêu hủy, sửa đổi...) thông tin/dữ liệu cá nhân trái pháp luật như là một hành vi nguy hiểm cho xã hội và phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong khi đó, thực tế đời sống cho thấy các hành vi này ngày càng trở nên phổ biến, gây thiệt hại cả về vật chất và tinh thần cho chủ dữ liệu. Do vậy, việc mở rộng phạm vi các tội xâm phạm quyền tự do, quyền riêng tư của cá nhân trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân là cần được nghiên cứu thấu đáo, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Ngoài ra, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực cũng cần được rà soát để bổ sung và miêu tả cụ thể hơn các hành vi xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân, làm cơ sở cho việc quy định các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính tương ứng và phù hợp.

## **2. Xây dựng thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

### ***2.1. Định hướng cho việc hoàn thiện thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Thực tiễn thực thi Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân ở phần lớn các quốc gia trên thế giới và thực tiễn thi hành Luật khiếu nại, Luật tố cáo của Việt Nam thời gian qua cho thấy, bảo vệ quyền thông qua cơ chế khiếu nại hành chính là một quy trình không thực sự hiệu quả. Trong khi đó, quy trình giải quyết qua con đường tòa án thì tuy có ưu điểm là khách quan vì tòa án nằm ngoài hệ thống hành chính, nhưng lại có nhược điểm là rất tốn kém cả về mặt tài chính và thời gian, khiến không phải tất cả mọi người dân đều có thể tiếp cận được với quy trình này, và bởi vậy mà quyền lợi của họ chưa được bảo đảm.

Hiện nay, cơ chế bảo vệ quyền con người nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng ở Việt Nam theo mô hình phân tán, không thành lập cơ quan chuyên trách. Mỗi cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thực hiện trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo các phương thức, trình tự, thủ tục do luật định, bao gồm cả thủ tục hành chính và tư pháp (tố tụng dân sự, tố tụng hình sự). Việc không có cơ quan làm đầu mối để theo dõi, giám sát việc thực thi quyền khiến cho hoạt động tác nghiệp, triển khai, đôn đốc hoặc can thiệp trực tiếp của cơ quan nhà nước để bảo vệ quyền là chưa thực sự kịp thời, làm ảnh hưởng đến quyền bí mật dữ liệu cá nhân của người dân.

Do đó, bên cạnh các cơ chế khiếu nại, tố cáo, khởi kiện thông thường, Việt Nam cần nghiên cứu thành lập cơ quan chuyên trách theo dõi, giám sát việc thực thi quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Đây cũng là kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới nhằm bảo đảm thực thi quyền bảo vệ bí mật thông tin cá nhân nói riêng và các quyền con người nói chung. Việc thiết kế mô hình của cơ quan chuyên trách cần phù hợp với đặc điểm, điều kiện của Việt Nam.

Đáng lưu ý là, trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang quán triệt và thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, thu gọn tổ chức bộ máy từ trung ương đến địa phương (theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả). Do vậy, việc thành lập cơ quan chuyên trách bảo đảm thực thi quyền bí mật dữ liệu cá nhân còn gặp nhiều khó khăn và chưa thể thực hiện được ngay. Mặc dù vậy, về lâu dài, việc nghiên cứu thành lập một thiết chế độc lập có chức năng bảo vệ và bảo đảm thực thi các quyền con người, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân là hết sức cần thiết.

## ***2.2. Mô hình thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Việc xác định rõ mô hình (bao gồm các đặc điểm về chức năng, cơ cấu tổ chức) của thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết và xây dựng, vận hành thiết chế đó được hiệu quả trên thực tiễn, bảo đảm tính khả thi.

Trong điều kiện của Việt Nam, cơ quan quốc gia chuyên trách bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân (có thể gọi là Ủy ban quốc gia bảo vệ dữ liệu cá nhân) nên là một thiết chế độc lập được thành lập trên cơ sở quy định của Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thành viên Ủy ban quốc gia bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm đại diện của các cơ quan, như Quốc hội, Chính phủ, Tòa án. Ngoài ra, thành viên của Ủy ban cũng nên có các chuyên gia độc lập trong các lĩnh vực pháp luật, tin học, thông tin và truyền thông...

Pháp luật cần bảo đảm tính độc lập tương đối của Ủy ban này khi tiến hành các hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Ủy ban bảo vệ dữ liệu cá nhân với các cơ quan nhà nước khác, đặc biệt là với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành (như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền Thông, Bộ Tài chính...) hoặc với Tòa án, vẫn cần được duy trì để bảo đảm thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

*Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn*, Ủy ban quốc gia bảo vệ dữ liệu cá nhân thực hiện một số nhiệm vụ chính sau:

*Một là*, tư vấn cho Chính phủ, tổ chức, cá nhân về việc thực thi quyền bí mật dữ liệu cá nhân; trả lời tham vấn ý kiến của các cơ quan nhà nước hoặc theo yêu cầu của Tòa án, tư vấn cho các cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân.

*Hai là*, nâng cao nhận thức về bảo vệ, bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân thông qua các hoạt động giáo dục, nghiên cứu; thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân (nhất là trong điều kiện vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân xuyên biên giới sẽ đặt ra trong tương lai).

*Ba là*, giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trường hợp phát hiện ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân thì thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Bốn là*, tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban có giá trị pháp lý bắt buộc và có thể bị khởi kiện ra Tòa án nếu các bên không đồng tình.

*Năm là, tư vấn cho Chính phủ, Quốc hội trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân; thúc đẩy việc nghiên cứu pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật về bảo vệ bí mật cá nhân nói chung và bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng nhằm nâng cao các giải pháp, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.*

### **3. Các biện pháp bảo đảm khác**

#### ***3.1. Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân***

Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Đồng thời, Hiến pháp cũng khẳng định nguyên tắc việc thực hiện quyền lực nhà nước phải chịu sự kiểm soát của chính các cơ quan nhà nước (kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp), mọi cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, sự giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền hiến định, được Hiến pháp ghi nhận và các cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm thực hiện. Việc tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát từ các thiết chế nhà nước và xã hội sẽ góp phần tăng cường cơ chế bảo đảm thực thi quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

#### ***- Cơ chế giám sát từ Quốc hội và Hội đồng nhân dân:***

Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định “Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”. Khoản 2 Điều 113 Hiến pháp năm 2013 quy định “Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân”. Như vậy, chức năng giám sát việc bảo đảm thực thi quyền con người nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng từ phía các cơ quan dân cử là Quốc hội và Hội đồng nhân dân là chức năng hiến định. Thông qua hoạt động giám sát, các cơ quan dân cử bên cạnh việc kiểm định tính hợp lý, chất lượng của các quyết định của mình, đồng thời phát hiện vấn đề làm tiền đề cho việc xem xét thông qua các chính sách pháp luật mới.

Để nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, cần nâng cao chất lượng thảo luận tại các phiên họp toàn thể, tăng cường chất lượng hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát chuyên đề, tổ chức các đoàn giám sát. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt

động giám sát từ phía các cơ quan dân cử thì việc nâng cao chất lượng, nhận thức của các đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân về quyền con người nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân là yếu tố tiên quyết hàng đầu.

**- Cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan hành chính nhà nước:**

Điều 30 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. 3. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác”.

Có thể thấy, việc Hiến pháp ghi nhận quyền khiếu nại của công dân cho thấy vị trí, vai trò quan trọng của quyền năng pháp lý này. Xét trên phương diện lý thuyết thì thực hiện khiếu nại chính là phương thức quan trọng để công dân, cơ quan, tổ chức bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích tập thể và các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Thông qua việc sử dụng quyền khiếu nại mà các quyền con người, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân được bảo đảm và thực hiện.

Để tăng cường bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng, pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại cần được nghiên cứu quy định sao cho tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại, đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại. Cần thiết lập trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đơn giản, nhanh chóng, công khai, minh bạch và có hiệu quả, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; phát huy quyền dân chủ của nhân dân.

**- Cơ chế tố tụng của Tòa án:**

Đây là cơ chế trực tiếp nhất để người dân bảo vệ quyền của mình trước các hành vi xâm phạm trái pháp luật. Để tăng cường cơ chế bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân thì việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp là cần thiết.

Trong cơ chế bảo vệ quyền con người, tòa án là cơ quan giữ vai trò đặc biệt quan trọng, mọi hoạt động của tòa án suy cho cùng là nhằm bảo đảm các quyền con người được thực hiện đầy đủ, chính xác; mọi hành vi xâm phạm đến các quyền con người, quyền công dân đều bị xử lý theo pháp luật, mà chủ thể chủ yếu vi phạm quyền lại đến từ các cơ quan nhà nước - là chủ thể thực

hiện quyền lực nhà nước. Do vậy, việc nâng cao chất lượng hoạt động của tòa án mà đặc biệt là bảo đảm nguyên tắc độc lập của tòa án trong suốt quá trình tố tụng chứ không phải trong khi xét xử là một yêu cầu đặc biệt quan trọng nhằm đảm bảo cho cơ chế bảo vệ quyền con người vận hành có hiệu quả.

### ***3.2. Bảo đảm môi trường chính trị - pháp lý, kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Môi trường chính trị - pháp lý, môi trường kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ cũng là những yếu tố tác động và là những điều kiện góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng. Do đó, để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân thì Đảng và Nhà nước ta cần quan tâm các yếu tố chính trị - pháp lý tạo thuận lợi cho việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân như sau:

Một là, tạo môi trường chính trị ổn định với đường lối phát triển đúng đắn hướng tới nền kinh tế thị trường đầy đủ, nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và xã hội dân chủ nơi con người và các quyền tự do, dân chủ là trung tâm, động lực thật sự của sự phát triển bền vững đất nước.

Hai là, nâng cao ý thức pháp luật và tuân thủ pháp luật, năng lực sử dụng pháp luật và các công cụ pháp luật để tôn trọng, tự bảo vệ và góp phần bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi cơ quan, tổ chức, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Ba là, nâng cao trình độ và năng lực của các cán bộ, công chức, doanh nghiệp trong việc thu thập, xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### ***3.3. Nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức, cơ quan về quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Để người dân ý thức được quyền bí mật dữ liệu cá nhân của mình, Nhà nước cần tăng cường các biện pháp tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền bí mật dữ liệu cá nhân dưới nhiều hình thức và với từng đối tượng khác nhau, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

#### ***- Đối với chủ thể của thông tin/dữ liệu cá nhân:***

Nguyên tắc chung là mỗi người phải có trách nhiệm tự bảo vệ thông tin cá nhân và tự chịu trách nhiệm khi cung cấp những thông tin đó trên mạng, vì vậy, người sử dụng phải tự ý thức bảo vệ thông tin cá nhân của mình, cũng như thận trọng khi cung cấp thông tin cá nhân của mình lên mạng Internet. Bên cạnh đó, người dân cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân của mình, các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân cũng như các biện pháp bảo vệ quyền này.

Để tăng cường nhận thức cho người dân về tự bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cần nghiên cứu đưa nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng và giáo dục pháp luật nói chung vào chương trình giáo dục trong các bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Do đối tượng sử dụng Internet, mạng xã hội chủ yếu là người trẻ, học sinh, sinh viên, do vậy, việc giáo dục tại nhà trường có ý nghĩa quan trọng giúp các đối tượng này ý thức được việc bảo vệ an toàn thông tin của cá nhân mình khi tham gia tương tác trên mạng xã hội, Internet.

Bên cạnh đó, truyền thông và các phương tiện thông tin đại chúng là công cụ quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ bí mật thông tin cá nhân tới người dân. Đưa tin chính xác, đầy đủ về các hành vi xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng như hậu quả nguy hiểm do các hành vi này gây ra trong đời sống xã hội là cách thức quan trọng giúp người dân nhận thức và tự bảo vệ an toàn thông tin cá nhân của mình trong quá trình thực hiện các giao dịch.

***- Đối với cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân của công dân:***

Cơ quan nhà nước là chủ thể nắm giữ số lượng lớn thông tin cá nhân của công dân phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước. Do vậy, việc nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ bí mật thông tin/dữ liệu cá nhân là rất quan trọng.

Nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, người dân cung cấp thông tin cá nhân của mình cho cơ quan nhà nước nắm giữ. Tuy nhiên, quyền được bảo vệ bí mật thông tin/dữ liệu cá nhân là quyền gắn liền với nhân thân của cá nhân, do vậy, ngay cả Nhà nước cũng không được phép sử dụng hoặc cung cấp thông tin cá nhân của công dân trái với mục đích và phạm vi thu thập ban đầu. Hoạt động xử lý thông tin cá nhân phải được tiến hành phù hợp với các điều kiện, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Bên cạnh đó, Nhà nước là chủ thể có trách nhiệm bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân của công dân. Do vậy, việc tăng cường nhận thức của cơ quan nhà nước trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện liên quan đến quyền bí mật dữ liệu cá nhân góp phần bảo vệ có hiệu quả quyền con người, quyền công dân.

***- Đối với các cá nhân, tổ chức xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân:***

Trong xã hội thông tin, thông tin được đăng tải, lan truyền trên Internet, mạng xã hội, báo chí có tốc độ chóng mặt. Việc đăng tải, chia sẻ thông tin cá nhân của người khác trái pháp luật có thể để lại hậu quả nghiêm trọng một cách nhanh chóng và khó khắc phục. Do vậy, mỗi cá nhân, tổ chức khi chia sẻ thông tin cá nhân của người khác, cần hết sức thận trọng nhằm bảo đảm quyền được

bảo vệ bí mật thông tin cá nhân của người đó.

Bên cạnh việc tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý thông tin cá nhân (điều kiện, trình tự, thủ tục...), để hạn chế xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân của người khác, việc đăng tải, chia sẻ thông tin cá nhân có thể áp dụng một số biện pháp như làm mờ/che mặt trước khi đăng, đăng ảnh chụp phía sau hoặc tránh khuôn mặt, chỉ chụp và đăng hình khi có sự cho phép, viết tắt, đổi tên cá nhân, chỉ đưa thông tin về địa danh là tên xã, huyện trở lên...



## KẾT LUẬN

Quá trình phát triển công nghệ và thời đại bùng nổ thông tin đã tác động mạnh mẽ đến đời sống cá nhân, kèm theo những rủi ro và nguy cơ về mất an toàn thông tin/dữ liệu cá nhân cũng như việc các dữ liệu cá nhân bị sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau mà những chủ thể của dữ liệu và các cơ quan, tổ chức quản lý dữ liệu cá nhân ngày càng khó kiểm soát. Nhu cầu bảo vệ các thông tin/dữ liệu cá nhân ngày càng lớn đòi hỏi Nhà nước phải có cơ chế và chính sách bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân.

Theo đó, hệ thống bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm những thể chế, thiết chế cùng với các biện pháp bảo đảm khác, trong đó có các yếu tố xã hội, các chuẩn mực văn hoá, các đặc trưng về chế độ chính trị, tư tưởng tác động đến quyền công dân nói chung và quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

Thể chế gồm các biện pháp bảo đảm do pháp luật quy định, trang bị cho công dân những quyền với ý nghĩa là công cụ pháp lý nhằm chống lại nguy cơ xâm hại quyền bí mật dữ liệu cá nhân từ phía các chủ thể khác (bao gồm cả từ phía nhà nước) và các quy phạm pháp luật xác định cách thức hợp pháp để cá nhân thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân của mình. Những yếu tố còn lại đóng vai trò tạo động lực thúc đẩy công dân sử dụng quyền của mình một cách tích cực. Các biện pháp bảo đảm pháp lý cho quyền bí mật dữ liệu cá nhân chỉ có thể thực hiện có hiệu quả trên cơ sở phù hợp với các yếu tố còn lại.

Trong mối quan hệ pháp lý giữa công dân và Nhà nước, quyền - nghĩa vụ luôn có mối quan hệ tương hỗ. Nếu xác định cá nhân có quyền bí mật dữ liệu cá nhân thì kéo theo đó, Nhà nước phải có trách nhiệm (nghĩa vụ) thiết lập cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Cơ chế này được hiểu theo nghĩa là quy trình, cách thức vận hành của hệ thống cơ quan, tổ chức và cá nhân do pháp luật quy định có trách nhiệm tiến hành các hoạt động nhằm bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Một trong những yếu tố quan trọng đối với việc bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân là yếu tố chính trị, trong đó Đảng và Nhà nước cần xác định quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một trong những quyền con người (phái sinh của quyền bí mật cá nhân) cần được ưu tiên bảo vệ. Với tinh thần đó Nhà nước cần xác định trách nhiệm (nghĩa vụ) tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, có trách nhiệm thiết lập cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Cơ chế này sẽ bao gồm các bảo đảm về mặt pháp luật (thể chế), bảo đảm về tổ chức, bộ máy, con người (thiết chế) và các nguồn lực cần thiết; bảo đảm về quy trình, cách thức vận hành của hệ thống cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật cần phải tiến hành các hoạt động

nhằm bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Trong tất cả các yếu tố cấu thành cơ chế bảo đảm thực hiện quyền đó, trước hết cần chú trọng vấn đề hoàn thiện thể chế và coi đây là yếu tố cốt lõi, nền tảng cơ bản để bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Qua kết quả nghiên cứu của Đề tài, nhóm nghiên cứu nhận thấy, mặc dù vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được điều chỉnh rải rác trong một số văn bản pháp luật, nhưng vẫn cần thiết có một đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân (Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân) nhằm điều chỉnh đầy đủ, toàn diện và nhất là nhằm thúc đẩy có hiệu quả các biện pháp bảo đảm quyền, tăng cường vai trò trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời, cần hình thành thiết chế độc lập và chuyên trách bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cụ thể là nghiên cứu thành lập một cơ quan chuyên trách với tên gọi là Ủy ban quốc gia bảo vệ dữ liệu cá nhân trong tương lai, sau khi đã ban hành Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân để vừa làm nhiệm vụ thúc đẩy thực thi Luật, vừa có trách nhiệm bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân của công dân, của con người/.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu Tiếng Việt

1. Bộ Công Thương (2015), *Báo cáo thương mại điện tử năm 2015*, Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), *Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật an toàn thông tin*, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2014), *Tờ trình số 509/TTr-CP ngày 21/11/2014 về dự án Luật an toàn thông tin*, Hà Nội.
5. Đinh Tiến Dũng (2014), “Quyền riêng tư trong Hiến pháp 2013 và các biện pháp bảo đảm bằng pháp luật”, *Tạp chí Thông tin và truyền thông*, kỳ 1/6/2014.
6. Hoàng Thu (2013), *Lỗ hổng pháp luật trong bảo vệ bí mật đời tư*, Báo Pháp luật Việt Nam.
7. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Giới thiệu Công ước về quyền dân sự và chính trị*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
8. Kiều Anh Vũ (2015), *Quyền bí mật đời tư trong Bộ luật Dân sự*, <https://kieuanhvu.wordpress.com/2015/09/09/quyen-bi-mat-doi-tu-trong-bo-luat-dan-su/>.
9. Lê Đình Nghị (2007), *Quyền bí mật đời tư trong pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn Tiến sỹ Luật học, trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
10. Lê Văn Sura (2016), *Quy định về bí mật đời tư theo quy định của pháp luật dân sự: Cần được hướng dẫn*, <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1946>.
11. Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2011), *Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam*, ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ.
12. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Nguyễn Đăng Dung, Bài viết “Quyền bí mật riêng tư trên thế giới và ở Việt Nam” Tạp chí khoa học chuyên san luật học số 3/2017 của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
14. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Huyền Trang (2014), *Quyền được bảo vệ đời tư trong pháp*

*luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Phạm Thị Hậu (2017), *Quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

17. Thái Thị Tuyết Dung (2014), “Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, (9).

18. Trần Đức Tuấn (2014), *Cần có luật bảo vệ bí mật đời tư*, <http://vnexpress.net/tin-tuc/cong-dong/can-co-luat-bao-ve-bi-mat-doi-tu-3113603.html>

19. Trịnh Hữu Long (2014), “Năm hành vi xâm phạm đời tư phổ biến ở Việt Nam”, *Tạp chí luật khoa*, <http://luatkhoa.org/2014/11/5-hanh-vi-xam-pham-doi-tu-pho-bien-o-viet-nam-2/>.

20. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, quyền công dân (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

21. Văn phòng Chính phủ (2016), *Báo cáo số 86/BC-VPCP ngày 6/5/2016 của Văn phòng chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết 30a/NQ-CP về chính phủ điện tử*, Hà Nội.

22. Vũ Công Giao, Trần Anh Đức (2015), *Dự thảo Luật tiếp cận thông tin: phân tích, so sánh với các tiêu chuẩn phổ biến về luật tiếp cận thông tin trên thế giới*.

23. Vũ Thanh Vân (2012), *Quyền riêng tư và văn hóa nhà báo*, <http://lib.ussh.vnu.edu.vn/jspui/bitstream/123456789/2043/1/56.pdf>.

## **II. Tài liệu Tiếng Anh**

24. American Civil Liberties Union (2014), *Privacy rights in the digital age*.

25. Asia Pacific Economic Cooperation (2008), *Data Privacy and Data Protection in e-Commerce in Viet Nam*.

26. European Commission (2010), *Protection of Personal data in the European Union*, [http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002\\_-\\_protection\\_of\\_personnal\\_data\\_a4\\_en.pdf](http://ec.europa.eu/justice/data-protection/files/eujls08b-1002_-_protection_of_personnal_data_a4_en.pdf)

27. Michael L. Gray (2016), *The Trouble with Vietnam's Cyber Security Law*.

28. Norton Rose Fulbright (2014), *Global data privacy*.

29. OECD (2013), *OECD Guidelines Governing the Protection of Privacy and Transborder flows of Personal data*.

30. Office Of The High Commissioner For Human Right (1988), *PR General Comment No. 16: Article 17 (Right to Privacy), The Right to Respect of Privacy, Family, Home and Correspondence, and Protection of Honour and Reputation*.

31. Open Society Institute, *Privacy and human rights*, [gilc.org/privacy/survey/intro.html](http://gilc.org/privacy/survey/intro.html)

32. Personal Data Act of Malaysia (2010), [http://www.pdp.gov.my/images/LAWS\\_OF\\_MALAYSIA\\_PDPA.pdf](http://www.pdp.gov.my/images/LAWS_OF_MALAYSIA_PDPA.pdf).

33. TermsFeed (2016), *Privacy laws in Southeast Asia*.

34. Toby Mendel (2008), *Freedom of information: A comparative legal survey, Second Edition*, United Nations, UNESCO, Paris.

35. Samuel Warren and Louis Brandeis (1890) “The right to privacy” *Havard Law Review* ( Vol.4, N<sup>o</sup>193), khôi phục bản gốc 17/10/2013;

36. Volio Fernando - *Legal personality, Privacy and the family in the International Bill of Right*, New York, Columbia University Press, 1981;

37. Anthony Bem – *Le droit au respect de la vie privée – definion- conditions et sanctions* – [w.w.w.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definion-conditions-16644htm#WNRTSB-n\\_NE](http://w.w.w.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definion-conditions-16644htm#WNRTSB-n_NE) ;

38. Philippe Aries et Georges Duby, *Histoire de la vie privée*, Paris, Seuil, 1985.

39. Joshue Rozenberg, *Privacy and the press*, Oxford University Press, 2004, p61-64.

### III. Tài liệu Website

40. Báo Mới, *Tôn trọng quyền riêng tư của trẻ em*, 14/07/2017, <http://www.baomoi.com/ton-trong-quyen-rieng-tu-cua-tre-em/c/22747298.epi>

41. Báo Mới, *Báo động nạn xâm phạm quyền riêng tư của trẻ em*, 14/05/2016, <https://baomoi.com/bao-dong-nan-xam-pham-quyen-rieng-tu-cua-tre-em/c/19368528.epi>

42. Dự thảo Online, *Chủ tịch QH: Luật an toàn thông tin cần gia công, nghiên cứu, hoàn thiện thêm*, 12/08/2015, [http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT\\_TINLAPPHAP/View\\_Detail.aspx?ItemID=2378](http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAPPHAP/View_Detail.aspx?ItemID=2378).

43. Đồng Nai, *Rao bán thông tin cá nhân trên mạng: Có vi phạm pháp luật?*, 11/04/2016, <http://www.baodongnai.com.vn/bandoc/201604/rao-ban-thong-tin-ca-nhan-tren-mang-co-vi-pham-phap-luat-2682381/>.

44. Luật Dương gia, *Quy định về quyền bí mật đời tư trong các văn bản quy phạm pháp luật*, 06/06/2016, <https://luatduonggia.vn/quy-dinh-ve-quyen-bi-mat-doi-tu-trong-cac-van-ban-quy-pham-phap-luat>.

45. Thế giới và Việt Nam, *Quốc hội Pháp thông qua luật mới về chống khủng bố*, 26/05/2016, <http://baoquocte.vn/quoc-hoi-phap-thong-qua-luat-moi-ve-chong-khung-bo-30414.html>

46. Tuổi trẻ Online, *Làm khi khi lộ thông tin cá nhân trên mạng?*, 22/12/2016, <https://congnghetuoitre.vn/nhip-song-so/lam-gi-khi-bi-lo-thong-tin-ca-nhan-tren-mang-1238785.htm>

47. Việt Báo, *Thực trạng bảo vệ thông tin cá nhân tại nước ta*, 19/7/2006, <http://vietbao.vn/Vi-tinh-Vien-thong/Thuc-trang-bao-ve-thong-tin-ca-nhan-tai-nuoc-ta/65060311/217/>

48. VNExpress, *Công an Hà Nội nhận thiếu sót khi thu thập thông tin dân cư*, 19/10/2013, <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/cong-an-ha-noi-nhan-thieu-sot-khi-thu-thap-thong-tin-dan-cu-2897599.html>.

49. [www.gilc.org/privacy/survey/intro.htm/](http://www.gilc.org/privacy/survey/intro.htm/)

50. [www.Privacy.org/pi/reports/](http://www.Privacy.org/pi/reports/)

51. [www.legal.dictionary.thefreedictionary.com/rifght+of+ privacy](http://www.legal.dictionary.thefreedictionary.com/rifght+of+privacy)

52. [http://law2.umkc.edu/faculty.projects/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/](http://law2.umkc.edu/faculty/projects/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/)

53. Zing.vn, *Rao bán thông tin về 5.000 giám đốc giá 800.000 đồng*, 01/9/2015, <https://news.zing.vn/rao-ban-thong-tin-ve-5000-giam-doc-gia-800000-dong-post575065.html>

# CÁC BÀI VIẾT ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ

BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ LUẬT HỌC SỐ 8/2017

## BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ Ở HOA KỲ, PHÁP VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích cơ sở lý luận pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền quyền riêng tư ở Hoa Kỳ, Pháp và những kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam.

**GS-TS Thái Vĩnh Thắng**

**Đại học luật Hà Nội**

### 1. Khái niệm quyền riêng tư

Khái niệm quyền riêng tư (Right of privacy) thường gắn với khái niệm bí mật cá nhân (Personnel secrecy) nên trước hết chúng ta hãy làm rõ hai khái niệm này và mối gắn kết giữa chúng với nhau.

Bí mật cá nhân (Personnel secrecy) có thể được hiểu là những gì gắn với nhân thân con người, là những thông tin, tư liệu liên quan đến cá nhân về tinh thần, vật chất và quan hệ xã hội trong quá khứ cũng như trong hiện tại mà cá nhân đó không muốn tiết lộ.

Quyền bí mật cá nhân (right to personnel secrecy) là quyền cơ bản của con người được hình thành trên cơ sở quyền riêng tư được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quyền riêng tư (right of privacy) là quyền con người điều khiển cuộc sống của mình như mình mong muốn với sự can thiệp ít nhất của bên ngoài.

Quyền bí mật đời tư và quyền riêng tư là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến giai đoạn văn minh. Xã hội càng văn minh thì quyền bí mật đời tư và quyền riêng tư càng được tôn trọng, bảo vệ và đó là những pháo đài bất khả xâm phạm của cá nhân con người.

Theo nhà luật học Ruth Gavison *sự riêng tư chứa đựng ba yếu tố : bí mật (secrecy), vô danh (anonimity) và yên tĩnh (solitude)*<sup>66</sup> ; Alan Westin trong bài báo : « Sự riêng tư và tự do » đã định nghĩa « *sự riêng tư là nguyện vọng của con người được tự do lựa chọn trong những hoàn cảnh nhất định những giới hạn mà tự họ thể hiện cho người khác biết thói quen và hành vi của họ* ». Còn Edward Bloustein thì quan niệm « *Sự riêng tư là một quyền lợi cá nhân của con người. Nó bảo vệ sự bất khả xâm phạm của cá nhân, độc lập cá nhân, danh dự và nhân phẩm* »<sup>67</sup>. Một nhà luật học khác ở đại học Columbia, New York là Volio

<sup>66</sup> [www.gilc.org/privacy/survey/intro.htm/](http://www.gilc.org/privacy/survey/intro.htm/)

<sup>67</sup> [www.gilc.org/privacy/servey/intro.htm/](http://www.gilc.org/privacy/servey/intro.htm/)

Fernando đã có một nhận xét thú vị rằng : « Theo một ý nghĩa nào đó, tất cả các quyền con người là các phương diện khác nhau của quyền riêng tư »<sup>68</sup>

Về ý nghĩa của quyền riêng tư, một nghị sĩ Anh là William Pitt đã viết: “Một người nghèo nhất trong ngôi nhà nhỏ của mình cũng có thể thách thức tất cả sức mạnh của ngai vàng. Dù ngôi nhà nhỏ có mỏng manh, mái nhà có thể bị gió làm lung lay, gió có thể xuyên qua mái nhà, mưa và tuyết có thể lọt qua mái nhà nhưng Vua nước anh không thể bước vào, quân đội của nhà vua cũng không thể bước qua ngưỡng cửa của ngôi nhà đã mục nát.”<sup>69</sup>

## **2.Cơ sở lý luận pháp luật về quyền riêng tư và thực tiễn bảo vệ các quyền riêng tư ở Hoa Kỳ**

Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787 không có quy định nào về quyền riêng tư, tuy nhiên các tu chính án của Hiến pháp đã khắc phục hạn chế này. Tu chính án thứ nhất đã bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân về tự do tôn giáo: “ Quốc hội sẽ không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập một tôn giáo hoặc ngăn cấm quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, báo chí và quyền của dân chúng được hội họp và kiến nghị chính phủ sửa chữa những điều gây bất bình”. Tu chính án thứ hai bảo vệ quyền riêng tư và bất khả xâm phạm về nhà ở của cá nhân chống lại sự tùy tiện của quân đội: “ Không một quân nhân nào trong thời bình được đóng quân trong bất cứ nhà dân nào nếu không được sự đồng ý của chủ nhà và ngay trong thời chiến cũng chỉ theo quy định của luật pháp”. Tu chính án thứ tư bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản đã quy định: “ Quyền của con người được đảm bảo về cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản khỏi mọi sự khám xét và bắt giam, quyền này sẽ không bị vi phạm. Không một lệnh, trát nào được cấp nếu không có lý do xác đáng căn cứ vào lời tuyên thệ hoặc sự xác nhận, đặc biệt cần miêu tả chính xác địa điểm khám xét, người và đồ vật bắt giữ”. Tu chính án thứ năm bảo vệ các quyền con người liên quan đến tư pháp hình sự: “Không một ai bị buộc phải chịu trách nhiệm về một tội nghiêm trọng hay một tội xấu xa khác nếu không có sự tường trình và cáo trạng của bồi thẩm đoàn, trừ những trường hợp xảy ra trong lục quân, hải quân hoặc trong lực lượng dự bị, khi đang thi hành công vụ trong thời chiến hoặc trong tình trạng xã hội gặp hiểm nguy. Không một ai sẽ bị kết án hai lần về cùng một tội có nguy hại đến tính mạng và thân thể; không một ai bị buộc phải làm chứng chống lại chính mình trong một vụ án hình sự và bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản, nếu không qua một quá trình xét xử theo đúng quy định của luật; không

---

<sup>68</sup> Volio Fernando – Legal personality, privacy and the family in The International Bill of Rights, New York, Columbia University Press, 1981

<sup>69</sup> [www.gilc.org/privacy/servey/intro.htm/](http://www.gilc.org/privacy/servey/intro.htm/)



một tài sản tư hữu nào bị trưng dụng vào việc công mà không được đền bồi thỏa đáng. Tu chính án thứ chín của Hiến pháp Hoa Kỳ là quy định mà dựa vào đó nhiều luật sư đã thắng kiện trong việc bảo vệ quyền riêng tư : “ *việc quy định các quyền trong Hiến pháp không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp các quyền khác của người dân*” . Sẽ là thiếu sót khi nói về Hiến pháp Hoa Kỳ và vai trò của nó trong việc bảo vệ quyền riêng tư nếu không nói đến tu chính án thứ mười bốn. Tu chính án thứ mười bốn của Hiến pháp Hoa Kỳ được thông qua vào ngày 9/7/1868 tại Khoản 1 đã quy định: “ Tất cả những người sinh ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc được nhập quốc tịch ở Hoa Kỳ và thuộc thẩm quyền tài phán ở đó, đều là công dân của Hoa Kỳ và của bang mà họ sinh sống. Không một bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Không một bang nào có quyền tước đoạt sinh mệnh, tự do và tài sản của một công dân mà không theo một quy trình do luật định. Cũng không một bang nào có thể phủ nhận quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng của một cá nhân trong phạm vi thẩm quyền tài phán của bang đó. Những tu chính án trên đây là cơ sở pháp lý vững chắc để các tòa án ở Hoa Kỳ bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Những quy định trên đây tưởng chừng như chỉ là những con hổ giấy, nhưng khi được các thẩm phán Hoa Kỳ áp dụng trên công đường chúng đã trở thành những con hổ thực, khiến cho bất kỳ ai có quyền lực cũng không dám lạm dụng quyền lực, vì vậy mà người dân đã tin tưởng vào Hiến pháp, bảo vệ Hiến pháp, làm cho Hiến pháp có sức mạnh thực sự, trở thành công cụ có hiệu quả nhất trong việc bảo vệ các quyền con người và công dân trong đó có quyền riêng tư.

Quyền riêng tư tiếng Anh là “ Right to privacy”, như đã phân tích ở trên, cơ sở hình thành quyền này đã được quy định trong các tu chính án của Hiến pháp Hoa kỳ, nhưng trước năm 1890, trong khoa học pháp lý và trong kiện tụng tại tòa án chưa xuất hiện khái niệm pháp lý này. Năm 1890 Samuel D. Warren và Louis D.Brandeis lần đầu tiên công bố bài báo “The Right to Privacy” ( Quyền riêng tư)<sup>70</sup>. Trong công trình nghiên cứu của mình, hai nhà luật học đã phân tích và lập luận rằng các cá nhân được bảo vệ một cách đầy đủ về thân thể và tài sản là nguyên tắc tồn tại lâu đời như pháp luật đã tồn tại. Tuy nhiên cùng với thời gian, càng ngày người ta thấy cần phải xác định chính xác bản chất và nội dung của sự bảo vệ này. Các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội thay đổi đòi hỏi sự thừa nhận các quyền mới và pháp luật luôn luôn phát triển để

---

<sup>70</sup> Samuel Warren and Louis Brandeis (1890) “ The Right to Privacy” , Havard Law Review ( Vol.4; N<sup>o</sup>193).  
Khôi phục bản gốc 17/10/2013

đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Thời xa xưa pháp luật chỉ bảo vệ khi có sự xâm phạm thân thể và tài sản của con người. Khi đó khái niệm “right to life” được hiểu là quyền cá nhân được bảo vệ khỏi sự cưỡng bức thân thể dưới những hình thức khác nhau, tự do được hiểu là không bị cưỡng bức về thân thể. Quyền sở hữu được hiểu đơn giản là mảnh đất và gia súc của mình. Về sau, người ta hiểu quyền sống rộng hơn, bao gồm cả đời sống tinh thần, tình cảm và tri thức. Dần dần khái niệm các quyền pháp lí mở rộng ra. Giờ đây quyền sống (right to life) được hiểu là quyền hưởng thụ cuộc sống – quyền được riêng tư một mình (right to enjoy life – right to be let alone) còn khái niệm sở hữu (property) giờ đây được hiểu rộng hơn bao gồm cả sở hữu tài sản hữu hình và vô hình. Trước đây bảo vệ cá nhân quan niệm chỉ đơn giản là chống lại các hành vi bạo lực xâm phạm thân thể con người, dần dần việc bảo vệ cá nhân mở rộng sang cả việc chống tiếng ồn, mùi hôi, bụi trong không khí, khói và độ rung. Luật quy định về cấm các hành vi quấy nhiễu (law of nuisance) được hình thành. Phạm vi bảo vệ cá nhân được mở rộng từ thân thể sang phạm vi tình cảm con người. Danh dự, nhân phẩm con người được pháp luật bảo vệ và luật về việc cấm các hành vi vu khống, phỉ báng (Law of slander and libel) đã ra đời. Quan hệ gia đình của con người trở thành một bộ phận của quan điểm pháp luật về đời sống của con người. Cùng với quá trình mở rộng phạm vi quyền sống (right to life) của con người khái niệm quyền sở hữu tài sản cũng mở rộng từ quyền sở hữu tài sản hữu hình sang cả quyền sở hữu tài sản vô hình và xuất hiện hàng loạt tài sản vô hình như quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật, uy tín thương mại (goodwill), bí mật thương mại (trade secrets) và thương hiệu (trade-marks). Sự phát triển của văn minh loài người gắn liền với sự phát triển của trí tuệ, tình cảm, tư duy và vẻ đẹp của đời sống tinh thần. Vì vậy, quyền riêng tư mà thẩm phán Cooley gọi là right “to be let alone” (quyền được ở một mình) cần được toà án thừa nhận và pháp luật bảo vệ. Công trình nghiên cứu này đã có ảnh hưởng lớn đến giới luật gia, dẫn đến việc hình thành khái niệm mới trong ngôn ngữ pháp lí của những nước nói tiếng Anh “Right to privacy”. Trước khi bài báo này được công bố các tòa án ở Hoa Kỳ không công nhận quyền riêng tư, nhưng từ khi bài báo nói trên được công bố Tòa án Hoa Kỳ đã giải quyết hàng trăm vụ việc liên quan đến chủ đề “Right to privacy”. Trong hệ thống pháp luật Common law trong các vi phạm pháp luật dân sự ( The Common law of torts), các luật gia thường thấy có 5 loại vi phạm phổ biến xâm phạm quyền riêng tư:

- (1) Khi nơi ở và sự riêng tư bị đe dọa;
- (2) Khi thông tin riêng tư của họ bị công khai cho dân chúng;
- (3) Khi thông tin về họ không đúng sự thật ( bị vu khống, bôi nhọ);

- (4) Khi bị ai đó đặt trùng tên mà không được sự đồng ý của họ;
- (5) Khi có sự cạnh tranh không lành mạnh bằng việc trộm cắp bí mật thương mại.<sup>71</sup>

Ngoài 5 loại xâm phạm quyền riêng tư phổ biến trên đây, thực tiễn xét xử của các Tòa án ở Hoa Kỳ còn cho thấy sự phong phú, đa dạng và phức tạp của nhiều loại vi phạm quyền riêng tư khác và pháp luật về quyền riêng tư theo đó đã phát triển theo thời gian và các sự kiện đã xảy ra trong thực tiễn.

### **2.1. Vụ án Meyer kiện bang Nebraska năm 1923<sup>72</sup>**

Tòa án tối cao Hoa Kỳ vào những năm 1920 đã ra hai phán quyết bảo vệ quyền riêng tư của công dân Hoa Kỳ dựa trên quy định của Tu chính án thứ XIV- cấm các bang ban hành các luật làm hạn chế các đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Trong vụ án Meyer kiện bang Nebraska (năm 1923) Tòa án tối cao đã tuyên bố Luật của bang Nebraska cấm dạy tiếng Đức và các ngoại ngữ khác đối với trẻ em chưa đủ 9 tuổi là vi hiến. Các nhà làm luật của bang Nebraska đã cho rằng việc dạy tiếng nước ngoài cho trẻ em sớm như vậy có thể dẫn đến trẻ em sẽ yêu những tư tưởng và có tình cảm đối với nước ngoài hơn là nước mình. Tòa án tối cao đã bác bỏ luật này vì cho rằng nó đã vi phạm quyền riêng tư của bố mẹ và thầy giáo được lựa chọn chương trình học tốt nhất cho trẻ em là con cái của họ. Hai năm sau đó trong vụ kiện của Pierce kiện Society of Sisters Tòa án tối cao đã tuyên đạo luật của bang Oregon buộc tất cả trẻ em phải học ở trường công là vi hiến vì như vậy đồng nghĩa với việc các trường tư và các trường học của tôn giáo phải đóng cửa và quyền tự do lựa chọn trường học của cha mẹ cho con cái họ bị vi phạm<sup>73</sup>.

Từ những năm 1930 đến những năm 1960 quyền riêng tư đã trở nên phổ biến trong hoạt động lập pháp cũng như trong thực tiễn xét xử ở tòa án<sup>74</sup>. Sau đại chiến thế giới thứ hai quyền riêng tư được ghi nhận trong Hiến pháp của Đức năm 1949, trong Công ước về bảo vệ các quyền con người của châu Âu năm 1950 (La Convention europeenne de sauvegarde des droits de l'homme en 1950).

### **2.2 Vụ án Griswold kiện bang Connecticut năm 1965, vụ án Roe kiện Wade năm 1972<sup>75</sup>**

Những năm 1960- 1970 là giai đoạn thứ hai phát triển về quyền riêng tư với đặc điểm của giai đoạn này là Tòa án tối cao Hoa Kỳ thừa nhận quyền

---

<sup>71</sup> [www.legal-dictionary.thefreedictionary.com/right+of+privacy](http://www.legal-dictionary.thefreedictionary.com/right+of+privacy).

<sup>72</sup> <http://law2.umkc.edu/faculty/projects/trials/conlaw/rightofprovacy.htm/>

<sup>73</sup> [www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

<sup>74</sup> <http://www.carn.info/revue-droit-et-societe-2005-3-page-765.htm>

<sup>75</sup> [www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

phòng ngừa và nạo phá thai của phụ nữ là quyền riêng tư với vụ án nổi tiếng lúc bấy giờ là Griswold kiện bang Connecticut năm 1965. Năm 1965 với vụ án Griswold kiện bang Connecticut Tòa án đã tuyên đạo luật của bang Connecticut cấm các cặp vợ chồng dùng thuốc tránh thai là luật vi hiến vì vi phạm quyền riêng tư của công dân. Với vụ án Roe kiện Wade năm 1972 Tòa án đã thừa nhận trong khái niệm quyền riêng tư có quyền nạo phá thai của phụ nữ.

### **2.3 Vụ án Stanley kiện bang Georgia năm 1969<sup>76</sup>**

Năm 1969 trong vụ án Stanley kiện bang Georgia Tòa án đã tuyên rằng quyền sở hữu và xem tranh ảnh khóa thân (bao gồm cả tranh ảnh khóa thân là cơ sở để truy tố một vụ án hình sự đối với người sản xuất và phát hành) trong nhà riêng của mình là quyền riêng tư của một người. Về vụ án Stanley kiện bang Georgia thẩm phán nổi tiếng Marshall đã viết: “ *Mặc dù có thể bênh vực cho các đạo luật khác điều chỉnh sự thô tục của nhục dục nhưng chúng ta không nghĩ rằng chúng có thể xâm phạm đến chốn riêng tư của một ai trong ngôi nhà của chính mình. Nếu tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ có một ý nghĩa nào đó thì đó chính là một nhà nước sẽ không phải bận tâm với một người, ngôi ở nhà một mình, trong chính ngôi nhà của mình đọc cuốn sách gì hay xem phim gì. Toàn bộ lịch sử và truyền thống hiến pháp của chúng ta sẽ nổi loạn nếu chúng ta có ý nghĩ trao cho chính phủ quyền kiểm soát tinh thần của con người* ».

### **2.4 Vụ án Ravin kiện bang Alaska năm 1975, vụ án Moore kiện East Cleveland năm 1977<sup>77</sup>**

Với vụ án Moore kiện East Cleveland năm 1977 Tòa án tối cao đã tuyên một pháp lệnh về nhà ở (Housing ordinance) của chính quyền bang là vi hiến vì đã cấm một người bà (grandmother) không được sống cùng các cháu trai của bà ( grandsons). Tòa án đã lập luận rằng Hiến pháp bảo vệ tình cảm thiêng liêng của gia đình vì tình cảm đó có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử và truyền thống gia đình, việc lựa chọn sắp xếp cuộc sống của những người máu mủ thân thiết hoàn toàn không phải là công việc của chính quyền bang mà là quyền riêng tư.

### **2.5. Vụ án Cruzan kiện bang Missouri năm 1990<sup>78</sup>**

Trong vụ án Cruzan kiện bộ y tế (Department of Health) bang Missouri Tòa án đã tuyên bố các cá nhân có quyền riêng tư của mình là quyền an tử nghĩa là có quyền quyết định chấm dứt cuộc sống của mình nếu ở trong tình trạng bệnh tật nghiêm trọng, đau đớn kéo dài mà không có hy vọng cứu chữa

---

<sup>76</sup>[www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

<sup>77</sup>[www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

<sup>78</sup>[www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

khỏi. Sự kéo dài cuộc sống chỉ làm cho bệnh nhân kéo dài sự đau đớn về thể xác và tinh thần. Trong trường hợp này quyền được chết (an tử) được thừa nhận là quyền riêng tư có giá trị nhân đạo.

## 2.6 Vụ án Lawrence kiện bang Texas năm 2003<sup>79</sup>

Những thập kỷ gần đây, pháp luật về quyền riêng tư đã phát triển lên một giai đoạn mới. Ở Hoa Kỳ sau nhiều năm không thừa nhận quan hệ đồng tính luyến ái là quyền riêng tư thì với vụ án Lawrence kiện bang Texas ( năm 2003) thẩm phán Anthony Kennedy đã coi các quan hệ đồng tính luyến ái là quyền riêng tư<sup>80</sup>. Với quan điểm này thẩm phán Anthony đã tuyên bố luật của bang Texas đã vi hiến vì xâm phạm quyền riêng tư khi cấm các hành vi tình dục của người đồng tính (a state law prohibiting homosexual sodomy). Luật này đã trái với quy định của Tu chính án thứ mười bốn (Khoản 1) của Hiến pháp Hoa Kỳ trong đó đã quy định: “Không một bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ.” Về vụ án Lawrence kiện bang Texas, thẩm phán tòa án tối cao Hoa kỳ Kennedy đã bình luận:

*“ Những vấn đề này đã can thiệp đến những điều thầm kín nhất mà mỗi một cá nhân có thể lựa chọn trong cuộc sống của mình, những lựa chọn thể hiện sự độc lập và phẩm cách cá nhân là trung tâm của quyền tự do mà Tu chính án thứ 14 của Hiến pháp bảo vệ. Quyền quyết định quan điểm tồn tại của chính mình là trái tim của tự do, có ý nghĩa toàn cầu và bí ẩn của đời sống con người. Những người thỉnh cầu hoàn toàn có thể xứng đáng để tôn trọng cuộc sống riêng tư của họ. Nhà nước không thể hạ thấp sự tồn tại của họ hoặc kiểm soát số mệnh của họ bằng việc coi hành vi tình dục riêng tư của họ là tội phạm ”<sup>81</sup>*

## 3. Cơ sở lý luận quyền riêng tư và thực tiễn bảo vệ các quyền riêng tư ở Pháp.

### 3.1 Cơ sở lý luận về quyền riêng tư

Theo luật sư Anthony Bem<sup>82</sup>, mỗi người chúng ta đều có quyền bảo vệ bí mật sâu kín trong sự tồn tại của chúng ta, với mục đích không để chúng trở

---

<sup>79</sup> [www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

<sup>80</sup> <http://www.carn.info/revue-droit-et-societe-2005-3-page-765.htm>

<sup>81</sup> The Issue: Does the Constitution protect the right of privacy? If so, what aspect of privacy receive protection? – [www.law2.umkc.edu/faculty/project/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/](http://www.law2.umkc.edu/faculty/project/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/)

<sup>82</sup>Anthony Bem – Le droit au respect de la vie privée : définition, conditions et sanctions – [www.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-priv%C3%A9e-d%C3%A9finition-conditions-16644.htm#.WNRTSBn\\_NE](http://www.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-priv%C3%A9e-d%C3%A9finition-conditions-16644.htm#.WNRTSBn_NE)

thành miếng mồi của sự tò mò của công chúng<sup>83</sup>. Quyền riêng tư và bí mật cá nhân trong thời đại ngày nay, càng trở nên quan trọng vì cuộc sống con người càng văn minh thì tự do cá nhân, quyền riêng tư ( d'être laissé tranquille/ right to be left alone) càng được tôn trọng. Tuy nhiên, trong thời đại bùng nổ thông tin, với các phương tiện thông tin hiện đại như internet, các mạng xã hội như facebook, youtube, google, các mạng thư điện tử như yahoo, gmail... càng phát triển thì việc bảo vệ bí mật cá nhân và đời sống riêng tư càng có nhiều thách thức hơn.

Về cơ sở pháp lý bảo vệ quyền riêng tư ở Pháp trước hết phải nói đến Bộ luật dân sự. Đoạn 1 Điều 9 Bộ luật dân sự (Luật Nghị viện ban hành ngày 17/7/1970 ) quy định: “Mọi người đều có quyền tôn trọng đời tư của mình” ( Chacun a droit au respect de sa vie privée ). Đoạn 2 Điều 9 Bộ luật dân sự xác định “ Ngoài biện pháp yêu cầu bồi thường thiệt hại, thẩm phán có thể quyết định mọi biện pháp như giao tài sản cho người khác quản lý, kê biên tài sản và các biện pháp khác, nhằm ngăn chặn hoặc buộc chấm dứt hành vi xâm phạm bí mật đời tư; trong trường hợp khẩn cấp, các biện pháp này có thể được quyết định theo thủ tục khẩn cấp tạm thời.”

Trong pháp luật Pháp, theo Anthony Bem, không có định nghĩa thế nào là đời tư, tuy nhiên thực tiễn xét xử ở tòa án cho thấy quyền riêng tư bao gồm các vấn đề sau đây:

- Các quan hệ tình dục ( Les relations sexuelles) : tất cả các cá nhân đều có quyền tổ chức tự do đời sống tình dục của mình. Liên quan đến vấn đề này các thông tin liên quan các quan hệ đồng tính luyến ái ( homosexualité) phải được thể hiện theo tinh thần tôn trọng quyền riêng tư và không có sự phân biệt;
- Đời sống tình cảm ( La vie sentimentale) : sự can thiệp vào đời sống tình cảm của một người ( nhân tình, li hôn, li thân...) trái với ý muốn của người đó.
- Đời sống gia đình ( La vie familiale) : sự can thiệp vào đời sống gia đình như tiết lộ bí mật thư tín, nhà ở, nơi nghỉ ngơi cuối tuần, khả năng và tư cách làm mẹ, làm bố, ảnh chụp gia đình nơi tư gia...;
- Tình trạng tài chính (situation financière) của gia đình, của người bố, người mẹ;

---

<sup>83</sup>.Nguyên văn tiếng Pháp: Chacun de nous a le droit de garder secret l'intimité de son existence, afin de ne pas être livré en pâture à la curiosité publique.

- Các kỷ niệm cá nhân (Souvenirs personnels) như các giai thoại, các bí mật thuộc về đời sống riêng tư. Chỉ các cá nhân liên quan đến bí mật đó mới có quyền quyết định công bố hay không;
- Tình trạng sức khỏe (Etat de santé) : bí mật nghề y buộc các thầy thuốc không tiết lộ những bí mật riêng tư của bệnh nhân thể hiện sự tôn trọng đời sống riêng tư của bệnh nhân;
- Niềm tin chính trị và tôn giáo (Convictions politiques ou religieuses) : các ý kiến của cá nhân về chính trị và niềm tin tôn giáo cũng được coi là vấn đề riêng tư của cá nhân mà mọi người phải tôn trọng.

Thực tiễn tố tụng ở Pháp liên quan đến việc bảo vệ bí mật cá nhân cho thấy căn cứ vào mức độ vi phạm và hậu quả của nó, tòa án có thể áp dụng cả chế tài dân sự và hình sự đối với cá nhân hoặc tổ chức vi phạm.

### **3.2. Các chế tài pháp luật đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật đời tư ở Pháp**

Thực tiễn hoạt động xét xử ở Pháp cho thấy tòa án đã áp dụng các chế tài pháp luật xử phạt nhiều hành vi tiết lộ bí mật đời tư. Những người là nạn nhân của các hành vi tiết lộ bí mật cá nhân có thể kiện lên tòa án để được tòa giải quyết các vấn đề sau đây:

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác hại của hành vi vi phạm như tịch biên, hủy bỏ, tạm giữ các tài liệu làm lộ bí mật cá nhân người khác của người có hành vi vi phạm;
- Phạt tiền nhằm đền bù thiệt hại cho người bị hại;
- Thông báo quyết định của tòa án lên báo chí cho công chúng biết.

Bên cạnh các giải pháp mang tính dân sự trên đây, Tòa án cũng có thể áp dụng các biện pháp hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối với các cá nhân vi phạm họ có thể bị phạt tù và bị phạt tiền đến 45.000 euros. Đối với các pháp nhân, họ có thể bị phạt tiền nhiều gấp 5 lần so với các cá nhân, nghĩa là có thể bị phạt đến 225.000 euros.<sup>84</sup>

Bộ luật hình sự Pháp và một số bộ luật khác có các quy định sau đây liên quan đến các tội xâm phạm bí mật đời tư:

- Tội xâm phạm nhà ở ( Điều 226-4 và 432-8 Bộ luật hình sự);
- Tội vi phạm bí mật thư tín ( Điều 226-15 và Điều 432-9 Bộ luật hình sự);

---

<sup>84</sup> Anthony Bem – Le droit au respect de la vie privée : définition, conditions et sanctions – [www.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definition-conditions-16644.htm#.WNRTSB-n\\_NE](http://www.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definition-conditions-16644.htm#.WNRTSB-n_NE)

- Tội vi phạm bí mật nghề nghiệp ( Điều 226-13 Bộ luật hình sự, Điều 11 Khoản 2 Bộ luật chung về thuế ( Code General des Imports) , Điều L 103 Quyển thủ tục thuế (Livre des procedure fiscales).
- Ngoài các quy định trên đây Điều 226-31 Bộ luật hình sự pháp đã xác định một số hình phạt phụ có thể áp dụng đối với tội vi phạm bí mật đời tư:
  - - Cấm các quyền dân sự, cá nhân và gia đình;
  - - Cấm các hoạt động nghề nghiệp xã hội trong lĩnh vực liên quan đến việc phạm tội;
  - - Cấm sử dụng vũ khí trong thời hạn 5 năm đối với người có thẩm quyền sử dụng súng trước khi phạm tội;
  - - Thông báo bằng áp- phíc và công bố công khai hình phạt của tòa án đối với người phạm tội;
  - - Tịch thu công cụ hoặc phương tiện đã phục vụ hoặc dùng cho mục đích thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm bí mật đời tư.

#### **4. Cơ sở pháp lý và thực tiễn bảo vệ bí mật đời tư ở Việt Nam hiện nay**

##### **4.1 Cơ sở pháp lý**

Ở Việt Nam quyền riêng tư và quyền bí mật cá nhân đã được ghi nhận trong Hiến pháp, Bộ luật dân sự hiện hành và một số văn bản pháp luật khác.

Việc xác định chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trước hết phải dựa trên cơ sở pháp luật quốc tế và Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 . Điều 12 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền (UDHR) và Điều 17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị đều xác định: “ *Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy*”. Điều 21 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 đã quy định: “*1. Mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư , bí mật cá nhân, bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. 2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng rẽ khác. Không được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác*”. Điều 22 của Hiến pháp Việt Nam năm 2013 bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người dân: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người*



khác nếu không được người đó đồng ý. Việc khám xét chỗ ở do luật định ( Khoản 2 và 3 Điều 22). Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015 tại Điều 38 cũng đã quy định quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, theo đó:

- Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ ( Khoản 1 Điều 38);
- Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác ( Khoản 2 Điều 38);
- Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân phải được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định ( Khoản 3 Điều 38);

- Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác ( Khoản 4 Điều 38).

Như vậy có thể khẳng định quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền con người, nghĩa là quyền của mọi người và mọi công dân. Chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân là tất cả mọi người bao gồm: công dân Việt Nam, công dân nước ngoài và người không có quốc tịch.

#### **4.2 . Xác định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc đảm bảo thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Việc xác định trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân phức tạp hơn việc xác định chủ thể thực hiện quyền bí mật cá nhân. Để xác định cá nhân, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc đảm bảo thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân cần phải nhận diện và phân loại các hình thức bí mật dữ liệu.

Bí mật đời tư có thể được hiểu là những thông tin, tư liệu về tinh thần, vật chất, quan hệ xã hội và những thông tin khác liên quan đến cá nhân trong quá khứ cũng như trong hiện tại được pháp luật bảo vệ và những thông tin đó được bảo mật bằng những biện pháp mà pháp luật thừa nhận. Bí mật đời tư là những gì gắn với thân nhân con người mà mỗi một con người là một thế giới riêng tư vì vậy mà bí mật đời tư rất đa dạng, rất tế nhị, rất đặc biệt. Bí mật riêng tư có thể là hình ảnh, cuộc sống gia đình, tên gọi, thuế bạ, tài sản cá nhân và gia đình, tình

trạng sức khỏe, bệnh tật (y bạ), các thư tín, điện thoại, điện tín, bạn bè thân nguồn thu nhập hợp pháp, con ngoài giá thú, tình nhân, di chúc ... Có thể khẳng định rằng văn hóa xã hội càng cao, quyền con người càng được tôn trọng thì quyền bí mật cá nhân càng được nhà nước và xã hội tôn trọng.

Dữ liệu bí mật cá nhân có các đặc điểm sau:

- Mang tính cá nhân;
- Mang tính bí mật;
- Việc công bố trái với ý muốn của người sở hữu thông tin;
- Việc công bố tạo ra sự bất lợi hoặc gây thiệt hại cho người sở hữu thông tin

Dựa trên các đặc điểm trên đây chúng ta sẽ nhận diện dữ liệu bí mật cá nhân và chủ thể có liên quan phải chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi xâm phạm bí mật dữ liệu cá nhân:

- Cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm khi công bố hình ảnh cá nhân, các thông tin liên quan đến đời sống gia đình, tình trạng hôn nhân, tình trạng sức khỏe, nguồn thu nhập gia đình... mà không được phép của cá nhân đó;
- Điều 16-8 Bộ luật dân sự Pháp quy định: “ không ai được phép công bố bất kỳ thông tin nào cho phép xác định người cho, người nhận bộ phận cơ thể người hoặc sản phẩm từ cơ thể người. Người cho không được phép biết danh tính của người nhận và ngược lại. Trong trường hợp cần thiết vì mục đích chữa bệnh, chỉ các bác sĩ của người cho và người nhận mới được phép tiếp cận những thông tin cho phép xác định danh tính của họ. Trong trường hợp thông tin bị tiết lộ thì bệnh viện nơi thực hiện các phẫu thuật của người cho và người nhận phải chịu trách nhiệm pháp lý”. Việt Nam cần phải học tập kinh nghiệm này của Pháp để hoàn thiện pháp luật của mình.
- Hành vi tiết lộ tình trạng sức khỏe của một người trái với ý muốn của người đó cũng là hình thức xâm phạm bí mật đời tư. Bệnh viện nơi người đó điều trị, khám chữa bệnh và các bác sĩ trực tiếp chữa bệnh có trách nhiệm không tiết lộ tình trạng sức khỏe của người bệnh nếu người đó không muốn cho người khác biết. Một người có quyền phản đối việc tình trạng sức khỏe của mình được bình luận trên một tạp chí để kích thích sự tò mò của độc giả hoặc mục đích cạnh tranh thương mại;
- Hành vi tiết lộ địa chỉ, số điện thoại của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó cũng là hành vi xâm phạm sự riêng tư của cá nhân;

- Mọi thông tin liên quan đến người lao động như địa chỉ, số điện thoại, người sử dụng lao động không được tiết lộ cho người khác biết;
- Việc công bố, đăng tải trên báo chí, vô tuyến truyền hình hình ảnh về dinh thự của một người, kèm theo tên chủ nhà, địa chỉ, vị trí cụ thể của ngôi nhà không có sự cho phép của người đó là xâm phạm quyền riêng tư của cá nhân.
- Hành vi tiết lộ ra công chúng tín ngưỡng của một người nhằm mục đích bôi nhọ hoặc phân biệt đối xử là vi phạm quyền riêng tư của một người;
- Việc tiết lộ đời sống tình cảm vợ chồng cha con, mẹ con, anh em ruột thịt, quan hệ bạn bè thân tín của một người mà không được sự đồng ý của người đó là xâm phạm quyền riêng tư của con người;
- Hành vi tiết lộ dự định ly hôn của đôi vợ chồng mà không được sự đồng ý của người đó là vi phạm quyền riêng tư của con người.
- Luật pháp một số nước ( ví dụ như Pháp) còn thừa nhận giọng nói cũng là một trong những vấn đề của quyền riêng tư không ai có thể xâm phạm. Mọi người có quyền cấm người khác bắt chước giọng nói của mình trong các tình huống nhạy cảm để nhằm người hay gây thiệt hại cho người đó.
- Tên gọi của những người nổi tiếng như nhà văn, nhà thơ, các lãnh tụ chính trị, những nhà văn hóa lớn, có công với nước được pháp luật bảo vệ và giữ uy tín cho tên tiếng của họ;
- Việc đưa một số hình ảnh, bài viết của một người nào đó lên Face book mà không được sự đồng ý của người đó là vi phạm quyền riêng tư và bí mật cá nhân;
- Việc chụp ảnh các dinh thự riêng của các cá nhân, đưa lên mạng với những bình luận nhất định mà không được sự đồng ý của chủ nhà là sự vi phạm quyền riêng tư và bí mật cá nhân của người đó;
- Việc người cho thuê nhà dẫn khách đến tham quan khu vực nhà ở đã cho thuê mà không báo trước cho người thuê nhà cũng là vi phạm quyền riêng tư của người thuê nhà;
- Việc đăng hồ sơ cá nhân, đăng ảnh riêng tư của người khác lên mạng mà không được sự đồng ý của người đó, công bố chuyện riêng tư người khác lên báo chí, sách, tạp chí, các phương tiện thông tin đại chúng mà chưa được người đó đồng ý là vi phạm quyền riêng tư và bí mật cá nhân. Những cá nhân và tổ chức liên quan đến việc thực hiện các hành vi trên đây phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

### **4.3 Một số kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Pháp trong việc xây dựng văn hóa pháp lý bảo vệ bí mật cá nhân và đời sống riêng tư có thể áp dụng cho Việt Nam**

Mặc dù Hiến pháp, Bộ luật dân sự và các văn bản pháp luật khác đã có các quy định bảo vệ quyền riêng tư và bí mật cá nhân, tuy nhiên hiện tượng vi phạm pháp luật về bí mật cá nhân và quyền riêng tư ở Việt Nam còn khá phổ biến. Sở dĩ có hiện tượng này là do xã hội Việt Nam hiện nay chưa xây dựng được văn hóa pháp lý về quyền riêng tư và bí mật cá nhân. Từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Pháp chúng tôi thấy ở Việt Nam cần phải áp dụng một số kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Pháp để phát triển và hoàn thiện pháp luật và ý thức pháp luật về quyền riêng tư ở Việt Nam.

- Trước hết cần tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền về ý thức tôn trọng quyền riêng tư và quyền bí mật cá nhân trong đời sống hàng ngày của con người và công dân, coi đó là một giá trị văn hóa thể hiện đời sống văn minh của con người;
- Tôn trọng các chuẩn mực liên quan đến quyền riêng tư của con người và công dân như quyền bất khả xâm phạm về nhà ở, thư tín, điện thoại, điện tín, quyền bí mật về y bạ, thuế bạ, quyền riêng tư về niềm tin chính trị và tôn giáo, quyền riêng tư về đời sống gia đình, người thân, bạn bè...
- Cơ quan lập pháp cần thừa nhận một số quyền thuộc về quyền riêng tư như quyền an tử để những người bị những căn bệnh vô phương cứu chữa và đau đớn nặng nề về thể xác và tinh thần được quyền an tử nhằm chấm dứt sự đau đớn dày dụa mình;
- Cơ quan lập pháp cũng cần hoàn thiện pháp luật tăng cường các chế tài hình phạt, kể cả các chế tài hình sự nhằm nghiêm khắc trừng phạt những hành vi vi phạm quyền riêng tư như hôn nhân theo sự sắp xếp của bố mẹ trái ý muốn của những người thiết lập quan hệ hôn nhân; trừng phạt các hành vi bạo lực cũng như các hành vi khác vi phạm quyền riêng tư của cá nhân trong các quan hệ hôn nhân và gia đình;
- Cần có quy định bảo vệ sự riêng tư của họ tên của công dân, tránh hiện tượng trùng lặp họ tên phổ biến hiện nay.
- Tăng cường vai trò của tòa án trong việc bảo vệ các quyền riêng tư và bí mật cá nhân theo phương châm là công cụ bảo vệ công lý tòa án, nếu không có pháp luật thành văn, có thể áp dụng tập quán pháp luật, án lệ hoặc các nguyên tắc công bằng, công lý để giải quyết các vụ việc, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn hiện nay ở Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Samuel Warren and Louis Brandeis (1890) “ The right to privacy” Havard Law Review ( Vol.4, N<sup>o</sup>193), khôi phục bản gốc 17/10/2013;
2. Volio Fernando - Legal personality, Privacy and the family in the International Bill of Right, New York, Columbia University Press, 1981;
3. Anthony Bem – Le droit au respect de la vie privée – definion- conditions et sanctions – w.w.w.legavox.fr.blog/ maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definion-conditions-16644htm#WNRTSB- n\_NE ;
4. Philippe Aries et Georges Duby, Histoire de la vie privée, Paris, Seuil,1985.
5. Joshue Rozenberg, Privacy and the press, Oxford University Press, 2004, p61-64.
6. [www.gilc.org/privacy/survey/intro.htm/](http://www.gilc.org/privacy/survey/intro.htm/)
7. [www.Privacy.org/pi/reports/](http://www.Privacy.org/pi/reports/)
8. [www.legal.dictionary.thefreedictionary.com/rifght+of+ privacy](http://www.legal.dictionary.thefreedictionary.com/rifght+of+privacy)
9. [http://law2.umkc.edu.faculty.projects/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/./.](http://law2.umkc.edu.faculty.projects/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/)

## **BÀI ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ DÂN CHỦ VÀ PHÁP LUẬT**

### **BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0**

#### **Những thách thức đối với nhà làm luật**

*TS. Nguyễn Thị Thu Vân*

Lịch sử loài người đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp lớn với những phát minh then chốt làm thay đổi hoàn toàn nhận thức của toàn nhân loại như phát minh ra động cơ hơi nước, động cơ điện, điện tử, máy tính kỹ thuật số v.v... Đầu thế kỷ 21, chúng ta lại chứng kiến một cuộc cách mạng công nghiệp nữa có ảnh hưởng to lớn và toàn diện đến nhiều mặt của cuộc sống, đó là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hay còn gọi là cách mạng công nghiệp 4.0.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là sự hợp nhất các công nghệ, làm mờ đi ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Cuộc cách mạng này đã phát triển thành các xu hướng công nghệ lớn và ngày càng trở nên phổ biến trong đời sống xã hội hiện nay như công nghệ IoT (Internet of Thing – Internet vạn vật), AI (Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo), VR (Virtual Reality - Thực tế ảo), AR (Augmented Reality – Tương tác ảo), Cloud (Điện toán đám mây), Big Data (Dữ liệu lớn), công nghệ in 3D v.v... Với các công nghệ này – mà phần lớn trong số đó liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, phân tích và truyền tải dữ liệu của cá nhân – giờ đây người ta có thể chuyển hóa hoàn toàn cuộc sống trong thế giới thực thành thế giới ảo; hoặc sử dụng máy tính kết hợp với dữ liệu lớn để thay thế con người ra quyết định. Những công nghệ này động chạm đến mọi cá nhân, tổ chức, chính thể trên thế giới; từ khu vực công tới khu vực tư; từ văn hóa, khoa học, kinh tế, quân sự, chính trị đến tất cả mọi lĩnh vực trong toàn xã hội; nó gây ảnh hưởng to lớn đến mọi luật lệ, mọi nền kinh tế, mọi ngành công nghiệp; làm đảo lộn cách tiếp cận truyền thống của chúng ta về quản lý, về việc đưa ra chính sách; thậm chí, nó thách thức vai trò thực sự của con người, kể cả việc thay con người ra quyết định.

Và bởi vì ứng dụng của các công nghệ này hầu hết dựa trên cơ sở của việc thu thập, lưu trữ, phân tích, truyền tải dữ liệu cá nhân của hơn 7 tỷ người trên trái đất, nên hơn bao giờ hết nó đặt việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trước những nguy cơ chưa từng thấy cả trên phạm vi toàn cầu lẫn trong điều kiện kinh tế xã hội riêng biệt của Việt Nam.

Bài viết sau đây mô tả sơ lược một số thách thức đối với các nhà làm luật trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trước bối cảnh phát triển một số xu hướng công nghệ lớn trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

## **1. Công nghệ Big Data và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Big Data (dữ liệu lớn) là thuật ngữ dùng để chỉ một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp đến nỗi những công cụ, ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không thể đảm đương được.

Dữ liệu chính là tiền bạc của doanh nghiệp, là sức mạnh của Chính phủ. Những thông tin về thói quen, sở thích của khách hàng có được từ lượng dữ liệu khổng lồ được các doanh nghiệp thu thập khi khách hàng ghé thăm và tương tác với trang web của mình cho phép doanh nghiệp hiểu rõ hơn về khách hàng, hành vi và sở thích tiêu dùng của họ. Với tiềm năng ưu việt, Big Data không chỉ ứng dụng trong kinh doanh mà còn có khả năng tác động đến hầu hết ngành nghề khác. Chính phủ các nước có thể ứng dụng Big Data để dự đoán tỷ lệ thất nghiệp, xu hướng nghề nghiệp của tương lai, giải quyết vấn đề tắc nghẽn giao thông ở các thành phố lớn; hoặc cải thiện tốt hơn công tác an ninh và thực thi pháp luật, như chống âm mưu khủng bố, gián điệp, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công không gian mạng, bắt tội phạm, dự đoán hoạt động tội phạm và phát hiện các giao dịch gian lận v.v. Trong lĩnh vực y tế, khả năng tính toán, phân tích dữ liệu lớn cho phép giải mã chuỗi DNA trong vài phút để dự đoán mô hình bệnh, tìm ra phương pháp chữa trị hiệu quả nhất; theo dõi, dự đoán sự phát triển hoặc bùng phát của dịch bệnh để giám sát và giảm thiểu thiệt hại của chúng. Trong tương lai ở mọi lĩnh vực, từ y tế, điện tử, sản xuất, công nghiệp, viễn thông, giải trí, bán lẻ, hàng không, ngân hàng, tài chính ... ai nắm được thông tin, biết khai thác và xử lý hàng nghìn tỉ byte dữ liệu, người đó sẽ quản lý tốt hơn và có được lợi thế cạnh tranh hơn hẳn.

Dữ liệu lớn còn mang lại nhiều lợi ích cho mỗi cá nhân, vì vậy, việc cá nhân sử dụng các ứng dụng của dữ liệu lớn ngày càng trở nên phổ biến, như đồng hồ thông minh, vòng đeo tay thông minh cho người đeo biết được về mức tiêu thụ calo, mức hoạt động, mô hình giấc ngủ của chính họ, từ đó có phương thức điều chỉnh cuộc sống hay phương pháp điều trị bệnh thích hợp; các trang web hẹn hò trực tuyến lớn nhất đang áp dụng công nghệ Big Data và các thuật toán để tìm kiếm người phù hợp nhất cho khách hàng.

Với lợi thế dân số trẻ, khoảng 95 triệu người và tỉ lệ sử dụng Internet khoảng 57% thì Việt Nam được xem là thị trường dữ liệu lớn Big Data hàng đầu khu vực châu Á<sup>85</sup>. Một trong những ứng dụng phổ biến nhất của Big Data mà

---

<sup>85</sup> Số liệu được cung cấp tại Diễn đàn dữ liệu quốc tế *Big Data Innovation Summit 2016* tổ chức tại TP Hồ Chí Minh ngày 27/8/2016. Nguồn: <http://baodautu.vn/doanh-nghiep-viet-nam-ngoai-tren-mo-vang-du-lieu-ma-chua-dung-hieu-qua-d50691.html>.

người Việt Nam rất quen thuộc đó là ứng dụng Uber. Ứng dụng này, hoạt động trên nguyên lý Big Data, cho phép hành khách và tài xế liên hệ với nhau để tự động xác định một mức giá phù hợp nhất mà hành khách phải trả cho tài xế. Đối với mỗi hành trình, Uber thu thập dữ liệu, phân tích chúng để biết được nhu cầu thuê xe ở các khu vực địa lý khác nhau. Nhờ vào việc thu thập, lưu trữ và phân tích một lượng dữ liệu khổng lồ, Uber tạo ra các thuật toán để kiểm soát được điều kiện giao thông và thời gian đi lại thực tế trong từng thời điểm.

Như vậy, trong thời đại của Big Data, một lượng dữ liệu khổng lồ về con người đang được Chính phủ, doanh nghiệp thu thập hằng ngày. Nhưng có một sự thật đáng lo ngại đó là việc thu thập, lưu trữ, sử dụng và chia sẻ lượng dữ liệu khổng lồ này không nằm trong tầm kiểm soát.

Mỗi ngày có 2,5 tỷ Gigabyte dữ liệu được tạo ra bằng cách thu thập từ mọi vật dụng mà cá nhân sử dụng, từ điện thoại di động cho đến thiết bị gia dụng của gia đình. Điều này đã làm mất những gì được coi là thông tin riêng tư của mỗi cá nhân vì tất cả mọi thông tin riêng tư đều có thể bị thu thập mà chính cá nhân đó không hề biết. Việc chia sẻ các thông tin được coi là dữ liệu cá nhân như số thẻ tín dụng, địa chỉ email, số điện thoại, số thẻ bảo hiểm y tế v.v... trên thực tế cũng rất khó kiểm soát.

Trong thời đại ngày nay, khi người ta online hàng ngày, hàng giờ không ngắt, cộng với sự trợ giúp của Big Data, thì việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trở nên một thách thức vô cùng lớn không chỉ cho các chuyên gia bảo mật mà còn cho các nhà làm luật.

## **2. Cloud computing và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

**Cloud Computing (Điện toán đám mây)** là một mô hình điện toán sử dụng công nghệ máy tính và phát triển dựa vào Internet. Thuật ngữ “*đám mây*” là một cách nói ẩn dụ nhằm giải thích một cách đơn giản về Cloud Computing, đó là các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ - thay vì nằm tại các máy tính gia đình, máy tính văn phòng, là những máy tính đặt trên mặt đất như truyền thống – thì giờ đây chúng nằm tại các máy chủ ảo (đám mây) trên Internet, để ở bất cứ vị trí địa lý nào mọi người đều có thể kết nối và sử dụng.

Tuy vậy, công nghệ điện toán đám mây cũng bộc lộ những rủi ro, đặc biệt trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Ngoài sự lo ngại về việc bị tấn công gây mất dữ liệu, thì các thông tin người dùng và dữ liệu của họ chứa trên điện toán đám mây liệu có đảm bảo được riêng tư, hoặc các thông tin đó liệu có bị sử dụng vì một mục đích nào khác hay không là một trong những vấn đề rất đáng quan ngại mà người dùng băn khoăn khi sử dụng. Bởi điều này phụ thuộc gần như hoàn toàn vào trách nhiệm, thậm chí là đạo đức nghề nghiệp của nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây trong việc thực hiện những cam kết của họ đối với cá nhân người dùng. Lo ngại này lại càng trở nên quan trọng khi khách hàng sử



dụng điện toán đám mây là cá nhân không có nhiều kiến thức và hiểu biết về công nghệ.

### **3. Internet of Thing và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân**

**Internet of Things (Internet kết nối vạn vật - IoT)** là một xu hướng công nghệ mới đang được phát triển rất nhanh chóng làm thay đổi cách sống và phương thức làm việc của con người. Tuy nhiên, cùng với tốc độ phát triển của IoT thì vấn đề an toàn và đảm bảo quyền riêng tư trong IoT là một trong những thách thức đáng lưu tâm của các chuyên gia an toàn thông tin và các nhà hoạch định chính sách.

Trong môi trường IoT, tất cả các thiết bị đều có thể kết nối với nhau qua mạng Internet. Các thiết bị này có thể là điện thoại thông minh, máy pha cà phê, máy giặt, tai nghe, bóng đèn chiếu sáng ... có kết nối wifi và khả năng cảm biến. Theo dự báo của các chuyên gia, đến năm 2020 sẽ có khoảng 50 tỷ thiết bị, đồ dùng có thể được kết nối Internet theo công nghệ IoT. Lợi ích của IoT mang lại rất lớn đối với người dùng. Hiện nay, IoT được sử dụng phổ biến trong các ứng dụng về theo dõi sức khỏe, nhà thông minh, phát triển xe hơi tự lái v.v....

Với số lượng và cơ cấu dân số đang ở tỷ lệ vàng, Việt Nam là một thị trường rất tiềm năng cho các ứng dụng IoT trong các lĩnh vực: Quản lý trong giao thông vận tải, trong nông nghiệp, môi trường, ngôi nhà thông minh, theo dõi và chăm sóc sức khỏe trong y tế, vận hành và giám sát trong nhà máy. Trong lĩnh vực giao thông, một số công ty đã phát triển hệ thống thu phí đường bộ tự động ở Việt Nam thông qua hệ thống IoT. Khi xe ô tô lưu thông qua các trạm thu phí, hệ thống sẽ tự động nhận diện và tự động tính phí cho xe.

Nhưng cùng với những lợi ích do IoT mang lại thì nguy cơ mất an toàn thông tin, trong đó có các dữ liệu cá nhân, ngày càng thường trực. Lượng thông tin về người dùng thu thập được trong IoT là lớn hơn rất nhiều so với Internet truyền thống, thậm chí, có thể dùng chúng để xây dựng được một hồ sơ cá nhân hoàn chỉnh của người dùng. Trong khi đó, đã có rất nhiều nghi ngờ về sự thiếu an toàn và các quy định về an toàn trong IoT. Hầu hết mọi người đều cho rằng quy định hiện hành chưa thể kiểm soát, điều khiển được tính riêng tư trong IoT do sự đa dạng của thiết bị IoT và số lượng lớn các nhà sản xuất. Với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của IoT thì các quy định về đảm bảo tính riêng tư hiện đang chưa theo kịp.

Với một người dùng bình thường không có nhiều kiến thức và kinh nghiệm về mặt công nghệ, làm thế nào để có thể biết được một sản phẩm được kết nối với Internet có bảo đảm được dữ liệu cá nhân của mình hay không? Mỗi cá nhân, khi mua hàng hóa, vật dụng mang về, thường họ chỉ đơn giản là cắm điện vào để sử dụng mà thôi. Họ không đủ kiến thức và kinh nghiệm để truy vết được

xem các thiết bị smartphone, máy pha cà phê, máy giặt của mình gửi dữ liệu đi đâu, mã hóa tới mức nào, có lộ thông tin cá nhân gì trong đó hay không. Điều nguy hiểm là khi các cảm biến được tích hợp vào những món đồ mà thường ngày mỗi cá nhân sử dụng và tự động ghi lại mọi hoạt động của cá nhân đó (mà có thể họ không hề biết), việc rò rỉ ra ngoài có thể sẽ trở thành thảm họa bởi công nghệ IoT cho phép nhà sản xuất thu thập dữ liệu mọi lúc mọi nơi. Các chuyên gia đã từng cảnh báo về khả năng các loại cảm biến và thiết bị đo thông minh qua công nghệ IoT có thể biến ngôi nhà của một người tiêu dùng thành “bể cá” – tức hoàn toàn “trần trụi” hoặc “trong suốt” - trước các công cụ marketing, trước cảnh sát và thậm chí trước cả bọn tội phạm.

Chính vì vậy mà câu hỏi về tính bảo mật của các thiết bị IoT đang là một trong những vấn đề rất được quan tâm hiện nay. Trong khi đó, cả trên bình diện quốc tế lẫn quốc gia, hiện chưa có bất kỳ quy định nào về bảo mật dữ liệu dành cho các thiết bị IoT. Đầu năm 2016, Ủy ban Thương mại Liên bang Mỹ (FTC) đã công bố một báo cáo IoT đưa ra một số gợi ý liên quan đến việc sử dụng dữ liệu của doanh nghiệp sản xuất hoặc cung cấp các vật dụng, đó là “*hạn chế thu thập dữ liệu của người tiêu dùng và giữ thông tin chỉ trong một thời gian nhất định, không phải vô hạn*”.

#### **4. Internet, mạng xã hội, các thiết bị thông minh và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân**

Ngày nay, với nền công nghệ, máy móc phát triển, gần như mọi người có thể mang theo cả thế giới thông tin trong người. Nếu ngày xưa chỉ có những chiếc máy tính để bàn cồng kềnh, hay laptop thì nay là iPad, Tablet, hoặc những điện thoại thông minh như Iphone, Android, Blackberry... cũng có thể xử lý tốt các công việc công sở hằng ngày. Giờ đây, thiết bị di động đã trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực và không thể thiếu đối với mỗi cá nhân. Thiết bị di động hiện nay không chỉ thực hiện một nhiệm vụ nghe gọi mà nó còn chứa các ứng dụng, tài liệu, danh tính, thông tin được lưu trữ, hình ảnh, sở thích, email, thông tin y tế, dữ liệu tài chính, địa chỉ và các thông tin khác về thành viên trong gia đình hoặc người liên quan và hầu hết những thứ này đều cho phép truy cập không hạn chế.

Việc truy cập Internet qua các thiết bị thông minh như smarphone, tablette để vào các mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram v.v... giờ đây đã trở nên quá phổ biến đối với các công dân của Thế kỷ XXI. Wifi công cộng – thậm chí là miễn phí – đang được nhân rộng ở khắp nơi làm tăng nguy cơ an ninh thông tin cá nhân (khi truy cập Internet bằng các thiết bị di động). Lợi ích của Wifi miễn phí trên diện rộng là không thể phủ nhận, người sử dụng có thể kết nối Internet một cách thuận tiện mà không phải mất thêm một khoản chi phí nào. Tuy nhiên, sự phát triển quá mạnh mẽ của thiết bị di động cùng với sự thuận tiện của mạng lưới Wifi miễn phí đã đẩy người dùng vào những rủi ro mất

an ninh, an toàn thông tin như bị nghe lén, tấn công lừa đảo, bị sử dụng, phát tán dữ liệu cá nhân, bị giả mạo hoặc đánh cắp danh tính; thậm chí có thể gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng tới những thành viên khác trong gia đình hoặc người quen. Vì vậy, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình sử dụng Internet, mạng xã hội qua các thiết bị thông minh đã trở nên một thách thức vô cùng lớn đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách, cả dưới góc độ pháp lý lẫn góc độ kỹ thuật; cả trên phạm vi toàn cầu cũng như tại Việt Nam.

Ở Việt Nam, chế định quyền riêng tư hay quyền bảo vệ thông tin cá nhân đã được quy định tại nhiều văn bản pháp luật. Tuy nhiên, các quy định này hiện nay phần lớn là các quy định về việc bảo vệ quyền riêng tư trong đời sống nói chung, tức việc bảo vệ quyền này được quy định theo một chế định chung không phân biệt là trong môi trường trực tuyến (online) hay môi trường ngoại tuyến (offline). Gần đây, một số đạo luật chuyên ngành mới có một số quy định, chủ yếu dưới dạng các nguyên tắc chung và chưa đủ cụ thể, dành riêng cho việc bảo vệ thông tin cá nhân trên Internet hoặc môi trường số. Điều đó cho thấy khung pháp lý của Việt Nam về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường internet và kỹ thuật số hiện nay còn rất mỏng, chưa có những quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với những chủ thể ứng dụng/sử dụng công nghệ Big Data, Cloud computing, Internet of Thing như đã phân tích ở trên.

Kể từ khi bước sang Thế kỷ 21, những biến đổi mới về khoa học công nghệ, đặc biệt trong công nghệ kỹ thuật số và Internet đã mang tới những phương pháp và công cụ làm việc mới, làm thay đổi các quan hệ vốn có trong xã hội. Điều đó đòi hỏi những nhà làm chính sách cần dành một thời lượng thích hợp cho các quy định điều chỉnh việc bảo vệ thông tin cá nhân trên internet và môi trường số.

**PHẦN 2**  
**BÁO CÁO NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CHUYÊN MÔN**

## MỤC LỤC

STT	TÊN NỘI DUNG	TRANG
1	<b>Lý luận về quyền bí mật dữ liệu cá nhân</b> <i>TS. Lê Đình Nghị</i>	
2	<b>Lý luận về chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân</b> <i>GS.TS Thái Vĩnh Thắng</i>	
3	<b>Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân</b> <i>NCS. Nguyễn Quỳnh Liên</i>	
4	<b>Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực y tế, tài chính</b> <i>PGS.TS. Vũ Công Giao-Ths. Dương Thị Ngọc Chiến</i>	
5	<b>Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục</b> <i>PGS. TS. Trần Thị Hiền</i>	
6	<b>Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số, truyền thông, báo chí</b> <i>TS. Nguyễn Thị Thu Vân</i>	
7	<b>Rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; nghiên cứu pháp luật một số nước Châu Âu, Châu Á về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và yêu cầu đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam</b>	

	<i>TS. Chu Mạnh Hùng</i>	
8	<p><b>Bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam</b></p> <p style="text-align: center;"><i>PGS.TS. Vũ Công Giao – ThS. Phạm Thị Hậu</i></p>	
9	<p><b>Nghiên cứu pháp luật của một số nước khu vực Đông Nam Á về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và một số kinh nghiệm cho Việt Nam</b></p> <p style="text-align: center;"><i>TS. Nguyễn Thị Kim Ngân</i></p>	
10	<p><b>Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân</b></p> <p style="text-align: center;"><i>TS. Nguyễn Thị Hạnh</i></p>	
11	<p><b>Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân</b></p> <p style="text-align: center;"><i>TS. Dương Thị Thanh Mai</i></p>	

## *Chuyên đề 1*

### **Lý luận về quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

*TS. Lê Đình Nghị*

*Trường Đại học Luật Hà Nội*

Hiện nay, chúng ta đang sống trong một thế giới thiếu an toàn trên mọi phương diện. Mặc dù Nhà nước đã có những nỗ lực rất lớn trong việc bảo vệ các quyền của cá nhân, tuy nhiên bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào, quyền của cá nhân cũng có thể bị xâm phạm - trong đó có quyền về bí mật dữ liệu cá nhân.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân chưa được ghi nhận trong một văn bản pháp luật cụ thể của Việt Nam, vấn đề này chỉ được đề cập với vai trò là một nội dung của quyền về đời sống riêng tư được quy định trong Bộ luật dân sự hoặc các nội dung liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Luật về căn cước công dân, pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng...

Trong môi trường mạng xã hội ngày càng phát triển, hệ thống công nghệ thông tin ngày càng hiện đại, các dữ liệu cá nhân có thể được tiếp cận và phát tán một cách dễ dàng vì nhiều mục đích khác nhau. Với mong muốn có một cơ chế pháp lý vững chắc bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân, bài viết tập trung phân tích các vấn đề lý luận cơ bản về quyền bí mật dữ liệu cá nhân, bao gồm: (i) Khái niệm bí mật dữ liệu cá nhân, quyền bí mật dữ liệu cá nhân; (ii) Đặc điểm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân; (iii) Nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

#### **1. Khái niệm bí mật dữ liệu cá nhân, quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Quyền con người với những cơ sở xã hội và ý nghĩa to lớn của nó luôn luôn là một trong những mục tiêu của mọi cuộc cách mạng tiến bộ trong lịch sử xã hội loài người. Qua các giai đoạn lịch sử xã hội khác nhau, quyền con người luôn là tâm điểm chú ý của các trường phái, tư tưởng triết học, chính trị, đạo đức và pháp lý. Con người là vốn quý của xã hội, vì vậy các quyền của con người cần được quan tâm và được đảm bảo thực hiện - đặc biệt là trong xã hội văn minh.

Con người - với tư cách là thực thể xã hội và thực thể pháp lý, từ khi sinh ra cho đến khi chết đi sẽ có vô số những thông tin liên quan đến bản thân mình. Những thông tin này vừa phục vụ cho bản thân cá nhân trong quá trình sinh sống, học tập, lao động, chữa bệnh... nhưng cũng đồng thời có thể ảnh hưởng đến đời sống của mỗi cá nhân nếu các chủ thể khác nắm bắt được thông tin và

sử dụng thông tin đó vào những mục đích bất hợp pháp, trái pháp luật và xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân.

“Thông tin” được hiểu là “Tin tức về các sự kiện diễn ra trong thế giới xung quanh”<sup>86</sup>. Đối với cá nhân, thông tin cá nhân có thể được hiểu bao gồm những hiểu biết có được về một cá nhân nào đó. Phạm vi các thông tin thuộc về cá nhân là rất rộng lớn. Đó có thể là những thông tin liên quan đến cuộc đời của cá nhân được thể hiện ở nhiều hình thức chứa đựng thông tin khác nhau như một câu chuyện, hình ảnh, những trang nhật ký, những kỷ vật, nhóm máu, xu hướng tình dục, tín ngưỡng, chủng tộc, v.v... Các thông tin đó có thể có từ khi cá nhân mới sinh ra, thông tin trong suốt cuộc đời của cá nhân và thậm chí ngay kể cả khi cá nhân đã chết.

Tổng hợp các thông tin liên quan đến cá nhân sẽ được tập hợp thành “Dữ liệu cá nhân”. Tuy nhiên, không phải thông tin nào liên quan đến cá nhân cũng có thể nằm trong dữ liệu cá nhân.

Bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm hai vấn đề: “Dữ liệu cá nhân” và “Bí mật”. Có những dữ liệu cá nhân không thuộc về bí mật như tên gọi, khuôn mặt, dáng đi... Do đó cần làm rõ khái niệm “Dữ liệu cá nhân” và “Bí mật”.

Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật nào đưa ra định nghĩa “Dữ liệu cá nhân”. Tuy nhiên, khái niệm “Dữ liệu” đã được đề cập trong Luật Giao dịch điện tử. Theo Khoản 5, Điều 4, Luật Giao dịch điện tử thì “*Dữ liệu là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.*”

Từ cách tiếp cận trên đây, có thể đưa ra khái niệm “Dữ liệu cá nhân” như sau:

*Dữ liệu cá nhân là tất cả các thông tin liên quan đến một cá nhân dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được thu thập, lưu giữ (kể cả thông qua việc tiếp nhận thông tin từ cơ quan, tổ chức được phép chuyển giao) bởi một cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

Đối với khái niệm “Bí mật”, có nhiều cách hiểu khác nhau:

Theo cuốn Đại từ điển Tiếng Việt thì bí mật được giải thích là “giữ kín, không để lộ ra, không công khai”<sup>87</sup>.

Một cách giải thích khác thì cho rằng<sup>88</sup>: *Bí mật “là thông tin cần che giấu, chỉ để một số nhất định những người có liên quan được biết. Những thông tin được xác định là bí mật chỉ mang ý nghĩa tương đối. Dưới góc độ này hay đối*

---

<sup>86</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), “Đại từ điển Tiếng Việt”, Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, trang 1587.

<sup>87</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), “Đại từ điển Tiếng Việt”, Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, trang 155.

<sup>88</sup> <http://vi.wikipedia.org/wiki/>



với một bên thì nó có thể cần phải che đậy, giữ kín, nhưng dưới góc độ khác, đối với bên khác nó có thể không cần che giấu. Tính bí mật có được do những gì chứa đựng trong thông tin đó có liên quan đến một điều gì đó mà nếu để người không có nhiệm vụ biết thì có thể sẽ gây ảnh hưởng xấu, gây thiệt hại cho bên cần che giấu.

*Bí mật thông thường được chia làm 3 cấp độ, từ thấp đến cao là: Mật; Tối mật; Tuyệt mật.”.*

Như vậy, theo sự giải thích này thì bí mật được xác định bởi các yếu tố sau:

- Bí mật là những “thông tin”;
- Những “thông tin” này được che giấu bằng những biện pháp, cách thức khác nhau;
- Những “thông tin” được coi là bí mật này nếu để người không có nhiệm vụ biết thì có thể sẽ gây ảnh hưởng xấu, gây thiệt hại cho bên cần che giấu thông tin.

Tuy nhiên, quan điểm này cũng cho rằng những “thông tin” được coi là bí mật cũng chỉ mang tính tương đối.

Khái niệm “bí mật” được hiểu “*giữ kín, không để lộ ra, không công khai*”. Như vậy, việc giữ kín, không công khai xét trong nội dung chúng tôi đang nghiên cứu liên quan đến các thông tin và đó là những thông tin không bộc lộ công khai. Tất nhiên, những thông tin này chỉ có người nắm giữ bí mật hoặc người liên quan bí mật này được biết đến. Tính “bí mật” này có thể được xác định theo các tiêu chí cụ thể như:

- Bản thân thông tin đó đã mang tính bí mật. Việc xác định thông tin mang tính bí mật có thể dựa vào bản chất của thông tin, có thể xác định theo quy định của pháp luật (thư tín, điện thoại, tình trạng bệnh tật... - những thông tin này đã có văn bản pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành xác định rõ đó là bí mật mà không được tiết lộ hoặc xâm phạm).

- Người nắm giữ thông tin có thể đã áp dụng mọi biện pháp để bảo mật như khoá, cài đặt mã số bảo vệ, hoặc áp dụng mọi biện pháp bảo vệ khác.

- Giữa “chủ sở hữu thông tin bí mật” với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đã có sự thoả thuận về nghĩa vụ giữ bí mật.

Tuy nhiên, chúng ta sẽ không coi là “bí mật” nếu những thông tin đó xâm phạm lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Trong trường hợp này việc tiết lộ thông tin sẽ không bị coi là “xâm phạm bí mật”.

Từ cách tiếp cận “Dữ liệu cá nhân” và “Bí mật”, có thể hiểu “Bí mật dữ liệu cá nhân” là tất cả các thông tin liên quan đến một cá nhân dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được thu thập, lưu giữ (kể cả thông qua việc tiếp nhận thông tin từ cơ quan, tổ chức được phép chuyển giao) bởi một cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà bản thân cá nhân đó không muốn công khai hoặc theo quy định của pháp luật không được công khai.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân chưa được quy định trong một văn bản pháp lý cụ thể. Trên thực tế, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có thể hiểu là một nội dung của quyền bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Điều 21, Hiến pháp 2013 quy định:

*“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.*

*Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.*

*2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.*

*Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.”*

Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.*

*2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.*

*3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.*

*Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.*

*4. Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Trên cơ sở tiếp cận quyền bí mật dữ liệu cá nhân dưới góc độ là nội dung của quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau:

Theo nghĩa rộng, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một phạm trù pháp lý, theo đó chỉ cá nhân có dữ liệu hoặc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép theo quy định của pháp luật mới có quyền đối với bí mật dữ liệu cá nhân đó. Quyền đó có thể là quyền thu thập thông tin, công khai hoặc không công khai, cho phép chủ thể khác tiếp cận, lưu trữ, chuyển giao hoặc không cho phép chuyển giao, yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ khi bị xâm phạm quyền.

Theo nghĩa hẹp, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền của một chủ thể cụ thể đối với dữ liệu của một cá nhân.

## 2. Đặc điểm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân có nội hàm rộng, do đó việc chỉ ra các đặc điểm của quyền bí mật dữ liệu cá nhân là cơ sở để xác định phạm vi quyền của chủ thể cũng như xác định hành vi vi phạm.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân có các đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, các thông tin tạo thành dữ liệu cá nhân phải được thu thập hợp pháp.

Việc sử dụng dữ liệu cá nhân có thể đem lại nhiều hậu quả tích cực hoặc tiêu cực cho cơ quan nhà nước cũng như cho bản thân cá nhân, điều này phụ thuộc vào độ tin cậy của dữ liệu. Do đó, việc thu thập dữ liệu cá nhân phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai*, quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một quyền tương đối.

Sở dĩ khẳng định quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền tương đối vì phạm vi chủ thể “hưởng quyền” rất rộng. Ngoài cá nhân có dữ liệu có quyền đối với dữ liệu của mình, trong một số trường hợp dữ liệu này còn được sử dụng bởi cơ quan, tổ chức hoặc chủ thể khác, bất luận cá nhân có quyền bí mật dữ liệu cá nhân có đồng ý hay không.

*Thứ ba*, quyền bí mật dữ liệu cá nhân có tính lịch sử và có sự khác biệt ở mỗi quốc gia.

Mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, pháp luật của quốc gia sẽ có những quy định khác nhau liên quan đến thu thập, sử dụng... dữ liệu cá nhân khác nhau. Mặt khác, dựa trên nền tảng có sự khác biệt về văn hóa, chính trị, tôn giáo... mà mỗi quốc gia khác nhau sẽ có quy định khác nhau về việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân khác nhau.

*Thứ tư, quyền bí mật dữ liệu cá nhân tồn tại ngay cả khi cá nhân chết.*

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một trong những nội dung năng lực pháp luật của cá nhân. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi cá nhân sinh ra và chấm dứt khi người đó chết hoặc bị Tòa án ra quyết định tuyên bố là đã chết. Quyền bí mật dữ liệu cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ trong suốt cuộc đời của cá nhân. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, khi cá nhân không thể tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình (mất năng lực hành vi dân sự, không có năng lực hành vi dân sự...) thì người đại diện theo pháp luật có thể thực hiện việc bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân bằng cách áp dụng các biện pháp bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ.

Nếu như chúng ta khẳng định “*Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết*” (Điều 16, BLDS 2015) thì dường như đối với các quyền nhân thân của cá nhân lại là trường hợp ngoại lệ, điều đó có nghĩa là kể cả sau khi cá nhân chết thì các quyền nhân thân vẫn được pháp luật bảo vệ.

Điều 25, Khoản 2 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*...Việc xác lập, thực hiện quan hệ dân sự liên quan đến quyền nhân thân của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó; trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác..*”

Như vậy, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, khi cá nhân còn sống nếu như việc công bố bí mật dữ liệu cá nhân mà không được sự đồng ý của họ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống, sinh hoạt của bản thân cá nhân đó (trừ trường hợp thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Khi cá nhân chết, những thông tin, tư liệu liên quan đến cá nhân này vẫn được pháp luật bảo vệ bởi điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của những người thân thích của họ. Do đó, thu thập công bố dữ liệu cá nhân khi cá nhân đã chết thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý.

### 3. Nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân

#### 3.1. Cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có quyền đối với dữ liệu cá nhân

Phạm vi các thông tin trong dữ liệu cá nhân thuộc về mỗi cá nhân khác nhau là rất rộng lớn. Đó có thể là những thông tin liên quan đến cuộc đời của cá nhân được thể hiện ở nhiều hình thức chứa đựng thông tin khác nhau như tình trạng bệnh tật, tôn giáo, quan điểm chính trị, quá trình công tác, án tích... Các

thông tin đó có thể có từ khi cá nhân mới sinh ra, thông tin trong suốt cuộc đời của cá nhân và thậm chí kể cả khi cá nhân đã chết.

Như vậy cá nhân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền công bố hoặc không công bố các thông tin này, khi các chủ thể được phép công bố nhưng không công bố - điều đó có nghĩa là các dữ liệu này được coi là “bí mật”. Bất cứ hành vi nào tiết lộ các dữ liệu mà không được phép của người có thẩm quyền sẽ bị coi là xâm phạm quyền đối với bí mật dữ liệu cá nhân.

Trên thực tế, hiện nay pháp luật của nước ta quy định phạm vi các quyền của cá nhân đối với bí mật dữ liệu cá nhân vẫn chỉ mang tính chất chung chung mà chưa có sự chỉ dẫn cụ thể. Điều này có thể dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau liên quan đến nội dung của quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Có những thông tin có sự công khai hoá trong một khoảng thời gian nhất định và một số người trong nhiệm vụ, thẩm quyền của mình đã biết những thông tin này thì họ có thể được phép tiết lộ thông tin đó hay không? Ví dụ: Một người phạm tội và đã bị xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi mãn hạn tù, người này trở về với cuộc sống xã hội thường nhật và nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện do Nhà nước quy định họ có thể được xoá án tích. Thông tin về người này đã phạm tội trong quá khứ, bị xử lý... có thể được coi là bí mật dữ liệu cá nhân hay không và chúng ta có thể công bố thông tin này được không? Theo quy định của một số quốc gia trên thế giới (Anh, Úc...) thì những thông tin này cũng được coi là bí mật và không được phép tiết lộ trừ những trường hợp đặc biệt do pháp luật quy định...

Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định: “Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản..” (Điều 2). Một trong những nguyên tắc quản lý lý lịch tư pháp là: “Bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân” (Điều 4). Điều 8 Luật Lý lịch tư pháp quy định về các hành vi bị cấm, theo điều luật này thì những hành vi sau đây bị cấm:

*“1. Khai thác, sử dụng trái phép, làm sai lệch, hủy hoại dữ liệu lý lịch tư pháp.*

*2. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp sai sự thật.*

*3. Giả mạo giấy tờ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.*

*4. Tẩy xoá, sửa chữa, giả mạo Phiếu lý lịch tư pháp.*

*5. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp có nội dung sai sự thật, trái thẩm quyền, không đúng đối tượng.*

6. Sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp của người khác trái pháp luật, xâm phạm bí mật đời tư của cá nhân.”

### 3.2. Quyền thu thập thông tin

Thu thập thông tin là một nội dung quan trọng của quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Để có thể có dữ liệu cá nhân hoàn chỉnh, việc thu thập thông tin là yêu cầu cần thiết, quyền này có thể được thực hiện bởi cá nhân (là một trong những chủ thể quyền của dữ liệu) hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cách thức triển khai, phương pháp thu thập thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu cá nhân phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

### 3.3. Quyền công khai hoặc không công khai dữ liệu cá nhân

Như chúng tôi đã tiếp cận từ cách đặt vấn đề, dữ liệu cá nhân có ý nghĩa quan trọng đối với không chỉ riêng cá nhân có thông tin trực tiếp liên quan đến dữ liệu mà còn có ý nghĩa đối với Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân khác. Do đó, việc công khai hoặc không công khai dữ liệu cá nhân có thể thuộc về các chủ thể sau:

- Bản thân cá nhân có dữ liệu;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền theo quy định của pháp luật;
- Bên thứ ba (theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật);
- Chủ thể khác được pháp luật cho phép.

### 3.4. Quyền cho phép chủ thể khác tiếp cận, lưu trữ dữ liệu cá nhân

Việc tiếp cận, lưu trữ dữ liệu cá nhân cũng liên quan mật thiết tới quyền khai thác, sử dụng thông tin trong dữ liệu cá nhân. Do đó, cá nhân hoặc chủ thể có quyền khác theo quy định của pháp luật cũng có quyền cho phép hoặc không cho phép chủ thể khác tiếp cận, lưu trữ dữ liệu cá nhân.

### 3.5. Quyền chuyển giao hoặc không cho phép chuyển giao dữ liệu cá nhân

Việc chuyển giao dữ liệu cá nhân về nguyên tắc phải được sự đồng ý của bản thân cá nhân đó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp việc chuyển giao dữ liệu cá nhân có thể được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ thể khác theo quy định của pháp luật.

3.6. Quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ khi bị xâm phạm quyền.

Khi dữ liệu cá nhân bị khai thác, sử dụng, công bố trái pháp luật, cá nhân có dữ liệu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm phải chấm dứt hành vi xâm phạm, phải bồi thường thiệt hại./.



## Chuyên đề 2

**Lý luận về chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

*GS.TS Thái Vĩnh Thắng*

*Đại học Luật Hà Nội*

### **1. Lý luận về chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

1.1. Khái niệm bí mật cá nhân, quyền riêng tư và bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam hiện nay

Bí mật cá nhân có thể được hiểu là những gì gắn với nhân thân con người, là những thông tin, tư liệu liên quan đến cá nhân về tinh thần, vật chất và quan hệ xã hội trong quá khứ cũng như trong hiện tại mà cá nhân đó không muốn tiết lộ.

Quyền bí mật đời tư của cá nhân là quyền cơ bản của con người được hình thành trên cơ sở quyền riêng tư được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quyền riêng tư là quyền con người điều khiển cuộc sống của mình như mình mong muốn với sự can thiệp ít nhất của bên ngoài.

Quyền bí mật đời tư và quyền riêng tư là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến giai đoạn văn minh. Xã hội càng văn minh thì quyền bí mật đời tư và quyền riêng tư càng được tôn trọng và bảo vệ và đó là những pháo đài bất khả xâm phạm của cá nhân con người.

Việc bảo vệ bí mật cá nhân trên thực tế được thực hiện bằng việc bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Dữ liệu cá nhân trong các văn bản pháp luật ở Việt Nam thường được dùng là “*thông tin riêng*” hoặc “*thông tin cá nhân*”, “*thông tin về bí mật đời tư*”, “*thông tin về bí mật cá nhân, bí mật gia đình*”, “*thông tin về đời sống riêng tư*”. Thuật ngữ “*thông tin riêng*” với nghĩa là dữ liệu cá nhân trong Luật Viễn thông năm 2009 đã được định nghĩa tại Điều 6 của Luật này bao gồm: “*tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp*”.

Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 tại Khoản 15 Điều 3 đã xác định: “*thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính của một người cụ thể*”. Tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và



thông tin trên mạng đã xác định “*thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật*”. Còn tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử định nghĩa: “*Thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể bao gồm tên tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật*”.

Từ các khái niệm trên đây chúng ta có thể đưa ra khái niệm bí mật dữ liệu cá nhân như sau: *Bí mật dữ liệu cá nhân là bí mật những thông tin gắn liền với việc xác định danh tính cá nhân bao gồm tên tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và các thông tin khác gắn liền với nhân thân con người mà cá nhân không muốn tiết lộ cho người khác biết.*

## 1.2. Các đặc điểm của bí mật dữ liệu cá nhân

a) *Mang tính cá nhân*: Các dữ liệu bí mật cá nhân như thông tin y tế, số tài khoản giao dịch ngân hàng, quan hệ tình cảm, quan hệ gia đình, quan hệ nhân thân, địa chỉ nhà ở... đều là những thông tin mang tính cá nhân, nghĩa là chỉ thuộc về sở hữu của một người duy nhất;

*Mang tính bí mật*: Những bí mật dữ liệu cá nhân mang tính bí mật nghĩa là đối với những thông tin này, cá nhân hay tổ chức có thông tin không được tiết lộ cho người khác biết. Căn cứ để pháp luật bảo vệ sự bí mật của những thông tin này là các dữ liệu thông tin thuộc quyền riêng tư (right of privacy) của con người.

*Việc công bố trái với ý muốn của người sở hữu thông tin*: Bí mật dữ liệu cá nhân là những thông tin mà người sở hữu thông tin muốn giữ kín cho riêng mình. Việc giữ kín thông tin của người sở hữu thông tin có thể do nhiều lý do khác nhau, có thể vì đó là quyền riêng tư của người sở hữu thông tin, cũng có thể vì lợi ích chính đáng của những người thân thiết mà người sở hữu thông tin muốn bảo vệ.

*Việc công bố tạo ra sự bất lợi hoặc gây thiệt hại cho người sở hữu thông tin*: Những thông tin thuộc bí mật cá nhân nếu công bố thường sẽ gây ra sự phiền toái, hoặc tổn thất về mặt vật chất hay tinh thần cho người sở hữu thông tin. Chẳng hạn khi nhận một đứa trẻ bị bỏ rơi làm con nuôi từ khi còn ba, bốn tháng tuổi, những người là bố, mẹ nuôi muốn đứa trẻ bị bỏ rơi coi họ như bố mẹ đẻ nên không muốn cho bất kỳ ai biết đứa trẻ là con nuôi vì vậy họ yêu cầu trại trẻ mồ côi, nơi họ nhận đứa trẻ nuôi, không được tiết lộ cho ai biết thông tin về

sự kiện trên. Trong trường hợp này, nếu thông tin bị tiết lộ sẽ ảnh hưởng đến tâm lý đứa bé và là điều bất lợi cho bố mẹ nuôi.

### 1.3. Chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Trong mỗi quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân có chủ thể, khách thể, nội dung của quan hệ pháp luật. Nếu khách thể của quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân là những thông tin thuộc quyền riêng tư của cá nhân như y bạ, tài khoản ngân hàng, thư tín, điện thoại, điện tín, các quan hệ thân thân, các quan hệ gia đình... thì chủ thể của quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân có thể là thể nhân hoặc pháp nhân. Thể nhân có thể là mọi người gồm công dân Việt Nam, công dân nước ngoài và người không quốc tịch vì quyền bí mật dữ liệu cá nhân không những là quyền của công dân mà là quyền con người, được thể hiện trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền 1948 (Điều 12) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị 1966 (Điều 17). Các pháp nhân cũng có thể là chủ thể của quan hệ pháp luật về quyền bí mật dữ liệu cá nhân khi họ là các chủ thể có trách nhiệm bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Đối với các thể nhân năng lực hưởng quyền bí mật dữ liệu cá nhân xuất hiện từ khi người đó sinh ra và kết thúc khi người đó chết. Năng lực chịu trách nhiệm pháp lý gắn liền với năng lực hành vi của các thể nhân. Căn cứ vào Điều 21 Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015, có thể xác định tuổi từ 15 đến chưa đủ 18 tuổi là tuổi mà các thể nhân chịu trách nhiệm pháp luật hạn chế, còn từ 18 tuổi trở lên thể nhân chịu mọi trách nhiệm pháp lý do hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Trong các quan hệ pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân có nội dung là quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến cơ chế bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu của một cá nhân đòi hỏi các pháp nhân và các cá nhân khác khi tham gia quan hệ pháp luật phải tôn trọng và không được tiết lộ các thông tin thuộc bí mật đời tư của cá nhân. Việc thực hiện nghĩa vụ này phù hợp với quy định của khoản 4 Điều 15 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.”

## 2. Cơ sở lý luận pháp luật về quyền riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân và thực tiễn bảo vệ các quyền riêng tư, bí mật dữ liệu cá nhân ở một số nước trên thế giới

### 2.1. Hoa Kỳ

Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787 không có quy định nào về quyền riêng tư, tuy nhiên các tu chính án của Hiến pháp đã khắc phục hạn chế này. Tu chính án thứ nhất đã bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân về tự do tôn giáo: “Quốc hội sẽ không ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập một tôn giáo hoặc ngăn cấm

quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, báo chí và quyền của dân chúng được hội họp và kiến nghị chính phủ sửa chữa những điều gây bất bình”. Tu chính án thứ hai bảo vệ quyền riêng tư và bất khả xâm phạm về nhà ở của cá nhân chống lại sự tùy tiện của quân đội: “Không một quân nhân nào trong thời bình được đóng quân trong bất cứ nhà dân nào nếu không được sự đồng ý của chủ nhà và ngay trong thời chiến cũng chỉ theo quy định của luật pháp”. Tu chính án thứ tư bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản đã quy định: “Quyền của con người được đảm bảo về cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và tài sản khỏi mọi sự khám xét và bắt giam, quyền này sẽ không bị vi phạm. Không một lệnh, trát nào được cấp nếu không có lý do xác đáng căn cứ vào lời tuyên thệ hoặc sự xác nhận, đặc biệt cần miêu tả chính xác địa điểm khám xét, người và đồ vật bắt giữ”. Tu chính án thứ năm bảo vệ các quyền con người liên quan đến tư pháp hình sự: “Không một ai bị buộc phải chịu trách nhiệm về một tội nghiêm trọng hay một tội xấu xa khác nếu không có sự tường trình và cáo trạng của bồi thẩm đoàn, trừ những trường hợp xảy ra trong lục quân, hải quân hoặc trong lực lượng dự bị, khi đang thi hành công vụ trong thời chiến hoặc trong tình trạng xã hội gặp hiểm nguy. Không một ai sẽ bị kết án hai lần về cùng một tội có nguy hại đến tính mạng và thân thể; không một ai bị buộc phải làm chứng chống lại chính mình trong một vụ án hình sự và bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản, nếu không qua một quá trình xét xử theo đúng quy định của luật; không một tài sản tư hữu nào bị trưng dụng vào việc công mà không được đền bồi thỏa đáng. Tu chính án thứ chín của Hiến pháp Hoa Kỳ có quy định mà Hiến pháp các nước khác cũng nên tiếp nhận phương pháp tư duy này là: *“việc quy định các quyền trong Hiến pháp không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp các quyền khác của người dân”*. Sẽ là thiếu sót khi nói về Hiến pháp Hoa Kỳ và vai trò của nó trong việc bảo vệ quyền riêng tư nếu không nói đến tu chính án thứ mười bốn. Tu chính án thứ mười bốn của Hiến pháp Hoa Kỳ được thông qua vào ngày 9/7/1868 tại Khoản 1 đã quy định: “Tất cả những người sinh ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc được nhập quốc tịch ở Hoa Kỳ và thuộc thẩm quyền tài phán ở đó, đều là công dân của Hoa Kỳ và của bang mà họ sinh sống. Không một bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Không một bang nào có quyền tước đoạt sinh mệnh, tự do và tài sản của một công dân mà không theo một quy trình do luật định. Cũng không một bang nào có thể phủ nhận quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng của một cá nhân trong phạm vi thẩm quyền tài phán của bang đó. Những tu chính án trên đây là cơ sở pháp lý vững chắc để các tòa án ở Hoa Kỳ bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Những quy định trên đây tưởng chừng như chỉ là những con hổ giấy, nhưng khi được các thẩm phán Hoa Kỳ áp dụng trên công đường chúng đã trở thành những con hổ thực, khiến cho bất kỳ ai có quyền lực cũng không dám lạm dụng quyền lực, vì vậy mà người dân đã tin tưởng vào Hiến pháp, bảo vệ Hiến pháp, làm cho Hiến pháp

có sức mạnh thực sự, trở thành công cụ có hiệu quả nhất trong việc bảo vệ các quyền con người và công dân trong đó có quyền riêng tư.

Quyền riêng tư tiếng Anh là “Right to privacy”, như đã phân tích ở trên, cơ sở hình thành quyền này đã được quy định trong các tu chính án của Hiến pháp Hoa kỳ, nhưng trước năm 1890, trong khoa học pháp lý và trong kiện tụng tại tòa án chưa xuất hiện khái niệm pháp lý này. Năm 1890 Samuel D. Warren và Louis D. Brandeis lần đầu tiên công bố bài báo “The Right to Privacy” (Quyền riêng tư). Trong công trình nghiên cứu của mình hai nhà luật học đã phân tích và lập luận rằng các cá nhân được bảo vệ một cách đầy đủ về thân thể và tài sản là một nguyên tắc tồn tại lâu đời như pháp luật đã tồn tại. Nhưng cùng với thời gian càng ngày người ta thấy cần phải xác định chính xác bản chất và nội dung của sự bảo vệ này. Các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội thay đổi đòi hỏi sự thừa nhận các quyền mới và luật pháp luôn luôn phát triển để đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Thời xa xưa pháp luật chỉ bảo vệ khi có sự xâm phạm thân thể và tài sản của con người. Khi đó khái niệm “right to life” được hiểu là quyền cá nhân được bảo vệ khỏi sự cưỡng bức thân thể dưới những hình thức khác nhau, tự do được hiểu là không bị cưỡng bức về thân thể. Quyền sở hữu được hiểu đơn giản là mảnh đất và gia súc của mình. Về sau, người ta hiểu quyền sống rộng hơn, bao gồm cả đời sống tinh thần, tình cảm và tri thức. Dần dần khái niệm các quyền pháp lý mở rộng ra. Giờ đây quyền sống (right to life) được hiểu là quyền hưởng thụ cuộc sống - quyền được riêng tư một mình (right to enjoy life - right to be let alone) còn khái niệm sở hữu (property) giờ đây được hiểu rộng hơn bao gồm cả sở hữu tài sản hữu hình và vô hình. Trước đây quan niệm bảo vệ cá nhân chỉ đơn giản là chống lại các hành vi bạo lực xâm phạm thân thể con người, dần dần việc bảo vệ cá nhân mở rộng sang cả việc chống tiếng ồn, mùi hôi, bụi trong không khí, khói và độ rung. Luật quy định về cấm các hành vi quấy nhiễu (Law of nuisance) được hình thành. Phạm vi bảo vệ cá nhân được mở rộng từ thân thể sang phạm vi tình cảm con người. Danh dự, nhân phẩm con người được pháp luật bảo vệ và luật về việc cấm các hành vi vu khống, phỉ báng ( Law of slander and libel) đã ra đời. Quan hệ gia đình của con người trở thành một bộ phận của quan điểm pháp luật về đời sống của con người. Cùng với quá trình mở rộng phạm vi quyền sống (right to life) của con người, khái niệm quyền sở hữu tài sản cũng mở rộng từ quyền sở hữu tài sản hữu hình sang cả quyền sở hữu tài sản vô hình và xuất hiện hàng loạt tài sản vô hình như quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật, uy tín thương mại (goodwill), bí mật thương mại (trade secrets) và thương hiệu (trade-marks). Sự phát triển của văn minh loài người gắn liền với sự phát triển của trí tuệ, tình cảm, tư duy và vẻ đẹp của đời sống tinh thần. Vì vậy, quyền riêng tư mà thẩm phán Cooley gọi là “right to be let alone” (quyền được ở một mình) cần được tòa án thừa nhận và pháp luật bảo vệ. Công trình nghiên cứu này đã có ảnh hưởng

lớn đến giới luật gia, dẫn đến việc hình thành khái niệm mới trong ngôn ngữ pháp lý của những nước nói tiếng Anh: “Right to privacy”. Trước khi bài báo này được công bố, các tòa án ở Hoa Kỳ không công nhận quyền riêng tư, nhưng từ khi bài báo nói trên được công bố Tòa án Hoa Kỳ đã giải quyết hàng trăm vụ việc liên quan đến chủ đề “Right to privacy”. Trong hệ thống pháp luật Common law, trong các vi phạm pháp luật dân sự (The Common law of torts), các luật gia thường thấy có 5 loại vi phạm phổ biến xâm phạm quyền riêng tư:

- Khi nơi ở và sự riêng tư bị đe dọa;
- Khi thông tin riêng tư của họ bị công khai cho dân chúng;
- Khi thông tin về họ không đúng sự thật (bị vu khống, bôi nhọ);
- Khi bị ai đó đặt trùng tên mà không được sự đồng ý của họ;
- Khi có sự cạnh tranh không lành mạnh bằng việc trộm cắp bí mật thương mại.<sup>89</sup>

Ngoài 5 loại xâm phạm quyền riêng tư phổ biến trên đây, thực tiễn xét xử của các Tòa án ở Hoa Kỳ còn cho thấy sự phong phú, đa dạng và phức tạp của nhiều loại vi phạm quyền riêng tư khác và pháp luật về quyền riêng tư theo đó đã phát triển theo thời gian và các sự kiện đã xảy ra trong thực tiễn.

Công trình nghiên cứu này đã có ảnh hưởng lớn đến giới luật gia và làm hình thành khái niệm mới trong ngôn ngữ pháp lý của những nước nói tiếng Anh: “Right to privacy”. Trước khi bài báo này được công bố các tòa án ở Hoa Kỳ không công nhận quyền riêng tư, nhưng từ khi bài báo nói trên được công bố Tòa án Hoa Kỳ đã giải quyết hàng trăm vụ việc liên quan đến chủ đề “Right to privacy”.

#### a) Vụ án Meyer kiện bang Nebraska năm 1923

Tòa án tối cao Hoa Kỳ vào những năm 1920 đã ra hai phán quyết bảo vệ quyền riêng tư của công dân Hoa Kỳ dựa trên quy định của Tu chính án thứ XIV - cấm các bang ban hành các luật làm hạn chế các đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Trong vụ án Meyer kiện bang Nebraska (năm 1923) Tòa án tối cao đã tuyên bố Luật của bang Nebraska cấm dạy tiếng Đức và các ngoại ngữ khác đối với trẻ em chưa đủ 9 tuổi là vi hiến. Các nhà làm luật của bang Nebraska đã cho rằng việc dạy tiếng nước ngoài cho trẻ em sớm như vậy có thể dẫn đến trẻ em sẽ yêu những tư tưởng và có tình cảm đối với nước ngoài hơn là nước mình. Tòa án tối cao đã bác bỏ luật này vì cho rằng nó đã vi phạm quyền riêng tư của bố mẹ và thầy giáo được lựa chọn chương trình học tốt nhất cho trẻ em là con cái của họ. Hai năm sau đó trong vụ kiện của Pierce kiện

---

<sup>89</sup> [www.legal-dictionary.thefreedictionary.com/right+of+privacy](http://www.legal-dictionary.thefreedictionary.com/right+of+privacy).

Society of Sisters Tòa án tối cao đã tuyên đạo luật của bang Oregon buộc tất cả trẻ em phải học ở trường công là vi hiến vì như vậy đồng nghĩa với việc các trường tư và các trường học của tôn giáo phải đóng cửa và vi phạm quyền tự do lựa chọn trường học của cha mẹ cho con cái họ bị vi phạm<sup>90</sup>.

Từ những năm 1930 đến những năm 1960 quyền riêng tư đã trở nên phổ biến trong hoạt động lập pháp cũng như trong thực tiễn xét xử ở tòa án<sup>91</sup>. Sau Đại chiến thế giới thứ hai quyền riêng tư được ghi nhận trong Hiến pháp của Đức năm 1949, trong Công ước về bảo vệ các quyền con người của châu Âu năm 1950 (La Convention européenne de sauvegarde des droits de l'homme en 1950).

b) Vụ án Griswold kiện bang Connecticut năm 1965, vụ án Roe kiện Wade năm 1972

Những năm 1960 - 1970 là giai đoạn thứ hai phát triển về quyền riêng tư với đặc điểm của giai đoạn này là Tòa án tối cao Hoa Kỳ thừa nhận quyền phòng ngừa và nạo phá thai của phụ nữ là quyền riêng tư với vụ án nổi tiếng lúc bấy giờ là Griswold kiện bang Connecticut năm 1965. Năm 1965 với vụ án Griswold kiện bang Connecticut Tòa án đã tuyên đạo luật của bang Connecticut cấm các cặp vợ chồng dùng thuốc tránh thai là luật vi hiến vì vi phạm quyền riêng tư của công dân. Với vụ án Roe kiện Wade năm 1972 Tòa án đã thừa nhận trong khái niệm quyền riêng tư có quyền nạo phá thai của phụ nữ.

c) Vụ án Stanley kiện bang Georgia năm 1969

Năm 1969 trong vụ án Stanley kiện bang Georgia Tòa án đã tuyên rằng quyền sở hữu và xem tranh ảnh khóa thân (bao gồm cả tranh ảnh khóa thân là cơ sở để truy tố một vụ án hình sự đối với người sản xuất và phát hành) trong nhà riêng của mình là quyền riêng tư của một người. Về vụ án Stanley kiện bang Georgia thẩm phán nổi tiếng Marshall đã viết: *“Mặc dù có thể bênh vực cho các đạo luật khác điều chỉnh sự thô tục của nhục dục nhưng chúng ta không nghĩ rằng chúng có thể xâm phạm đến chốn riêng tư của một ai trong ngôi nhà của chính mình. Nếu tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ có một ý nghĩa nào đó thì đó chính là một nhà nước sẽ không phải bận tâm với một người, ngôi ở nhà một mình, trong chính ngôi nhà của mình đọc cuốn sách gì hay xem phim gì. Toàn bộ lịch sử và truyền thống hiến pháp của chúng ta sẽ nổi loạn nếu chúng ta có ý nghĩ trao cho chính phủ quyền kiểm soát tinh thần của con người”*.

---

<sup>90</sup> [www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy](http://www.law2.utkc.edu/faculty/projects/ftrials/conlaw/rightofprivacy)

<sup>91</sup> <http://www.carn.info/revue-droit-et-societe-2005-3-page-765.htm>

d) Vụ án Ravin kiện bang Alaska năm 1975, vụ án Moore kiện East Cleveland năm 1977

Với vụ án Moore kiện East Cleveland năm 1977 Tòa án tối cao đã tuyên một pháp lệnh về nhà ở (Housing ordinance) của chính quyền bang là vi hiến vì đã cấm một người bà (grandmother) không được sống cùng các cháu trai của bà (grandsons). Tòa án đã lập luận rằng Hiến pháp bảo vệ tình cảm thiêng liêng của gia đình vì tình cảm đó có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử và truyền thống gia đình, việc lựa chọn sắp xếp cuộc sống của những người máu mủ thân thiết hoàn toàn không phải là công việc của chính quyền bang mà là quyền riêng tư.

e) Vụ án Cruzan kiện bang Missouri năm 1990

Trong vụ án Cruzan kiện Bộ y tế (Department of Health) bang Missouri Tòa án đã tuyên bố các cá nhân có quyền riêng tư của mình là quyền an tử nghĩa là có quyền quyết định chấm dứt cuộc sống của mình nếu ở trong tình trạng bệnh tật nghiêm trọng, đau đớn kéo dài mà không có hy vọng cứu chữa khỏi. Sự kéo dài cuộc sống chỉ làm cho bệnh nhân kéo dài sự đau đớn về thể xác và tinh thần. Trong trường hợp này quyền được chết (an tử) được thừa nhận là quyền riêng tư có giá trị nhân đạo.

f) Vụ án Lawrence kiện bang Texas năm 2003

Những thập kỷ gần đây, pháp luật về quyền riêng tư đã phát triển lên một giai đoạn mới. Ở Hoa Kỳ sau nhiều năm không thừa nhận quan hệ đồng tính luyến ái là quyền riêng tư thì với vụ án Lawrence kiện bang Texas (năm 2003) thẩm phán Anthony Kennedy đã coi các quan hệ đồng tính luyến ái là quyền riêng tư<sup>92</sup>. Với quan điểm này thẩm phán Anthony đã tuyên bố luật của bang Texas đã vi hiến vì xâm phạm quyền riêng tư khi cấm các hành vi thủ dâm của người đồng tính (a state law prohibiting homosexual sodomy). Luật này đã trái với quy định của Tu chính án thứ mười bốn (Khoản 1) của Hiến pháp Hoa Kỳ trong đó đã quy định: “Không một bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ.” Về vụ án Lawrence kiện bang Texas, thẩm phán tòa án tối cao Hoa kỳ Kennedy đã bình luận:

*“ Những vấn đề này đã can thiệp đến những điều thầm kín nhất mà mỗi một cá nhân có thể lựa chọn trong cuộc sống của mình, những lựa chọn thể hiện sự độc lập và phẩm cách cá nhân là trung tâm của quyền tự do mà Tu chính án thứ 14 của Hiến pháp bảo vệ. Quyền quyết định quan điểm tồn tại của chính mình là trái tim của tự do, có ý nghĩa toàn cầu và bí ẩn của đời sống con người. Những người thỉnh cầu hoàn toàn có thể xứng đáng để tôn trọng cuộc sống*

---

<sup>92</sup> <http://www.carn.info/revue-droit-et-societe-2005-3-page-765.htm>

*riêng tư của họ. Nhà nước không thể hạ thấp sự tồn tại của họ hoặc kiểm soát số mệnh của họ bằng việc coi hành vi tình dục riêng tư của họ là tội phạm”<sup>93</sup>*

## 2.2. Pháp

### 2.2.1. Cơ sở lý luận pháp luật về bí mật dữ liệu cá nhân

Theo luật sư Anthony Bem, mỗi người chúng ta đều có quyền bảo vệ bí mật sâu kín trong sự tồn tại của chúng ta, với mục đích không để chúng trở thành miếng mồi của sự tò mò của công chúng<sup>94</sup>. Quyền riêng tư và bí mật cá nhân trong thời đại ngày nay, càng trở nên quan trọng vì cuộc sống con người càng văn minh thì tự do cá nhân, quyền riêng tư (*d'être laissé tranquille/ right to be left alone*) càng được tôn trọng. Tuy nhiên, trong thời đại bùng nổ thông tin, với các phương tiện thông tin hiện đại như internet, các mạng xã hội như facebook, youtube, google, các mạng thư điện tử như yahoo, gmail... càng phát triển thì việc bảo vệ bí mật cá nhân và đời sống riêng tư càng có nhiều thách thức hơn.

Về cơ sở pháp lý bảo vệ quyền riêng tư ở Pháp trước hết phải nói đến Bộ luật dân sự. Đoạn 1 Điều 9 Bộ luật dân sự (Luật Nghị viện ban hành ngày 17/7/1970) quy định: “Mọi người đều có quyền tôn trọng đời tư của mình” (*Chacun a droit au respect de sa vie privée*). Đoạn 2 Điều 9 Bộ luật dân sự xác định: “Ngoài biện pháp yêu cầu bồi thường thiệt hại, thẩm phán có thể quyết định mọi biện pháp như giao tài sản cho người khác quản lý, kê biên tài sản và các biện pháp khác, nhằm ngăn chặn hoặc buộc chấm dứt hành vi xâm phạm bí mật đời tư; trong trường hợp khẩn cấp, các biện pháp này có thể được quyết định theo thủ tục khẩn cấp tạm thời.”

Trong pháp luật Pháp, theo Anthony Bem, không có định nghĩa thế nào là đời tư, tuy nhiên thực tiễn xét xử ở tòa án cho thấy quyền riêng tư bao gồm các vấn đề sau đây:

- Các quan hệ tình dục (*Les relations sexuelles*): tất cả các cá nhân đều có quyền tổ chức tự do đời sống tình dục của mình. Liên quan đến vấn đề này các thông tin liên quan các quan hệ đồng tính luyến ái (*homosexualité*) phải được thể hiện theo tinh thần tôn trọng quyền riêng tư và không có sự phân biệt;

- Đời sống tình cảm (*La vie sentimentale*): sự can thiệp vào đời sống tình cảm của một người (nhân tình, li hôn, li thân...);

---

<sup>93</sup> The Issue: Does the Constitution protect the right of privacy? If so, what aspect of privacy receive protection? – [www.law2.umkc.edu/faculty/project/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/](http://www.law2.umkc.edu/faculty/project/trials/conlaw/rightofprivacy.htm/)

<sup>94</sup> Nguyên văn tiếng Pháp: *Chacun de nous a le droit de garder secret l'intimité de son existence, afin de ne pas être livré en pâture à la curiosité publique.*



- Đời sống gia đình (La vie familiale): sự can thiệp vào đời sống gia đình như tiết lộ bí mật thư tín, nhà ở, nơi nghỉ ngơi cuối tuần, khả năng và tư cách làm mẹ, làm bố, ảnh chụp gia đình nơi tư gia...;

- Tình trạng tài chính (situation financière) của gia đình, của người bố, người mẹ;

- Các kỷ niệm cá nhân (Souvenirs personnels) như các giai thoại, các bí mật thuộc về đời sống riêng tư. Chỉ các cá nhân liên quan đến bí mật đó mới có quyền quyết định công bố hay không;

- Tình trạng sức khỏe (Etat de santé): bí mật nghề y buộc các thầy thuốc không tiết lộ những bí mật riêng tư của bệnh nhân thể hiện sự tôn trọng đời sống riêng tư của bệnh nhân;

Điều 16-8 Bộ luật dân sự Pháp quy định: “không ai được phép công bố bất kỳ thông tin nào cho phép xác định người cho, người nhận bộ phận cơ thể người hoặc sản phẩm từ cơ thể người. Người cho không được phép biết danh tính của người nhận và ngược lại. Trong trường hợp cần thiết vì mục đích chữa bệnh, chỉ các bác sĩ của người cho và người nhận mới được phép tiếp cận những thông tin cho phép xác định danh tính của họ. Trong trường hợp thông tin bị tiết lộ thì bệnh viện nơi thực hiện các phẫu thuật của người cho và người nhận phải chịu trách nhiệm pháp lý”. Việt Nam cần phải học tập kinh nghiệm này của Pháp để hoàn thiện pháp luật của mình.

- Niềm tin chính trị và tôn giáo (Convictions politiques ou religieuses): các ý kiến của cá nhân về chính trị và niềm tin tôn giáo cũng được coi là vấn đề riêng tư của cá nhân mà mọi người phải tôn trọng.

Thực tiễn tố tụng ở Pháp liên quan đến việc bảo vệ bí mật cá nhân cho thấy căn cứ vào mức độ vi phạm và hậu quả của nó, tòa án có thể áp dụng cả chế tài dân sự và hình sự đối với cá nhân hoặc tổ chức vi phạm.

2.2.2. Các chế tài pháp luật đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu đời tư ở Pháp

Thực tiễn hoạt động xét xử ở Pháp cho thấy tòa án đã áp dụng các chế tài pháp luật xử phạt nhiều hành vi tiết lộ bí mật dữ liệu đời tư. Những người là nạn nhân của các hành vi tiết lộ bí mật cá nhân có thể kiện lên tòa án để được tòa giải quyết các vấn đề sau đây:

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác hại của hành vi vi phạm như tịch biên, hủy bỏ, tạm giữ các tài liệu làm lộ bí mật cá nhân người khác của người có hành vi vi phạm;

- Phạt tiền nhằm đền bù thiệt hại cho người bị hại;

- Thông báo quyết định của tòa án lên báo chí cho công chúng biết.

Bên cạnh các giải pháp mang tính dân sự trên đây, Tòa án cũng có thể áp dụng các biện pháp hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối với các cá nhân vi phạm họ có thể bị phạt tù và bị phạt tiền đến 45.000 euros. Đối với các pháp nhân, họ có thể bị phạt tiền nhiều gấp 5 lần so với các cá nhân, nghĩa là có thể bị phạt đến 225.000 euros.<sup>95</sup>

Bộ luật hình sự Pháp và một số bộ luật khác có các quy định sau đây liên quan đến các tội xâm phạm bí mật đời tư:

- Tội xâm phạm nhà ở (Điều 226-4 và 432-8 Bộ luật hình sự);
- Tội vi phạm bí mật thư tín (Điều 226-15 và Điều 432-9 Bộ luật hình sự);
- Tội vi phạm bí mật nghề nghiệp (Điều 226-13 Bộ luật hình sự, Điều 11 Khoản 2 Bộ luật chung về thuế (Code General des Imports) , Điều L 103 Quyển thủ tục thuế (Livre des procedure fiscales).

Ngoài các quy định trên đây Điều 226-31 Bộ luật hình sự Pháp đã xác định một số hình phạt phụ có thể áp dụng đối với tội vi phạm bí mật đời tư:

- Cấm các quyền dân sự, cá nhân và gia đình;
- Cấm các hoạt động nghề nghiệp xã hội trong lĩnh vực liên quan đến việc phạm tội;
- Cấm sử dụng vũ khí trong thời hạn 5 năm đối với người có thẩm quyền sử dụng súng trước khi phạm tội;
- Thông báo bằng áp-phích và công bố công khai hình phạt của tòa án đối với người phạm tội;
- Tịch thu công cụ hoặc phương tiện đã phục vụ hoặc dùng cho mục đích thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm bí mật đời tư.

3. Cơ sở lý luận bảo vệ bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam quyền riêng tư và quyền bí mật cá nhân đã được ghi nhận trong Hiến pháp, Bộ luật dân sự hiện hành và một số văn bản pháp khác.

Việc xác định chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trước hết phải dựa trên cơ sở pháp luật quốc tế và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Điều 12 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền (UDHR) và Điều 17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị đều xác định: *“Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống*

---

<sup>95</sup> Anthony Bem – Le droit au respect de la vie privée : definion, conditions et sanctions – [www.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definion-conditions-16644.htm#.WNRTSB-n\\_NE](http://www.legavox.fr/blog/maitre-anthony-bem/droit-respect-privée-definion-conditions-16644.htm#.WNRTSB-n_NE)

riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy”. Điều 21 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 đã quy định: “1. Mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. 2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng rẽ khác. Không được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác”. Điều 22 của Hiến pháp năm 2013 bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người dân: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Việc khám xét chỗ ở do luật định” (khoản 2 và 3 Điều 22). Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015 tại Điều 38 cũng đã quy định quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, theo đó:

- Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ ( khoản 1 Điều 38);

- Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác (khoản 2 Điều 38);

- Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân phải được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định (khoản 3 Điều 38);

- Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác (khoản 4 Điều 38).

Như vậy, có thể khẳng định quyền bí mật dữ liệu cá nhân là quyền con người, nghĩa là quyền của mọi người và mọi công dân. Chủ thể thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân là tất cả mọi người bao gồm: công dân Việt Nam, công dân nước ngoài và người không có quốc tịch.

4. Xác định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc đảm bảo thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Việc xác định trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc đảm bảo thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân phức tạp hơn việc xác định

chủ thể thực hiện quyền bí mật cá nhân. Để xác định cá nhân, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc đảm bảo thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân cần phải nhận diện và phân loại các hình thức bí mật dữ liệu.

Bí mật dữ liệu đời tư có thể được hiểu là những thông tin, tư liệu về tinh thần, vật chất, quan hệ xã hội và những thông tin khác liên quan đến cá nhân trong quá khứ cũng như trong hiện tại được pháp luật bảo vệ và những thông tin đó được bảo mật bằng những biện pháp mà pháp luật thừa nhận. Bí mật đời tư là những gì gắn với thân nhân con người mà mỗi một con người là một thế giới riêng tư vì vậy mà bí mật đời tư rất đa dạng, rất tế nhị, rất đặc biệt. Dữ liệu bí mật riêng tư có thể là hình ảnh, cuộc sống gia đình, tên gọi, thuế bạ, tài sản cá nhân và gia đình, tình trạng sức khỏe, bệnh tật (y bạ), các thư tín, điện thoại, điện tín, bạn bè thân, nguồn thu nhập hợp pháp, con ngoài giá thú, tình nhân, di chúc... Có thể khẳng định rằng văn hóa xã hội càng cao, quyền con người càng được tôn trọng thì quyền bí mật cá nhân càng được nhà nước và xã hội tôn trọng.

Dữ liệu bí mật cá nhân, như đã trình bày trên, có 4 đặc điểm là: mang tính cá nhân; mang tính bí mật; việc công bố trái với ý muốn của người sở hữu thông tin; việc công bố tạo ra sự bất lợi hoặc gây thiệt hại cho người sở hữu thông tin. Dựa trên các đặc điểm trên đây chúng ta sẽ nhận diện dữ liệu bí mật cá nhân và chủ thể có liên quan phải chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi xâm phạm bí mật dữ liệu cá nhân:

Những người thu thập, lưu giữ, sử dụng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân mà không được người đó đồng ý hoặc thu thập lưu giữ thông tin, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình mà không được các thành viên trong gia đình đồng ý thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015;

Những người bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác mà không được người đó đồng ý và không phải trong trường hợp pháp luật quy định cho người có thẩm quyền phục vụ hoạt động điều tra hình sự phải chịu trách nhiệm pháp luật theo khoản 3 Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên trong hợp đồng trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng nếu tiết lộ các thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, mà họ biết được phải chịu trách nhiệm pháp lý trên cơ sở quy định của khoản 4 Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 72 Luật công nghệ thông tin năm 2005: “Thông tin riêng hợp pháp của tổ chức cá nhân trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng được đảm bảo bí mật theo quy định của pháp luật” và điểm e

khoản 4 Điều 9 của Luật nói trên: “Khi hoạt động trên môi trường mạng, cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm độ tin cậy và bí mật của nội dung thông tin trong việc gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng”. Quy định trên đây của luật là cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Luật giao dịch điện tử năm 2005 đã xác định: khi tiến hành giao dịch điện tử, cơ quan nhà nước phải quy định cụ thể về các quy trình bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn và bí mật của giao dịch điện tử. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong quá trình giao dịch điện tử (khoản 2 Điều 46 Luật giao dịch điện tử).

Khoản 2 Điều 21 Luật công nghệ thông tin 2005 đã quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thu thập, xử lý, sử dụng thông tin của người khác như sau:

a) Thông báo cho người đó biết về hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người đó;

b) Sử dụng đúng mục đích thông tin cá nhân thu thập được và chỉ lưu trữ những thông tin đó trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật hoặc theo sự thỏa thuận giữa hai bên;

c) Tiến hành các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ thay đổi hoặc phá hủy;

d) Tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra lại, đình chính hoặc hủy bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này; không được cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân liên quan cho đến khi thông tin đó được đình chính lại.

- Luật Viễn thông năm 2009 tại khoản 4 Điều 6 đã xác định: “Doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp trừ các trường hợp người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin, các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông để phục vụ việc tính giá cước, lập hóa đơn và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 tại Điều 10 (điểm a, khoản 3) đã xác định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ

thông tin “tuân thủ quy định về lưu trữ thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân”.

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP tại Điều 69 quy định chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng đã xác định thương nhân, tổ chức, cá nhân thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng phải xây dựng và công bố chính sách bảo vệ thông tin cá nhân với các nội dung: mục đích thu thập thông tin cá nhân; phạm vi sử dụng thông tin cá nhân; thời gian lưu trữ thông tin; những người hoặc tổ chức có thể tiếp cận thông tin đó; địa chỉ của đơn vị thu thập và quản lý thông tin, bao gồm cách thức liên lạc để người tiêu dùng có thể hỏi về hoạt động thu thập và xử lý thông tin liên quan đến cá nhân mình; phương thức và công cụ để người tiêu dùng tiếp cận và chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình trên hệ thống thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin. Những nội dung trên phải được hiển thị rõ ràng cho người tiêu dùng trước và hoặc tại thời điểm thu thập thông tin. Nếu việc thu thập thông tin được thực hiện qua website thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin, chính sách bảo vệ thông tin cá nhân phải được công bố công khai tại một vị trí dễ thấy trên website này.

- Điều 70 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP đã quy định về nghĩa vụ của người, tổ chức thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng trên website thương mại điện tử phải xin phép người tiêu dùng và phải được sự đồng ý trước của người tiêu dùng có thông tin đó. Đơn vị thu thập thông tin phải thiết lập cơ chế để chủ thể thông tin được lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin cá nhân của họ một cách rõ ràng, thông qua các chức năng trực tuyến trên website, thư điện tử, tin nhắn, hoặc những phương thức khác theo thỏa thuận giữa hai bên. Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế riêng để chủ thể thông tin được lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin cá nhân của họ trong những trường hợp sau: chia sẻ, tiết lộ, chuyển giao thông tin cho bên thứ ba hoặc sử dụng thông tin cá nhân để gửi quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và các thông tin có tính thương mại khác.

- Tại khoản 4 Điều 70 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP đã xác định các trường hợp mà đơn vị thu thập thông tin không cần được sự đồng ý trước:

a) Thu thập thông tin cá nhân đã công khai trên các website thương mại điện tử;

b) Thu thập thông tin cá nhân để ký kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ;

c) Thu thập thông tin cá nhân để tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP đơn vị thu thập thông tin phải sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng vào đúng mục đích quy định và trong phạm vi đã thông báo trừ các trường hợp sau:

- a) Có một thỏa thuận riêng với chủ thể thông tin về mục đích và phạm vi sử dụng thông tin ngoài những mục đích và phạm vi đã thông báo;
- b) Để cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm theo yêu cầu của chủ thể thông tin;
- c) Thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP đơn vị thu thập thông tin phải đảm bảo an toàn, an ninh cho thông tin cá nhân mà họ thu thập, lưu trữ, ngăn ngừa các hành vi: đánh cắp hoặc phá hủy thông tin trái phép; sử dụng thông tin trái phép; thay đổi, phá hủy thông tin trái phép.

Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến việc thông tin cá nhân bị sử dụng sai mục đích hoặc phạm vi đã thông báo. Trong trường hợp hệ thống thông tin bị tấn công làm phát sinh nguy cơ mất thông tin của người tiêu dùng, đơn vị lưu trữ thông tin phải thông báo cho cơ quan chức năng trong vòng 24 giờ sau khi phát hiện sự cố. Chủ thể thông tin có quyền yêu cầu đơn vị thu thập thông tin thực hiện việc kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh hoặc hủy bỏ thông tin của mình. Đơn vị thu thập thông tin có nghĩa vụ kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh, hủy bỏ thông tin cá nhân khi có yêu cầu hoặc cung cấp cho chủ thể thông tin công cụ để tự kiểm tra cập nhật, điều chỉnh thông tin cá nhân của mình (Điều 73 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP).

Luật trẻ em năm 2015 tại khoản 2 Điều 54 đã xác định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật”.

Ngoài các quy định trên đây của pháp luật, theo nguyên tắc chung cơ quan báo chí phải chịu trách nhiệm khi công bố hình ảnh cá nhân, các thông tin liên quan đến đời sống gia đình, tình trạng hôn nhân, tình trạng sức khỏe, nguồn thu nhập gia đình... mà không được phép của cá nhân đó;

Hành vi tiết lộ tình trạng sức khỏe của một người trái với ý muốn của người đó cũng là hình thức xâm phạm bí mật đời tư. Bệnh viện nơi người đó điều trị, khám chữa bệnh và các bác sĩ trực tiếp chữa bệnh có trách nhiệm không tiết lộ tình trạng sức khỏe của người bệnh nếu người đó không muốn cho người khác biết. Một người có quyền phản đối việc tình trạng sức khỏe của mình được bình luận trên một tạp chí để kích thích sự tò mò của độc giả hoặc mục đích cạnh tranh thương mại;

Hành vi tiết lộ địa chỉ, số điện thoại của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó cũng là hành vi xâm phạm sự riêng tư của cá nhân;

Mọi thông tin liên quan đến người lao động như địa chỉ, số điện thoại, người sử dụng lao động không được tiết lộ cho người khác biết;

Việc công bố, đăng tải trên báo chí, vô tuyến truyền hình hình ảnh về dinh thự của một người, kèm theo tên chủ nhà, địa chỉ, vị trí cụ thể của ngôi nhà không có sự cho phép của người đó là xâm phạm quyền riêng tư của cá nhân.

Hành vi tiết lộ ra công chúng tín ngưỡng của một người nhằm mục đích bôi nhọ hoặc phân biệt đối xử là vi phạm quyền riêng tư của một người;

Việc tiết lộ đời sống tình cảm vợ chồng cha con, mẹ con, anh em ruột thịt, quan hệ bạn bè thân tín của một người mà không được sự đồng ý của người đó là xâm phạm quyền riêng tư của con người;

Hành vi tiết lộ dự định ly hôn của đôi vợ chồng mà không được sự đồng ý của người đó là vi phạm quyền riêng tư của con người.

Luật pháp một số nước (ví dụ như Pháp) còn thừa nhận giọng nói cũng là một trong những vấn đề của quyền riêng tư không ai có thể xâm phạm. Mọi người có quyền cấm người khác bắt chước giọng nói của mình trong các tình huống nhạy cảm để nhằm người hay gây thiệt hại cho người đó.

Tên gọi của những người nổi tiếng như nhà văn, nhà thơ, các lãnh tụ chính trị, những người có công với nước được pháp luật bảo vệ và giữ uy tín cho tên tiếng của họ;

Việc đưa một số hình ảnh, bài viết của một người nào đó lên Facebook mà không được sự đồng ý của người đó là vi phạm quyền riêng tư và bí mật cá nhân;

Việc chụp ảnh các dinh thự riêng của các cá nhân, đưa lên mạng với những bình luận nhất định mà không được sự đồng ý của chủ nhà là sự vi phạm quyền riêng tư và bí mật cá nhân của người đó;

Việc người cho thuê nhà dẫn khách đến tham quan khu vực nhà ở đã cho thuê mà không báo trước cho người thuê nhà cũng là vi phạm quyền riêng tư của người thuê nhà;

Việc đăng hồ sơ cá nhân, đăng ảnh riêng tư của người khác lên mạng mà không được sự đồng ý của người đó, công bố chuyện riêng tư người khác lên báo chí, sách, tạp chí, các phương tiện thông tin đại chúng mà chưa được người đó đồng ý là vi phạm quyền riêng tư và bí mật cá nhân. Những cá nhân và tổ chức liên quan đến việc thực hiện các hành vi trên đây phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.



## 5. Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm các quy định của pháp luật và thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Về phương diện pháp luật mặc dù ngoài Hiến pháp và Bộ luật dân sự ở Việt Nam còn có nhiều văn bản pháp luật khác quy định về quyền bí mật dữ liệu cá nhân như Luật công nghệ thông tin năm 2005, Luật Viễn thông năm 2009, Luật an toàn thông tin mạng năm 2015, Luật giao dịch điện tử năm 2005, Luật căn cước công dân năm 2014, Luật trẻ em năm 2015... và một số văn bản dưới luật, tuy nhiên Việt Nam chưa có *Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân* như một số nước trên thế giới và trong khu vực. Trong khu vực Đông Nam Á, Singapore đã ban hành luật này vào năm 2012 ( Personal Data Protection Act 2012), Malaysia đã ban hành luật này vào năm 2010 (Personal Data Protection Act 2010), Philippine cũng đã ban hành luật này năm 2012. Nhiệm vụ của Luật về bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân là tạo ra cơ chế hữu hiệu thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Trong luật này cần phải xây dựng các chế tài xử phạt hành chính, chế tài trách nhiệm bồi thường dân sự và các chế tài hình sự nếu mức độ vi phạm là nghiêm trọng. Đồng thời Luật về bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng quy định về các cơ chế giải quyết khiếu nại về hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân như cơ chế hòa giải, cơ chế khiếu nại hành chính, cơ chế đền bù thiệt hại về vật chất, tinh thần thông qua trình tự tố tụng dân sự, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các vi phạm có hậu quả nghiêm trọng.

Về phương diện thiết chế chuyên trách bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, các quốc gia Đông Nam Á như Singapore, Philippine, Malaysia đều đã thành lập *Ủy ban quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Đây là cơ quan chuyên trách giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, đồng thời đây cũng là cơ quan giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện về quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Cơ quan này cũng có thể tư vấn cho Quốc hội, Chính phủ hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Đồng thời cơ quan này cũng là cơ quan thúc đẩy việc nghiên cứu pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật bảo vệ bí mật cá nhân, quyền riêng tư trong nước cũng như hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu các giải pháp bảo vệ quyền bí mật cá nhân và quyền riêng tư, một quyền cơ bản của con người được Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 thừa nhận mà Việt Nam đã tham gia Công ước này năm 1982. Thiết nghĩ rằng Việt Nam cũng nên học tập kinh nghiệm của các nước trong khu vực thành lập *Ủy ban quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc Ủy ban nhân quyền* để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân cũng như các quyền khác của con người và công dân./.

### *Chuyên đề 3*

## **Đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân**

*NCS. Nguyễn Quỳnh Liên*

*Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính*

Cụ thể hóa quy định về quyền riêng tư, quyền bảo vệ bí mật đời tư trong các bản Hiến pháp năm 1992 và 2013, các luật chuyên ngành đã có những quy định mang tính nguyên tắc về việc bảo vệ theo hướng khẳng định việc nghiêm cấm tiết lộ bí mật đời tư, thông tin cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể của thông tin. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành để xem xét, nghiên cứu những vấn đề đã được quy định, những vấn đề pháp luật còn bỏ ngỏ, còn quy định chưa thống nhất, đồng bộ là rất cần thiết để kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với quy định, tinh thần mới của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền con người, quyền công dân và phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Với mục tiêu đó, chuyên đề này đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành dưới các góc độ sau đây:

### **1. Mục tiêu của rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng pháp luật hiện hành**

*Một là*, đánh giá tổng thể thực trạng pháp luật hiện hành về ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân trên các tiêu chí cụ thể để xác định rõ:

i/ sự phù hợp với tinh thần và quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân và các nguyên tắc giới hạn quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp năm 2013.

ii/ tính đầy đủ, thống nhất, phù hợp, khả thi của các quy định hiện hành về quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân và thực hiện quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân; những vướng mắc, bất cập chồng chéo, mâu thuẫn hoặc những khoảng trống của pháp luật điều chỉnh về trách nhiệm của Nhà nước trong việc ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân

*Hai là*, đề xuất, kiến nghị các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân trên cơ sở bảo đảm cụ thể hóa đầy đủ, chính xác, tinh thần và các quy định của Hiến pháp năm 2013, sự tương thích với Công ước quốc tế về

quyền dân sự, chính trị và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

## **2. Phạm vi**

- Rà soát các quy định của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 về quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân, quyền con người, quyền công dân và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực thi các biện pháp bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền này.

- Rà soát hệ thống pháp luật hiện hành về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân, bao gồm các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước, trong đó tập trung vào các lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những vấn đề có liên quan trực tiếp tới đời sống dân sinh, hoạt động sản xuất - kinh doanh, đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, như tài chính, ngân sách, doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, môi trường, an sinh xã hội, y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, báo chí, khoa học công nghệ...; các lĩnh vực về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ tụng, tư pháp...;

- Rà soát, nghiên cứu Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị, các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết, gia nhập có quy định về quyền tiếp cận thông tin hoặc trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của công dân để đánh giá mức độ nội luật hóa, mức độ tương thích và các yêu cầu cần bảo đảm thực thi trách nhiệm của quốc gia thành viên.

## **3. Phương pháp**

Báo cáo được thực hiện theo các bước sau:

*Bước 1:* Bảng tiêu chí đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành được xây dựng dựa trên các tiêu chí sau đây:

1. Khái niệm thông tin cá nhân/dữ liệu cá nhân
2. Chủ thể có quyền được bảo vệ thông tin cá nhân/dữ liệu cá nhân
3. Quyền bảo vệ thông tin cá nhân của chủ thể thông tin
4. Nghĩa vụ của chủ thể thông tin/dữ liệu
5. Xử lý thông tin cá nhân (Ngoại lệ của quyền bảo vệ thông tin cá nhân)
6. Các hình thức/ phương thức bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân
7. Quy trình bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân
8. Cơ quan bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân
9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nắm giữ thông tin/dữ liệu cá nhân

10. Trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, báo chí đối với bảo vệ thông tin cá nhân

11. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nhà nước trong bảo vệ thông tin cá nhân

12. Các quy định đặc biệt về thông tin cá nhân trong các lĩnh vực (thuế, y tế, hải quan... - nếu có)

*Bước 2:* Tập hợp, rà soát các quy định pháp luật hiện hành trong các lĩnh vực theo các tiêu chí đánh giá.

*Bước 3:* Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá và kết quả rà soát, tập hợp ở bước 2 để chốt lọc, xây dựng nội dung Báo cáo chi tiết.

#### **4. Kết quả rà soát quy định của pháp luật trên các tiêu chí cơ bản bảo đảm quyền bí mật thông tin cá nhân của công dân**

##### ***4.1. Khái niệm thông tin cá nhân/dữ liệu cá nhân***

Khái niệm thông tin cá nhân bước đầu được ghi nhận trong một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, cụ thể:

- Thông tin cá nhân là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể (khoản 15 Điều 3 Luật an toàn thông tin mạng);

- Thông tin cá nhân là thông tin trên mạng gắn với việc xác định danh tính một người cụ thể (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ);

- Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật (khoản 16 Điều 3 Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng);

- Thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật. Thông tin cá nhân trong Nghị định này không bao gồm thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông (Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về thương mại điện tử).

Ngoài khái niệm thông tin cá nhân, một số văn bản quy phạm pháp luật còn sử dụng khái niệm “thông tin riêng”, “thông tin bí mật đời tư” với nội hàm liên quan, cụ thể:

- Thông tin riêng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể (khoản 15 Điều 3 Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng);

- Doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp (khoản 4 Điều 6 Luật viễn thông 2009).

- Ngoài ra, Luật Công nghệ thông tin sử dụng khái niệm thông tin riêng, Luật giao dịch điện tử sử dụng khái niệm “thông tin về bí mật đời tư” nhưng không đưa ra định nghĩa cụ thể.

- Kể từ Hiến pháp 2013, cụm từ “thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình” được sử dụng tại Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Tiếp cận thông tin 2015, Luật Trẻ em 2015. Tuy nhiên, trong tất cả các văn bản nêu trên, chưa văn bản nào đưa ra được định nghĩa cho các khái niệm này.

Như vậy, về cơ bản, khái niệm “thông tin cá nhân” quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đều thống nhất cách hiểu chung về thông tin cá nhân là những thông tin dùng để định danh một cá nhân cụ thể. Tuy nhiên, nếu như tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP khẳng định thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông không được coi là thông tin cá nhân thì tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, mọi thông tin cá nhân không phân biệt đã công khai hay giữ bí mật đều được coi là thông tin cá nhân.

Bên cạnh đó, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP có sự phân biệt giữa khái niệm “thông tin cá nhân” và “thông tin riêng”, theo đó, thông tin cá nhân là thông tin định danh của một cá nhân (không tính đến yếu tố bí mật hay không), còn thông tin riêng là thông tin của cá nhân hoặc tổ chức chưa được công khai hoặc công khai trong phạm vi hẹp nhất định.

#### **4.2. Chủ thể có quyền bảo vệ thông tin cá nhân/dữ liệu cá nhân**

Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta đã quy định: “*Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật*” (Điều 11). Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) lại một lần nữa nhấn mạnh điều này: “*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.*” (Điều 71); “*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không*

*ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp pháp luật cho phép. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.” (Điều 73).*

Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: “(1) Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. (2) Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác”.

Như vậy, trước Hiến pháp năm 2013, quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân nói riêng và quyền riêng tư nói chung được giới hạn là quyền công dân. Hiến pháp năm 2013 đã có sự thay đổi quan trọng khi mở rộng chủ thể của quyền bảo vệ thông tin cá nhân/dữ liệu là “mọi người” mà không chỉ giới hạn là công dân Việt Nam như các bản Hiến pháp trước đây.

Một số luật chuyên ngành khẳng định chủ thể của quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân là cá nhân (khoản 1 Điều 16 Luật an toàn thông tin mạng 2015); người sử dụng dịch vụ bưu chính (Luật bưu chính 2010), người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông (Luật viễn thông 2009), người bệnh (Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007), người nhiễm HIV (Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006)...

Bên cạnh việc quy định về quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân, một số luật chuyên ngành có quy định về quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu của tổ chức, ví dụ: Luật công nghệ thông tin quy định “tổ chức, cá nhân không được trích dẫn nội dung thông tin số của tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp chủ sở hữu thông tin số đã có cảnh báo hoặc pháp luật quy định việc trích dẫn thông tin là không được phép” (khoản 4 Điều 15); Luật giao dịch điện tử quy định “Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác” (Điều 46); Luật an toàn thông tin mạng quy định “Tổ chức, cá nhân không được xâm phạm an toàn thông tin mạng của tổ chức, cá nhân khác” (Điều 4)...

### ***4.3. Quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của chủ thể thông tin/dữ liệu***

Điều 21 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”. Nguyên tắc này tiếp tục được thể hiện tại Bộ luật dân sự năm 2015, Luật an toàn thông tin mạng năm 2015. Một số luật chuyên ngành quy định quyền của cá nhân “Được giữ bí mật về thông tin cá nhân có liên quan” (Điều 16 Luật viễn thông; Điều 91 Luật dược 2016). Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào đưa ra khái niệm hay nội dung của “quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân”.

Tuy nhiên, trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể hơn về quyền của chủ thể thông tin, cụ thể:

- Luật công nghệ thông tin năm 2006 quy định: Tổ chức, cá nhân thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng phải được người đó đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (Điều 21); “1. Cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân lưu trữ thông tin cá nhân của mình trên môi trường mạng thực hiện việc kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin đó. 3. Cá nhân có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp thông tin cá nhân” (Điều 22).

- Luật bưu chính năm 2010 quy định “Người sử dụng dịch vụ bưu chính có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1. Được doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về dịch vụ bưu chính mà mình sử dụng; 2. Được bảo đảm an toàn và an ninh thông tin; 3. Khiếu nại về dịch vụ bưu chính đã sử dụng” (Điều 30).

- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định người tố cáo có quyền “Yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình” (Điều 510).

Trên cơ sở các quy định này, có thể khái quát quyền được bảo vệ thông tin cá nhân bao gồm:

(i) Quyền được yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin giữ bí mật thông tin cá nhân của mình;

(ii) Quyền được kiểm tra, yêu cầu đính chính hoặc hủy bỏ thông tin cá nhân.

(iii) Quyền cho phép bên thứ ba tiếp cận thông tin cá nhân của mình.

(iv) Quyền yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin bồi thường khi có hành vi xâm phạm thông tin trái pháp luật, gây thiệt hại cho cá nhân.

#### **4.4. Nghĩa vụ của chủ thể thông tin/dữ liệu**

Bên cạnh việc quy định quyền của chủ dữ liệu, một số luật có quy định về nghĩa vụ của chủ thể thông tin, cụ thể:

- Luật an toàn thông tin mạng quy định “Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng” (Điều 16); “1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động an toàn thông tin mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trên mạng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố khi phát hiện các hành vi phá hoại hoặc sự cố an toàn thông tin mạng” (Điều 15).

- Luật cư trú 2006 quy định trách nhiệm của công dân “Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu đã cung cấp” (Điều 11).

- Luật thống kê 2015 quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê “Cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của điều tra viên thống kê hoặc cơ quan tiến hành điều tra thống kê; không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê; chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê và thanh tra chuyên ngành thống kê về thông tin đã cung cấp” (Điều 33).

Như vậy, ngoài một số nghĩa vụ như cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, có biện pháp tự bảo vệ thông tin cá nhân, Luật thống kê quy định chủ thể thông tin có nghĩa vụ “không được từ chối hoặc cản trở việc cung cấp thông tin điều tra thống kê”, trong khi đó, một số luật chuyên ngành quy định việc “cho phép” cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin cá nhân của mình là quyền của chủ thể thông tin (Luật an toàn thông tin mạng, Luật tiếp cận thông tin,...).

#### ***4.5. Xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân (Ngoại lệ của quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân)***

Khoản 17 Điều 3 Luật an toàn thông tin mạng quy định “Xử lý thông tin cá nhân là việc thực hiện một hoặc một số thao tác thu thập, biên tập, sử dụng, lưu trữ, cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân trên mạng nhằm mục đích thương mại”. Luật công nghệ thông tin quy định một số hình thức như thu thập, sử dụng, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin cá nhân. Có thể khái quát các khía cạnh của hoạt động tác động đến thông tin cá nhân, bao gồm:

- Việc cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, quản lý, sử dụng thông tin số;
- Việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin;
- Việc theo dõi, giám sát, quản lý nội dung thông tin;



Về nguyên tắc, thông tin cá nhân chỉ được xử lý trong trường hợp chủ thể thông tin đồng ý. Một số luật chuyên ngành quy định nguyên tắc cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin cá nhân mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được nếu không có sự đồng ý của cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tuy nhiên, pháp luật hiện nay chưa có quy định chung về các trường hợp ngoại lệ của quyền bảo vệ thông tin cá nhân. Các trường hợp ngoại lệ này mới được quy định trong một số pháp luật chuyên ngành, theo đó, tổ chức, cá nhân có quyền thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không cần sự đồng ý của người đó. Cụ thể:

- Khoản 3 Điều 21 Luật công nghệ thông tin quy định “Tổ chức, cá nhân có quyền thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không cần sự đồng ý của người đó trong trường hợp thông tin cá nhân đó được sử dụng cho mục đích sau đây:

a) Ký kết, sửa đổi hoặc thực hiện hợp đồng sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng;

b) Tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng;

c) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.

- Điều 223, Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự quy định trong quá trình điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền, tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, người có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà biện pháp đó vi phạm đến quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, như ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

- Điều 6 Luật viễn thông quy định doanh nghiệp viễn thông có thể tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin;

b) Các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông để phục vụ cho việc tính giá cước, lập hóa đơn và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử quy định “Đơn vị thu thập thông tin không cần được sự đồng ý trước của chủ thể thông tin trong các trường hợp sau:

a) Thu thập thông tin cá nhân đã công bố công khai trên các website thương mại điện tử;

b) Thu thập thông tin cá nhân để ký kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ;

c) Thu thập thông tin cá nhân để tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng”.

Điều 71 Nghị định này cũng quy định đơn vị thu thập thông tin có thể sửa dụng, chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin cá nhân cho bên thứ ba mà không cần thông báo với chủ thể thông tin trong các trường hợp:

a) Có một thỏa thuận riêng với chủ thể thông tin về mục đích và phạm vi sử dụng ngoài những mục đích, phạm vi đã thông báo;

b) Để cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm theo yêu cầu của chủ thể thông tin;

c) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Với tính chất là một quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp, việc hạn chế quyền bảo vệ thông tin cá nhân phải bảo đảm phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Đối chiếu với các quy định của pháp luật hiện hành, có thể thấy trong nhiều trường hợp, pháp luật quy định các trường hợp ngoại lệ của quyền bảo vệ thông tin cá nhân chưa thực sự phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013, đồng thời, một số quy định ngoại lệ của quyền này được quy định trong các văn bản dưới luật (Nghị định).

#### ***4.6. Các hình thức/phương thức bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân***

Kết quả rà soát cho thấy, hệ thống pháp luật hiện hành đã bước đầu có những quy định về phương thức bảo vệ thông tin cá nhân/ dữ liệu cá nhân. Ngay tại Hiến pháp 2013, khoản 3 Điều 103 đã khẳng định: “Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín”. Nguyên tắc này tiếp tục được cụ thể trong các đạo luật về tố tụng, cụ thể:

- Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định phải giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên trong quá trình lấy ý kiến của con chưa thành niên và các thủ tục tố tụng khác đối với người chưa thành niên (khoản 3 Điều 208).

- Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự 2002 cũng quy định Tòa án quân sự xét xử công khai, trừ trường hợp cần xét xử kín để giữ gìn bí mật nhà nước, bí mật quân sự, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ (Điều 10).

Tại các văn bản luật chuyên ngành, đặc biệt là ở những ngành, lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến thông tin cá nhân, pháp luật đã có những quy định nhằm bảo vệ thông tin cá nhân phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, như:

(i) Trong lĩnh vực y tế:

- Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác quy định việc bảo vệ thông tin cá nhân bằng phương pháp mã hóa thông tin (Điều 38), cụ thể:

+ Mọi thông tin về người hiến, người được ghép bộ phận cơ thể người phải được mã hóa thông tin và bảo mật.

+ Trong trường hợp công bố những thông tin này thì phải bảo đảm tính vô danh để không xác định được người hiến và người được ghép, trừ trường hợp người hiến và người được ghép là người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời.

+ Trong trường hợp đặc biệt vì mục đích chữa bệnh theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở y tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì cơ sở lưu giữ thông tin mới được phép cung cấp thông tin.

+ Hồ sơ về người hiến và người được ghép phải được lưu giữ, bảo quản trong ba mươi năm.

- Nghị định số 56/2008/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng mô và Trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người quy định cụ thể về việc mã hóa thông tin về mô tại Điều 11: Mọi thông tin về nguồn gốc mô phải được mã hoá trên nguyên tắc vô danh; không ghi tên, tuổi, địa chỉ của người hiến; mỗi lần lấy mô của người hiến sẽ được cấp một mã xác định riêng.

- Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo quy định việc cho, nhận, lưu giữ tinh trùng, noãn, phôi phải được mã hóa và nhập vào hệ cơ sở dữ liệu chung, sử dụng trong toàn quốc, bảo đảm cơ chế chia sẻ thông tin giữa Bộ Y tế và các cơ sở được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm; bảo đảm việc cho, nhận tinh trùng, noãn, phôi thực hiện theo quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 3, khoản 5 Điều 21, khoản 1 Điều 23).

Như vậy có thể thấy, phương thức bảo vệ thông tin cá nhân chủ yếu trong lĩnh vực y tế là mã hóa các thông tin cá nhân. Ngoài ra, cũng có các phương

thức khác để bảo vệ thông tin cá nhân trong lĩnh vực y tế như lưu trữ hồ sơ bệnh án theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009)

(ii) Trong lĩnh vực công nghệ thông tin:

- Luật công nghệ thông tin năm 2006 quy định: Thông tin riêng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng được bảo đảm bí mật theo quy định của pháp luật (điểm d khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 72).

Như vậy, Luật công nghệ thông tin mới chỉ dừng lại ở việc ghi nhận bảo đảm bí mật thông tin cá nhân mà chưa quy định cụ thể về phương pháp, biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân.

- Luật an toàn thông tin mạng 2015 quy định nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng (Điều 16). Theo đó, cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng; cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với thông tin do mình xử lý.

Đồng thời, Điều 19 quy định cụ thể hơn về bảo đảm an toàn thông tin trên mạng: tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật phù hợp để bảo vệ thông tin cá nhân do mình thu thập, lưu trữ; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông tin mạng. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cần áp dụng biện pháp khắc phục, ngăn chặn trong thời gian sớm nhất.

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Điều 19 quy định phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phải đáp ứng yêu cầu cơ bản trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (gồm: bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong khâu thiết kế, xây dựng; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong quá trình vận hành; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin...)

(iii) Trong lĩnh vực báo chí:

Nếu như các văn bản quy phạm pháp luật ở các lĩnh vực khác quy định việc bảo vệ thông tin cá nhân theo hướng ngăn chặn các thông tin này bị tiết lộ ra ngoài khi chưa được phép của người có thông tin hoặc của cơ quan có thẩm quyền thì các quy định pháp luật trong lĩnh vực báo chí lại quy định bảo vệ thông tin cá nhân theo hướng không bị xuyên tạc, sai sự thật, cụ thể:

Luật báo chí 2016 quy định cơ quan báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá

nhân thì phải đăng, phát lời cải chính, xin lỗi trên báo chí và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó (Điều 42).

Đồng thời, khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có căn cứ cho rằng cơ quan báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của mình hoặc gây hiểu lầm làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của mình thì có quyền nêu ý kiến phản hồi bằng văn bản đến cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án (khoản 1 Điều 43).

(iv) Trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông:

Thông tư số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin quy định phải triển khai các giải pháp, biện pháp bảo đảm an ninh thông tin bí mật nhà nước, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân, nội dung thư, bưu phẩm, bưu kiện, gói, kiện hàng hóa, thông tin chuyển qua mạng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin (điểm b mục 2.II).

(v) Trong lĩnh vực lý lịch tư pháp:

- Luật lý lịch tư pháp 2009 quy định cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tài sản quốc gia phải được bảo vệ chặt chẽ, an toàn, lưu trữ lâu dài; chỉ người có thẩm quyền mới được tiếp cận, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (Điều 14).

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Luật lý lịch tư pháp quy định các biện pháp bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Điều 23, gồm: các biện pháp bảo vệ chung (các biện pháp phòng, chống đột nhập, trộm cắp dữ liệu; các biện pháp phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thiên tai), các biện pháp bảo vệ đối với hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy (xây dựng hoặc bố trí kho lưu trữ theo đúng tiêu chuẩn quy định...), và các biện pháp bảo vệ đối với dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử (các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; các biện pháp bảo đảm an ninh mạng).

(vi) Trong lĩnh vực hành chính:

- Luật tố tụng hành chính 2015 quy định trường hợp cần thiết phải bảo đảm an toàn cho người làm chứng và những người thân thích của họ, Hội đồng xét xử quyết định không tiết lộ những thông tin về nhân thân của người làm chứng và không để những người trong phiên tòa nhìn thấy họ (khoản 5 Điều 181).

- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo, Điều 12 quy định:

+ Khi tiếp nhận tố cáo, thụ lý giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải nghiên cứu, xác định nội dung vụ việc, những thông

tin nếu tiết lộ sẽ gây bất lợi cho người tố cáo để áp dụng biện pháp phù hợp nhằm giữ bí mật thông tin cho người tố cáo. Trường hợp cần thiết có thể lược bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích, các thông tin cá nhân khác của người tố cáo ra khỏi đơn tố cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời lưu trữ và quản lý thông tin về người tố cáo theo chế độ thông tin mật.

+ Trong quá trình giải quyết tố cáo, nếu có yêu cầu làm việc trực tiếp với người tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, người giải quyết tố cáo phải bố trí thời gian, địa điểm và lựa chọn phương thức làm việc phù hợp để bảo vệ bí mật thông tin cho người tố cáo.

+ Trường hợp phát hiện người không có thẩm quyền có hành vi thu thập thông tin về người tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm áp dụng biện pháp theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc xử lý đối với người có hành vi vi phạm.

- Luật cư trú 2006 quy định cấm các hành vi: thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú; sử dụng giấy tờ giả về cư trú; cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về cư trú (khoản 8 Điều 8).

Như vậy có thể thấy, trong lĩnh vực hành chính, Luật tổ tụng hành chính, Luật tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định khá cụ thể về phương thức bảo vệ thông tin cá nhân của đương sự và người tố cáo.

(vii) Trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, sở hữu trí tuệ:

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử quy định cấm các hành vi tại Điều 4: giả mạo thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để tham gia hoạt động thương mại điện tử (điểm b khoản 3); đánh cắp, sử dụng, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác hoặc thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (điểm a khoản 4).

Đồng thời, Nghị định này cũng quy định quy chế hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử phải bao gồm nội dung về chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (điểm i khoản 2 Điều 38).

- Luật sở hữu trí tuệ 2005 quy định trước thời điểm đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm bảo mật thông tin trong đơn (khoản 1 Điều 111); cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp làm lộ bí mật thông tin trong đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp thì bị xử lý kỷ luật;

nếu việc làm lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho người nộp đơn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 111).

Bên cạnh đó, pháp luật cũng có những quy định mang tính chế tài (chế tài hình sự, chế tài hành chính) để xử lý những hành vi xâm phạm quyền bảo vệ thông tin cá nhân như: Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Điều 125); Nghị định số 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện (điểm b khoản 2 Điều 64, điểm a khoản 3 Điều 64, khoản 1 Điều 65...); Nghị định 159/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản (điểm d khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 20...); Nghị định số 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo (điểm b khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 51...); Nghị định số 176/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (điểm c khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 4 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 46...).

Từ kết quả rà soát nêu trên có thể thấy, các quy định pháp luật ở các lĩnh vực khác nhau đã có những quy định nhằm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực đó.

#### ***4.7. Quy trình bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân***

(i) Trong lĩnh vực hành chính:

- Rà soát các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành chính cho thấy, quy trình bảo vệ thông tin/ dữ liệu cá nhân chủ yếu được thực hiện bằng quy trình lưu trữ hồ sơ, tài liệu có chứa thông tin/ dữ liệu cá nhân, ví dụ: Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định chế độ lưu trữ chữ ký được chứng thực (khoản 2 Điều 14); Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Luật lý lịch tư pháp (Điều 20)...

- Ngoài ra, Luật căn cước công dân 2014 quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tài sản quốc gia, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (khoản 1 Điều 10). Việc truy nhập Cơ sở dữ liệu căn cước công dân hoặc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu trong tàng thư căn cước công dân phải được sự phê duyệt của thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước công dân (khoản 1 Điều 17).

+ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân quy định Thủ trưởng cơ quan quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ

liệu quốc gia về dân cư, quyết định việc chỉnh sửa thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về việc chỉnh sửa đó (khoản 3 Điều 6).

Việc sử dụng thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư của công dân (khoản 1 Điều 11).

Nghị định này cũng quy định quy trình kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 7); hình thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 8); thủ tục khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 10); sao lưu, phục hồi dữ liệu quốc gia về dân cư (Điều 12).

(ii) Trong lĩnh vực y tế:

Tương tự như lĩnh vực hành chính, việc bảo vệ thông tin cá nhân trong lĩnh vực y tế cũng được thực hiện theo quy trình lưu giữ thông tin, ví dụ: Thông tư số 57/2015/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo quy định tại Điều 30 như sau:

- Cơ sở thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm phải tổ chức lưu trữ thông tin về các trường hợp thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm tại cơ sở ít nhất 02 (hai) năm kể từ khi kết thúc đợt điều trị sau cùng.

- Các cơ sở thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm có phải tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu về các trường hợp cho, nhận tinh trùng, noãn, phôi và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo trong ít nhất 20 (hai mươi) năm, kể từ ngày kết thúc đợt điều trị sau cùng.

(iii) Trong lĩnh vực hình sự:

- Nghị định số 20/2012/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự tại Điều 8. Theo đó, hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự là tài sản quốc gia phải được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật. Cơ quan được giao quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, an ninh, an toàn thông tin, lưu giữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống.

Trường hợp các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có yêu cầu tra cứu, cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thì phải tuân thủ các quy



định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và lưu trữ quốc gia (điểm b khoản 9).

(iv) Trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực:

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch quy định Sổ hộ tịch được lập khóa (Điều 11) và lưu trữ (Điều 12).

Như vậy, quy trình bảo vệ thông tin/ dữ liệu cá nhân ở các lĩnh vực khác nhau đều được thực hiện chủ yếu theo quy trình lưu trữ hồ sơ, tài liệu có chứa thông tin cá nhân. Đối với thông tin cá nhân được lưu trữ bằng hình thức điện tử thì hệ thống cơ sở dữ liệu được coi là tài sản quốc gia và được quản lý, bảo vệ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

#### **4.8. Cơ quan bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân**

Kết quả rà soát cho thấy, pháp luật hiện hành chưa giao trách nhiệm cho cơ quan làm đầu mối bảo vệ thông tin/ dữ liệu cá nhân. Vấn đề này mới bước đầu được quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, trong đó phân công trách nhiệm cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an trong bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin (mục III), cụ thể:

Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an để đảm bảo an ninh thông tin, thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai công tác bảo đảm an ninh thông tin, phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

#### **4.9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nắm giữ thông tin/dữ liệu cá nhân**

(i) Trong lĩnh vực dân sự:

Bộ luật dân sự 2015 dành 02 Điều để quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ (Điều 517) và nghĩa vụ của bên được ủy quyền (Điều 565). Theo đó, bên cung ứng dịch vụ và bên được ủy quyền đều có nghĩa vụ phải giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong thời gian thực hiện công việc, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định; bồi thường thiệt hại nếu vi phạm nghĩa vụ

hoặc làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin.

(ii) Trong lĩnh vực công nghệ thông tin:

- Luật công nghệ thông tin năm 2006 quy định: Tổ chức, cá nhân cho thuê chỗ lưu trữ thông tin số có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân thuê chỗ lưu trữ thông tin (khoản 3 Điều 18).

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin tại Điều 20, trong đó đã có sự phân định trách nhiệm giữa người đứng đầu của cơ quan, tổ chức là chủ quản hệ thống thông tin với trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin, cụ thể:

+ Người đứng đầu của cơ quan, tổ chức là chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm: trực tiếp chỉ đạo và phụ trách công tác bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan, tổ chức mình; thành lập hoặc chỉ định đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin làm nhiệm vụ đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin.

+ Chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm: chỉ đạo đơn vị vận hành hệ thống thông tin lập hồ sơ đề xuất cấp độ; tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ theo quy định Nghị định này; chỉ đạo, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin thuộc phạm vi mình quản lý theo quy định tại Điều 25, 26 và 27 của Luật an toàn thông tin mạng, Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan...

(iii) Trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông:

- Khoản 10 Điều 29 Luật bưu chính 2010 quy định doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính không được tiết lộ thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật này, cụ thể: Có căn cứ xác định bưu gửi có liên quan hoặc dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia hoặc hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác; Bưu gửi có liên quan đến vụ án hình sự mà việc kiểm tra, xử lý bưu gửi và yêu cầu cung cấp thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính được pháp luật cho phép.)

- Khoản 4 Điều 6 Luật viễn thông 2009 quy định doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, trừ các trường hợp sau đây:

+ Người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin;

+ Các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông để phục vụ cho việc tính giá cước, lập hóa đơn và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

+ Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thông tư số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin quy định doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin có trách nhiệm bảo đảm bí mật của các thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật (điểm i, mục 3.III).

(iv) Trong lĩnh vực y tế:

- Qua rà soát cho thấy, pháp luật về y tế đều có quy định trách nhiệm của thầy thuốc, nhân viên y tế trong việc giữ bí mật tình trạng của bệnh nhân cũng như thông tin cá nhân liên quan đến người bệnh, ví dụ: khoản 3 Điều 33 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm 2007; khoản 3 Điều 25 Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) 2006; khoản 5 Điều 37 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009...

- Nghị định số 10/2015/NĐ-CP Nghị định quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo quy định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không được cung cấp tên, tuổi, địa chỉ và hình ảnh của người cho tinh trùng (khoản 3 Điều 4); người gửi tinh trùng, gửi noãn, gửi phôi nếu sau đó muốn hiến tặng cơ sở lưu giữ tinh trùng, noãn, phôi cho người khác thì cơ sở lưu giữ phải sử dụng biện pháp mã hóa các thông tin về người cho. Trường hợp hiến tặng cho mục đích nghiên cứu khoa học thì không cần phải mã hóa thông tin (khoản 5 Điều 21).

- Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế cũng quy định trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm y tế; cơ quan bảo hiểm xã hội; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong lưu trữ hồ sơ của người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và cung cấp các thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (khoản 10.45 Điều 41, khoản 2.46 Điều 43 Luật bảo hiểm y tế 2009, sửa đổi, bổ sung 2014; Điều 23 Luật bảo hiểm xã hội 2014).

(v) Trong lĩnh vực hình sự:

- Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã có quy định về trách nhiệm bảo quản phương tiện, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ, tạm giữ hoặc bị niêm phong (Điều 199); nghĩa vụ của người

bào chữa (Điều 73), cụ thể: người bào chữa không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết khi thực hiện bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; không được tiết lộ thông tin về vụ án, về người bị buộc tội mà mình biết khi bào chữa, trừ trường hợp người này đồng ý bằng văn bản và không được sử dụng thông tin đó vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(vi) Trong lĩnh vực hành chính:

- Theo quy định tại Luật tố tụng hành chính 2015 thì cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải giữ bí mật cá nhân theo yêu cầu chính đáng của đương sự (khoản 3 Điều 22); không được tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết khi tiến hành giám định hoặc thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ người đã quyết định trưng cầu giám định (điểm e khoản 2 Điều 63).

- Các văn bản quy phạm pháp luật về tố cáo cũng đã quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải bảo đảm bí mật thông tin cho người tố cáo (khoản 1 Điều 5 Luật tố cáo 2011; Điều 13 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập...).

- Luật hộ tịch 2014 quy định cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có trách nhiệm bảo đảm bí mật cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch (khoản 2 Điều 61).

- Luật căn cước công dân 2014 quy định cơ quan quản lý căn cước công dân phải bảo đảm an toàn, bí mật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước công dân (khoản 4 Điều 6); người được giao nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, tài liệu có trách nhiệm giữ gìn, bảo mật thông tin, tài liệu có liên quan; không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc làm hư hỏng tài liệu và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin đã cập nhật (điểm b khoản 2 Điều 13).

(vii) Trong lĩnh vực thương mại, tài chính, ngân hàng

- Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật về thương mại, tài chính, ngân hàng đều quy định thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phải tuân thủ các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng (Điều 27, Điều 36, Điều 41 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử; Điều 85 Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 quy định về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại; Điều 14 Luật các tổ chức tín dụng 2010...).

(viii) Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

- Pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến vụ việc mà mình đại diện (điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng); giám định viên sở hữu trí tuệ có trách nhiệm giữ bí mật về kết quả giám định, các thông tin, tài liệu giám định (điểm e khoản 4 Điều 44 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ).

#### ***4.10. Trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, báo chí đối với bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân***

Hiện chưa có quy định về vấn đề này.

Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nhà nước trong bảo vệ thông tin cá nhân:

(i) Trong lĩnh vực an ninh mạng, công nghệ thông tin:

- Khoản 1 Điều 20 Luật an toàn thông tin mạng 2015 quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, cụ thể: thiết lập kênh thông tin trực tuyến để tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng; định kỳ hằng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân; tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết.

- Điều 23 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể là Bộ Thông tin và Truyền thông như sau: thực hiện thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ theo thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 Nghị định này; xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ...

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật công nghệ thông tin 2006 thì tổ chức, cá nhân không được thực hiện một trong những hành vi sau đây: xâm nhập, sửa đổi, xóa bỏ nội dung thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng; bẻ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng; hành vi khác làm mất an toàn, bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân khác được trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng...

(ii) Trong lĩnh vực hình sự:

- Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 20/2012/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự quy định: cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin về thi hành án hình sự có trách nhiệm sử dụng thông tin đúng mục đích, không được cung cấp, để lộ thông tin cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào và phải kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý dữ liệu có thẩm quyền về những sai sót của dữ liệu được cung cấp.

Ngoài ra, pháp luật về tố tụng, hành chính, thương mại, ngân hàng cũng có những quy định về trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân của doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nhà nước (Điều 38 Luật cư trú 2006; khoản 2 Điều 46 Luật giao dịch điện tử 2005; Khoản 3 Điều 38 Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam 2010; Điều 13, Điều 15, Điều 254 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 125 Luật sở hữu trí tuệ).

#### ***4.12. Các quy định đặc biệt về thông tin/dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực (thuế, y tế, hải quan...)***

- Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định: Khi có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử (khoản 2 Điều 192).

+ Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông (Điều 197).

## *Chuyên đề 4*

### **Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực y tế, tài chính**

*PGS.TS. Vũ Công Giao*

*Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội*

*ThS. Dương Thị Ngọc Chiến*

*Vụ PL Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp*

#### **I. Các quy định chung về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân**

Trong thời đại công nghệ số hóa phát triển mạnh mẽ như hiện nay, việc đưa các thông tin cá nhân của mình lên mạng để sử dụng vào những mục đích khác nhau như mạng xã hội, giao dịch trực tuyến,... đã dần trở nên quen thuộc. Việc làm này một mặt giúp thuận tiện hơn trong việc sử dụng các dịch vụ xã hội, tuy nhiên mặt trái của nó là tồn tại những nguy cơ bị người khác đánh cắp thông tin để thực hiện những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của chính cá nhân đó như giả mạo bạn bè, người thân để lừa đảo, làm giả thẻ ngân hàng,...

Bên cạnh đó, không khó để chúng ta tìm kiếm được trên mạng thông tin cá nhân, những bí mật gia đình, đời sống tình cảm của những nhân vật mang tính chất như người của công chúng ví dụ: những người trong giới nghệ thuật (diễn viên, ca sĩ, người mẫu...), nhà văn, nhà báo, những yếu nhân... Thậm chí, ngay trong tin tức đầu tiên của buổi sáng chúng ta có thể biết được vào tối hôm qua những người này làm gì, đi đâu, ở với ai,... Chưa bàn tới việc những thông tin này khi đăng tải có được sự cho phép của người trong cuộc hay không, tuy nhiên có thể nhìn thấy rằng việc công khai những thông tin đó có thể dẫn đến tổn hại về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân người trong cuộc. Ví dụ: việc ốm đau của một số người (diễn viên Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Bá Thanh,...), việc vay nợ của một số cá nhân (diễn viên Chánh Tín, mẹ Ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng, ca sĩ Siu Black,...) được báo chí, nhiều người phỏng vấn, tìm hiểu và đưa tin như vậy những hành vi đó có phải là đã xâm phạm vào “đời sống riêng tư, bí mật cá nhân” được đề cập tại khoản 1 Điều 21 Hiến pháp 2013 không.

Chính vì thế, việc biết được những thông tin cá nhân của mình có được pháp luật bảo vệ hay không? Phạm vi thông tin cá nhân được bảo vệ như thế nào? Mức độ bảo vệ ra sao?... là điều hết sức quan trọng và cần thiết. Những nội dung nào của “*quyền bí mật đời tư*” cần được pháp luật bảo vệ - một trong những quyền nhân thân cơ bản của cá nhân được pháp luật dân sự ghi nhận không.

Điều 12 Tuyên bố Quốc tế về nhân quyền được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10/12/1948 đã ghi nhận rằng “*Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy*” và Điều 17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) nêu rằng “*Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy*”. Đây là khuôn mẫu chung cần được đạt đến của mọi quốc gia và mọi dân tộc. Pháp luật Việt Nam hiện tại, “quyền bí mật đời tư” mặc dù đã được quy định trong các bản Hiến pháp từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đến các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) nhưng đến Hiến pháp năm 2013 mới được thể hiện rõ ràng và hoàn thiện hơn. Trải qua các thời kỳ phát triển khác nhau, các bản Hiến pháp của nước ta vẫn giữ quy định về việc bảo đảm quyền riêng tư của cá nhân với phạm vi bảo vệ ngày càng mở rộng hơn và tiến tới bảo vệ bí mật đời tư của công dân. Tuy nhiên, có thể thấy rằng các bản Hiến pháp năm 1946, 1954, 1980 và 1992 chỉ quy định việc bảo vệ bí mật đời tư của công dân đối với thư tín, điện thoại, điện tín mà thôi, tức là phạm vi quyền bí mật đời tư còn tương đối hẹp. Theo dòng lịch sử, quy định về “quyền bí mật đời tư” đã được đề cập tới ngay trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta. Theo đó, quy định liên quan được quy định như sau:

Hiến pháp năm 1946 quy định tại Điều thứ 11 “*Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật*”. Đây là Hiến pháp đầu tiên và đã cho thấy rằng, từ khi mới thành lập, Nhà nước ta đã quan tâm và bảo vệ cho quyền của công dân.

Hiến pháp năm 1959 quy định Điều 28 “*Pháp luật bảo đảm nhà ở của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà không bị xâm phạm, thư tín được giữ bí mật.*”

Hiến pháp năm 1980 quy định tại Điều 71 “*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.*”

*Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép. Việc khám xét chỗ ở phải do đại diện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành, theo quy định của pháp luật. Bí mật thư tín, điện thoại, điện tín được bảo đảm*”

Hiến pháp năm 1992 quy định tại Điều 73 “*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.*”



*Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.*

*Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.*

*Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật”*

Đến Hiến pháp 2013, quyền bí mật đời tư của cá nhân đã được tiếp cận theo cách khác quy định tại Điều 21 “1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

*Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.*

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

*Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác”*

Hiến pháp 2013 đã mở rộng hơn rất nhiều đối với quyền bí mật đời tư, theo đó không chỉ bao gồm thư tín, điện thoại, điện tín mà tất cả các vấn đề về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình đều được pháp luật bảo vệ.

Quyền bí mật đời tư là quyền nhân thân bất khả xâm phạm của cá nhân. Về cơ bản có thể hiểu rằng quyền bí mật đời tư của cá nhân là quyền được bảo vệ về bí mật đời tư, nói cách khác không ai được quyền xâm phạm đến bí mật đời tư của cá nhân khi chưa được phép của cá nhân đó và quyền này phải được pháp luật bảo vệ bằng các văn bản quy phạm pháp luật nhằm giải quyết ranh giới giữa các vấn đề cá nhân được coi là bí mật và các vấn đề cá nhân không phải là bí mật. Như vậy, có thể thấy rằng “quyền bí mật đời tư” được xây dựng trên khái niệm “bí mật đời tư”. Muốn xác định được phạm vi của “quyền bí mật đời tư” đòi hỏi chúng ta phải xác định khái niệm về “bí mật đời tư” là gì.

Như vậy, có thể thấy rằng, Hiến pháp - văn bản pháp luật có giá trị cao nhất đã ghi nhận và bảo vệ cho quyền bí mật đời tư của công dân. Tuy nhiên, với tính chất của một văn bản nguồn, Hiến pháp chưa đề cập rõ đến khái niệm quyền bí mật đời tư cũng như là các biện pháp cụ thể để bảo vệ bí mật đời tư mà sẽ do các luật chuyên ngành quy định phù hợp với Điều 14 của Hiến pháp, việc hạn chế quyền chỉ được thực hiện khi có quy định tại luật “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Do vậy, việc nghiên cứu về bảo vệ quyền bí

mật cá nhân tại chuyên đề này chủ yếu là các quy định của luật chuyên ngành/luật cụ thể đối với từng lĩnh vực được nghiên cứu.

Bí mật cá nhân được Bộ luật Dân sự năm 2015 được coi như một bộ luật chung nhất quy định những vấn đề nguyên tắc và cơ bản trong quan hệ xã hội dân sự đã có quy định rộng hơn đối với việc bảo vệ bí mật cá nhân kể cả trong lĩnh vực kinh doanh, đây là một quy định mở rộng hơn đối với Bộ luật Dân sự năm 1995 và 2005, cụ thể:

*“Điều 38. Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình*

*1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.*

*2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.*

*3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.*

*Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.*

*4. Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Còn trong từng lĩnh vực cụ thể, quyền bí mật cá nhân được quy định một cách chi tiết về trách nhiệm ràng buộc của từng chủ thể được tiếp cận với thông tin cá nhân, những vấn đề riêng tư, bí mật cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước, các chủ thể khi tiếp cận với bí mật cá nhân cần phải thực hiện và trong trường hợp không thực hiện sẽ có những biện pháp, chế tài tương ứng để tránh gây những tổn thất về vật chất cũng như tinh thần của từng cá nhân tham gia vào từng quan hệ.

II. Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực y tế

Đối với lĩnh vực y tế, là một lĩnh vực mà từng cá nhân trong xã hội bắt buộc phải tham gia và không thể tránh được ngay từ lúc sinh ra đến khi mất đi. Do đó, việc bảo vệ các dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực này cần được quan tâm một cách đầy đủ nhằm mục đích vừa đảm bảo được sự xâm phạm một cách vô tình hoặc hữu ý của một chủ thể liên quan nhưng đồng thời cũng cần có những quy định cho một chủ thể nào đó được quyền tiếp cận vì chính mục đích của cá

nhân trong việc phòng, ngăn chặn và bảo vệ sức khỏe. Với từng cá nhân, cũng cần đặt ra vấn đề cân bằng giữa bảo vệ bí mật và lợi ích của chính mình khi tham gia vào quan hệ mang tính sức khỏe, sự sống, chất lượng cuộc sống một cách khỏe mạnh này.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến lĩnh vực y tế, sức khỏe con người có thể thấy quyền bí mật đời tư được đề cập tương đối ít ỏi, chỉ tồn tại trong một vài điều khoản quy định ở văn bản luật liên quan đến y tế sức khỏe, cụ thể như: Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989; Luật Khám, chữa bệnh năm 2009; Luật Giám định tư pháp; Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Luật Dược; Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm... Những quy định này là phù hợp với quy định về bảo vệ bí mật cá nhân được ghi nhận tại Hiến pháp.

Trong lĩnh vực y tế này, đã có một số nguyên tắc được ghi nhận rải rác tại một số văn bản, những nguyên tắc như:

## II.1 Trong trường hợp khám chữa bệnh

Trách nhiệm của thầy thuốc trong việc khám, chữa bệnh “*phải giữ bí mật về những điều có liên quan đến bệnh tật hoặc đời tư mà mình được biết về người bệnh*” (Điều 25 Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân), có nghĩa là phải thực hiện việc giữ bí mật về tình trạng sức khỏe của từng cá nhân với vai trò là người bệnh. Đây là một trong nguyên tắc hành nghề khám bệnh, chữa bệnh “*Tôn trọng quyền của người bệnh; giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11 và khoản 4 Điều 59 của Luật này*” (Điều 3 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009). Vấn đề này không những được ghi nhận là nguyên tắc hành nghề mà về phía cá nhân người bệnh cũng được ghi nhận quyền được giữ bí mật tình trạng sức khỏe của cá nhân người bệnh “*Điều 8. Quyền được tôn trọng bí mật riêng tư Được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án.*” (Điều 8 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009). Điều này cho thấy, mặc dù tại Hiến pháp năm 1992 chưa ghi nhận nhưng, vấn đề này đã được Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 ghi nhận và thực hiện với những cơ chế rất nghiêm ngặt. Cụ thể, tại Luật này đã quy định việc thiết lập, lưu giữ và thông báo dữ liệu cá nhân về sức khỏe của người bệnh tại Điều 59 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 “*Điều 59. Hồ sơ bệnh án*

*1. Hồ sơ bệnh án là tài liệu y học, y tế và pháp lý; mỗi người bệnh chỉ có một hồ sơ bệnh án trong mỗi lần khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*

*2. Việc lập hồ sơ bệnh án được quy định như sau:*

a) Người bệnh điều trị nội trú và ngoại trú trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều phải được lập hồ sơ bệnh án;

b) Hồ sơ bệnh án phải được lập bằng giấy hoặc bản điện tử và phải được ghi rõ, đầy đủ các mục có trong hồ sơ bệnh án;

c) Hồ sơ bệnh án bao gồm các tài liệu, thông tin liên quan đến người bệnh và quá trình khám bệnh, chữa bệnh;

3. Việc lưu trữ hồ sơ bệnh án được quy định như sau:

a) Hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Hồ sơ bệnh án nội trú, ngoại trú được lưu trữ ít nhất 10 năm; hồ sơ bệnh án tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt được lưu trữ ít nhất 15 năm; hồ sơ bệnh án đối với người bệnh tâm thần, người bệnh tử vong được lưu trữ ít nhất 20 năm;

c) Trường hợp lưu trữ hồ sơ bệnh án bằng bản điện tử, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có bản sao dự phòng và thực hiện theo các chế độ lưu trữ quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

4. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định việc cho phép khai thác hồ sơ bệnh án trong các trường hợp sau đây:

a) Sinh viên thực tập, nghiên cứu viên, người hành nghề trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ cho việc nghiên cứu hoặc công tác chuyên môn kỹ thuật;

b) Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về y tế trực tiếp quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án, thanh tra chuyên ngành y tế, cơ quan bảo hiểm, tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, luật sư được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền cho phép;

c) Người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh được nhận bản tóm tắt hồ sơ bệnh án theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này.

5. Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này khi sử dụng thông tin trong hồ sơ bệnh án phải giữ bí mật và chỉ được sử dụng đúng mục đích như đã đề nghị với người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.”

## II.2 Trong trường hợp thụ thai nhân tạo

Đối với một số trường hợp liên quan trực tiếp đến cá nhân trong việc mang thai hộ cũng có những nguyên tắc nhất định và theo đó các cơ chế tổ chức được ghi nhận tại Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

như “Điều 3. Nguyên tắc áp dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo 2. Vợ chồng nhờ mang thai hộ, người mang thai hộ, trẻ sinh ra nhờ mang thai hộ được bảo đảm an toàn về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và được pháp luật tôn trọng, bảo vệ. 4. Việc cho và nhận tinh trùng, cho và nhận phôi được thực hiện trên nguyên tắc vô danh giữa người cho và người nhận; tinh trùng, phôi của người cho phải được mã hóa để bảo đảm bí mật nhưng vẫn phải ghi rõ đặc điểm của người cho, đặc biệt là yếu tố chủng tộc.”

Tuy nhiên, tại Nghị định này với mục đích điều chỉnh về nội hàm là sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, do đó không quy định chi tiết cơ chế nhằm thực hiện nguyên tắc tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3 nói trên. Như vậy về cơ chế để bảo đảm nguyên tắc chưa được đề cập, phải chăng vấn đề này được thực hiện theo các quy định về pháp luật dân sự, hôn nhân và gia đình quy định hoặc pháp luật liên quan về khám bệnh, chữa bệnh.

### II.3 Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác

Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác cũng quy định nguyên tắc giữ bí mật các thông tin cá nhân liên quan đến việc hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác tại “Điều 4. Các nguyên tắc trong việc hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác 4. Giữ bí mật về các thông tin có liên quan đến người hiến, người được ghép, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Và để bảo đảm nguyên tắc này, Luật cũng có quy định tại “Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm 9. Tiết lộ thông tin, bí mật về người hiến và người được ghép trái với quy định của pháp luật.”

Cơ chế thực hiện bảo đảm bí mật này, Luật cũng đã có quy định tại “Điều 38. Mã hóa thông tin

1. Mọi thông tin về người hiến, người được ghép bộ phận cơ thể người phải được mã hóa thông tin và bảo mật.

2. Trong trường hợp công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này thì phải bảo đảm tính vô danh để không xác định được người hiến và người được ghép, trừ trường hợp người hiến và người được ghép là người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời.

3. Trong trường hợp đặc biệt vì mục đích chữa bệnh theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở y tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì cơ sở lưu giữ thông tin mới được phép cung cấp thông tin.

4. Hồ sơ về người hiến và người được ghép phải được lưu giữ, bảo quản trong ba mươi năm.”

Tuy nhiên, tại Luật này lại có quy định về việc “Điều 25. Tôn vinh người hiến bộ phận cơ thể ở người sau khi chết, hiến xác

*Người đã hiến bộ phận cơ thể ở người sau khi chết, hiến xác được truy tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.”* Gây nên sự băn khoăn về vấn đề bảo vệ bí mật đối với cá nhân được truy tặng Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân. Đây cũng là vấn đề cần được nghiên cứu thêm và cân nhắc đến quyền bí mật cá nhân.

#### II.4 Trong trường hợp phòng chống bệnh truyền nhiễm

Mặc dù việc phòng, chống bệnh truyền nhiễm cũng liên quan đến nhiều về lợi ích cộng đồng, sức khỏe cộng đồng nhưng bí mật thông tin liên quan đến cá nhân người bệnh vẫn được ghi nhận tại Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm “Điều 33. Trách nhiệm của thầy thuốc và nhân viên y tế trong phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 3. Giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh.”, cũng tương tự như vậy Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) “**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người nhiễm HIV 1. Người nhiễm HIV có các quyền sau đây: d) Được giữ bí mật riêng tư liên quan đến HIV/AIDS”**.

Song, căn cứ theo Hiến pháp tại khoản 2 Điều 14 “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Do vậy, việc quy định cho công bố những thông tin liên quan đến các cá nhân được quy định như thế nào tại các văn bản luật này vì lý do sức khỏe cộng đồng và không gây mâu thuẫn với quyền con người và quyền công dân.

Theo đó, đối với người có bệnh truyền nhiễm Luật quy định nghiêm cấm các hành vi “1. Cố ý làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

2. Người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm và người mang mầm bệnh truyền nhiễm làm các công việc dễ lây truyền tác nhân gây bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.

3. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.

4. Cố ý khai báo, thông tin sai sự thật về bệnh truyền nhiễm.

6. Không triển khai hoặc triển khai không kịp thời các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo quy định của Luật này.

7. Không chấp hành các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền” (Điều 8 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm) và “1. Cố ý lây truyền hoặc truyền HIV cho người khác.

*2. Đe dọa truyền HIV cho người khác.*

*11. Lợi dụng hoạt động phòng, chống HIV/AIDS để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi trái pháp luật.*

*12. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật” (Điều 8 Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). Đồng thời quy định tại Điều 8 của các Luật này cũng áp dụng nghiêm cấm những đối tượng không mắc bệnh truyền nhiễm có những hành vi.*

Nhằm bảo đảm cho sức khỏe cộng đồng, Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) có quy định rất cụ thể về việc giám sát trọng điểm HIV/AIDS và vẫn luôn có quy định giữ bí mật, cụ thể:

*“Điều 25. Giám sát trọng điểm HIV/AIDS 1. Khi tiến hành giám sát trọng điểm HIV/AIDS, cơ sở y tế có thẩm quyền được thực hiện xét nghiệm HIV đối với các nhóm đối tượng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.*

*2. Các xét nghiệm HIV trong giám sát trọng điểm HIV/AIDS phải được thực hiện bằng phương pháp xét nghiệm HIV giấu tên.*

*3. Nhân viên xét nghiệm và cơ sở xét nghiệm HIV có trách nhiệm giữ bí mật kết quả xét nghiệm và chỉ sử dụng kết quả xét nghiệm cho mục đích giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và nghiên cứu khoa học.*

*Điều 30. Thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính*

*1. Kết quả xét nghiệm HIV dương tính chỉ được thông báo cho các đối tượng sau đây:*

*a) Người được xét nghiệm;*

*b) Vợ hoặc chồng của người được xét nghiệm, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người được xét nghiệm là người chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự;*

*c) Nhân viên được giao nhiệm vụ trực tiếp tư vấn, thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính cho người được xét nghiệm;*

*d) Người có trách nhiệm chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV tại các cơ sở y tế, bao gồm trưởng khoa, trưởng phòng, điều dưỡng viên trưởng nơi người nhiễm HIV điều trị, nhân viên y tế được giao trách nhiệm trực tiếp điều trị, chăm sóc cho người nhiễm HIV tại cơ sở y tế;*

*đ) Người đứng đầu, cán bộ phụ trách y tế, nhân viên y tế được giao nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho người nhiễm HIV tại cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam;*

e) Người đứng đầu và cán bộ, công chức được giao trách nhiệm của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

2. Những người quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm giữ bí mật kết quả xét nghiệm HIV dương tính, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

Trong các trường hợp này, cơ quan nhà nước, Luật quy định các cơ sở y tế phải thực hiện các biện pháp để tránh lây nhiễm nhưng tại văn bản Luật không thấy có quy định về cơ chế bảo vệ bí mật cá nhân đối với các cá nhân người bệnh này. Do đó, để áp dụng cơ chế bảo vệ bí mật cá nhân đối với các trường hợp này có thể sẽ áp dụng theo nguyên tắc tương tự luật, có nghĩa là thực hiện các cơ chế của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và pháp luật dân sự có liên quan.

## II.5 Trong trường hợp giám định tư pháp

Đối với bí mật cá nhân trong trường hợp này, mặc dù họ là người hại hay người bị hại, nạn nhân hay đối tượng của các vụ việc tư pháp thì khi thực hiện giám định, các giám định viên cũng phải tuân thủ các nguyên tắc riêng của Luật Giám định tư pháp về kết luận giám định cũng như trách nhiệm khi thực hiện giám định mình đảm nhận nhưng Luật cũng quy định “Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm 5. Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp.” Và để đảm bảo các giám định viên tuân thủ pháp luật, không vi phạm pháp luật cũng như không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 6 của Luật. Luật đã quy định các tiêu chuẩn bắt buộc để có thể trở thành giám định viên như quy định tại “Điều 7. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian hoạt động thực tế chuyên môn từ đủ 03 năm trở lên;

c) Đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự phải có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định”. Tại quy định tiêu chuẩn này cho thấy trước khi được bổ nhiệm giám định viên tư pháp, các giám định viên đã được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, phẩm chất đạo đức tốt có nghĩa



đồng thời họ phải hiểu rõ những hành vi không được làm/bị nghiêm cấm và phải có nghĩa vụ “e) Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người đã trưng cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;” (khoản 2 Điều 23 Luật Giám định tư pháp).

Song song với nghĩa vụ của giám định viên, Luật cũng đã quy định cụ thể về việc lưu giữ hồ sơ giám định tại Điều 33 “3. Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ giám định do mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự.”

III. Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực tài chính

Trong lĩnh vực tài chính là một trong các lĩnh vực rất quan trọng liên quan đến vấn đề kinh doanh, vì thế vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân được quan tâm một cách tương đồng như bí mật kinh doanh và được cụ thể hóa trong các Luật như: Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật quản lý thuế, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hải quan, Luật bảo hiểm tiền gửi, Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Giao dịch điện tử, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Chống rửa tiền, Luật bảo vệ người tiêu dùng...

### III.1 Trong các hoạt động tài chính

Đối với cá nhân, việc giao dịch với hệ thống tín dụng gần như là thường xuyên và hàng ngày. Ví dụ như, hàng tháng lĩnh lương thông qua tài khoản, việc mua bán các vật dụng hàng ngày, thanh toán các hóa đơn chứng từ như tiền điện, tiền nước, tiền đi lại bằng tài khoản cá nhân. Do đó, việc khai báo các thông tin cá nhân cũng như việc chi tiêu, hoặc các tài sản có giá khi được giao dịch qua hệ thống tín dụng cần được bảo đảm bí mật theo quy định của Hiến pháp. Việc quy định bảo vệ bí mật cá nhân khi giao dịch qua tín dụng không chỉ là lợi ích của cá nhân mà còn là một trong các nguyên tắc kinh doanh của tín dụng và qua việc thực hiện tốt nghiêm túc quy định đó, tín dụng cũng được đánh giá uy tín cao trong nghiệp vụ.

Tại Luật các tổ chức tín dụng dành riêng một điều khoản quy định về vấn đề bí mật thông tin bao gồm các thông tin định danh cá nhân và cả thông tin về các giao dịch của cá nhân khi thực hiện qua hệ thống tín dụng. “Điều 14. Bảo mật thông tin

1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

3. *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.”*

Vấn đề bảo mật thông tin này của hệ thống tín dụng không những bản thân hệ thống tín dụng không được làm lộ mà còn có quy định ngay cả đối với các yêu cầu điều tra, phong tỏa, trích tài khoản của đối tượng không phải là khách hàng cũng cần phải tuân thủ quy định ngặt nghèo của pháp luật liên quan. Tinh thần đó được thể hiện rất rõ trong Luật “*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm*” “*từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;*” (khoản 3, Điều 10). Quy định này cho thấy, cơ chế bảo vệ bí mật thông tin không chỉ của cá nhân trong lĩnh vực này rất chặt chẽ.

Ngoài các hoạt động về tín dụng, đối với hoạt động liên quan đến kinh doanh bảo hiểm, Luật kinh doanh bảo hiểm cũng có quy định về vấn đề cung cấp thông tin “*Điều 19. Trách nhiệm cung cấp thông tin*

1. *Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm; bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Các bên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đó. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm giữ bí mật về thông tin do bên mua bảo hiểm cung cấp.*

*Điều 124. Các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm*

6. *Vi phạm nghĩa vụ giữ bí mật về thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm do bên mua bảo hiểm cung cấp;”*

*Theo quy định của Luật Chứng khoán:*

*“Điều 57. Bảo mật*

1. *Trung tâm lưu ký chứng khoán và thành viên lưu ký có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.*

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc báo cáo tài chính của thành viên lưu ký;

b) Khách hàng của Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc thành viên lưu ký muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của chính họ;

c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động mua bán chứng khoán đến các thông tin của các cá nhân liên quan đến hoạt động này “thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty” khi có những hành vi ảnh hưởng trực tiếp đến công ty đại chúng thì cần phải được công bố công khai minh bạch theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 101 Luật Chứng khoán “Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty” và để đảm bảo thực hiện điều khoản, Luật còn quy định rõ các hình phạt khi vi phạm đó là **“Điều 128. Xử lý hành vi vi phạm quy định về công bố thông tin**

*Tổ chức phát hành, công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán công bố thông tin không đầy đủ, kịp thời, đúng hạn, đúng phương tiện theo quy định; công bố thông tin sai sự thật hoặc làm lộ bí mật số liệu, tài liệu hoặc không công bố thông tin theo quy định của Luật này thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, buộc chấp hành đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin.”*

### III.2 Trong các hoạt động về thuế

Trong hoạt động về thuế, các cá nhân, người nộp thuế được Luật quản lý thuế quy định về quyền bảo vệ bí mật thông tin tại “Điều 6. Quyền của người nộp thuế

#### 3. Được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật”

Và để bảo đảm quyền bí mật riêng tư của người nộp, Luật quy định nghĩa vụ của cơ quan thuế trong việc bảo đảm bí mật cá nhân một cách tương ứng với quyền của đối tượng nộp thuế, do đó tại Luật này cũng ghi nhận rõ “Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế

4. Giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của Luật này”. Đây là vấn đề được pháp luật quy định tương đối chặt chẽ, tại chính Luật này, cơ chế bảo mật thông tin của cá nhân người nộp thuế được quy định một cách chi tiết hơn hẳn các luật khác bằng điều khoản cụ thể

“Điều 73. Bảo mật thông tin của người nộp thuế

*1. Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người đã là công chức quản lý thuế, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế phải giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*

*2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin của người nộp thuế cho các cơ quan sau đây:*

*a) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án;*

*b) Cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán nhà nước;*

*c) Các cơ quan quản lý khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật;*

*d) Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên ”*

#### IV. Kết luận

Qua nghiên cứu tình hình pháp luật bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực y tế và tài chính nhận thấy các quy định này mặc dù được quy định trong hầu hết các văn bản luật và phù hợp với quy định của Hiến pháp nhưng chưa thấy được có quy định về cơ chế nhằm bảo vệ bí mật cá nhân một cách rõ ràng.

Trong cuộc sống, cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, việc bảo vệ bí mật nhà nước được thực thi bằng văn bản có giá trị pháp lý cao và được nhà nước coi trọng được thể hiện bằng Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 2000. Trong khi đó, vấn đề bảo vệ bí mật cá nhân cũng tương đối quan trọng.

## *Chuyên đề 5*

### **Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục**

*PGS. TS. Trần Thị Hiền*

*Đại học Luật Hà Nội*

*Chuyên đề này phân tích khía cạnh lí luận về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục; xác định yếu tố cấu thành cơ chế pháp lí bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục; phân tích, đánh giá pháp luật hiện hành về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục; làm rõ nội dung tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.*

#### **Cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.**

Pháp luật hiện hành không có quy định trực tiếp về quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng. Tuy nhiên, Hiến pháp - Đạo luật gốc, xác định nguyên tắc chung chi phối toàn bộ các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến đảm bảo quyền con người, quyền công dân đã quy định “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.”<sup>96</sup> Theo đó, Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015, đã quy định cụ thể như sau:

1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý,...

Vấn đề đặt ra ở đây là pháp luật hiện hành không xác định nội hàm khái niệm đời sống riêng tư, do đó các thông tin của cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm cả thông tin về trình độ học vấn, quá trình cá nhân được đào tạo, học tập... gọi chung là dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục có thuộc phạm vi thông tin liên quan đến đời sống riêng tư đã được quy định trong pháp luật hay không. Câu trả lời cần khẳng định, mặc dù Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục, không quy định trực tiếp cá nhân có quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, nhưng dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực

---

<sup>96</sup> Điều 21, khoản 1, Hiến pháp 2013

giáo dục là những thông tin thuộc nội hàm khái niệm thông tin thuộc về đời sống riêng tư được pháp luật bảo vệ. Bởi lẽ, các dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng gắn với đời sống một cá nhân nhất định, gắn với các quyền nhân thân không thể chuyển giao cho bất kì một người nào khác.

Dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là những thông tin thuộc về đời sống riêng tư được pháp luật bảo vệ. Cá nhân có quyền quyết định mức độ công khai hay bí mật đối với các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Theo đó, các thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng thuộc quyền tự quyết đó. Tuy nhiên ở góc độ pháp lí, quyền tự quyết về mức độ công khai đối với các thông tin cá nhân nói chung và thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng thuộc loại quyền tự quyết có giới hạn. Giới hạn này, được xác định bằng việc không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của nhà nước, của cá nhân, tổ chức khác. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân, bao gồm cả dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được pháp luật bảo vệ cũng trên cơ sở nguyên tắc chung này.

Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là quyền phái sinh từ các quyền hiến định của công dân. Do đó, xét ở bình diện chung, bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng bao hàm những yếu tố chung là tiền đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp, bao gồm toàn bộ những tiền đề tư tưởng chính trị, pháp lí, văn hoá, nền tảng kinh tế-xã hội nhằm đảm bảo cho công dân được hưởng quyền thực sự và sử dụng quyền một cách dễ dàng và đúng đắn. Theo đó, hệ thống bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được chia thành nhóm bảo đảm chung và nhóm bảo đảm pháp lí. Nhóm bảo đảm chung gồm những yếu tố xã hội, các chuẩn mực văn hoá, các đặc trưng về chế độ chính trị, tư tưởng tác động đến quyền công dân nói chung và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng. Những yếu tố thuộc nhóm bảo đảm chung đóng vai trò tạo động lực thúc đẩy công dân sử dụng quyền của mình một cách tích cực. Nhóm bảo đảm pháp lí gồm các biện pháp bảo đảm do pháp luật quy định, trang bị cho công dân những quyền với ý nghĩa là công cụ pháp lí nhằm chống lại nguy cơ xâm hại quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục từ phía các chủ thể khác (bao gồm cả từ phía nhà nước) và các quy phạm pháp luật xác định cách thức hợp pháp để cá nhân thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình trong lĩnh vực giáo dục. Tất nhiên, các biện pháp bảo đảm pháp lí cho quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục chỉ có thể thực hiện có hiệu quả trên cơ sở phù hợp với các yếu tố thuộc nhóm bảo đảm chung.

Trong mối quan hệ pháp lí giữa công dân và nhà nước, quyền - nghĩa vụ luôn có mối quan hệ tương hỗ. Nếu xác định cá nhân có quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục thì kéo theo đó, nhà nước phải có trách nhiệm

(nghĩa vụ) thiết lập cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Cơ chế này được hiểu theo nghĩa là quy trình, cách thức vận hành của hệ thống cơ quan, tổ chức và cá nhân do pháp luật quy định có trách nhiệm tiến hành các hoạt động nhằm bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Cơ chế pháp lý bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được cấu thành bởi các nhóm quy phạm pháp luật cơ bản sau đây:

i) Nhóm quy phạm pháp luật xác định nội dung thông tin thuộc phạm vi dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Theo nguyên tắc chung, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục phải được cá nhân đồng ý. Tuy nhiên như trên đã trình bày, quyền quyết định của cá nhân về mức độ công khai dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục không thể được xem là quyền tuyệt đối. Do đó, nhóm quy phạm này phải được xác lập theo các thức kết hợp phương pháp liệt kê và phương pháp loại trừ để quy định những thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục mà cơ sở giáo dục được quyền công khai không cần sự đồng ý của người học. Việc xác định các thông tin cá nhân thuộc loại này phải đáp ứng yêu cầu không gây thiệt hại cho người học và trên hết là vì lợi ích của người học, vì hiệu quả chung của hoạt động giáo dục đào tạo.

ii) Nhóm quy phạm pháp luật quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành về giáo dục và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đào tạo, các tổ chức liên quan trong việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Quy phạm pháp luật thuộc nhóm này xác định các thiết chế trực tiếp quản lý, sử dụng các thông tin dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, có quyền hạn và trách nhiệm trong việc thống kê, tổng hợp dữ liệu chung phục vụ quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo. Tuy nhiên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý sử dụng dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng luôn đồng thời là những chủ thể tiềm ẩn nguy cơ vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Do đó, cơ chế pháp lý bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục không thể thiếu các quy phạm thuộc nhóm này.

iii) Nhóm quy phạm pháp luật quy định các quyền bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Các quyền này thể hiện nội dung cho phép cá nhân sử dụng quyền với ý nghĩa là công cụ pháp lý để chống lại những hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Cá nhân sẽ sử dụng các quyền này khi có căn cứ cho rằng dữ liệu cá nhân của mình trong lĩnh vực giáo dục bị xâm hại hoặc sử dụng để ngăn chặn những hành vi có liên quan đến dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục bị coi là vi phạm pháp luật. Các quyền này, thuộc nhóm quyền bảo vệ quyền công dân nói chung, như: quyền kiến nghị, quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền khởi kiện, quyền được bồi thường khi bị thiệt hại do dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục bị xâm hại. Mặc dù thuộc

nhóm quyền bảo vệ quyền công dân nói chung, nhưng để có cơ sở thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, pháp luật cần có các quy định cụ thể có tính đặc thù về những loại quyết định hay hành vi của chủ thể có thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục thuộc đối tượng khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường... Đương nhiên, khi quy định các quyền bảo vệ này, phải đồng thời quy định hình thức, thủ tục thực hiện các quyền đó và xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thụ lý giải quyết các vụ việc khi cá nhân sử dụng các quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giáo dục. Hình thức, thủ tục thực hiện các quyền bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giáo dục là bảo đảm pháp lý cần thiết để hiện thực hoá quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, hình thức, thủ tục thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục sẽ là rào cản đối với việc thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân nếu thủ tục đó không phù hợp, phức tạp, thiếu khách quan và không minh bạch.

iiii) Nhóm quy phạm pháp luật xác định những hành vi bị coi là vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục và chế tài tương ứng. Nhóm quy phạm này được xây dựng trên cơ sở các quy định giới hạn những thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục mà việc công khai cần có sự đồng ý của cá nhân hoặc loại thông tin cá nhân thuộc nhóm mà cơ sở giáo dục được quyền công khai không cần sự đồng ý của người học. Tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi xâm hại quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục có thể bị xem là vi phạm hành chính hay tội phạm. Bên cạnh đó, tùy thuộc vị trí pháp lý của chủ thể đã thực hiện hành vi xâm hại quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục mà kéo theo các chế tài kỉ luật hoặc bồi thường thiệt hại theo pháp luật dân sự hay pháp luật về trách nhiệm bồi thường của công chức, viên chức gây thiệt hại trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Việc nhìn nhận cơ chế pháp lý bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật xác định các nội dung như trên, sẽ đánh giá được toàn diện về một phương thức pháp lý cụ thể bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

### **Pháp luật bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.**

Việc đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục sẽ được thực hiện thông qua việc xem xét đánh giá đối với từng nội dung pháp luật cơ bản cấu thành cơ chế pháp lý bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

**Thứ nhất,** pháp luật xác định nội dung thông tin thuộc phạm vi dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.



Xét theo tiêu chí nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân trong lĩnh vực giáo dục thì khái niệm cá nhân trong lĩnh vực giáo dục bao gồm người có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý giáo dục, nhà giáo, người trực tiếp thực hiện các hoạt động hỗ trợ phục vụ quá trình giáo dục và người học. Trong chuyên đề bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, khái niệm cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được giới hạn trong phạm vi là người học.

Người học là người đang học tập tại cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Người học bao gồm: Trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non; Học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, lớp dạy nghề, trung tâm dạy nghề, trường trung cấp, trường dự bị đại học; Sinh viên của trường cao đẳng, trường đại học; Học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ; Nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sĩ; Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên.<sup>97</sup> Người học được nhà trường, cơ sở giáo dục khác tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình; Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường, cơ sở giáo dục khác bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học<sup>98</sup>.

Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là quyền chính đáng được pháp luật bảo vệ. Các thông tin của cá nhân (người học) trong lĩnh vực giáo dục được thể hiện trong hồ sơ học sinh, sinh viên. Pháp luật hiện hành đã có quy định về nội dung của hồ sơ học sinh, sinh viên đồng thời quy định về hình thức thể hiện dữ liệu cá nhân của người học. Cụ thể, Điều 2 của Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên<sup>99</sup>, quy định: “*Hồ sơ học sinh, sinh viên* là hệ thống tài liệu tổng hợp về học sinh, sinh viên, phản ánh những thông tin thiết yếu về học sinh, sinh viên dùng để quản lý quá trình học tập, sinh hoạt, rèn luyện của học sinh, sinh viên. Hồ sơ học sinh, sinh viên gồm có hồ sơ của từng học sinh, sinh viên và hồ sơ thống kê tổng hợp về tình hình học sinh, sinh viên”. Cũng trong văn bản này, khái niệm dữ liệu được xác định là thông tin thể hiện dưới dạng kí hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh hoặc dạng tương tự.

Pháp luật hiện hành quy định rất chi tiết về những thông tin cần phải có trong hồ sơ học sinh sinh viên. Về cơ bản, hồ sơ học sinh sinh viên có những nội dung như, kết quả học tập của cấp học cần thiết được yêu cầu (học bạ); Giấy khai sinh; Giấy tờ chứng nhận chế độ ưu tiên (nếu có); Giấy chứng nhận sức khỏe; Lý lịch học sinh, sinh viên (theo mẫu quy định). Quá trình học tập của học sinh, sinh viên cũng được tập hợp trong Hồ sơ theo dõi quá trình học tập, rèn

---

<sup>97</sup>Điều 83. Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung 2009

<sup>98</sup>Điều 86, Luật Giáo dục qui định Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung 2009

<sup>99</sup>Qui định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

luyện. Hồ sơ này thể hiện kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên; các hình thức khen thưởng mà học sinh, sinh viên đạt được trong học tập, nghiên cứu khoa học và tham gia các phong trào; Hình thức kỷ luật và trách nhiệm pháp lý khác mà học sinh, sinh viên bị áp dụng trong và ngoài trường; Những thay đổi của học sinh, sinh viên như chuyển ngành, chuyển trường, lưu ban, ngừng học, thôi học... Hồ sơ của học sinh, sinh viên được quản lý dưới dạng văn bản theo mẫu quy định hoặc theo hình thức hồ sơ điện tử.

Như vậy, pháp luật hiện hành đã xác định tương đối cụ thể, rõ ràng về các thông tin thuộc dữ liệu cá nhân người học, bao gồm cả những thông tin thuộc về lý lịch và những thông tin trong quá trình học tập rèn luyện. Trong đó có cả những thông tin tích cực như thành tích học tập, hình thức khen thưởng và những thông tin mang tính tiêu cực như các thông tin về kỉ luật, vi phạm pháp luật... Tuy nhiên, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục bao gồm cả Luật giáo dục, Luật giáo dục Đại học, Điều lệ các trường đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm quản lý điều hành hoạt động giáo dục ở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân đều không có quy định về những thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục thuộc loại khi cơ sở giáo dục đăng tải công khai cần phải có ý kiến đồng ý của người học. Như vậy, có thể hiểu thông tin dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được coi là những thông tin mà cơ sở giáo dục được quyền đăng tải theo nguyên tắc chung không làm phương hại đến lợi ích của cá nhân. Căn cứ Điều 6, Điều 8 của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 về Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, thì dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục chỉ được đăng tải trên hệ thống thông tin nội bộ phục vụ hoạt động quản trị, vận hành nội bộ của cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, theo pháp luật hiện hành thì chưa thể xác định được mức độ công khai từng loại thông tin của cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Ngay cả khi hệ thống thông tin được xem là nội bộ thì cũng không phải mọi thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục đều được đăng tải công khai trên hệ thống thông tin nội bộ đó. Mặt khác, mặc dù theo nguyên tắc chung phải đảm bảo việc đăng tải dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục không làm phương hại đến cá nhân người học, nhưng trên thực tế hiểu như thế nào là phương hại đến cá nhân, đặc biệt là sự ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần của người học thì còn phụ thuộc vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của mỗi cá nhân. Để tránh nguy cơ lạm dụng thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, pháp luật cần xác định cụ thể theo phương pháp liệt kê những loại thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục mà cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục không được đăng tải công khai kể cả trên mạng thông tin nội bộ. Đối với những thông tin cá nhân thuộc loại này, cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục chỉ được thu thập để phục vụ mục đích quản lý, vận hành hoạt động nội bộ phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức. Ngoài nhóm thông tin này, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục được quyền đăng tải

những thông tin thuộc dữ liệu cá nhân mà không cần có ý kiến đồng ý của cá nhân, nhằm mục đích của giáo dục đào tạo. Điều này, cũng đồng nghĩa với việc xác định cá nhân không được quyền quyết định mức độ công khai đối với mọi thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Về nguyên tắc, thì không phải mọi thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục đều hoàn toàn do cá nhân có quyết định công khai hay không công khai vì ngoài vấn đề bảo vệ quyền thông tin cá nhân, thì hoạt động giáo dục còn cần đạt được tính công bằng, công khai và minh bạch. Pháp luật quy định về loại thông tin và mức độ công khai từng nhóm thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, sẽ tạo điều kiện minh bạch hơn trong quản lý giáo dục đồng thời cũng tạo điều kiện để cá nhân thực hiện tốt hơn quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục và là cơ sở để xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục trong việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

**Thứ hai:** *Pháp luật quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành về giáo dục và của các cơ sở giáo dục trong việc đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.*

Luật Giáo dục quy định: Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên<sup>100</sup>.

Giáo dục mầm non có nhà trẻ và mẫu giáo; Giáo dục phổ thông có tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp có trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề; Giáo dục đại học và sau đại học đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về giáo dục bao gồm:<sup>101</sup> Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ. Đương nhiên, các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về giáo dục phải có trách nhiệm chung trong việc bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Cơ sở giáo dục là các nhà trường và các cơ sở giáo dục khác trong hệ thống giáo dục quốc dân. Luật giáo dục quy định cho các cơ sở giáo dục những nhiệm vụ và quyền hạn để triển khai thực hiện hoạt động quản lý và giáo dục đào tạo nhằm đạt được mục tiêu chung của giáo dục quốc gia và đạt được mục tiêu giáo dục của mỗi cấp học, của mỗi cơ sở giáo dục, như: Công bố công khai

---

<sup>100</sup> Điều 4, Luật Giáo dục

<sup>101</sup> Điều 100, Luật giáo dục

mục tiêu, chương trình giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nhà trường... Tuy nhiên, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục, của các cơ sở giáo dục trong việc đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục thì không được quy định riêng trong các điều khoản cụ thể mà nằm trong nhóm “nhiệm vụ quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”. Như vậy hiện nay, các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, đồng thời có các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục theo các quy định chung của Bộ luật dân sự 2015; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật Lưu trữ, năm 2011; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Ví dụ, khi thu thập, quản lý hồ sơ của học sinh, sinh viên thì các cơ quan này phải tuân thủ nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng theo Điều 4 của Luật An toàn thông tin mạng, nhằm ngăn chặn hành vi thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Cũng theo Luật này, các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục phải có trách nhiệm theo quy định tại điều 18. Theo đó, người học có quyền yêu cầu cơ sở giáo dục cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của mình mà cơ sở giáo dục đã thu thập, lưu trữ, hoặc ngừng cung cấp thông tin cá nhân của mình trong lĩnh vực giáo dục cho bên thứ ba. Ngay khi nhận được yêu cầu thì cơ sở giáo dục có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và thông báo lại cho người học đã yêu cầu.

Luật cũng quy định tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải hủy bỏ thông tin cá nhân đã được lưu trữ khi đã hoàn thành mục đích sử dụng hoặc hết thời hạn lưu trữ và thông báo cho chủ thể thông tin cá nhân biết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tuy không quy định trực tiếp nhưng một số văn bản pháp luật điều chỉnh các mảng hoạt động cụ thể trong lĩnh vực giáo dục cũng có các quy định thể hiện nội dung xác định quyền hạn, trách nhiệm, của các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục đối với việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, như: Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009; Luật Giáo dục đại học năm 2012; Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên; Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy. Cụ thể, Điều 3 của bản Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên, ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT đã đưa ra yêu cầu có tính nguyên tắc đối với công tác lập và quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên phải “thực hiện chế độ bảo mật theo quy định”. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục cũng chỉ dừng ở mức độ quy định chung, chưa

có các quy định thể hiện đặc trưng về việc chế độ bảo mật dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện như thế nào. Ví dụ, đối với kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên thì nhà trường thực hiện việc thông báo cho từng cá nhân hay thông báo chung trên mạng thông tin nội bộ... Trong công tác quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên đòi hỏi cơ sở giáo dục phải có trách nhiệm lập hồ sơ cho từng học sinh, sinh viên với các nội dung theo quy định của pháp luật; Quản lý, bổ sung, lưu trữ hồ sơ theo quy định; Bố trí cán bộ có trách nhiệm, có nghiệp vụ về công nghệ thông tin phụ trách công tác hồ sơ học sinh, sinh viên; Xây dựng phần mềm quản lý học sinh, sinh viên trên cơ sở quy định tại văn bản này và những đặc thù của trường... Việc tổ chức ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin trong công tác quản lý học sinh, sinh viên ở các trường là một trong những tiêu chuẩn xét thi đua năm học đối với các cơ sở giáo dục<sup>102</sup>. Vụ trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Quy định về quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên.<sup>103</sup>

Liên quan giữa quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục và việc công bố quyết định kỉ luật đối với người học, đang có những vấn đề cần xem xét lại (theo quan điểm của tác giả). Đặc biệt là trong trường hợp văn bản pháp luật về xử lý kỉ luật đối với học sinh sinh viên còn có nhiều điểm bất cập và mâu thuẫn. Xin nêu ví dụ cụ thể về các quy định của Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Điều 9, khoản 2: “Hình thức kỷ luật của sinh viên từ cảnh cáo trở lên phải được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên và thông báo cho gia đình sinh viên. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, cơ sở giáo dục đại học phải gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.”

Điều 11, khoản 3: “Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn: khi hết thời hạn đình chỉ, sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (cấp xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương... để cơ sở giáo dục đại học xem xét, tiếp nhận vào học tiếp nếu đủ điều kiện.”

Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định Phụ lục kèm theo Quy chế này (Điều 9, khoản 3). Vấn đề ở đây là trong bản phụ lục này các quy định về hành vi của người học bị coi là vi phạm và việc áp dụng hình thức xử lý kỉ luật đều được quy định rất định tính, dẫn đến tình trạng rất có thể

---

<sup>102</sup> Xem Điều 13; Điều 14 của Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên.

<sup>103</sup> Xem Điều 15 Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên.

việc xử lý kỉ luật bị rơi vào tình trạng cảm tính và không thống nhất, dẫn đến không đạt được mục đích giáo dục như mong muốn. Hầu hết các hành vi bị coi là vi phạm và việc xử lý người học vi phạm đều được quy định trong quy chế này theo cách như sau: ( Trích nguyên văn)

Vô lễ với thầy, cô giáo và CBVC nhà trường - Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học;

Cố tình chậm nộp hoặc không nộp học phí, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà trường mà không có lý do chính đáng - Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở, khiển trách đến buộc thôi học;

Làm hư hỏng tài sản trong KTX và các tài sản khác của trường - Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại.

Với cách quy định như trên, thiết nghĩ nên cân nhắc khi quy định việc lưu hình thức kỉ luật vào hồ sơ học sinh, sinh viên hoặc việc cơ sở giáo dục gửi thông báo cho địa phương; sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (cấp xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương với vấn đề đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục hợp lý hơn.

***Thứ ba, pháp luật quy định các quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.***

Với quan điểm quyền quyết định mức độ công khai dữ liệu cá nhân nói chung, dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng là quyền có giới hạn. Đối với những thông tin cá nhân thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, mà việc đăng tải công khai nhằm mục đích minh bạch, công bằng trong lĩnh vực giáo dục, không làm phương hại đến cá nhân, thì các cơ sở giáo dục, các cơ quan có thẩm quyền có quyền đồng thời có nghĩa vụ công khai; Ví dụ, trường hợp cá nhân được đào tạo tại nước ngoài bằng ngân sách nhà nước; cá nhân được hưởng chính sách ưu tiên... Tuy nhiên, cũng có những thông tin cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, mà cơ sở giáo dục không được đăng tải công khai, kể cả đăng tải công khai trên mạng nội bộ.

Luật giáo dục 2005 sửa đổi 2009 quy định: Người học có quyền được nhà trường, cơ sở giáo dục khác tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình;

Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường, cơ sở giáo dục các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học;<sup>104</sup>

---

<sup>104</sup> Điều 86, Luật giáo dục

Thừa nhận dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là thông tin cá nhân được pháp luật bảo vệ, đồng nghĩa với việc nhà nước phải tạo ra các phương thức để cá nhân có thể bảo vệ tính riêng tư của thông tin dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục của mình. Tham gia vào một phương thức bảo vệ quyền công dân luôn có hai bên chủ thể. Trong đó, bên chủ thể là công dân đóng vai trò chủ động lựa chọn phương thức thực hiện. Chủ thể phía đại diện nhà nước có trách nhiệm giải quyết và tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền của mình.

Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là một trong những quyền của công dân trong quản lý hành chính nhà nước. Pháp luật hiện hành quy định một số quyền pháp lý với ý nghĩa là quyền bảo vệ quyền chủ thể, như: quyền khiếu nại, quyền kiến nghị, quyền tố cáo, quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường cho phép cá nhân được chủ động lựa chọn cách thức bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình trong lĩnh vực giáo dục. Tương ứng với mỗi quyền này là một phương thức bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Trong một phương thức pháp lý bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cần phải đảm bảo các yếu tố cơ bản, gồm: xác định quyền với tính chất là quyền bảo vệ quyền chủ thể; quy phạm pháp luật quy định cách thức, trình tự thực hiện các quyền bảo vệ quyền; xác định thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của các chủ thể đại diện nhà nước khi công dân sử dụng các quyền bảo vệ đồng thời quy định các biện pháp xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Theo tiêu chí thủ tục giải quyết các quyền bảo vệ thì phương thức bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục gồm phương thức bảo vệ theo thủ tục hành chính và phương thức bảo vệ quyền theo thủ tục tố tụng tại tòa án. Quy trình, cách thức thực hiện mỗi phương thức này phụ thuộc vào quy định của pháp luật và sự chủ động lựa chọn của cá nhân. Mỗi phương thức đều có những điểm thuận lợi riêng.

Các phương thức bảo vệ quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục thuộc nhóm được giải quyết theo thủ tục hành chính gồm: phương thức giải quyết các kiến nghị, phản ánh; phương thức giải quyết khiếu nại, tố cáo; yêu cầu bồi thường khi có thiệt hại do người thi hành công vụ liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục gây ra. Cá nhân cũng có thể thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục gây ra theo phương thức khởi kiện vụ án dân sự tại tòa án có thẩm quyền.

Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là quyền chính đáng của người học. Các văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục khi điều chỉnh những

vấn đề có liên quan đến nội dung bảo vệ quyền của người học đều dẫn chiếu đến các văn bản pháp luật quy định về các phương thức trên đây.

*Thứ tư, pháp luật xác định những hành vi bị coi là vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục và chế tài tương ứng.*

Theo logic thông thường, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là quyền chính đáng được pháp luật thừa nhận, thì đương nhiên những hành vi xâm hại đến quyền này của cá nhân phải bị xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu thiếu đi mảng pháp luật quy định về những hành vi vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng thì việc bảo vệ quyền này không được đảm bảo trong thực tế.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên đã mang lại nhiều điểm ưu điểm tích cực cho công tác quản lý học sinh, sinh viên, như: cập nhật thông tin về học sinh, sinh viên nhanh chóng, dễ chỉnh sửa, bổ sung... Bên cạnh đó cũng tiềm ẩn nguy cơ thông tin bị lấy cắp để sử dụng vào những mục đích ngoài mong muốn của người học, thậm chí thông tin bị lấy cắp để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Tuy nhiên trong luật hiện hành, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng chưa được nhận diện rõ ràng. Quan niệm về tính chất riêng tư của những thông tin thuộc dữ liệu cá nhân người học và yêu cầu về tính công khai, minh bạch của hoạt động giáo dục chưa được làm rõ. Do đó, chưa xác định được nguyên tắc phân định mức độ công khai đối với từng loại thông tin thuộc dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Hầu hết các văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục đều bị thiếu vắng các qui phạm xác định những hành vi bị coi là vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Luật giáo dục là văn bản pháp lý quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, tại Điều 118, quy định về xử lý vi phạm, trong đó đã xác định một số hành vi vi phạm hành chính. nhưng không xác định một hành vi nào là hành vi xâm hại quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Điều luật này dẫn chiếu đến các văn bản do Chính phủ ban hành quy định cụ thể về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Mặc dù vậy, các Nghị định của Chính phủ cũng lại lặp cách quy định rất chung theo cách: “Cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm các quy định của văn bản này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật”<sup>105</sup>. Trong các văn bản pháp luật chuyên biệt về xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục, cũng không tìm thấy quy phạm xác định hành vi xâm hại

---

<sup>105</sup> Điều 14, khoản 2 Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên ban hành kèm theo *Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*



quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Ví dụ: Nghị định số 79/2015/NĐ-CP, ngày 14 tháng 09 năm 2015, của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 138/2013/NĐ-CP, 22 tháng 10 năm 2013, của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Một trong những nguyên tắc trong việc xác định trách nhiệm pháp lý đối với người vi phạm pháp luật là phải xác định hành vi của người bị xử lý có bị quy định là vi phạm pháp luật hay không và khi hành vi bị quy định là vi phạm pháp luật thì mới xác định được chế tài tương ứng để xử lý. Vì thế, nếu pháp luật không quy định các hành vi bị xem là vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, thì việc bảo vệ quyền này sẽ gặp khó khăn trên thực tiễn.

Tuy không hoàn toàn đồng nhất nhưng ở mức độ nhất định, có thể cho rằng, đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng thuộc nội hàm khái niệm bảo vệ quyền riêng tư. Từ góc độ này, nhìn chung các văn bản pháp luật đều bảo vệ theo hướng quy định của Bộ luật Dân sự “Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác”<sup>106</sup>. Mặc dù có quy định này, việc bảo vệ quyền riêng tư nói chung hay quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục nói riêng cũng khó có thể thực hiện được nếu không xác định như thế nào là vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Thiết nghĩ việc quy định những hành vi vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cần bám vào các quy định của Bộ luật Dân sự và Luật công nghệ thông tin. Bởi lẽ, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục là quyền phái sinh từ quyền về bảo vệ thông tin về đời sống riêng tư. Mặt khác, hồ sơ học sinh, sinh viên cũng được thể hiện bằng hình thức hồ sơ điện tử, việc quản lý quá trình đào tạo, giáo dục cũng liên quan nhiều đến môi trường mạng. Theo đó, các hành vi vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục sẽ được quy định với hình thức mô tả hành vi không tuân thủ các quy định của pháp luật. Ví dụ:

- Thu thập, xử lý và sử dụng thông tin người học không được người đó đồng ý, trong trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có ý kiến đồng ý của họ;

- Không thông báo cho người học biết về hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người đó;

---

<sup>106</sup> Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015

- Sử dụng không đúng mục đích thông tin cá nhân thu thập được theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận giữa hai bên;

- Không thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá huỷ;... Tất nhiên cùng với việc mô tả vi phạm, thì các biện pháp chế tài sẽ được dự liệu để xử lý trong trường hợp có vi phạm xảy ra.

### **Tổ chức thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.**

Trách nhiệm thực thi pháp luật về bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, trước hết thuộc về các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Hiện nay, vấn đề đảm bảo quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân chủ yếu được thực hiện ở góc độ đảm bảo thực hiện tốt các văn bản pháp luật quy định về quản lý, thực hiện các hoạt động đào tạo giáo dục. Thông qua đó mà bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học. Từ các văn bản pháp luật do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, hầu hết các trường đã ban hành các văn bản có tính hành chính điều hành nội bộ để triển khai thực hiện công tác quản lý đào tạo của cơ sở mình. Tại các cơ sở giáo dục ở tất cả các bậc học đều có bộ phận trực tiếp đảm nhận công tác quản lý đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên, tổ chức hành chính để thực hiện việc quản lý quá trình học tập, rèn luyện của người học. Các trường đã áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học trong lĩnh vực giáo dục.

Như đã phân tích ở các phần trên, hiện nay chưa có văn bản pháp luật quy định trực tiếp về quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục đang được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân nói chung của Bộ luật Dân sự, Luật an toàn thông tin mạng, Luật công nghệ thông tin... cùng với các văn bản pháp luật quy định về tổ chức hoạt động giáo dục đào tạo như Luật giáo dục, Luật giáo dục Đại học, Quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy. Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục...

Các quyền của người học liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, căn bản được đảm bảo thực hiện theo quy định của Điều 22 Luật công nghệ thông tin:

- Cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân lưu trữ thông tin cá nhân của mình trên môi trường mạng thực hiện việc kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin đó.

- Tổ chức, cá nhân không được cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có sự đồng ý của người đó.

- Cá nhân có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp thông tin cá nhân.

Tuy nhiên việc thực hiện các quy định nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học trong lĩnh vực giáo dục trên thực tế chưa đáp ứng sự mong đợi. Trên thực tế, chưa có một công trình tài liệu nào nghiên cứu về vấn đề này, chưa có bất kỳ số liệu nào liên quan đến việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học. Rất dễ nhận thấy những dấu hiệu về việc thông tin của người học bị sử dụng không đúng mục đích, đặc biệt thông tin về gia cảnh, số điện thoại của học sinh, sinh viên hoặc của cha mẹ nếu người học là vị thành niên. Ví dụ, người có con đang theo học các cấp học phổ thông thì thường xuyên bị nhận các cuộc gọi hoặc tin nhắn mời thuê gia sư; Học sinh đang trong độ tuổi học cuối cấp trung học phổ thông thì thường xuyên nhận được tin mời gọi nộp hồ sơ vào các trường chuyên nghiệp, mời gọi nộp tiền để du học... Không khó khăn để có được dữ liệu thông tin cá nhân của người học, thậm chí có cả các website chuyên mua bán thông tin dữ liệu cá nhân, trong đó có cả dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Ví dụ. trang muabandata.com chỉ với một thao tác đơn giản click chuột là có thể tìm thấy chủ nhân muốn mua bán dữ liệu cá nhân, bao gồm cả dữ liệu của người học. Vấn đề đặt ra là đã có nhiều văn bản pháp luật quy định về bảo đảm thông tin mạng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cụ thể hóa, áp dụng trong lĩnh vực giáo dục bằng việc ban hành nhiều văn bản pháp luật như trên đã nêu, nhưng hiện tượng vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân người học vẫn xảy ra thường xuyên đến mức không còn bị coi là vi phạm, và chưa có vụ việc nào bị xử lý.

Mới đây trang báo điện tử <http://thanhvien.vn/> đã đăng thông tin về dữ liệu của người học bị sử dụng bất hợp pháp. Trong đó, bài viết “Mua bán dữ liệu thí sinh”<sup>107</sup> có đặt vấn đề nguồn thông tin dữ liệu cá nhân người học bị rao bán là từ đâu mà có. Theo bài viết này cho biết “Người tiếp thị giá dữ liệu của mỗi tỉnh (khoảng vài chục ngàn TS) dao động từ 5 - 8 triệu đồng, tùy thuộc vào mua nhiều hay mua ít. Sau khi thương lượng, người này đồng ý bán thông tin của TS 3 tỉnh thành gồm TP.HCM, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu cho trung tâm với mức giá 20 triệu”. Trên trang muabandata.com hiện vẫn đang rao bán thông tin dữ

---

<sup>107</sup><http://thanhvien.vn/giao-duc/mua-ban-du-lieu-cua-thi-sinh-730050.html>

liệu của học sinh, sinh viên theo kiểu “các data Phụ huynh học sinh bên mình là bản đầy đủ nhất và cập nhật mới nhất tất cả danh sách phụ huynh học sinh các trường lớn nhỏ từ mẫu giáo đến cấp 1, cấp 2 và cấp 3 trên toàn địa bàn TP.HCM. Trường dữ liệu trong bộ data phụ huynh học sinh khá đa dạng và chi tiết. Về tên tuổi học sinh, phụ huynh, nghề nghiệp, chức vụ phụ huynh...”

Theo chúng tôi, nếu việc bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học chỉ dừng ở nguyên tắc chung là được pháp luật bảo đảm thực hiện, mà không có các quy định cụ thể “như các phần trên đã phân tích” thì quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục cũng rơi vào tình trạng chung của việc bảo đảm quyền riêng tư là rất khó có thể thực hiện.

Bên cạnh nguyên tắc chung về quyền được bảo vệ đời tư, thì trong lĩnh vực giáo dục cần quy định cụ thể nhằm ngăn chặn những hành vi xâm phạm tùy tiện và bất hợp pháp vào dữ liệu cá nhân của người học. Bên cạnh đó cần xác định trách nhiệm của cá nhân khi phát hiện dữ liệu cá nhân của người học bị lợi dụng vào các mục đích phi giáo dục. Phải có những biện pháp hiệu quả để bảo đảm rằng những thông tin cá nhân của người học được bảo vệ, xác định trách nhiệm của từng khâu trong quy trình thu thập xử lý thông tin dữ liệu cá nhân của người học. Trong năm 2017 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy chế Thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT. Trong Quy chế này đã xác định rất rõ trách nhiệm của các chủ thể trong việc quản lý, sử dụng dữ liệu của học sinh, sinh viên. Cụ thể: Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu thi của thí sinh; các sở GDĐT sử dụng dữ liệu thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT; các trường ĐH, CĐ sử dụng dữ liệu thi để tuyển sinh. Đây là cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm pháp lý khi dữ liệu của thí sinh năm 2017 bị lầy cấp.

Như vậy, về khung pháp lý chung, cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục đã được xây dựng với nội dung pháp luật cơ bản. Tuy nhiên, chưa có các quy định cụ thể ở các mảng pháp luật xác định về vi phạm và xử lý vi phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Do đó, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục chưa thực sự hiệu quả.



## Chuyên đề 6

### Pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số, truyền thông, báo chí

TS. Nguyễn Thị Thu Vân

Đại học Hòa Bình

I. Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI nhân loại đang chứng kiến những thay đổi chưa từng thấy trong lịch sử loài người. Những thay đổi đó là hệ quả của những thành tựu đạt được từ cuộc cách mạng đã và đang diễn ra với tốc độ cấp số nhân mà hiện nay các chuyên gia gọi là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay cuộc cách mạng 4.0). Đây là cuộc cách mạng được đánh giá là *“làm thay đổi cơ bản lối sống, phong cách làm việc và cách thức giao tiếp. Xét về phạm vi, mức độ và tính phức tạp, sự thay đổi này không giống với bất kỳ điều gì mà con người từng trải qua”*<sup>108</sup>.

Vậy, đâu là điểm cốt lõi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư khiến nó được đánh giá là chưa từng thấy trong lịch sử loài người ?

Trong lịch sử phát triển của mình, loài người từng biết đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với thành tựu là phát minh ra động cơ hơi nước; điều này tác động trực tiếp đến các ngành nghề như dệt may, chế tạo cơ khí, giao thông vận tải. Động cơ hơi nước được đưa vào sử dụng trong công nghiệp ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là khi loài người phát minh ra động cơ điện; thành tựu này mang đến cho con người một cuộc sống văn minh hơn, năng suất tăng nhiều lần so với động cơ hơi nước.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba xuất hiện cùng với việc phát minh ra bóng bán dẫn, điện tử, sau đó là máy tính với công nghệ kỹ thuật số và internet giúp kết nối thế giới trên phạm vi toàn cầu và tự động hóa sản xuất.

Giờ đây nhân loại đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vẫn dựa trên những thành tựu của công nghệ kỹ thuật số đã xuất hiện từ cách mạng công nghiệp lần thứ ba, nhưng phát triển ở mức độ cao hơn, tốc độ nhanh hơn và phạm vi rộng mở hơn rất nhiều.

---

<sup>108</sup> Theo Klaus Schwab, giáo sư người Đức, Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos tháng 6.2016, người đã đưa ra khái niệm Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Cuộc cách mạng lần thứ tư là sự hợp nhất các công nghệ, làm mờ đi ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Cuộc cách mạng này - trên nền tảng kỹ thuật số - đã phát triển thành các xu hướng lớn và ngày càng trở nên phổ biến như IoT (Internet of Thing - Internet vạn vật), AI (Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo), VR (Virtual Reality - Thực tế ảo), AR (Augmented Reality - Tương tác ảo), Cloud (Điện toán đám mây), Big Data (Dữ liệu lớn), công nghệ in 3D v.v... Với các công nghệ này - mà phần lớn trong số đó liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, phân tích và truyền tải dữ liệu - giờ đây người ta có thể chuyển hóa hoàn toàn cuộc sống trong thế giới thực thành thế giới ảo; hoặc sử dụng máy tính kết hợp với dữ liệu lớn để thay thế con người ra quyết định. Những công nghệ này động chạm đến mọi cá nhân, tổ chức, chính thể trên thế giới; từ khu vực công tới khu vực tư; từ văn hóa, khoa học, kinh tế, quân sự, chính trị đến tất cả mọi lĩnh vực trong toàn xã hội; nó gây ảnh hưởng to lớn đến mọi luật lệ, mọi nền kinh tế, mọi ngành công nghiệp, thậm chí thách thức vai trò thực sự của con người. Và bởi vì ứng dụng của các công nghệ này hầu hết dựa trên cơ sở của việc thu thập, lưu trữ, phân tích, truyền tải dữ liệu cá nhân của hơn 7 tỷ người trên trái đất, nên hơn bao giờ hết nó đặt việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trước những nguy cơ chưa từng thấy cả trên bình diện thế giới lẫn trong điều kiện Việt Nam.

Các nguy cơ/thách thức đối với việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Big Data và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân :

Big Data (dữ liệu lớn) là thuật ngữ dùng để chỉ một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp đến nỗi những công cụ, ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không thể đảm đương được. Người ta thấy rằng, trong hai năm qua (2015 - 2016), khối lượng dữ liệu trên toàn cầu đã chiếm đến 90% lượng dữ liệu số được tạo ra kể từ khi công nghệ số hóa ra đời. Kích cỡ của Big Data tăng lên từng ngày, tính đến năm 2012 đã lên hàng exabyte (1 exabyte bằng 1 tỷ gigabyte).

Dữ liệu chính là tiền bạc của doanh nghiệp, là sức mạnh của Chính phủ. Những thông tin về thói quen, sở thích của khách hàng có được từ lượng dữ liệu khổng lồ được các doanh nghiệp thu thập khi khách hàng ghé thăm và tương tác với trang web của mình cho phép doanh nghiệp hiểu rõ hơn về khách hàng, hành vi và sở thích tiêu dùng của họ. Với tiềm năng ưu việt, Big Data không chỉ ứng dụng trong kinh doanh mà còn có khả năng tác động đến hầu hết ngành nghề khác. Chính phủ các nước có thể ứng dụng Big Data để dự đoán tỷ lệ thất nghiệp, xu hướng nghề nghiệp của tương lai để đầu tư cho những hạng mục phù hợp hoặc cắt giảm chi tiêu, kích thích tăng trưởng kinh tế. Trong lĩnh vực y tế, khả năng tính toán, phân tích dữ liệu lớn cho phép giải mã chuỗi DNA trong vài phút để dự đoán mô hình bệnh, tìm ra phương pháp chữa trị hiệu quả nhất. Với

công nghệ Big Data, Chính phủ và các tổ chức y tế có thể theo dõi, dự đoán sự phát triển hoặc bùng phát của dịch bệnh để giám sát và giảm thiểu thiệt hại của chúng. Dưới góc độ quản lý nhà nước, dữ liệu lớn cho phép các cơ quan Chính phủ quản lý tốt hơn, ví dụ, giải quyết vấn đề tắc nghẽn giao thông ở các thành phố lớn; hoặc cải thiện tốt hơn công tác an ninh và thực thi pháp luật, như chống âm mưu khủng bố, gián điệp, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công không gian mạng, bắt tội phạm, dự đoán hoạt động tội phạm và phát hiện các giao dịch gian lận v.v... Nói cách khác, trong tương lai ở mọi lĩnh vực, từ y tế, điện tử, sản xuất, công nghiệp, viễn thông, giải trí, bán lẻ, hàng không, ngân hàng, tài chính... ai nắm được thông tin, biết khai thác và xử lý hàng nghìn tỉ byte dữ liệu, người đó sẽ quản lý tốt hơn và có được lợi thế cạnh tranh hơn hẳn.

Dữ liệu lớn không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp và Chính phủ, mà mỗi cá nhân cũng được hưởng lợi rất nhiều từ công nghệ này. Bởi vậy, việc cá nhân sử dụng các ứng dụng của dữ liệu lớn ngày càng trở nên phổ biến. Ví dụ, những dữ liệu được thu thập và phân tích từ các thiết bị đeo thông minh như đồng hồ thông minh hay vòng đeo tay thông minh cho người đeo biết được về mức tiêu thụ calo, mức hoạt động, mô hình giấc ngủ của chính họ, từ đó có phương thức điều chỉnh cuộc sống hay phương pháp điều trị bệnh thích hợp. Dữ liệu lớn cũng hỗ trợ cá nhân con người rất nhiều trong đời sống tình cảm của họ, mà thành công nhất, ví dụ, là ứng dụng tìm kiếm tình yêu trực tuyến. Các trang web hẹn hò trực tuyến lớn nhất đang áp dụng công nghệ Big Data và các thuật toán để tìm kiếm người phù hợp nhất cho khách hàng của họ.

#### Hộp 1: Kết hôn theo Google

*Một cô gái đang có 2 người theo đuổi là John và Paul. Cô gái đó thích cả 2 theo cách khác nhau nhưng phân vân không thể chọn lựa. Cuối cùng cô hỏi Google để cho lời khuyên và đây là câu trả lời:*

*“Chúng tôi đã dõi theo cô từ khi mới lọt lòng từ những bức ảnh cha mẹ cô đăng lên mạng hay các hồ sơ y tế. Chúng tôi cũng đã đọc toàn bộ các email, lưu lại những cuộc gọi, rà soát tất cả các bộ phim cô thích cũng như tra xét được mã ADN của cô.*

*Chúng tôi cũng có số liệu chính xác về mỗi cuộc hẹn hay mối tình mà cô trải qua. Đặc biệt, chúng tôi ghi lại được chính xác nhịp tim, huyết áp và lượng đường trong máu mỗi khi cô hẹn John hay Paul.*

*Dựa trên những số liệu này cùng những khảo sát về hàng triệu mối quan hệ trong nhiều thập niên qua, chúng tôi khuyên nghị cô yêu John với 87% khả năng 2 người sẽ gắn bó dài lâu trong tương lai.*

*Chúng tôi cũng biết là cô sẽ không thích kết quả này bởi Paul đẹp trai hơn John và cô là người khá coi trọng vẻ bề ngoài. Thậm chí*



*Tham khảo từ: “Google và sự thống trị của dòng chảy số liệu trong xã hội”<sup>109</sup>*

Big Data và các công nghệ phân tích có khả năng làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của các ngành kinh tế và nghề nghiệp. Vì vậy, những mô hình kinh doanh mới dựa trên Big Data đang được hình thành để giúp các tổ chức, doanh nghiệp tận dụng dữ liệu. Trong vòng 4 năm nữa dung lượng dữ liệu số của toàn thế giới sẽ đạt con số 44 zettabytes (44 nghìn tỷ gigabyte), gấp 10 lần so với hiện nay. Với lợi thế dân số trẻ, khoảng 95 triệu người và tỉ lệ sử dụng Internet khoảng 57% thì Việt Nam được xem là thị trường dữ liệu lớn Big Data hàng đầu khu vực châu Á<sup>110</sup>.

Một trong những ứng dụng phổ biến nhất của Big Data mà người Việt Nam rất quen thuộc đó là ứng dụng Uber. Ứng dụng này, hoạt động trên nguyên lý Big Data, cho phép hành khách và tài xế liên hệ với nhau để tự động xác định một mức giá phù hợp nhất mà hành khách phải trả cho tài xế. Đối với mỗi hành trình, Uber thu thập dữ liệu, phân tích chúng để biết được nhu cầu thuê xe ở các khu vực địa lý khác nhau. Công ty này cũng nắm giữ một nguồn dữ liệu lớn về các tài xế tại những nơi mà công ty hoạt động. Khi một hành khách tìm một hành trình, ngay lập tức hành khách này tìm được tài xế phù hợp nhất. Nhờ vào việc thu thập, lưu trữ và phân tích một lượng dữ liệu khổng lồ, Uber tạo ra các thuật toán để kiểm soát được điều kiện giao thông và thời gian đi lại thực tế trong từng thời điểm. Nhờ đó, giá của cuộc hành trình được tính toán dựa trên nhu cầu và thời gian cần thiết cho cuộc hành trình tại thời điểm đó.

Như vậy, trong thời đại của Big Data, một lượng dữ liệu khổng lồ về con người đang được Chính phủ, doanh nghiệp thu thập hằng ngày. Nhưng có một sự thật đáng lo ngại đó là việc thu thập, lưu trữ, sử dụng và chia sẻ lượng dữ liệu khổng lồ này không nằm trong tầm kiểm soát.

Mỗi ngày có 2,5 tỷ Gigabyte dữ liệu được tạo ra bằng cách thu thập từ mọi vật dụng mà cá nhân sử dụng, từ điện thoại di động cho đến thiết bị gia dụng của gia đình. Điều này đã làm mất những gì được coi là thông tin riêng tư của mỗi cá nhân vì tất cả mọi thông tin riêng tư đều có thể bị thu thập mà chính cá nhân đó không hề biết. Việc chia sẻ các thông tin được coi là dữ liệu cá nhân như số thẻ tín dụng, địa chỉ email, số điện thoại, số thẻ bảo hiểm y tế v.v... trên thực tế cũng rất khó kiểm soát. Theo nghiên cứu mới nhất của công ty bảo mật Terbium Labs thì có tới 20% dân số đã bị ảnh hưởng bởi việc vi phạm dữ

---

<sup>109</sup> Nguồn:

<http://genk.vn/google-va-su-thong-tri-cua-dong-chay-so-lieu-trong-xa-hoi-20160830122124997.chm>

<sup>110</sup> Số liệu được cung cấp tại Diễn đàn dữ liệu quốc tế *Big Data Innovation Summit 2016* tổ chức tại TP Hồ Chí Minh ngày 27/8/2016. Nguồn: <http://baodautu.vn/doanh-nghiep-viet-nam-ngoai-tren-mo-vang-du-lieu-ma-chua-dung-hieu-qua-d50691.html>.

liệu. Khi một địa chỉ email bị xâm nhập thì người ta tìm thấy thông tin này bị rò rỉ ở hơn 50 nguồn khác nhau.

Ứng dụng công nghệ Big Data, ngành công nghiệp thẻ tín dụng sử dụng các thuật toán để nhằm xác định những người có khả năng và không có khả năng chi trả các hóa đơn của họ. Để tìm ra một khách hàng là người thế nào trong số 15 triệu người được chọn để dự đoán mỗi năm, tất cả các loại dữ liệu về người đó đều được thu thập, từ những khoản tiền đã trả, khoản tiền thu nhập, khoản vay cho đến chi tiêu trong gia đình. Không chỉ lịch sử thanh toán mà những dữ liệu bên lề như tình trạng hôn nhân, tuổi tác, quyền sở hữu xe, các khoản thanh toán được thực hiện cho chiếc xe đó, những loại máy tính và máy ảnh mà người đó sử dụng, và thậm chí cả lịch sử kỳ nghỉ hè mỗi năm của người đó đều được thu thập. Các chuyên gia an ninh mạng cho biết có ít nhất 160 khía cạnh về cá nhân của người được chọn sẽ được thu thập và phân tích để nhà cung cấp quyết định có nên cung cấp thẻ tín dụng cho người đó hay không. Điều này chứng tỏ nhà cung cấp có thể hiểu rõ người đó hơn cả chính những người thân sống hàng ngày bên cạnh người đó.

Tương tự như vậy, một trong những “ông lớn” của ứng dụng tìm kiếm trên Internet là Google cũng sở hữu một lượng khổng lồ dữ liệu cá nhân của mỗi người khi họ tìm kiếm các thông tin cần thiết phục vụ cho công việc và cuộc sống của cá nhân và gia đình.

Trong thời đại ngày nay, khi người ta online hàng ngày, hàng giờ không ngắt, cộng với sự trợ giúp của Big Data, thì việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trở nên một thách thức vô cùng lớn không chỉ cho các chuyên gia bảo mật mà còn cho các nhà làm luật.

Cloud computing và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Cloud Computing (Điện toán đám mây) là một mô hình điện toán sử dụng công nghệ máy tính và phát triển dựa vào Internet. Thuật ngữ “*đám mây*” là một cách nói ẩn dụ nhằm giải thích một cách đơn giản về Cloud Computing, đó là các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ - thay vì nằm tại các máy tính gia đình, máy tính văn phòng, là những máy tính đặt trên mặt đất như truyền thống - thì giờ đây chúng nằm tại các máy chủ ảo (đám mây) trên Internet, để ở bất cứ vị trí địa lý nào mọi người đều có thể kết nối và sử dụng.

Nhờ tính linh động, điện toán đám mây giúp người dùng thoải mái lựa chọn các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của mình, cũng như có thể bỏ bớt những thành phần mà mình không muốn; thay vì bỏ ra một lượng chi phí lớn để đầu tư cho một hệ thống (trong đó có những hệ thống không cần thiết) thì người dùng chỉ việc bỏ ra chi phí để mua những sản phẩm mà họ cần. Điện toán đám mây còn cho phép người sử dụng tiết kiệm chi phí, họ có thể chỉ sử dụng ứng dụng

mà không cần quan tâm tới việc mua và bảo dưỡng máy chủ. Ngoài ra, với điện toán đám mây, phần mềm, dữ liệu được cung cấp trên nền Internet có thể được truy cập và sử dụng từ bất kì đâu, trên bất kì thiết bị nào có kết nối Internet mà không cần phải quan tâm nhiều đến giới hạn phần cứng cũng như vị trí địa lý của người sử dụng. Điều này khiến người dùng trở nên độc lập và chủ động hơn rất nhiều so với các phương thức lưu trữ và sử dụng thông tin truyền thống. Một lợi thế nữa là các dữ liệu trong mô hình điện toán đám mây được lưu trữ phân tán tại nhiều cụm máy chủ ảo đặt tại nhiều vị trí khác nhau (trên đám mây), sẽ bảo đảm tốt hơn sự an toàn của dữ liệu mỗi khi có sự cố hoặc thảm họa xảy ra, ví dụ trường hợp bị hacker tấn công.

Với những ưu điểm và thế mạnh không thể phủ nhận, điện toán đám mây đã trở thành mô hình được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới và sẽ tạo ảnh hưởng đến thói quen, tư duy, thậm chí là văn hóa sống của con người hiện nay.

Theo báo cáo chỉ số đám mây hàng năm vừa được Cisco công bố năm 2016, lưu lượng đám mây toàn cầu được dự báo sẽ đạt 8,6 zettabytes (ZB) vào cuối năm 2019, tăng gấp 4 lần so với 2,1 ZB vào năm 2014. Cũng theo Cisco, hiện nay 73% dữ liệu được lưu trữ trên thiết bị khách hàng tập trung trên PC, nhưng vào năm 2019, 51% dữ liệu này sẽ được chuyển sang các thiết bị không phải là PC như smartphones, tablets v.v... Với dung lượng dữ liệu cá nhân cần lưu trữ ngày càng gia tăng, Cisco dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây cũng sẽ lớn hơn. Ví dụ, vào năm 2017, lượng dữ liệu trên smartphone toàn cầu có thể đạt 201 exa-byte (EB), vượt xa khả năng lưu trữ trên các thiết bị này (179 EB). Điều này sẽ đặt ra nhu cầu san sẻ dữ liệu cần lưu trữ thông qua dịch vụ đám mây. Còn đến năm 2019, sẽ có hơn 2 tỷ tương đương 55% người dùng Internet là khách hàng cá nhân sẽ sử dụng dịch vụ lưu trữ đám mây dành cho cá nhân. Theo tính toán của Cisco, trung bình mỗi người dùng sẽ lưu trữ trên đám mây khoảng 1,6 GB/ tháng vào năm 2019, tăng từ chỉ có 992 MB/tháng vào năm 2014.

Không nằm ngoài xu thế, Việt Nam đang dần tiếp cận các dịch vụ đám mây và là một trong những nước đầu tiên ở ASEAN đưa vào sử dụng điện toán đám mây và được coi là một thị trường mới nổi đầy tiềm năng.

Trong 2 năm 2015 - 2016 vừa qua, Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển ngành điện toán đám mây nhanh nhất. Trong nghiên cứu “*Chỉ số sẵn sàng cho Điện toán Đám mây 2016 tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*” do Hiệp hội Điện toán Đám mây Châu Á thực hiện, Việt Nam hiện đang đứng thứ 14, xếp ngay sau hai quốc gia có nền công nghiệp phát

triển bậc nhất Châu Á là Ấn Độ và Trung Quốc, và bỏ xa các quốc gia khác trong khu vực<sup>111</sup>.

Theo khảo sát gần đây của Symantec, một công ty phần mềm hàng đầu thế giới, hiện có khoảng 46% doanh nghiệp và tổ chức Việt Nam đang triển khai ứng dụng công nghệ điện toán đám mây và các dự án ảo hóa khác. Hầu hết các doanh nghiệp Viễn thông, Ngân hàng, Bảo hiểm, Dầu khí, Điện lực,... tại Việt Nam đã sử dụng ảo hóa. Tại nhiều cơ quan nhà nước, ảo hóa cũng đã được ứng dụng rộng rãi, hệ thống Đăng ký kinh doanh Quốc gia được vận hành và quản lý bởi Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã áp dụng ảo hóa để quản lý thông tin đăng ký kinh doanh của hơn 700 ngàn doanh nghiệp tại Việt Nam. Một số cơ quan Chính phủ đã lựa chọn mô hình đám mây riêng hoặc đám mây cộng đồng cho các dự án xây mới trung tâm tích hợp dữ liệu hoặc cho môi trường phát triển/kiểm thử, điển hình như các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông; hoặc các địa phương như Đà Nẵng, Cà Mau, Phú Yên, Bắc Kạn, TP Hồ Chí Minh v.v... cũng đã sử dụng phổ biến các ứng dụng này trong hoạt động của mình, ví dụ, TP Hồ Chí Minh đã sử dụng *Hệ thống Quản trị nguồn nhân lực iHCM* - dựa trên công nghệ đám mây - trong việc quản lý nguồn nhân lực của mình<sup>112</sup>.

Tuy vậy, công nghệ điện toán đám mây cũng bộc lộ những rủi ro, đặc biệt trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Ngoài sự lo ngại về việc bị tấn công gây mất dữ liệu, thì các thông tin người dùng và dữ liệu của họ chứa trên điện toán đám mây liệu có đảm bảo được riêng tư, hoặc các thông tin đó liệu có bị sử dụng vì một mục đích nào khác hay không là một trong những vấn đề rất đáng quan ngại mà người dùng băn khoăn khi sử dụng. Bởi điều này phụ thuộc gần như hoàn toàn vào trách nhiệm, thậm chí là đạo đức nghề nghiệp của nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây trong việc thực hiện những cam kết của họ đối với cá nhân người dùng. Lo ngại này lại càng trở nên quan trọng khi khách hàng sử dụng điện toán đám mây là cá nhân không có nhiều kiến thức và hiểu biết về công nghệ.

### **Internet of Thing và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân**

**Internet of Things (Internet kết nối vạn vật - IoT)** là một xu hướng công nghệ mới đang được phát triển rất nhanh chóng làm thay đổi cách sống và phương thức làm việc của con người. Tuy nhiên, cùng với tốc độ phát triển của IoT thì vấn đề an toàn và đảm bảo quyền riêng tư trong IoT là một trong những

---

<sup>111</sup> Nguồn: <http://www.tienphong.vn/cong-nghe/viet-nam-co-toc-do-phat-trien-dien-toan-dam-may-vuot-bac-1075945.tpo>

<sup>112</sup> Số liệu năm 2015, tham khảo từ PH “Xu hướng điện toán đám mây – từ thế giới đến Việt Nam”. Nguồn: <http://backan.gov.vn/Pages/tin-tuc-su-kien-215/tin-trong-tinh-289/khoa-hoc-154/xu-huong-dien-toan-dam-may-te-1bfec86e5da61bc6.aspx>.

thách thức đáng lưu tâm của các chuyên gia an toàn thông tin và các nhà hoạch định chính sách.

Trong môi trường IoT, tất cả các thiết bị đều có thể kết nối với nhau qua mạng Internet. Các thiết bị này có thể là điện thoại thông minh, máy pha cà phê, máy giặt, tai nghe, bóng đèn chiếu sáng... có kết nối wifi và khả năng cảm biến. Các thiết bị điện đều có những loại hoặc dấu hiệu riêng biệt của nó, cho phép có thể phân biệt đâu là lò vi sóng, đâu là tủ lạnh; thậm chí phân biệt giữa bóng đèn trong phòng tắm và bóng đèn trong phòng ăn. Thông tin mà các hệ thống này phát hiện ra, có thể rất hữu ích nhưng cũng có thể bị tấn công và lợi dụng. Nó có thể cảnh báo chủ nhà về tình trạng hoạt động và hư hỏng của các thiết bị, mặt khác cũng có thể cung cấp cho những người làm marketing về độ tuổi và chức năng của các thiết bị đó. Những thông tin này cũng có thể được sử dụng để thu thập về tình trạng kinh tế - xã hội của một ngôi nhà hoặc một hộ dân.

Theo dự báo của các chuyên gia, đến năm 2020 sẽ có khoảng 50 tỷ thiết bị, đồ dùng có thể được kết nối Internet theo công nghệ IoT. Lợi ích của IoT mang lại rất lớn đối với người dùng. Hiện nay, IoT được sử dụng phổ biến trong các ứng dụng về theo dõi sức khỏe, nhà thông minh, phát triển xe hơi tự lái v.v....

Với số lượng và cơ cấu dân số đang ở tỷ lệ vàng, Việt Nam là một thị trường rất tiềm năng cho các ứng dụng IoT: nhu cầu sử dụng các thiết bị thông minh từ thế hệ trẻ ngày một tăng; các nhà mạng Việt Nam đã triển khai thử nghiệm thành công mạng 4G; Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã lên kế hoạch cấp phép 4G trong thời gian ngắn sắp tới. Đây là những tín hiệu báo hiệu sự phát triển mạnh mẽ thị trường các ứng dụng IoT trên nền tảng di động ở Việt Nam. Không ít các doanh nghiệp, tổ chức trong nước đã và đang ứng dụng IoT trực tiếp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. VNPT Technology đã phát triển một số ứng dụng IoT trong các lĩnh vực: Quản lý trong giao thông vận tải, trong nông nghiệp, môi trường, ngôi nhà thông minh, theo dõi và chăm sóc sức khỏe trong y tế, vận hành và giám sát trong nhà máy. Cầu Đất Farm - một nông trại ở Đà Lạt - kết nối hệ thống phát triển rau sạch qua hệ thống thông minh và hệ thống IoT của hãng Intel. Hệ thống này tự động kiểm soát độ ẩm, nước, phân bón, kiểm soát chất lượng rau, củ và các đòi trồng chè. Trong lĩnh vực giao thông, Công ty DTT Technology hiện đang ứng dụng IoT để triển khai giải pháp kiểm soát xe ở các bến xe và đang thí điểm ở Hải Phòng khá hiệu quả. Công ty FETC phát triển hệ thống thu phí đường bộ tự động ở Việt Nam thông qua hệ thống IoT. Khi xe ô tô lưu thông qua các trạm thu phí, hệ thống sẽ tự động nhận diện và tự động tính phí cho xe.

Có thể thấy, Việt Nam đã bắt nhịp rất nhanh với thế giới trong kỷ nguyên IoT. Nhưng cùng với những lợi ích do IoT mang lại thì nguy cơ mất an toàn thông tin, trong đó có các dữ liệu cá nhân, ngày càng thường trực.

Lượng thông tin về người dùng thu thập được trong IoT là lớn hơn rất nhiều so với Internet truyền thống, thậm chí, có thể dùng chúng để xây dựng được một hồ sơ cá nhân hoàn chỉnh của người dùng. Trong khi đó, đã có rất nhiều nghi ngờ về sự thiếu an toàn và các quy định về an toàn trong IoT. Hầu hết mọi người đều cho rằng quy định hiện hành chưa thể kiểm soát, điều khiển được tính riêng tư trong IoT do sự đa dạng của thiết bị IoT và số lượng lớn các nhà sản xuất. Với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của IoT thì các quy định về đảm bảo tính riêng tư hiện đang chưa theo kịp. Nhất là khi IoT phát triển hướng tới các lĩnh vực y tế và tự động hóa xe cộ thì vấn đề an toàn và quyền riêng tư còn có thể dẫn tới những nguy cơ mang tính vật lý cho người dùng.

Với một người dùng bình thường không có nhiều kiến thức và kinh nghiệm về mặt công nghệ, làm thế nào để có thể biết được một sản phẩm được kết nối với Internet có bảo đảm được dữ liệu cá nhân của mình hay không? Mỗi cá nhân, khi mua hàng hóa, vật dụng mang về, thường họ chỉ đơn giản là cắm điện vào để sử dụng mà thôi. Họ không đủ kiến thức và kinh nghiệm để truy vết được xem các thiết bị smartphone, máy pha cà phê, máy giặt của mình gửi dữ liệu đi đâu, mã hóa tới mức nào, có lộ thông tin cá nhân gì trong đó hay không. Điều nguy hiểm là khi các cảm biến được tích hợp vào những món đồ mà thường ngày mỗi cá nhân sử dụng và tự động ghi lại mọi hoạt động của cá nhân đó (mà có thể họ không hề biết), việc rò rỉ ra ngoài có thể sẽ trở thành thảm họa bởi công nghệ IoT cho phép nhà sản xuất thu thập dữ liệu mọi lúc mọi nơi. Bởi vậy, một báo cáo gần đây của Chính phủ Mỹ đã cảnh báo về khả năng các loại cảm biến và thiết bị đo thông minh qua công nghệ IoT có thể biến ngôi nhà của một người tiêu dùng thành “*bể cá*” - tức hoàn toàn “*trần trụi*” hoặc “*trong suốt*” - trước các công cụ marketing, trước cảnh sát và thậm chí trước cả bọn tội phạm. Bên cạnh những hữu ích lớn, IoT tồn tại những điểm yếu khiến có thể gây nên những tổn thất nặng nề, thậm chí vi phạm quyền riêng tư của người tiêu dùng, ví dụ, các tội phạm có thể điều khiển cả tủ lạnh gửi email độc hại đến hacker, hoặc do thám các gia đình thông qua thiết bị giám sát trẻ em.

Chính vì vậy mà câu hỏi về tính bảo mật của các thiết bị IoT đang là một trong những vấn đề rất được quan tâm hiện nay. Trong khi đó, cả trên bình diện quốc tế lẫn quốc gia, hiện chưa có bất kỳ quy định nào về bảo mật dữ liệu dành cho các thiết bị IoT. Đầu năm 2016, Ủy ban Thương mại Liên bang Mỹ (FTC) đã công bố một báo cáo IoT đưa ra một số gợi ý liên quan đến việc sử dụng dữ liệu của doanh nghiệp sản xuất hoặc cung cấp các vật dụng, đó là “*hạn chế thu*

*thập dữ liệu của người tiêu dùng và giữ thông tin chỉ trong một thời gian nhất định, không phải vô hạn”.*

### **Internet, mạng xã hội, các thiết bị thông minh (smartphone...) và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân**

Ngày nay, với nền công nghệ, máy móc phát triển, gần như mọi người có thể mang theo cả thế giới thông tin trong người. Nếu ngày xưa chỉ có những chiếc máy tính để bàn công kênh, hay laptop thì nay là iPad, Tablet, hoặc những điện thoại thông minh như Iphone, Android, Blackberry... cũng có thể xử lý tốt các công việc công sở hằng ngày. Giờ đây, thiết bị di động đã trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực và không thể thiếu đối với mỗi cá nhân. Thiết bị di động hiện nay không chỉ thực hiện một nhiệm vụ nghe gọi mà nó còn chứa các ứng dụng, tài liệu, danh tính, thông tin được lưu trữ, hình ảnh, sở thích, email, thông tin y tế, dữ liệu tài chính, địa chỉ và các thông tin khác về thành viên trong gia đình hoặc người liên quan và hầu hết những thứ này đều cho phép truy cập không hạn chế.

Việc truy cập Internet qua các thiết bị thông minh như smarphone, tablette để vào các mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram v.v... giờ đây đã trở nên quá phổ biến đối với các công dân của Thế kỷ XXI. Wifi công cộng - thậm chí là miễn phí - đang được nhân rộng ở khắp nơi làm tăng nguy cơ an ninh thông tin cá nhân (khi truy cập Internet bằng các thiết bị di động). Lợi ích của Wifi miễn phí trên diện rộng là không thể phủ nhận, người sử dụng có thể kết nối Internet một cách thuận tiện mà không phải mất thêm một khoản chi phí nào. Tuy nhiên, sự phát triển quá mạnh mẽ của thiết bị di động cùng với sự thuận tiện của mạng lưới Wifi miễn phí đã đẩy người dùng vào những rủi ro mất an ninh, an toàn thông tin như bị nghe lén, tấn công lừa đảo, bị sử dụng, phát tán dữ liệu cá nhân, bị giả mạo hoặc đánh cắp danh tính; thậm chí có thể gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng tới những thành viên khác trong gia đình hoặc người quen. Vì vậy, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình sử dụng Internet, mạng xã hội qua các thiết bị thông minh đã trở nên một thách thức vô cùng lớn đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách, cả dưới góc độ pháp lý lẫn góc độ kỹ thuật; cả trên phạm vi toàn cầu cũng như tại Việt Nam.

Công nghệ số và Internet tác động vào cuộc sống của con người khiến việc sử dụng chúng ngày càng trở nên phổ biến, kể cả ở các quốc gia đang phát triển chưa có thu nhập cao như Việt Nam. Có tình hình này là do đặc tính quan trọng nhất của cuộc cách mạng thông tin trong thời đại số là chi phí sử dụng thiết bị công nghệ số và internet ngày càng giảm một cách đáng kể, khiến giới trẻ - những người chưa có thu nhập cao - cũng có thể sở hữu các thiết bị số và truy cập internet một cách dễ dàng.

Mặc dù internet xuất hiện muộn tại Việt Nam nhưng Việt Nam lại là quốc gia có tỷ lệ tăng trưởng người dùng internet thuộc loại cao trên thế giới. Tính đến hết tháng 6 năm 2015, Việt Nam có 45,4 triệu người dùng internet trên tổng số 91 triệu dân, đạt mức thâm nhập trên tổng dân số là 48%. Với con số này, Việt Nam đứng thứ 6 trong khu vực châu Á về số lượng người dùng internet và nằm trong top 20 quốc gia có lượng người dùng internet cao nhất thế giới. Internet đã nhanh chóng trở nên quen thuộc với đông đảo thanh thiếu niên khiến số lượng giới trẻ sử dụng internet tăng vọt trong những năm gần đây, nhất là ở các thành phố lớn. Theo kết quả cuộc điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY), nếu năm 2004 mới chỉ có 17,3% thanh thiếu niên Việt Nam sử dụng internet thì đến năm 2013, tỷ lệ này đã tăng vọt, đạt 73%; cuộc điều tra này cũng cho thấy trên 60% thanh thiếu niên truy cập mạng để tán gẫu và chơi game.

Về mạng xã hội Facebook, số lượng người trung bình sử dụng Facebook hàng tháng ở Việt Nam là 30 triệu, chiếm tỷ lệ 33% trên tổng số dân với thời gian truy cập và sử dụng trung bình chiếm hơn 2 giờ/ngày. Một báo cáo khảo sát tình hình trẻ vị thành niên sử dụng Facebook cho thấy, có hơn 97% trẻ đang sử dụng Facebook; và 65% trẻ vị thành niên trong khoảng từ 15–18 tuổi, lứa tuổi học sinh phổ thông, cho rằng “Facebook là một trong những trang giải trí hàng đầu hiện giờ của trẻ vị thành niên” .

Như đã thấy trong các số liệu nêu trên, Việt Nam nằm trong danh sách các quốc gia có độ tăng trưởng mạnh nhất trên thế giới về tốc độ người sử dụng internet và mạng xã hội facebook. Số liệu thống kê cũng cho thấy một tình hình tương tự đối với lượng người dùng smarphone tại Việt Nam. Theo báo cáo khảo sát của TNS/Google 2014, tỷ lệ người trên 16 tuổi sử dụng smarphone tại Việt Nam năm 2014 tăng hơn 70% so với năm 2013; nhóm tuổi từ 16 - 24, là nhóm tuổi ngồi trên ghế nhà trường, có tỷ lệ sử dụng smarphone cao nhất, chiếm tới 58% trong các nhóm tuổi sử dụng smarphone<sup>113</sup>.

Về cách thức sử dụng, báo cáo của Google cũng cho thấy, tính năng nghe và gọi không còn là tính năng được sử dụng nhiều nhất trên smarphone của người dùng tại Việt Nam mà thay vào đó, 71% người dùng Việt Nam sử dụng smarphone để chụp ảnh, 70% dùng để nghe nhạc, 58% để chơi games và 54% để xem tin tức<sup>114</sup>. Việc sử dụng smarphone ở lứa tuổi học trò một cách dễ dàng do giá thành rẻ cùng với cách thức sử dụng thấy được từ con số thống kê nêu trên

---

<sup>113</sup> Xin tham khảo: *Digital Report - Người dùng smarphone và hoạt động quảng cáo trực tuyến*. Nguồn: <http://moore.vn/tin-tuc/digital-report/690/bao-cao-smarphone-nguoi-dung-va-hoat-dong-quang-cao-truc-tuyen.html#>

<sup>114</sup> Xin tham khảo: T. Thùy, *Google: Người Việt Nam chủ yếu dùng smarphone để chụp ảnh*. Nguồn: <http://dantri.com.vn/suc-manh-so/google-nguoi-viet-nam-chu-yeu-dung-smarphone-de-chup-anh-1415799703.htm>



đặt ra một số vấn đề liên quan đến đạo đức, pháp luật: khi sử dụng thiết bị công nghệ số để chụp ảnh, quay video, người ta rất dễ dàng vi phạm quyền riêng tư của cá nhân; đặc biệt, khi có sự "trợ giúp" của internet và mạng xã hội facebook, việc vi phạm quyền riêng tư có thể - và đã từng - để lại những hậu quả khôn lường<sup>115</sup>. Việc chơi games, nghe nhạc trực tuyến, nếu không có kiến thức và không được hướng dẫn, cũng có thể khiến người chơi, người nghe, trong đó đặc biệt lứa tuổi học trò, đứng trước nguy cơ vi phạm quyền riêng tư.

### **Thương mại điện tử và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:**

Cách mạng kỹ thuật số và Internet đem lại nhiều ứng dụng to lớn cho xã hội loài người, trong đó có việc góp phần phát triển hoạt động thương mại. Nhờ những tiến bộ về mặt công nghệ đó, những giao dịch kinh doanh thương mại có thể được thiết lập, thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện mà không phụ thuộc vào yếu tố địa lý. Đó chính là các giao dịch thương mại được thiết lập, thực hiện dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và được gọi là những giao dịch thương mại điện tử.

Thương mại điện tử mang đến rất nhiều lợi ích cho xã hội, ví dụ như tạo ra môi trường dễ làm việc, mua sắm, giao dịch từ xa nên giảm việc đi lại, ô nhiễm, giảm tai nạn giao thông; giúp nâng cao mức sống của mọi người do nhiều hàng hóa, nhiều nhà cung cấp tạo áp lực giảm giá, tăng khả năng mua sắm của khách hàng; những nước nghèo có thể tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ từ các nước phát triển hơn thông qua Internet và thương mại điện tử v.v...

Đối với người tiêu dùng cá nhân, thương mại điện tử cho phép họ mua sắm mọi nơi, mọi lúc đối với các cửa hàng trên khắp thế giới; giúp họ có nhiều lựa chọn hơn vì tiếp cận được nhiều nhà cung cấp hơn với giá thấp hơn và có thể được giao hàng nhanh hơn v.v....

Trong bối cảnh hiện nay, ngày càng có nhiều người tiêu dùng sử dụng các phương thức giao dịch mua bán trên các thiết bị viễn thông có kết nối Internet. Tại Úc, có tới 61% người dân mua bán hàng hóa, dịch vụ online, trong đó, 68% là giao dịch nội địa và hơn 20% là giao dịch với các gian hàng nước ngoài.

Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Theo số liệu của Bộ Công thương năm 2015, gần 100% doanh nghiệp đã tổ chức triển khai ứng dụng thương mại điện tử ở nhiều quy mô và mức độ khác nhau. Việc tham gia hoạt động thương mại điện tử trên mạng xã hội của đại bộ phận doanh nghiệp bán lẻ và người tiêu dùng cùng với việc ứng dụng các giải pháp thương mại điện tử trên nền tảng công nghệ di động cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đã nhanh

---

<sup>115</sup> Xin tham khảo trường hợp nữ sinh 15 tuổi tự tử vì bị bạn trai tung clip sex lên mạng. Nguồn: <http://nld.com.vn/phap-luat/nu-sinh-15-tuoi-uong-thuoc-tu-tu-do-bi-tung-clip-sex-len-mang-2015062023292861.htm>

nhạy bắt kịp các xu hướng mới về thương mại điện tử của thế giới để phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nâng cao năng lực cạnh tranh

Ứng dụng thương mại điện tử trong cộng đồng đã trở thành một trào lưu rộng khắp. Năm 2015, giá trị mua hàng trực tuyến của một người ước tính đạt khoảng 160 USD và doanh số thương mại điện tử B2C đạt 4,07 tỷ USD. Tại Việt Nam, việc phát triển và sử dụng các ứng dụng di động trong hoạt động kinh doanh đang trở thành một xu thế mới, nhiều doanh nghiệp đã thích ứng nhanh với các ứng dụng được cài đặt trên các thiết bị điện tử, đặc biệt là các thiết bị di động. Theo kết quả khảo sát năm 2015 của Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin – Bộ Công thương, giá trị mua hàng của một người mua hàng trực tuyến trong năm ước đạt 160 USD, doanh số thương mại điện tử B2C đạt khoảng 4,07 tỷ USD, tăng 37% so với năm trước đó, chiếm khoảng 2,8% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước<sup>116</sup>.

Trong hoạt động thương mại điện tử, vấn đề bảo đảm an toàn, an ninh thông tin (đặc biệt là thông tin cá nhân và quyền riêng tư khi tham gia giao dịch trên môi trường điện tử nói chung, môi trường Internet nói riêng) là một trong những yếu tố tiên quyết cho thành công của thương mại điện tử.

Khi đăng ký mua hàng qua một trang web, khách hàng phải khai báo số điện thoại, nơi nhận hàng (thường là cơ quan hoặc nhà riêng). Một số trang web khác khi truy cập còn đòi hỏi những thông tin rất “riêng tư” như: thu nhập của bạn bao nhiêu một tháng; nếu định mua ô tô, bạn sẽ chọn loại xe gì ... Tất cả những thông tin đó đều thuộc quyền sở hữu cá nhân của khách hàng, nhưng khi đã tiết lộ nó ra ngoài, rất có thể nó sẽ bị lợi dụng để trở thành tài sản của người khác. Đối với các giao dịch online, bên cạnh các thông tin có giá trị kinh tế như thông tin về thẻ tín dụng, tài khoản của người sử dụng thì các thông tin như số điện thoại, email, địa chỉ của người tiêu dùng cũng đang dần trở thành những thứ có giá trị đối với các doanh nghiệp.

Trong thương mại điện tử - lĩnh vực được coi là “thương mại của niềm tin”, việc cam kết bảo vệ các thông tin cá nhân có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của ngành này. Vậy mà thời gian qua, số các vụ vi phạm quyền riêng tư về thông tin cá nhân ngày một nhiều hơn, gây tác động tiêu cực tới tâm lý người tiêu dùng khi tham gia giao dịch điện tử.

Theo số liệu của các cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, từ năm 2001 - 2015 có hơn 100 vụ liên quan đến chính sách thông tin của người tiêu dùng, trong đó, hơn 50 vụ liên quan đến an toàn thông tin của người tiêu dùng và có

---

<sup>116</sup> Nguồn: Bộ Công thương - Báo cáo thương mại điện tử năm 2015.

nhieu vụ liên quan tới các thương hiệu quốc tế lớn như Google, Twitter và Facebook (mỗi vụ việc như vậy liên quan tới hàng trăm nghìn tài khoản của người tiêu dùng)<sup>117</sup>. Các hành vi có dấu hiệu không đảm bảo an toàn thông tin của người tiêu dùng bao gồm: lưu chuyển thông tin người tiêu dùng không có mã hóa; không có biện pháp hạn chế truy cập mạng wifi của công ty; không cảnh báo người tiêu dùng sử dụng mật khẩu có độ bảo mật cao; không sử dụng các công cụ ngăn chặn một cách hợp lý như tường lửa, phần mềm diệt virus. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, vấn đề an toàn thông tin của người tiêu dùng ngày càng trở nên phức tạp do yếu tố các giao dịch xuyên biên giới diễn ra ngày càng nhiều. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng trong việc phối hợp với các cơ quan tại các nước khác nhau nhằm truy vết và điều tra các thông tin liên quan phục vụ cho quá trình giải quyết vụ việc.

Các vấn đề xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng trong các lĩnh vực thương mại điện tử, viễn thông và an toàn thông tin của người tiêu dùng trong các lĩnh vực này đang là vấn đề mang tính quốc tế, diễn ra đồng thời tại tất cả các quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh phát triển mở rộng và toàn cầu hóa của dịch vụ viễn thông và thương mại điện tử.

### **Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên internet và môi trường số - một quyền cơ bản của con người**

Mặc dù về mặt lý luận, các nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay chưa có sự phân biệt rõ ràng về nội hàm hai khái niệm “*quyền riêng tư*” và “*quyền đối với dữ liệu cá nhân*”, nhưng trong phạm vi hạn hẹp của báo cáo này - chỉ trình bày các vấn đề liên quan trong phạm vi môi trường Internet và môi trường kỹ thuật số - chúng tôi xin không phân tích và không đặt vấn đề tranh luận về nội hàm của hai khái niệm nêu trên, mà chỉ tạm thời sử dụng chế định “*quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân*” dưới lát cắt tương đồng với chế định “*bảo vệ quyền riêng tư*”<sup>118</sup>. Bởi, ở nhiều quốc gia, khái niệm “*quyền riêng tư*” đã được hợp nhất với khái niệm “*bảo vệ dữ liệu cá nhân*”, trong đó bảo vệ sự riêng tư chính là việc quản lý thông tin cá nhân<sup>119</sup>.

Quyền riêng tư được công nhận từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Trên bình diện pháp luật quốc tế, quyền riêng tư được chính thức ghi nhận lần đầu tiên trong Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền năm 1948, sau đó được ghi nhận

---

<sup>117</sup> Nguồn: <http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/5562/bao-ve-nguoi-tieu-dung-trong-cac-giao-dich-thuong-mai-dien-tu.aspx>

<sup>118</sup> Tuy vậy, chúng tôi cho rằng, việc phân tích, xác định rõ nội hàm của các khái niệm “quyền riêng tư”, “dữ liệu cá nhân”, “thông tin cá nhân”, thậm chí cả khái niệm “bí mật đời tư” là cần thiết. Tuy nhiên, sự phân tích nói trên cần và xứng đáng được đặt ở một chủ đề có phạm vi rộng hơn và bao quát hơn so với phạm vi của báo cáo này.

<sup>119</sup> Thái Thị Tuyết Dung, *Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 9, tháng 5 năm 2012.

trong rất nhiều công ước quốc tế như trong Công ước về bảo vệ nhân quyền và những quyền tự do cơ bản năm 1950 (Điều 8); Công ước quốc tế về Quyền dân sự và chính trị năm 1966 (Điều 17) và trong một số công ước khác của Liên hiệp quốc. Trong các công ước quốc tế khu vực, quyền riêng tư cũng được ghi nhận, ví dụ, Công ước Nhân quyền châu Âu (Điều 8), Công ước Nhân quyền châu Mỹ (Điều 11). Ngoài ra, còn có Công ước của Hội đồng châu Âu năm 1981 về bảo vệ cá nhân đối với việc xử lý tự động của dữ liệu cá nhân (COE) và Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) về bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân giữa các quốc gia. Hai văn bản này có ảnh hưởng sâu sắc đến việc ban hành pháp luật về quyền riêng tư trên thế giới.

Theo Báo cáo "*Quyền riêng tư và nhân quyền*" năm 2004 của Tổ chức Bảo mật Quốc tế và Trung tâm bảo mật thông tin điện tử, quyền riêng tư có các nội dung cơ bản sau<sup>120</sup>:

*Sự riêng tư về thông tin cá nhân*: bao gồm việc ban hành các quy tắc quản lý trong việc thu thập và xử lý các dữ liệu cá nhân như thông tin tín dụng, hồ sơ y tế và các hồ sơ của chính quyền lưu trữ về công dân đó. Nó còn được gọi là "*bảo vệ dữ liệu cá nhân*".

*Sự riêng tư về cơ thể*: liên quan đến việc bảo vệ thân thể (vật chất) của người dân đối với hình thức xâm hại như xét nghiệm di truyền, thử nghiệm ma túy và thử nghiệm lâm sàng trên cơ thể.

*Sự riêng tư về thông tin liên lạc*: bao gồm bảo mật và riêng tư về thư từ, bưu phẩm, điện thoại, thư điện tử và các hình thức truyền thông khác.

*Sự riêng tư về nơi cư trú*: liên quan đến việc ban hành các giới hạn đối với sự xâm nhập vào môi trường sống của cá nhân, nơi làm việc hoặc không gian công cộng. Điều này bao gồm tìm kiếm thông tin, theo dõi bằng video và kiểm tra giấy tờ tùy thân.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)<sup>121</sup> quy định tại Điều 17 về quyền được bảo vệ sự riêng tư như sau: "*Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy*".

---

<sup>120</sup> Dẫn theo Đinh Tiến Dũng, *Quyền riêng tư trong Hiến pháp 2013 và các biện pháp bảo đảm bằng pháp luật*, Tạp chí Thông tin truyền thông, Kỳ 1/6/2014.

<sup>121</sup><sup>121</sup> Việt Nam tham gia Công ước này ngày 24/9/1982.

Năm 1988, Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp quốc, tại Phiên họp lần thứ 31 đã giải thích một số khía cạnh của quyền riêng tư tại Điều 17 nói trên như sau:

*Thứ nhất*, Điều 17 nhằm ngăn chặn những hành vi xâm phạm tùy tiện và bất hợp pháp vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, danh dự, uy tín của mọi người mà có thể do các quan chức nhà nước hay do các thể nhân và pháp nhân khác gây ra. Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ ngăn chặn cả các quan chức nhà nước và các thể nhân hay pháp nhân khác có những hành động xâm phạm tùy tiện và bất hợp pháp như vậy.

*Thứ hai*, thuật ngữ can thiệp “bất hợp pháp” (unlawful) dùng trong Điều 17 hàm nghĩa bất kỳ sự can thiệp nào vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, danh dự, uy tín của mọi người mà không được quy định trong pháp luật. Những can thiệp hợp pháp vào đời tư phải được quy định trong pháp luật, và phải phù hợp với các quy định khác của Công ước.

*Thứ ba*, thuật ngữ “can thiệp tùy tiện” (arbitrary interference) dùng trong Điều 17 hàm nghĩa cả những can thiệp bất hợp pháp và những can thiệp được quy định trong pháp luật nhưng không phù hợp với các quy định khác của Công ước.

*Thứ tư*, thuật ngữ “gia đình” (family) dùng trong Điều 17 cần được hiểu rộng theo nghĩa là bất cứ từ nào chỉ nhà ở hay nơi cư trú của một người mà được sử dụng trong xã hội của các quốc gia thành viên, ví dụ như từ “home” ở Anh, “manzel” ở các nước A-rập, “zóhzhí” ở Trung Quốc, “domicile” ở Pháp, “zhilische” ở Liên bang Nga, “domicilio” ở Tây Ban Nha v.v...

*Thứ năm*, vì sự an toàn của tất cả mọi người trong xã hội, quyền về sự riêng tư không phải là quyền tuyệt đối. Tuy nhiên, các quốc gia chỉ nên thu thập thông tin về đời tư nếu như những thông tin đó là thiết yếu để bảo đảm lợi ích chung của xã hội như được thừa nhận trong Công ước. Các quốc gia cần chỉ ra trong báo cáo thực hiện Công ước những quy định pháp luật nước mình liên quan đến những trường hợp được và những biện pháp can thiệp vào đời tư cùng những hoàn cảnh cụ thể được áp dụng. Theo quy định ở Điều 17, tính toàn vẹn và bảo mật của thư tín phải được bảo đảm cả về mặt pháp lý và thực tế. Thư từ phải được giao tận tay người nhận mà không bị chặn lại, mở ra hay nói cách khác là xem trước. Việc theo dõi, bắt kẻ bằng biện pháp điện tử hay các biện pháp khác, ví dụ như nghe trộm điện thoại, điện tín... đều bị nghiêm cấm. Việc lục soát nhà cửa phải bị giới hạn chỉ được sử dụng trong trường hợp để tìm chứng cứ cần thiết và không được phép gây phiền nhiễu cho chủ nhà. Việc khám xét thân thể phải theo cách thức phù hợp để bảo đảm nhân phẩm của người bị khám xét; người khám xét phải cùng giới tính với người bị khám xét. Việc thu thập và lưu giữ các thông tin cá nhân trong máy tính, các ngân hàng dữ liệu và

các thiết bị khác, cho dù là bởi các quan chức nhà nước hay các thể nhân, pháp nhân khác, đều phải được quy định trong pháp luật. Nhà nước phải có những biện pháp hiệu quả để bảo đảm rằng những thông tin cá nhân đó không rơi vào tay những người không được pháp luật cho phép và không bị sử dụng vào các mục đích trái với Công ước. Để bảo đảm bảo vệ đời tư một cách hiệu quả, mỗi cá nhân cần có quyền được biết liệu thông tin cá nhân của mình có bị thu thập, lưu giữ bởi chủ thể nào không và nếu có, thì ở đâu, nhằm mục đích gì, chủ thể quản lý thông tin cá nhân của mình là ai? Thêm vào đó, mỗi cá nhân cũng cần có quyền yêu cầu sửa chữa hoặc xóa bỏ thông tin cá nhân của mình nếu thông tin đang được lưu trữ không chính xác, hoặc bị thu thập hay lưu trữ một cách trái pháp luật.

*Thứ sáu*, Điều 17 cũng đặt ra trách nhiệm với các quốc gia thành viên trong việc ban hành các quy định pháp luật cần thiết để bảo vệ danh dự và uy tín của các cá nhân, bao gồm những quy định cho phép mọi người có khả năng tự bảo vệ trước những sự can thiệp hoặc xâm hại bất hợp pháp hay tùy tiện vào danh dự, uy tín của mình.

Tháng 7 năm 2016 Hội đồng Nhân quyền của Liên Hợp quốc thông qua *Nghị quyết về quyền tự do truy cập Internet*<sup>122</sup>. Nghị quyết này có hai điểm đáng chú ý: *một là*, Liên Hợp quốc khẳng định, quyền truy cập Internet là một trong những quyền cơ bản của con người; theo đó, việc chặn, cắt mạng, không cho người dân truy cập Internet được coi là hành động vi phạm nhân quyền và đi ngược lại luật pháp quốc tế; *hai là*, Liên Hợp quốc yêu cầu Chính phủ các nước phải bảo vệ quyền riêng tư của người dân khi họ truy cập Internet. Nghị quyết nhấn mạnh tôn chỉ rằng tất cả những quyền của con người có trong cuộc sống hàng ngày phải được áp dụng tương tự và được bảo vệ trong môi trường Internet.

Về mặt lý thuyết và dưới góc độ pháp luật, quyền riêng tư giờ đây đã trở thành một trong những quyền con người quan trọng nhất của thời hiện đại. Nhưng, một cách trớ trêu, những tiến bộ vượt bậc của công nghệ trong Thế kỷ XXI trên nền tảng của công nghệ kỹ thuật số với sự trợ giúp của Internet và mạng xã hội lại khiến con người hiện đại dường như ngày càng bị mất đi sự riêng tư của mình. Nói cách khác, sự tiến bộ của khoa học và công nghệ - trong đó có công nghệ số và Internet -, *một mặt*, khiến con người dễ dàng tiếp cận hơn với tri thức và bởi vậy nó thúc đẩy và tạo điều kiện để thực hiện tốt hơn một số quyền cơ bản của con người, như quyền tự do bày tỏ ý kiến, một trong các quyền con người cơ bản đã được pháp luật quốc tế và pháp luật của nhiều quốc

---

<sup>122</sup> Nguồn: [http://congan.com.vn/quoc-te/thoi-su-quoc-te/hoi-dong-nhan-quyen-lien-hiep-quoc-thong-qua-nghi-quyet-tu-do-tren-mang\\_22297.html](http://congan.com.vn/quoc-te/thoi-su-quoc-te/hoi-dong-nhan-quyen-lien-hiep-quoc-thong-qua-nghi-quyet-tu-do-tren-mang_22297.html).

gia ghi nhận; nhưng *mặt khác*, chính sự tiên bộ của Internet và công nghệ số cũng đã khiến con người trở nên khó khăn hơn trong việc bảo vệ một trong số các quyền - cũng được xác định là quyền cơ bản của con người - đó là quyền bảo vệ sự riêng tư.

Ngày càng nhận thấy hơn bao giờ hết tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền riêng tư trong kỷ nguyên của Internet và công nghệ số, mới đây, tháng 11 năm 2016, Ủy ban Xã hội, Nhân quyền và Văn hóa của Liên Hợp quốc đã thông qua *Nghị quyết về quyền riêng tư trong kỷ nguyên số*<sup>123</sup>. Nghị quyết này được xây dựng trên cơ sở nhận thấy rằng ngày càng nhiều dữ liệu cá nhân được các doanh nghiệp thuộc khu vực tư thu thập, xử lý, và chia sẻ với tốc độ vô cùng lớn; đồng thời Nghị quyết bày tỏ quan ngại về việc các dữ liệu cá nhân này thường xuyên được bán, chia sẻ mà không có sự đồng ý cũng như không thông báo cho cá nhân. Nghị quyết nhấn mạnh hành vi vi phạm và lạm dụng quyền riêng tư ngày càng ảnh hưởng đến cá nhân và có tác động đặc biệt đến các đối tượng là phụ nữ, trẻ em, các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương hoặc bị thiệt thòi. Nghị quyết khuyến cáo các quốc gia trong việc tăng cường công tác phòng chống và có biện pháp trừng phạt đối với những vi phạm và lạm dụng quyền riêng tư từ khu vực các tổ chức tư nhân.

Trong phạm vi khu vực, các thiết chế chính trị và hành chính, đặc biệt ở Châu Âu, cũng cực kỳ quan tâm đến việc bảo vệ quyền riêng tư. Ngay từ những thập niên 50 của Thế kỷ trước, Châu Âu đã thừa nhận quyền riêng tư trong *Công ước Nhân quyền châu Âu*.

## **Hộp 2. Điều 8 Công ước Nhân quyền châu Âu năm 1950:**

1. Mọi người đều có quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình, nhà ở và thư từ.

2. Sẽ không có sự can thiệp của một cơ quan công quyền với việc thực hiện quyền này, ngoại trừ những việc phù hợp với luật pháp và đó là sự cần thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn công cộng hoặc các phúc lợi kinh tế của đất nước, cho công tác phòng chống rối loạn hoặc tội phạm, để bảo vệ sức khỏe hoặc đạo lý, hay để bảo vệ

---

<sup>123</sup>*The right to privacy in the digital age.*

Nguồn: [http://www.un.org/ga/search/view\\_doc.asp?symbol=A/C.3/71/L.39/Rev.1](http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/C.3/71/L.39/Rev.1)

Tương tự, tại châu Mỹ, năm 1965 Tổ chức các nước châu Mỹ ban hành *Tuyên bố Châu Mỹ về Quyền và trách nhiệm của con người*, trong đó kêu gọi bảo vệ quyền con người bao gồm bảo vệ quyền riêng tư.

Ngoài các văn bản nêu trên, có hai văn bản quốc tế quan trọng có tác động và có nhiều ảnh hưởng đến quy định pháp luật về quyền riêng tư của nhiều quốc gia, đó là *Công ước của Hội đồng châu Âu 1981 về bảo vệ cá nhân đối với việc xử lý tự động của dữ liệu cá nhân* (COE) và *Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) về Bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân giữa các quốc gia*. Hai văn bản này chứa đựng các quy định đặc thù của việc bảo vệ quyền riêng tư trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba khi đã phát minh ra máy tính và mạng Internet đã bắt đầu được đưa vào sử dụng ở các nước phát triển. Các văn kiện này đặt ra các quy tắc cụ thể, đặc thù cho việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, thiết lập các ranh giới về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc xử lý dữ liệu điện tử. Hai văn bản trên có ảnh hưởng sâu sắc đến việc ban hành pháp luật trên thế giới về bảo vệ quyền riêng tư trong kỷ nguyên số. Đã có gần ba mươi quốc gia đã ký Công ước COE. Các hướng dẫn của OECD cũng được sử dụng rộng rãi trong luật pháp các nước ngay cả ở các nước không phải là thành viên OECD.

Như vậy, quyền riêng tư trong cuộc sống con người nói chung - dưới góc độ pháp luật quốc tế - đã có một lịch sử lâu đời được thừa nhận với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người. Trên tinh thần của *Nghị quyết về quyền tự do truy cập Internet* tháng 7 năm 2016 của Liên Hợp quốc, theo đó, “*tất cả những quyền của con người có trong cuộc sống hàng ngày phải được áp dụng tương tự và được bảo vệ trong môi trường Internet*”, thì quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên mạng Internet và môi trường số chính là một khía cạnh cụ thể của quyền riêng tư - chỉ khác là quyền đó được vận hành trên Internet hoặc môi trường số - nên nó cũng cần phải được bảo vệ như một quyền cơ bản của con người với những khía cạnh đã được Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp quốc giải thích về Điều 17 Công ước nêu trên.

### **Cơ chế pháp lý trên phạm vi quốc tế, khu vực và quốc gia nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số**

Có thể nói, sự tiến triển với tốc độ như cấp số nhân của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (và nay là lần thứ tư) đã ngày càng tác động đến đời sống cá nhân dưới những dạng thức khác nhau; càng ngày tung tích, dấu vết của cá nhân càng dễ bị theo dõi, bị định vị bởi những kỹ thuật mới; thông tin cá nhân bị đặt trước nguy cơ mất an toàn, bị làm giả, bị lộ; hoặc bị sử dụng (mua bán, trao đổi) vì mục đích gây hại cho cá nhân v.v...

Vậy, đâu là hướng giải quyết cho những nguy cơ nói trên?



Ngoài cơ chế “tự điều chỉnh” theo hướng cá nhân tự kiểm soát, tự điều tiết hành vi của mình, tránh để thông tin của mình bị lộ, bị sử dụng mà không có sự đồng ý; trên bình diện toàn cầu, ở khu vực hay trong phạm vi các quốc gia đều sử dụng cơ chế pháp luật để giải quyết tình trạng này.

Ngoài các văn bản pháp lý quốc tế của Liên Hợp quốc như đã nói ở Mục 1.3, trong phạm vi khu vực, Cộng đồng châu Âu đã ban hành nhiều văn bản về bảo vệ thông tin cá nhân, trong đó, một văn bản quan trọng liên quan trực tiếp đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số là Chỉ thị 95/46/CE ban hành ngày 24/11/1995 về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Chỉ thị này áp dụng cho tất cả các nước thành viên thuộc Liên minh Châu Âu. Với nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền riêng tư trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển, Nghị viện Châu Âu liên tục ban hành các văn bản bảo vệ quyền riêng tư điều chỉnh trực tiếp trên môi trường Internet hoặc kỹ thuật số, trong đó có những văn bản quan trọng như:

*Chỉ thị 2002/58 về việc bảo vệ quyền riêng tư trên Internet*, ban hành ngày 12.7. 2002;

*Chỉ thị 2006/24/CE điều chỉnh riêng về việc lưu trữ dữ liệu*, ban hành ngày 15.3.2006;

*Quy định chung về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân*, ban hành ngày 14/4/2016. Đây là văn bản pháp lý mới nhất được Nghị viện Châu Âu ban hành sau bốn năm biên soạn và thương thảo giữa các quốc gia thành viên, có hiệu lực áp dụng trực tiếp đối với 28 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu kể từ ngày 25/5/2018.

Trong phạm vi pháp luật quốc gia, hiện có 80 nước<sup>124</sup> đã ban hành các đạo luật về bảo vệ thông tin cá nhân hoặc dữ liệu cá nhân<sup>125</sup>.

Một số quốc gia như Hoa Kỳ, tuy không có một đạo luật chung của Liên bang điều chỉnh việc bảo vệ thông tin cá nhân trong tất cả các lĩnh vực, nhưng trong nhiều lĩnh vực Luật chuyên ngành đều có các quy định về việc bảo vệ thông tin cá nhân nói chung và bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường Internet hoặc kỹ thuật số.

Ở châu Âu, Thụy Điển là quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên máy tính<sup>126</sup>. Cộng hòa Pháp cũng là một trong số các

---

<sup>124</sup> Ví dụ: Australia, Canada, France, Germany, Israel, Italia, Japan, Korea, Netherlands, Portugal, Spain, Sweden, United Kingdom, Poland v.v...

<sup>125</sup> Số liệu dẫn theo báo cáo của Bà Sophie Vulliet-Tarvenier tại cuộc Tọa đàm “*Kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp trong việc xây dựng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân*” tổ chức tại Bộ Tư pháp ngày 25.4.2016.

<sup>126</sup> Luật này có tên gọi là Data Act, ban hành năm 1973. Nguồn: theo “*Online Privacy Law*”, The Law Library of Congress, Global Legal Research Center, Juin 2012, page 186.

quốc gia ban hành Luật Bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường kỹ thuật số từ rất sớm.

Năm 1978, Pháp đã ban hành *Luật về tin học, tệp tin và quyền tự do*<sup>127</sup>, trong đó nêu rõ ngay tại Điều 1 một nguyên tắc cơ bản về việc bảo vệ thông tin cá nhân trong môi trường kỹ thuật số: “*Tin học phải phục vụ mỗi công dân. Sự phát triển tin học phải được thực hiện trong khuôn khổ hợp tác quốc tế. Tin học không được xâm hại đến nhân thân con người, cũng như đến quyền con người, không được xâm hại đến đời sống riêng tư, cũng như đến quyền tự do cá nhân và công cộng*”. Trong suốt nhiều chục năm kể từ đó, cùng với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số và Internet, đạo luật này đã liên tục được sửa đổi và cập nhật. Lần cập nhật có ý nghĩa quan trọng được thực hiện vào năm 2004 với sự ra đời của Ủy ban quốc gia về thông tin và quyền tự do (gọi tắt là CNIL), một cơ quan hành chính độc lập có thẩm quyền rất lớn trong việc kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của công dân Pháp. Ủy ban này có thẩm quyền đưa ra các mức xử phạt như cảnh cáo, yêu cầu chấm dứt việc vi phạm quyền riêng tư, thậm chí Ủy ban này có thẩm quyền đưa ra mức xử phạt đến 300.000 euros<sup>128</sup>.

Sau khi Nghị viện Châu Âu ban hành Quy định chung về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 14/4/2016, Cộng hòa Pháp cũng đã ban hành một loạt đạo luật để điều chỉnh hệ thống pháp luật quốc gia theo tinh thần quy định nói trên. Lần cập nhật gần đây nhất là ngày 20/01/2017 với việc ban hành Luật 2017/55 điều chỉnh quy chế chung về các cơ quan hành chính độc lập và cơ quan thẩm quyền chung độc lập.

### **Quy định của pháp luật Việt Nam về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên internet và môi trường số**

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chế định quyền riêng tư hay quyền bảo vệ thông tin cá nhân đã được quy định tại nhiều văn bản pháp luật. Tuy nhiên, các quy định này hiện nay phần lớn là các quy định về việc bảo vệ quyền riêng tư trong đời sống nói chung, tức việc bảo vệ quyền này được quy định theo một chế định chung không phân biệt là trong môi trường trực tuyến (online) hay môi trường ngoại tuyến (offline). Gần đây, một số đạo luật chuyên ngành mới có một số quy định, chủ yếu dưới dạng các nguyên tắc chung và chưa đủ cụ thể, dành riêng cho việc bảo vệ thông tin cá nhân trên Internet hoặc môi trường số.

#### **Quy định của Hiến pháp**

---

<sup>127</sup> Luật số 78-17 ngày 06.01.1078.

<sup>128</sup> Các điều 45, 46, 47 *Luật về tin học, tệp tin và quyền tự do năm 1978*, những thay đổi được cập nhật ngày 19.01.2016.

Ở Việt Nam, quyền riêng tư đã trở thành một nguyên tắc hiến định ngay từ bản Hiến pháp 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến bản Hiến pháp mới nhất của Việt Nam 2013, quyền riêng tư vẫn được tái khẳng định :

### Hộp 3. Điều 21 Hiến pháp 2013:

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và **các hình thức trao đổi thông tin riêng tư** của người khác".

Về quyền riêng tư nói chung, so với quy định tại Hiến pháp 1992 (và các bản Hiến pháp trước đó), lần đầu tiên Hiến pháp 2013 quy định rõ về quyền riêng tư với nội hàm và phạm vi được mở rộng hơn<sup>129</sup> (Điều 21), bao gồm các khía cạnh đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình - trong khi Hiến pháp 1992 (Điều 73) chỉ đề cập đến bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Ngoài ra, mặc dù các quy định dành riêng cho việc bảo vệ quyền riêng tư trên Internet và môi trường số chưa được đề cập cụ thể và minh thị trong Hiến pháp 2013, nhưng Điều 21 khoản 2 đoạn 2 đã ngụ ý việc bảo vệ quyền riêng tư trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển bằng quy định “*Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác*”.

---

<sup>129</sup> Việc sử dụng các thuật ngữ “quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình” tại Điều 21 Hiến pháp 2013 và Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015, theo ý kiến của chúng tôi, không hoàn toàn đồng nghĩa với khái niệm “quyền riêng tư” hay khái niệm “dữ liệu cá nhân” mà chúng tôi phân tích trong báo cáo. Ở góc độ nào đó, chúng tôi cho rằng các thuật ngữ được sử dụng tại Điều 21 Hiến pháp 2013 và Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015 hẹp hơn khái niệm quyền riêng tư hay khái niệm dữ liệu cá nhân mà báo cáo này đề cập. Chúng tôi cũng hiểu rằng hiện vẫn còn khá nhiều điểm có thể tranh luận về vấn đề này. Tuy nhiên, vì phạm vi báo cáo này quá hạn hẹp, chỉ trong giới hạn bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số, nên chúng tôi xin không phân tích và tranh luận về các khái niệm nói trên, chỉ tạm thời chấp nhận sử dụng các khái niệm của Hiến pháp 2013 và Bộ luật Dân sự 2015 như một lát cắt của quyền riêng tư.

Một thay đổi nữa đáng lưu ý liên quan đến quyền riêng tư nhưng được thể hiện qua lăng kính của kỹ thuật lập pháp, đó là Điều 21 nói trên đã được kết cấu trong Chương II của Hiến pháp 2013 dưới tiêu đề “*Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*”. Cơ cấu này và tiêu đề của Chương II cho thấy rõ ràng hơn thái độ của các nhà làm luật đã tiếp cận các quyền này, trong đó có quyền riêng tư, không chỉ dưới góc độ hạn hẹp của quyền công dân, mà đã tiếp cận nó với tư cách một chế định của quyền con người.

#### Quy định của Bộ luật Dân sự 2015

Được coi là một đạo luật khung điều chỉnh các quan hệ giữa cá nhân và pháp nhân, Bộ luật Dân sự 2015 cũng đã có những quy định nhằm bảo vệ quyền riêng tư tại Điều 38.

#### Hộp 4. Điều 38 Bộ Luật Dân sự 2015

##### **Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình**

1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. Thư tín, điện thoại, điện tín, **cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác** của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.

So với quy định tại Điều 21 Hiến pháp 2013, về quyền riêng tư trên Internet và môi trường số, ngoài việc vẫn tiếp tục sử dụng cụm từ “*các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác*” như trong Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015 đã bổ sung thêm thuật ngữ “*cơ sở dữ liệu điện tử*” tại khoản 3 Điều 38. Điều đó cũng có nghĩa là, việc bảo đảm quyền riêng tư không chỉ áp dụng đối với các loại thông tin riêng tư tồn tại dưới các dạng thức truyền thống như thư tín, điện thoại, điện tín v.v... mà còn áp dụng cả đối với các dữ liệu tồn tại dưới dạng kỹ thuật số như cơ sở dữ liệu điện tử.

Tuy nhiên, cũng như Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015 chỉ dừng ở việc khẳng định nguyên tắc chung, là có sự bảo vệ đối với dữ liệu cá nhân tồn tại dưới mọi dạng thức, trong đó có cả các cơ sở dữ liệu điện tử. Còn, về phương thức bảo vệ, cả hai văn bản nói trên đều chưa phân biệt sự khác nhau của việc bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số và trong môi trường bình thường.

#### Quy định của các đạo luật chuyên ngành

Đối với việc bảo vệ quyền riêng tư trên mạng Internet và môi trường số, một số đạo luật chuyên ngành như Luật Viễn thông, Luật Công nghệ thông tin, đặc biệt là Luật An toàn thông tin mạng mới được ban hành năm 2016 cũng đã có một số quy định đáng lưu ý.

Về một số khái niệm liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số:

Trong các đạo luật chuyên ngành nêu trên, các nhà làm luật đã sử dụng khá nhiều khái niệm khác nhau và vì mỗi khái niệm lại khoác một cái “*vỏ ngôn ngữ*” khác nhau, nên nội hàm của chúng không đồng nhất, ví dụ:

Luật Công nghệ thông tin sử dụng các khái niệm: thông tin số, thông tin riêng, thông tin cá nhân trên môi trường mạng

Luật Giao dịch điện tử sử dụng các khái niệm: thông tin về bí mật đời tư; ngoài ra, Luật Giao dịch điện tử còn sử dụng và đưa ra định nghĩa về các khái niệm có liên quan đến môi trường mạng, như: dữ liệu, cơ sở dữ liệu, thông điệp dữ liệu, giao dịch điện tử.

Luật Viễn thông sử dụng khái niệm: thông tin riêng.

Luật An toàn thông tin mạng sử dụng khái niệm: thông tin cá nhân.

Trong số các khái niệm nêu trên, khái niệm “*thông tin riêng*” được ba văn bản là Luật Viễn thông, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 72/2013/NĐ-CP sử dụng, nhưng hai đạo Luật nêu trên đều chỉ sử dụng khái niệm “*thông tin riêng*” mà không đưa ra định nghĩa; định nghĩa “*thông tin riêng*” được làm rõ tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP (khoản 15 Điều 3 ) như sau: “*Thông tin riêng*” là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không

công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể.

Mặc dù tại Điều 3 (về Giải thích từ ngữ) Luật Viễn thông không đưa ra định nghĩa thế nào là “*thông tin riêng*”, nhưng tại Điều 6 (về Bảo đảm bí mật thông tin), khái niệm này lại được liệt kê khá rõ ràng, theo đó, “doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ *thông tin riêng* liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, *bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác* mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp ...”.

Khái niệm “*thông tin cá nhân*” thì được các văn bản dưới đây sử dụng:

Luật Công nghệ thông tin sử dụng khái niệm “*thông tin cá nhân*” nhưng không định nghĩa nội hàm của nó.

Luật An toàn thông tin mạng định nghĩa một cách khái quát: “*thông tin cá nhân*” là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể (Điều 3 Khoản 15);

Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15.7.2013 năm 2013 đã định nghĩa khá rõ về khái niệm “*thông tin cá nhân*” tại khoản 16 Điều 3 như sau: “*Thông tin cá nhân*” là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, chỉ trước đó hai tháng, ngày 16/5/2013 Nghị định 52/2013/NĐ-CP cũng có định nghĩa tại Điều 3 Khoản 13 về “*thông tin cá nhân*” nhưng với nội hàm có chút khác biệt so với định nghĩa của Nghị định 72 như sau: thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ *nhà riêng*, số điện thoại, *thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân* và *những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật*; thông tin cá nhân trong Nghị định này *không bao gồm thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông*.

Từ những định nghĩa nêu trên, có thể thấy một số điểm đáng chú ý như sau:

Một là, Luật Viễn thông và Nghị định 72 đã có sự phân biệt khá rõ sự khác nhau giữa hai khái niệm “*thông tin riêng*” và “*thông tin cá nhân*”, theo đó, nội hàm hai khái niệm này không hoàn toàn trùng khít nhau, có loại thông tin vừa là “*thông tin riêng*” đồng thời là “*thông tin cá nhân*” (như tên, địa chỉ - kể cả địa chỉ thư điện tử, số điện thoại); nhưng cũng có nhiều thông tin khác được coi là “*thông tin riêng*” (như vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi v.v...) nhưng lại không phải là “*thông tin cá nhân*”.

*Hai là*, trong Nghị định 52 địa chỉ của cá nhân phải là *địa chỉ nhà riêng* mới được coi là thông tin cá nhân. Theo nghĩa này, các địa chỉ khác tuy có giúp để định danh một cá nhân cụ thể, như địa chỉ cơ quan làm việc hay trụ sở kinh doanh của cá nhân sẽ không được coi là thông tin cá nhân và vì vậy không được bảo vệ theo chế định bảo vệ thông tin cá nhân của Nghị định này. Cũng trong logic này mà Nghị định 52 không công nhận các thông tin “liên hệ công việc” hoặc các thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông (có thể ví dụ như mã số thuế cá nhân, số tài khoản ngân hàng v.v...) là thông tin cá nhân.

*Ba là*, giữa khái niệm “thông tin cá nhân” của Nghị định 72 và Nghị định 52 có sự khác nhau khá rõ về cách tiếp cận. Mặc dù cả hai Nghị định đều xuất phát từ việc “định danh cá nhân” để xác định phạm vi và nội hàm của khái niệm “thông tin cá nhân”, nhưng Nghị định 72 không đặt ra tiêu chí “giữ bí mật” khi xác định phạm vi khái niệm; điều đó có nghĩa là, thông tin cá nhân là dữ liệu để định danh nhân thân của cá nhân đó, dù nó được cá nhân đó công bố công khai hay muốn giữ bí mật, thì nó đều được bảo vệ với tư cách là thông tin cá nhân. Ngược lại, theo Nghị định 52, tiêu chí “giữ bí mật” là một tiêu chí quan trọng, đến mức nếu cá nhân đã vô tình hoặc cố ý công bố thông tin đó trên các phương tiện truyền thông, thì thông tin đó không còn được coi là thông tin cá nhân nữa và dĩ nhiên sẽ không được bảo vệ theo chế định bảo vệ thông tin cá nhân của Nghị định này.

Bên cạnh các khái niệm nêu trên, Luật Giao dịch điện tử 2005 lại sử dụng khái niệm “*thông tin về bí mật đời tư*” (Điều 46). Đây cũng là khái niệm được sử dụng trong Bộ luật Dân sự 2005 (Điều 38). Tuy nhiên, cả hai văn bản nói trên không đưa ra định nghĩa thế nào là “thông tin bí mật đời tư”.

Kể từ Hiến pháp 2013, cụm từ được sử dụng không còn là “*thông tin về bí mật đời tư*” nữa, mà là cụm từ “*thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình*”. Đây là khái niệm được sử dụng tại Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Tiếp cận thông tin 2015, Luật Trẻ em 2015. Tuy nhiên, trong tất cả các văn bản nêu trên, chưa văn bản nào đưa ra được định nghĩa cho các khái niệm này.

Về khái niệm “*dữ liệu cá nhân*”, các văn bản pháp luật của Việt Nam chưa sử dụng cụm từ này và vì vậy chưa có định nghĩa về nó. Tuy nhiên, xét về nội hàm, có lẽ khái niệm “*thông tin cá nhân*” được định nghĩa trong Nghị định 72 có vẻ có nội hàm gần gũi nhất với nội hàm khái niệm “*dữ liệu cá nhân*” được định nghĩa trong các quy định của Châu Âu và trong các đạo luật của một số quốc gia trên thế giới.

Về các khía cạnh của vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số:

Bên cạnh việc đưa ra một số khái niệm liên quan và thiết lập một số nguyên tắc chung của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong các đạo Luật chuyên ngành nói trên của Việt Nam - đặc biệt là trong Luật công nghệ thông tin và Luật An toàn thông tin mạng - việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số được đề cập bao gồm các khía cạnh sau đây:

- Việc cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, quản lý, sử dụng thông tin số;

- Việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin;

- Việc theo dõi, giám sát, quản lý nội dung thông tin;

Một số văn bản quy định thêm khía cạnh biên tập, chia sẻ, phát tán thông tin. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các khía cạnh này cũng nằm trong nội hàm các khái niệm xử lý, truyền đưa, trao đổi hoặc sử dụng thông tin như đã nêu trên.

Về nguyên tắc chung bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Các đạo Luật chuyên ngành điều chỉnh phạm vi Internet và môi trường số đều có các quy định về việc bảo vệ sự an toàn của dữ liệu nói chung và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng nói riêng.

Chẳng hạn, Luật Công nghệ thông tin 2005 quy định, “*khi hoạt động trên môi trường mạng, cơ quan Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm độ tin cậy và bí mật của nội dung thông tin trong việc gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng*” (điểm e khoản 4 Điều 9 ); hoặc “*thông tin riêng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng được bảo đảm bí mật theo quy định của pháp luật*” (khoản 1 Điều 72 ).

Nguyên tắc tương tự trên cũng được quy định tại Luật Viễn thông 2009 (khoản 3 Điều 6 ).

Luật Giao dịch điện tử 2005, trong quy định về nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước tại Điều 40, tuy không có quy định điều chỉnh trực tiếp việc bảo vệ thông tin cá nhân, nhưng điểm c khoản 6 Điều này đã đưa ra nguyên tắc: *khi tiến hành giao dịch điện tử, cơ quan nhà nước phải quy định cụ thể về các quy trình bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn và bí mật của giao dịch điện tử*. Bổ sung, khoản 2 Điều 46 Luật này quy định, *cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*.

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 cũng khẳng định nguyên tắc người tiêu dùng được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ (khoản 1 Điều 6). Trong lĩnh vực thương



mại điện tử, theo tinh thần Nghị định 52, các nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng cũng được áp dụng.

Về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Luật Công nghệ thông tin 2005 có quy định khá cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân như sau:

Hộp 5. Điều 21 Khoản 2 Luật Công nghệ thông tin 2005:

2. Tổ chức, cá nhân thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho người đó biết về hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người đó;

b) Sử dụng đúng mục đích thông tin cá nhân thu thập được và chỉ lưu trữ những thông tin đó trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận giữa hai bên;

c) Tiến hành các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá huỷ;

d) Tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra lại, đính chính hoặc hủy bỏ theo quy định tại

Luật Viễn thông 2009 cũng quy định:

Hộp 6. Điều 6 Khoản 4 Luật Viễn thông 2009

Doanh nghiệp viễn thông không được tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người sử dụng dịch vụ viễn thông đồng ý cung cấp thông tin;

b) Các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông để phục vụ cho việc tính giá

Luật An toàn thông tin mạng 2015 cũng quy định, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin có trách nhiệm “*tuân thủ quy định về lưu trữ thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, thông tin riêng của tổ chức, cá nhân*” (Điều 10 Khoản 3 điểm a).

Về các hành vi bị nghiêm cấm:

Phần lớn các văn bản pháp luật chuyên ngành đều ghi nhận nguyên tắc chung, đó là nghiêm cấm việc cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, sử dụng thông tin mà vi phạm các quy định về bí mật, an toàn thông tin. Tuy nhiên, đối với thông tin cá nhân nói chung và dữ liệu cá nhân trên môi trường số nói riêng, các văn bản phần lớn chỉ chú trọng việc bảo vệ bí mật đối với những thông tin của nhà nước, quốc phòng, an ninh, kinh tế, đối ngoại v.v.... Việc cấm các hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân chỉ được quy định “*ẩn*” sau cụm từ “*và những bí mật khác được pháp luật quy định*”.

Trong lĩnh vực thương mại điện tử, hành vi đánh cắp, sử dụng, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan cũng là những hành vi bị nghiêm cấm.

Về quyền của cá nhân được bảo vệ dữ liệu:

Phần lớn các văn bản pháp luật chuyên ngành nói trên đều khẳng định nguyên tắc chung, đó là được bảo vệ bí mật thông tin theo quy định pháp luật. Theo đó, các hành vi *thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân* trên mạng phải được người đó đồng ý; tổ chức, cá nhân khi thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác có trách nhiệm (Điều 21 Luật Công nghệ thông tin):

Thông báo cho người đó biết về hình thức, phạm vi, địa điểm và mục đích của việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người đó;

Sử dụng đúng mục đích thông tin cá nhân thu thập được và chỉ lưu trữ những thông tin đó trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận giữa hai bên;

Tiến hành các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo đảm thông tin cá nhân không bị mất, đánh cắp, tiết lộ, thay đổi hoặc phá huỷ;

Tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra lại, đình chính hoặc hủy bỏ theo quy định;

Không được cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân liên quan cho đến khi thông tin đó được đình chính lại.

*Về việc cung cấp thông tin của cá nhân cho bên thứ ba*, pháp luật cũng bảo vệ quyền của cá nhân chủ thể thông tin bằng quy định: các chủ thể có liên quan không được cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có sự đồng ý của người đó; cá nhân cũng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp thông tin cá nhân.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho cả cơ quan nhà nước, nơi rất nhiều thông tin cá nhân được thu thập, lưu trữ, xử lý và cung cấp; theo đó, việc bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước cũng có nghĩa là cơ quan nhà nước không được sử dụng thông tin vào mục đích khác trái với quy định về việc sử dụng thông tin đó, không tiết lộ thông tin cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật.

#### Hộp 7. Điều 46 Luật Giao dịch điện tử

Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về một số ngoại lệ của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân không phải là một quyền tuyệt đối. Trong một số trường hợp, tổ chức, cá nhân có quyền thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác mà không cần sự đồng ý của người đó. Đó là trường hợp việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân đó được sử dụng cho các mục đích: ký kết, sửa đổi hoặc thực hiện hợp đồng sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng; tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng; và nhằm thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 21 Luật Công nghệ thông tin).

Thậm chí, trong một số trường hợp đặc biệt, để bảo vệ lợi ích công, người có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà biện pháp đó vi phạm đến quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, như ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử (Điều 223 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015). Tuy nhiên, việc áp dụng các biện pháp nói trên chỉ thực hiện đối với các trường hợp xâm phạm an ninh quốc gia, ma túy, tham nhũng, khủng bố, rửa tiền, một số tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Về việc bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng trong thương mại điện tử:

Hộp 9. Bảo vệ thông tin cá nhân người tiêu dùng trong thương mại điện tử theo Nghị định 52/2013/NĐ-CP

#### **Điều 69. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng**

1. Thương nhân, tổ chức, cá nhân thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng phải xây dựng và công bố chính sách bảo vệ thông tin cá nhân với các nội dung sau:

- a) Mục đích thu thập thông tin cá nhân;
- b) Phạm vi sử dụng thông tin;
- c) Thời gian lưu trữ thông tin;
- d) Những người hoặc tổ chức có thể được tiếp cận với thông tin đó;

đ) Địa chỉ của đơn vị thu thập và quản lý thông tin, bao gồm cách thức liên lạc để người tiêu dùng có thể hỏi về hoạt động thu thập, xử lý thông tin liên quan đến cá nhân mình;

e) Phương thức và công cụ để người tiêu dùng tiếp cận và chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình trên hệ thống thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin.

2. Những nội dung trên phải được hiển thị rõ ràng cho người tiêu dùng trước hoặc tại thời điểm thu thập thông tin.

3. Nếu việc thu thập thông tin được thực hiện thông qua website thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin, chính sách bảo vệ thông

Việc thu thập, sử dụng, quản lý thông tin của người tiêu dùng cũng được quy định khá cụ thể tại Nghị định 52 như sau:

Hộp 10. Một số quy định về việc bảo vệ thông tin cá nhân người tiêu dùng tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP

#### **Điều 70. Xin phép người tiêu dùng khi tiến hành thu thập thông tin**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này thương nhân, tổ chức thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng trên website thương mại điện tử (gọi tắt là đơn vị thu thập thông tin) phải được sự đồng ý trước của người tiêu dùng có thông tin đó (gọi tắt là chủ thể thông tin).

2. Đơn vị thu thập thông tin phải thiết lập cơ chế để chủ thể thông tin bày tỏ sự đồng ý một cách rõ ràng, thông qua các chức năng trực tuyến trên website, thư điện tử, tin nhắn, hoặc những phương thức khác theo thỏa thuận giữa hai bên.

3. Đơn vị thu thập thông tin phải có cơ chế riêng để chủ thể thông tin được lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin cá nhân của họ trong những trường hợp sau:

a) Chia sẻ, tiết lộ, chuyển giao thông tin cho một bên thứ ba;

b) Sử dụng thông tin cá nhân để gửi quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và các thông tin có tính thương mại khác.

4. Đơn vị thu thập thông tin không cần được sự đồng ý trước của chủ thể thông tin trong các trường hợp sau:

a) Thu thập thông tin cá nhân đã công bố công khai trên các website thương mại điện tử;

b) Thu thập thông tin cá nhân để ký kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ;

c) Thu thập thông tin cá nhân để tính giá, cước sử dụng thông tin, sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng.

#### **Điều 71. Sử dụng thông tin cá nhân**

1. Đơn vị thu thập thông tin phải sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng đúng với mục đích và phạm vi đã thông báo, trừ các trường hợp sau:

a) Có một thỏa thuận riêng với chủ thể thông tin về mục đích và phạm vi sử dụng ngoài những mục đích, phạm vi đã thông báo;

b) Để cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm theo yêu cầu của chủ thể thông tin;

c) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng thông tin quy định tại Điều này bao gồm cả việc chia sẻ, tiết lộ và chuyển giao thông tin cá nhân cho bên thứ ba.

#### **Điều 72. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cá nhân**

1. Đơn vị thu thập thông tin phải đảm bảo an toàn, an ninh cho thông tin cá nhân mà họ thu thập và lưu trữ, ngăn ngừa các hành vi sau:

a) Đánh cắp hoặc tiếp cận thông tin trái phép;

b) Sử dụng thông tin trái phép;

Về bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em trên Internet và môi trường số:

Trẻ em cũng là công dân và trước tiên cũng được bảo vệ thông tin cá nhân theo các nguyên tắc chung của quyền con người và quyền công dân. Điều 21 Luật Trẻ em 2015 quy định, trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.

Trước sự tiến triển nhanh chóng các ứng dụng của công nghệ số, cùng với sự trợ giúp của Internet và sự lan tỏa của các mạng xã hội, trẻ em trở thành đối tượng phổ biến của việc vi phạm quyền riêng tư. Các đạo Luật chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ thông tin của Việt Nam chưa có quy định đặc thù bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên Internet. Tuy nhiên, Luật Trẻ em 2015 đã có một số quy định điều chỉnh riêng khía cạnh này.

Hộp 8. Luật Trẻ em 2016

**Điều 54. Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng**

1. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

**Điều 87. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:**

1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân.

.....

3. Quản lý, hướng dẫn quy chuẩn báo chí, xuất bản, viễn thông,

Thực trạng thực thi pháp luật bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên internet và môi trường số tại Việt Nam

Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã có các quy định về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số nói riêng, trên thực tế, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn chưa được thực thi hữu hiệu ở Việt Nam.

### 3.1. Các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân phổ biến

Một số nghiên cứu của các chuyên gia cho thấy, việc xâm phạm quyền đối với dữ liệu cá nhân ở Việt Nam thường xảy ra dưới các hành vi sau đây<sup>130</sup>:

- Đăng hồ sơ cá nhân của người khác lên mạng;
- Dán bảng điểm công khai ở trường học;
- Đăng ảnh riêng tư của con cái lên mạng;
- TỰ ý chụp và đăng tải ảnh đám tang;
- Công bố chuyện riêng tư của người khác.

### 3.2. Sử dụng phần mềm nghe lén trái phép thông tin cá nhân

Ngoài các hành vi xâm phạm quyền riêng tư phổ biến nêu trên, tháng 05 năm 2014, cơ quan chức năng đã tiến hành thanh tra và phát hiện Công ty TNHH Công nghệ Việt Hồng (Thanh Xuân, Hà Nội) đã sử dụng phần mềm Ptracker để theo dõi qua điện thoại. Qua phần mềm, doanh nghiệp này có thể truy cập thông tin của rất nhiều người: ghi âm, nghe lén điện thoại, định vị, quay phim, chụp ảnh, xem tin nhắn, kiểm soát cuộc gọi v.v... Toàn bộ dữ liệu lấy được từ điện thoại bị giám sát bằng Ptracker được gửi về máy chủ của Công ty Việt Hồng. Nhân viên kỹ thuật của công ty có thể xem, xóa, khai thác nội dung dữ liệu đó mà không cần tới tài khoản, mật khẩu của người đã mua phần mềm Ptracker. Số lượng tài khoản đã từng bị cài phần mềm giám sát Ptracker là khoảng 14.140 tài khoản. Trong đó, 7.447 tài khoản chưa bị xóa dữ liệu trong máy chủ của Công ty Việt Hồng; 670 tài khoản vẫn đang còn trong thời gian giám sát. Với thủ đoạn tinh vi và với mục đích thu lợi cá nhân, công ty Việt Hồng đã thu về hàng trăm triệu đồng bất chính. Tuy nhiên, điều nguy hiểm hơn là thông tin cá nhân của rất nhiều khách hàng sử dụng điện thoại di động đã bị đánh cắp, có thể được sử dụng vào những mục đích xấu. Vụ việc này thực sự gây chấn động dư luận, bởi nó như một hồi chuông cảnh báo về tình trạng mất an toàn thông tin đang ngày một gia tăng tại Việt Nam hiện nay, khiến không chỉ quyền lợi cá nhân bị ảnh hưởng, mà còn rất nguy hiểm nếu các đối tượng sử

---

<sup>130</sup> Theo Trịnh Hữu Long, *Năm hành vi xâm phạm đời tư phổ biến ở Việt Nam*. Nguồn: <http://luatkhoa.org/2014/11/5-hanh-vi-xam-pham-doi-tu-pho-bien-o-viet-nam-2/>

dụng những thông tin cá nhân này phục vụ cho những mục đích xấu như lừa đảo rút tiền, xâm phạm đời tư....

### 3.3. Rao bán dữ liệu cá nhân trên mạng

Trên một số website thương mại điện tử, xảy ra nhiều trường hợp rao bán dữ liệu cá nhân. Ví dụ, chỉ cần vào Google gõ danh sách khách hàng “database 2016”, “khách hàng VIP”, “khách hàng tiềm năng” là người có nhu cầu sẽ được cung cấp một loạt trang web giới thiệu bán thông tin cá nhân. Trang muaban.sieumua.com, giới thiệu đến khách hàng hàng chục loại “hàng hóa” thuộc nhiều đối tượng khác nhau với giá thỏa thuận, được chia thành nhiều danh mục một cách khá khoa học và chuyên nghiệp. Trong đó, chỉ riêng phần dữ liệu cá nhân về các giám đốc doanh nghiệp cũng đã có đến hàng chục loại như danh sách 5.000 GD, TGD, các quản lý cấp cao người Hàn Quốc tại Việt Nam; danh sách số điện thoại VIP 400 chủ tịch HĐQT - PCT-TGD các công ty lớn nhất tại Việt Nam; danh sách tổng hợp giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng các bệnh viện miền Trung, Tây Nguyên, miền Nam; danh sách thông tin 10.000 giám đốc doanh nghiệp tại TP Hà Nội và danh sách các chủ đầu tư bất động sản tại TP Hồ Chí Minh...

Bên cạnh đó, trong danh mục rao bán còn có hàng chục loại thông tin về khách hàng như danh sách khách hàng đầu tư chứng khoán và danh sách những người có thu nhập cao tại Hà Nội; danh sách khách hàng đóng bảo hiểm, khách hàng mua vàng, mua ô tô, chung cư cao cấp; khách hàng VIP tại các ngân hàng và khách hàng VIP mua sắm tại các siêu thị lớn, các trung tâm thương mại ở TP Hồ Chí Minh.

Tương tự, tại website vatgia.com, có địa chỉ tại TP Hồ Chí Minh đã rao bán thông tin về dữ liệu cá nhân của 5.000 giám đốc doanh nghiệp và 10.000 khách hàng với giá trọn gói 1 file (với đầy đủ tên tuổi, số điện thoại) là 490 ngàn đồng...

Ngoài các địa chỉ trên, hiện trên mạng Internet còn rất nhiều website khác rao bán thông tin cá nhân tương tự như web timkhachhang.com; rongbay.com, sharepointvietnam.com; cho3mien.com... Thậm chí, nhiều người liên tục nhận được những lời mời chào hấp dẫn được gửi vào email với nội dung mời mua 7 triệu địa chỉ email có phần mềm tự động gửi các thông tin cùng một lúc tới 7 triệu địa chỉ này với giá khoảng 2 triệu đồng v.v...

Sự xuất hiện của những trang mua bán điện tử (website) rao bán thông tin cá nhân trên mạng Internet mà không có sự đồng ý của khách hàng đã cấu thành hành vi vi phạm quyền bí mật đời tư quy định của pháp luật và những quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt đối với từng lĩnh vực khác có sử dụng thông tin khách hàng.



Khi tham gia vào bất kỳ giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ nào, khách hàng và cá nhân, tổ chức kinh doanh đều phải cung cấp những thông tin về bản thân mình, về hàng hóa, dịch vụ được mua bán, trao đổi nhằm xác lập một quan hệ giữa hai bên.

Ngoại trừ những trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ đơn giản có giá trị thấp, có tính thường nhật không cần thiết phải cung cấp thông tin, còn hầu hết mỗi người tiêu dùng chúng ta sử dụng những hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ cuộc sống như điện, nước, điện thoại, y tế, chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp hoặc cao cấp hơn như Internet, chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản... đều phải cung cấp thông tin cá nhân để xác lập quan hệ hợp đồng với cá nhân, tổ chức kinh doanh.

Phần lớn khách hàng sử dụng hàng hóa dịch vụ nói trên đều không nghĩ đến việc những thông tin cá nhân của mình có thể biến thành một thứ hàng hóa được mua bán, trao đổi với giá trị không hề nhỏ. Thực tế cho thấy, rất nhiều khách hàng không hề biết rằng thông tin cá nhân của mình đã được cung cấp cho những đơn vị kinh doanh dịch vụ như viễn thông, bảo hiểm, dịch vụ tin nhắn kết quả thi đấu thể thao, xổ số... cho đến khi họ thấy bị làm phiền liên tục bởi các nhà cung cấp dịch vụ này.

Với tư cách là một công dân, khách hàng ở đây đã không ý thức hết được quyền bí mật đời tư của mình đã bị xâm phạm, mà quyền bí mật đời tư của cá nhân được luật pháp bảo vệ theo quy định tại điều 38, Bộ luật Dân sự. Theo đó: “việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, chưa đủ mười lăm tuổi thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý, trừ trường hợp thu thập, công bố thông tin, tư liệu theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền”.

Với tư cách là người tiêu dùng, khách hàng - hay chính là người tiêu dùng trực tiếp cũng không ý thức được quyền được bảo vệ thông tin của mình đã bị cá nhân, tổ chức kinh doanh vi phạm khi đem ra mua bán, trao đổi mà không có sự đồng ý của người tiêu dùng.

Đối với các cá nhân, tổ chức kinh doanh trong những lĩnh vực nói trên thì thông tin khách hàng chính là thứ tài sản trọng yếu và có thể mang đến những lợi nhuận tiềm tàng trong tương lai. Những đối tượng phạm tội mua bán, trao đổi thông tin vì thế đã nhắm đến những thông tin này. Như sự việc mà A87 phát hiện, những kẻ rao bán thông tin cá nhân trái phép đã thu thập được danh sách 600 khách hàng gửi mua bán bất động sản, từ số điện thoại, mã căn hộ đến giá bán. Ngoài ra còn hàng trăm danh sách thông tin khách hàng là những giám đốc doanh nghiệp, 30.000 thuê bao Mobiphone trả sau tại Tp. Hồ Chí Minh, 65.000 thuê bao Viettel trả sau tại Hà Nội...

### 3.4. Vi phạm quyền riêng tư của trẻ em

Trẻ em là tương lai của bất kỳ quốc gia nào và vì vậy, việc bảo đảm quyền của trẻ em luôn được các quốc gia quan tâm. Một trong những quyền trẻ em cần được bảo đảm là quyền riêng tư. Pháp luật Việt Nam đã có nhiều quy định bảo vệ quyền trẻ em nói chung, trong đó có bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em, không chỉ trong môi trường ngoại tuyến mà cả trong môi trường trực tuyến. Song trên thực tế tại Việt Nam, việc nhận thức và thi hành quyền này của trẻ em vẫn gặp phải nhiều rào cản, việc thực thi quyền riêng tư của trẻ em ở Việt Nam - trong đó có việc bảo vệ quyền riêng tư trên Internet và môi trường số - vẫn còn gặp nhiều khó khăn; thậm chí trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, quyền riêng tư của trẻ em đang bị xâm phạm ở mức báo động. Giờ đây, người ta dễ dàng khai thác hình ảnh, đời sống, bí mật đời tư của trẻ em, kể cả trên những phương tiện truyền thông của nhà nước. Thậm chí, nhiều người còn cố tình chụp lén con của nghệ sĩ để nhằm mục đích câu view, hút khách.

Chẳng hạn, một số trang thông tin đã tạo những cú “sốc” bằng việc đưa hình ảnh những bé gái bị xâm hại tình dục, hoặc câu chuyện về bé gái học lớp 7 mang thai đã được một tờ báo khai thác đã tạo nên cuộc khủng hoảng truyền thông lớn về đạo đức tư cách báo chí vì ở đây, quyền riêng tư của trẻ bị xâm phạm nghiêm trọng. Hình ảnh, đời tư của trẻ bị sử dụng như công cụ đơn thuần để thỏa mãn thông tin, tước bỏ tất cả những quyền cơ bản của các em.

Theo khảo sát của Trung tâm Phát triển cộng đồng và Công tác xã hội trên 5 tờ báo điện tử lớn nằm trong Top 50 trang web được truy cập hàng đầu Việt Nam, chỉ trong một năm, đã có đến 548 bài báo có nội dung không bảo đảm quyền riêng tư của trẻ em<sup>131</sup>.

Kiến nghị xây dựng một đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, trong đó có hệ thống các quy định đặc thù điều chỉnh việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên internet và môi trường số (online privacy law)

Bảo vệ dữ liệu cá nhân không phải là vấn đề mới trong hệ thống pháp luật và thực tiễn đời sống xã hội Việt Nam. Như các phân trên đã phân tích, từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946, đến các bản Hiến pháp 1959, 1980 và 1992, việc bảo vệ dữ liệu của cá nhân đều đã được Nhà nước Việt Nam công nhận và bảo vệ thông qua quy định về bảo đảm an toàn và bí mật đối với thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Thể chế hóa các bản Hiến pháp này, các đạo luật như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các đạo luật chuyên

---

<sup>131</sup> Nguồn: <http://tintucnong.org/moi-nam-6000-bai-bao-vi-pham-quyen-tre-em-5886.html>.

ngành khác đã có nhiều quy định cụ thể hóa nhằm tạo nên một hệ thống quy định pháp luật bảo vệ quyền bí mật đối với thông tin cá nhân của công dân.

Kể từ khi bước sang thế kỷ 21, những biến đổi mới về khoa học công nghệ, đặc biệt trong công nghệ kỹ thuật số và Internet đã mang tới những phương pháp và công cụ làm việc mới, làm thay đổi các quan hệ vốn có trong xã hội. Sự phát triển của Internet, mạng xã hội và các ứng dụng toàn cầu đã đưa nhiều quốc gia, dù đó là một quốc gia phát triển hay một quốc gia còn nghèo như Việt Nam, dịch chuyển từ một xã hội dựa trên công nghiệp hay nông nghiệp sang một xã hội mới dựa trên căn bản thông tin và tri thức. Trong bối cảnh nói trên, việc cá nhân sử dụng mạng xã hội như facebook với tốc độ chia sẻ thông tin nhanh đến chóng mặt qua các ứng dụng chụp ảnh, ghi âm, quay phim trên điện thoại thông minh được mua với giá cả hợp lý đã đặt vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trước sự cấp thiết cần bảo vệ về mặt pháp luật hơn bao giờ hết.

Bên cạnh sự cần thiết về mặt thực tiễn như đã nêu trên, dưới góc độ lý luận, trong thời gian qua, ngay cả trên thế giới lẫn ở Việt Nam, cách tiếp cận của xã hội nói chung và của các nhà quản lý nói riêng về quyền tiếp cận thông tin của con người cũng đã có nhiều thay đổi. Từ những vùng cấm rất rộng trong quyền được thông tin của cá nhân cách đây vài chục năm, đến việc coi quyền tiếp cận thông tin là một quyền được ghi nhận minh thị trong Hiến pháp 2013 là cả một bước phát triển rất dài về nhận thức của xã hội và của các nhà quản lý. Điều đó đặt ra những thách thức mới về ranh giới giữa quyền được tiếp cận thông tin của người này với quyền được bảo vệ bí mật cá nhân của người khác. Để bảo đảm triển khai thực thi một cách hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin vừa được Quốc hội Khóa 13 thông qua năm 2016 thì cần phải xây dựng một đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung, nhất là khi một trong những lý do của việc hạn chế tiếp cận thông tin là nhằm bảo vệ thông tin cá nhân. Theo đó quyền được bảo đảm an toàn về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân là một trong những quyền nhân thân quan trọng, bất khả xâm phạm. Bởi vậy, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng làm rõ nội hàm của quyền bảo vệ bí mật cá nhân, phạm vi giới hạn của quyền để tạo hành lang pháp lý rõ ràng và thuận lợi cho việc chống xâm hại đến quyền này của công dân.

Từ cách tiếp cận này, chúng tôi cho rằng, Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ điều chỉnh một số nội dung cơ bản như: quy định rõ nội hàm thông tin cá nhân, nội hàm của quyền, quy định các quyền của cá nhân có dữ liệu và các giới hạn, điều kiện hạn chế quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, vấn đề công khai thông tin cá nhân vì lợi ích cộng đồng; các nguyên tắc xử lý thông tin cá nhân, quy trình thu thập thông tin cá nhân, chuyển giao thông tin cá nhân cho bên thứ ba v.v...

Liên quan đến chế định bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số, Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân cần dành một thời lượng thích hợp cho các quy

định điều chỉnh việc bảo vệ thông tin cá nhân trên internet và môi trường số, cụ thể, cần có các quy định một số khía cạnh sau đây:

Làm rõ và phân biệt nội hàm các khái niệm có liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, như khái niệm thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân, thông tin bí mật riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình v.v....

Xác định các nguyên tắc chung nhưng có tính đặc thù trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số;

Xác định các quyền của cá nhân trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân khi truy cập Internet hoặc hoạt động trong môi trường số;

Xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân; trong đó đặc biệt chú trọng việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên Internet và môi trường số;

Quy trình bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số;

Cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong đó đặc biệt chú trọng đến cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên thực tiễn.

Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm việc bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung trong đó bao gồm cả hành vi vi phạm việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên Internet và môi trường số.

## **II. PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ CƠ CHẾ BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG BÁO CHÍ**

### **Quy định pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động truyền thông, báo chí<sup>132</sup>**

Pháp luật Việt Nam đã có khá nhiều quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung. Ngay trong các bản Hiến pháp - nhất là Hiến pháp 2013, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân luôn được chú trọng.

Điều 21 Hiến pháp 2013:

*1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.*

---

<sup>132</sup>Trong phạm vi chuyên đề này tác giả chỉ đề cập đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động truyền thông đại chúng, bao gồm báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình (để phân biệt với truyền thông xã hội trên nền tảng là các dịch vụ trực tuyến như Facebook, Yahoo 360, Youtube v.v...).

Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định về quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình:

*1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.*

*2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.*

Trong lĩnh vực báo chí, việc bảo vệ thông tin cá nhân cũng được quy định khá đầy đủ.

Luật Báo chí 2016 (có hiệu lực ngày 01/01/2017) quy định cấm các hành vi “*Tiết lộ thông tin thuộc danh Mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật*” - Điều 9 Khoản 5.

Biện pháp xử lý đối với việc vi phạm quyền bảo vệ thông tin cá nhân cũng được quy định rõ:

Điều 42 Luật Báo chí 2016:

*Cơ quan báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát lời cải chính, xin lỗi trên báo chí và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.*

*Đối với báo chí điện tử, ngoài việc đăng, phát lời cải chính, xin lỗi còn phải gỡ bỏ ngay thông tin sai sự thật đã đăng, phát*

Ngoài ra, các biện pháp xử lý hình sự cũng được đặt ra để bảo vệ quyền bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác, quyền được bảo vệ danh dự, uy tín. Bộ luật hình sự có quy định về tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác; đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, bao gồm hành vi liên quan đến thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà chưa được phép.

Việc khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của Điều 195 Bộ luật tố tụng hình sự. Theo đó, các biện pháp điều tra đặc biệt đã được quy định cụ thể tại Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bao gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

Một số đạo luật khác như Luật tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông, Luật Bru chính, Luật An toàn thông tin mạng v.v... cũng

có các quy định cụ thể về việc bảo vệ quyền riêng tư, bảo vệ thông tin cá nhân và nghiêm cấm các hành vi xâm phạm quyền riêng tư trong các hoạt động bưu chính, viễn thông, an toàn thông tin mạng, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Luật Trẻ em năm 2016, có hiệu lực từ ngày 1/6/2017, mà theo đó, quyền bí mật đời sống riêng tư, tại Điều 21 của Luật này, quy định:

*1. Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.*

*2. Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.*

Một trong những hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 11 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016, đó là:

*Công bố, Tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em.*

Ngoài ra, khoản 2 Điều 54 Luật này quy định:

*Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.*

Đối với hình ảnh của cá nhân, Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 32) cũng có những quy định rất cụ thể, theo đó:

*“1. Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý. Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.*

*2. Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp sau đây không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ:*

*a) Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng;*

*b) Hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.*

*3. Việc sử dụng hình ảnh mà vi phạm quy định tại Điều này thì người có hình ảnh có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan,*

*tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh, bồi thường thiệt hại và áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”*

Một số hành vi phát tán hình ảnh của cá nhân xâm hại tới danh dự, nhân phẩm, uy tín của người đó; nhất là khi những hình ảnh đó thuộc về đời sống riêng tư của cá nhân, hoặc hình ảnh có tính chất nhạy cảm bị phát tán, lan truyền nhanh trong cộng đồng, nhằm mục đích bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh hoặc có khi đơn giản chỉ để trêu đùa một cách vô tư v.v., thì, theo quy định của pháp luật, người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm dân sự, hành chính, thậm chí có khi là trách nhiệm hình sự.

Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (có hiệu lực từ ngày 1/7/2017) tại Điều 33 đã giải thích rõ thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em là các thông tin về:

*Tên, tuổi; đặc điểm nhận dạng cá nhân; thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong bệnh án; hình ảnh cá nhân; thông tin về các thành viên trong gia đình, người chăm sóc trẻ em; tài sản cá nhân; số điện thoại; địa chỉ thư tín cá nhân; địa chỉ, thông tin về nơi ở, quê quán; địa chỉ, thông tin về trường, lớp, kết quả học tập và các mối quan hệ bạn bè của trẻ em; thông tin về dịch vụ cung cấp cho cá nhân trẻ em.*

Với các quy định như trên, hệ thống pháp luật Việt Nam đã xây dựng được một cơ chế bảo vệ khá chặt chẽ về quyền của cá nhân đối với thông tin cá nhân nói chung, quyền đối với hình ảnh của mình nói riêng. Theo các quy định này, khi sử dụng hình ảnh của một ai đó, cần phải có được sự chấp thuận của người có hình ảnh được sử dụng và phải trả thù lao nếu có phát sinh lợi nhuận. Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ chỉ áp dụng trong một số trường hợp ngoại lệ và không được làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.

Pháp luật Việt Nam cũng cho phép người bị xâm phạm yêu cầu tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh và bồi thường thiệt hại, kể cả với trường hợp sử dụng trái phép cho mục đích phi lợi nhuận.

Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ có quy định những điều không được thông tin trên báo chí (khoản 3 Điều 5):

*Không được đăng, phát ảnh của cá nhân mà không có chú thích rõ ràng hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân đó (trừ ảnh thông tin các buổi họp công khai, sinh hoạt tập thể, các buổi lao động, biểu diễn nghệ thuật,*

*thể dục thể thao, những người có lệnh truy nã, các cuộc xét xử công khai của Tòa án, những người phạm tội trong các vụ trọng án đã bị tuyên án).*

Điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 56/2006/NĐ-CP ngày 06/6/2006 của Chính phủ, về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, thông tin có quy định:

*Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó hoặc thân nhân người đó, trừ các trường hợp tìm thân nhân của nạn nhân, ảnh của người đã bị khởi tố hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù giam, ảnh thông tin về các hoạt động tập thể.*

Điểm e khoản 2 Điều 8 Nghị định 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí quy định:

*Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Có thể nói với các quy định như trên, Việt Nam đã có một cơ chế bảo vệ tốt hơn quyền đối với hình ảnh của công dân và bảo đảm tính khách quan, có trách nhiệm hơn của các cơ quan báo chí, của cộng đồng mạng xã hội đối với việc bảo vệ quyền về thông tin cá nhân.

### **Thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động truyền thông báo chí**

Mặc dù các quy định pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân được quy định khá đầy đủ trong hệ thống pháp luật, nhưng thực trạng thực thi quyền này lại cho thấy khá nhiều bất cập, dẫn đến tình trạng quyền đối với thông tin cá nhân không được bảo vệ.

Báo chí là kênh truyền thông phổ biến, tuy nhiên hiện nay, với sự phát triển không ngừng của xã hội và sự bùng nổ thông tin, một số báo - đặc biệt là báo mạng - đã biến tướng trở thành phương tiện phát tán thông tin đời tư của người khác, nhất là những người nổi tiếng một cách bất hợp pháp để thu hút, câu view độc giả. Dễ dàng thấy rõ trên các mặt báo, những thông tin về đời tư, scandal của người nổi tiếng xuất hiện với tần suất khá dày đặc. Trong đó, có không ít thông tin là sai sự thật và không được sự đồng ý của người được đưa tin. Đây là hành vi xâm phạm quyền bí mật đời tư.

Những sự vi phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong thời gian qua - nhất là trong thời đại kỹ thuật số, khi báo chí, truyền hình, mạng xã hội phát triển - trở thành một hiện tượng đáng lo ngại.



Trong kỷ nguyên Internet, việc ngăn chặn sự xâm phạm bí mật đời tư của cá nhân thực sự khó khăn, khi mà thông tin được lan truyền rất nhanh chỉ cần một cú click bằng chuột máy tính, rất nhiều thông tin đời tư cá nhân đã được/bị đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng để rồi sau đó chúng sẽ bị chia sẻ với tốc độ chóng mặt trên các trang mạng xã hội.

Giờ đây, không khó để tìm kiếm được trên mạng thông tin cá nhân, những bí mật gia đình, đời sống tình cảm riêng tư của một số chính trị gia, diễn viên, ca sĩ, người mẫu nổi tiếng, thậm chí là những ồn ào xung quanh vụ scandal trong giới showbiz. Đã xảy ra những trường hợp báo chí, thậm chí các kênh truyền hình của cơ quan nhà nước khai thác thông tin riêng tư quá mức, đi quá đà nhằm làm các tin, bài giật gân; hoặc một số các cơ quan báo chí thu thập được từ nhiều nguồn và công bố những hình ảnh được cá nhân thực hiện bảo mật. Thậm chí, có tờ báo cố tình khai thác nguồn tin thất thiệt, đưa tin xâm phạm đời tư công dân để câu khách làm ảnh hưởng sâu sắc đến danh dự, nhân phẩm và cuộc sống của cá nhân.

Hoạt động của báo chí đã xâm phạm quyền nhân thân đối với hình ảnh của cá nhân, sử dụng hình ảnh xâm phạm bí mật cá nhân, đời sống riêng tư. Hành vi này biểu hiện ở việc cá nhân bị phát tán những bức hình, cảnh quay riêng tư, nó thuộc đời sống sinh hoạt riêng tư của một người hoặc mặc dù là những hình ảnh bình thường nhưng cá nhân thực hiện vào việc bảo mật những bức ảnh đó thì việc công bố phát tán những hình ảnh cảnh quay đó, hành vi này là xâm phạm tới bí mật cá nhân, đời sống riêng tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tình trạng xâm phạm bí mật đời tư hiện nay trên các phương tiện truyền thông báo chí đang xảy ra khá nhiều. Cũng đã có một số cá nhân kiện cơ quan báo chí có hành vi thông tin xâm phạm đời tư, thông tin không đúng sự thật. Thế nhưng, số lượng vụ việc được yêu cầu giải quyết lại rất ít. Đại đa số những người bị đưa tin, vi phạm quyền bí mật đời tư không muốn làm lớn thêm sự việc vì cho rằng sẽ càng làm bí mật lan rộng hơn, thậm chí có nhiều người không biết được quyền lợi của mình được bảo vệ nên chầm lặng.

Việc vi phạm thông tin cá nhân trên các phương tiện truyền thông như báo chí, đài phát thanh diễn ra dưới muôn vàn hình thức phong phú. Ví dụ mới đây UBND TP Hà Nội ban hành quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn TP Hà Nội nhằm mục đích từng bước hình thành những chuẩn mực văn hóa để điều chỉnh lời nói, thái độ, hành vi của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, Điều 13 của quy tắc này đã quy định:

*Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại quy tắc ứng xử này, tùy mức độ, sẽ bị nhắc nhở, phê bình công khai trên phương tiện thông tin đại chúng...*

Quy định nói trên đã vi phạm quyền đối với thông tin cá nhân, bởi, theo Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính, việc công bố công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật cần thiết, như: đối với các trường hợp xử phạt về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội.

Còn đối với các trường hợp cá nhân, tổ chức nào đó vi phạm những quy tắc ứng xử mà không thuộc những trường hợp luật định nêu trên, thì chính quyền không được phép bêu tên họ trên báo đài.

Năm 2013, cũng đã từng có việc Bộ Công an dự kiến đưa vào một dự thảo thông tư quy định:

*Đối với các trường hợp vi phạm giao thông, cảnh sát giao thông sẽ thông báo danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm đến các cơ quan thông tin truyền thông để đăng tải.*

Tuy nhiên, sau đó, căn cứ vào Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính và các nghị định về xử phạt vi phạm giao thông, theo đó không có quy định nào cho phép công bố công khai việc xử phạt, Bộ Công an đã phải bỏ quy định bêu tên người vi phạm giao thông trong dự thảo thông tư nói trên.

Một trong những hình thức khác vi phạm quyền bảo vệ thông tin cá nhân trên các phương tiện truyền thông, báo chí, đó là việc đưa tin, viết bài đối với các vụ việc liên quan đến trẻ em như các vụ bạo hành, xâm hại trẻ em. Nhiều vụ bạo hành, xâm hại trẻ em được báo chí phát hiện, đăng tải, trước tiên đã tác động đến người lớn, đến gia đình và xã hội, đến các nhà hoạch định chính sách, dẫn đến việc ban hành các quyết sách và quyết định mới có lợi cho xã hội.

Tuy nhiên, nhiều nhà báo đã vô tình hoặc cố tình khai thác tận cùng nỗi đau của nhân vật, có khi thêm thắt, trộn lẫn một chút thông tin sai sự thật để lấy được sự quan tâm của công chúng. Một số bài báo viết về trẻ em bị xâm hại dù ẩn tên nhưng lại khai thác rất kỹ về họ hàng, gia đình, địa chỉ, trường học của nạn nhân, thậm chí công khai cụ thể tên tuổi nạn nhân, hoặc đưa ảnh nạn nhân lên nhưng không làm mờ mặt v.v... những điều này đã làm ảnh hưởng tới đời sống riêng tư, tinh thần và tương lai của các em.

### **Kiến nghị về cơ chế bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động truyền thông báo chí**

- Cần có một đạo luật riêng về bảo vệ thông tin cá nhân nói chung, trong đó quy định cụ thể cơ chế bảo vệ thông tin cá nhân trong từng lĩnh vực riêng biệt
- trong đó có lĩnh vực truyền thông báo chí.

- Đặc biệt, cần có quy định về những giới hạn của việc sử dụng, tiết lộ thông tin cá nhân trong lĩnh vực truyền thông, theo đó, có thể bao gồm các vấn đề sau đây:

Người thu thập và giữ thông tin chỉ được sử dụng, tiết lộ thông tin theo mục đích mà thông tin được thu thập; không được tiết lộ cho các mục đích khác trừ một số trường hợp ngoại lệ như:

Khi được phép của người bị thu thập thông tin.

Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng, tiết lộ thông tin đó để phục vụ cho quá trình điều tra, truy tố người phạm tội.

Nhằm bảo vệ lợi ích công cộng.

Việc sử dụng, tiết lộ thông tin đó cho mục đích khác là cần thiết để ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra như tới sức khỏe cộng đồng, an ninh quốc gia, tính mạng hay sức khỏe của người bị thu thập thông tin hoặc người khác.

## *Chuyên đề 7*

**Rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; nghiên cứu pháp luật một số nước Châu Âu, Châu Á về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và yêu cầu đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam**

*TS. Chu Mạnh Hùng*

*Đại học Luật Hà Nội*

Quyền con người là hiện tượng lịch sử xã hội. Quá trình phát triển quyền con người là quá trình đi từ thấp đến cao, từ đơn lẻ, nghèo nàn đến đa dạng, phong phú về nội dung. Quyền con người là giá trị nhân văn được khẳng định qua quá trình phát triển của văn minh nhân loại... Ngày nay, trong xã hội hiện đại quyền con người được đề cao đặc biệt là quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Với tư cách là quyền cơ bản của con người, bí mật dữ liệu cá nhân được khẳng định trong các văn kiện pháp lý quốc tế.

Tuyên ngôn nhân quyền (UDHR) năm 1948 nêu rõ: “Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín hay bị xúc phạm tới danh dự, thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy”.

Trên cơ sở Tuyên ngôn nhân quyền, Công ước năm 1966 đã pháp điển hóa quyền dân sự chính trị trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân: “Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín; mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy” (Điều 17).

Như vậy, quyền được bảo vệ của mọi người nhằm chống lại sự xâm phạm tùy tiện hay bất hợp pháp về đời tư, gia đình, nơi ở và những người liên quan cũng như chống lại sự xâm hại bất hợp pháp đến danh dự và uy tín của họ. Cần thiết phải có quyền này để đảm bảo chống lại những xâm phạm như trên, cho dù những sự xâm phạm này là do quan chức nhà nước hay bất kỳ thể nhân, pháp nhân nào gây ra. Nghĩa vụ bắt buộc xuất phát từ điều khoản này đòi hỏi các quốc gia phải thực thi các biện pháp pháp lý và những biện pháp thích hợp khác nhằm nỗ lực ngăn chặn, chống lại sự xâm phạm và tấn công vào đời tư cũng như để bảo vệ quyền này.

Thực tế ở nhiều quốc gia thành viên Công ước, thông tin về mức độ tôn trọng và bảo vệ quyền này của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vì

vậy, các quốc gia thành viên cần có những quy định pháp luật để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Thuật ngữ “bất hợp pháp” có nghĩa là không một sự can thiệp nào về đời tư có thể được chấp thuận trừ những trường hợp được quy định trong pháp luật. Việc can thiệp theo thẩm quyền của Nhà nước chỉ được thực hiện trên nền tảng luật pháp và những sự cho phép đó phải tuân thủ các quy định, đối tượng và mục đích của Công ước. Thuật ngữ “can thiệp tùy tiện” cũng liên quan đến việc bảo vệ quyền quy định ở Điều 17, kể cả trong trường hợp “sự can thiệp” được quy định theo luật nhằm đảm bảo tuân theo các quy định và trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả trong những tình huống đặc biệt, cũng phải hợp lý. Thuật ngữ “gia đình” được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các từ mang nghĩa “gia đình” được hiểu trong xã hội của các quốc gia thành viên như thuật ngữ “home” ở Anh, “domicilio” ở Tây Ban Nha để diễn tả về nơi cư trú hay nơi làm việc của các cá nhân.

Theo Điều 17, các quốc gia phải thông tin về các nhà chức trách và các cơ quan có thẩm quyền mà theo luật pháp của các quốc gia có quyền can thiệp vào đời tư theo luật định. Các nhà chức trách có quyền tiến hành kiểm soát sự can thiệp theo trình tự nghiêm ngặt của luật pháp và những phương thức, cơ quan, cá nhân nào có liên quan có thể khiếu kiện về sự vi phạm quy định. Các quốc gia cũng phải đánh giá rõ mức độ phù hợp của luật pháp quốc gia và thực tiễn áp dụng luật bao gồm thông tin về khiếu nại liên quan đến sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp về đời tư, cũng như những giải pháp đã thực hiện để giải quyết các tình huống đó.

Việc bảo vệ bí mật riêng tư chỉ mang tính chất tương đối, các cơ quan có thẩm quyền chỉ có quyền thu thập thông tin về đời tư của công dân khi những thông tin đó là cần thiết để đảm bảo lợi ích của cộng đồng. Vì vậy, pháp luật của các quốc gia cần quy định quản lý thẩm quyền của các cơ quan nhà nước được can thiệp vào đời tư của công dân. Quyết định sử dụng quyền can thiệp vào đời tư phải được người có thẩm quyền đưa ra theo quy định của luật và căn cứ vào từng trường hợp. Bảo mật thư tín của công dân phải được bảo đảm trên cả phương diện pháp lý và thực tế. Thư từ phải được giao tới tay người nhận mà không bị chặn lại, việc theo dõi dù bằng phương tiện điện tử hay những cách thức khác như chặn sóng để nghe trộm điện thoại, điện tín và các dạng thông tin liên lạc khác, ghi âm cuộc đối thoại đều bị ngăn cấm. Việc điều tra về gia đình của một người phải được giới hạn, chỉ được thực hiện khi cần có chứng cứ cần thiết. Việc điều tra về đời tư và khám xét thân thể phải đảm bảo được thực hiện bằng những cách thức phù hợp để giữ gìn phẩm giá của người bị điều tra. Việc khám xét thân thể của nhân viên nhà nước hay nhân viên y tế chỉ tiến hành khi

nhân viên đó hành động theo yêu cầu của nhà nước và chỉ được thực hiện bởi người có cùng giới tính.

Việc thu thập và lưu giữ những thông tin cá nhân trên máy tính, các ngân hàng dữ liệu và các thiết bị khác, cho dù là bởi các nhân viên nhà nước, các cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tư nhân hay các cơ quan đều phải do luật pháp quy định. Áp dụng những cách thức hiệu quả để những thông tin về đời tư của một người không lọt vào tay những người không được pháp luật cho phép tiếp nhận, xử lý và sử dụng. Mỗi cá nhân cần có quyền nắm được những thông tin nào về bản thân mình được lưu trữ dưới dạng các tệp dữ liệu tự động, và cho những mục đích gì. Nếu hồ sơ lưu trữ không đúng hay được thu thập, xử lý trái với quy định của pháp luật, mỗi cá nhân có quyền yêu cầu điều chỉnh và xóa bỏ những thông tin sai lệch. Các quốc gia cũng cần có những quy định về bảo vệ danh dự và uy tín cá nhân cũng như việc áp dụng những quy định đó trên thực tế.

Công ước quyền trẻ em năm 1989 quy định: “Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em; trẻ em có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy” (Điều 16); “Mọi điều riêng tư của trẻ em phải được hoàn toàn tôn trọng trong mọi giai đoạn tố tụng” (khoản 2 Điều 40).

Nghị quyết 40/33 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về Những quy tắc tối thiểu mang tính tiêu chuẩn của Liên hợp quốc đối với việc quản lý tư pháp người chưa thành niên khẳng định: các quốc gia phải tôn trọng các quyền về đời tư của trẻ em chưa thành niên. Các thông tin liên quan đến nhân thân như tên, tuổi... không được công khai trên các phương tiện thông tin truyền thông.

Ủy ban quyền trẻ em cũng cho rằng: không được công khai những thông tin có thể dẫn đến việc xác định danh tính người chưa thành niên bị buộc tội bởi vì có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận giáo dục, việc làm, nhà ở hoặc an toàn của chính họ. Các ấn phẩm báo chí không được đưa tin liên quan đến những tội phạm được thực hiện bởi trẻ em chưa thành niên, trừ một số trường hợp ngoại lệ được quy định. Các phiên tòa của người chưa thành niên nên được xét xử kín, chỉ cho phép rất hạn chế các trường hợp ngoại lệ. Án tích của người chưa thành niên phạm tội được giữ bí mật và bên thứ ba không được tiếp cận ngoại trừ những người trực tiếp liên quan đến việc điều tra, xét xử và quyết định vụ án.

Hiệp định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự giữa Việt Nam và Vương quốc Anh năm 2009 quy định về “Bảo vệ dữ liệu cá nhân” tại Điều 26; Nghị định thư về tương trợ hành chính trong lĩnh vực thuế quan giữa Liên minh Châu Âu - Việt Nam quy định: “Dữ liệu cá nhân chỉ được chuyển đến các bên

chỉ khi bên nhận tài liệu đảm bảo rằng những dữ liệu đó được bảo vệ bằng đủ các biện pháp bảo đảm ”.

Quyền bảo vệ thông tin cá nhân đã được quy định tại Công ước Châu Âu về các quyền con người (ECHR 1950). Điều 8 Công ước khẳng định rằng bảo vệ dữ liệu cá nhân là quyền cơ bản của con người. Quyền này cũng được quy định tại Công ước 108 (Công ước về bảo vệ dữ liệu cá nhân bị truy cập tự động) năm 1981. Bộ quy tắc 45/2001 (ở cấp độ toàn Cộng đồng Châu Âu). Đồng thời thành lập cơ quan Giám sát Hoạt động bảo vệ dữ liệu Châu Âu EDPS (European Data Protection Supervisor). Chỉ thị số 2002/58/EC: quy định về việc truy cập dữ liệu cá nhân và bảo vệ đời tư trong các giao dịch điện tử (ePrivacy Directive). Khuôn khổ quyết định số 2008/977/JHA (ở cấp độ hợp tác cảnh sát và tư pháp trong vấn đề hình sự - một trong ba trụ cột của Cộng đồng Châu Âu). Văn bản này cũng quy định vấn đề bảo mật dữ liệu trong việc truy xuất thông tin nhưng khác ở cấp độ thực hiện. Hiến chương Liên minh Châu Âu về những quyền cơ bản năm 2009 (Điều 8); Hiệp ước về các chức năng của Liên minh Châu Âu. Khuôn khổ bảo mật APEC (APEC privacy framework) cũng đề cập đến bảo vệ bí mật cá nhân.

Trong khuôn khổ khu vực Châu Á, pháp luật của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ đã quy định trực tiếp hoặc gián tiếp về bí mật dữ liệu cá nhân. Trung Quốc, hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đang dần được hoàn thiện; tập trung vào bảo vệ dữ liệu người tiêu dùng trên mạng như Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2014 (Consumer Protection Law).

Hồng Kông, hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân tương đối hoàn thiện; Hồng Kông Công bố Chương trình Quản lý bảo mật năm 2014 (Privacy Management Programme: A Best Practice Guide), là tài liệu hướng dẫn thực hiện cho các công ty. Đối với Đài Loan, quy định về nội dung này trong PIPA (Personal Information Protection Act 2012).

Nhật Bản, là nước có hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoàn thiện nhất trong khu vực Châu Á. APPI (Act on the Protection of Personal Information) được coi là văn bản pháp luật đầu tiên điều chỉnh về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong khu vực Châu Á. Ấn Độ chưa có pháp luật riêng điều chỉnh về bảo vệ dữ liệu cá nhân mà chỉ lồng ghép vào những luật hiện hành. Tuy nhiên, trong khi chế tài xử lý các vi phạm được quy định rõ nhưng căn cứ để xác định hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân chưa cụ thể mà chỉ quy định chung chung trong luật như Luật Công nghệ thông tin, Luật Hình sự, Luật Sở hữu trí tuệ...

Ngày nay, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt ra hết sức cấp thiết trong đó có pháp luật về bảo vệ dữ liệu bí mật cá nhân với những yêu cầu, cụ thể như sau:

- Quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền tự do dân chủ; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc duy trì, bảo đảm kỷ cương, trật tự công cộng, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng quyền tự do, dân chủ của công dân để xâm hại an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục nghiên cứu luật hoá các quyền hiến định của công dân theo hướng: nghiên cứu xây dựng các luật để thể chế hoá các quy định của Hiến pháp về bí mật dữ liệu cá nhân... theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.

- Hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của công dân trong việc tiếp cận pháp luật và hệ thống tư pháp với mục tiêu cải cách sâu rộng quan hệ giữa Nhà nước với người dân, tạo điều kiện cho mọi người dân có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng và hưởng thụ các dịch vụ công trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp.

- Hoàn thiện pháp luật về quyền giám sát của các cơ quan dân cử, quyền giám sát, kiểm tra của công dân đối với hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức; mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để người dân tham gia vào công việc của Nhà nước. Tạo cơ chế, điều kiện cho người dân tham gia thực chất vào hoạt động quản lý nhà nước, từ việc tham gia ý kiến trong giai đoạn xây dựng chính sách, pháp luật đến việc tham gia giám sát cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.

- Tiếp tục củng cố cơ sở pháp lý về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, ban hành kịp thời, đồng bộ và tổ chức thực thi các văn bản quy phạm pháp luật; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quyền con người, quyền công dân.

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng cùng cộng đồng quốc tế, nhằm hiện thực hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan tới bí mật dữ liệu cá nhân, Hiến pháp 2013 đã quy định:

“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác”.



Ở các nước, Hiến pháp là đạo luật có giá trị tối cao ghi nhận quyền bí mật dữ liệu cá nhân như là một trong những quyền cơ bản của con người. Ở khu vực Đông Nam Á, Hiến pháp của một số quốc gia qui định về quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân như Thái Lan, Singapore, Indonesia... vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục ghi nhận các quyền này trong Hiến pháp tạo cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm thực hiện quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam cũng như người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam.

Nhiều quốc gia đã ban hành luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc đang trong quá trình nghiên cứu, xây dựng do đó Việt Nam cũng cần nghiên cứu, phân tích và xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm tạo cơ sở pháp lý và cơ chế hữu hiệu bảo đảm quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp.

Xuất phát từ quy định của pháp luật quốc tế và từ kinh nghiệm của các nước, ngoài việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của Hiến pháp, luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu cá nhân cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan để tạo ra cơ chế đồng bộ bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cụ thể như:

- Các văn bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;
- Các văn bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động kinh doanh dịch vụ;
- Các biện pháp chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân;

Hoàn thiện một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong đó có định nghĩa dữ liệu cá nhân theo hướng dữ liệu cá nhân là các dữ liệu về một cá nhân mà có thể xác định được danh tính của họ từ các dữ liệu đó, không phụ thuộc vào hình thức ghi nhận hay xử lý các dữ liệu. Ngoài định nghĩa về dữ liệu cá nhân, pháp luật của một số quốc gia đưa ra định nghĩa dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Các dữ liệu này thường liên quan đến sức khỏe hoặc tình trạng về thể chất, tinh thần của người chủ dữ liệu.

Xác định rõ giới hạn của đạo luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong mối quan hệ với các văn bản pháp luật chuyên ngành. Việc xác định giới hạn nhằm tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Đạo luật riêng về bảo vệ dữ liệu cá nhân chỉ điều chỉnh hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân của khu vực tư nhân mà không điều chỉnh hoạt động của khối các cơ quan Nhà nước. Hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân của khối cơ quan Nhà nước chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chuyên ngành. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của

các quốc gia cũng thường chỉ được áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức mang quốc tịch quốc gia hoặc có nơi cư trú hoặc trụ sở trên lãnh thổ quốc gia và các hoạt động liên quan đến dữ liệu cá nhân diễn ra trong lãnh thổ quốc gia. Hành vi chuyển giao dữ liệu cá nhân ra ngoài lãnh thổ quốc gia được đề cập dưới dạng các nguyên tắc chung.

Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể. Đối với chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân bao gồm các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ và các tổ chức cá nhân khác theo quy định của pháp luật như người giám hộ, bên thứ ba..., cụ thể như: yêu cầu để các hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân được diễn ra; ngoại lệ không cần đáp ứng các yêu cầu như vì lợi ích công cộng, an ninh quốc gia, trường hợp khẩn cấp hoặc theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; việc áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để đảm bảo tính bí mật của dữ liệu cá nhân; chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba thông qua các hợp đồng.

Chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Tùy mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm mà các biện pháp chế tài được áp dụng (xử phạt hành chính, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hình sự) đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân của người khác.

## Chuyên đề 8

### Bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam

PGS.TS. Vũ Công Giao – ThS. Phạm Thị Hậu

#### 1. Khái niệm dữ liệu cá nhân, quyền được bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân

##### 1.1. Khái niệm dữ liệu cá nhân

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt, “*dữ liệu*” là *những thông tin như văn bản, số liệu, âm thanh, hình ảnh, ... được biểu diễn trong máy tính dưới dạng quy ước, nhằm tạo sự dễ dàng cho việc lưu trữ, xử lý.*<sup>133</sup> Hiểu theo nghĩa này, chỉ những thông tin đã được định dạng dưới hình thức lưu trữ nhất định mới được coi là dữ liệu. Các thông tin mang tính chất “tin tức”, “sự kiện” trong đời sống xã hội, chưa được định dạng, lưu trữ đều không được coi là dữ liệu.

Từ khái niệm về dữ liệu nêu trên, có thể định nghĩa “*dữ liệu cá nhân*” là *mọi thông tin liên quan đến một cá nhân được định dạng dưới dạng văn bản, tệp tin, mã hóa, âm thanh, hình ảnh...* Một thông tin được coi là liên quan đến một cá nhân cụ thể nếu thông qua thông tin ấy có thể xác định được cá nhân đó, ví dụ như thông tin về số chứng minh thư, ngày tháng năm sinh, địa chỉ, mã số thuế, số căn cước công dân... Trong mọi trường hợp, việc kết hợp nhiều thông tin liên quan sẽ đem lại kết quả nhận dạng nhanh chóng và chính xác hơn. Ví dụ, kết hợp những thông tin về giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp... sẽ cho phép xác định một cá nhân dễ dàng hơn so với chỉ có một thông tin.

Trong bối cảnh sự phát triển bùng nổ của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, việc các cá nhân tham gia vào đời sống công nghệ và lưu trữ thông tin cá nhân của mình bằng các dữ liệu tin học ngày càng trở nên phổ biến. Một cá nhân có thể bị tổn hại lớn cả về vật chất lẫn tinh thần nếu các thông tin cá nhân bị đánh cắp hoặc bị làm sai lệch. Các doanh nghiệp sẽ không thể tồn tại và phát triển nếu các thông tin hoặc hệ thống thông tin bị đánh cắp hay bị phá hoại. Cải cách hành chính, chính phủ điện tử, thương mại điện tử và hàng loạt chương trình lớn của quốc gia sẽ không thể thực hiện được nếu an toàn thông tin không được đảm bảo.

##### 1.2. Quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân

---

<sup>133</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên), Đại Từ Điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, H., 1999, tr.367.

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt, “bí mật” được hiểu là *điều cần giữ kín trong phạm vi một số ít người, không để lộ cho người ngoài biết*.<sup>134</sup> Như vậy, có thể hiểu “bí mật dữ liệu cá nhân” là *những dữ liệu của một cá nhân mà người đó giữ kín, không muốn cho nhiều người biết, vì việc phổ biến, công khai những thông tin này có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đó*. Tuy nhiên, đối với những thông tin đã được công bố rộng rãi một cách hợp pháp, có chủ ý thì không được coi là bí mật cá nhân nữa, ví dụ như thông tin cá nhân trên mạng xã hội để ở chế độ công khai.

Ở cấp độ quốc tế, Công ước về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) năm 1966 khẳng định: “*Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy*” (Điều 17). Ở cấp độ quốc gia, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn*” (Điều 21).

Từ các quy định trên, có thể thấy quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân là một quyền con người nằm trong nội hàm của quyền được bảo vệ đời tư đã được khẳng định trong ICCPR và Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam.

Theo nhận thức chung, nội hàm của quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân bao gồm:

(i) Quyền được yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin chỉnh sửa thông tin cá nhân nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, chính xác của thông tin cá nhân của mình.

(ii) Quyền cho phép bên thứ ba tiếp cận thông tin cá nhân của mình.

(iii) Quyền yêu cầu Nhà nước hoặc chủ thể khác có liên quan có các biện pháp bảo đảm tính bí mật của thông tin, ví dụ như vô danh hóa thông tin cá nhân,...

(iv) Quyền yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin bồi thường khi có hành vi xâm phạm thông tin trái pháp luật, gây thiệt hại cho cá nhân.

Về phạm vi, nhận thức chung cho rằng quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân không phải là một quyền tuyệt đối. Trong một số trường hợp nhất định, Nhà nước có quyền tiết lộ bí mật dữ liệu cá nhân, khai thác dữ liệu bí mật cá nhân trái với ý muốn của cá nhân đó. Tuy nhiên, nhằm phòng ngừa sự lạm dụng quy định này để vi phạm quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, Điều 17 ICCPR

---

<sup>134</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên), Đại Từ Điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, H., 1999, tr.542.

yêu cầu các trường hợp như vậy phải được xác định rõ trong pháp luật quốc gia, và ngay cả trong các trường hợp được pháp luật quy định thì quy định đó cũng phải bảo đảm tính hợp lý. Tương tự như nhiều quyền con người khác, quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân có thể bị hạn chế để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội và các quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Trong những trường hợp như vậy, chủ thể nắm giữ có thể xử lý thông tin cá nhân của người khác mà không cần có sự đồng ý của người đó.

## 2. Quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân trong luật nhân quyền quốc tế

Luật nhân quyền quốc tế chưa có quy định cụ thể về quyền bí mật thông tin cá nhân, mà mới chỉ có quy định về quyền riêng tư.

Quyền riêng tư là một trong những quyền cơ bản của con người, được chính thức ghi nhận lần đầu tiên trong Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền năm 1948 (UDHR). Điều 12 Tuyên ngôn ghi nhận: *“Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nhà ở hoặc thư tín cũng như bị xúc phạm về nhân phẩm hoặc uy tín của cá nhân. Mọi người đều được pháp luật bảo vệ chống lại sự xúc phạm và can thiệp như vậy”*.

Quy định nêu trên sau đó được tái khẳng định trong Điều 17 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), trong đó nêu rằng: *“(1) Không ai bị can thiệp một cách độc đoán và bất hợp pháp đến đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín; hoặc bị xúc phạm một cách bất hợp pháp đến danh dự và uy tín. (2) Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại mọi sự can thiệp và xúc phạm như vậy”*.

Quyền riêng tư cũng được thừa nhận trong các công ước nhân quyền khu vực. Điều 8 Công ước Nhân quyền châu Âu (European Convention on Human Rights) năm 1950 xác định: *“Mọi người đều có quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình, nhà ở và thư từ. Sẽ không có sự can thiệp của một cơ quan công quyền với việc thực hiện quyền này, ngoại trừ những việc phù hợp với luật pháp và đó là sự cần thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn công cộng hoặc các phúc lợi kinh tế của đất nước, cho công tác phòng chống rối loạn hoặc tội phạm, để bảo vệ sức khỏe hoặc đạo lý, hay để bảo vệ các quyền tự do của người khác”*. Điều 11 Công ước Nhân quyền Châu Mỹ cũng có quy định về quyền riêng tư với nội dung tương tự.

Ngoài ra, ở cấp độ cụ thể hơn còn có Công ước của Hội đồng châu Âu năm 1981 về bảo vệ cá nhân đối với việc xử lý tự động của dữ liệu cá nhân (COE) và Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) về bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân giữa các quốc gia. Hai văn kiện này đặt ra các quy tắc cụ thể về xử lý dữ liệu cá nhân, bao gồm việc xử lý dữ liệu điện tử. Hai văn bản này có ảnh hưởng lớn đến pháp luật về vấn đề này của nhiều quốc

gia trên thế giới. Cụ thể, hiện đã có hầu hết quốc gia châu Âu ký kết Công ước COE, trong khi Hướng dẫn của OECD cũng được tham chiếu rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước không phải là thành viên OECD<sup>135</sup>.

Về nội hàm của quyền riêng tư, năm 2004, Tổ chức Bảo mật Quốc tế và Trung tâm bảo mật thông tin điện tử đã công bố báo cáo nghiên cứu với tiêu đề "Quyền riêng tư và nhân quyền" khái quát hoá sự phát triển của pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư ở 50 quốc gia từ năm 1997<sup>136</sup>. Theo đó, nội dung của quyền riêng tư được xác định như sau:

- Sự riêng tư về thông tin cá nhân: bao gồm việc ban hành các quy tắc quản lý trong việc thu thập và xử lý các dữ liệu cá nhân như thông tin tín dụng, hồ sơ y tế và các hồ sơ của chính quyền lưu trữ về công dân đó. Nó còn được gọi là "bảo vệ dữ liệu".

- Sự riêng tư về cơ thể: liên quan đến việc bảo vệ thân thể (vật chất) của người dân đối với hình thức xâm hại như xét nghiệm di truyền, thử nghiệm ma túy và thử nghiệm lâm sàng trên cơ thể.

- Sự riêng tư về thông tin liên lạc: bao gồm bảo mật và riêng tư về thư từ, bưu phẩm, điện thoại, thư điện tử và các hình thức truyền thông khác.

- Sự riêng tư về nơi cư trú: liên quan đến việc ban hành các giới hạn đối với sự xâm nhập vào môi trường sống của cá nhân, nơi làm việc hoặc không gian công cộng. Điều này bao gồm tìm kiếm thông tin, theo dõi bằng video và kiểm tra giấy tờ tùy thân.

Từ những trình bày ở trên, có thể thấy quyền riêng tư chính là quyền của cá nhân được bảo vệ những thông tin về đời sống của mình và gia đình mình khỏi sự xâm phạm của các chủ thể khác, và quyền bí mật thông tin cá nhân là một yếu tố của quyền riêng tư.

Về khái niệm thông tin/dữ liệu cá nhân, Hướng dẫn của OECD về bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân giữa các quốc gia đã đưa ra định nghĩa "dữ liệu cá nhân" có nghĩa là *bất kỳ thông tin nào liên quan đến hoặc cho phép xác định một cá nhân nhất định (đối tượng dữ liệu)*. Mặc dù chỉ mang tính chất khuyến nghị nhưng quy định này của OECD hiện được nhiều quốc gia trên thế giới công nhận và áp dụng.

Về giới hạn của quyền bảo vệ bí mật cá nhân nói riêng và quyền riêng tư nói chung, tại Bình luận chung số 16 của Ủy ban giám sát thực hiện ICCPR đã

---

<sup>135</sup> Đinh Tiến Dũng, "Quyền riêng tư trong Hiến pháp 2013 và các biện pháp bảo đảm bằng pháp luật", Tạp chí Thông tin và truyền thông, kỳ 1/6/2014.

<sup>136</sup> Đinh Tiến Dũng, "Quyền riêng tư trong Hiến pháp 2013 và các biện pháp bảo đảm bằng pháp luật", Tạp chí Thông tin và truyền thông, kỳ 1/6/2014.

nêu rằng: “*Với tất cả mọi người sống trong xã hội, việc bảo vệ bí mật riêng tư chỉ mang tính chất tương đối. Tuy nhiên, các nhà chức trách có thẩm quyền chỉ có quyền thu thập thông tin về đời tư của công dân khi những thông tin đó là cần thiết để bảo đảm lợi ích của cộng đồng như được quy định trong Công ước*”.<sup>137</sup> Như vậy, khi nhà chức trách muốn việc can thiệp vào đời tư của một cá nhân sẽ phải chứng minh rằng việc đó là dựa trên những cơ sở phù hợp với ICCPR. Thông thường, một quyết định can thiệp vào đời tư phải được người có thẩm quyền đưa ra theo quy định của luật và căn cứ vào từng trường hợp cụ thể. Việc thu thập và lưu giữ những thông tin cá nhân trên máy tính, các ngân hàng dữ liệu và các thiết bị khác, cho dù là bởi các nhân viên nhà nước, các cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực tư nhân hay công quyền, đều phải dựa trên cơ sở quy định của luật pháp. Các nhà nước phải áp dụng những cách thức hiệu quả để bảo đảm rằng những thông tin về đời tư của một người không lọt vào tay những người không được pháp luật cho phép xử lý và sử dụng, và không bao giờ được sử dụng cho mục đích trái với Công ước. Để bảo đảm sự bảo vệ đời tư hiệu quả nhất, mỗi cá nhân cần có quyền được biết những thông tin về bản thân mình được lưu trữ ở đâu, và cho những mục đích gì. Mỗi cá nhân cũng cần có khả năng xác định được tổ chức và cá nhân có trách nhiệm thu thập và quản lý những dữ liệu về bản thân mình. Nếu như hồ sơ lưu giữ không đúng thông tin cá nhân hay đã được thu thập hay xử lý trái với quy định pháp luật, mỗi cá nhân phải có quyền yêu cầu điều chỉnh và xoá bỏ những thông tin sai lệch.

### 3. Quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân trong pháp luật của một số quốc gia<sup>138</sup>

Quyền riêng tư hay quyền bảo vệ bí mật đời tư là các quyền cơ bản của con người được hầu hết Hiến pháp các quốc gia ghi nhận và bảo vệ. Một số ít quốc gia không quy định về quyền riêng tư trong Hiến pháp mà quy định trong các văn bản luật như Hoa Kỳ, Ireland và Ấn Độ.

Cùng với sự ra đời của công nghệ thông tin, sự quan tâm của các quốc gia đối với quyền riêng tư ngày càng tăng lên trong những năm 1970. Kể từ đầu thập kỷ 1970, các quốc gia đã bắt đầu xây dựng luật nhằm bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân. Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân đầu tiên trên thế giới được ban hành bởi bang Hessen ở Đức vào năm 1970, sau đó là Thụy Điển (1973), Đức (toàn liên bang, 1977) và Pháp (1978). Sau đó trên thế giới diễn ra một phong trào xây dựng và thông qua luật về bảo vệ quyền riêng tư mà hầu hết dựa trên các hướng dẫn của OECD và Hội đồng châu Âu.

---

<sup>137</sup> Human Rights Committee, *General Comment No. 16 - Article 17 (The right to respect of privacy, family, home and correspondence, and protection of honour and reputation)*, tại [http://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=8&DocTypeID=11](http://tbinternet.ohchr.org/_layouts/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=8&DocTypeID=11)

<sup>138</sup> Xem thêm Báo cáo Quyền riêng tư và nhân quyền tại <http://gilc.org/privacy/survey/intro.html>.

Các quốc gia xây dựng luật về quyền riêng tư hay luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân xuất phát từ một hoặc nhiều lý do. Một là, nhiều quốc gia, đặc biệt ở Trung Âu, Nam Mỹ và Nam Phi, xây dựng luật này để khắc phục vi phạm quyền riêng tư đã xảy ra dưới chế độ độc tài trước đó. Hai là, nhiều quốc gia, đặc biệt ở châu Á và Canada, xây dựng luật này nhằm thúc đẩy thương mại điện tử mà theo đó, pháp luật cần thiết lập các quy tắc thống nhất để bảo đảm cho người tiêu dùng yên tâm sử dụng thương mại điện tử mà không lo sợ thông tin cá nhân của họ bị đánh cắp và phổ biến trên toàn thế giới. Ba là, hầu hết các nước ở Trung và Đông Âu xây dựng luật này để đáp ứng các điều kiện gia nhập Liên minh Châu Âu; trên cơ sở các hướng dẫn, chỉ thị, công ước của Hội đồng Châu Âu và Liên minh Châu Âu về bảo vệ dữ liệu. Trong khi đó, nhiều quốc gia ở khu vực khác xây dựng luật này để bảo đảm thương mại không bị ảnh hưởng bởi các yêu cầu của EU.

Về cơ bản, pháp luật của các quốc gia đều ghi nhận nguyên tắc thông tin cá nhân chỉ được thu thập một cách công bằng và hợp pháp, chỉ sử dụng cho mục đích quy định ban đầu, bảo đảm tính chính xác, cập nhật và bị hủy đi sau khi mục đích của nó đã được hoàn thành. Hầu hết các quốc gia đều nghiêm cấm việc thu thập hay xử lý những dữ liệu cá nhân mà làm lộ, một cách trực tiếp hay gián tiếp, nguồn gốc chủng tộc hay dân tộc, quan điểm chính trị, triết lý hay tôn giáo hoặc nghiệp đoàn mà các cá nhân tham gia, hay những thông tin liên quan đến sức khỏe, đời sống tình dục của họ. Các loại thông tin đó chỉ được phép thu thập khi có sự đồng ý của đối tượng dữ liệu.

Về mô hình pháp luật bảo vệ quyền riêng tư, hầu hết pháp luật của các quốc gia châu Âu, Úc, Hồng Kông, New Zealand, Trung và Đông Âu và Canada quy định một luật chung về quyền riêng tư, đồng thời thành lập *cơ quan chuyên trách* chịu trách nhiệm giám sát thi hành luật bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ quan này giám sát việc tuân thủ pháp luật và tiến hành điều tra các cáo buộc về hành vi vi phạm. Cơ quan này cũng có trách nhiệm hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ dữ liệu và truyền dữ liệu. Đây là mô hình ưu tiên cho hầu hết các nước áp dụng pháp luật bảo vệ dữ liệu.

Một số quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc.. không quy định một quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân nói chung mà để pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể, ví dụ: pháp luật về tài chính quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân về tài chính... Cách quy định đó có hạn chế là pháp luật thường bị lạc hậu hơn sự phát triển của công nghệ, do vậy, trong trường hợp không có các quy định mang tính nguyên tắc chung thì có thể dẫn đến việc thiếu các biện pháp pháp lý bảo vệ bí mật thông tin cá nhân trong các ngành, lĩnh vực cụ thể. Ở các nước khác, thông thường pháp luật chuyên ngành được sử dụng để bổ khuyết cho các quy định chung,



cung cấp những biện pháp bảo vệ toàn diện, chi tiết hơn cho các loại thông tin đặc thù.

#### 4. Những kinh nghiệm cho Việt Nam

##### 4.1. *Khái quát khuôn khổ pháp luật Việt Nam về quyền được bảo vệ bí mật cá nhân*

Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta đã quy định: "*Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật*" (Điều 11). Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) lại một lần nữa nhấn mạnh điều này: "*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.*" (Điều 71); "*Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp pháp luật cho phép. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.*" (Điều 73).

Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: "*(1) Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. (2) Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác*".

Hiến pháp năm 2013, bên cạnh việc kế thừa các quy định của các bản Hiến pháp trước đây, theo đó khẳng định quyền riêng tư của cá nhân là bất khả xâm phạm, mà còn mở rộng phạm vi quyền riêng tư không chỉ là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín mà còn bao gồm quyền bảo vệ bí mật cá nhân, trong đó có thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Mặc dù Hiến pháp chưa quy định cụ thể nội hàm cụ thể của thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nhưng đây là cơ sở hiến định quan trọng để các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác nghiên cứu, cụ thể hóa.

Trước khi có Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về bảo vệ *quyền bí mật đời tư của cá nhân*<sup>139</sup> nhưng không nêu rõ nội hàm của bí

---

<sup>139</sup> Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nguyên tắc "Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, chưa đủ mười lăm tuổi thì phải được cha,

mật đời tư bao gồm những thông tin nào. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền riêng tư trên cơ sở quy định tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013, theo đó khẳng định: “*Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ*”. Điều 38 Bộ luật Dân sự 2015 cũng quy định: “(2) *Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.* (3) *Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.*(4) *Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”

Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: “*Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý*” (khoản 2 Điều 7).

Luật an toàn thông tin mạng năm 2015 dành hẳn một mục (Mục 2) quy định về bảo vệ thông tin cá nhân. Luật này quy định nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, theo đó “(1). *Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng.* (2). *Cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với thông tin do mình xử lý*” (Điều 16). Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm tiến hành thu thập thông tin cá nhân sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó; chỉ sử dụng thông tin cá nhân đã thu thập vào mục đích khác mục đích ban đầu sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân; không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18 Luật an toàn thông tin mạng quy định chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ hoặc

---

mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý, trừ trường hợp thu thập, công bố thông tin, tư liệu theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.”

ngừng cung cấp thông tin cá nhân của mình cho bên thứ ba. Ngay khi nhận được yêu cầu của chủ thể thông tin cá nhân về việc cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân hoặc đề nghị ngừng cung cấp thông tin cá nhân cho bên thứ ba, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và thông báo lại cho chủ thể thông tin cá nhân hoặc cung cấp cho chủ thể thông tin cá nhân quyền tiếp cận để tự cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của mình do tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân đang lưu trữ. Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin còn phải áp dụng các biện pháp phù hợp để bảo vệ thông tin cá nhân; thông báo lại cho chủ thể thông tin cá nhân đó trong trường hợp chưa thực hiện được yêu cầu do yếu tố kỹ thuật hoặc yếu tố khác.

Một số luật chuyên ngành cũng có quy định về bảo vệ bí mật thông tin liên quan đến đời tư của cá nhân như:

+ *Trong lĩnh vực tố tụng*: bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân, quyền được xét xử kín theo yêu cầu chính đáng của công dân nhằm bảo đảm bí mật của đương sự, quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; không được tiết lộ bí mật điều tra,... (Điều 8, 18 và 124 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

+ *Trong lĩnh vực tín dụng*: không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... (Điều 12 Luật các tổ chức tín dụng).

+ *Trong lĩnh vực báo chí, xuất bản*: Nghiêm cấm tiết lộ thông tin bí mật đời tư của cá nhân theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền từ chối cung cấp thông tin cho báo chí trong trường hợp thông tin thuộc bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật. Cơ quan báo chí và nhà báo có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ người cung cấp thông tin, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (Điều 9, 25 và Điều 38 Luật báo chí năm 2016).

Luật xuất bản năm 2012 nghiêm cấm việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có nội dung tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định (điểm c khoản 1 Điều 10).

+ *Trong lĩnh vực y tế*: người khám bệnh được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án; hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh); thầy thuốc và nhân viên y tế có

trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh (khoản 3 Điều 33 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm). Tuy nhiên thông tin này có thể được công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.

+ Trong lĩnh vực thương mại điện tử: Điều 46 Luật giao dịch điện tử 2005 quy định về bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn các biện pháp bảo mật phù hợp với quy định của pháp luật khi tiến hành giao dịch điện tử. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet: “Thông tin trên mạng là thông tin được lưu trữ, truyền đưa, thu thập và xử lý thông qua mạng” (khoản 13 Điều 3); trong đó chia làm các loại: “Thông tin công cộng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân được công khai cho tất cả các đối tượng mà không cần xác định danh tính, địa chỉ cụ thể của các đối tượng đó” (khoản 14 Điều 3); “Thông tin riêng là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể” (khoản 15 Điều 3); “Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật” (khoản 16 Điều 3).

Như vậy, có thể thấy, khái niệm về bí mật cá nhân và bí mật dữ liệu cá nhân chưa được quy định cụ thể trong Hiến pháp và các luật chuyên ngành. Mặc dù khái niệm “thông tin cá nhân” đã được quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP nhưng cũng chưa được phân tích cụ thể về nội hàm và vẫn sử dụng cụm từ “theo quy định của pháp luật”. Do chưa có khái niệm cụ thể về thông tin cá nhân nên pháp luật cũng chưa quy định khái niệm và nội hàm của quyền bảo vệ bí mật thông tin cá nhân.

Cụ thể hóa quy định về quyền riêng tư, quyền bảo vệ bí mật đời tư trong các bản Hiến pháp, các luật chuyên ngành về cơ bản đã khẳng định việc nghiêm cấm tiết lộ bí mật đời tư, thông tin cá nhân khi chưa có sự đồng ý của chủ thể của thông tin. Dù vậy, trong một số trường hợp, thông tin cá nhân cần được công khai hoặc cung cấp theo yêu cầu nếu việc công bố, cung cấp đó là cần thiết vì lợi ích của cộng đồng. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định trường hợp, điều

kiện nào thì thông tin cá nhân được công bố vì lợi ích cộng đồng. Điều này gây lúng túng trong thực tiễn áp dụng và gây ra tình trạng một số trường hợp cơ quan, tổ chức lợi dụng quy định này để cung cấp, công bố thông tin thuộc bí mật đòi tư mà không được sự cho phép của người đó, hoặc cung cấp thông tin thuộc bí mật đòi tư sai sự thật, dẫn đến gây bất bình trong nhân dân.

#### *4.2. Những yêu cầu đặt ra với Việt Nam trong việc thực hiện pháp luật quốc tế về quyền được bảo vệ bí mật cá nhân*

Việt Nam là một quốc gia tham gia khá nhiều điều ước quốc tế về nhân quyền, trong đó có ICCPR là công ước quy định cụ thể về quyền riêng tư mà bao hàm quyền bảo vệ bí mật cá nhân. Công ước này được Việt Nam tham gia từ đầu thập kỷ 1980. Nó đặt ra nhiều yêu cầu trong đó trước hết là yêu cầu ‘nội luật hoá’ các quy định của Công ước vào hệ thống pháp luật Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 đã cho thấy một bước ngoặt mới về nhận thức và khuôn khổ hiến định về quyền con người ở nước ta. Hầu hết các quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013 là các quy định đã được sửa đổi, bổ sung so với Hiến pháp 1992. Quyền đòi tư – như đã phân tích ở mục trên – cũng thể hiện những điểm mới tiên bộ. Theo quy định của Hiến pháp 2013, các quyền con người hiến định cần phải được thể chế hoá trong các luật chuyên ngành. Mặc dù việc này đã được thực hiện trong các Bộ luật Dân sự, Luật tiếp cận thông tin và một số luật và văn bản pháp quy khác, hiện vẫn còn một số khía cạnh của quyền này chưa được làm rõ, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật cho phù hợp.

Trong vấn đề trên, yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần phải pháp điển hoá quyền bảo vệ bí mật cá nhân mà hiện nay đã được quy định rải rác trong một số văn bản pháp luật nhưng còn thiếu và chưa hoàn thiện. Yêu cầu tiếp theo là cần xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi, trong đó tính đến những đặc thù của quyền này. Một yêu cầu chung đó là cần bảo đảm sự tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế trong pháp luật và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bảo vệ bí mật cá nhân.

#### *4.3. Những bài học kinh nghiệm của các quốc gia về bảo vệ quyền được bảo vệ bí mật cá nhân mà Việt Nam có thể tiếp thu*

##### *(1) Xây dựng Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Như đã phân tích ở trên, Hiến pháp năm 2013 đã quy định mang tính nguyên tắc về quyền bảo vệ bí mật đòi tư, bí mật cá nhân trong đó có thông tin cá nhân. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định khung pháp lý chung để bảo vệ quyền này. Mặc dù Bộ luật dân sự năm 2015, Luật an toàn thông tin mạng 2015 bước đầu đã đề cập đến quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân của công dân song các quy định còn mang tính chất nguyên tắc, chưa

có các biện pháp để xác định hành vi vi phạm và chế tài áp dụng. Bên cạnh đó, các quy định cơ bản mới dừng lại ở phạm vi thông tin trên mạng Internet mà chưa bao quát mọi thông tin cá nhân nói chung. Mặc dù các luật chuyên ngành đã có quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong một số lĩnh vực nhưng tính khái quát chưa cao, đồng thời chưa xác định các trường hợp ngoại lệ của quyền bảo vệ bí mật thông tin cá nhân. Hiện nay, với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin và các dịch vụ cung ứng qua môi trường mạng, đòi hỏi chúng ta cần nhanh chóng xây dựng cơ chế pháp lý toàn diện và đầy đủ để bảo vệ quyền bí mật thông tin cá nhân, bảo đảm cho cá nhân tham gia các giao dịch qua mạng điện tử một cách an toàn.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu để ban hành một văn bản luật riêng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân là cần thiết. Đây là điều mà nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện và đã chứng minh tính hiệu quả.

Từ các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và kinh nghiệm của một số quốc gia khác, dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân cần đưa là khái niệm thông tin/dữ liệu cá nhân. làm cơ sở nền tảng để pháp luật chuyên ngành căn cứ vào đó quy định chi tiết, cụ thể hơn về thông tin cá nhân trong từng lĩnh vực; quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên liên quan đối với dữ liệu cá nhân, bao gồm: quyền của đối tượng dữ liệu; nghĩa vụ của Nhà nước, chủ thể thu thập và xử lý dữ liệu; nghĩa vụ của bên thứ ba; quy định các trường hợp hạn chế quyền bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, trình tự, thủ tục xử lý dữ liệu trong các trường hợp này như thế nào. Bên cạnh đó, dự án Luật cần quy định cơ chế bảo vệ quyền theo hướng nghiên cứu thành lập cơ quan chuyên trách theo dõi, giám sát việc thực thi quyền này trên thực tế.

## *(2) Hoàn thiện pháp luật chuyên ngành về bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Bên cạnh việc nghiên cứu xây dựng Luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần rà soát một cách hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành có quy định về thông tin cá nhân nhằm:

- Bãi bỏ các quy định hạn chế quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trái với quy định của Hiến pháp và Luật chung do vi phạm về hình thức (ban hành dưới hình thức văn bản dưới luật) và về nội dung (hạn chế quyền ngoài 4 trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013).

- Cập nhật, bổ sung các thông tin cá nhân trong từng ngành, lĩnh vực, bảo đảm quy định đầy đủ những thông tin cá nhân cần được bảo vệ.

- Thiết lập các cơ chế bảo vệ quyền bí mật thông tin cá nhân trong từng ngành, lĩnh vực, trong trường hợp cần thiết cần quy phạm hóa các giải pháp công nghệ tiên tiến để bảo vệ quyền này, ví dụ: các cơ chế bảo mật thông tin tin

dụng, vô danh hóa các thông tin trong lĩnh vực giáo dục, khám chữa bệnh; điều kiện về công nghệ đối với lĩnh vực kinh doanh thương mại điện tử, viễn thông...

*(3) Tăng cường các quy định về bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân trong pháp luật hình sự và hành chính*

Hiện nay, Điều 125 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác. Quy định này được kế thừa trong Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực) quy định tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác. Pháp luật hình sự của nước ta hiện vẫn chưa quy định hành vi xử lý (thu thập, phát tán, tiêu hủy, sửa đổi...) thông tin cá nhân trái pháp luật như là một hành vi nguy hiểm cho xã hội và phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong khi đó, thực tế đời sống cho thấy các hành vi này ngày càng trở nên phổ biến, gây thiệt hại cả về vật chất và tinh thần cho đối tượng dữ liệu. Do vậy, việc mở rộng phạm vi các tội xâm phạm quyền tự do, quyền riêng tư của cá nhân trong đó có quyền bảo vệ bí mật thông tin cá nhân là cần được nghiên cứu thấu đáo, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Ngoài ra, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực cũng cần được rà soát để bổ sung và miêu tả cụ thể hơn các hành vi xâm phạm quyền bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân, làm cơ sở cho việc quy định các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính tương ứng và phù hợp.

## *Chuyên đề 9*

# **Nghiên cứu pháp luật của một số nước khu vực Đông Nam Á về bí mật dữ liệu cá nhân, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và một số kinh nghiệm cho Việt Nam**

*TS. Nguyễn Thị Kim Ngân*

*Khoa Pháp luật quốc tế - Trường Đại học Luật Hà Nội*

## **1. Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Singapore**

### *a. Các văn bản pháp luật của Singapore về bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Nghị viện Singapore đã thông qua Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.<sup>140</sup> Luật này được ban hành nhằm điều chỉnh các hoạt động thu thập, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân. Luật công nhận quyền của các cá nhân trong việc bảo vệ các dữ liệu cá nhân của chính họ, đồng thời thừa nhận sự cần thiết của việc các tổ chức tiến hành thu thập, sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân vì những mục đích phù hợp với những hoàn cảnh nhất định. Luật bao gồm 68 điều đề cập đến các nội dung chính sau:

+ Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

+ Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan trong việc thu thập, sử dụng, tiết lộ, sửa chữa... dữ liệu cá nhân;

+ Bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân;

+ Chuyển giao dữ liệu cá nhân ra ngoài lãnh thổ Singapore;

+ Giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến dữ liệu cá nhân;...

Ngoài Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, một số văn bản pháp luật chuyên ngành của Singapore cũng có các quy định về vấn đề này như:<sup>141</sup>

- Luật An ninh mạng và máy tính đã hình sự hoá các hành vi truy cập trái phép thông tin. Tuy nhiên, Luật này lại không điều chỉnh các hoạt động thu thập thông tin hợp pháp;

- Luật Bí mật công vụ, Luật Thống kê... điều chỉnh các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong khối cơ quan Nhà nước ;

- Luật Giao dịch điện tử, Luật Ngân hàng, Luật Viễn thông... điều chỉnh các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân trong khu vực tư nhân .

---

<sup>140</sup>

Personal

Data

Protection

Act

2012, <http://statutes.agc.gov.sg/aol/search/display/view.w3p?page=0;query=DocId%3Aea8b8b45-51b8-48cf-83bf-81d01478e50b%20Depth%3A0%20Status%3Ainforce;rec=0>

<sup>141</sup> Data protection in Singapore: overview, [http://us.practicallaw.com/6-579-6345?q=\\*%&qp=](http://us.practicallaw.com/6-579-6345?q=*%&qp=)



Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích các quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2012.

*b. Một số nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2012*

*\* Định nghĩa dữ liệu cá nhân*

Dữ liệu cá nhân theo quy định của Điều 2.1 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân là các dữ liệu, dù đúng hay sai, về một cá nhân mà có thể xác định được danh tính của họ từ các dữ liệu đó; hoặc từ các dữ liệu đó và các thông tin khác mà các tổ chức có hoặc có thể có quyền truy cập

Một số loại thông tin cá nhân được loại trừ:

- + Thông tin liên hệ kinh doanh;
- + Thông tin về một cá nhân được lưu lại trong các bản ghi đã tồn tại ít nhất 100 năm;
- + Thông tin cá nhân về một người đã mất hơn 10 năm;
- + Thông tin cá nhân đã được công khai.

*\* Phạm vi áp dụng của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân:*

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân áp dụng đối với tất cả các cá nhân, tổ chức được thành lập hoặc được công nhận theo pháp luật Singapore; hoặc có nơi cư trú hoặc văn phòng đại diện hoặc khu vực kinh doanh tại Singapore. Đặc biệt, Luật chỉ áp dụng nếu các dữ liệu cá nhân được thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ tại Singapore. Tuy nhiên, Luật cũng xác lập nguyên tắc bảo vệ các dữ liệu cá nhân được chuyển giao qua biên giới; theo đó các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo rằng các dữ liệu cá nhân được chuyển ra khỏi Singapore cũng sẽ có được sự bảo vệ tương đương như sự bảo vệ theo quy định của Luật này.

*\* Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan*

- Đối với chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân, có những quyền và nghĩa vụ chính sau đây được xác lập:

+ Chỉ được thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân nếu được sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân. Sự đồng ý này có thể được thể hiện một cách rõ ràng hoặc thông qua ngầm định. Sự đồng ý ngầm định thường trong trường hợp cá nhân tự nguyện (hoặc có căn cứ hợp lý để cho rằng cá nhân tự nguyện) cung cấp dữ liệu cá nhân vì mục đích nhất định.

Tuy nhiên, Điều 14.2 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân lại quy định về những trường hợp, mặc dù được thể hiện một cách rõ ràng, nhưng sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân lại không có giá trị:

. Sự đồng ý như là một điều kiện để được cung cấp một sản phẩm hoặc dịch vụ mà sự đồng ý này vượt xa những gì là hợp lý để được cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ đó;

. Sự đồng ý có được thông qua việc đưa ra thông tin sai lệch hoặc gây hiểu nhầm hoặc sử dụng các hành vi lừa đảo.

Chủ dữ liệu cá nhân có thể rút sự đồng ý của mình vào bất kỳ thời gian nào. Chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân không được ngăn cản chủ dữ liệu cá nhân rút sự đồng ý của mình. Tuy nhiên, chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân phải thông báo cho chủ dữ liệu cá nhân về các hậu quả của hành vi rút đồng ý. Nếu chủ dữ liệu cá nhân rút đồng ý, các hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân phải được chấm dứt, trừ khi việc lưu giữ, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu được thực hiện theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trong một số trường hợp, các hành vi thu thập, lưu giữ, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân không cần đáp ứng các yêu cầu của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (sự đồng ý của chủ dữ liệu):

. Trường hợp rõ ràng là vì lợi ích của chủ dữ liệu cá nhân và sự đồng ý không thể có được một cách kịp thời;

. Trường hợp khẩn cấp, hoặc thực sự cần thiết vì lợi ích quốc gia;

. Trường hợp thu hồi nợ;

. Trường hợp cung cấp các dịch vụ pháp lý;

. Trường hợp vì mục đích nghiên cứu, bao gồm các nghiên cứu mang tính lịch sử hoặc thống kê;

. Trong trường hợp vì mục đích đánh giá.

+ Chỉ được thu thập, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân vì những mục đích nhất định như đã thông báo cho chủ dữ liệu khi thu thập thông tin;

+ Đảm bảo tính chính xác, toàn diện và cập nhật của dữ liệu được thu thập, lưu giữ, sử dụng;

+ Áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để bảo vệ dữ liệu cá nhân trước các hành động truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ, sao chép... trái phép hoặc các rủi ro tương tự. Tính phù hợp của các biện pháp an ninh phụ thuộc vào tính chất của dữ liệu, hình thức thu thập dữ liệu, các ảnh hưởng tới cá nhân có liên quan nếu như dữ liệu về họ được thu thập, sửa đổi hoặc loại bỏ một cách trái phép...

+ Phải ngừng ngay việc lưu giữ dữ liệu cá nhân nếu như: mục đích ban đầu của việc thu thập dữ liệu cá nhân không còn; hoặc việc lưu giữ dữ liệu cá nhân không còn cần thiết cho các mục đích kinh doanh hoặc pháp lý;

+ Được chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba trên cơ sở Hợp đồng chuyển giao. Hợp đồng chuyển giao này phải tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức theo pháp luật Singapore.

Không được chuyển giao bất kỳ dữ liệu cá nhân nào ra khỏi Singapore trừ khi người nhận chuyển giao đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ tương tự đối với dữ liệu cá nhân như Luật này;

+ Khi có yêu cầu, phải cung cấp cho công chúng những thông tin về thực tiễn bảo vệ dữ liệu cá nhân, thủ tục và quy trình giải quyết khiếu nại.

- Đối với chủ dữ liệu cá nhân, có những quyền và nghĩa vụ chính sau đây được xác lập:

+ Quyền được truy cập vào dữ liệu cá nhân của mình.

Tuy nhiên, quyền này của chủ dữ liệu cá nhân có một số ngoại lệ được quy định tại Điều 21 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân như: việc truy cập đe dọa sự an toàn hoặc sức khỏe thể chất, tinh thần của chính chủ dữ liệu cá nhân hoặc cá nhân khác; tiết lộ dữ liệu về một cá nhân khác; đi ngược lại lợi ích quốc gia;...

+ Quyền yêu cầu sửa chữa những sai sót liên quan đến dữ liệu cá nhân của mình. Ngoại lệ của quyền này được quy định tại Điều 22.6 và 22.7 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân: không sửa chữa các ý kiến của các chuyên gia hoặc ý kiến mang tính chuyên môn...

+ Quyền được biết về mục đích thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu trước khi các hoạt động này diễn ra;

+ Quyền được yêu cầu cung cấp các thông tin về chính sách, thực tiễn và quy trình giải quyết khiếu nại của chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân.

*\* Cơ chế bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Theo Chương II Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân được thành lập với các chức năng chính sau:

- Nâng cao nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, quản lý hoặc các dịch vụ đặc biệt khác liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Tham mưu cho Chính phủ về tất cả các vấn đề liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Đại diện cho Chính phủ trong các quan hệ quốc tế liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Triển khai các nghiên cứu và thúc đẩy các hoạt động giáo dục liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân; bao gồm tổ chức và thực hiện các cuộc hội thảo, tọa đàm, gặp gỡ;

- Quản lý các hoạt động hợp tác và trao đổi kỹ thuật liên quan tới bảo vệ dữ liệu cá nhân với các tổ chức khác, bao gồm cả các tổ chức quốc tế liên chính phủ;

- Điều hành và triển khai thực hiện Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Thực hiện các chức năng theo quy định của các văn bản pháp luật khác.

Để triển khai thực hiện các quy định của Luật, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân có quyền:

+ Xem xét khiếu nại liên quan đến Điều 21 (truy cập dữ liệu cá nhân), và Điều 22 (sửa chữa dữ liệu cá nhân) của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân:

. Với sự đồng ý của người khiếu nại và chủ thể liên quan, Ủy ban tham khảo ý kiến hoà giải nếu như Ủy ban cho rằng hoà giải là biện pháp thích hợp để giải quyết khiếu nại (Điều 27.1 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân);

. Có hoặc không có sự đồng ý của người khiếu nại và chủ thể liên quan, Ủy ban đưa ra các quyết định giải quyết đối với các bên (Điều 27.2 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân). Các quyết định này có thể là: ngừng việc thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân, huỷ dữ liệu cá nhân... (Điều 29.2 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân);

. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân được bảo đảm thi hành bằng các quyết định của Tòa án theo đúng trình tự pháp luật quy định (Điều 30 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân);

. Quyết định của Ủy ban có thể được chính Ủy ban xem xét lại nếu như có đơn kiến nghị của các chủ thể liên quan. Phần VIII Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng quy định về thủ tục phúc thẩm tại Ban phúc thẩm hoặc tại Tòa án đối với các quyết định của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân

+ Tiến hành một cuộc điều tra theo quy định tại Điều 50 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân để xác định hành vi vi phạm Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khi thực hiện hoạt động này, Ủy ban có quyền yêu cầu chủ thể liên quan cung cấp tài liệu hoặc thông tin.

*\* Biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

- Cá nhân bị thiệt hại bởi hành vi vi phạm bí mật dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân có thể khởi kiện theo trình tự tố tụng dân sự để được yêu cầu bồi thường;

- Cá nhân vi phạm sẽ bị áp dụng hình thức phạt tiền hoặc tù giam hoặc cả hai đối với các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Mức hình phạt tùy thuộc vào hành vi vi phạm:

+ Phạt tiền từ S\$2.000 tới S\$100.000 hoặc/và

+ Phạt tù không quá 12 tháng, trong một số trường hợp vi phạm nghiêm trọng hình thức phạt tù có thể lên tới 3 năm.

- Hành vi không thực hiện các quyết định của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân có thể bị phạt tiền lên tới S\$1.000.000.

- Trong Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân còn quy định về việc các cá nhân được đăng ký các số điện thoại cấm gọi (Do not Call) và hành vi cố tình gọi hoặc nhắn tin vào các số điện thoại này để quảng cáo, tiếp thị... của các nhà cung cấp dịch vụ, hàng hoá có thể bị phạt tiền lên tới S\$10.000.

## 2. Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Thái Lan

### a. Các văn bản pháp luật của Thái Lan về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Hiện nay, Thái Lan chưa ban hành một đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật sau đã xác lập khuôn khổ pháp lý chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân:

- Hiến pháp Thái Lan năm 2007: Điều 35 Hiến pháp Thái Lan năm 2007 ghi nhận quyền bảo vệ bí mật đời tư là một trong các quyền và tự do cơ bản của công dân Thái Lan:

“Quyền gia đình, nhân phẩm, uy tín và quyền bí mật đời tư của một cá nhân sẽ được bảo vệ.

Không được khẳng định hoặc lưu hành một tuyên bố hoặc hình ảnh vi phạm hoặc làm ảnh hưởng tới quyền gia đình, nhân phẩm, uy tín và quyền bí mật đời tư của một cá nhân, bằng bất cứ phương thức nào, trừ trường hợp có lợi cho cộng đồng.

Dữ liệu cá nhân của một người sẽ được bảo vệ khỏi sự truy cập bất hợp pháp theo các quy định của pháp luật”<sup>142</sup>.

- Các đạo luật chuyên ngành của Thái Lan như Bộ luật Dân sự và Thương mại, Luật Viễn thông, Luật Ngân hàng, Luật Kinh doanh tài chính, Luật Giao dịch điện tử... cũng xác lập cơ chế bảo vệ đối với dữ liệu cá nhân trước các hành động thu thập, sử dụng, tiết lộ, chuyển giao thông tin một cách bất hợp pháp.<sup>143</sup>

<sup>142</sup>Constitution of the Kingdom of Thailand 2007 <http://www.asianlii.org/th/legis/const/2007/1.html>

<sup>143</sup>Data protection in Thailand: Overview, <http://us.practicallaw.com/0-520-0782>

- Trong các hoạt động công vụ, các hành vi thu thập và lưu giữ thông tin cá nhân của các cơ quan chính phủ được điều chỉnh bởi Luật Thông tin công vụ năm 1997. Luật này có một số nội dung chính: xác lập các yêu cầu đối với hệ thống dữ liệu cá nhân được vận hành bởi các cơ quan chính phủ; xác lập giới hạn tiết lộ dữ liệu cá nhân; trao quyền cho các cá nhân được yêu cầu sửa đổi, bổ sung dữ liệu cá nhân của mình được các cơ quan chính phủ lưu giữ.<sup>144</sup>

Hội đồng quốc gia của Thái Lan gần đây đã cân nhắc việc thông qua Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Dự thảo này:

+ Dữ liệu cá nhân được bảo vệ để hạn chế việc thu thập, sử dụng, tiết lộ và chuyển giao bất kỳ thông tin cá nhân nào mà không có sự đồng ý của người đó;

+ Xác lập chế tài hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bất kỳ hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân một cách bất hợp pháp;

+ Thành lập Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân để giám sát việc tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.<sup>145</sup>

*b. Một số nội dung cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong pháp luật Thái Lan*

*\* Định nghĩa dữ liệu cá nhân*

Chưa có định nghĩa về dữ liệu cá nhân được đề cập trong các văn bản pháp luật hiện hành của Thái Lan. Tuy nhiên theo Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân được hiểu là:

- Bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào liên quan tới một cá nhân, cho phép xác định danh tính của người đó, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, nhưng không bao gồm đơn thuần tên, chức vụ, nơi làm việc hoặc địa chỉ kinh doanh và dữ liệu thuộc về người đã khuất.

- Các thông tin và dữ liệu này có thể dưới hình thức tài liệu, tập tin, báo cáo, sổ sách, biểu đồ, ảnh chân dung, hình ảnh, phim, bản ghi hình ảnh hoặc âm thanh có thể lưu giữ trong máy tính hoặc bất kỳ phương tiện nào khác có thể được sử dụng để làm bản ghi thông tin và dữ liệu có thể được nhìn thấy.

*\* Phạm vi áp dụng của các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Theo quy định của các văn bản pháp luật Thái Lan, các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng đối với:

- Bất kỳ thực thể nào được thành lập tại Thái Lan;

---

<sup>144</sup>Official Information Act 1997, [http://www.asianlii.org/th/legis/consol\\_act/oia1997197/](http://www.asianlii.org/th/legis/consol_act/oia1997197/)

<sup>145</sup>Data protection in Thailand: Overview, <http://us.practicallaw.com/0-520-0782>

- Bất kỳ thực thể nào có văn phòng đại diện tại Thái Lan;
- Công dân Thái Lan;
- Người nước ngoài cư trú tại Thái Lan.

*\* Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan*

- Đối với chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân, chủ thể này có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

+ Chỉ thu thập dữ liệu cá nhân phục vụ cho các hoạt động được phép tiến hành thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và cá nhân đó; không thu thập các dữ liệu thông tin nhạy cảm (ví dụ như thông tin về các khuyết tật thể chất và tinh thần...);

Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định khi tiến hành thu thập dữ liệu của một cá nhân, chủ thể thu thập có nghĩa vụ phải thông tin cho người đó: mục đích thu thập; loại dữ liệu được thu thập; cá nhân, tổ chức sẽ được sử dụng dữ liệu; các thông tin về chủ thể thu thập như địa chỉ liên hệ, phương thức liên hệ; quyền và nghĩa vụ của các bên.

+ Việc sử dụng, tiết lộ, phát tán thông tin cá nhân phải có sự đồng ý của cá nhân đó, trừ trường hợp vì mục đích bảo vệ an ninh quốc gia hoặc nhằm thực hiện yêu cầu của toà án, cơ quan chính phủ; việc chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba cũng cần có sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân.

Sự đồng ý của chủ dữ liệu cá nhân phải được thể hiện một cách rõ ràng.

Theo Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, sự đồng ý phải được thể hiện bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện điện tử. Tuy nhiên, sự đồng ý mang tính ngầm định cũng được thừa nhận trong một số trường hợp nhất định. Ví dụ như Luật Giao dịch điện tử của Thái Lan năm 2001 quy định: bằng cách nhập vào hoặc thực hiện thanh toán chi phí cho việc sử dụng một số dịch vụ, người dùng được coi là đồng ý với các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ, trong đó có thể bao gồm cả việc tiết lộ các thông tin cá nhân.<sup>146</sup>

+ Áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Các biện pháp này được đề cập trong các đạo luật chuyên ngành của Thái Lan như Luật Giao dịch điện tử, Luật Ngân hàng...

Theo Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân phải:

---

<sup>146</sup> Data protection in Thailand: Overview, <http://us.practicallaw.com/0-520-0782>

. Áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để ngăn ngừa việc mất mát, truy cập, thay thế, sửa chữa, tiết lộ hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân một cách bất hợp pháp;

. Áp dụng các biện pháp ngăn ngừa bên thứ ba sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân mà không có sự cho phép, trong trường hợp dữ liệu cá nhân được yêu cầu chuyển cho bên thứ ba;

. Hủy bỏ dữ liệu cá nhân khi hết thời hạn lưu trữ, khi dữ liệu cá nhân không liên quan, dữ liệu cá nhân không cần thiết vượt quá mục đích nhất định hoặc các dữ liệu cá nhân được chủ dữ liệu đồng ý thu hồi, trừ trường hợp cần được lưu giữ vì mục đích điều tra, thu thập chứng cứ;

. Thông báo ngay lập tức cho chủ dữ liệu cá nhân khi có bất kỳ hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân nào. Trong trường hợp số người bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm lớn, chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân phải báo cáo về căn cứ vi phạm cùng với kế hoạch áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;

+ Các dữ liệu cá nhân được chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng hoặc tiết lộ (khi được sự cho phép) phải chính xác, hoàn chỉnh và cập nhật.

- Đối với chủ dữ liệu cá nhân, theo Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, chủ dữ liệu cá nhân, trong những trường hợp nhất định có quyền:

+ Yêu cầu truy cập vào các dữ liệu cá nhân liên quan đến bản thân mình;

+ Yêu cầu chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân xóa bỏ hoặc tạm thời ngừng việc sử dụng dữ liệu cá nhân hoặc chuyển sang hình thức ẩn danh;

+ Yêu cầu chủ thể thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân đảm bảo tính chính xác, cập nhật, hoàn chỉnh và không gây hiểu lầm của các dữ liệu liên quan đến bản thân.

#### *\* Cơ chế bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Hiện tại, không một cơ quan, tổ chức nào ở Thái Lan chịu trách nhiệm chuyên biệt cho việc giám sát thi hành pháp luật về quyền riêng tư hoặc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, nếu Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân được thông qua, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được thành lập để đảm nhận chức năng đó. Theo Dự thảo, Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân có các quyền hạn và nhiệm vụ chính sau đây:

- Lập kế hoạch chiến lược về các hoạt động nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp với các chính sách và kế hoạch quốc gia có liên quan, trong đó có đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh từ việc thực hiện các chính sách và kế hoạch chiến lược đó;



- Trợ giúp các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và xã hội dân sự trong việc thực hiện các hoạt động phù hợp với các chính sách và kế hoạch chiến lược, bao gồm tiến hành đánh giá việc thực hiện các chính sách và kế hoạch chiến lược đó;

- Xác định các biện pháp, phương pháp tiếp cận của các hoạt động liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Đưa ra các hướng dẫn hoặc quy định cho việc thực hiện Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Đề nghị Nội các Chính phủ hoặc Bộ trưởng về việc ban hành hoặc sửa đổi pháp luật hoặc các quy định liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Đề nghị Nội các Chính phủ hoặc Bộ trưởng về việc ban hành các nghị định của Hoàng gia hoặc quy định Bộ theo quy định của Luật;

- Tư vấn cho các cơ quan chính phủ hay khu vực tư nhân về bất kỳ hoạt động nào để bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Hỗ trợ tập huấn các kỹ năng và sự hiểu biết về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cộng đồng;

- Hỗ trợ nghiên cứu để phát triển các công nghệ liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Thực hiện các hoạt động theo quy định của các văn bản pháp luật khác.

*\* Biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Theo Điều 420 Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan, người nào, một cách cố ý hay vô ý, xâm hại bất hợp pháp tới tính mạng, thân thể, sức khỏe, sự tự do, tài sản hoặc bất kỳ quyền của người khác đều bị coi là vi phạm pháp luật và phải bồi thường cho nạn nhân.<sup>147</sup> Ở khía cạnh này, các hành vi thu thập, lưu giữ, sử dụng, tiết lộ hoặc chuyển giao dữ liệu cá nhân có thể được coi là một hành động sai trái nếu nó gây ra thiệt hại cho cá nhân chủ dữ liệu.

Hành vi gửi thông tin thương mại điện tử không mong muốn (còn gọi là thư rác) chưa được đề cập trong các luật hiện hành cũng như Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Thái Lan. Tuy nhiên, hành vi đó có thể bị coi là vi phạm Luật Tội phạm máy tính năm 2007<sup>148</sup> hoặc vi phạm Bộ luật Dân sự và Thương mại nếu như hành vi đó gây thiệt hại đối với người nhận thông tin.

---

<sup>147</sup> The Thailand Civil and Commercial Code, <https://www.samuiforsale.com/law-texts/thailand-civil-code-part-1.html#V>

<sup>148</sup> Computer Crime Act 2007, <https://www.samuiforsale.com/law-texts/computer-crime-act.html>

Nếu Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành, người có hành vi vi phạm Luật này sẽ bị áp dụng các hình phạt:

- Phạt tiền tối đa tới 500.000 THB và/hoặc phạt tù không quá 6 tháng đối với chủ thẻ thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân;

- Phạt tiền tối đa tới 1.000.000 THB và/hoặc phạt tù không quá 2 năm đối với chủ thẻ thu thập, lưu giữ và sử dụng dữ liệu cá nhân nếu như họ vi phạm các cam kết để mang lại lợi nhuận bất hợp pháp cho chính họ hoặc người khác hoặc gây thiệt hại cho người khác.

Ngoài ra, theo Dự luật, chủ dữ liệu cá nhân có quyền nộp đơn khiếu nại lên Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân khi chủ thẻ thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân hoặc nhân viên của họ hoặc đối tác ký hợp đồng với họ vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của Dự luật.

Chủ thẻ thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân phải bồi thường mọi thiệt hại cho chủ dữ liệu cá nhân, bất kể thiệt hại là do các hành động cố ý hay vô ý, trừ khi chủ thẻ thu thập, lưu giữ, sử dụng dữ liệu cá nhân chứng minh được rằng các hành động đó là kết quả của:

- Nguyên nhân bất khả kháng hoặc do hành động hoặc sự thiếu sót của chủ dữ liệu cá nhân; hoặc

- Hoạt động được thực hiện theo lệnh của các quan chức chính phủ có thẩm quyền; hoặc

. Hoạt động được thực hiện phù hợp với thực tiễn bảo vệ dữ liệu cá nhân của Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Khoản tiền bồi thường thiệt hại bao gồm tất cả các chi phí cần thiết được chủ dữ liệu cá nhân sử dụng để ngăn ngừa hoặc hạn chế những thiệt hại đó.

### 3. Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Indonesia

#### *a. Các văn bản pháp luật của Indonesia về bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Cũng giống như một số quốc gia khác trong khu vực, Indonesia chưa có Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ sở pháp lý đầu tiên để bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Indonesia là Hiến pháp Indonesia năm 1945. Mặc dù không trực tiếp quy định về quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân như một quyền công dân, nhưng tại Điều 28G Hiến pháp Indonesia năm 1945 quy định: Mỗi người đều có quyền tự bảo vệ bản thân, gia đình, sự tôn trọng, nhân phẩm và tài sản của mình. Mỗi người đều có quyền được bảo đảm an ninh và sự bảo vệ khỏi các mối đe

dọa sợ hãi để làm, hay không làm, một điều gì đó cấu thành một quyền con người.<sup>149</sup>

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân được điều chỉnh bởi Luật số 11 năm 2008 về thông tin và giao dịch điện tử (sau đây gọi tắt là Luật số 11 năm 2008)<sup>150</sup>; và Nghị định số 82 năm 2012 của Chính phủ liên quan đến các hệ thống và giao dịch điện tử (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82 năm 2012).<sup>151</sup> Ngoài ra, các luật chuyên ngành và văn bản hướng dẫn trong các lĩnh vực ngân hàng, thị trường vốn, viễn thông, chăm sóc sức khỏe, thông tin... cũng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực đó. Hiện nay, Nghị định về Thông tin và Truyền thông đang được Chính phủ Indonesia xây dựng dự thảo. Nghị định sẽ quy định chi tiết về bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm yêu cầu về sự đồng ý của chủ dữ liệu; việc thu thập, lưu giữ, đánh giá, chuyển giao, huỷ bỏ... dữ liệu cá nhân.<sup>152</sup>

### ***b. Một số nội dung cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong pháp luật Indonesia***

#### ***\* Định nghĩa dữ liệu cá nhân***

Điều 1.27 Nghị định số 82 năm 2012 định nghĩa dữ liệu cá nhân là thông tin cá nhân được lưu trữ, xử lý và tính bảo mật được bảo vệ. Nghị định số 82 năm 2012 không đưa ra được sự giải thích cụ thể hơn liên quan đến phạm vi của dữ liệu cá nhân.

#### ***\* Phạm vi áp dụng của các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân***

Nghị định số 82 năm 2012 xác định phạm vi áp dụng của Nghị định chỉ liên quan đến dữ liệu cá nhân và việc chuyển giao dữ liệu cá nhân của công dân Indonesia được thực hiện trong phạm vi thẩm quyền tài phán của Indonesia hoặc liên quan đến công dân Indonesia.

#### ***\* Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan***

- Theo Nghị định số 82 năm 2012, nhà cung cấp dịch vụ điện tử phải:
- + Đảm bảo tính liên tục của hệ thống điện tử; bảo đảm an ninh thông tin và truyền thông nội bộ;

---

<sup>149</sup>The 1945 Constitution of the Republic of Indonesia, <http://www.wipo.int/edocs/lexdocs/laws/en/id/id061en.pdf>

<sup>150</sup> Law of the Republic of Indonesia No 11 of 2008 concerning electronic information and transactions, [http://www.flevin.com/id/lgs/translations/JICA%20Mirror/english/4846\\_UU\\_11\\_2008\\_e.html](http://www.flevin.com/id/lgs/translations/JICA%20Mirror/english/4846_UU_11_2008_e.html)

<sup>151</sup> Regulation of the Government of the Republic of Indonesia number 82 of 2012 concerning electronic system and transaction operation

[http://www.flevin.com/id/lgs/translations/JICA%20Mirror/english/4902\\_PP\\_82\\_2012\\_e.html](http://www.flevin.com/id/lgs/translations/JICA%20Mirror/english/4902_PP_82_2012_e.html)

<sup>152</sup> Data protection in Indonesia: overview, <http://uk.practicallaw.com/4-583-2387#a737163>

+ Đảm bảo tính bí mật, tính toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu cá nhân trong hệ thống của mình. Nhà cung cấp dịch vụ phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức phù hợp để ngăn ngừa các hoạt động truy cập, xử lý dữ liệu cá nhân bất hợp pháp. Nhà cung cấp dịch vụ cũng phải tiến hành các biện pháp ngăn ngừa việc mất mát, tiêu hủy hoặc thay đổi dữ liệu cá nhân trái phép. Mức độ của các biện pháp bảo đảm an ninh phải tương xứng với tính chất của nguồn dữ liệu. Trong trường hợp không đảm bảo được tính bí mật của dữ liệu cá nhân, nhà cung cấp dịch vụ điện tử phải gửi văn bản thông báo cho chủ dữ liệu cá nhân về việc này;

+ Đảm bảo việc thu thập, sử dụng, tiết lộ và chuyển giao dữ liệu cá nhân dựa trên sự chấp thuận trước của chủ dữ liệu và phù hợp với các mục đích như trước đó đã thông báo cho chủ dữ liệu trong quá trình thu thập dữ liệu, trừ trường hợp có quy định khác. Việc Chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba phải trên cơ sở hợp đồng chuyển giao. Tuy nhiên, việc chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba ngoài thẩm quyền tài phán của Indonesia không được pháp luật Indonesia khuyến khích.

Theo Điều 29 Luật số 11 năm 2008, vì mục đích phục vụ điều tra hình sự, nhà cung cấp dịch vụ điện tử phải cung cấp thông tin lưu giữ trong hệ thống của mình nếu như điều tra viên có yêu cầu phù hợp với các quy định của pháp luật. Một số luật chuyên ngành cũng quy định các trường hợp nhà cung cấp dịch vụ được tiết lộ dữ liệu cá nhân mà không cần sự đồng ý của chủ dữ liệu. Các trường hợp đó đều liên quan đến an ninh quốc gia hoặc lợi ích công cộng. Chẳng hạn như Điều 41 Luật Ngân hàng năm 1992, được sửa đổi bổ sung năm 1998, quy định dữ liệu khách hàng sẽ được cung cấp cho cơ quan thuế khi nhận được yêu cầu của cơ quan này và trên cơ sở quyết định của Thống đốc Ngân hàng<sup>153</sup>; Điều 42 Luật Viễn thông năm 1999 quy định việc sử dụng và tiết lộ thông tin cá nhân trong trường hợp phục vụ công tác điều tra hình sự theo yêu cầu của cơ quan cảnh sát hoặc tòa án...

+ Đăng ký hệ thống điện tử của mình tại Bộ Thông tin và Truyền thông; và thiết lập Trung tâm khôi phục thảm họa (các nghĩa vụ này chỉ đặc biệt áp dụng đối với nhà cung cấp dịch vụ công cộng). Sau thủ tục đăng ký hệ thống điện tử, nhà cung cấp dịch vụ sẽ được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Chứng nhận điện tử, Chứng nhận về độ tin cậy và Giấy phép kinh doanh dịch vụ.

Luật số 11 năm 2008 cũng quy định rằng nội dung của thông tin điện tử hoặc một tài liệu (chẳng hạn như một trang web trên internet) thuộc phạm vi của

---

<sup>153</sup> Act of the Republic of Indonesia number 7 of 1992 concerning banking as amended by Act number 10 of 1998, <http://www.bu.edu/bucflp/files/2012/01/Act-No.-7-of-1992-Concerning-Banking.pdf>

quyền sở hữu trí tuệ, sẽ được bảo vệ như một tác phẩm sở hữu trí tuệ theo luật sở hữu trí tuệ.

- Đối với chủ dữ liệu cá nhân, họ được quyền biết các thông tin sau đây trước khi dữ liệu cá nhân của họ được thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ:

+ Mục đích của quá trình thu thập dữ liệu;

+ Các dữ liệu sẽ được thu thập, lưu giữ, sử dụng, tiết lộ hoặc chuyển giao;

- Việc sử dụng cookies;

- Các bên được chỉ định hoặc bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao dữ liệu.

Theo Luật số 11 năm 2008, công nghệ thông tin phải tôn trọng quyền bí mật đời tư của cá nhân, cụ thể là: quyền hưởng thụ một cuộc sống không bị làm phiền, quyền giao tiếp với người khác một cách riêng tư; quyền hạn chế người khác truy cập tới các thông tin và dữ liệu của cá nhân mình. Về quyền được yêu cầu xoá bỏ các thông tin cá nhân, Luật số 11 năm 2008 còn đề ngỏ. Mặc dù vậy, cũng rất thực tế nếu như Luật bổ sung quy định về quyền của cá nhân được yêu cầu xoá bỏ các dữ liệu cá nhân liên quan đến bản thân mình nếu như họ thấy điều đó là phù hợp.

*\* Cơ chế bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Indonesia chưa thành lập cơ chế chuyên biệt về bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân. Một số cơ chế cũng đã được hình thành trên cơ sở các văn bản pháp luật chuyên ngành nhằm thực hiện sự quản lý Nhà nước đối với các hoạt động liên quan trong lĩnh vực đó, bao gồm cả vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân. Chẳng hạn như Quy định số 7/15/PBI/2007 của Ngân hàng Trung ương về quản lý rủi ro trong việc sử dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng; Quy định số 1/POJK.07/2013 của Bộ Tài chính về việc bảo vệ thông tin khách hàng trong các giao dịch tài chính; Nghị định số 269/Menkes/Per/III/2008 của Bộ Y tế về quản lý hồ sơ bệnh án; Nghị định số 21 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý mạng điện thoại di động, mang truy cập Internet không dây... Nhìn chung trong các văn bản này đều xác định rõ cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đó; chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan; cơ chế giám sát thực hiện các quy định có liên quan... Tuy vậy, các cơ chế hình thành trong các văn bản này còn mang tính riêng lẻ, độc lập, chưa có sự gắn kết để tạo ra một cơ chế đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Indonesia.

*\* Biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

- Theo Nghị định số 82 năm 2012, bất kỳ chủ thể nào vi phạm Nghị định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Trách nhiệm dân sự hoặc chế tài hình sự không áp dụng đối với các hành vi vi phạm Nghị định. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, tùy mức độ vi phạm, bao gồm:

- + Cảnh cáo bằng văn bản;
- + Phạt hành chính;
- + Tạm đình chỉ hoạt động;

+ Đưa ra khỏi danh sách đăng ký. Hình thức xử phạt này liên quan đến nghĩa vụ của người cung cấp dịch vụ phải đăng ký hệ thống điện tử của mình tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Theo Điều 46 Luật số 11 năm 2008, các hành vi vi phạm quyền bí mật đời tư một cách cố ý, ngoài việc bị áp dụng hình phạt tiền, người vi phạm còn có thể bị phạt tù: Phạt tiền tối đa đến 600 triệu IDR và/hoặc phạt tù không quá 6 năm đối với người nào truy cập trái phép máy tính và/hoặc hệ thống máy tính, bằng bất kỳ phương thức nào, với mục đích có được thông tin hoặc hồ sơ điện tử. Ngoài ra nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ bị đưa ra khỏi danh sách đăng ký

- Theo Điều 322 và Điều 323 Bộ luật Hình sự<sup>154</sup>, một nhân viên nào cố ý xâm phạm thông tin bí mật có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đều bị coi là phạm tội và phải chịu hình phạt tới 9 tháng tù và phạt tiền tới 600 IDR. Mức phạt tương tự cũng được áp dụng đối với hành vi tiết lộ bí mật thương mại. Bộ luật Hình sự còn quy định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm quyền con người, trong đó có các quyền bí mật dữ liệu cá nhân được thể hiện qua quy định tại Điều 28G Hiến pháp Indonesia.

#### **4. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

##### ***a. Xây dựng và hoàn thiện các nguồn luật ghi nhận quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

- *Hiến pháp* là văn bản có giá trị tối cao ghi nhận quyền bí mật dữ liệu cá nhân như là một trong các quyền cơ bản của con người. Hiến pháp của một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đều trực tiếp (Thái Lan, Campuchia...) hoặc gián tiếp (Indonesia, Singapore...) quy định về quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân. Điều 21 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 cũng đã quy định rõ:

---

154

“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.”

Ngoài Điều 21, Điều 22 Hiến pháp năm 2013 còn quy định về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân Việt Nam. Việt Nam cần tiếp tục khẳng định và ghi nhận các quyền này trong Hiến pháp như một cơ sở pháp lý quan trọng nhất để tôn trọng, bảo đảm và thực hiện quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam cũng như người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam.

- *Đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân*: Trong khu vực, thời gian gần đây, nhiều quốc gia đã ban hành đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân như Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2012 của Singapore, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2010 của Malaysia<sup>155</sup>, Luật Dữ liệu bí mật đời tư năm 2012 của Philippine<sup>156</sup>. Một số quốc gia khác đang trong quá trình xây dựng dự thảo để sớm ban hành đạo luật chuyên biệt về lĩnh vực này như Thái Lan, Indonesia... Việt Nam cũng cần nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm cùng với các văn bản pháp luật khác tạo cơ chế hữu hiệu thực hiện quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân đã được quy định tại Điều 21 và 22 Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

- *Các văn bản pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực khác*: Thực tiễn cho thấy, dù đã hoặc chưa ban hành đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đa số các quốc gia đều có các văn bản pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến bí mật dữ liệu cá nhân trong các lĩnh vực đó. Các văn bản này thường được chia thành các nhóm:

+ Các văn bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước như Luật Bí mật công vụ, Luật Thống kê của Singapore; Luật Thông tin công vụ của Thái Lan...

+ Các văn bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động kinh doanh dịch vụ của khu vực tư nhân như Luật Viễn thông, Luật Ngân hàng, Luật

---

<sup>155</sup> Personal Data Protection Act 2010, [http://www.pdp.gov.my/images/LAWS\\_OF\\_MALAYSIA\\_PDPA.pdf](http://www.pdp.gov.my/images/LAWS_OF_MALAYSIA_PDPA.pdf)

<sup>156</sup> Republic Act No. 10173, <http://www.gov.ph/2012/08/15/republic-act-no-10173/>

Kinh doanh tài chính, Luật Giao dịch điện tử... của Thái Lan, Singapore, Indonesia.

Ngoài các văn bản pháp luật chuyên ngành, các biện pháp chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm dữ liệu cá nhân còn được quy định trong Bộ luật hình sự, Bộ luật Dân sự và Thương mại, Luật An ninh mạng và máy tính... của các quốc gia như Thái Lan, Singapore, Indonesia...

Từ kinh nghiệm của các nước trong khu vực, ngoài việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của Hiến pháp, đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Việt Nam cũng cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan để tạo ra cơ chế đồng bộ bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

### ***b. Xây dựng, hoàn thiện một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân***

\* *Định nghĩa dữ liệu cá nhân*: Có hai cách tiếp cận khi xây dựng định nghĩa dữ liệu cá nhân, qua đó xác lập phạm vi các dữ liệu cá nhân được pháp luật bảo vệ:

- Tiếp cận chỉ dựa trên nội dung: Đây là cách tiếp cận của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Singapore, Luật Dữ liệu bí mật đời tư của Philipine, theo đó dữ liệu cá nhân là các dữ liệu về một cá nhân mà có thể xác định được danh tính của họ từ các dữ liệu đó, không phụ thuộc vào hình thức ghi nhận hay xử lý các dữ liệu.

- Tiếp cận dựa trên nội dung và hình thức ghi nhận: Đây là cách tiếp cận của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Malaysia và Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Thái Lan. Ngoài việc quy định dữ liệu cá nhân là các dữ liệu về một cá nhân mà có thể xác định được danh tính của họ từ các dữ liệu đó, pháp luật các quốc gia này còn quy định hình thức ghi nhận dữ liệu như tài liệu, tập tin, báo cáo, sổ sách, biểu đồ, ảnh chân dung, hình ảnh, phim, bản ghi hình ảnh... (Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Thái Lan) hoặc dữ liệu được xử lý toàn bộ hoặc một phần bởi các thiết bị hoạt động một cách tự động theo các chỉ dẫn được đưa ra vì mục đích đó (Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của Malaysia).

Hai cách tiếp cận trên về bản chất không mâu thuẫn gì nhau vì đều đề cập đến nội dung cơ bản của dữ liệu cá nhân là các dữ liệu về một cá nhân mà qua đó có thể xác định được danh tính của người đó. Cách tiếp cận thứ hai chi tiết hơn khi đề cập đến cả hình thức ghi nhận dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, cách tiếp cận này tương đối rườm rà và hơn nữa có thể bị thay đổi khi mà với sự phát triển của khoa học công nghệ, các hình thức, phương tiện ghi nhận dữ liệu cá nhân có thể bị thay đổi dẫn đến sự không phù hợp giữa các quy định pháp luật với thực tiễn đời sống xã hội.



Ngoài định nghĩa về dữ liệu cá nhân, pháp luật của một số quốc gia còn trực tiếp (Malaysia) hoặc gián tiếp (Thái Lan) đưa ra định nghĩa dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Các dữ liệu này thường liên quan đến sức khỏe hoặc tình trạng về thể chất hoặc tinh thần, quan điểm chính trị, tín ngưỡng tôn giáo... của người chủ dữ liệu. Đối với các dữ liệu này, việc bảo vệ được quy định chặt chẽ hơn.

Pháp luật của một số quốc gia như Singapore, Thái Lan, Philipine cũng xác định một số loại dữ liệu cá nhân được loại trừ không áp dụng các quy định bảo vệ dữ liệu như thông tin về người đã mất, thông tin đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin cá nhân được lưu lại trong các bản ghi quá cũ...

*\* Phạm vi áp dụng của đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong mối quan hệ với các văn bản pháp luật chuyên ngành.*

Đối với các quốc gia đã hoặc đang chuẩn bị ban hành đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, việc xác định phạm vi áp dụng của đạo luật này được cân nhắc khá kỹ để tránh sự chòng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Thông thường đạo luật chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân chỉ điều chỉnh hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân của khu vực tư nhân (chủ yếu của các doanh nghiệp cung cấp hàng hoá, dịch vụ) mà không điều chỉnh hoạt động của khối các cơ quan Nhà nước. Hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân của khối các cơ quan Nhà nước chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chuyên ngành khác như Luật Thống kê, Luật Bí mật công vụ...

Ngoài ra Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của các quốc gia cũng thường chỉ được áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức mang quốc tịch quốc gia hoặc có nơi cư trú hoặc trụ sở trên lãnh thổ quốc gia và các hoạt động liên quan đến dữ liệu cá nhân diễn ra trong lãnh thổ quốc gia. Hành vi chuyển giao dữ liệu cá nhân ra ngoài lãnh thổ quốc gia không được quy định chi tiết trong Luật mà chỉ được đề cập dưới dạng các nguyên tắc chung.

*\* Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan*

Các chủ thể liên quan theo các quy định của pháp luật các nước bao gồm hai chủ thể chính: Chủ dữ liệu cá nhân (cá nhân mà dữ liệu về họ được thu thập, lưu giữ, sử dụng hay tiết lộ) và chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân. Chủ thể thu thập, lưu giữ, sử dụng và tiết lộ dữ liệu cá nhân bao gồm các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ (như viễn thông, ngân hàng, tài chính, giao dịch điện tử...) và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật các nước (như cha mẹ, người giám hộ khi chủ dữ liệu cá nhân là trẻ em; bên thứ ba được chủ thể thu thập, lưu giữ dữ liệu chuyển giao dữ liệu cá nhân...). Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thường về các vấn đề sau:

+ Các yêu cầu để các hoạt động thu thập, lưu giữ, sử dụng, tiết lộ dữ liệu cá nhân được diễn ra;

+ Các trường hợp ngoại lệ không cần đáp ứng các yêu cầu nêu trên như vì lợi ích công cộng, vì an ninh quốc gia, trong trường hợp khẩn cấp, theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền...

+ Đảm bảo tính chính xác, toàn diện và cập nhật của dữ liệu được thu thập, lưu giữ, sử dụng;

+ Áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp để bảo đảm tính bí mật của dữ liệu cá nhân;

+ Vấn đề chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba thông qua các hợp đồng chuyển giao.

*\* Biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Pháp luật của các quốc gia đều quy định về các biện pháp chế tài đối với các hành vi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân. Các biện pháp này bao gồm:

- Xử phạt hành chính;
- Trách nhiệm bồi thường dân sự;
- Truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, các văn bản pháp luật khác, đặc biệt là Bộ luật Dân sự, Thương mại, Hình sự của các quốc gia cũng quy định về các biện pháp chế tài này. Tùy mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm mà một hoặc một số biện pháp chế tài nêu trên sẽ được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân xâm phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân của người khác. Cũng chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật không chỉ đặt ra đối với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân mà còn đối với các văn bản pháp luật quốc gia khác có liên quan.

### ***c. Cơ chế bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

*\* Ủy ban quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân.*

Hiện nay các quốc gia như Singapore, Philipine, Malaysia đều đã thành lập Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các quốc gia khác như Indonesia, Thái Lan cũng đã dự định về việc thành lập cơ quan này trong Dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân của quốc gia mình. Từ kinh nghiệm của các quốc gia, một số vấn đề cần cân nhắc khi thành lập Ủy ban:

- Sự cần thiết của việc thành lập Ủy ban quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban: Thực tiễn các quốc gia thường trao cho Ủy ban một số chức năng chính sau:

- + Tư vấn cho chính phủ, tổ chức, cá nhân;
- + Nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động giáo dục, nghiên cứu;
- + Giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Ngoài các chức năng trên, pháp luật của một số quốc gia như Singapore, Malaysia... còn trao quyền cho Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân chức năng đại diện cho quốc gia trong các quan hệ quốc tế hay tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại liên quan đến bí mật dữ liệu cá nhân. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban có giá trị pháp lý bắt buộc và được bảo đảm thực hiện bằng lệnh của Tòa án nếu như các bên không tự nguyện tuân thủ.

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban: Pháp luật của các quốc gia quy định về cơ cấu tổ chức của Ủy ban phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ủy ban;

- Tính độc lập và mối quan hệ giữa Ủy ban với các cơ quan khác trong bộ máy Nhà nước: Nhìn chung, pháp luật các quốc gia bảo đảm tính độc lập tương đối của Ủy ban khi tiến hành các hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Ủy ban với các cơ quan Nhà nước khác, đặc biệt với cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành (như Ngân hàng Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền Thông, Bộ Tài chính...) hoặc với Tòa án, vẫn được duy trì để đảm bảo thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.

\* *Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp*: Pháp luật các quốc gia duy trì các cơ chế khiếu nại, giải quyết tranh chấp khác nhau để đảm bảo quyền bí mật dữ liệu của các cá nhân. Các cơ chế này bao gồm:

- Cơ chế hoà giải;
- Cơ chế khiếu nại hành chính;
- Cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua trình tự, tố tụng dân sự;
- Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng.

Tóm lại, quyền bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân là một trong những quyền cơ bản, quan trọng nhất của con người được pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia ghi nhận. Việc bảo vệ quyền này tương chừng như đơn giản, nhưng thực tế cho thấy, mặc dù đã có ý thức và nỗ lực bảo vệ của các quốc gia nhưng những hành vi vi phạm bí mật đời tư, bí mật dữ liệu cá nhân vẫn thường xuyên diễn ra một cách cố ý hoặc vô ý. Các quốc gia đã và đang sử dụng các cơ chế, biện pháp khác nhau để bảo vệ các quyền đó, từ việc hoàn thiện các quy

định của pháp luật tới việc hình thành và củng cố các cơ chế đảm bảo các quyền này như thông qua cơ chế toà án hoặc thông qua các ủy ban chuyên biệt như Ủy ban Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Kinh nghiệm của các quốc gia trong các hoạt động nêu trên thực sự có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam đang nghiên cứu, soạn thảo ban hành một số văn bản pháp luật liên quan như Luật Tiếp cận thông tin, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân... qua đó không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về các quyền cơ bản của công dân cũng như cơ chế bảo đảm các quyền này.

## *Chuyên đề 10*

### **Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân**

*TS. Nguyễn Thị Hạnh*

*PVT. Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp*

#### **I. Bối cảnh đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân**

Bước sang thế kỷ 21, thế giới đã đứng trước những biến đổi lớn và cơ bản trên nhiều phương diện; những biến đổi đó xuất phát từ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trên quy mô toàn cầu, đặc biệt sự phát triển của công nghệ thông tin, phát triển của internet, mạng xã hội và các ứng dụng toàn cầu trong bối cảnh của thời đại thông tin. Kỹ thuật số là một tiến bộ kỹ thuật rất quan trọng với việc phát triển kinh tế trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Với những tiến bộ của công nghệ, khả năng để lưu trữ thông tin/dữ liệu thông qua điện thoại di động, con chip... ngày càng cao; việc phát triển xử lý các dữ liệu/thông tin cá nhân cũng ngày càng mạnh trong điều kiện gia tăng số lượng cá nhân sử dụng mạng xã hội như Facebook, Google, Zalo, Twitter, Viber, Youtube... để chia sẻ thông tin qua các ứng dụng chụp ảnh, ghi âm, quay phim trên điện thoại thông minh. Việt Nam cũng đang nỗ lực để tin học hóa thông qua xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính qua mạng điện tử, thực hiện khai thuế, đăng ký các hoạt động qua mạng... Quá trình tiến triển này có tác động đến đời sống cá nhân, các dấu vết của mỗi con người ngày càng được theo dõi vì được định vị bởi các thiết bị cá nhân khác nhau. Người dân khi sử dụng những phương thức sử dụng các thông tin cá nhân mới, ngày càng để lộ thông tin/dữ liệu cá nhân của mình hơn thông qua mạng xã hội. Thực tế, có tình trạng không ít cá nhân phải chịu phiền toái chỉ vì những thông tin cá nhân bị lộ, lọt và bị lợi dụng, trục lợi để kinh doanh do việc quản lý, bảo mật thông tin khách hàng của các nhà mạng chưa chặt chẽ; cũng có tình trạng lợi dụng bí mật đời tư các cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước để tuyên truyền sai sự thật, bôi xấu danh dự trên các trang mạng xã hội.

Nhu cầu thu thập, xử lý dữ liệu, thông tin cá nhân, sử dụng dữ liệu dùng chung ngày càng cao đòi hỏi Nhà nước phải có biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của công dân sao cho an toàn hơn. Càng ngày nguy cơ về mất an toàn, nguy cơ những thông tin bị sử dụng vào mục đích thương mại và những mục đích khác càng lớn và ranh giới giữa thông tin cá nhân và thông tin công cộng ngày càng khó xác định đã đặt vấn đề bảo vệ bí mật đời tư và thông tin cá nhân trước sự cấp thiết cần bảo vệ về mặt pháp luật hơn bao giờ hết.

Nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy, bảo vệ bí mật đời sống riêng tư và bí mật cá nhân đã được ghi nhận từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013. Việc bảo vệ bí mật đời sống riêng tư và bí mật thông tin của cá nhân đã được Nhà nước Việt Nam công nhận và bảo vệ thông qua quy định về bảo đảm an toàn và bí mật đối với thư tín, điện thoại, điện tín của công dân. Nội hàm của quyền bảo vệ bí mật đời tư, bí mật cá nhân đã dần dần được pháp luật bổ sung, hoàn thiện trong nhiều năm qua. Hiến pháp năm 2013 (Điều 21, Điều 22) đã mở rộng một cách toàn diện phạm vi quy định quyền được bảo vệ bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Sự mở rộng đó đặt ra yêu cầu sửa đổi một loạt các văn bản pháp luật đã được ban hành trước đây có quy định điều chỉnh các khía cạnh khác nhau của quyền này như Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản khác có liên quan.

Tuy nhiên, qua kết quả rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành về các quy định liên quan đến bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân cho thấy, hệ thống pháp luật quy định về vấn đề này còn nhiều bất cập: chưa có văn bản nào quy định khái niệm về thông tin/dữ liệu cá nhân, nội dung và phạm vi của quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân; chưa có quy định về việc thu thập, xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân; pháp luật cũng chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo vệ quyền này.

Qua nghiên cứu pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia trên thế giới, chúng tôi thấy rằng hiện nay đã có nhiều tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia ban hành đạo luật và các văn bản liên quan đến quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân. Ví dụ: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) ban hành Hướng dẫn bảo vệ bí mật cá nhân và chuyển giao dữ liệu cá nhân (Guidelines on the Protection of Privacy and Transborder Data Flows of Personal Data); Liên minh châu Âu ban hành Hiệp ước Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân châu Âu; APEC ban hành Những nguyên tắc cơ bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thương mại điện tử APEC (APEC Privacy Framework). Để cụ thể Hiến chương về các quyền cơ bản, châu Âu có Luật về bảo vệ thông tin cá nhân, châu Âu cũng yêu cầu các nước thành viên đều phải có một đạo luật riêng về vấn đề này. Một số nước ở khu vực châu Á cũng đã có luật về bảo vệ thông tin cá nhân. Theo tổng kết mới đây thì trên thế giới đã có 80 nước có luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân.

Nghiên cứu so sánh, đối chiếu quy định của pháp luật Việt Nam với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia có liên quan đến chế định bảo vệ bí mật cá nhân cho thấy chưa có sự tương thích giữa hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền của công dân, của con người đối với thông tin cá nhân. Với tư cách quốc gia thành viên, nhà nước Việt

Nam có nghĩa vụ chuyển hóa các chế định về bảo vệ bí mật cá nhân trong các văn kiện pháp lý quốc tế Việt Nam vào pháp luật quốc gia và đề ra những biện pháp đảm bảo thực hiện quyền này.

Bên cạnh đó, quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân và quyền tiếp cận thông tin có mối liên hệ chặt chẽ. Việc triển khai thực thi Luật tiếp cận thông tin sẽ không thực sự hiệu quả nếu Nhà nước không sớm ban hành Luật bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân vì thông tin cá nhân là một trong những loại thông tin tiếp cận có điều kiện nhưng pháp luật chưa quy định cụ thể để xác định rõ thông tin/dữ liệu cá nhân nào cần được bảo vệ và phải bảo vệ theo quy trình nào, cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm bảo vệ và bảo vệ như thế nào đối với thông tin/dữ liệu cá nhân. Do đó, việc nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân cũng sẽ giúp cho việc thực hiện Luật tiếp cận thông tin hiệu quả hơn.

## **II. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân**

Pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia khi điều chỉnh đến quyền bảo vệ thông tin cá nhân đều nhấn mạnh đến 4 điểm sau đây: công nhận quyền đối với thông tin/dữ liệu cá nhân của tất cả mọi người, xử lý dữ liệu cá nhân cần minh bạch; quy định về xử lý dữ liệu cá nhân; chế tài hành chính, hình sự trong trường hợp không tuân thủ các nguyên tắc của luật bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân; thiết lập cơ quan độc lập để bảo vệ quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm các nước (các đạo luật về dữ liệu cá nhân), nghiên cứu thực tiễn Việt Nam và rà soát hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, chúng tôi cho rằng việc bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân ở Việt Nam cần thiết phải được điều chỉnh bởi luật; để thực thi quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì việc ban hành một đạo luật riêng về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân là cần thiết và sẽ phù hợp hơn là việc nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung các đạo luật có liên quan (ví dụ: Luật về an toàn thông tin mạng,...). Một đạo luật riêng với đầy đủ các quy định cần thiết và tạo nên một cơ chế pháp lý chặt chẽ để ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm đối với quyền bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân cần phải có những nội dung được nêu dưới đây.

Cụ thể, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân như sau:

1. Pháp luật cần quy định những khái niệm cơ bản liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân, như khái niệm “*Thông tin cá nhân*” (là những thông tin về một người có thể xác định, bao gồm: thông tin liên quan đến chủng tộc, giới tính, tình trạng mang thai, tình trạng hôn nhân, xu hướng tình dục, độ tuổi, tình trạng

sức khỏe về thể chất và tâm thần, tài sản, tình trạng khuyết tật, tôn giáo, niềm tin, tín ngưỡng, văn hóa, ngôn ngữ, năm sinh, nghề nghiệp, thông tin liên quan đến những giao dịch về tài chính đã thực hiện, số chứng minh, địa chỉ, dấu vân tay, loại máu...); khái niệm “*Dữ liệu cá nhân*” là bất kỳ thông tin liên quan đến một thể nhân/cá nhân xác định hay có thể xác định được, một cách trực tiếp hay gián tiếp, thông qua một số định danh hay một hoặc nhiều yếu tố riêng thuộc về người này (để khẳng định xem một người có thể xác định được hay không, cần phải xem xét toàn bộ các cách thức cho phép xác định ra người này mà người chịu trách nhiệm về việc xử lý hay bất kỳ người nào khác có được hay có thể tiếp cận được); khái niệm “*Xử lý dữ liệu*” có nghĩa là thu thập, sản xuất, ghi âm, lưu trữ, lưu giữ, bổ sung, chỉnh sửa, sửa chữa, phục hồi, sử dụng, cung cấp, tiết lộ và phá hủy thông tin cá nhân và các hoạt động tương tự khác. Xử lý thông tin cá nhân là mọi hoạt động hay mọi tập hợp hoạt động liên quan đến những dữ liệu này, dù sử dụng quy trình xử lý nào, đặc biệt là thu thập, ghi lại, tổ chức, bảo quản, chỉnh sửa hay sửa đổi, sao trích, tra cứu, sử dụng, truyền thông qua chuyển tải, phát tán hay mọi hình thức cung cấp, truy cập, cũng như chặn, xóa hay phá hủy (các khái niệm này dựa trên tham khảo các đạo luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân của Pháp, Ba lan, Hàn Quốc...và một số nước châu Âu).

2. Pháp luật cần xác định rõ *đối tượng dữ liệu*(hoặc chủ dữ liệu – cá nhân có liên quan trực tiếp đến dữ liệu đó) là các thể nhân có thể nhận diện bởi các thông tin được xử lý để trở thành đối tượng của thông tin đó; trách nhiệm của *người xử lý thông tin cá nhân, người nhận thông tin cá nhân* - những cơ quan có thẩm quyền được pháp luật cho phép, trong khuôn khổ của một nhiệm vụ đặc biệt hay khi thực thi quyền thông tin; *bên quản lý dữ liệu* - cơ quan, đơn vị tổ chức, cơ sở hoặc người có thẩm quyền được pháp luật quy định quyết định về mục đích và phương tiện của việc xử lý dữ liệu cá nhân; *bên nhận dữ liệu* là bất kỳ người nào mà dữ liệu được công bố, bao gồm các đối tượng của dữ liệu, người có thẩm quyền thực hiện xử lý dữ liệu, cơ quan, người có thẩm quyền quy định bởi pháp luật.

3. Pháp luật cần xác định các nguyên tắc tối thiểu bảo vệ thông tin cá nhân như: mọi công dân đều bình đẳng trong việc bảo vệ thông tin cá nhân; thông tin cá nhân phải được bảo vệ kịp thời; việc hạn chế quyền bảo vệ thông tin cá nhân phải do luật định và trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; bảo đảm trình tự, thủ tục bảo vệ thông tin cá nhân thuận lợi cho công dân; xác định rõ trách nhiệm bảo vệ thông tin của cơ quan nhà nước; việc thực hiện quyền bảo vệ thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc; quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; việc xử lý các thông tin cá nhân được thực hiện một cách minh bạch và trong sự tôn trọng nghiêm ngặt đối



với quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quyền cơ bản của công dân.

4. Pháp luật cần xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong việc bảo vệ quyền đối với thông tin cá nhân như: (i) có biện pháp ngăn chặn hậu quả có hại từ việc thu thập ngoài mục đích, xâm phạm và lạm dụng thông tin cá nhân, tránh việc giám sát và theo dõi một cách không hệ thống để nâng cao phẩm giá con người và sự riêng tư cá nhân; (ii) có các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của đối tượng dữ liệu; (iii) có trách nhiệm tôn trọng, thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động bảo vệ dữ liệu tự quản của bên xử lý thông tin cá nhân để cải thiện các thực tiễn không phù hợp liên quan đến việc xử lý thông tin cá nhân; (iv) người đứng đầu cơ quan, tổ chức (nhà nước và tư nhân; tổ chức sự nghiệp dịch vụ công/doanh nghiệp), những người nắm giữ hay sử dụng các dữ liệu cá nhân phải thực hiện mọi biện pháp để bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Pháp luật cần có các biện pháp ngăn chặn các hành vi xâm hại đến quyền bảo vệ thông tin cá nhân như: cố ý hạn chế quyền bảo vệ thông tin cá nhân của công dân mà không vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; cố ý công khai thông tin cá nhân mà không phải vì lợi ích cộng đồng; trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân mà tiết lộ nguồn gốc chủng tộc hoặc dân tộc, quan điểm chính trị, tôn giáo hay triết học, thành viên đảng phái hay công đoàn, cũng như các dữ liệu liên quan đến sức khỏe, mã di truyền, chứng nghiện hay đời sống tình dục và dữ liệu liên quan đến bản án, quyết định về hình phạt, tiền phạt và các quyết định khác do tòa án ban hành hoặc các thủ tục tố tụng hành chính; thu thập thông tin cá nhân hoặc có được sự đồng ý để xử lý thông tin cá nhân một cách gian lận, không đúng đắn, không lành mạnh; làm rò rỉ thông tin cá nhân thu được trong quá trình kinh doanh, hoặc cung cấp cho người khác mà không có thẩm quyền hoặc gây thiệt hại, phá hủy, thay đổi, giả mạo hoặc rò rỉ thông tin cá nhân người khác mà không được pháp luật cho phép.

6. Pháp luật cần quy định cụ thể quyền của công dân đối với thông tin cá nhân, theo đó, chủ thể/đối tượng của dữ liệu cần được pháp luật trao các quyền sau đây: quyền được thông báo về việc xử lý các thông tin cá nhân của mình; quyền đồng ý hay không đồng ý và đưa ra phạm vi xử lý thông tin cá nhân của mình; quyền xác nhận việc xử lý các thông tin cá nhân và yêu cầu tiếp cận thông tin cá nhân của mình; quyền đình chỉ việc xử lý, sửa đổi, xóa và tiêu hủy thông tin cá nhân của mình; quyền được bồi thường thích hợp một cách nhanh chóng và công bằng cho bất kỳ thiệt hại phát sinh từ quá trình xử lý thông tin; quyền kiểm soát quá trình xử lý dữ liệu cá nhân của mình trong hệ thống dữ liệu (bao gồm được thông tin chi tiết về việc tồn tại của hệ thống dữ liệu và các thông tin của bên quản lý dữ liệu về tên, địa chỉ; được thông báo về mục đích, phạm vi và

các phương tiện xử lý các dữ liệu trong hệ thống; được thông báo khi dữ liệu cá nhân của mình được xử lý và được thông báo về nội dung của dữ liệu; được thông tin về nguồn gốc của dữ liệu cá nhân của mình, trừ khi bên quản lý dữ liệu có nghĩa vụ giữ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công tác; được thông tin về các phương tiện công bố dữ liệu và về bên nhận dữ liệu; yêu cầu các dữ liệu được hoàn thiện, cập nhật, sửa đổi, đình chỉ hoặc xóa bỏ một cách tạm thời hoặc vĩnh viễn trong trường hợp dữ liệu không hoàn chỉnh, lỗi thời, không đúng sự thật hoặc thu thập do việc vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp dữ liệu không còn cần thiết cho mục đích khi được thu thập; yêu cầu ngăn chặn quá trình xử lý dữ liệu của mình; phản đối việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình nếu bên quản lý dữ liệu có ý định xử lý các dữ liệu cho các mục đích tiếp thị hoặc phản đối việc chuyển giao dữ liệu cho bên quản lý dữ liệu khác; yêu cầu bên quản lý dữ liệu xem xét lại vụ việc cá nhân được xử lý trái với quy định của pháp luật (lưu ý có ngoại lệ là trong trường hợp xử lý dữ liệu cho mục đích khoa học, giảng dạy, lịch sử, thống kê, lưu trữ, bên quản lý dữ liệu có thể không cần thông báo cho các đối tượng dữ liệu về việc xử lý dữ liệu cá nhân của mình, nếu việc cung cấp các thông tin đó quá tốn kém về thời gian, tài chính và công sức so với tầm quan trọng của việc cung cấp thông tin).

Cụ thể, pháp luật cần quy định các nhóm quyền sau của công dân đối với thông tin cá nhân của mình, cụ thể:

- Quyền được tiếp cận thông tin/dữ liệu cá nhân của mình: Các đối tượng/chủ thể của dữ liệu có thể yêu cầu tiếp cận thông tin cá nhân của mình với bên xử lý thông tin cá nhân. Bên xử lý dữ liệu chỉ từ chối việc cung cấp thông tin cho đối tượng dữ liệu sau khi đã thông báo cho các đối tượng dữ liệu lý do: (i) việc tiếp cận thông tin cá nhân bị cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật; (ii) việc tiếp cận thông tin cá nhân có thể gây thiệt hại cho tính mạng hoặc thân thể của người khác hoặc vi phạm quyền tài sản và các quyền lợi khác của người khác; hoặc việc tiếp cận thông tin cá nhân có thể khiến các cơ quan, tổ chức gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc thực hiện việc áp thuế, thu thuế hoặc trả nợ thuế; đánh giá về thành tích học tập hoặc việc nhập học tại các trường, cơ sở giáo dục; thử nghiệm và kiểm tra trình độ năng lực học tập, năng lực kỹ thuật và việc làm; đánh giá thường xuyên hoặc ra quyết định liên quan đến bồi thường hoặc cấp đánh giá; kiểm toán và kiểm tra đang được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về các thông tin cá nhân được tiếp cận, theo kinh nghiệm các nước, các thông tin cá nhân sau đây có thể tiếp cận: thông tin đã được công bố công khai; thông tin cần phải công khai nhằm bảo vệ cuộc sống, sức khỏe, tài sản hoặc nghề nghiệp của một người; thông tin mà cá nhân đó đã chấp nhận cung cấp thông tin bằng văn bản gửi tới cơ quan có thẩm quyền; thông tin về tình trạng

sức khỏe thể chất, tinh thần của một cá nhân mà đang được người yêu cầu cung cấp thông tin chăm sóc; thông tin về một cá nhân đã chết và người yêu cầu cung cấp thông tin là con cháu của người đó hoặc có sự đồng ý của con cháu của người đã chết; thông tin liên quan tới vị trí hoặc chức năng của một cá nhân là một quan chức (bao gồm: chức danh, địa chỉ văn phòng, số điện thoại công sở và những thông tin cụ thể tương tự của cá nhân; cấp bậc, mức lương hoặc phụ cấp và trách nhiệm, công việc của cá nhân đó đang làm và tên của cá nhân trên hồ sơ làm việc); thông tin được cung cấp theo yêu cầu và theo quy định của pháp luật; thông tin cá nhân được cung cấp để sử dụng theo mục đích được yêu cầu.

- Quyền sửa hoặc xóa thông tin/dữ liệu cá nhân: Đối tượng dữ liệu có quyền truy cập vào các thông tin cá nhân của mình cũng có quyền yêu cầu bên xử lý thông tin cá nhân sửa chữa hoặc xóa các thông tin cá nhân, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Khi nhận được yêu cầu từ các đối tượng dữ liệu, bên xử lý thông tin cá nhân phải điều tra các thông tin cá nhân được yêu cầu và có biện pháp cần thiết để sửa chữa hoặc xóa theo yêu cầu của các đối tượng dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Bên xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng dữ liệu có liên quan kết quả xử lý thông tin cá nhân. Bên xử lý thông tin cá nhân phải có biện pháp để tránh việc phục hồi các thông tin cá nhân trong trường hợp xóa dữ liệu. Khi có yêu cầu của đối tượng dữ liệu, bên xử lý thông tin cá nhân phải thông báo cho các đối tượng dữ liệu có liên quan nội dung yêu cầu một cách không chậm trễ. Khi điều tra các thông tin cá nhân được yêu cầu, bên xử lý thông tin cá nhân, nếu cần thiết, có thể yêu cầu các đối tượng dữ liệu có liên quan đưa ra bằng chứng để xác nhận việc cần thiết phải sửa và xóa bỏ các thông tin cá nhân.

- Quyền yêu cầu đình chỉ việc xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân: Các đối tượng dữ liệu có quyền yêu cầu bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân đình chỉ việc xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân của mình. Trong trường hợp này, nếu bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân là các tổ chức công, thì chỉ các thông tin/dữ liệu cá nhân chứa trong các hồ sơ thông tin cá nhân được đăng ký mới có thể được yêu cầu đình chỉ xử lý. Khi nhận được yêu cầu, bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân phải đình chỉ xử lý ngay toàn bộ hoặc một phần thông tin/dữ liệu cá nhân theo yêu cầu của các đối tượng dữ liệu.

Trong các trường hợp sau, bên xử lý thông tin cá nhân có thể từ chối yêu cầu của đối tượng dữ liệu đối với việc đình chỉ việc xử lý thông tin cá nhân: (i) trường hợp được pháp luật quy định cụ thể hoặc cần giám sát các nghĩa vụ theo pháp luật; (ii) trường hợp có thể có thể gây thiệt hại cho tính mạng hoặc thân thể của người khác, hoặc vi phạm tài sản và các quyền lợi khác của người khác; (iii) trường hợp tổ chức công không thể thực hiện công việc của mình như quy định

nếu không xử lý các thông tin cá nhân đó; (iv) trường hợp các đối tượng dữ liệu không thể hiện một cách rõ ràng việc chấm dứt hợp đồng và nếu không xử lý các thông tin cá nhân đó thì việc thực hiện hợp đồng sẽ gặp khó khăn (ví dụ như cung cấp các dịch vụ theo thoả thuận với đối tượng dữ liệu). Cần lưu ý là khi từ chối các yêu cầu, bên xử lý thông tin cá nhân phải thông báo cho các đối tượng dữ liệu lý do một cách không chậm trễ; bên xử lý thông tin cá nhân cũng phải có ngay biện pháp cần thiết (trong đó có biện pháp hủy thông tin cá nhân có liên quan khi đình chỉ việc xử lý thông tin cá nhân theo yêu cầu của các đối tượng dữ liệu...).

- Quyền của đối tượng dữ liệu đối với dữ liệu cá nhân: Các đối tượng dữ liệu có thể ủy quyền cho luật sư của mình thực hiện việc tiếp cận thông tin, sửa hoặc xóa thông tin, thực hiện yêu cầu đình chỉ việc xử lý thông tin bằng văn bản hoặc bằng hình thức và thủ tục theo quy định của pháp luật. Bên xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị và công khai cho các đối tượng dữ liệu biết các phương pháp và thủ tục cụ thể cho phép các đối tượng dữ liệu thực hiện yêu cầu. Bên xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị và hướng dẫn thủ tục cần thiết cho các đối tượng dữ liệu để khiếu nại về việc từ chối thực hiện yêu cầu của mình.

7. Pháp luật cần quy định rõ các nghĩa vụ của công dân đối với dữ liệu cá nhân, ví dụ: không được thu thập dữ liệu cá nhân trái pháp luật; thu thập thông tin/dữ liệu cá nhân mà không được sự đồng ý của đối tượng dữ liệu hoặc người đại diện theo pháp luật của đối tượng dữ liệu; cài đặt và vận hành các thiết bị xử lý dữ liệu hình ảnh mà vi phạm quy định của pháp luật.

8. Pháp luật cần quy định nghĩa vụ của bên xử lý dữ liệu cá nhân. Một số nghĩa vụ điển hình được ghi nhận trong đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của nhiều quốc gia như: nghĩa vụ thông báo cho các đối tượng dữ liệu các thông tin cần thiết; hủy các thông tin cá nhân theo quy định; thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo sự an toàn của thông tin; cài đặt và vận hành các thiết bị xử lý dữ liệu hình ảnh; tạo điều kiện cho đối tượng dữ liệu được tiếp cận thông tin cá nhân; thực hiện các biện pháp cần thiết để sửa đổi hay khắc phục vi phạm; thực hiện biện pháp cần thiết bao gồm việc hủy thông tin cá nhân đã bị đình chỉ xử lý; lưu trữ và quản lý thông tin cá nhân riêng rẽ; thực hiện các biện pháp cần thiết trong đó có việc đăng thông báo, thông báo cho các đối tượng dữ liệu về việc chuyển giao thông tin cá nhân.

9. Pháp luật cần quy định về xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân: Kinh nghiệm pháp luật các nước cho thấy, việc xử lý các dữ liệu chỉ được phép nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: - các đối tượng của dữ liệu đã đồng ý, trừ khi quá trình xử lý bao gồm việc xóa các dữ liệu cá nhân; - việc xử lý là cần thiết cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ một quy định pháp lý; - việc

xử lý là cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng mà các đối tượng của dữ liệu là một bên hoặc để thực hiện các bước theo yêu cầu trước khi ký hợp đồng của các đối tượng dữ liệu; - việc xử lý là cần thiết cho việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và thực hiện vì lợi ích công cộng; - việc xử lý là cần thiết cho lợi ích hợp pháp mà bên quản lý dữ liệu hoặc người nhận dữ liệu theo đuổi, với điều kiện việc xử lý dữ liệu không vi phạm các quyền và tự do của đối tượng dữ liệu.

Trong trường hợp dữ liệu cá nhân được thu thập từ các đối tượng dữ liệu, bên quản lý dữ liệu có nghĩa vụ cung cấp cho đối tượng dữ liệu các thông tin sau: địa chỉ và tên đầy đủ của đơn vị quản lý dữ liệu (còn trong trường hợp bên quản lý dữ liệu là một thể nhân thì phải thông báo về địa chỉ cư trú và tên đầy đủ của thể nhân đó); mục đích của việc thu thập dữ liệu, bên nhận hoặc các nhóm bên nhận dữ liệu (nếu biết) tại thời điểm thu thập; quyền tiếp cận dữ liệu của đối tượng dữ liệu và quyền chỉnh sửa những dữ liệu này.

Bên quản lý dữ liệu phải từ chối cho phép tiếp cận vào các dữ liệu cá nhân nếu việc cho phép đó có thể dẫn đến một trong các trường hợp sau đây: - tiết lộ bí mật nhà nước; - gây ra mối đe dọa cho quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; - gây ra mối đe dọa đến lợi ích kinh tế hoặc tài chính nền tảng của nhà nước; - dẫn đến sự vi phạm đáng kể của lợi ích cá nhân của các đối tượng dữ liệu hoặc những người khác.

Pháp luật cũng cần quy định thật rõ ràng, chi tiết về các điều kiện xử lý dữ liệu cá nhân, mà theo thông lệ các nước, việc xử lý dữ liệu cá nhân được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Các đối tượng dữ liệu đã đồng ý bằng văn bản, trừ việc xử lý là xóa các dữ liệu cá nhân;

+ Các quy định cụ thể của pháp luật có quy định về quá trình xử lý dữ liệu mà không có sự đồng ý của đối tượng của dữ liệu nhưng có cung cấp các biện pháp bảo vệ thích hợp;

+ Việc xử lý là cần thiết để bảo vệ các lợi ích sống còn của các đối tượng dữ liệu hoặc của người khác trong trường hợp đối tượng của dữ liệu không có khả năng về mặt thể chất hoặc pháp lý đưa ra sự đồng ý cho đến khi có người giám hộ hoặc bảo hộ;

+ Việc xử lý là cần thiết theo các mục tiêu pháp luật cho phép của các nhà thờ và các đoàn thể, các hiệp hội, các tổ chức tôn giáo, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức có mục tiêu chính trị, khoa học, tôn giáo, triết học, hoặc công đoàn và với điều kiện việc xử lý chỉ liên quan đến các thành viên của các tổ chức đó hoặc những người có liên lạc thường xuyên với họ trong các hoạt động

của họ và phải tuân theo các biện pháp bảo vệ thích hợp đối với các dữ liệu được xử lý;

+ Việc xử lý dữ liệu là cần thiết về mặt pháp lý;

+ Việc xử lý là cần thiết cho việc thực hiện các nghĩa vụ của bên quản lý dữ liệu liên quan đến việc tuyển dụng nhân viên, người lao động của bên quản lý dữ liệu, phạm vi xử lý phải theo quy định của pháp luật;

+ Việc xử lý là cần thiết cho mục đích y tế dự phòng và cung cấp các dịch vụ chăm sóc hoặc điều trị, khi dữ liệu được xử lý bởi một chuyên gia y tế tham gia vào điều trị, chăm sóc sức khỏe hoặc quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phải có các biện pháp bảo vệ thích hợp;

+ Việc xử lý liên quan đến những dữ liệu đã được công bố công khai bởi chính đối tượng của dữ liệu;

+ Khi cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu khoa học (ví dụ: việc chuẩn bị một luận án/luận văn để tốt nghiệp đại học hoặc nhận một bằng cấp; kết quả nghiên cứu khoa học sẽ không được công bố nếu các đối tượng của dữ liệu có thể bị xác định);

+ Việc xử lý dữ liệu được thực hiện bởi một bên để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các quyết định của tòa án hoặc từ thủ tục tố tụng hành chính;

+ Việc xử lý tự động những dữ liệu gen, ngoại trừ những hoạt động xử lý do các bác sĩ và kỹ thuật viên sinh học tiến hành nội bộ để phục vụ cho y tế dự phòng, chuẩn đoán y học hay quản lý chăm sóc khám chữa bệnh hay điều dưỡng;

+ Việc xử lý, tự động và không tự động, các dữ liệu liên quan đến tội phạm, kết tội hay các biện pháp an toàn, trừ những hoạt động xử lý do các bộ trợ viên tư pháp thực hiện cần thiết cho công việc bảo vệ những cá nhân liên quan;

+ Việc xử lý tự động, do bản chất, do tầm cỡ hay mục đích, làm các cá nhân bị mất quyền, lợi ích mà chưa được pháp luật quy định;

+ Việc xử lý có mục tiêu liên kết các tệp tin thuộc một hay nhiều pháp nhân quản lý một dịch vụ công và các mục đích tương ứng với các lợi ích công khác nhau hoặc liên kết các tệp tin thuộc những cá nhân khác mà các mục đích chính khác nhau;

+ Việc xử lý các dữ liệu trong đó có hiện số đăng ký của các cá nhân trên danh mục quốc gia về nhân thân các thể nhân và những hoạt động xử lý cần đến danh mục này mà không đưa số đăng ký trên danh mục của các cá nhân;

+ Việc xử lý tự động các dữ liệu bao gồm những đánh giá về các khó khăn xã hội của các cá nhân;

+ Việc xử lý tự động bao gồm các dữ liệu sinh trắc học cần thiết cho kiểm tra nhân thân của các cá nhân.

- Pháp luật cần quy định về quy trình, trách nhiệm của các chủ thể khi thu thập, xử lý thông tin cá nhân như: Khi bên xử lý thông tin cá nhân thu thập thông tin cá nhân từ các nguồn khác mà không phải từ đối tượng dữ liệu, thì phải ngay lập tức thông báo cho đối tượng dữ liệu các thông tin dưới đây theo yêu cầu của đối tượng dữ liệu: nguồn gốc của thông tin cá nhân được thu thập; mục đích của việc xử lý thông tin cá nhân; quyền yêu cầu đình chỉ việc xử lý thông tin cá nhân của đối tượng dữ liệu. Nếu việc thông báo rõ ràng vượt quá so với sự cần thiết đối với các quyền của đối tượng dữ liệu, thì trong trường hợp sau đây sẽ không áp dụng: trường hợp thông tin cá nhân là đối tượng của yêu cầu thông báo, có trong các hồ sơ thông tin cá nhân hoặc trường hợp việc thông báo đó có khả năng gây nguy hại cho tính mạng hoặc thân thể của người khác, hoặc thiệt hại cho tài sản và lợi ích khác của người khác.

Trong trường hợp các dữ liệu không được thu thập từ các đối tượng của dữ liệu, ngay lập tức sau khi nhập dữ liệu cá nhân của người đó, bên quản lý dữ liệu có nghĩa vụ cung cấp cho họ các thông tin sau: địa chỉ và tên đầy đủ của đơn vị quản lý dữ liệu; (trong trường hợp là bên quản lý dữ liệu là một thể nhân thì phải thông báo về địa chỉ cư trú và tên đầy đủ của thể nhân đó; mục đích của việc thu thập dữ liệu và bên nhận dữ liệu; nguồn dữ liệu; quyền tiếp cận dữ liệu của đối tượng dữ liệu đối với dữ liệu của mình và quyền chỉnh sửa những dữ liệu này).

10. Pháp luật cần quy định về thu thập và sử dụng dữ liệu/thông tin cá nhân, xác định rõ bên xử lý thông tin cá nhân có thể thu thập thông tin cá nhân trong các trường hợp sau đây: Có sự đồng ý từ các đối tượng dữ liệu/Theo quy định của pháp luật hoặc việc thu thập là bắt buộc để giám sát các nghĩa vụ pháp lý/Việc thu thập là bắt buộc để các cơ quan nhà nước có thể thực hiện công việc thuộc thẩm quyền của mình theo quy định pháp luật/Việc thu thập là cần thiết để thực hiện hợp đồng với các đối tượng dữ liệu/ Trong trường hợp xét thấy cần thiết để bảo vệ tính mạng, thân thể, lợi ích kinh tế của đối tượng dữ liệu hoặc một bên thứ ba từ nguy hiểm sắp xảy ra, trong trường hợp các đối tượng dữ liệu hoặc đại diện hợp pháp của người đó không thể thể hiện ý chí hoặc không thể có được sự đồng ý trước của họ do không có địa chỉ rõ ràng/ Trường hợp cần thiết để đạt được lợi ích chính đáng của bên xử lý thông tin cá nhân, mà rõ ràng lợi ích đó cấp thiết hơn hẳn lợi ích của đối tượng dữ liệu. Việc thu thập chỉ được thực hiện trong điều kiện có mối quan hệ với lợi ích chính đáng của bên xử lý thông tin cá nhân và việc thu thập là không vượt quá giới hạn.

11. Pháp luật cần quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin/dữ liệu cá nhân của bên xử lý thông tin/dữ liệu, bao gồm: bên xử lý thông tin/dữ liệu cá nhân có thể cung cấp các thông tin/dữ liệu cá nhân của các đối tượng dữ liệu cho một bên thứ ba trong trường hợp có sự đồng ý từ các đối tượng dữ liệu hoặc trường hợp thông tin cá nhân được cung cấp trong phạm vi mục đích thu thập; bên xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng dữ liệu các thông tin liên quan...

12. Một số vấn đề khác cũng được điều chỉnh trong luật bảo vệ dữ liệu cá nhân/luật bảo vệ thông tin cá nhân của một số quốc gia mà Việt Nam có thể tham khảo để xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân: về đăng ký thông tin; về cơ quan bảo vệ cấp quốc gia đối với dữ liệu cá nhân, về trách nhiệm của một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong xử lý các thông tin cá nhân như báo chí, truyền thông; quy trình xử lý dữ liệu cá nhân trong một số lĩnh vực đặc biệt như y tế, công nghệ thông tin, giáo dục; vấn đề chuyển giao dữ liệu cá nhân cho bên thứ ba, cho nước thứ ba.../.



## Chuyên đề 11

### Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

TS. Dương Thị Thanh Mai

#### 1/ Khái niệm cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

- Theo Đại từ điển tiếng Việt thì: “Cơ chế là cách thức, sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện”<sup>157</sup>; Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học - “cơ chế là cách thức theo đó một quá trình thực hiện”<sup>158</sup>. Từ điển ngôn ngữ Anh- Việt giải thích từ “mechanism = những bộ phận của một tổ chức hoặc hệ thống, các phương pháp hoặc thủ tục để làm cho cái gì được thực hiện”<sup>159</sup>.

- Trong lĩnh vực pháp luật, các cuốn Từ điển Luật học<sup>160</sup> giải thích “Cơ chế điều chỉnh pháp luật là tổ hợp các yếu tố do pháp luật quy định, có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại trong thực tiễn nhằm làm phát sinh một kết quả mong muốn” hoặc là “Hệ thống các phương tiện, cách thức pháp lý, thông qua đó, pháp luật thực hiện sự tác động lên hành vi có ý chí của các chủ thể pháp luật. Cơ chế điều chỉnh pháp luật thường gồm các yếu tố cơ bản: chủ thể tham gia quan hệ pháp luật (địa vị, tư cách pháp lý); các sự kiện pháp lý; các quy tắc xử sự của các chủ thể thể hiện qua các quy phạm pháp luật và việc thực hiện các QPPL về quyền và nghĩa vụ chủ thể; các trình tự, thủ tục xác lập, chấm dứt quan hệ pháp luật và các biện pháp bảo vệ về mặt pháp luật, trách nhiệm và chế tài pháp lý. Mỗi chế định luật, mỗi ngành luật có cơ chế điều chỉnh phù hợp với tính chất của các quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh. Mỗi cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động trong một môi trường pháp lý nhất định (ý thức pháp luật của cá nhân, xã hội, tính ổn định và hoàn thiện của môi trường chính trị, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hoá pháp lý...).

Trong một số công trình nghiên cứu, thuật ngữ “cơ chế pháp lý thực hiện quyền” trong một số lĩnh vực nhất định được các tác giả quan niệm là hệ thống các phương tiện (biện pháp) và nhân tố bảo đảm các điều kiện cần thiết để các chủ thể thực hiện quyền. Chẳng hạn, theo tác giả Võ Khánh Vinh, cơ chế pháp lý thực hiện quyền giám sát hoạt động quyền lực nhà nước “là hệ thống các

<sup>157</sup> Đại từ điển Tiếng Việt, Nguyễn Như Ý chủ biên- Nxb Văn hoá- Thông tin, H, 1999, tr.

<sup>158</sup> Từ điển tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học, Hoàng Phê chủ biên, Hà Nội-Đà Nẵng, 2005, tr.214

<sup>159</sup> Từ điển Anh- Việt, Viện ngôn ngữ học, Trung tâm KHXHNV, Nxb TP.Hồ Chí Minh, tr.1048

<sup>160</sup> Từ điển Luật học, Nguyễn Hữu Quỳnh chủ nhiệm công trình- Nxb Từ điển bách khoa, H, 1999 tr.119; Từ điển Luật học-TS. Nguyễn Đình Lộc- Chủ tịch Hội đồng biên soạn, Nxb Từ điển bách khoa- Nxb Tư pháp, H, 2006, tr.194

phương tiện (biện pháp) và nhân tố bảo đảm các điều kiện cần thiết để các chủ thể giám sát thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan công quyền. Cơ cấu của cơ chế đó bao gồm các quy phạm xã hội, hoạt động hợp pháp của các chủ thể giám sát, tính công khai; dư luận xã hội; các bảo đảm: chung, chuyên ngành (pháp lý) tổ chức, văn hoá, pháp luật, thủ tục, trách nhiệm”<sup>161</sup>

- Trong lĩnh vực *Quyền con người*, các tài liệu chuyên môn của Liên hợp quốc về Quyền con người thường sử dụng thuật ngữ “*Cơ chế của LHQ về Quyền con người*” (UN Human Right Mechanism) có nội hàm gồm các cơ quan chuyên trách và hệ thống các quy tắc, thủ tục có liên quan do LHQ thiết lập để thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người<sup>162</sup>. Dựa trên vị thế pháp lý và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Quyền con người, cơ chế Quyền con người của LHQ gồm 02 loại: cơ chế dựa trên Hiến chương (Charter-based mechanism) và cơ chế dựa trên điều ước (Treaty-based mechanism). Cơ chế dựa trên điều ước về Quyền con người gồm các Ủy ban giám sát việc thực hiện từng công ước về Quyền con người được thành lập theo quy định của chính công ước đó và hệ thống các quy tắc, thủ tục để thúc đẩy thực hiện công ước tại các quốc gia thành viên, chẳng hạn, Ủy ban Quyền con người được thành lập theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, 1966, Ủy ban CEDAW được thành lập theo Công ước quốc tế về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ...<sup>163</sup>

Với cách tiếp cận của Đề tài về Quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một bộ phận của quyền riêng tư, quyền bí mật cá nhân - một quyền con người đã được ghi nhận trong Công ước của LHQ về các quyền dân sự, chính trị mà Việt Nam là thành viên đồng thời được ghi nhận tại Hiến pháp năm 2013, có thể hiểu *Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân là cơ chế quốc gia về quyền con người có mục đích bảo đảm và thúc đẩy thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trên phạm vi toàn quốc* với cơ cấu là một hệ thống gồm các yếu tố có mối quan hệ tương tác chặt chẽ: *thể chế, các thiết chế luật định, các biện pháp, trình tự, thủ tục pháp lý và các điều kiện bảo đảm*, bảo vệ việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân phù hợp với nội dung tinh thần của Hiến pháp và các cam kết quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

## 2. Đặc điểm của cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Từ quan niệm cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân là một cơ chế quốc gia bảo đảm, bảo vệ, thúc đẩy việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân trên phạm vi toàn quốc, cơ chế này có những đặc điểm cơ bản sau:

---

<sup>161</sup>GS, TSKH Đào Trí Úc-PGS, TS. Võ Khánh Vinh: Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta hiện nay – Nxb Công an nhân dân, Hà Nội 2003. trang 25

<sup>162</sup> UN Human Rights- A Basic Handbook for UN Staff, tr.37-52,

<sup>163</sup> Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công giao, Lê Khánh Tùng (đồng chủ biên)-Giáo trình Lý luận và pháp luật về Quyền con người, tr.471

Một là, *Tính nhà nước và tính xã hội không tách rời* trong cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Ở nước CHXHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Điều 14, khoản 1). Đồng thời, trong việc thực hiện quyền con người, quyền công dân, Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định: “Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác” và “Công dân có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội” (Điều 15, khoản 2 và 3).

Ở cấp độ quốc tế, Công ước của LHQ về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 cũng đã khẳng định trong Lời nói đầu:

“*Xét rằng*, theo Hiến chương Liên Hợp Quốc, các quốc gia có nghĩa vụ thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ chung các quyền và tự do của con người;

*Nhận thấy rằng*, mỗi cá nhân, trong khi có nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng của mình, phải có trách nhiệm phấn đấu cho việc thúc đẩy và tôn trọng các quyền đã được thừa nhận trong Công ước này”.

Rõ ràng, ở cả tầm quốc gia và quốc tế, không chỉ Nhà nước mà mỗi cá nhân, mỗi công dân, đều có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc thúc đẩy việc tôn trọng, bảo đảm và tuân thủ các quyền, tự do của con người. Chính điều này tạo nên đặc điểm quan trọng nhất - *tính Nhà nước và tính Xã hội* - của cơ chế quốc gia bảo đảm việc thực hiện quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

Tính nhà nước và tính xã hội phải được thể hiện trong từng yếu tố cấu thành của một cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân: thể chế (pháp luật và các thể chế xã hội); thiết chế (các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội, cá nhân); các phương thức, trình tự, thủ tục pháp lý và xã hội trong việc giám sát, bảo đảm và bảo vệ việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Hai là, *tính phù hợp với pháp luật quốc gia và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Cơ chế được hình thành và vận hành theo pháp luật quốc gia phù hợp với các cam kết quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- *Ở cấp độ quốc gia*: Hiến pháp năm 2013 khẳng định vai trò của Hiến pháp và pháp luật trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người đồng thời xác lập nguyên tắc quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Điều 14). Như vậy, Hiến pháp, các đạo luật tạo thành khuôn khổ pháp lý (bao gồm cả các

giới hạn) để mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước thực hiện, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm việc thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Quyền bí mật dữ liệu cá nhân - một bộ phận của quyền riêng tư, bí mật cá nhân được ghi nhận tại Điều 21 là một quyền bất khả xâm phạm, mọi thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. Theo nguyên tắc Hiến pháp là luật cơ bản, “mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp” và “mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý” (Điều 119 Hiến pháp năm 2013), thể chế và các thiết chế cùng các trình tự, thủ tục thuộc cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp, mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan, công chức nhà nước đều phải hành xử theo Hiến pháp và pháp luật, mọi vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều phải bị xử lý theo luật.

*Ở cấp độ quốc tế*, Điều 2 của Công ước LHQ về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 khẳng định sự cam kết của các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm:

- *Tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này,*

- *Sẽ tiến hành các bước cần thiết, phù hợp với trình tự pháp luật nước mình và những quy định của Công ước này, để ban hành pháp luật và những biện pháp cần thiết khác nhằm thực hiện các quyền được công nhận trong Công ước này*

- *Bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các quyền và tự do như được công nhận trong Công ước này đều nhận được các biện pháp khắc phục hiệu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra;*

- *Bảo đảm rằng bất kỳ người nào có yêu cầu về các biện pháp khắc phục sẽ được các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định, xác định quyền lợi cho họ và sẽ mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp khắc phục mang tính tư pháp;*

- *Đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền sẽ thi hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra.*

Điều 17 của Công ước ghi nhận:

*“1. Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín.*

2. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những can thiệp hoặc xâm phạm như vậy”.

Như vậy, với tư cách là quốc gia thành viên của Công ước LHQ về các quyền dân sự, chính trị, Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và vận hành cơ chế bảo đảm thực hiện quyền riêng tư, bí mật cá nhân, trong đó có quyền bí mật dữ liệu cá nhân, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và với các cam kết của mình tại Công ước.

Ba là, *tính mở cho sự sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện của cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân* trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội dân chủ thời đại toàn cầu hoá và cách mạng khoa học công nghệ.

- Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng, ở Việt Nam chỉ được hình thành và vận hành hiệu quả ở một giai đoạn phát triển nhất định trong tiến trình thực hiện đường lối Đổi mới khi ba trụ cột của một xã hội hiện đại được nhận thức và trở thành nhu cầu phát triển nội tại của đất nước, đó là: nền kinh tế thị trường đầy đủ; nhà nước pháp quyền dân chủ (của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân); một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh trong đó con người với tư cách là một thành viên của xã hội, một công dân của quốc gia có đầy đủ ý thức và năng lực để thực hiện các nghĩa vụ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tôn trọng, thúc đẩy việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khác, của Nhà nước và cộng đồng.

Hiệu quả của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân phụ thuộc vào nhiều yếu tố của môi trường chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ trong nước và quốc tế. Do đó, từ thể chế đến các thiết chế và các phương thức, trình tự, thủ tục bảo đảm thực hiện quyền đều sẽ được tiếp tục hoàn thiện từng bước phù hợp với trình độ phát triển của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Tính mở, tư duy mở là đặc điểm quan trọng để cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở Việt Nam đồng hành cùng khu vực và thế giới trong từng bước đi, từng thời kỳ phát triển.

Bốn là, *tính chịu sự giám sát của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân từ phía Nhà nước, xã hội và cộng đồng quốc tế*.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đồng thời Hiến pháp cũng khẳng định nguyên tắc việc thực hiện quyền lực nhà nước phải chịu sự kiểm soát của chính các cơ quan nhà nước (kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp), mọi cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, chịu sự giám sát

của Nhân dân, sự giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Việc thực hiện trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân là một trong những chức năng quan trọng thể hiện bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN. Do đó, từ thể chế đến các thiết chế nhà nước cùng các quy trình, thủ tục do Nhà nước đặt ra và thực hiện để bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân đều là những phương diện, nội dung thực hiện quyền lực nhà nước và trách nhiệm xã hội của nhà nước, đều phải tuân thủ nguyên tắc chịu sự giám sát, kiểm soát từ phía các cơ quan Nhà nước, xã hội và mọi cá nhân trong xã hội, mọi công dân.

*Ở cấp độ quốc tế*, Điều 40 của Công ước các quyền dân sự, chính trị quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các quốc gia thành viên:

- Đệ trình báo cáo về những biện pháp mà mình đã thông qua để thực hiện các quyền được ghi nhận trong Công ước này, và về những tiến bộ đã đạt được trong việc thực hiện các quyền đó trong thời hạn một năm kể từ ngày Công ước này có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan và sau đó, mỗi khi có yêu cầu của Ủy ban. Các báo cáo phải nêu rõ những yếu tố và khó khăn, nếu có, ảnh hưởng tới việc thực hiện Công ước này.

- Tất cả các báo cáo sẽ được đệ trình lên Tổng thư ký Liên Hợp Quốc để chuyển cho Ủy ban quyền con người (được thành lập theo quy định tại Điều 28 của Công ước) xem xét. Ủy ban sẽ nghiên cứu những báo cáo do các quốc gia thành viên Công ước trình lên. Ủy ban sẽ gửi cho các quốc gia thành viên báo cáo của mình và những bình luận chung nếu xét thấy thích hợp. Ủy ban cũng có thể chuyển cho Hội đồng Kinh tế và Xã hội những bình luận này kèm theo bản sao các báo cáo mà Ủy ban nhận được từ các quốc gia thành viên Công ước;

- Bất kỳ quốc gia thành viên Công ước nào cho rằng một quốc gia thành viên khác không thực hiện những quy định của Công ước, thì có thể gửi một thông cáo bằng văn bản lưu ý quốc gia thành viên ấy về vấn đề đó. Trong thời gian ba tháng, kể từ ngày nhận được thông cáo, quốc gia nhận được thông cáo phải có hồi đáp giải thích cho quốc gia gửi thông cáo, hoặc phải có những hình thức khác bằng văn bản để làm sáng tỏ vấn đề, trong đó đề cập đến, trong chừng mực có thể và thích hợp, những thủ tục trong nước cùng những biện pháp khắc phục mà quốc gia được thông cáo đã, đang hoặc sẵn sàng thực hiện để giải quyết vấn đề.

- Đối với các quốc gia thành viên Công ước đã tuyên bố chấp nhận thẩm quyền của Ủy ban quyền con người tiếp nhận và xem xét các thông cáo khiếu nại rằng một quốc gia thành viên không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của họ theo Công ước, thì Ủy ban cũng chỉ xem xét vấn đề sau khi đã chắc chắn rằng mọi biện pháp khắc phục sẵn có trong nước đều đã được quốc gia nhận thông cáo áp dụng triệt để, phù hợp với các nguyên tắc đã được thừa nhận chung của luật

pháp quốc tế. Sau quá trình xem xét vấn đề trong thời hạn và theo các quy tắc, thủ tục được quy định tại Công ước, Ủy ban sẽ đệ trình một báo cáo tuyên bố vấn đề về sự việc và giải pháp đã đạt được; nếu không đạt được một giải pháp thì Ủy ban sẽ giới hạn báo cáo trong một tuyên bố vấn đề về sự việc. Các ý kiến bằng văn bản và biên bản ghi những lời phát biểu do các quốc gia thành viên liên quan đưa ra sẽ được đính kèm báo cáo. Trong mọi trường hợp, báo cáo sẽ được gửi cho các quốc gia thành viên liên quan.

Như vậy, việc giám sát quốc tế từ phía các quốc gia thành viên Công ước và Ủy ban quyền con người được thành lập theo Công ước sẽ được thực hiện thường xuyên theo những cam kết mà quốc gia thành viên, như Việt Nam, đã tuyên bố.

### 3. Nội dung và mô hình Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân

Như đã phân tích, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân gồm 03 bộ phận cấu thành chính, cụ thể là:

#### 3.1. *Thế chế về bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

- *Xét về hình thức thế chế*: thế chế đó bao gồm thế chế của nhà nước và thế chế xã hội, trong đó:

+ Thế chế của Nhà nước (pháp luật) bao gồm: Hiến pháp, các luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Hiến pháp, luật; các án lệ liên quan cũng là một nguồn pháp luật bổ sung quan trọng mà Nhà nước ta hiện nay đã thừa nhận và là nguồn pháp luật quan trọng về bảo đảm bí mật dữ liệu cá nhân theo kinh nghiệm của nhiều nước (xem các chuyên đề khác của Đề tài).

+ Thế chế xã hội cần phải tính đến là các Quy tắc đạo đức, Quy tắc nghề nghiệp của các tổ chức xã hội nghề nghiệp (Liên đoàn luật sư, Hiệp hội công chứng; Hội nhà báo; Hiệp hội doanh nghiệp...);

- *Xét về nội dung thế chế*: bao gồm 02 bộ phận chính là thế chế nội dung và thế chế hình thức, tổ tụng:

+ Thế chế nội dung quy định những vấn đề cơ bản như - quyền, nội hàm quyền, giới hạn quyền; các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các chủ thể quyền, các chủ thể có trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan việc thực hiện quyền; trách nhiệm pháp lý và chế tài áp dụng đối với vi phạm quyền.....

+ Thế chế tổ tụng quy định các phương thức giải quyết tranh chấp, xử lý các vi phạm quyền bí mật dữ liệu cá nhân; trình tự, thủ tục giải quyết các tranh chấp, xử lý vi phạm và việc thi hành các quyết định giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm (dân sự, thương mại, hành chính, hình sự...); các quy định về quy trình

kỷ luật nội bộ theo Điều lệ của các tổ chức xã hội về những vi phạm quy tắc đạo đức, quy tắc nghề nghiệp liên quan đến bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân...

Ở cấp độ quốc tế, Việt Nam bảo lưu các điều khoản liên quan đến cơ chế khiếu kiện của Công ước nhưng vẫn phải tuân thủ các cam kết về chịu sự giám sát quốc tế, do đó, cũng cần có các quy định về cách thức thực hiện trách nhiệm hồi đáp thông cáo của các quốc gia thành viên khác về vấn đề liên quan đến việc thi hiện Công ước để đảm bảo thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc gia.

Vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ lựa chọn mô hình có một đạo luật chung về Bảo vệ bí mật dữ liệu cá nhân như một số nước hay chỉ cụ thể hoá quy định của Hiến pháp trong các luật chuyên ngành như hiện nay.

### *3.2 Thiết chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân*

Yếu tố thứ hai rất quan trọng của Cơ chế bảo đảm quyền bí mật dữ liệu cá nhân là các thiết chế có quyền hạn và trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

Ở cấp độ quốc tế, như đã nêu ở phần khái niệm, thiết chế chuyên trách trong cơ chế bảo đảm thực hiện quyền con người dựa trên các công ước của Liên hợp quốc là các Ủy ban được thành lập theo quy định của từng công ước, ví dụ như Ủy ban quyền con người được thành lập theo quy định tại Điều 28 của Công ước LHQ về các quyền dân sự, chính trị. Các uỷ ban công ước thường thực hiện các chức năng, nhiệm vụ nhằm giám sát và thúc đẩy việc thực hiện công ước tại các quốc gia thành viên như:

i/ Xem xét báo cáo của các quốc gia thành viên, đưa ra những nhận xét, khuyến nghị về các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện công ước tại các quốc gia thành viên;

ii/ Xem xét khiếu nại của các cá nhân;

iii/ Đưa ra các bình luận chung/khuyến nghị chung để giải thích nội dung và các biện pháp thực hiện công ước.

Hoạt động của các uỷ ban công ước được tiến hành theo các trình tự, thủ tục chặt chẽ được quy định tại chính công ước như thủ tục xem xét báo cáo quốc gia của các quốc gia thành viên theo định kỳ; thủ tục điều tra; thủ tục xem xét khiếu nại cá nhân và thủ tục xem xét khiếu kiện liên quốc gia<sup>164</sup>.

Ở cấp độ quốc gia, các thiết chế bảo đảm thực hiện quyền con người ở mỗi quốc gia có thể theo các mô hình khác nhau: mô hình thành lập cơ quan chuyên trách bảo vệ quyền con người; mô hình các cơ quan nhà nước không chuyên trách thuộc cả ba nhánh quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp) có

---

<sup>164</sup> Xem (7), tr.471.



những nhiệm vụ, quyền hạn bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và mô hình hỗn hợp cả cơ quan chuyên trách và không chuyên trách (xem các chuyên đề về kinh nghiệm nước ngoài của Đề tài).

Cơ quan quốc gia chuyên trách bảo đảm thực hiện quyền con người thường bao gồm các đại diện cho Nhà nước, các nhóm xã hội, nghề nghiệp, được thành lập theo quy định của hiến pháp hay luật, nghị quyết của Quốc hội. Các nhiệm vụ, quyền hạn chính của thiết chế này thường là: bảo vệ các cá nhân khỏi sự vi phạm các quyền con người, sự phân biệt đối xử; tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của cá nhân về những vi phạm quyền con người; giám sát hoạt động của các cơ quan, công chức nhà nước trong việc tuân thủ Hiến pháp và các cam kết quốc tế về quyền con người; nghiên cứu chính sách, pháp luật để phát hiện các hạn chế, đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành chính sách, pháp luật về bảo đảm thực hiện quyền con người. Các thiết chế này được tổ chức và hoạt động theo các trình tự, thủ tục được quy định ngay tại hiến pháp hoặc các luật thành lập ra chúng.

Ở Việt Nam, quyền con người, quyền công dân được ghi nhận, bảo vệ bằng Hiến pháp và pháp luật. Vi phạm quyền con người đã được Hiến pháp công nhận cũng có nghĩa là vi phạm hiến pháp. Hiến pháp năm 2013 quy định:

“Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp.

Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định”.

Quốc hội thực hiện trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền con người bằng hoạt động lập hiến, lập pháp, bằng hoạt động giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp khẳng định nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Chính phủ (Điều 96, khoản 6), của Toà án nhân dân (Điều 102, khoản 3), Viện kiểm sát nhân dân (Điều 107, khoản 3).

Như vậy, cho đến nay, cơ chế bảo vệ Hiến pháp cũng như cơ chế quốc gia bảo vệ quyền con người ở Việt Nam theo mô hình phân tán, không thành lập cơ quan chuyên trách. Mỗi cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp thực hiện trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo các phương thức, trình tự, thủ tục do luật định, bao gồm cả thủ tục hành chính và tư pháp (tổ tụng dân sự, tố tụng hình sự).

### ***3.3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân***

Thể chế và thiết chế là những yếu tố quan trọng nhất và cũng là những điều kiện thiết yếu, nền tảng bảo đảm thực hiện quyền con người nói chung, quyền bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng.

Bên cạnh đó, môi trường chính trị - pháp lý, môi trường kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ cũng là những yếu tố tác động và là những điều kiện góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền bí mật dữ liệu cá nhân, cụ thể:

- Môi trường chính trị ổn định với đường lối phát triển đúng đắn hướng tới nền kinh tế thị trường đầy đủ, nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và xã hội dân chủ nơi con người và các quyền tự do, dân chủ là trung tâm, động lực thật sự của sự phát triển bền vững đất nước.

- Ý thức pháp luật và tuân thủ pháp luật, năng lực sử dụng pháp luật và các công cụ pháp luật để tôn trọng, tự bảo vệ và góp phần bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi cơ quan, tổ chức.

- Trình độ và năng lực của Nhà nước, xã hội và cá nhân nắm bắt cơ hội, đầu tư và ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong việc thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

#### **4/ Một số đề xuất nghiên cứu hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân**

Xuất phát từ những nhận thức bước đầu về khái niệm, đặc điểm, nội dung của cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân ở cấp độ quốc gia và quốc tế, tham khảo các nghiên cứu liên quan của Đề tài về kinh nghiệm nước ngoài, nhằm góp phần hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, từ góc độ nghiên cứu, xin nêu một số đề xuất sau:

- Hoàn thiện thể chế về quyền bí mật dữ liệu cá nhân và bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân đặt trong tổng thể thể chế quyền riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và Công ước LHQ về các quyền dân sự, chính trị. Theo hướng này, việc nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật bí mật cá nhân/Luật bí mật dữ liệu cá nhân là cần thiết nhằm tạo sự đồng bộ, minh bạch của hệ thống pháp luật liên quan đến quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận.

- Hoàn thiện thể chế về các phương thức, trình tự, thủ tục tự bảo vệ và bảo vệ quyền bí mật cá nhân/quyền bí mật dữ liệu cá nhân, trong đó coi trọng quyền tự quyết định của cá nhân - chủ sở hữu thông tin, dữ liệu cá nhân.

- Xây dựng Luật về Hội và hoàn thiện thể chế của các hội liên quan đến trách nhiệm xã hội, trách nhiệm đạo đức, nghề nghiệp của các hội, thành viên của các hội trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền bí mật cá nhân/quyền bí mật dữ liệu cá nhân.

- Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức tổ chức, hoạt động của các thiết chế nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền bí mật cá nhân/bí mật dữ liệu cá nhân nói riêng, quyền con người nói chung, nhận diện những bất cập, hạn chế về hiệu lực, hiệu quả của cơ chế hiện hành và nguyên nhân để có những đề xuất giải pháp căn cơ, dài hạn đặt trong tổng thể nghiên cứu hoàn thiện cơ chế bảo vệ hiến pháp, đặc biệt là cơ chế tài phán về những vi phạm hiến pháp, vi phạm quyền con người.

- Giáo dục nâng cao ý thức, xây dựng văn hoá tôn trọng, bảo vệ quyền con người một cách bài bản trong hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức.





**PHẦN 4**  
**KHẢO SÁT THỰC TIỄN VỀ VIỆC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN**

# I. NỘI DUNG KHẢO SÁT

## VỀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Để bảo đảm tính thực tiễn của công tác nghiên cứu khoa học, bảo đảm việc đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về việc thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân và cơ chế bảo đảm quyền, Ban Chủ nhiệm Đề tài nghiên cứu khoa học về Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân đã tiến hành khảo sát những thông tin thực tiễn đối với việc bảo vệ dữ liệu cá nhân để phục vụ cho việc nghiên cứu (thể hiện nội dung trong Phiếu khảo sát).

Dưới đây là nội dung mẫu Phiếu khảo sát dành cho công dân.

### PHIẾU KHẢO SÁT

*Nhằm mục tiêu xây dựng Đề tài nghiên cứu khoa học về Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền bí mật dữ liệu cá nhân, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp tiến hành khảo sát những thông tin thực tiễn đối với việc bảo vệ dữ liệu cá nhân để phục vụ cho việc nghiên cứu.*

*Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến của ông/bà liên quan đến vấn đề này. Chúng tôi đề nghị ông/bà cố gắng trả lời hết các câu hỏi trong Bảng hỏi và gửi lại cho chúng tôi theo địa chỉ dưới đây.*

*Thông tin ông/bà ghi trong Bảng hỏi sẽ được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học của Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp. Mọi câu hỏi và quan tâm về Khảo sát và Bảng hỏi xin chuyển tới cho chúng tôi qua số điện thoại 024-62739412 và số 024.62739403.*

*Trân trọng cảm ơn ông/bà vì sự hợp tác và hỗ trợ quý báu dành cho Khảo sát này.*

#### 1. Ông/Bà đã từng tham gia giao dịch điện tử chưa?

- 1. Thường xuyên
- 2. thỉnh thoảng
- 3. Chưa bao giờ
- 4. Ý kiến khác: .....

#### 2. Khi tham gia vào các giao dịch điện tử, ông/bà có phải cung cấp các thông tin cá nhân hay không?

- 1. Có

2. Không

***Nếu có thì ông/bà thường được yêu cầu cung cấp những thông tin gì?***

1. Họ tên

2. Ngày tháng năm sinh

3. Số điện thoại

4. Địa chỉ email

5. Địa chỉ nhà

6. Tài khoản ngân hàng

7. Khác (đề nghị nêu rõ):.....

**3. Trong các giao dịch điện tử mà ông/bà từng tham gia có cam kết hay tuyên bố gì về việc đảm bảo giữ bí mật các thông tin cá nhân của ông/bà mà họ thu thập hay không?**

1. Có

2. Không

3. Ý kiến khác:.....

**4. Khi tham gia vào các giao dịch mua bán trực tiếp tại cửa hàng, ông/bà có phải cung cấp các thông tin cá nhân hay không?**

1. Có

2. Không

***Nếu có thì ông/bà thường được yêu cầu cung cấp những thông tin gì?***

1. Họ tên

2. Ngày tháng năm sinh

3. Số điện thoại

4. Địa chỉ email

5. Địa chỉ nhà

6. Tài khoản ngân hàng

7. Khác (đề nghị nêu



rõ):.....

**5. Cửa hàng có nói cho ông/bà biết thông tin cá nhân của ông/bà khi được thu thập sẽ được sử dụng vào mục đích gì không?**

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

***Trường hợp cửa hàng không nói cho ông/bà biết mục đích thu thập thông tin cá nhân của ông/bà thì ông/bà có chủ động hỏi cửa hàng không?***

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

**6. Nếu ông/bà được cửa hàng yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân thì ông/bà có đồng ý cung cấp hay không?**

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

**7. Theo ông/bà, các chủ thể nào thường thu thập thông tin cá nhân của ông/bà?**

- 1. Nhà báo/Cơ quan báo chí
- 2. Giáo viên/Nhà trường
- 3. Doanh nghiệp
- 4. Ngân hàng
- 5. Cơ sở y tế
- 6. Khác (đề nghị nêu

rõ):...

**8. Theo ông/bà, các chủ thể thu thập thông tin cá nhân của ông/bà có áp dụng các biện pháp để bảo đảm giữ bí mật thông tin cá nhân của ông/bà hay không?**

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

**9. Ông/Bà có đồng tình với việc các doanh nghiệp yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân khi tham gia vào các giao dịch của họ hay không?**

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

**10. Ông/Bà có cho rằng thông tin cá nhân của mình sau khi được thu thập có thể bị sử dụng sai mục đích hay không?**

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

**11. Ông/Bà có cho rằng, thông tin cá nhân của mình sau khi được thu thập có thể bị cung cấp cho đối tượng khác mà không được sự đồng ý của ông/bà hay không?**

- 1. Có
- 2. Không
- 3. Ý kiến khác: .....

**12. Ông/Bà có nhận được những cuộc điện thoại/tin nhắn/email quảng cáo từ người lạ hay không?**

- 1. Thường xuyên
- 2. thỉnh thoảng
- 3. Chưa bao giờ
- 4. Ý kiến khác: .....

**13. Theo ông/bà, thông tin cá nhân dễ bị xâm phạm trong các lĩnh vực nào sau đây?**

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> 1. Báo chí/Truyền thông            | <input type="checkbox"/> 2. Ngân hàng  |
| <input type="checkbox"/> 3. Y tế                            | <input type="checkbox"/> 4. Giáo dục   |
| <input type="checkbox"/> 5. Công tác cán bộ/Quản lý nhân sự | <input type="checkbox"/> 6. Kinh doanh |
| <input type="checkbox"/> 7. Thương mại điện tử              | <input type="checkbox"/> 8. An ninh    |
| <input type="checkbox"/> 9. Khác (đề nghị nêu rõ):.....     |  |

**14. Theo ông/bà, các chủ thể nào sau đây cần chú trọng đến việc bảo vệ thông tin cá nhân mà họ thu thập hoặc nắm giữ?**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> 1. Cơ quan/Bộ phận quản lý nhân sự                                  | <input type="checkbox"/> 2. Cơ quan/Bộ phận quản lý công nghệ thông tin |
| <input type="checkbox"/> 3. Bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp                              | <input type="checkbox"/> 4. Bộ phận báo chí/truyền thông                |
| <input type="checkbox"/> 5. Ngân hàng  | <input type="checkbox"/> 6. Nhà trường                                  |
| <input type="checkbox"/> 7. Cơ sở y tế   | <input type="checkbox"/> 8. Cơ quan quản lý nhà đất                     |
| <input type="checkbox"/> 9. Cơ quan quản lý hộ tịch, hộ khẩu, lý lịch tư pháp                | <input type="checkbox"/> 10. Cơ quan an ninh                            |
| <input type="checkbox"/> 11. Các chủ thể được thu thập hoặc xử lý hợp pháp thông tin cá nhân | <input type="checkbox"/> 12. Cá nhân chủ sở hữu thông tin cá nhân       |
| <input type="checkbox"/> 13. Cá nhân khác (đề nghị nêu rõ):.....                             | <input type="checkbox"/> 14. Cơ quan khác (đề nghị nêu rõ):.....        |

**CẢM ƠN ÔNG/BÀ ĐÃ THAM GIA KHẢO SÁT**

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Để có thêm thông tin thực tế về thực trạng bảo vệ dữ liệu cá nhân, Ban chủ nhiệm Đề tài đã tiến hành khảo sát nhanh trên địa bàn Hà Nội, với hình thức Phiếu khảo sát dành cho công dân (gồm 14 câu hỏi).

Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề về thực trạng người dân được yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân khi thực hiện các giao dịch; các chủ thể chính thường thu thập thông tin cá nhân; quan điểm của người dân liên quan đến việc thu thập, sử dụng, bảo mật thông tin cá nhân; trách nhiệm của chủ thể có liên quan trong việc bảo vệ thông tin cá nhân. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

### ***\* Trong các giao dịch điện tử:***

Qua khảo sát cho thấy, 50% số người được hỏi thường xuyên tham gia các giao dịch điện tử, 42% số người được hỏi thỉnh thoảng tham gia các giao dịch này. Có thể thấy, giao dịch điện tử hiện đang là hình thức giao dịch được sử dụng rất phổ biến ở nước ta.

Trong số những người có tham gia vào các giao dịch điện tử thì có đến 88% người tham gia được yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân. Cụ thể là các thông tin sau: họ tên (90%), ngày tháng năm sinh (68%), số điện thoại (86%), địa chỉ email (74%), địa chỉ nhà (44%), tài khoản ngân hàng (12%).

Khi được hỏi “*trong các giao dịch điện tử mà ông/bà từng tham gia có cam kết hay tuyên bố gì về việc đảm bảo giữ bí mật các thông tin cá nhân mà họ thu thập hay không?*”, chỉ có 48% số người được hỏi trả lời là “có”, 36% số người được hỏi trả lời là “không”; có ý kiến khác là “lúc có, lúc không”. Như vậy, trong nhiều trường hợp, bên yêu cầu công dân cung cấp thông tin cá nhân không hề cam kết hay tuyên bố gì về việc bảo đảm bí mật các thông tin cá nhân này.

### ***\* Trong các giao dịch mua bán trực tiếp tại cửa hàng:***

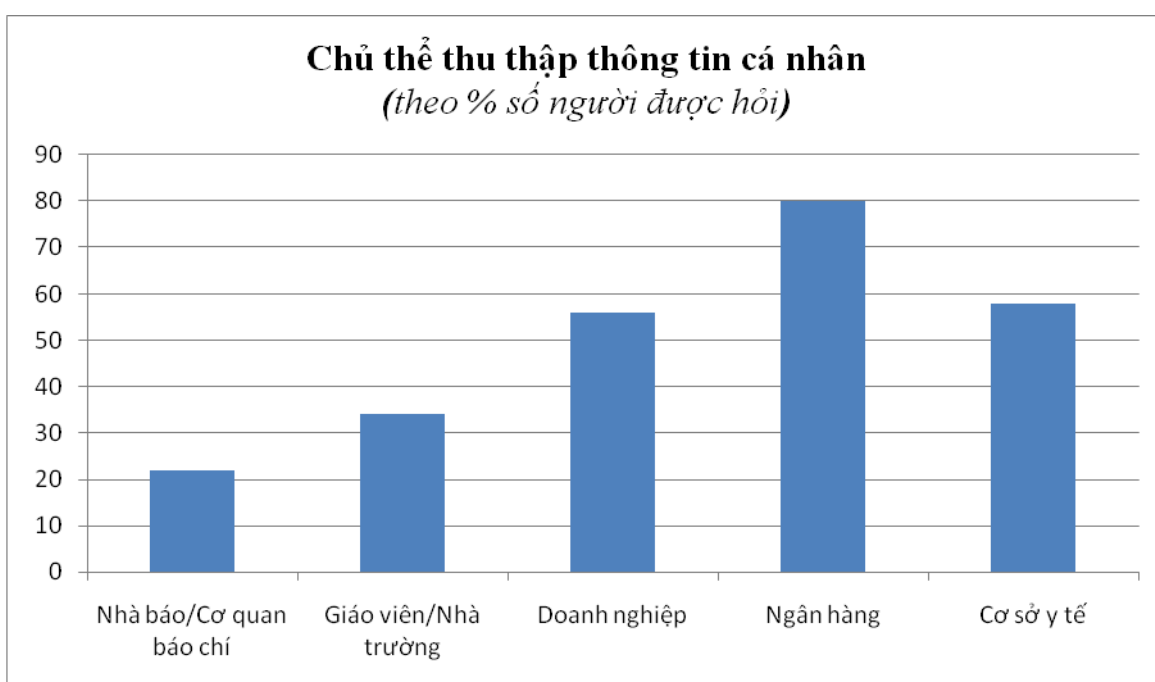
Qua khảo sát, với hình thức giao dịch trực tiếp tại cửa hàng, có đến 70% số người được hỏi bị yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân. Đó là các thông tin về: họ tên (70%), ngày tháng năm sinh (56%), số điện thoại (74%), địa chỉ email (28%), địa chỉ nhà (42%), tài khoản ngân hàng (4%).

Về mục đích thu thập thông tin cá nhân: 46% số người được hỏi cho biết cửa hàng có nói cho họ biết về mục đích thu thập thông tin cá nhân. Trong khi đó, 48% số người được hỏi cho biết cửa hàng không hề nói cho họ biết về mục đích. Khi không được biết về mục đích thu thập thông tin cá nhân, chỉ có 46% số khách hàng chủ động hỏi cửa hàng về vấn đề này.

Khi được cửa hàng yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, có đến 68% khách hàng đồng ý cung cấp thông tin; 20% khách hàng không đồng ý cung cấp. Có người được hỏi cho biết tùy vào thông tin trong phạm vi cho phép và tùy cửa hàng mà họ quyết định có cung cấp thông tin cho cửa hàng hay không.

**\* Chủ thể thu thập thông tin cá nhân:**

Khi được hỏi về các chủ thể thường thu thập thông tin cá nhân của công dân, kết quả cụ thể như sau: ngân hàng là chủ thể thu thập thông tin cá nhân nhiều nhất (80% số người được hỏi), sau đó đến các cơ sở y tế (58%), doanh nghiệp (56%), giáo viên/nhà trường (34%) và các nhà báo/cơ quan báo chí (22%). Bên cạnh đó, cũng có ý kiến cho rằng một số chủ thể khác cũng thu thập thông tin cá nhân như cửa hàng kinh doanh, cơ quan quản lý hộ tịch...



Khi được hỏi về việc các chủ thể thu thập thông tin có áp dụng các biện pháp để bảo đảm giữ bí mật thông tin cá nhân hay không, có đến 58% số người được hỏi cho rằng “Không”, chỉ 32% số người được hỏi cho rằng “Có”. Có ý kiến không chắc chắn hoặc không biết về vấn đề này.

Khi được hỏi về việc có đồng tình với việc doanh nghiệp yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân khi tham gia các giao dịch không, tỷ lệ không đồng tình cao hơn tỷ lệ đồng tình (50% không đồng tình và 42% đồng tình). Có ý kiến cho rằng tùy vào từng trường hợp và mục đích mà khách hàng đồng tình với việc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân hay không (ví dụ: nếu thông tin được sử dụng với mục đích chăm sóc khách hàng thì đồng tình...).

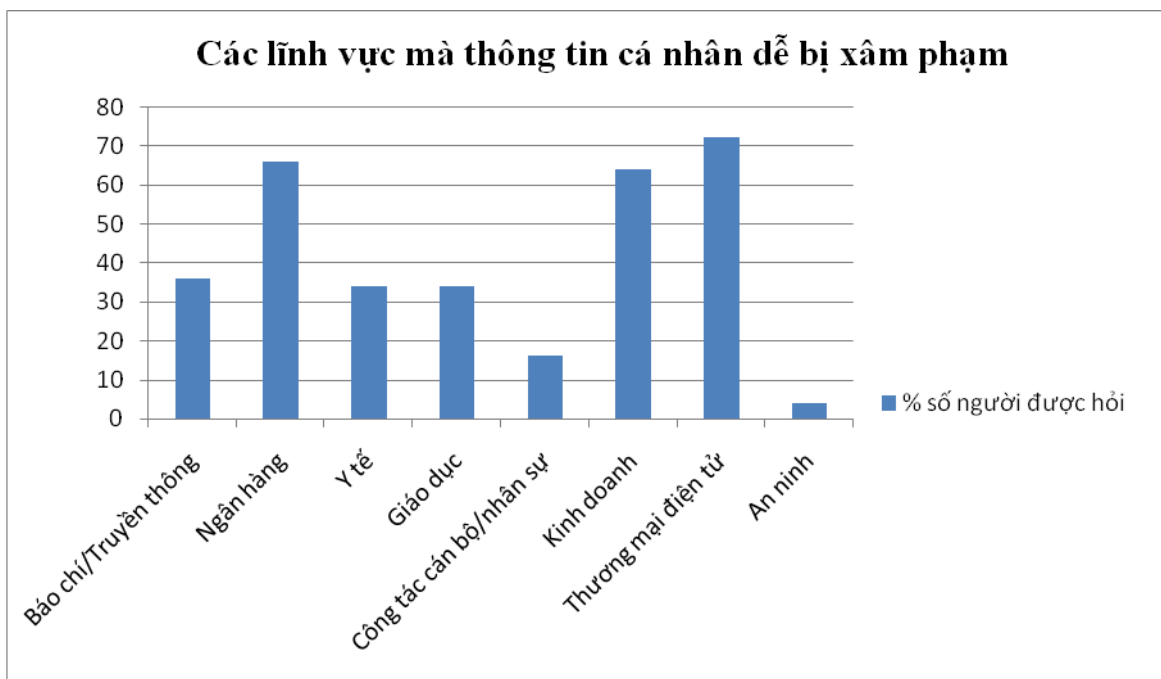
Tuy nhiên, khi được hỏi về “Ông/bà có cho rằng thông tin cá nhân của mình sau khi được thu thập có thể bị sử dụng sai mục đích hay không?”, có đến 84% số người được hỏi cho rằng thông tin cá nhân của họ có thể bị sử dụng sai mục đích. Tương tự, có đến 88% số người được hỏi cho rằng thông tin cá nhân của mình sau khi được thu thập có thể bị cung cấp cho các đối tượng khác mà không được sự đồng ý của họ. Điều này chứng tỏ sự không tin tưởng của người dân đối với các chủ thể thu thập thông tin, cũng như tình trạng chuyển giao, sử dụng thông tin sai mục đích và không được sự đồng ý của cá nhân trên thực tế.

**\* Về tình trạng công dân nhận được điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ:**

Qua khảo sát cho thấy, hiện tượng công dân nhận được điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ là khá phổ biến. Có đến 42% số người được hỏi thường xuyên nhận được những điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ; 50% số người được hỏi thỉnh thoảng nhận được điện thoại, tin nhắn, email quảng cáo từ người lạ.

**\* Các lĩnh vực thông tin cá nhân dễ bị xâm phạm:**

Khi được hỏi những thông tin cá nhân trong các lĩnh vực nào dễ bị xâm phạm, khảo sát cho thấy kết quả khá đa dạng. Thương mại điện tử, ngân hàng, kinh doanh là nhóm lĩnh vực có khả năng xâm phạm thông tin cá nhân cao; sau đó đến nhóm lĩnh vực báo chí/truyền thông, y tế, giáo dục. Công tác cán bộ/quản lý nhân sự và an ninh là nhóm lĩnh vực có khả năng xâm phạm thông tin cá nhân thấp.



**\* Chủ thể có trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân:**

Khi được hỏi về các chủ thể cần chú trọng đến việc bảo vệ thông tin cá nhân mà họ thu thập hoặc nắm giữ, ý kiến của công dân được Qua khảo sát cho thấy, theo ý kiến của những người được hỏi, có rất nhiều chủ thể cần chú trọng đến việc bảo vệ thông tin cá nhân, bao gồm không chỉ các cơ quan, tổ chức thu thập, nắm giữ thông tin cá nhân, mà còn có cả bản thân chủ sở hữu thông tin.

Trong số các cơ quan, tổ chức đó thì ngân hàng; cơ quan/bộ phận quản lý nhân sự; cơ quan quản lý hộ tịch, lý lịch tư pháp và bộ phận báo chí, truyền thông là các cơ quan cần chú trọng nhất đến vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân. Bên cạnh đó còn có các cơ quan, tổ chức: nhà trường, cơ quan an ninh, cơ sở y tế, cơ quan/bộ phận công nghệ thông tin, các chủ thể được thu thập, xử lý hợp pháp thông tin cá nhân và cơ quan quản lý nhà đất. Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng các nhà mạng cũng là chủ thể cần chú trọng bảo vệ thông tin cá nhân.

